**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Chương 1](" \l "bm2)

[Chương 2](" \l "bm3)

[Chương 3](" \l "bm4)

[Chương 4](" \l "bm5)

[Chương 5](" \l "bm6)

[Chương 6](" \l "bm7)

[Chương 7](" \l "bm8)

[Chương 8](" \l "bm9)

[Chương 9](" \l "bm10)

[Chương 10](" \l "bm11)

[Chương 11](" \l "bm12)

[Chương 12](" \l "bm13)

[Chương 13](" \l "bm14)

[Chương 14](" \l "bm15)

[Chương 15](" \l "bm16)

[Chương 16](" \l "bm17)

[Chương 17](" \l "bm18)

[Chương 18](" \l "bm19)

[Chương 19](" \l "bm20)

[Chương 20](" \l "bm21)

[Chương 21](" \l "bm22)

[Chương 22](" \l "bm23)

[Chương 23](" \l "bm24)

[Chương 24](" \l "bm25)

[Chương 25](" \l "bm26)

[Chương 26](" \l "bm27)

[Chương 27](" \l "bm28)

[Chương 28](" \l "bm29)

[Chương 29](" \l "bm30)

[Chương 30](" \l "bm31)

[Chương 31](" \l "bm32)

[Chương 32](" \l "bm33)

[Chương 33](" \l "bm34)

[Chương 34](" \l "bm35)

[Chưong 35](" \l "bm36)

[Chương 36](" \l "bm37)

[Chương 37](" \l "bm38)

[Chương 38](" \l "bm39)

[Chương 39](" \l "bm40)

[Chương 40](" \l "bm41)

[Chương 41](" \l "bm42)

[Chương 42](" \l "bm43)

[Chương 43](" \l "bm44)

[Chương 44](" \l "bm45)

[Chương 45](" \l "bm46)

[Chương 46](" \l "bm47)

[Chương 47](" \l "bm48)

[Chương 48](" \l "bm49)

[Chương 49](" \l "bm50)

[Chương 50](" \l "bm51)

[Chương 51](" \l "bm52)

[Chương 52](" \l "bm53)

[Chương 53](" \l "bm54)

[Chương 54](" \l "bm55)

[Chương 55](" \l "bm56)

[Chương 56](" \l "bm57)

[Chương 57](" \l "bm58)

[Chương 58](" \l "bm59)

[Chương 59](" \l "bm60)

[Chương Kết](" \l "bm61)

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 1**

Có một niềm tin

Sau biến cố 30-4-1975, gia đình và bản thân tôi nói riêng và đại gia đình anh em phế binh nói chung sống những ngày đen tối. Vì bị chế độ mới xếp vào loại "thành phần xấu", chúng tôi bị áp bức đủ điều. Nhà cửa của chúng tôi vốn đã không có gì bị cưỡng đoạt, thân thể không nguyên vẹn của chúng tôi cũng bị cưỡng chế và chịu đựng đủ mọi nhục hình. Một số anh em chúng tôi bị cưỡng bức đưa đi "tập trung cải tạo". Tập trung cải tạo ở đây phải hiểu là đi ở tù, tâm hồn và thể xác bị hành hạ. Nhà tù ở đây cũng không phải là nhà tù trong những thành phố mà là giữa chốn rừng sâu, khỉ ho cò gáy, trong những căn cứ của cộng sản cũ, thiếu thốn trăm bề. Nhiều anh em chúng tôi đã bỏ mình, thân thể nằm lại vĩnh viễn tại những chốn này, mồ hoang cỏ lạnh và bị đời quên lãng.   
Gia đình chúng tôi cũng không thoát nạn. Người ta cưỡng bức gia đình chúng tôi ra khỏi thành phố và đưa vào những vùng kinh tế mới giữa chốn rừng thiêng nước độc. Ông già, bà cả, vợ con tay yếu chân mềm, chưa bao giờ biết chặt cây phá rừng, đào mương phát rẫy, đều phải vật vả làm lụng mới có ăn. Những người bị thương tật như chúng tôi, không đủ sức cày sâu cuốc bẩm, khai phá núi rừng, đã bị chói nước rét rừng ngã bệnh nặng trong các vùng kinh tế mới. Tại những nơi này, người ốm đau không có thuốc men chữa trị, người không có sức lao động không có cơm ăn, trẻ em không biết trường học, ông già bà lão thì thiếu ăn thiếu áo. Sau một thời gian, phần lớn những người đi vùng kinh tế mới đều lén trở về thành phố, trong đó có chúng tôi vì không muốn bỏ mình trong chốn rừng sâu.   
Trở về thành phố (Sài Gòn) thân yêu, dù phải hành khất xin ăn, lượm vỏ ve chai hoặc bọc ny lông cũ, sống trong cảnh đói khổ kiệt cùng chúng tôi cũng cam chịu. Vì nhờ đó chúng tôi có tiền mua gạo nấu cơm ăn cho đỡ đói. Đêm đêm chúng tôi phải ngủ bụi ngủ bờ, đầu đường xó chợ, vì không nhà không cửa và không có người quen thân để có chỗ che mưa trú nắng.   
Ngày ngày chúng tôi chống đôi nạng gỗ lê lết tấm thân tàn đi xin ăn hết nơi này đến nơi khác, gặp gì lượm đó. Cũng nhờ bà con cô bác rủ lòng xót thương, bố thí cho chút tiền mọn hay chén cơm bạc, chúng tôi cũng sống tạm qua ngày. Nhiều lúc quá mỏi mệt, sức lực kiệt cùng, anh em chúng tôi bạ đâu ngủ đó, ngủ thiếp đi lúc nào không biết đến khi bị "người của xã hội này" bao vây tứ phía lúc đó mới tỉnh dậy thì quá muộn màng. Người ta lùa anh em chúng tôi lên xe bít bùng, đánh đập những người chống cự và chở vào trại tập trung. Về đến trại, dù với tấm thân tàn phế, anh em chúng tôi cũng bị đày đọa dầm sương, dãi nắng suốt ngày. Từ sáng sớm, từng tốp người chống nạng lò cò, lọt thọt, bị chia toán đi lao động, nhóm thì cuốc đất trồng khoai, tưới nước ở những miền đất xa, nhóm thì ở lại trại rào kẽm gai, nhổ cỏ. Mỗi ngày người ta chỉ cho ăn tiêu chuẫn mỗi bữa một chén cơm bạc với muối hoặc một củ khoai nướng khét.   
Không chịu nổi cảnh khổ cực, đày ải trong các trại tập trung lao động đó, nhiều anh em đã tìm cách trốn trại về lại thành phố. Những ai không may bị phát hiện thì coi như lúa đời, hình phạt dành cho những người trốn trại rất là tàn ác. Mỗi khi nghe tiếng kêu la thảm thiết vọng về từ phòng tra tấn, chúng tôi ai nấy đều xót thương cho những anh em xấu số. Không hiểu tại sao cũng là người như nhau mà người ta có thể tàn ác với nhau đến như vậy, kinh ngạc hơn nữa là tàn ác với những người tàn tật chỉ vì quá sợ họ mà tìm đường trốn thoát. Trưa hôm sau, một vài anh em chúng tôi được gọi lên văn phòng dìu người bạn xấu số về lại phòng giam. Không ai cầm được nước mắt và căm hận khi thấy dáng người phế binh nằm bất động, máu me be bét, hơi thở khó khăn, mặt mũi sưng vù đầy vết tím đen. Những người quản trại dùng báng súng đánh vào đầu anh, dùng chân đá vào người anh và lấy cây đánh cả vào vết thương đã lành nơi khúc chân bị cưa. Máu từ vết thương cũ ở khúc chân cứ ri rỉ theo tiếng rên. Làm sao với một thân hình ốm yếu, cụt què như anh ta chịu nổi đòn thù. Vài ngày sau, anh bạn xấu số kia lìa đời, xác thân bị chôn vùi nơi chốn trại này. Chúng tôi cúi đầu nhìn người ta mang xác anh Thảy vào một hố đất ở bìa rừng. Xét cho cùng, chúng tôi là những người thất trận và thật bại trước bạo tàn. Chúng tôi đã không bỏ xác trên chiến trường nhưng đã ngả gục nhục nhã nơi đây bởi những con người hèn mọn.   
Thời gian cứ trôi qua. Chúng tôi chứng kiến hàng ngày cảnh đời trái ngang và đau lòng đó. Và chúng tôi là một trong những số ít người may mắn sống sót trong những trường trại đó. Chúng tôi sẽ không ngần ngại làm chứng nhân những điều mắt thấy tai nghe và thét lên tiếng kêu cầu cứu giùm những người không còn tiếng nói. Tưởng nhớ lại những người anh em xấu số bị hành hạ và phải bỏ mạng trong nỗi nhục đó, nước mắt chúng tôi cứ tuôn trào.   
Chúng tôi là những nạn nhân thiệt thòi nhất trong cái xã hội này, một xã hội mang tên xã hội chủ nghĩa nhưng bóc lột không ai bằng. Không những thế nó còn tàn ác hơn cả thú dữ, cảnh đánh đập, chửi bới người cùng khổ xảy ra hàng ngày và công khai. Chính quyền cộng sản đã không làm một cử chỉ gì giúp chúng tôi cải thiện cuộc sống mà còn tìm cách vùi dập, đàn áp không cho chúng tôi xuất hiện trước mắt người khác. Họ chỉ muốn chúng tôi chết đi cho khuất mắt họ, họ không muốn lương tâm họ bị dằn vặt bởi cuộc sống khó khăn do chính họ gây ra. Chúng tôi có làm điều gì ác đức đâu để phải bị hành hạ như vậy, chỉ vì quá nghèo đói chúng tôi phải lang thang cầu thực, chúng tôi có cướp bóc, lường gạt ai đâu mà bị đối xử vô nhân đạo như thế? Những người đại diện chế độ này không có tình người, họ không những ăn sung mặc sướng, ỷ lại chức quyền, cướp của công, ăn hối lộ và làm tiền người khác mà còn ruồng bỏ, hất hủi những người đã bị họ lợi dụng.   
Trên bước đường ăn xin, chúng tôi còn chứng kiến bao cảnh trái ngang của những gia đình "cách mạng", có nhiều "liệt sĩ" bị hất hủi, bị bỏ quên bởi chính đồng đội cũ của con cháu mình. Không những thế những đám thanh niên vừa mới lớn lên, a dua theo chế độ này, còn vênh vặt chửi bới những "bà mẹ chiến sĩ" buôn thúng bán bưng lấn chiếm lòng lề đường. Ôi, cảnh đời thật quá bất công! Chúng tôi chỉ là những kẻ sống bên lề cuộc sống, không có quyền gì cả, kể cả quyền đi ăn xin.   
Những khi bị đời hất hủi, chúng tôi chỉ tìm an ủi khi nhớ lại dĩ vãng xa xưa. Dù sao chúng tôi cũng có một thời oanh liệt và đáng tự hào, chúng tôi là những chiến sĩ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã chiến đấu anh dũng với kẻ thù, trừ gian diệt bạo trên khắp nẻo đường Việt Nam thân yêu, đem lại bình yên cho đất nước, yên bình cho muôn dân. Chẳng may khi bị thương, anh em chúng tôi phải bỏ đi một phần thân thể, giã từ vũ khí trở về đời sống dân sự. Trước kia, chúng tôi được mọi người kính mến, nhân phẩm được tôn trọng, nhưng từ sau 30-4-1975 chúng tôi sống trong hỏa ngục. Làm sao có cuộc sống bình thường khi mỗi ngày phải tìm cách đối phó những nanh vuốt, tránh né những đòn thù của kẻ ác. Vũ khí tự vệ của chúng tôi là chịu đựng và niềm tin.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 2**

Riêng về cá nhân tôi, thời trai trẻ đã tham gia nhiều cuộc hành quân diệt giặc. Chẳng may năm 1970, trong một trận đánh tôi đã để lại một khúc chân trên rừng núi Tây Ninh. Trở về đời sống dân sự, cuộc sống của tôi cùng với gia đình cũng tạm yên. Nhưng không ngờ đất nước thân yêu rơi vào tay giặc, cuộc sống bình yên bị cướp, chúng tôi trở nên nghèo khổ. Chúng tôi bị phân biệt đối xử, sống trên quê hương tưởng như sống trong vùng đất lạ, chúng tôi không có quyền gì cả, kể cả quyền ăn xin. Chúng tôi sống trong sự kềm kẹp, trên đe dưới búa, và không còn ai nâng đỡ trong quảng đời tàn phế này. Chúng tôi đã gào thét lên đến trời xanh: "Tại sao cuộc đời anh em chúng con quá vô phước, bất hạnh thế này", mà trời cao nào có thấu cảnh đời đen tối mà anh em chúng tôi đang trải qua, một cuộc sống khổ nhục tuyệt vọng không có ngày mai.   
Có lần đi ngang qua cầu Sài Gòn, anh em chúng tôi nắm tay nhau định nhảy xuống sông để tự tử nhưng nghĩ đến mẹ già, vợ dại, đàn con thơ không ai chăm sóc, chúng tôi chỉ biết ôm nhau khóc thương cho số phận. Lúc đó tôi chợt nhớ đến lời người bác tôi nói một câu như thế này: "Con chó nó còn muốn sống để ăn, tại sao tụi mày lại muốn chết? Phải sống đó để nhìn đời. Thà chết trên chiến trường còn hơn chết trên đường người ta đi". Từ đó chúng tôi có lại niềm tin, tin rằng sẽ có một ngày mai tươi sáng, tươi sáng cho chính chúng tôi và tươi sáng cho đất nước này. Chân trời sáng đó đã đến.   
Một hôm đang trên đường khất thực, chúng tôi được một người tốt bụng nói rằng ở hải ngoại có nhiều người giàu lòng nhân ái muốn giúp đỡ anh em phế binh đang sống khổ sở tại quê nhà. Hay được tin này, anh em chúng tôi vui mừng quá cỡ, mừng đến rơi nước mắt, thân thể run rẫy. Một trong những người đó là bác sĩ Phan Minh Hiển, với tấm lòng bao dung bác sĩ Hiển đã lao mình xuống hố sâu kéo anh em phế binh chúng tôi lên bờ danh dự.   
Bác sĩ Hiển đã tặng cho anh em chúng tôi mỗi người tùy theo thương tật một cặp nạng hay một xe lăn, sau đó tùy hoàn cảnh của mỗi người tặng cho chúng tôi tiền. Ôi, còn gì sung sướng cho bằng, sung sướng không những cho anh em phế binh chúng tôi mà sung sướng cho cả gia đình. Chưa bao giờ chúng tôi được nghe lại những tiếng cười rộn rã của gia đình và vợ con đến như vậy. Trong giờ phút lâm nguy, nghĩa cử cao đẹp đó thật là quí.   
Kế là các ký giả Nguyễn văn Huy (báo Ngày Nay và Việt Luận), Yên Mô - Cao Sơn (Thời Báo), Lê Quang Vinh (báo Phổ Thông), Gàn Bát Sách (báo Tiền Phong)... đã liên tục dóng lên những hồi chuông nhân ái, tiếng vang của những bài báo viết từ hải ngoại đã vọng về đến Việt Nam. Nhiều ân nhân và hội đoàn thiện nguyện khác đã tìm cách giúp đỡ anh em phế binh chúng tôi. Ông Lê Đình Vọng, chủ tịch hội Huynh Đệ Chi Binh tại Hoa Kỳ, đã hết lòng cứu giúp anh em phế binh.   
Nhờ quí ân nhân giàu lòng nhân ái ở hải ngoại cho chút ít tiền, nhiều người trong chúng tôi đã tìm lại nhân phẩm, không phải ăn xin ở khắp nẽo đường. Những món tiền tuy nhỏ nhưng đượm biết bao tình, lòng chúng tôi được sưởi ấm trở lại. Chúng tôi tin rằng bên cạnh sự ác độc vẫn có tình yêu, một thứ tình người chân thật, chỉ tiếc rằng ngày nay trở nên hiếm thấy.   
Anh em chúng tôi thành thật cảm ơn, và không biết nói gì hơn là cầu nguyện Thượng Đế ban phước lành cho quí vị ân nhân phương xa vạn dậm được an lành và thành công trên mọi lãnh vực. Chúc quí ân nhân dồi dào sức khỏe và gia đình hạnh phúc. Nhờ số tiền do quí ân nhân ở hải ngoại giúp đỡ, anh em chúng tôi làm vốn mua nhang đi bán dạo trên khắp nẻo đường Việt Nam, từ Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh, Tây Ninh, Sài Gòn xuống đến Long An, Bến Lức, Mỹ Tho, Bắc Mỹ Thuận, Rạch Giá, Bạc Liêu rồi về tận cùng mũi Cà Mau. Không làng xã, chợ búa ở thôn quê nào chúng tôi không đi qua. Nơi đâu chúng tôi cũng chỉ thấy cảnh người nghèo bị bạc đãi, đất nước điêu tàn và lòng người oán hận.   
Những lúc từ thành phố (Sài Gòn) về các địa phương, anh em chúng tôi chứng kiến nhiều cảnh thương tâm: những người bạn phế binh ở những cầu phà, bến xe, chợ búa, tay cầm gậy tay cầm cây đàn dắt nhau vừa xin vừa hát lại những bản nhạc xưa nghe thật nảo lòng. Chúng tôi đã chia sẻ với nhau nỗi bất hạnh và cùng ngậm ngùi cho cảnh ngộ không may.   
Có lần tôi nghe một người anh em hát lên bản nhạc mà tôi nhớ không lầm là bản "Anh đi chiến dịch", trong có đoạn như vầy: "Anh đi chiến dịch xa vời, nòng súng nhân đạo cứu người lầm than". Một bản nữa mang tên "Cho người vào cuộc chiến", anh bạn đó hát: "Anh bỏ trường xưa, bỏ áo thư sinh theo tiếng gọi lên đường, anh đi vì đất nước khổ đau, anh đi anh quên thân mình, dù anh trở về trên đôi nạng gỗ, dù anh trở về bằng chiếc xe lăn". Rồi nào là "Năm cụm núi quê hương", trong đó câu: "Chiều nay có người thương binh không về với bàn tay năm ngón, nhưng về với vạn chiến công, anh mất đi bàn tay".   
Anh em hát trong nghẹn ngào để được bà con cô bác bố thí ít tiền mua cơm. Mỗi lần nghe là mỗi lần buồn tủi. Nòng súng nhân đạo của chúng tôi đã mòn, cò súng nhân đạo chúng tôi đã sét, chúng tôi không cứu được chính chúng tôi thì làm sao cứu được những người lầm than. Anh em chúng tôi chỉ biết đến với nhau chia sẻ nỗi đau trong nước mắt.   
Một hôm đến Bắc Mỹ Thuận, tôi gặp một phế binh cầm chiếc đàn ghi ta cũ nát ngâm bài thơ, nghe thật não lòng. Tôi hỏi xin bài thơ này, anh nói: "Thơ của Khất Vương mà người anh em xin làm gì". Tôi không hiểu, hỏi lại anh: "Khất Vương là gì?". Anh tươi cười trả lời: "Là vua đó, nhưng là vua ăn mày", rồi đưa tay vào bị lôi ra một tờ giấy đưa tôi và nói: "Cho anh bài thơ này đó, về ngâm chơi cho đời bớt khổ".   
Xin gởi tặng lại quí ân nhân bài Mùa xuân chết của Khất Vương để làm chút quà tri ơn:   
Mùa xuân chết   
Hai mươi hai năm khắp nẻo non sông   
Tôi là sương gió long đong bể đời   
Trăng xuân đưa cảnh tuyệt vời   
Gió xuân mang mác vọng lời âm ba   
Hai mươi hai năm không cửa không nhà   
Bạt màu áo trận nhạt nhòa xác xơ   
Ngồi buồn đưa cảnh vào thơ   
Gối đầu hiện tại tôi mơ thanh bình   
Hai mươi hai năm từ cõi u minh   
Nhớ gì tôi viết vào linh cảm này   
Hai mươi hai năm dài biết bao nhiêu   
Mộng mơ phủ kín sông dài núi cao   
Khất Vương   
Cuộc chiến đã tàn, anh em phế binh chúng tôi sống trong một xã hội đầy bất công và đen tối, nó kéo dài hơn hai mươi bốn năm nay và nó chỉ mang lại cho anh em chúng tôi nói riêng và cho nhân dân nói chung cuộc sống bầm dập, đầy đói rách và đau khổ. Anh em phế binh chúng tôi tin rằng sau cơn mưa trời lại sáng. Chúng tôi cầu mong cộng đồng người Việt hải ngoại sớm mang lại bầu trời tươi sáng đó cho Việt Nam, trong đó sẽ không còn ai thấy cảnh bất công đau khổ trong quảng đời tàn phế còn lại của anh em chúng tôi.   
Mong rằng quí ân nhân cùng các chiến hữu thân thương nơi hải ngoại nghe và hiểu những lời tâm sự này mà những người bạn phế binh Việt Nam Cộng Hòa đã và đang gánh chịu cảnh sống ngục tù trong tủi nhục và nước mắt.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 3**

Một hôm trên đường khất thực, anh em chúng tôi đi ngang qua Nghĩa Trang Quân Đội cũ ở Thủ Đức. Khi nhìn vào thì thấy một cảnh tượng rất đau lòng, những ngôi mộ của các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đều bị mục nát, rêu phong phủ kín vì thiếu người chăm sóc. Những chiến sĩ này đã nằm xuống, đã hiến dâng cuộc đời mình cho tổ quốc Việt Nam thân yêu, thế mà cũng không được nằm yên. Những người cộng sản đã đập phá mồ mả các anh, dày vò xương cốt các anh.   
Tại nhiều nơi khác, chính quyền cộng sản sang bằng các nghĩa trang để xây nhà cửa, nhà văn hóa hay vườn trẻ. Trong những nghĩa trang quân đội ở các tỉnh nhỏ, phần lớn các bia mộ đều bị đập phá, có ngôi bị cỏ đất lấp vùi bia tự không còn đọc được nữa như những mộ hoang. Các anh đúng là "bạc màu áo trận", hương tàn khói lạnh, nhưng vẫn còn chút an ủi. Nhờ có một số anh em phế binh lớn tuổi ở gần các nghĩa trang hoang vu cô quạnh đó ráng chống nạng gỗ vào nhổ cỏ, dựng lại mộ bia, đắp đất, quét lại vôi... rồi đốt cho các anh vài nén hương xin lỗi thay cho những con người tàn ác và cầu chúc các anh được ấm lòng nơi chín suối.   
Cảm nhận sự an ủi đó, anh em chúng tôi cũng lần vào hỏi thăm, bà con cô bác gần đó cho biết có vài anh em phế binh chế độ cũ đã có lòng từ tâm, thỉnh thoảng lén vào nghĩa trang sửa sang mồ mả những đồng đội cũ đã nằm xuống, tránh những con mắt cú vọ của những đại diện chế độ. Chúng tôi đã gặp lại nhau, hàn huyên trao đổi và giúp đỡ lẫn nhau trong việc chăm lo mộ phần những chiến sĩ vô danh. Mỗi khi thực hiện xong những việc làm nhỏ nhặt này chúng tôi cũng cảm thấy được an ủi phần nào vì chính nhờ họ mà tổ quốc Việt Nam đã tồn tại ít ra cho đến ngày 30-4-1975.   
Mỗi đêm anh em chúng tôi thường nhìn một góc trời xa xôi tự hỏi thiên đàng có thật không mà sao số phận chúng tôi đau thương đến như vậy. Chúng tôi đang sống trong một cơn ác mộng, trong sự nhẫn nhục triền miên. Chúng tôi phải đối phó hàng ngày với một bầy sư tử chỉ chực chờ vồ nuốt mạng sống chúng tôi. Mong rằng sẽ có một ngày anh em chúng tôi cũng như những anh em phế binh may mắn khác được cộng đồng người Việt trong và ngoài nước chiếu cố tới. Đó là những điều mà chúng tôi ước ao: "Mong rằng ai kia ở nơi xa xôi nghe và hiểu được nỗi lòng của anh em chúng tôi", được như thế anh em chúng tôi vô cùng cảm kích.   
Biết rằng ước mơ đó đối với anh em chúng tôi rất là mong manh, nhưng chúng ai cũng hy vọng. Hy vọng rồi sẽ có một ngày chúng tôi có được cuộc sống như mọi người bình thường khác, không phải ăn xin ăn chực nơi cuối đầu đường góc chợ, con cái được đi học hay đi bán vé số mà không phải đi theo cha ăn xin hay lượm bao ny-lông, giấy vụn. Đến đây anh em chúng tôi đã trình bày hết tâm tư đau buồn và nguyện vọng của những người tàn phế, mong được trời xanh thấu cho mà đối với chúng quí vị ân nhân tại hải ngoại là bầu trời xanh.   
Anh em chúng tôi viết ít, ngắn gọn xin quí vị ân nhân hiểu nhiều. Anh em phế binh chúng tôi trước đây chỉ là những chiến sĩ giữ gìn đất nước chớ không biết cầm bút viết văn. Kính xin quí độc giả và ân nhân đọc xong nếu có điều gì sơ sót kính xin được thông cảm mà bỏ qua cho. Đó là những lời nói chân thành xuất phát từ đáy lòng và con tim của anh em phế binh chúng tôi đang sống tại quê nhà. Đối với những anh em thương phế binh như chúng tôi không có gì quí hơn tự do và nhân quyền, sống mà không có tự do và nhân quyền như thể xác mất đi hơi thở.   
Sau đây xin kính tặng quí vị độc giả bài thơ do tôi đột ngẫu sáng tác:   
Người sống từ vực thẳm   
Nhìn trời nước mắt tuôn rơi,   
Nào ai thấu hiểu cuộc đời phế binh.   
Đêm đêm ngủ bụi ngủ bờ,   
Áo không đủ mặc, cơm thời chẳng no.   
Cơm chang nước mắt nhạt nhòa,   
Dù đời tàn phế nhưng tôi không tàn.   
Tôi đây chịu cảnh lầm than,   
Cuộc đời là thế ai buồn như tôi.   
Mong sao đất nước yên bình,   
Không nghe hành khất bên đường van xin,   
Không còn thấy cảnh tan thương,   
Anh em đoàn tụ huy hoàng vui xuân.  
Viết lại theo lời kể của Độc Cước, một phế binh ở Sài Gòn

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 4**

Những bóng ma trên hè phố

Quê hương, hai tiếng thân thương ai trong chúng ta cũng đã một lần gọi đến. Bình thường hai tiếng gọi thân thương ấy không gợi lên trong ta một cảm xúc nào vì đang sống với nó. Giống như không khí, con người hít thở nó để sống mà không cảm nhận sự hiện hữu của nó trong từng mạch sống. Chỉ đến khi thiếu dưỡng khí chúng ta mới cảm thấy nó là cần thiết. Cũng như thế, chỉ đến khi nào tôn miếu, xã tắc Việt Nam Cộng Hòa bị người cộng sản tiêu hủy, ngôi từ đường thờ kính tổ tiên bị bỏ phế, mồ mả cha mẹ, ông bà bị xúc phạm, khi ấy chúng ta mới cảm thấy thực sự mất mát, hụt hẫng vì quê hương không còn nữa. Chắc không ít ai trong chúng ta đã hơn một lần nhỏ lệ khóc cho quê hương điêu linh, tang tóc này. Vậy thì, các bạn hỡi, từ nỗi đau thương mất nước này hãy cùng chúng tôi lắng nghe tiếng nấc nghẹn ngào của những mảnh đời rách nát.   
Theo những biến đổi của thời cuộc, Hoa Kỳ và đồng minh rút quân ra khỏi chiến trường miền Nam từ sau 1973, Việt Nam Cộng Hòa chao đảo theo từng đợt tấn công ào ạt của cộng quân. Nhà cầm quyền cộng sản miền Bắc nuôi dưỡng âm mưu thôn tính miền Nam từ lâu, họ cho người nằm vùng trong những cơ quan, bộ phận trọng yếu của chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng Hòa để quấy phá. Bị nội công ngoại kích, miền Nam sụp đổ mau chóng trước đợt tiến công quyết liệt từ đầu tháng 4-1975 của quân đội miền Bắc.   
Kể từ sau ngày 30-4-1975 thủ đô Sài Gòn không còn nữa. Lăng mộ, tôn miếu, sơn hà, xã tắc của Việt Nam Cộng Hòa bị chà đạp. Mồ mả, nghĩa trang của những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, những người đứng ra bảo vệ tổ quốc và đã hy sinh vì chủ nghĩa tự do ở miền Nam, bị đào bới, san bằng trong khi xác của Hồ Chí Minh được long trọng ướp trong hòm kiếng đặt ở quảng trường Ba Đình để được chiêm bái. Có người còn đến đó đùể khóc thương trong khi những nơi tôn nghiêm, thờ phượng ở miền Nam thì bị biến thành những khu "văn hóa" vui chơi tập thể. Ai khóc thương cho những chiến sĩ vô danh này, ai đoái hoài những người bị thương tật vì chiến tranh như chúng tôi chờ ngày tàn của cuộc sống? Bất công này biết bao giờ được gột rửa? Xin mọi người hãy chia sẻ và cố gắng xoa dịu nỗi đau của dân tộc nói chung và của chúng tôi nói riêng.   
Chủ nghĩa cộng sản loang nhanh như vết máu trên mảnh vải trắng tự do. Chủ thuyết vô sản tràn lấp những giá trị xưa, rồi lấn chiếm mọi ngõ ngách tâm hồn, đe dọa mọi suy tư của người dân trong thành phố bị đổi tên, ai phê bình hay chỉ trích chế độ mới đều bị trừng trị. Các lãnh tụ cộng sản Các Mác, Lênin, Mao Trạch Đông được ngợi ca, xác ướp Hồ Chí Minh được tôn thờ. Một phó sản mới được nhào nặn ra, "thành phần 30 tháng 4" ngoan ngoãn vâng lời chủ mới, hống hách với bà con, họ hàng và còn ác độc hơn cả quân "giải phóng".   
Chế độ cộng sản không cần đến tôn giáo đã đành, họ còn phỉ báng thần linh, ngăn cấm nghi thức thờ cúng ông bà, vong hồn người quá cố; tất cả đều là "mê tín dị đoan". Cảm xúc thiêng liêng và tình cảm riêng tư của con người đối với người cộng sản không là gì cả. Không những thế họ còn xúc phạm đến các tôn giáo, Chúa hay Phật, hoặc bất cứ đấng thiêng liêng nào cũng đều bị đem ra "đầu tố", nếu không bị mắng chửi bởi những người cuồng tín thì cũng bị bôi tro trát trấu. Những người lãnh đạo tôn giáo nếu không phải là thành phần "quốc doanh" thì bị liệt vào hàng "phản động", nếu không bị bắt giam thì cũng bị theo dõi, kiểm tra ráo riết. Họ còn cho người len lỏi vào các giáo phái, chia rẽ tín đồ, khai thác ngộ nhận, bẻ cong giáo lý, gài bẫy bắt giam giáo dân, hạn chế nghi thức thờ phượng. Chế độ cộng sản còn hủy diệt tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc Việt Nam, các đình làng đều biến thành khu vui chơi, giải trí.   
Để đạt mục tiêu mong muốn, nghĩa là "xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội" trên khắp cả nước, tập đoàn lãnh đạo cộng sản không ngần ngại chà đạp nhân phẩm con người nhưng khôn khéo che đậy bằng những mỹ từ nhân đạo, nào là thông cảm nỗi khổ của nhân dân, nào là xóa đói giảm nghèo, khiến dư luận quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại tin lầm. Khi đạt mục tiêu mong muốn, tất cả những thành phần dại dột tin theo đều bị bỏ rơi như những giẻ rách, kể cả những gia đình "liệt sĩ, cách mạng và mẹ chiến sĩ". Người đời có câu: "Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời cộng sản biết thương đồng bào" thật là xác đáng.   
Trong xã hội mới này, đạo đức bị coi thường, khôn sống dại chết, con người tranh nhau từng miếng ăn và nhìn người quen như... kẻ xa lạ. Liên đới xã hội mất dần chỗ đứng, có tiền thì có tất cả, không tiền thì không có gì hết. Quan hệ giữa người với người lần hồi mục rữa, kể cả những người sống ở nấc thang thấp cùng nhất xã hội. Chính quyền nhìn dân như kẻ thù địch và sẵn sàng dùng bạo lực trấn áp những ai tranh đấu đòi quyền sống danh dự. Chủ nghĩa xã hội không phải là chế độ của người nghèo. Quê hương này thật là bất hạnh, không có một tên êm đẹp nào đặt cho lá cờ sặc tanh mùi máu và cũng không tìm một tên nhân từ nào gọi tên những người cộng sản. Màu đỏ không phải là màu của tươi vui trong ngày lễ hội, nó là màu của tang thương và đọa đày bao phủ quê hương. Chủ nghĩa cộng sản gắn liền với sự độc ác.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 5**

Hạnh phúc không bao giờ có thật trong chế độ này, một chế độ lấy sự ác độc làm phương châm và lường gạt làm kim chỉ nam hành động. Như một kiếp luân hồi không được siêu thoát, các chế độ cộng sản phải là độc ác.   
Sau khi áp đặt bạo lực của kẻ chiến thắng trên người bại trận,các ủy ban quân quản buộc công chức và sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa ra trình diện rồi đưa họ vào những nhà tù tập thể, dưới tên gọi mỹ miều "trường học tập cải tạo". Tiếp theo sau là chính sách quản lý "hộ khẩu" khắc nghiệt, nó là sợi dây thòng lọng thắt cổ nhân dân, chế độ không ưa ai thì người đó phải chết. Để cướp trọn bộ số tiền nằm trong túi dân chúng miền Nam, nhà cầm quyền cộng sản ra lệnh "đổi tiền", 500 đồng cũ ăn một đồng mới, như thế cứ mỗi 500 đồng Việt Nam Cộng Hòa mới bằng một đồng xã hội chủ nghĩa, thêm vào đó họ còn quy định mỗi hộ khẩu chỉ được đổi 200 đồng mới mà thôi, số tiền còn dư do nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý. Sau hai lần "đổi tiền" như thế, toàn bộ tài sản của dân chúng miền Nam đã lọt vào tay nhà cầm quyền cộng sản. Đúng là quân cướp ngày.   
Xã hội cũng thay ngôi đổi chủ. Những người trước kia thuộc thành phần ăn trên ngồi trước nay bị lọt sổ thành ăn dưới ngồi sau. Cán bộ cộng sản có chức có quyền thì "vinh thân phì gia" trong khi đất nước đã nghèo lại càng nghèo thêm. Nhà nước còn chiếm tất cả các cơ sở sản xuất lớn, "đánh" tư sản mại bản, quản lý tất cả các mặt hàng "nhu yếu" để làm chủ thật sự miền Nam. Bà con nghèo khó buôn bán trên lề đường đều bị xếp vào hàng "bóc lột". Cán bộ hạ tầng và "thành phần 30" hàng ngày săn lùng, bắt bớ, tịch thu hàng hóa của những thành phần "bóc lột", người buôn gánh bán bưng, trên các hè phố để... bán lại cho những thành phần "bóc lột" khác. Chính vì vậy mà không ít cán bộ nhà nước núp dưới danh nghĩa "cách mạng" hà hiếp dân chúng, vơ vét của công cho vào... túi riêng.   
Dân chúng quá sợ hãi đã trở thành ngu dốt và yếu hèn. Người ta không biết phải sống làm sao với hệ thống luật pháp ma quái, nay thế này mai thế khác, của nhà cầm quyền cộng sản. Bị ép vào đường cùng, dân chúng chỉ biết im lặng làm theo. Nhà nước cộng sản hứa cho dân một cuộc sống ấm no trong vùng kinh tế mới, nơi đây người ta chỉ thấy địa ngục trần gian. Không một cây lương thực nào có thể mọc lên ở những vùng đất khổ, biết bao gia đình tan nát và biết bao người âm thầm bỏ nắm xương tàn nơi chốn rừng sâu nước độc. Người dân đói quá phải đào những cây khoai mì mới trồng chưa kịp lớn, củ chỉ bằng ngón tay em bé, để ăn. Ăn càng non thì càng đói nặng. Ai kiên nhẫn ch^ờ đợi những củ khoai mì lớn lên trong lòng đất thì ăn bất cứ vật gì có thể ăn được để cầm cơn đói, từ cóc nhái, ễnh ương, "bù toọt", rắn mối, dế cơm, bò rầy, trứng kiến, chuột rừng, rắn mối con còn đỏ hỏn đến măng non, củ dại, nấm rừng. Tại nhiều nơi, dân kinh tế mới ăn nhằm nấm độc chết hết cả nhà.   
Thiếu ăn, da thịt người kinh tế mới biến sắc, áo quần rách nát, chân tay phù thủng, bệnh sốt rét rừng, dịch tả, kiết lị cướp đi rất nhiều mạng sống, số trẻ em sinh ra trên kinh tế mới không đủ bù lắp số người bị chết vì đói và bệnh tật. Đi hay ở, đó những câu hỏi được lặp đi lặp lại trong lòng mỗi người. Bỏ về thành phố thì không biết sẽ ở nơi đâu, nhà cửa, vốn liếng đã lỡ dồn cả cho chuyến đi "lập nghiệp" trên vùng kinh tế mới rồi. Ở lại thì thần chết sống kề bên hông, luôn luôn đòi mạng. Người dân trên vùng kinh tế mới tự đặt câu hỏi rồi tự tìm câu trả lời. Thói thường vẫn vậy, khi quá cùng khổ người ta thường "đứng núi này trông núi kia". Do nhận thức yếu kém, họ chỉ mơ ước được đi... những vùng kinh tế mới khác với hy vọng sẽ có một cuộc sống khá hơn nơi đang sống.   
Những tin đồn mà dân chúng thành thị nghe được, do những người trốn từ các vùng kinh tế về thành phố kể lại, rất là hãi hùng.   
Trên một vùng kinh tế xa xôi nọ ở tỉnh Sông Bé, có một gia đình gồm có hai vợ chồng và ba đứa con nhỏ. Đứa con gái đầu lòng mới 11 tuổi phải theo cha mẹ vào rừng đào nương phát rẫy trồng khoai mì. Có lúc thiếu ăn cả nhà hái rau cỏ rừng về ăn lót dạ, chính vì thế mà hai đứa em nhỏ (đứa em gái 7 tuổi và đứa em trai 4 tuổi) chỉ lớn hơn con mèo. Người chồng trước kia là cựu quân nhân biệt phái về dạy ở một trường tiểu học nên không thích nghi kịp với nghề tay chân. Người vợ thay chồng làm việc quần quật nhưng cũng không đủ ăn, một hôm bà mắc bệnh kiết lị rồi qua đời vì thiếu thuốc men. Gia đình còn lại trở nên túng thiếu, nhiều bữa không có đủ khoai cho bốn miệng ăn, người cha và đứa con gái lớn phải nhường phần của họ cho hai đứa nhỏ, còn họ thì ăn... lá khoai mì luộc, uống nước lá mì luộc nên bị say nôn. Đêm nằm có nhiều ảo giác ngất ngây, cứ như bị ai đó nắm chân dốc ngược lên trời, oẹ mửa thốc tháo ra tới mật xanh mật vàng, trông thật khủng khiếp.   
Một đêm nọ vì quá đói, hai cha con lén vào rẫy nhà hàng xóm bới trộm khoai mì. Đang lúc hì hụt đào trộm thì cả bị nhóm "dân quân tự quản" đi tuần bắt quả tang. Thế là trong đêm tối, những ánh đuốc trong thôn thắp dọi lên theo tiếng gõ dồn dập của thùng thiếc, dân chúng vây quanh cha con kẻ trộm. Người cha đứng cúi gằm mặt im lặng bên cạnh đứa con gái mặt mày tái xanh, tay còn ôm rỗ khoai mì. Một cán bộ xã, người miền Bắc, dáng vạm vỡ bước xộc đến, vẻ mặt nghiêm nghị chỉ tay vào mặt người cha hống hách nói:   
- Không "nao" động hả, ông thầy? Bắt quả tang đang ăn trộm rồi nhá.   
Rồi quay sang đám dân quân, người cán bộ này ra lệnh:   
- Đưa về huyện nhốt, cho chúng nó bỏ thói "nười"!   
Đang khi ông thầy còn lúng túng thì người cán bộ hùng hổ tiến tới túm lấy đôi vai gầy guộc của ông thầy, kéo xuống rồi lên gối một cái "huỵch" vào ngực. Đứa con gái thấy cha bị đánh liền thét lên: "Cha!", rồi quăng rổ khoai chạy tới nhưng bị hai người đàn ông khác nắm áo đẩy qua một bên té xuống đất. Mặt ông thầy tái lại, mắt mở to, sụm đầu gối, hai tay định ôm lấy ngực thì "bịch", một cú đấm mốc tứ dưới lên tống vào mặt ông thầy làm ông chúi nhủi. Người đàn bà chủ rẫy thấy vậy thét lên: "Ngưng tay, tôi không thưa kiện gì hết". Bao nhiêu căm ghét kẻ trộm nơi bà bay biến đâu mất, bà nói: "Để hai cha con ông thầy mang rổ khoai về nhà". Mặc dù khoai củ ở vùng kinh tế mới trong mùa khô này rất quí, bà còn biếu cha con ông thầy 40 đồng tiền mới (bằng một phần năm số tiền nhà nước quy định đổi cho mỗi gia đình). Hai cha con ông thầy cúi đầu tạ ơn bà hàng xóm rồi lầm lủi đi về.   
Nhưng người cha trở nên quẫn trí, thay vì dùng số tiền đó để mua khoai cho con ăn, ông ra chợ mua hai kí gạo và một con gà mang về nhà nấu một nồi cháo thật to cho con ăn. Đang lúc nấu, đứa con gái thấy cha nó vừa khóc vừa bỏ một thứ bột gì đó vào nồi bốc lên mùi nồng nặc khó ngửi nên nó bỏ chạy ra ngoài không chịu ăn. Nó vừa chạy vừa khóc trong đêm tối, ba cha con ông thầy tiếp tục ngồi ăn ngon lành. Sùáng hôm sau người ta thấy xác ba cha con ông thầy nằm chết bên cạnh nồi cháo. Chính quyền địa phương không cho dân chúng chôn ba cái xác ấy ngay, họ được đắp chiếu để trước cửa 24 tiếng đồng hồ, bên cạnh là bản án có ghi hàng chữ "Tự tử là có tội". Vì chiếc chiếu không đủ che ba cái xác nên đôi chân cứng đờ và tái xanh của ông thầy lòi ra trông rất rùng rợn. Sang ngày hôm sau bà con lối xóm mới được phép chôn cất ba cha con ông thầy, đứa con gái 11 tuổi ấy theo đoàn người bỏ về thành phố rồi mất tích luôn.   
Các vùng kinh tế mới đúng là địa ngục trần gian, con người bị cái đói và bệnh tật dằn vặt hàng ngày, dân chúng trốn về thành phố rất nhiều. Chính quyền địa phương dựng lên nhiều chốt ngăn chặn luồn người trốn về thành phố và tung chiến dịch tuyên truyền hứa "cứu đói". Nhưng không ai nói láo bằng "vẹm", chẳng ai đến cứu đói và dân cứ tiếp tục trốn về. Trong đêm tối, từng đoàn người lũ lượt gánh đồ, vác bị trốn về thành phố. "Về đi thôi, nếu có chết thì chết ở thành phố sướng hơn chết trên rừng", mọi người rỉ tai nhau.   
Về được thành phố, họ ngủ trên các vỉa hè, bến xe, sạp chợ, kể cả trong các nghĩa địa. Họ lấy nền xi măng làm giường, bao ny lông làm chiếu, mùng màn thì không cần vì da thịt họ quá cằn cỗi, ruồi muỗi có viếng thì cũng bỏ đi thôi. Nhiều người còn cảm thấy vui thích được ngủ dưới trăng sao của thành phố; họ nói trăng Sài Gòn đẹp hơn trăng vùng kinh tế mới: "trăng gì mà trắng bệch như... mặt người chết đói, thấy mà ghê". Mọi người sung sướng chia nhau cảm giác về lại quê xưa, dẫu cho thân thể có tồi tàn rách nát trở về sống tại quê nhà vẫn thích thú hơn.   
Họ làm bài thơ sau đây hiến tặng độc giả:   
Về đi thôi   
Nhà nước nhà nôi thôi đừng nói nữa!   
Nói đi nói lại cũng chừng đó thôi.   
Nơi đây khốn khổ muôn người thiếu ăn,   
Chỉ mong có gạo có khoai qua ngày.   
Cuốc ngày cuốc tối, cuốc cả trời mưa,   
Bụng thì cứ đói, ruột thì cứ than.   
Tay chân bủn rủn, toàn thân bàng hoàng,   
Đêm về chỉ thấy bầy con khóc rần.   
Ở thì không được chỉ nước về thôi,   
Về thì du kích hung hăn hầm hừ.   
Trốn chui trốn nhủi mới về tới nơi,   
Chẳng may bị bắt, tiêu tan cuộc đời.   
Về lại thành phố có phiền ai đâu,   
Không nhà không cửa, chúng tôi ngủ đường.   
Ngày ngày sớm tối lang thang ngoài đời,   
Đói thì đứng chợ ăn xin của người...   
"Về đi thôi", tôi nghe thấy tiếng lòng thôi thúc. Mỗi đêm nhìn bà con lối xóm bỏ về, tôi cũng nôn nao. Được những người quen cho biết tin cha tôi lâm bệnh, tôi càng xót xa. Trước kia ông đi lập nghiệp ở khu kinh tế mới Tây Ninh, cạnh Núi Bà Đen cùng với mẹ và các em tôi. Mẹ tôi chẳng may mắc bệnh sốt rét rừng đã qua đời cách đây sáu tháng, cha tôi cùng các em đã trở về thành phố cách đây bốn tháng. Hiện cha tôi sống bằng nghề xin ăn, mỗi bữa ông đứng chực ở mấy cửa hàng ăn uống quốc doanh, chờ khi thực khách ăn xong, còn sót lại những thức ăn trên tô dĩa, ông vội vàng trút hết vào lon guigoz đem về nhà hâm lại cho các em tôi ăn. Xưa kia ông có lần dạy kèm Pháp văn cho trẻ nhỏ nên hiếm khi ông dám ngước nhìn thực khách hoặc chìa lon xin tiền vì sợ người quen nhận diện, ông chỉ nói lí nhí trong miệng. Tôi cứ lo âu hình dung cha tôi với mái tóc bạc trắng đứng bơ vơ bên đường, lỡ gặp cán bộ vạm vỡ nào đó túm áo mà xô đẩy thì sao. Miên man nghĩ đến cha, rồi nhớ lại câu chuyện ba cha con ông thầy, tôi càng nôn nóng trở về hơn. Càng suy nghĩ, tôi càng thấy nóng nặt, máu dồn lên óc. Cuối cùng thì gia đình tôi cũng chuẩn bị khăn gói lên đường. Thế là chúng tôi bỏ nhà bỏ cửa, bỏ cả mảnh đất đang làm dở dang trên vùng kinh tế mới, theo chân những người đi trước trốn về thành phố.   
Sau gần một tuần lễ lòn lách, trốn tránh các nút chặn trên các con đường rừng, chúng tôi về tới thành phố cũ với tên gọi mới. Sài Gòn vẫn còn đó nhưng đời sống đã khác xưa. Khu nhà tôi còn đây, nhưng căn nhà cũ không còn. Những người dân đi xây dựng vùng kinh tế như gia đình chúng tôi về lại phố cũ đều đau lòng nhìn các gia đình cán bộ tập kết miền Bắc đến xây nhà trên những nền nhà cũ của chúng tôi, họ ăn sung mặc sướng, đời sống sung túc, no đủ trong những căn nhà đep đẽ. Tôi mới chợt hiểu "cách mạng" không có nghĩa là xóa bỏ cái cũ để nâng cao mức sống người dân, mà là "loại bỏ" những người chủ cũ, những người thất trận và người dân nghèo như chúng tôi, ra khỏi thành phố, lùa họ vào những vùng đất chết để cho thiên nhiên, bệnh tật và đói khổ tiêu diệt. Còn tại thành phố, họ nâng cao mức sống cho những công bộc, dành những khu phố đẹp cho cán bộ cao cấp và gia đình họ ở. Trong những khu lao động, người nghèo khổ bị xua đuổi để lấy đất xây thêm những khu nhà mới, gọn đẹp hơn cho những cư dân mới, những người đến từ miền Bắc xa xôi, những gia đình "có công với cách mạng" (nằm vùng cũ) hay thành phần người giàu có mới.   
Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa như vậy chỉ là sự thay ngôi đổi chỗ giữa những thành phần giàu có mới và giàu có cũ. Những người nghèo khổ như chúng tôi không có chỗ đứng trong xã hội này, nếu có chăng thì ở chốn rừng sâu, nước độc. Nhiều người không biết cứ ngỡ rằng chế độ mới đã làm nhiều cố gắng cải thiện đời sống "nhân dân", nhưng nhân dân ở đây là "nhân dân cán bộ", thành phần ăn trên ngồi trước. Những hào nhoáng bên ngoài có mục đích phô trương, khoe mẽ với các quốc gia khác, với Liên Hiệp Quốc rằng nhà cầm quyền cộng sản đang "thay da đổi thịt", lo lắng cho lớp người cùng khổ của xã hội miền Nam xưa kia, nhưng thật ra là gạt chúng tôi ra ngoài rìa xã hội, để phải sống lây lất trên các vỉa hè, nghĩa địa và hành nghề ăn xin. Chúng tôi mới chính là người vô sản, nhưng vì là thành phần vô sản miền Nam nên chỉ hưởng ùđày đọa và hà hiếp. Chúng tôi không còn gì cả ngoài những thân hình ốm yếu, tật nguyền cùng với đàn con rách rưới, sống không có ngày mai và chết không ai thừa nhận. Chúng tôi không buồn vì bệnh tật ốm đau không được chữa trị, đói không được cho ăn, nhưng buồn vì quê hương thiếu vắng tình người. Những người "vô sản" ngày hôm qua đang đày đọa những người "vô sản" hôm nay.   
Không riêng gì dân chúng miền Nam, cả những người vô sản miền Bắc cũng là nạn nhân của nhà cầm quyền cộng sản. Họ được hứa hẹn đủ điều để rồi chỉ toàn bánh vẽ, nhà cầm quyền cộng sản luôn luôn hứa hẹn thực hiện cho cái "sẽ là", và cái "sẽ là" không bao giờ tới. Con cái họ tiếp tục vào Nam làm bia đỡ đạn, lúc chết xác thân không biết chôn vùi ở đâu, hòa bình trở lại họ trở về kiếp sống nông dân, bị bạc đãi và khốn khổ như chúng tôi. Trẻ em cũng bị lợi dụng, các khẩu hiệu ra vẻ yêu thương chăm sóc trẻ em chỉ là bánh vẽ, các em bé miền Bắc cũng như miền Nam ở thôn quê đều suy dinh dưỡng, bụng ỏng da chì trong khi con cái những cán bộ có chức có quyền ăn sung mặc sướng và được đi học. Những đứa trẻ con ông cháu cha này tiếp tục sẽ đè đầu đè cổ con cháu chúng tôi. Cuối cùng sau bao nhiêu năm sống dưới sự ách cai trị của cộng sản, dân chúng miền Bắc rủ nhau từng đoàn vào Nam... ăn xin như những người trốn từ vùng kinh tế mới về vậy.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 6**

Từ vùng kinh tế mới trở về, tôi thấy gì kể đó.   
Vào thời điểm mà ly cà phê đen trộn bắp giá 150 đồng (năm 1981) thì trên các vỉa hè, góc phố bán đầy rẫy những quán hàng bán phở ruột bò 50 đồng một bát. Cứ mỗi buổi sáng, tại chợ Cầu Ông Lãnh những người lao động nghèo sống bằng đủ thứ nghề vặt vãnh, từ những anh em thương phế binh mua bán nhang đèn rong dạo, những quả phụ mua bán áo quần cũ ở những chợ trời, đến những em cô nhi, những người ăn xin và những người làm nghề khuân vác, đạp xe ba bánh, xích lô cùng những phu phụ hồ, v.v... thường xúm quanh những hàng quán phở ấy. Họ xì xụp ăn húp ngon lành những bát phở ruột bò, có người ăn hai ba bát mà vẫn còn thèm. Cơ khổ mới rõ điềm trời, nhiều người vừa mới ăn xong thì ngay lát sau bụng đã kêu đói lại rồi.   
Anh em phế binh chúng tôi chú ý đến các em cô nhi, vì trong lúc mà chúng tôi ăn bát phở giá 50 đồng, có vài lát ruột bò xắt mỏng như giấy, thì các em cô nhi hoặc nhịn đói, hoặc kêu ăn những bát phở giá 30 đồng chỉ có nước lèo mùi ruột bò và bánh phở. Ăn xong, anh em phế binh ngồi trên ghế cóc phì phèo điếu "Hoa Mai" hay "Đà Lạt", thứ thuốc lá đen phế phẩm loại 3, bên ly cà phê đen trộn bắp, định hướng chia nhau khu vực bán nhang. Các em nhỏ cũng ngồi bệt dưới đất chia khu đi... lượm bọc ny lông, ve chai ở các thùng rác chợ và giấy vệ sinh ở những nhà cầu công cộng trên những "ao cá Bác Hồ".   
Thời ấy người ta có phong trào lấy tên vị lãnh tụ "vĩ đại" đặt tên cho các công trình công cộng, những ao cá cũng vậy. Vì lúc ấy cái gì cũng có thể bán được cả, từ những bao ny lông tái sinh đen thủi đen thui đến những loại giấy vệ sinh tái sinh đi tái sinh lại đều có thể cân kí lô bán cho vựa ve chai nên các cán bộ có nhiệm vụ quản lý ao cá cũng tranh thủ làm... kinh tế. Vì thấy nguồn giấy "chùi" đáng kể ở các nhà cầu công cộng nên các em thường ngồi chầu chực đợi người ta vừa "vệ sinh" liền tranh nhau vào nhặt. Giấy vệ sinh vừa "dùng" xong liền đem ra sông giặt sạch, phơi khô, cân ký bán lấy tiền ăn cơm trưa. Nhưng nguồn giấy đó cũng là "tài sản của nhà nước", cán bộ giữ ao dọa nạt ngăn cấm các em không được vào nhặt. Một hôm cán bộ giữ ao túm được một em gái đang vào trộm "tài sản nhà nước xã hội chủ nghĩa" quăng xuống ao, trút sạch bao giấy của em vào giỏ đựng của nhà cầu công cộng "của" ông ta. Lúc bò lên bờ, chân nó bị mẻ chai cắt đứt nhiều chỗ, máu chảy đầm đìa. Người đi "vệ sinh" thường quăng mẻ chai xuống chỗ đi cầu dưới ao vì sợ cá tra tranh nhau ăn cứt, quậy nước dơ bắn lên người, do đó dưới ao toàn là mẻ chai.   
Chiều hôm ấy các em có vẻ buồn buồn, chúng nó lo âu vì không biết làm sao để có tiền ăn cơm. Nếu đi xin thì dễ bị công an bắt và đưa đi "nuôi" ở mấy "trường cải tạo" giáo dục thiếu nhi, huấn luyện cho chúng biết "lao động là vinh quang". Người ta thường bảo "cái khó nó bó cái khôn" nhưng đối với các em trai thì không vậy, "cái khó nó ló cái khôn". Chúng bàn nhau chung sức để dành tiền rồi góp lại mua sắm những bình điện ắc quy loại 6 vôn. Chúng lượm những cái căm xe đạp rồi mài cho thật nhọn, gắn vào những khúc tre, từng cặp một chúng chờ đêm tối xuống cùng nhau mở những nắp cống thoát nước dọc các vệ đường quanh chợ Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, An Đông, Hòa Bình và Bình Tây chui xuống rọi đèn đâm chĩa cá.   
Có một thời dân chúng thành phố đổ tội cho những em này ăn cắp những nắp cống bằng gang đem bán. Thật sự thì cũng có chuyện đó, nhưng không phải mấy em này ăn cắp mà là người khác. Vì nắp cống quá nặng các em không khiêng nổi nên chỉ đủ sức nạy lên rồi đẩy qua một bên. Những "bạn hiền" đạp xích lô sáng sớm đi ngang thấy tiện "bợ nhẹ" đi luôn mà không cần biết hậu quả xảy ra cho người đi sau vô ý lọt xuống. Sau khi xảy ra nhiều tai nạn sụp lỗ cống, công an và dân quân canh gác ngày đêm những miệng ống cống, các em buộc phải mở những nắp cống ở xa để tránh dòm ngó, có khi phải khui những miệng cống từ các đường Hai Bà Trưng, Điện Biên Phủ (Phan Thanh Giảng cũ), Hùng Vương, An Bình, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Trãi... Mỗi lần chui xuống, các em cẩn thận đậy nắp miệng cống lại để tránh gây tai nạn. Vào lúc giữa khuya hay tờ mờ sáng, khi muốn lên các em cũng mở he hé miệng cống nhìn dáo dác chung quanh rồi mới vội vàng nhảy lên.   
Đường cống dài, luồn lách quanh co và tối om, nhưng nhờ những cái bóng đèn nhỏ gắn ở trên đầu, ở trước trán, chúng lùng sục, săn tìm được cá. Nguồn cá khá nhiều nên các em nhỏ không những có ăn mà còn dư đem ra chợ bán nên chúng có vẻ rủng rỉnh tiền bạc. Kể từ đó, vào mỗi buổi sáng chúng cũng gọi những bát phở loại 50 đồng ăn đàng hoàng, cũng "bắt chước" những nhà "trí thức" phế binh (chúng gọi chúng tôi như vậy, vì hay hóng nghe những chuyện anh em phế binh kể về cuộc đời lính tráng) ngồi uống cà phê và hút thuốc lá cho đỡ lạnh. Nhờ đồng tiền kiếm được, chị và em gái của chúng cũng sắm thêm vài manh áo mới mua ở các chợ trời bán quần áo cũ, mặt mũi trông sạch sẽ hơn.   
Thằng Nô (12 tuổi) và Phát (14 tuổi) thì không thấy mua sắm gì, các bạn gọi chúng nó là "trùm sô". Cả hai quê ở Long An, là con của tử sĩ Nguyễn Văn Thuận, cùng mẹ đi vùng kinh tế mới ở Cao Lãnh, Đồng Tháp Mười, nhưng đời sống quá cực nhọc và không đủ ăn, bà dẫn hai con về Sài Gòn sống lang thang. Một hôm hay tin mẹ mất, bà gởi hai đứa nhỏ cho một gia đình phế binh rồi về quê luôn, bà sống bằng nghề đi mót lúa và ở tạm nhà người bà con. Nô và Phát thường khoe với chúng tôi rằng cha chúng đi lính mặc áo "hoa rừng" (nhảy dù) chết vào mùa mưa năm 1972. Mẹ chúng đã khóc như mưa lúc nhận xác cha nên mỗi khi thành phố vào mùa mưa, chúng cảm thấy buồn buồn. Gần đến ngày giỗ cha rồi chúng cố "làm ăn" cho có nhiều tiền để về Long An thăm mẹ. Trong khi các bạn đồng lứa bắt đủ cá xong trở lên mặt đường ngủ đêm thì chúng tiếp tục lặn lội dưới các ống cống để tìm thêm cá. Có những buổi sáng chúng tôi thấy hai anh em rét run vì ngâm người dưới nước quá lâu.   
Vào một đêm nọ, chúng tôi sùắp đi ngủ thì thấy hai anh em thằng Phát lặng lẽ mở nắp cống chui xuống. Khoảng vài ba giờ sau thì sấm chớp ầm ầm, chúng tôi choàng thức dậy tìm chỗ trú mưa. Một trận mưa như vũ bão đổ ào xuống thành phố và kéo dài đến sáng sớm. Các ống cống rút nước không kịp làm nước mưa tràn lên các đường phố, ngập gần đến gối những bạn hàng dọn chợ đêm. "Bình thường hai anh em thằng Phát ở lâu hơn bạn bè cùng lứa dưới cống để đâm thêm cá, nhưng giờ này trời đã gần sáng mà sao lạ chúng vẫn chưa lên?", tôi lo âu tự hỏi. Thôi rồi, tôi hốt hoảng chợt hiểu ra mọi sự. Anh em chúng tôi báo động với nhau, kẻ đi tìm người đi hỏi những đám nhỏ còn ngủ gà ngủ gật cạnh những đống rác "giữ chỗ" trước cho buổi sáng hôm sau, nhưng không ai thấy hai anh em thằng Phát đâu cả. Chúng tôi buồn bã bàn tán với nhau, hình dung cảnh tượng nguồn nước mưa tuôn ồng ọc vào các cống rãnh, hai đứa nhỏ mãi mê bắt cá không biết bên ngoài trời mưa lớn, đến khi thấy nước dâng lên quá nhanh thì đã quá muộn, dòng nước đã bít các lối chui lên và cuốn trôi hai xác thân nhỏ bé. Ôi, cuộc đời thật quá mong manh.   
Cho đến một hôm, 33 ngày sau, một em bé trai khác đang lội bì bõm dưới các ống cống gần chợ Cầu Ông Lãnh tìm cá, bất ngờ đụng phải cái gì giống như "trái dừa", nó nhặt lên soi nhìn trước ánh đèn thì liền hét lên bỏ chạy, nó chui đại lên miệng cống ngay gần chợ trước sự kinh ngạc của những bạn hàng, mặt mày tái xanh. Nó vừa lượm một cái đầu lâu. Cả chợ hay tin đó liền kêu đội dân quân gác chợ và ban quản lý cho người mở nắp cống dọi đèn tìm kiếm xác hai đứa nhỏ, nhưng chỉ nhặt được một khúc đùi đã thối rữa và một nửa thân người còn lại. Người ta biết là thân xác còn lại của hai đứa trẻ bất hạnh và bọn trẻ nhận ra cái quần đùi màu đỏ của thằng Phát, bên trong còn ít tiền gài kim băng cẩn thận. Tiền đó thằng Phát để dành về quê giúp mẹ làm đám giỗ cha.   
Kể từ đó bọn trẻ ở các chợ Cầu Ông Lãnh, Bến Thành, An Đông, Hòa Bình, Bình Tây và các chợ nhỏ khác không dám chui xuống những đường cống thoát nước của thành phố để kiếm cá nữa, chúng sợ ma. Từ đó biết bao nhiêu chuyện đồn đại về những xác người bị giết và bí mật quăng xuống cống để phi tang. Không còn em nào dám mạo hiểm xuống các cống nước để kiếm cá dù có đói. Thế là bọn trẻ tiếp tục chia nhau đi lượm bọc ny lông, giấy vệ sinh và xin ăn trên hè phố. Không có ánh sáng ở cuối đường hầm cho những cô nhi.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 7**

Trong cuộc sống đầy gian khổ, tạm trú ở đầu đường xó chợ hay trên vỉa hè, những anh em phế binh còn độc thân hiếm khi có ý nghĩ tìm người bạn đường. Phế binh Phan Tiến Dũng, thủy quân lục chiến cụt một chân, cũng vậy. Mặc dù còn trẻ, hiền hậu và đẹp trai nhưng từ sáng đến tối anh vẫn lầm lủi đi đi về về một mình với những bao nhang đèn. Có lẽ vì chọn nơi tạm trú ồn ào bên cạnh chợ An Đông, Tiến Dũng ít khi rãnh rỗi nhìn lên trời cao để biết rằng có một vì sao chiếu mạng. Thật buồn cười, có nhiều người ước ao sống trong hạnh phúc nhưng không bao giờ bắt gặp, nhiều người khác không ao ước gì thì luôn gặp may.   
Trong chợ An Đông, có một phụ nữ người Việt gốc Hoa thích nghe chuyện lính. Cô tên Vòng A Muội, nhưng không hiểu tại sao ở chợ người ta thường gọi là "A Chế", còn anh em chúng tôi thì gọi là "A Phụng". A Muội, A Chế hay A Phụng là một thiếu nữ còn trẻ, duyên dáng và thật thà, cô thường hay giúp Tiến Dũng sửa soạn nhang đèn, thích nghe kể chuyện lính tráng, đánh giặc, bị bắt làm tù binh, v.v... Có lẽ A Chế có cha đi lính đánh giặc và chết trận nên mến Tiến Dũng chăng? Mặc kệ, đó là chuyện đã qua, còn bây giờ A Chế đang hiện diện trong tập thể "gia đình" anh em phế binh chợ An Đông. Nhiều lúc tôi thấy A Chế nhìn Tiến Dũng với ánh mắt đăm chiêu, không nói gì. Anh em chúng tôi thường đùa giỡn, mối mai, khuyến khích Tiến Dũng rủ A Chế đi ăn chè. Cô không những không từ chối mà còn giành trả tiền ăn mì, ăn cháo ban đêm rồi bao Tiến Dũng đi coi cải lương và xem xi nê. Tình cảm của hai người từ đó ngày thêm gắn bó, anh em chúng tôi rất mừng.   
Tuy vậy cuộc sống trên hè phố chợt thoáng rồi tan. Mới hôm qua còn gặp nhau đó ngày mai thì chia tay vĩnh viễn. Có những cuộc gặp gỡ chỉ được một lần rồi không bao giờ xảy ra nữa. Hiểu được những điều ấy, những người sống lang thang trên vỉa hè như chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận mất mát, rủi ro và bất hạnh. Nhưng chính trong cuộc sống vội vã này nảy sinh biết bao tình cảm chân thật, rụt rè khiến cho anh em xúc động và càng muốn vun đắp cho nhau. Huống chi Tiến Dũng là một người bạn tốt, nghèo nhưng sống có tình có nghĩa, anh thường hay giúp đỡ anh em mỗi khi hoạn nạn nên rất được lòng người.   
Anh em để ý thấy Tiến Dũng chăm chỉ đi bán nhanh, lại biết dành dụm tiền bạc. Những buổi trưa, Tiến Dũng chịu khó lê cái chân giả (anh cụt chân trái, xương còn mọc nên hay bị đau, đi lại khó khăn) ra ga xe lửa Sài Gòn. Ơ? đấy, bên góc đường Hàm Nghi - Phạm Ngũ Lão có những người đàn bà gánh cơm bán dạo, những dĩa cơm ấy rẻ vì có độn bobo (lúa mì thô dành cho súc vật), thức ăn là những con cá lòng tong kho mặn hay những con tép, giá 500 đồng một dĩa, trong khi ở cửa hàng quốc doanh một dĩa cơm bình dân giá rẻ nhất cũng phải từ 2.500 đồng đến 3.000 đồng. Tiến Dũng đã ăn những bữa cơm như thế, anh muốn để dành tiền mua tặng A Chế một cái quần tây màu cà phê sửa, kiểu điếu thuốc xì gà, bởi vì qua những mẫu chuyện trao đổi, Tiến Dũng khám phá ước mơ thầm kín của người bạn gái.   
Có lần A Chế kể cho Tiến Dũng nghe: "Nhà em ở xóm Gò Vấp gần khu quân sự, những ngày cuối cùng của tháng 4 quân cộng sản pháo kích lung tung, đạn lạc vào nhà dân. Hôm đó, em cùng hai em nhỏ đang ngồi ăn cơm với mẹ thì nghe một tiếng ầm khủng khiếp. Cả xóm kinh hoảng, lao nhao la lên: "Pháo kích, pháo kích, chạy đi bà con ơi!". Em vội thu xếp đồ đạc cùng mẹ dẫn hai em chạy ra ngoài đường theo những người hàng xóm. Chạy ngang nhà con nhỏ bạn định rủ nó cùng chạy giặc như em, nhưng... ôi thật khủng khiếp. Nhà của nó tan hoang, đồ đạc gãy nát, máu thịt văng tứ tung. Đạn pháo kích rớt trúng nhà nó, giết chết cả nhà. Con Hoa nằm ngữa, thân hình phủ đầy bụi đen xì, tóc tai rũ rượi phủ trên gương mặt trắng bệch, trên ngực nó máu me đầm đìa, cơ thịt cánh tay phải của nó còn giựt giựt nhưng bàn tay bay đâu mất rồi. Em nhìn nhỏ bạn nằm im không cục cựa, lòng se thắt lại nhưng cái quần tây màu cà phê sữa của nó vẫn còn "mô đen" quá. Em nghĩ nhỏ Hoa khi chết mà còn mặc cái quần tây như thế chắc cũng được thỏa lòng".   
Thạch Chia, phế binh Biệt Động Quân cụt chân phải, mặt đen như cột nhà cháy, nghe Tiến Dũng thuật lại liền nhe hàm răng ngựa cười khà khà:   
- Còn chú rể nữa chi, hổng lẽ ngày lễ tuyên bố lại bận xà rong khoe cái giò bằng cây sao?   
Bà Hồng già, ho lao gần chết, phê bình A Chế:   
- Đi lượm bọc ny lông mà bày đặt mặc áo bà ba - rồi bà lại hứa hẹn. Ê, đám cưới tụi bay tao đi nguyên con "dịt" cổ lùn Sa Đéc đó nghe!   
Thạch Chia trề cặp môi dầy thâm xì:   
- Ờ, con "dịt" của bà bằng mủ nhựa hùả, ở Chợ Lớn bán thiếu gì. Nếu bà đi con "dịt" thì tui đi con heo Lái Thiêu!   
Anh em cười hể hả. Thạch Chia bình thường ít nói, tính tình cộc cằn, nóng nảy, hôm nay hỗng hiểu sao như con nhồng lột lưỡi. Niềm vui nhẹ nhàng lan tỏa trong anh em như áng mây bay làm dịu ánh nắng gay gắt ban trưa, nó như làn sinh khí thoáng lên bộ mặt xám ngoẹt của người hấp hối trước đi từ trần. Đang lúc những người khốn khổ đang quay quần đóng góp mỗi người một câu cho vui câu chuyện, cho đám cưới "tưởng tượng" ấy, chị Liên (quả phụ) bỗng nhiên lạc "tông", không hiểu sao lại tru tréo lên:   
- Ôi giời ơi, nếu cộng sản đừng đánh vào miền Nam thì con tôi vẫn còn có cha.   
Anh em chúng tôi biết là chị đang nghĩ tới đứa con trai duy nhất 8 tuổi của chị, thằng Đức, đang theo lũ trẻ cùng trang lứa moi móc, lặn lội trong những ống cống ngầm để tìm cá. Bà Hồng nhìn chị:   
- Tháng này cũng bớt mưa rồi, không sao đâu mà! - rồi bỗng dưng bà ấy thở dài nhìn các anh em phế binh nói tiếp. Giá mà tôi được sống lại giờ phút lịch sử ấy nhỉ. Tôi sẽ đến cùng anh em chiến sĩ, được chạm tay vào cò súng một lần thôi rồi lỡ có chết cũng cam lòng. Cứ đánh một trận cho tan tành té bẹ đi, ai xui thì chết, ai may thì sống, biết đâu sẽ hưởng được tự do.   
Thạch Chia cười:   
- Bà già cầm nổi cây M16 không? Nếu nổi thì tui cõng bà nha, nhưng nhớ lỡ quýnh quá đừng có "xả" ướt lưng tui đó nha bà.   
Bà Hồng già giả bộ không nghe trầm tư kể tiếp:   
- Một hôm tui đang đi ăn xin, gặp trúng ngay nhà cán bộ, cha này người miền Nam tập kết ra Bắc hồi còn nhỏ, năm 1954. Tui lỡ bộ tính nói vài câu rồi rút êm, nhưng "ổng" nhìn tui có vẻ thông cảm. Cha này có vẻ "trí thức" chứ không phải bậm trợn dốt đặc cán mai như mấy thằng "cách mạng ăn theo" (còn gọi là bọn "30", hay "30-4"). Ổng kể: "Khi ấy tôi còn ở Tòa Thánh Cao Đài, chiếm được Tây Ninh và thấy cảnh sinh hoạt của dân chúng tại dưới chế độ mới, tôi hiểu là giải phóng rồi đồng bào miền Nam sẽ khổ như đồng bào miền Bắc nên chúng tôi đâu có muốn giải phóng thành phố Sài Gòn làm chi. Không hiểu sao lính miền Nam lại bỏ chạy, đầu hàng. Chỉ cần giữ vững tinh thần, cầm cự hơn tháng nữa thôi thì tụi nó sẽ kiệt quệ thôi, xe tăng hết nhiên liệu, đạn dược không được tiếp tế, tinh thần xuống thấp và nhất là đói". Rồi ổng kêu "bả" (vợ ổng người miền Bắc, còn trẻ) vô lấy cho tui một kí gạo, dặn tôi nhớ né tránh mấy chỗ gác dân quân. Ổng nói: "Tụi nó còn hăng lắm, tập làm cách mạng, muốn lập công với đảng, chúng không ưa mấy người ăn xin bêu xấu chế độ đâu". Còn bả thì ân cần hỏi thăm tui bịnh lâu chưa, trời mưa có lạnh không, bả cho tui bộ quần áo rồi tâm sự: "Khi miền Nam giải phóng xong, tôi bỏ miền Bắc theo ông ấy vào trong này. Vì sau bao năm chịu đựng với nhà nước này, tôi hiểu ra một điều là đừng chờ đợi pháp luật hoàn tất, bởi vì pháp luật của nhà nước lập ra không phải vì nhân dân (mặc dù họ mượn danh nghĩa nhân dân, mà vì quyền lợi của nhà nước). Khi pháp luật chưa hoàn tất thì những người dân (ở trong Nam) hãy còn "kẽ hở" để mà sống, khi đã hoàn tất (như ngoài Bắc) thì chỉ có chết đói mà thôi". Bả còn nói thêm: "Miền Nam vẫn còn sung sướng hơn miền Bắc đấy chị ạ, cố mà sống và đừng nghe chính sách gì cả nhé bởi vì sẽ cứ thế mãi thôi. Họ lừa hết lớp người này xong lại tiếp tục lừa lớp người kế tiếp, ai cũng sợ hãi nên đành im lặng để mà sống". Nghe xong tui nhìn bả ngỡ ngàng, tuyệt vọng. Một cặp vợ chồng được chế độ này ưu đãi đủ thứ mà còn nói như vậy thì kể gì đời sống của tui. Bả tiễn tui ra về: "Thôi, chị đi đi nhé, nói chuyện nhiều không ích lợi gì". Tui bật ra cơn ho rũ rượi, bả nhìn tui thương hại, bả biết là tui sắp "đi" rồi nên dặn nhỏ: "Xin đừng gọi chúng tôi là cách mạng".   
Huệ và Đồng, hai người lính cũ, cùng nói:   
- Té ra là người dân miền Bắc đâu có sướng gì. Họ cũng chỉ là nạn nhân của vụ lừa thế kỷ như miền Nam mà thôi. Trong khi chúng ta lấy ngày 30-4 (1975) là ngày quốc tang thì miền Bắc có ngày 10-10 (1954) làm ngày giỗ quê hương của họ.   
Thạch Chia, vốn là con sâu rượu đế (anh còn có biệt danh "đại ca tiếu ngạo" vì hay cười cợt đời khi có rượu vô), thêm vào:   
- Dzậy là đúng như bà Bình hay nói ở hiệp định Paris: "Bình mới rượu cũ", chẳng có cải cách gì ráo trọi. Ôi, nói ba cái chuyện đó chi nghe bắt mệt. Ê, Lê A, mày tính đi đám cưới tụi nó cái gì đây?   
Lê A, phế binh Dù bị cụt cả hai chân phải gắn chân gỗ bước đi trên cặp nạng lều nghều như con cua, đáp:   
- Tui chỉ cần đi một vòng chợ Hòa Bình, Nguyễn Tri Phương là đem về một bọc ny lông đầy đầu gà, cánh vịt, phao câu, "pê đan" giò dĩa, lòng mề đủ thứ cho anh "nhậm chẩu" mệt nghỉ.   
Lê A triết lý thêm:   
- Cái khổ của chúng ta là biết những cái mà chúng ta không giải quyết được. Khi mà mọi sự đã trở thành vô nghĩa, khi mà chúng ta bị hất ra bên lề đời sống và đã trở thành những bóng ma vật vờ trên những đường phố thì chúng ta hãy sống như những bóng ma, sống như kẻ vắng mặt trong cuộc sống hào nhoáng này, cứ để ngày tháng qua đi rồi cái gì phải tới sẽ tới. Thôi đừng mất thì giờ tìm ánh mặt trời vào giữa đêm khuya, không bao giờ có đâu. Đừng có được voi đòi tiên nữa, anh em hãy nhớ lại lúc ở kinh tế mới chúng ta mơ ước gì, chúng ta có khác gì con vật nay đang hưởng ân huệ của cuộc sống đây nè: được uống nước phông ten, được ăn đầu gà cánh vịt, được ăn "pê đan" giò dĩa, được "nhậm chẩu" còn gì sướng hơn. Hãy vui với những gì đang có.   
Chị Liên thở dài u uất, tiếp tục lạc "tông":   
- Lạy Chúa của con ơi, ngài có nghe không? Người kiên trinh chung thủy sao lại bị bỏ rơi, kẻ man trá phản bội lại cứ được đền bù. Lũ Giuđa thời đại đang đè đầu cổ nhân dân đây này, lạy Chúa của con ơi.   
Chị Liên nghĩ về chồng chị. Lần về phép sau cùng, anh biết cuộc chiến sẽ còn khốc liệt hơn nữa nhưng vẫn quyết chí ra đi bảo vệ đất nước. Giờ đây chung quanh chị bao nhiêu kẻ chạy theo cuộc sống mới, có ai cần gì đến lý tưởng. Kìa nhiều người còn chỉ lối, dẫn đường cho chế độ cộng sản khống chế cuộc sống nhân dân miền Nam, họ được đền bù bằng sự no đủ, ăn sung mặc sướng trong khi con chị, "giời ạ, giờ này đang chui đầu dưới ống cống". Chị nhìn bầu trời một hồi rồi mặc cả:   
- Lạy giời, xin đừng mưa nữa, nhưng không mưa thì làm sao có cá. Thôi xin mưa nho nhỏ thôi, cho con tôi có được miếng ăn.   
Trong lúc những anh em phế binh khốn khổ như Tưởng lù đù, Tài râu, Hùng cụt tay, Long què giò, Bin khờ... cứ chết dần chết mòn vì bệnh hoạn, bị bắt vào "nhà nuôi", thì trên đường phố xuất hiện nhiều gia đình miền Bắc đi ăn xin ở các hàng quán. Họ vào cả cơ quan nhà nước xin tiền tàu, vé xe để về lại quê. Họ không sợ gì cả. Họ đi từng làng, từng xã vào Nam. Họ có lý do để đi vì mất mùa, lũ lụt... Họ là những ngươi đã một thời tuân hành nghiêm chỉnh những chủ trương chính sách nọ kia của nhà nước cộng sản. Bây giờ nhà nước không còn quan tâm đến họ nữa, tất cả chạy theo chỉ tiêu "tưởng tượng", các báo chí, đài cứ lải nhải nói nọ nói kia, ngợi ca những con số, phóng đại những kế hoạch 5 năm, 10 năm, thậm chỉ lập kế hoạch cho nhiều thế hệ đến năm 2020. Nhân dân khốn khổ miền Bắc bị bỏ rơi cho nên bây giờ họ đi xin công khai đấy, nhà nước có giỏi thì cứ bắt đi, họ không đi lẻ tẻ, họ đi từng đoàn, ai mà đụng đến họ thì họ kéo cả bầy tới bao vây làm áp lực. Những cán bộ miền Nam sợ những đám bần này vì hễ gây khó khăn gì thì họ làm đơn khiếu tố, khiếu nại lên các cấp lãnh đạo gốc miền Bắc tại Sài Gòn. Họ dùng luật pháp nhà nước miền Bắc đặt ra để đòi hỏi, yêu sách ngược trở lại nhà nước miền Nam.   
Thạch Chia tức lắm, trong khi anh là người "gương mẫu" tình nguyện đi xây dựng vùng kinh tế mới, thất bại trở về không nhà không cửa, vợ anh bị sốt rét rừng nằm rên ư ử như con chó, con anh 8 tuổi không biết chữ phải đi lượm rác (đi xin sợ bị bắt vào trường "giáo dục thiếu nhi bụi đời"). Anh đã nhìn thấy người ta giựt đứa con nhỏ ra khỏi tay người mẹ đang ngồi xin ăn rồi đưa đi cải tạo lao động, đứa bé 4 tuổi được đưa vào "nhà nuôi", một thời gian sau thì chết vì phổi có nước. Khi cải tạo về, người mẹ đến nhận con mới hay hung tin, từ đó bà trở thành người điên, ăn nói ngớ ngẫn, vô duyên. Biết thưa kiện ai trong xã hội này? Chưa phải hết, Thạch Chia còn buồn phiền cảnh đời thay đổi trắng đen. Có những anh em tàn phế như mình, trong cơn túng quẩn đến van xin anh giúp đỡ, hứa hẹn lung tung, khi được giúp rồi thì ôm tiền trốn luôn. Thật là phiền vì Thạch Chia dẫn những anh em đó đến giới thiệu với "anh Cả", một cựu sĩ quan cụt một chân, để đến chùa lãnh nhang về bán. Bán hết nhang những anh em này lo trả nợ nần riêng rồi đi luôn, ăn luôn cả vốn của mấy ông thầy, rồi ăn luôn cái chân cụt của người giúp đỡ mình. Thạch Chia xấu hổ với người "anh Cả", gầm lên: "Ta là một kẻ cương trường, một lần thất hứa còn gì thanh danh. Thôi lần này ra đi quyết không trở lại". Thế là Thạch Chia bỏ đất Sài Gòn, dẫn đứa con trai 8 tuổi vào Chợ Lớn... ăn xin.   
Bà quản lý Chợ Lớn Mới (chợ An Đông) là một phụ nữ mập ú, thân hình tròn như cái lu, trên khuôn mặt bánh bèo lủng lẳng một cặp má heo, nung núc những thịt và mỡ. Bà ngồi chễm chệ giữa chợ, giương cặp mắt cú vọ quan sát khắp nơi qua cặp kiếng trắng gọng vàng. Cặp mắt kiếng không làm tăng thêm vẻ "trí thức" sỏi đời mà chỉ tạo cho bà nét nghiêm khắc, soi mói lỗi lầm của người khác. Một ngày kia nhìn thấy hai cha con Thạch Chia đang ăn xin ở dãy hàng thịt, bà dẫn hai dân quân cầm AK47 tiến đến, bắt quả tang thằng nhỏ đang chìa nón xin tiền một khách hàng. Thế là... "chách" một cái, bà vả vào mặt thằng nhỏ thật mạnh làm nó khóc rống lên. Nghe tiếng con khóc, Thạch Chia đang khất thực bên dãy kia vội vàng chống nạng lò cò (anh không mang chân giả khi đi xin) nhảy đến cạnh bà quản lý chợ, rồi bất thần khom người xuống... "huỵch" một cái, anh thúc cùi chỏ vào mặt bà quản lý làm bà ngã bệt xuống vũng nước hôi hám ở hàng thịt, áo quần bê bết sình đen, cặp mắt kiếng cũng văng sang một bên. Hai dân quân ngơ ngác, người đi chợ đứng nhìn. Vừa lồm cồm ngồi dậy vừa quơ tay tìm cặp mắt kiếng, bà hầm hầm chỉ tay vào mặt Thạch Chia hét lên:   
- Bớ người ta! Quân ăn cướp! Trời ơi quân ăn cướp đánh người! Ngụy quân, bà con ơi. Ngụy quân làm loạn. Ăn cướp, ăn cướp, bắt nó lại, bớ người ta!   
Thạch Chia quơ nạng trước mặt bà hăm dọa:   
- Đ... mẹ, ăn hiếp con nít hả mậy! Đồ heo nái...   
Chưa nói kịp hết câu thì... "bộp" một cái, báng súng của một dân quân thúc vào miệng của anh, máu tuôn xối xả. Hàm răng đang còn ê ẩm, chưa kịp phản ứng gì thì "bịch" một cái nữa, lưng anh bị dân quân kia nện cho một cây gậy. Sau đó là những tiếng "thình thịch" vang lên, hai dân quân đấm đá loạn xạ vào người anh như đánh trống cúng đình trong ngày giỗ hội. Thạch Chia chỉ biết khom người ngồi xuống, hai tay che mặt, che đầu. Dân chúng hai bên bất mãn đứng nhìn, một ông già la lên:   
- Tụi bây muốn giết người hả? Bộ không thấy nó què giò hay sao mà đánh đập dã man như vậy?   
Thạch Chia nằm lăn lộn giữa vũng sình hôi hám, người ngợm đen sì, hai tay ôm đầu tránh né đòn thù. Đánh đá một hồi, bà quản lý giả bộ đứng ra can và phân trần với bà con:   
- Thằng này là ngụy quân, nó định giết tôi. Coi nè (bà chỉ vào má bên trái vừa bị Thạch Chia thúc cho một cùi chỏ còn tím bầm), nó tính ám sát tôi đó thấy không.   
Bà con trong chợ nhìn bà quản lý một cách khinh bỉ, nhiều chị phụ nữ còn che miệng cười khúc khích. Một dân quân túm áo lôi cổ anh dậy, dân quân kia trói quặt hai tay anh ra phía sau. Thạch Chia gào lên giữa hai hàm răng loan đầy máu đỏ:   
- Các người biết sống thì cũng để cho người khác sống với chớ. Tui cũng là con người, tôi cũng muốn sống như mọi người chớ có giựt đồ ai đâu?   
Bà quản lý sửa lại cái kính, giả bộ hỏi:   
- Nó nói vậy là sao?   
Một dân quân nét mặt hầm hầm hô lên:   
- Đưa nó về trụ sở, để nó ở đây mất "quan điểm" với nhân dân.   
Thằng con anh may mắn trốn thoát chạy về báo động, ai cũng khuyên nó ngồi yên nghe ngóng. Về tới trụ sở, Thạch Chia chửi bới một hồi thì bị một dân quân khác tát vào mặt mấy cái rồi đá một cú giò lái vào bụng, anh ngã quỵ xuống nằm im bất động. Chiều hôm đó, người ta lôi anh ra xích vào một cây cột giữa trời trong nghĩa địa Triều Châu, nay là Khu Du Lịch Đầm Sen. Cũng may là cây cột bị mục. Trời mát dần, Thạch Chia hồi tỉnh lại, anh đứng một chân chịu đựng từ buổi chiều đến tối. Vào lúc giữa khuya, bọn dân quân ngủ gà ngủ gật, anh lấy tay lay cho cây cột mục ngả xuống rồi từ từ rút tay bị xiềng ra khỏi thân cột. Anh vác sợi dây xích nặng 12 kí lô lên vai, nhảy lo cò ra ngoài lộ đón xe xích lô về gặp lại anh em. Vợ anh sụt sùi khóc và xoa muối ở các chỗ đau bị bầm tím trên thân mình anh. Chưa hả giận, Thạch Chia nói với vợ:   
- Mài cho tui cái rựa, tui không sợ thằng nào hết, phải ăn thua đủ với tụi nó thôi. Ai cũng một lần chết, tui phải chết anh hùng, không chịu nhục được nữa. Tui có trời độ mà đừng lo.   
Mọi người khuyên can mãi Thạch Chia mới nguôi. Rồi những khó khăn thường nhật trong cảnh sống bần cùng cứ bẻ gãy dần ý chí "đứng thẳng người" của anh em phế binh. Làm sao đứng thẳng được khi chỉ còn một chân, một tay chống nạng tay kia phải chìa ra xin tiền bố thí. Làm sao đứng thẳng khi đàn con nheo nhóc kêu khóc vì thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu học. Thạch Chia nhìn thẳng vào cuộc đời trước mắt, chịu đựng và nhịn nhục. Ai sống thì cứ sống, ai chết thì cứ chết. Thạch Chia bất lực và tuyệt vọng.   
Bà Hồng già chết rồi. Bà chết khi đang đi xin ở chợ Nguyễn Tri Phương. Bà được một bạn hàng cho một trứng hột vịt lộn, khi đang ăn thì máu từ miệng ộc ra, bà mắc nghẹn ngộp thở chết. Những anh em khác khôn ngoan hơn tìm đường ăn xin ở những vùng xa. Vào những dịp lễ lớn như Tết Nguyên Đán, họ xin ăn ở Thánh Thất Cao Đài Tây Ninh. Công an và cán bộ có trách nhiệm thu gom không bắt họ ngay mà chờ cho họ xin năm ba ngày, khoảng mùng 6 hay 7 gì đó rồi mới ào tới bắt và tiền xin được bị tịch thu sung vào "công quỹ" riêng. Anh em nào có kinh nghiệm, chỉ xin ăn một hai ngày rồi chuồn đi thì thoát nạn, hoặc là ra mấy tiệm vàng ở chợ Long Hoa mua vài ba phân vàng cất vào túi, lỡ khi bị bắt trong các chiến dịch thu gom thì dúi cho nhân viên thi hành số vàng đó để họ ngó lơ rồi trà trộn vào nhà dân tẩu thoát. Nhưng cũng phải cẩn thận vì nhiều khi "tiền mất tật mang", cán bộ thu gom ác ôn vừa lấy tiền vừa bắt giam người.   
Những loại tin như vậy càng làm anh em mệt mỏi và nản lòng vì khi ấy chưa có các hội đoàn nhân đạo và ân nhân tại hải ngoại biết đến hoàn cảnh của anh em phế binh trong nước để mà giúp đỡ. Cuộc sống của người nghèo khổ rất là khắc nghiệt, mọi người cảm thấy như nghẹt thở trong nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa này. Những khẩu hiệu, bích chương, biểu ngữ loại "đánh cho Mỹ cút, đánh Ngụy nhào", không còn gây chú ý cho bất cứ ai trong thành phố. Riêng anh em phế binh, cô nhi, quả phụ chúng tôi thì thấm thía câu "đình đám người, mẹ con ta" vào những ngày lễ mừng "quốc khánh" như ngày 2-9 này. Trong lòng chúng tôi tuy không dám nói ra vì sợ trả thù, khủng bố, tù đày nhưng lúc nào cũng ngầm ngầm "nỗi hờn vong quốc" và những cảm xúc giận hờn không biết phải trút vào đâu.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 8**

Trở lại cuộc tình giữa Tiến Dũng và A Chế. Thấm thoát đã ba năm hai người hiểu nhau khá lâu và cảm thấy cần phải có nhau trong đời. Anh em cũng mừng vì cuộc đời phế binh vẫn còn có người thương mến và cũng nhân dịp gặp lại nhau, thăm hỏi, vui chơi và ăn uống cho bỏ những ngày cực khổ lang thang đó đây. Vả lại, những dịp lễ "quan trọng" của người cộng sản như thế này, kinh nghiệm cho anh em biết là không nên đi đứng ngoài đường lêu têu dễ bị chiến dịch "làm sạch đẹp tành phố" thu gom lắm. Thế là anh em quyết định chọn một chỗ gần chợ An Đông, nơi "cư ngụ" của Tiến Dũng và A Chế làm lễ cưới.   
Hôm ấy mỗi người một chút tùy theo khả năng mà đóng góp. Chú rể và cô dâu "chịu" năm kí gạo ngon và một kí cá biển, mắm muối, bột ngọt, v.v... Anh em khoảng chừng mười mấy người, toàn là phế binh què cụt, vài bà quả phụ cũng đến chung vui, mỗi người góp thêm vài bó rau sống và những nhúm mì vụn mà các em cô nhi đi xin được. Lê A giữ lời hứa "danh dự" đi bán nhang một vòng đường Nguyễn Tri Phương, vừa mua vừa đổi nhang mang về một bọc gần ba kí đầu gà, cánh vịt, lòng mề, ruột heo và những cái chân vịt quay. Thành và Bé Ba thì đi một vòng chợ ca bài "Qua Cơn Mê" nên cũng đem về đóng góp vài trăm gờ ram chả cá. Chị Mạc vì chồng mới chết nên anh em cảm thông không để chị đóng góp, nhưng chị cũng xà vào phụ với cô dâu và mấy bà quả phụ khác nấu nướng.   
Người vui nhất có lẽ là Thạch Chia, không biết bằng cách nào anh đã mang đến một can mười lít rượu đế, gọi là để "mừng đôi trẻ" nên duyên chồng vợ. Chú rể Tiến Dũng mặc cái áo sơ mi trắng dài tay, cái quần xanh nước biển càng khiến anh ra vẻ học trò. Cô dâu A Phụng thì mặc cái quần tây màu nâu kiểu điếu thuốc xì gà và chiếc áo bà ba cùng màu, theo cách nói của Thạch Chia, ra vẻ "tân cổ giao duyên" nhưng mà "kệ bà nó". Thạch Chia mở đầu buổi lễ:   
- Hôm nay chúng ta đều có mặt đầy đủ, chỉ thiếu bà già Hồng, thôi kệ bả, mình cúng bả một ly khai màn là được rồi.   
Vừa nói anh vừa đổ một chút rượu xuống đất, rồi anh đưa lên môi uống một cái ực chỗ còn lại. Anh thì thầm: "Kính lão đắc thọ". Anh gắp cái mề gà, đôi cẳng vịt quay bỏ vào cái dĩa mời bà Hồng già "về" ăn. Tiếp đó anh em nâng ly chúc cô dâu A Chế và chú rể Tiến Dũng được nhiều may mắn trong cuộc sống, sớm thoát ly cuộc đời nghèo khó, có đàn con đông v.v...   
Thức ăn gồm ba món để trong nồi, ai ăn nấy múc, tô dĩa của khách để dưới nền gạch. Đầu tiên mỗi người làm một tô cơm với cá kho cho chắc bụng, sau đó là cuộc nhậu gồm một món canh hầm bà lằng đủ thứ nấu với xương heo, phổi, huyết, bao tử cùng những thứ rau cải, giá, hẹ, mì vụn... và những con cá nục chiên sốt cà chua. Món đầu gà, cánh vịt của Lê A được chiếu cố kỹ lưỡng vì mùi vị thơm thơm của nó gợi cho anh em cảm giác về những món ăn mà trước kia anh em đã từng được thưởng thức.   
Câu chuyện trở nên rôm rả hơn khi có thêm mấy người anh em từ Thủ Đức cùng đến chung vui. Họ đem theo mười mấy ổ bánh mì, vài bịch huyết luộc và một kí lô ruột bò. Vài người làm nghề bốc vác quanh chợ cũng nhào vô nhập cuộc, đóng góp mười lít bia hơi cùng hai kí phá lấu vụn. Mãi vui, trời đã về chiều, chợ đã dẹp xong, anh em mỗi người góp vui một bài ca nào đó. Thạch Chia lúc này mặt mày đỏ như con tôm luộc, gõ đũa vào dĩa nước chấm, ca bài "Xuân này con không về". Lê A ngâm nga bài "Mẹ ơi, hoa cúc hoa mai nở rồi". Huệ khen cô dâu: "Đẹp ghê nơi đó à nha". Nãy giờ chú rể không uống rượu, bấy giờ "hội đồng" bắt phạt hai người phải hát bản nhạc Tàu "Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài". Đồng hứng quá hát bài "Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi...". Riết rồi mỗi người chêm vào một câu, mạnh ai nấy nói. Tự nhiên giữa lúc mọi người đang chan hòa niềm vui, chị Liên lại lạc "tông":   
- Giời ạ, nước mất nhà tan, gia đình ly tán thế này mà còn vui nỗi gì!   
- Trời đất, đám cưới mà thế này thì xui quá - Thạch Chia sắp sửa rầy chị thì ở góc đường xuất hiện hai dân quân, tay đeo băng đỏ và cầm gậy đi tuần.   
Anh em im bặt vì nhận ra họ là những người có trách nhiệm giữ an ninh ở khu chợ này. Họ bước đến gần, người to lớn vạm vỡ hất mặt hỏi:   
- Này, mấy người làm cái gì ở đây mà ồn ào thế hả? Âm mưu gì đó? Định tụ tập gây rối trị an, làm xáo trộn đời sống của nhân dân hả?   
Vừa hỏi xong, người to lớn thò đầu vào bàn nhậu quan sát. Tiến Dũng còn tỉnh táo, vội phân trần:   
- Dạ, tụi em đâu có làm gì đâu, đồng chí.   
- Câm mồm! - người to lớn nạt nộ. Ai đồng chí với lũ Mỹ Ngụy chúng mày.   
Tiến Dũng vội nói:   
- Dà, anh Hai tha lỗi, bữa nay đám giỗ ông bà, tụi em lỡ vui quá.   
- Im ngay, không thì tao cho một cái tát vào mặt bây giờ. Ăn với nhậu - người to lớn lừ con mắt nghiêm nghị. Ngày xưa tụi tao ở trong rừng, ăn củ năng ấy mà còn đánh giặc, có đâu ăn nhậu lười biếng như chúng mày, không đóng góp gì cho nhân dân, cho cách mạng cả.   
- Còn mày? - người trẻ tuổi dựa hơi "cách mạng" hất hàm hỏi Lê A, lúc đó đang mặc chiếc áo lính màu hoa rừng còn tươm tất. Ngày xưa giết được bao nhiêu Việt Cộng rồi, cấp bậc gì, sĩ quan hả?   
Thạch Chia mặt đỏ gay, ngước mắt nhìn người dân quân trẻ, trả lời thay:   
- Nó ở kinh tế mới về, bị sốt rét rừng, đi bán nhang thấy... mẹ luôn. Vì ít bữa nữa cũng tới lễ quốc khánh 2-9 rồi, nó ghé đây ăn mừng mà. Sĩ quan gì cha nội.   
Người to con bước xấn tới, hất đổ ly rượu trước mặt Thạch Chia:   
- Ai hỏi mày mà thay lay.   
Quá mức chịu đựng rồi, giọt nước đã làm tràn ly. Thạch Chia bật đứng dậy và... trời ơi anh có võ Tàu. Hai ngón tay của Thạch Chia chĩa tới như hai cái dùi đâm vào mắt người to con theo thế "song long sang châu" (con rồng cướp trái châu). Nhưng người to con cũng không phải tay vừa, hắn ngửa mặt ra phía sau né đòn rồi nghiêng người quét ngang chân phải vào cái chân còn lại của Thạch Chia (anh quên mang chân giả vào). Thạch Chia mất thăng bàng té ngồi xuống đất, người to con xông tới, hai người vật nhau lăn lộn dưới đất. Người to con đè đầu Thạch Chia xuống, thét bảo người trẻ tuổi phụ trói Thạch Chia đưa về trụ sở. Lê A nãy giờ cố gắng nhịn nhục, liền lao tới đập cái tô canh vào đầu người trẻ tuổi. Chú rể không uống rượu, bấn loạn tâm thần, cũng bước tới túm tóc người to con lôi dậy, quất cái chân giả vào mặt một cái "bộp", máu rỉ ra nhền nhệt. Say máu vì thấy người to con tay còn nắm tóc Thạch Chia, Tiến Dũng co tay quất thêm một cái nữa vào đầu khiến người to con chúi nhủi về phíỉ trước. Huệ và Đồng nhào tới, chị Liên thét bảo con tìm cục gạch. Những tiếng thoi, đập vang lên liên hồi. Hai dân quân quên cả đau lật đật ngồi dậy, bỏ chạy.   
Chưa đầy mười phút sau, anh em phế binh cùng bạn bè chưa kịp chạy trốn thì một toán dân quân khoảng hơn chục người cầm gậy gộc và súng AK chạy tới bao vây các ngõ chợ. Trời vừa xẩm tối, mạnh ai nấy chạy. Toán dân quân hễ cứ thấy ai mặc áo lính, què cụt, bước chân dậm dệch là nhào tới đánh đập. Thạch Chia bị nện báng súng tới tấp vào mình, Huệ và Đồng bị hai dân quân khi nãy nhận diện nên bị đánh hội đồng, Huệ mềm người gục xuống, máu từ miệng ồng ộc chảy ra... Chủ rể nhờ khuôn mặt hiền hậu, đẹp trai, mặc áo sơ mi trắng, quần xanh dương, dáng học trò nên dân quân sơ ý không nhìn thấy cái chân giả, thoát nạn. Anh cùng cô dâu trốn ra khỏi chợ, ngồi co ro ở một góc đường. Những người dự tiệc bị bắt dẫn đi. Thạch Chia cũng bị lôi theo, hai tay bị trói tay quặt ra đằng sau, nhảy cà nhắc theo toán dân quân. Chú rể thấy người anh của mình bị hành hạ, định bước ra can thiệp, cô dâu A Chế nắm chặt tay Tiến Dũng, nhìn anh với vẻ van nài tha thiết:   
- Không làm được gì nữa đâu, anh!   
Thấy cô dâu chú rể đứng bên kia góc đường lẫn lộn với đám người hiếu kỳ, Thạch Chia mặc dầu bị lôi đi xềnh xệch vẫn tìm cách quay đầu lại nói với đám đông:   
- Đừng làm gì vô ích anh em ơi. Chúc cô dâu chú rể hạnh phúc.   
Tiến Dũng im lặng nhìn những bạn đồng cảnh ngộ bị giải về trụ sở dân quân, lòng đau như cắt. Anh bất lực. Cuộc đời kham khổ của những anh em phế binh trở về những tháng ngày đen tối.   
Đoàn người bị trói tay đi theo toán dân quân đằng đằng sát khí, tay cầm gậy gộc, súng ống, miệng thì chửi bới tục tằn, họ hùng hùng hổ hổ như thể sắp lôi ra pháp trường hành quyết những kẻ thù không đội trời chung.   
Chúng tôi có làm gì để trở thành kẻ thù của ai đâu, chúng tôi chỉ muốn được vui chơi như mọi người khác trong một tiệc cưới mà cũng không yên. Lê A chịu không nổi cảnh kham khổ trong trại cải tạo đã chết một năm sau đó, để lại hai đứa con gái hiện đang hành nghề bia ôm trên các vỉa hè.   
Viết lại theo lời thuật của Nhị Nguyên

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 9**

Chúng tôi phải sống

Những năm sau ngày 30-4-1975, các khu vực quanh chợ và bến xe tại Sài Gòn đều bị giải tỏa. Nhà nước cộng sản cho xây dựng lại những khu chợ mới để bộ mặt thành phố đẹp đẽ hơn. Trước khi có chiến dịch bố ráp, bắt bớ qui mô, rầm rộ, những người cùng khổ bị xua đuổi đi nơi khác. Chúng tôi phải tìm nơi cư trú mới nhưng ở cũng không yên, nay lây lất chỗ này vài đêm mai lang thang chỗ nọ vài tuần, rồi lại dời đi nơi khác không có gì ổn định.   
Cuộc sống của những người cùng khổ cũng như loài chim cộng mạng kia.   
"Chuyện xưa kể rằng ở xứ Thiên Trúc xa xôi có một loài chim mang tên cộng mạng chi điùểu. Suốt đêm ngày chúng nối cánh có nhau, nhưng vì chúng có ba cái đầu nên mang ba ý muốn khác nhau. Trong khi cái đầu này đang ngủ, cái đầu nọ muốn ăn và cái đầu kia lại muốn cất cánh bay cao. Những cái đầu nhìn nhau xa lạ và còn thù ghét nhau. Chúng tự cắn mổ lẫn nhau. Nhưng rồi mùa săn đến, những người thợ săn làm ra những cái bẫy để bắt chúng. Chúng sa vào bẫy, vùng vẫy, gào thét trong tuyệt vọng, rồi nhìn lại nhau và chợt hiểu rằng mặc dù chúng có ba cái đầu nhưng chúng chỉ có một thân mình, một quả tim và một nỗi đau khi bị thương tật. Từ đó chúng nguyện rằng khi thoát được cái bẫy ác độc này, chúng sẽ không con nhìn nhau xa lạ nữa và sẽ mãi nối cánh cùng nhau bay hết cuộc đời còn lại".   
Những người cùng khổ tại Việt Nam cũng vậy, họ đã theo đuổi những mục tiêu, những khát vọng, đã khoác lên vai những lý tưởng khác nhau và đã nhìn nhau như thù địch. Tập đoàn lãnh đạo cộng sản hiểu ra điều ấy, đã khôn khéo làm ra những cái bẫy để bẫy dân, và dân chúng hai miền Nam Bắc đã chỉ hiểu ra điều ấy khi đã kiệt lực và đau khổ. Cũng giống như loài chim cộng mạng chi điểu, khi cái đầu này hiểu rằng nỗi đau của cái đầu kia là nỗi đau chung, thì cái bẫy ác độc của chế độ đã giữ chặt đôi chân của chúng mất rồi, chúng ta đã không còn biết xoay sở làm sao để thoát khỏi bàn tay của nhóm thợ săn khôn khéo ấy. Chúng ta phải cầu nguyện ngày nào thoát khỏi ách cộng sản vây trùm, chúng ta sẽ thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau như người ruột thịt, vì chúng ta có chung một thân phận Việt Nam, thân phận những người cùng khổ trong một nước nghèo khó. Chúng ta đã cấu xé lẫn nhau để cho tập đoàn cộng sản rãnh tay ly tán, chia rẽ để rồi tất cả đều bị triệt hạ.   
Anh Ba Mỵ đã từ miền Bắc vào Nam tìm kiếm người thân, nhưng không gặp. Anh nhìn đứa con trai nằm co quắp ngủ dưới mái che của ngôi mả cổ mà lòng buồn rười rượi. Năm 1954, chủ nghĩa cộng sản đã nhuộm đỏ miền Bắc. Vì gia đình anh ở tận làng quê xa, Lỗ Xá, huyện Kinh Môn, nên đã không chạy thoát ra được Hải Phòng để được chuyến tàu di cư cuối cùng chở những dân tị nạn cộng sản rời Vịnh Hạ Long vào Nam hưởng cuộc sống tự do. Anh đã ở lại để nghe lòng tan nát, ở lại để chứng kiến những cuộc đấu tố kinh hoàng.   
Chế độ cộng sản miền Bắc đã làm áp lực buộc người làm công đấu tố chủ đất, học trò chống lại thầy dạy, bạn bè rình rập nhau như người xa lạ, người có học thức và giàu có bị coi là kẻ thù của "giai cấp". Có nhiều người vợ đầu hôm tay ấp bỗng quay ra tố cáo người chồng. Tệ hại hơn nữa, chính con cái đứng ra tố cáo cả cha mẹ. Họ làm vậy để tỏ ra trung thành với Đảng, nhưng để được cái gì ngoài số phận được làm tôi đòi. Anh Ba Mỵ ngơ ngác nhìn những người thân quen xưa hò hét khản cổ, đi theo đám biểu tình hoan hô những lãnh tụ cộng sản. Tới lượt cha anh bị kết tội là Việt gian hạng nặng vì nói được tiếng Tây, gia đình anh bị tịch thu hết ruộng đất, mà ruộng đất có rộng là bao, vỏn vẹn chỉ ba sào. Thật là buồn, người ta đã không từ bỏ một thủ đoạn nào để triệt tiêu những gia đình bị coi là địa chủ.   
Chủ nghĩa cộng sản không muốn dừng lại trên miền đất Bắc, tập đoàn lãnh đạo cộng sản phát động cuộc xâm chiếm miền Nam. Đã có những năm tháng, quân đội Hoa Kỳ, đồng minh cũ của miền Nam, cho máy bay ra oanh tạc miền Bắc. Tuy không dám nói ra, trong lòng anh mơ hồ nhen nhúm nỗi vui mừng và thỏa mãn. "Máy bay ơi, bỏ bom cho khéo nhé kẻo trúng phải nhà dân. Hãy bỏ cho trúng ổ bọn chọc gậy xuống ao không biết rét". Ấy, lại gặp bọn quỷ quyệt. Chúng núp sau lưng dân, đưa dân ra chịu đựng. Chúng tìm cách kích động nhân dân căm thù "giặc lái" (phi công) để rêu rao trước dư luận quốc tế bị Mỹ ném bom. "Ma Ma, Phật Phật", làm sao dân chúng phân biệt được, ai "giải phóng" ai. Nhưng khổ nỗi, trời đất đã không chiều theo lòng người, kẻ ác lại thắng. Miền Nam chẳng những đã không cứu được miền Bắc ra khỏi cảnh đời lầm than mà lại còn bị miền Bắc choàng lên đầu màn trời đen tối. "Thôi rồi, hỏng cả rồi", anh Ba Mỵ than. Anh cùng Cả Yến, một người bạn chí cốt, rủ nhau vào Nam, trước để tìm người thân đã di cư hồi 1954, sau là tìm cách định cư luôn.   
Nhưng nhà nước cộng sản không muốn người dân nghèo miền Bắc hiểu được đời sống thật sự của dân chúng miền Nam. Họ đã lập ra những chốt gác để ngăn chặn dân ở cầu Bến Hải, vĩ tuyến thứ 17. Dân không qua được cầu thì họ lội sông, nhưng như thế là phạm luật. Mặc kệ, anh Ba Mỵ và anh Cả Yến cùng với đứa bé chờ đêm xuống, tìm khúc sông vắng lội qua bên kia bờ... Việt Nam tươi sáng.   
Vào đến Sài Gòn, hai anh không tìm thấy người thân. Hỏi nhiều chỗ, hai anh mới biết là người thân của hai anh đã vượt biển sang những nước tự do tị nạn cộng sản. Bơ vơ giữa dòng đời, hai anh đứng giữa chợ trời Sài Gòn, góc đường Hàm Nghi, không biết phải làm gì nhưng cả hai không còn tha thiết với quê hương miền Bắc nữa. Hai anh tự hỏi về để làm gì nữa, về để một người làm việc bằng hai, bằng ba mà ăn thì chỉ bằng một nửa. Những món đồ tùy thân cuối cùng của hai anh được đem ra bán. Hai anh tìm đường đi về xóm nghĩa địa.   
Đã từ lâu, nhà cầm quyền cộng sản muốn lập lại trật tự trên đường phố vì những người sống vật vờ đầu đường xó chợ làm "xấu" chế độ xã hội chủ nghĩa nhiều quá. Từ lâu nhà nước muốn làm mạnh tay, loại trừ những thành phần lang thang ngoài đường phố, nhưng họ sợ mang tiếng với dư luận. Nay đất nước mở cửa ra với thế giới bên ngoài, những người không nhà không cửa, sống lang thang gây rối trật tự an ninh, nhà nước càng có thêm lý do chỉnh đốn lại thành phố. Vì vậy việc mua bán, sự đi lại cũng như chỗ ngủ qua đêm của anh em phế binh và người cùng khốn bị để ý, tất cả đều bị xua đuổi và bắt bớ giam cầm với những lý do không rõ rệt. Vào thời ấy chỉ còn một chỗ ở qua đêm ít ai để ý, đó là những nghĩa địa bỏ hoang, nơi bị "đời" bỏ quên. Chính vì đời bỏ quên nên những người bị đời bỏ quên cũng đã tìm về đây xum họp. Không ở yên với người sống thì tạm ở chung với người chết, thế là "cộng đồng nghĩa địa" được thành hình. Nó qui tụ tất cả những người mất nhà mất cửa không nơi cư ngụ, những người từ vùng kinh tế mới trở về, những anh em phế binh, cô nhi, quả phụ, những người sống dở chết dở và những người nghèo khó miền Bắc trốn vào Nam.   
Vào trong nghĩa địa rồi, hai anh mới biết là họ không phải là những người đầu tiên. Nơi đây đã có sẵn một binh đoàn người nghèo khó từ miền Bắc vào Nam trước họ tìm cơ hội sống. Giữa những người cùng khổ, sự chia sẻ dễ dàng hơn vì tất cả đều là nạn nhân của chế độ. Họ sinh con đẻ cái tại chỗ, không có giấy khai sinh. Ai bệnh đau thì chỉ biết nằm rên hừ hự, chẳng may bị chết thì được chôn tại chỗ, bên cạnh một mộ phần nào đó, kể cũng tiện. Bà con rửa ráy, nấu cơm, ăn ngủ và tiểu tiện ngay trên các phần mộ bỏ hoang. Có điều lạ là tỷ lệ sinh sản tại đây hơi cao, bà mẹ nào cũng bồng trên tay một trẻ sơ sinh, có lẽ vì không biết làm gì giữa đêm khuya nên "thú vui" vợ chồng là chuyện gối chăn. Tại đây, anh Ba Mỵ cho "cộng đồng nghĩa địa" biết là anh và đứa con trai quyết định "định cư" tại nghĩa địa này, chờ Cả Yến về Bắc bán nhà xong mang cả gia đình vào Nam tị nạn. Anh nói:   
- Dẫu sao thì đối với miền Nam này nhà nước còn có sự giữ kẽ về chính trị, chưa có thể xiết chặt hơn miền Bắc đâu. Hãy còn kẽ hở để lách vào mà sống.   
Anh bày cho anh em xóm nghĩa địa những cách "làm ăn" qua mặt bọn "nó". Anh đồng ý với cộng đồng đau khổ này là "tất cả chỉ là sự lừa dối kéo dài, không nên nghe theo những gì chính sách nói, phải làm ngược lại".   
- Nếu như thế thì còn gì nữa! - một người đàn bà buồn bả thở dài.   
Mọi người đã ngủ cả rồi, những gì anh Ba Mỵ nói ám ảnh chị mãi. Chồng chị là anh Mạc, phế binh bộ binh Sư Đoàn 25 cụt một chân và bị lao phổi nặng, đi bán nhang chẳng may băng qua đường lúc trời mưa thịì bị trượt té, một chiếc xe hàng chạy ngang thắng không kịp, đầu anh bị cán nát, lòi cả óc ra ngoài. Anh Mạc mới chết cách đây vài tháng. Đứa con gái, 5 tuổi, nằm ngủ vô tư quá. Chị ngước mắt nhìn lên vầng trăng giữa bầu trời đen tối, ánh trăng dẫu sáng cho mấy cũng không át được mây che lấp các vì sao. Biển đêm mênh mông quá, những ánh sao nhấp nháy đưa chị về vùng kỷ niệm của những ngày tuổi thơ. Những đêm trăng rằm Trung Thu, chị và những nhỏ bạn rước đèn. Ờ nhỉ, ngày ấy, đèn lồng của mình hình ngôi sao đẹp quá. Còn ngày nay cũng là ngôi sao nhưng sao nó vàng chóe thế này, lại còn như thỏa mãn "cười" nham nhở giữa mảnh vải màu máu đỏ lòm. Những lá cờ màu đỏ giăng kín các phố phường như chiếm hết không gian của chị và đứa con nhỏ. Chị ho khậm khẹt, không hiểu sao chị quá sợ màu đỏ quá. Nó giống như màu máu hòa trong nước miếng mà chồng chị nhổ ra sau mỗi cơn ho. Một buổi chiều kia, chị Liên ghé qua khu nghĩa địa rủ chị Mạc đi mua củi. Chị Liên nói:   
- Đi buôn như thế lời nhiều lắm, đi xe lửa chui không tốn tiền vé, cứ hễ gần đến ga xe lửa chạy chầm chậm lại thì mình tuôn củi xuống rồi nhảy theo. Công an bảo vệ ga không sao bắt được vì nhiều người cùng làm vậy, nhất là các trẻ em nhanh nhẹn hơn. Dạo này chợ trời Hàm Nghi bị bố ráp dữ quá, nhà nước đang có chiến dịch làm đẹp thành phố, chính tôi đã nhìn thấy một bà già tóc bạc bị "bọn nó" túm lấy bao quần áo quẳng lên xe chở về trụ sở. Bà già hoảng hốt, quẩn cả trí, vội quỳ xuống chắp tay lạy "bọn nó", nhưng "bọn nó" lại hung hăng nhìn bà già bảo là "mỉa mai hả". Bắt giữ, tịch thu đồ đạc có lợi hơn là nhận những lời van xin của mấy bà già, vì hàng hóa sau đó được đem về trụ sở để chúng lục tìm những món gì thích đem về làm của riêng hoặc kêu "tà lọt" mang ra chợ bán lại chia nhau tiền. Bọn chúng cứ lạnh lùng truy bắt tiếp những người mua bán, lấn chiếm long lề đường, mình không còn đường nào khác là phải đi buôn.   
Uống xong ngụm nước lạnh, chị Liên nói tiếp:   
- Nhưng buôn than theo đường xe đò không còn an toàn nữa. Chị Loan và chị Mai vừa bị bắt ở trạm kiểm soát Sông Bé, hai chị tiếc số hàng nên ở lại năn nỉ. Đêm đến, hai chị nằm ngủ, đám dân quân chỉ đáng tuổi em các chị đã mò vào hạnh họe nọ kia, rồi tên "xếp" mặt non choẹt gọi chị Mai bằng "em" và đề nghị "biết điều" thì nó sẽ tha. Hai chị vừa sợ vừa bối rối vì số hàng ở trong tay chúng nên... "chiều" nó. Thỏa mãn xong, nó vừa lui ra thì gần một chục thằng khác nhào vô thay phiên "làm thịt" hai chị. Chúng ra vào quần quật, đùa giỡn thể xác hai chị suốt đêm. Đến tờ mờ sáng, bọn chúng làm bộ tịch thu "lấy lệ" một nửa số hàng rồi cho hai chị đi về không quên gởi kèm theo những lời trêu ghẹo tục tỉu.   
Chị Liên cười cười kể tiếp:   
- Về đến Sài Gòn, chị Mai hồng hộc thở ra: "Tụi nó... tồi quá!". Chị Loan an ủi: "Kệ nó, cái gì kia còn mất nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ", rồi hai chị ra sông Bạch Đằng tắm rửa mình mẫy. Chị Loan nói với bạn: "Tụi nó làm dữ quá, coi nè "của" tui sưng phồng lên đỏ hỏn, rát quá!".   
Kể xong, chị Liên kết luận:   
- Phải làm mau đi thôi, từ từ rồi "chúng nó" sẽ kiểm soát tới đường xe lửa, lúc ấy có muốn đi buôn cũng không được nữa đâu.   
Rồi chị nói nhỏ:   
- Ở ga xe lửa Sài Gòn đó, cứ mỗi chiều tối có mấy thằng cha mua hai ổ bánh mì kẹp thịt và hai bọc trà đá ở nách, kẹp tấm nệm đan bằng cói. Họ nháy nhó, rủ rê mấy người đàn bà không còn làm ăn gì được nữa ngủ qua đêm với họ.   
Nhưng chị dặn thêm:   
- Muốn làm gì thì làm nhưng đừng có ra chỗ đó nghen. Tụi mình phải nương tựa lẫn nhau mà sống. Đi buôn thì cần có bạn, đi bán cần có bè, nhưng nếu không có ai đi chung thì tôi sẽ đi một mình với thằng con trai. Tôi không để cho nó chui xuống cống kiếm cá nữa đâu, hồi hộp lắm!   
Thế là chị Mạc quyết định theo chị Liên và chị Nguyệt lên Long Khánh buôn củi lậu. Mỗi chuyến đi kéo dài ba ngày khiến chị đuối sức, đứa con gái nhỏ 5 tuổi không phụ giúp được gì lại còn vướng bận những lúc nhảy tàu làm chị Nguyệt bực mình. May nhờ đứa con trai của chị Liên phụ giúp nên cũng đỡ được phần nào. Có lần chị Nguyệt bàn với chị Liên đi mua bán riêng, chị sằn sàng bỏ vốn cho chị Liên đi chung:   
- Liên à, con Mạc hình như nó bị ho lao, vợ chồng thì dễ lây lang. Mày có thấy đôi vai của nó bị co rút lên không?   
- Dạ thấy. Tội nghiệp, nó cũng ráng lắm mà.   
- Mày lo cho mày đi. Thời buổi này nhân đạo là tự sát đó. Với lại mày thấy đó, tao đâu có vốn gì nhiều, nếu chậm chạp lỡ bị bảo vệ bắt một cái là hết vốn luôn.   
Chị Liên ngẫm nghĩ: bà Nguyệt này thật ra đâu có tử tế gì, chẳng qua là bả nhờ có thằng Đức (con trai chị Liên) lanh lẹ nên mới chịu bỏ vốn ra đấy chứ, như vậy bà ấy lời thêm một "công". Hình như đoán hiểu suy nghĩ của chị Liên nên bà Nguyệt tỏ vẻ "thương" thằng bé. Bà thường rủ thằng nhỏ: "Đi ăn bún, con!". Đi thêm vài chuyến nữa thì chị Liên và bà Nguyệt buộc chị Mạc phải đi riêng. Chị Liên vỗ về bạn:   
- Có gì thì chị cũng biết cách rồi đó, nếu không vốn nhi)ều thì buôn ít một chút cũng tạm đủ cho hai mẹ con sinh sống. Ráng lên!   
Thấy mặt chị Mạc lộ vẻ lo lắng, chị Liên trấn an:   
- Bà Nguyệt không chịu đi chung, thì chị cứ mua bán riêng cùng với tôi. Nếu như có chận bắt đột xuất cần phải tuôn củi và nhảy tàu thì thằng Đức con tôi dắt con Hoa giùm nhảy cho, đừng có lo.   
Hai người quả phụ hẹn nhau là như thế, nhưng khi có cuộc chận bắt xảy ra thì ở trên các toa xe hỗn loạn lắm. Chị Mạc vừa quăng được hai bó củi xuống đám cỏ thì những bạn hàng khác cũng nhốn nháo cả lên, họ xô đẩy và chen lấn, tranh nhau tuôn củi xuống. Đứa con gái chị bị những bó củi quăng trúng chân khóc ré lên. Chị Mạc lúng túng, vừa sợ mất củi vừa sợ mất con, chị quay lại nhìn những bó củi, rồi quay lại nhìn con. Sao thế nhỉ, cái gì trong lòng chị thế này, ánh mắt con chị như sao trời nhấp nháy, tuổi thơ của chị đây mà. Chị chết điếng trong lòng rồi đưa tay ôm đứa con, nước mắt chị chảy ra, không biết là vì tiếc củi hay vì thương con, có lẽ cả hai. Bà Nguyệt và chị Liên đã nhảy xuống đường rày, nhìn chị Mạc la lên ơi ới:   
- Ném củi xuống mau, bảo vệ tới kìa!   
Đứa con trai chị Liên muốn đu người lên đoàn tàu để phụ chị Mạc ném củi xuống nhưng không kịp nữa, đoàn tàu từ từ đi vào sân ga, đám bảo vệ ùa ra, những con buôn ôm vội mớ hàng hóa bỏ chạy. Chị Mạc ôm con vào lòng nhìn người ta ôm những bó củi của chị chạy đi. Thế là mất hết. Chị bước xuống thềm sân ga, trước mặt là bóng tối.   
Những ngày sau đó, người đàn bà gầy gộc ra đi. Đôi mắt chị Mạc thụt sâu vào hóc mắt, chị không biết làm gì nữa. Chút vốn liếng dành dụm được để đi buôn bay theo mây khói. Những cái quần, cái áo bán dần đi để cầm cự giữa chợ đời không còn nữa.   
Chị Liên và đứa con trai đi theo chị Nguyệt vài chuyến nữa rồi rủ nhau đi Phan Thiết mua cá biển về bán ở Sài Gòn. Mùa cá đến rồi, nếu trời thương thì... cuộc đời đỡ khổ. Nhưng có một dạo bảo vệ xe lửa truy đuổi gắt gao, nhiều bạn hàng bị tịch thu hết cả hàng hóa. Chị Liên và chị Nguyệt nhờ có thằng Đức nhanh nhẹn nên thoát được nhiều chuyến hàng. Một hôm, trời mưa tầm tả, bảo vệ chia nhau ngăn chặn các toa xe. Để cứu lấy món hàng, thằng Đức và lũ nhỏ leo chuyền ra ngoài cửa sổ những toa xe. Một đứa tuột tay bị cuốn vào những bánh xe lửa, thân thể bị nghiền nát trên đường ray. Xe lửa về đến ga Thủ Đức rồi mà chị Liên vẫn chưa thấy đứa con trai đâu. Chị hỏi thăm lũ nhỏ, có đứa thấy thằng Đức leo lên mui xe lửa trốn thoát được bảo vệ. Nhưng đến ngày hôm sau chị Liên mới biết rằng khi xe lửa qua cầu Biên Hòa, con chị đã bị thanh sắt đánh vỡ đầu rớt xuống đường ray, thân xác bây giờ không biết được chôn cất nơi đâu. Chị Liên thơ thẩn, chị Nguyệt mất cả vốn không còn dám đi buôn nữa. Chị Mạc rời khu nghĩa địa ra ngồi ở bùng binh Chợ Sài Gòn đưa mắt nhìn qua bên kia đường.   
Bên kia đường là sân ga. Trời đã tối, cửa hàng ăn uống quốc doanh đã đóng cửa, những sinh hoạt về đêm bắt đầu. Đủ mọi hạng người tụ tập về đây để ngủ qua đêm. Những người tài xế nằm dài trên tấm nệm cói trải trên nền xi măng để cho những người đàn bà tới đấm bóp, giác hơi xoa nắn, thư giãn gân cốt. Tại một góc của nhà ga là chỗ để khách lỡ đường ngủ đêm chờ tàu. Ở đó, có một số phụ nữ vì hoàn cảnh sống khổ sở đến ngồi chờ khách. Họ không biết làm gì vì không có đồng vốn nào cả, nhờ có chút nhan sắc nên khi đêm về họ lấy "thân" làm vốn. Nhưng vào thời buổi khó khăn, những người đàn ông cũng không rộng rãi cho lắm, họ trở nên thô bạo và không còn sòng phẳng như trước. Cái giá để trả cho một cuộc tình qua đêm là một khúc bánh mì, khoảng hơn gang tay, kẹp những lát thịt xắt mỏng (giá 500 đồng, bằng 1/4 dĩa cơm), một bọc ny lông trà đá và một tấm nệm cói để hai người đắp chung. Chỉ người phụ nữ nào may mắn lắm mới được trả bằng tiền mặt, nhưng cũng không là bao.   
Vào mỗi buổi chiều, những người đàn ông ngồi trên băng ghế đá ở công viên, bùng binh, bến xe buýt để lựa chọn bạn... tình qua đêm. Bên cạnh họ để sẵn hai ổ bánh mì, hai bọc trà đá và tấm nệm cói để cho các "bạn tình" biết mà tìm đến. Khi đến với nhau, tuy không nùói ra nhưng họ ngầm hiểu là chỉ có họ với nhau mà thôi, nhưng vào khoảng nửa đêm có khi có thêm dăm ba người đàn ông khác xà vào "ăn ké", dĩ nhiên là miễn phí. Người đàn bà khốn khổ kia chỉ biết im lặng chịu đựng vì có kêu cứu cũng không ai đến can thiệp.   
Có những đêm anh em phế binh chúng tôi nằm ngủ ở một góc nhà ga chờ sáng theo tàu lửa đi bán nhang xa, nhìn những tấm nệm phập phồng dưới ánh đèn vàng vọt, tiếng thở hồng hộc và tiếng cựa quậy lục đục của người đàn ông kèm theo tiếng rên rỉ của người đàn bà, rồi tiếng chửi mắng tục tằn của người đàn ông không thỏa mãn, chúng tôi hiểu rằng trong bước đường cùng những người sống không lý tưởng vùi dập lẫn nhau như những con vật.   
Nhưng cũng có những người đàn bà đem bán "thân xác" mà không có người mua. Đó là những người đánh lỡ mất tuổi thanh xuân, những bà quả phụ cô đơn. Cuộc sống khắc nghiệt ở hè phố làm mất đi chất tươi trẻ trên nét mặt, nụ cười, họ già đi mau chóng, thân hình khô héo quắt queo như trái táo tàu. Dù có xoa lên mặt chút hương phấn nhưng họ cũng không còn hấp dẫn ai. Chị Nguyệt cũng vậy, hết vốn đi buôn chị ra ngồi ở bùng binh cùng với chị Loan. Có những người đàn ông mua bán ở chợ trời, tuổi chỉ đáng con chị, biết chị cần có miếng ăn để sống cũng gọi chị bằng "em". Chị không lấy đó làm giận mà còn "mừng". Mừng là vì chị vẫn còn "giá trị". Đã hai đêm rồi, mặc dầu chị đã xin của chị Loan một chút phấn để xoa lên mặt và cũng đã đi lại mời mọc một số người đàn ông nhưng không ai chịu chia sẻ với chị ổ bánh mì kia.   
Tối nay trời mưa lạnh lẽo, hình như có bão hay sao ấy. Chị Mạc cảm giác như có kim châm ở trong bao tử, sự co thắt của các cơ thịt làm chị run rẩy, xương có vẻ như dòn ra, cử động kêu lụp cà lụp cụp. Cơn đau bao tử làm chị khó chịu, nước lạnh uống vào cứ sôi óc ách. Tay chân chị xê dịch khó khăn. Chị buồn ngủ và ảo giác càng đến với chị nhiều hơn, chị cố xua đuổi mà không được. Chị biết mình sắp mê đi nhưng bản năng sinh tồn thúc chị bước sang bên kia. Bên kia đường là vùng đất cấm, ai sa chân vào rồi thì khó bước ra.   
Cũng ở bên kia đường, xéo góc với nhà ga xe lửa là cửa hàng ăn uống quốc doanh, con gái chị đang chờ chực khách ăn xong, nó chạy vào ăn húp những gì còn sót lại. Chị Mạc mơ màng nghĩ đến những tô hủ tiếu. "Không biết thực khách bên ấy có ăn thêm bánh mì không nhỉ?", chị tự hỏi. Nếu có ăn thêm bánh mì thì nước lèo sẽ chẳng còn lại bao nhiêu, con chị lấy gì mà húp. Phần lớn khách vào cửa hàng ăn uống quốc doanh là giới bình dân, lao động, họ thường chấm bánh mì vào nước hủ tiếu để cho thêm no.   
Nghĩ tới bánh mì, cơn đói thúc hối chị Mạc nhìn vào sân ga. Ở đây có những người đàn ông cặp nách hai ổ bánh mì, tay cầm hai bọc ny lông trà đá và tay kia cầm tấm nệm cói. Tấm nệm cói khiến chị Mạc liên tưởng đến trời đêm, những cơn mưa dai dẵng và mùi vị của khúc bánh mì kẹp những lát thịt ba rọi mới thơm ngon làm sao. Chị không còn quan tâm đến đứa con gái ở bên kia cửa hàng ăn uống nữa, chị nghĩ về mình. Cảm giác xấu hổ chỉ thoáng qua, chị nhớ lại câu nói của chị Loan: "Kệ nó, cái gì kia còn mất, nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ". Người ta như thế nào kia mà còn nghĩ đến quyền lợi riêng, phản bội cả quê hương, mình chỉ là một phụ nữ nghèo hèn còn gì nữa đâu để mà gìn giữ. Chị Mạc muốn được sống như những phụ nữ kia, được cho ăn và được cho tình.   
Chị Hạnh cũng vậy, chị đã im lặng. Chị không làm được như chị Loan, mặc dù chị thừa nhận chị Loan nói đúng. "Những người đàn ông thua trận cả rồi", chồng chị là một cựu lính Dù chết trong trại cải tạo. Chị Hạnh không còn vốn liếng để đi buôn than nữa nhưng vẫn không sao bước nổi "sang bên kia đường". Chị vẫn thường hồi tưởng đến anh, những lần về phép trên chiếc jeep, bộ quần áo kaki rằn ri, những đôi giày bốt đờ sô bóng loáng. Cuộc sống của anh thật quá hào hùng. Không, chị không thể bước "sang bên kia đường". Những kỷ niệm xưa giữ chân chị lại bên này đường. Chị Hạnh nói với chị Mạc bên kia đường là những mùi mồ hôi, mùi rượu đế và những lời bỡn cợt sổ sàng của những người quá tầm thường so với chồng chị. Nói xong chị Hạnh buồn bã nhìn xuống lề đường, rồi quay người bước đi.   
"Những kỷ niệm đó là của chị Hạnh, còn mình có còn gì nữa để mà hồi tưởng?", chị Mạc tự biện hộ thầm. Ngoài những mất mát chất chồng, những thiếu thốn thường nhật, những tai họa chờ chực, chị cố nhớ về những buổi chiều anh Mạc đi bán nhang về mang một chút gạo mốc, những khúc mì vụn, những gốc rau muống, một chút bột ngọt, tất cả làm chung thành một món ăn ngon lành. Nhờ vậy mà chị cầm cự cùng với chồng con. Nhưng lúc ấy còn anh kia, còn những lời hứa hẹn tuy tuyệt vọng nhưng đầm ấm ngọt ngào: "Ngày nào đó có chút vốn, mình sẽ về quê". Còn bây giờ thì "còn gì nữa đâu", mắt chị mờ đi, tai mơ hồ nghe thoang thoảng tiếng xe cộ.   
- Má! - tiếng gọi của con gái làm chị Mạc thức giấc. Hóa ra là chị vừa chợp mắt thiếp đi trên băng ghế đá. Đứa con gái nhìn chị, miệng nó nhai nhóp nhép nửa củ khoai luộc. Chị Liên gặp nó ở cửa hàng ăn uống và dắt nó qua với chị. Chị Liên đưa cho chị nửa củ khoai, nói:   
- Hồi này mưa quá nên khoai củ ở mấy vựa bị sùng thối, hư hao nhiều lắm. Mình chịu khó đi vòng vòng ở Chợ Cầu Ông Lãnh là kiếm cả rổ.   
Chị Liên nhìn bạn nhai nuốt cả vỏ khoai, nói tiếp:   
- Mấy chủ vựa sợ những củ khoai sùng lây qua những số khoai còn lại nên đổ bỏ rất nhiều. Mình chịu khó lượm về lựa lại rồi gọt bỏ những chỗ hư đem về luộc, sáng mang ra chợ bán cũng có được cái ăn qua ngày.   
Chị Liên nhìn sang bên kia đường phê bình:   
- Tội gì mà đem thân xác ra để cho chúng dày vò.   
Chị Mạc im lặng, mãi miết ăn ngấu nghiến những củ khoai luộc. Đứa bé gái vô tư ngồi gõ cái lon sữa bò theo điệu nhạc mới: "Đêm qua em mơ gặp bác Hồ, râu bác dài tóc bác bạc phơ...".

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 10**

Chị Liên ngồi suy nghĩ vẫn vơ, chị Liên thở dài, đối với chị, không yêu thì... không làm được "chuyện ấy", chị sẽ không bao giờ bước sang bên kia đường. Chị chỉ còn một mình, nhẹ lo hơn chị Mạc. Thằng Đức, kỷ vật cuối cùng, dấu ấn của tình yêu đối với chồng chị, anh Nguyễn Văn Hơn, đã mất. Chị không còn gì nữa ngày hôm nay, nhưng những kỷ niệm thời học trò nhẹ nhàng băng ngang dòng tâm tư của chị. Bảy năm yêu thương, bảy năm hạnh phúc. Những lần chồng về phép, chị rất thích nghe những bản nhạc "Buồn trong kỷ niệm", "Tấm ảnh ngày xưa" với tiếng ca não nùng thấm thía của bà chị Thanh Thúy. Ờ, rồi lại còn "Tàu đêm năm cũ" nữa. "Đem về trả cho tôi người xưa"... chồng chị cười nói: "Cũng là con tàu thôi, khi đem người đi thì buồn, lúc đem người về lại em cảm thấy gì?". Chị nhìn anh lo sợ. "Có khi nào...", chị không dám nói hết ý.   
"Có khi nào con tàu đem người thân đi mãi" hay không? Ngoài đời chị vẫn nhìn thấy những chiếc GMC chở quan tài phủ cờ vàng chảy ba dòng máu đỏ, máu của người chiến binh đã đổ ra cho đất nước, và những chiếc khăn tang chan hòa nước mắt buộc chặt trên đầu các thiếu phụ và những trẻ thơ. Chiến cuộc ngày càng khốc liệt hơn, những lần về phép của anh cũng thưa dần. Chị Liên còn nhớ rõ ánh mắt buồn bã của chồng trong lần chia tay cuối cùng, anh đã đi biền biệt không về. Một ngày kia, người ta báo tin anh tử trận. Chị Liên gia nhập vào đội quân tóc dài mặc áo đen, đầu chích khăn tang khóc chồng, ôi thật buồn bã.   
Mãi miên man suy nghĩ, tưởng nhớ vu vơ, chị Liên giật mình liếc mắt tìm bạn. Chị Mạc không còn ở bên này bùng binh nữa. Vừa ăn xong củ khoai luộc, chị Mạc vội bước sang bên kia đường, biến mình trong khu nhà ga với ánh đèn vàng, những tấm nệm cói phập phồng và những tiếng thở hồng hộc.   
- Trong những tấm nệm cói ấy vang lên tiếng thở, họ thở ấy ra sao nhỉ? - chị Liên nhắm mắt liên tưởng.   
Tưởng tượng những tấm nệm cói phập phồng, chị Liên rùng mình ớn lạnh. Chị cảm thấy cô đơn, chị ao ước: "Phải chi được nghe tiếng thở của anh Hơn trong tấm nệm ấy thì... sung sướng biết bao". Chị mơ tưởng những giây phút êm đềm, ấm áp của ngày xưa. Chị có cảm tưởng như nhìn thấy đôi mắt của anh, đôi mắt sao giống đứa con trai của chị quá. Chị mỉm cười vu vơ. Trong giấc mơ, chị thấy anh trở về trên xe bước xuống cùng những người bạn lính, có cả lá cờ vàng nữa... Nhưng rồi chị hốt hoảng. Người đứng trước mặt không phải là chồng chị, mà là người báo tin anh tử trận. Người ấy nói nhiều lắm, chị ù cả tai không nghe gì cả.   
- Làm gì mà ngồi đây có một mình hả em?   
Chị Liên giật mình mở mắt, trướưc mặt là một gã đàn ông, tay cầm ổ bánh mì và bọc trà đá.   
- Ăn đi em, anh đã ăn rồi. Đêm nay sao buồn quá.   
- Không, cảm ơn.   
Chị Liên đứng dậy bỏ đi ra bờ sông Bạch Đằng. Gió đêm làm chị cảm thấy lạnh hơn. Dòng sông đen lấp loáng ánh đèn. Chị nhớ đến cái chết của chị Trúc, xác chị nằm ngữa trương phình lên. "Không, mình không được phép tự tử, mình là người Công giáo. Lạy Chúa, xin nâng đỡ con, dẫu cho có thế nào con vẫn tin Chúa, Chúa ơi!", chị Liên khấn thầm mặt hướng lên trời. Mỗi khi nghe tin có vài anh em phế binh thân quen chết đi, chị vẫn thường cầu nguyện. Chị vẫn mong là ngày mai rồi sẽ khác đi.   
Mùa mưa cũng vừa sắp hết, Chị Liên sửa soạn rời khỏi khu vực nhà ga xe lửa Sài Gòn. Chị nói với các chị bạn là cần đi xa để quên những chuyện buồn. Chị muốn về quê nhưng quê hương đâu còn nữa. Chị đi bộ về phía Chợ Lớn, lạc vào giáo xứ Quận 8. Buổi trưa chị ngồi nghỉ chân bên cổng nhà thờ Bình An Thượng. Chị nhìn lên tượng Chúa Giêsu chịu khổ nạn cầu nguyện. Ông cha xứ già, tóc bạc phơ, dáng người mệt mỏi từ trong nhà thờ đi ra nhìn thấy chị. Chị nhìn cha. Hình ảnh ông cha xứ già sao giống đấng Thánh Phêrô quá. Cha hỏi, chị lễ phép trình bày hoàn cảnh của mình. Chị không mong cầu điều gì khi trình bày hoàn cảnh của chị, chị có cảm tưởng như đang xưng tội trước vị cha xứ, lòng chị trở nên nhẹ nhõm hơn. Thế thôi.   
Nghe xong cha xứ bước vào lại giáo đường. Một lúc sau nghe tiếng cha gọi, chị Liên đi vào. Cha mở ngăn kéo, trong có số tiền lùớn nhưng là toàn là tiền giấy nhỏ, chị hiểu đó là tiền ủng hộ của giáo dân dâng hiến trong những ngày lễ. Cha xứ đã cất giữ những món tiền đó trong nhà thờ. Chị ứa nước mắt nhìn cha. Ông cha xứ già cẩn thận gói số tiền ấy vào tờ giấy báo và run run cầm đưa tận tay chị. Nước mắt chị trào ra, ướt cả khuôn mặt. Cha gọi người làm vườn nhờ đưa chị đến bến đò qua bên kia sông để tránh không bị công an làm khó dễ. Chị quay lại nhìn cha chào từ giã. Cha dặn chị: "Con nên rời bỏ cuộc sống vỉa hè ấy đi" và chúc lành: "Chúa nâng đỡ bước chân con. Hãy cầu nguyện thường xuyên".   
Chị Liên quay lại nhà ga xe lửa Sài Gòn, tay chị cầm theo ba ổ bánh mì kẹp thịt ba rọi trông thật ngon lành. Nhưng chị không gặp được chị Mạc và con Hoa. Ở đấy vừa có chiến dịch thu gom những người sống "bụi đời" vô gia cư, vô nghề nghiệp, ăn ngủ ngoài hè phố. Nhà nước cộng sản Việt Nam không bằng lòng để những người trước kia tuân theo lệnh đi xây dựng vùng kinh tế mới nay trở về sống ở hè phố, "bêu xấu chế độ". Lần này tất cả bị đưa đi những nông trường xa xôi khác. Chị Liên mò vào những xóm nghĩa địa hỏi thăm, nhưng không ai biết mẹ con chị Mạc ở đâu. Mãi về sau gặp lại chị Nguyệt "già", chị Liên mới biết là chị Mạc bị đưa đi cải tạo lao động ở "nhà nuôi" Ba Thôn, huyện Hóc Môn.   
- Còn đứa con gái? - chị Liên hỏi.   
Chị Nguyệt nhún vai:   
- Thì họ tách hai mẹ con ra chớ sao, nghe đâu con nhỏ được đưa về cô nhi viện gì đó ở Gò Vấp.   
Chị Liên ngồi thơ thẩn ở bùng binh nhìn qua sân ga, sau đợt truy quét sinh hoạt vẫn y như cũ. Bên kia nhà ga là kiếp người lầm than tủi nhục, những người sống vật vờ đi đi lại lại, họ không còn cách nào để sống khác hơn. Vẫn là những ổ bánh mì, những trả giá, kỳ kèo cho mỗi cuộc tình. Chị nghĩ về chị Mạc và đứa con gái, họ đã sống như những con chó ghẻ, bị rẻ rúng, đuổi xô. Chị nghe phong phanh tình hình có nhiều biến chuyển. Khối cộng sản ở Đông Âu đang bị tan rã, Liên Xô đã có tổng thống. Cộng sản Việt Nam đã bắt chước đưa ra "những việc cần làm ngay" của đảng và nhà nước. Chị đã nhìn thấy những cái quẹt ga thay cho cái quẹt dầu hôi. Đất nước đang đổi mới. Những bộ quần áo từ nước ngoài gởi về đã thấy bày bán ở các chợ trời, nhiều người đã liên lạc được những người thân ở hải ngoại. Đường phố cũng đã khác xưa, những ngôi nhà cao tầng và nhiều khách sạn đang được xây dựng lên. Đêm tối đã thấy những ánh đèn màu xanh đỏ chớp loáng trên những bảng hiệu. Nhà nước đang "mở cửa" đây mà. Sự thay đổi này đâu phải là ... vì dân. Họ thay đổi để tồn tại, để khỏi bị dân chán ngán như Đông Âu, để nuốt trôi miền Nam.   
À, thì ra nhà nước cộng sản đang dùng sự hào nhoáng xa hoa để che đậy những đen tối của sự thật. Họ biết là dư luận các nước bên ngoài đang hướng về Việt Nam, họ đã trả tự do cho những sĩ quan đi học tập cải tạo. Còn ông cha Thủ ở nhà thờ Đồng Công, xã Tam Hà, huyện Thủ Đức thì sao nhỉ? Họ đã thả cha ra hay chưa? Tội nghiệp, cha đã ngoài tám mươi mà không thoát khỏi lao tù. Hòa thượng Thích Trí Thủ nghe nói rằng đã "ức quá" mà chết. Còn hai ông Phạm văn Thương (Tuệ Sỹ) và Lê Mạnh Thát (Trí Siêu) đã bị họ tử hình chưa? Liệu những dư luận của các nước có giúp gì được cho họ hay không?   
Những người bất hạnh sống trên hè phố đang bị bắt nhốt, xua đuổi ra khỏi thành phố, đang âm thầm gục chết ở vỉa hè, góc chợ, công viên có được ai chú ý tới không? Liệu sự "mở cửa" này có làm cho các nước bên ngoài công nhận màu cờ đỏ như máu kia không, có quên đi màu cờ vàng hiền hòa như tấm áo khoác của những nhà sư tu hành theo hạnh khất sĩ hay không?   
Tự nhiên chị Liên cảm thấy quá mệt mỏi. Bộ ngực chị lép xẹp, đôi vai khô gầy, đôi chân chị nặng nề, không còn đủ sức để đi tiếp đoạn đường nữa. Chị nhìn thấy những người đàn bà và trẻ em mời mọc khách qua đường những điếu thuốc lá ngoại. Chị nghe nói ở Củ Chi, những nơi gần cửa khẩu, có những người đi buôn lậu thuốc lá ngoại, sống được lắm. Chị nhìn xuống gói giấy báo bọc số tiền của vị cha xứ già của giáo xứ Bình An Thượng. "Tình thương" của giáo dân đây mà. "Nghị lực" của Thiên Chúa đang tiếp sức cho chị. Ờ, tại sao chị lại không đi về Củ Chi một chuyến xem sao. Ở đấy còn có nhỏ bạn học ngày xưa, ở giáo xứ Bắc Hà, gần căn cứ Đồng Dù có cây phượng vĩ. Năm học cuối của mùa hè xưa, hai đứa đã từ giã nhau, nó đi lấy chồng, còn chị gặp anh Hơn. Hai đứa đã tặng nhau cuốn lưu niệm, trong đó có ghi những dòng lưu bút và ép vào đó những cánh hoa phượng. Cánh phượng ấy bây giờ có lẽ đã khô theo thời gian nhưng những cảm xúc ngày xưa vẫn tươi mãi trong lòng chị. Ngày xưa chị đi xây dựng kinh tế mới theo chủ trương của nhà nước cộng sản, con Hoa ngăn cản:   
- Hãy ở lại thành phố, Liên ơi. Mình không biết nói sao về cái lòng tốt có vẻ như lo cho dân kia. Nó có vẻ tuyên truyền, xảo trá làm sao ầy. Chúa đã dạy "hãy xem trái thì sẽ biết kẻ trồng cây", hãy nhìn xem những gì họ đã làm... Đừng để bị xí gạt.   
Nhưng tiếc thay ngày ấy chị đã không còn cách nào khác, chị bị liệt kê vào thành phần gia đình "ngụy", có chồng chết trận nên phải đi vùng kinh tế mới để rồi bây giờ... chị ngồi đây, tứ cố vô thân. Chị Liên đứng dậy rời bùng binh chợ Sài Gòn, bỏ nhà ga xe lửa, tìm đường về Củ Chi trên chuyến xe cuối ngày. Xe lăn bánh, chị nhìn lại hè phố Sài Gòn lần nữa và nói với chính mình: "Chúng sẽ không giết chết được anh đâu. Bởi vì anh đang sống trong em và thở bằng hơi thở của em". Chị nguyện sẽ sống xứng đáng với sự hy sinh của anh, người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa của chị. Chi Liên đã ở lại bên này đường vì chị còn giữ vững niềm tin, chị sẽ nối tiếp bước đi của chồng. Bỗng nhiên chị Liên ứa nước mắt: "Nếu như Chúa chưa tuyệt con đường sống của con thì giúp con thức tỉnh các thế hệ mai sau cảnh giác, không để vi khuẩn vô nhân xâm chiếm tâm hồn".   
Tới nơi chị đi bộ về hướng giáo xứ Bắc Hà, về nhà người bạn gái thuở học trò xưa. Trong xóm đạo này có rất nhiều người Bắc di cư năm 1954, không cộng sản. Họ là những người ghê sợ cộng sản như một cơn dịch bệnh

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 11**

Anh em phế binh, cô nhi, quả phụ và những người lính rã ngũ trong nước không nghe thấy chính phủ Hoa Kỳ và đồng minh nhắc nhở gì đến chúng tôi cả. Không lẽ họ đã quên và không còn trách nhiệm đối với những người bạn chiến đấu năm xưa nữa hay sao? Những con người cùng khốn, đang sống bên lề cuộc sống, nạn nhân của chế độ cộng sản đang trông chờ các bạn. Anh em phế binh luôn hướng về chính phủ Mỹ và các đồng minh cũ bởi vì họ thấy các quốc gia Tây phương đã giúp đỡ người vượt biên, những người sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào đất nước họ. Còn số phận chúng tôi thì sao?   
Nhưng đã là chiến binh không nên tuyệt vọng. Chúng tôi chỉ cảm thấy cô đơn vì không hòa nhập được vào với xã hội cộng sản. Ý chí ngoan cường, quật khởi sẵn sàng hưởng ứng các cuộc tranh đấu cho tự do, nhân quyền trên quê hương không mất trong lòng chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rõ ăm mưu thâm độc của nhà nước cộng sản khi đày đọa chúng tôi, họ muốn chúng tôi chết lần chết mòn... trong quên lãng và nghèo đói. Nhà nước cộng sản muốn xóa đi một trang sử u buồn, những người như chúng tôi không có quyền sống trong nhân phẩm. Để khỏi mang tiếng với các nước bên ngoài, nhà cầm quyền cộng sản không trực tiếp giết chúng tôi bằng vũ khí, súng đạn, mà lùa chúng tôi vào những chốn rừng thiêng nước độc để cho thiên nhiên, dịch bệnh và đói ăn tiêu diệt chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã không chết. Chúng tôi đã sống. Sống để làm nhân chứng cho một thời đại đen tối của đất nước: người cộng sản Việt Nam đang dày vò những người khốn khổ, muốn tiêu diệt những người không còn có lợi ích cho xã hội. Những người vô sản hôm qua đang muốn tiêu diệt những người vô sản hôm nay.   
Anh em chúng tôi đồng tâm nguyện với nhau: "Đừng chết! Không được chết! Ngày xưa chúng ta là những chiến binh tử thủ trước chủ nghĩa cộng sản, ngày nay chúng ta tiếp tục tử thủ trước cái chết đang chờ chực chúng ta, từng ngày, từng bữa. Nếu chúng ta không cố gắng kéo dài cuộc sống thì những lớp người kế tiếp, trong đó có con em chúng ta, sẽ bị nhà cầm quyền cộng sản mặc tình nhồi nhét, tuyên truyền những điều sai sự thật về cuộc chiến đã qua và như thế sự thật sẽ mãi mãi bị chôn vùi. Không còn ai biết chính họ đã xâm chiềm miền Nam, đày đọa và bóc lột nhân dân miền Nam. Như vậy rồi con cháu chúng ta sẽ tiếp tục mãi mãi trở thành nô dịch cho chế độ cộng sản. Chúng ta phải sống để làm nhân chứng, nhân chứng của thời đại Việt Nam, nhân chứng của lương tâm nhân loại!".   
Từ đó, những người cùng khổ như anh em chúng tôi đã cố gắng sống. Là người ai cũng muốn sống, nhưng sống trong chế độ độc tài cộng sản này không phải dễ. Chỉ những ai không có xương sống, đầu óc ù lì không dám bênh vực lẽ phải mới thoi thóp sống được, những người khác không có chỗ đứng. Biết bao nhiêu bạn bè, thân hữu chúng tôi đã nằm xuống vì dám chống lại những người cầm quyền, nhiều người như chúng tôi, ê chề hơn, ngã gục trước bệnh tật, đói ăn và thiếu áo. Nhiều người đang chết dần chết mòn trong nghèo khổ, nhân phẩm bị chà đạp, nhiều người khác đã tự tử để trút gánh đời. Nhưng chúng tôi phải sống, sống để mọi người thấy sự tàn ác của chế độ này, một chế độ không có chỗ đứng cho những người thua cuộc.   
Những khẩu hiệu "xã hội chủ nghĩa đẹp gấp trăm, gấp ngàn lần xã hội tư bản chủ nghĩa" là những ngôn từ rỗng tuếch, tất cả chỉ là sự thay ngôi đổi vị của những thành phần giàu có. Trên đất nước ngày nay, người ta chỉ thấy cán bộ cộng sản sống ung dung, phè phỡn trên sự nghèo khổ của đồng bào. Chúng tôi phải sống, sống để làm nhân chứng. Nếu chúng tôi bị chết hết đi thì sự tàn ác vô nhân của chế độ cộng sản sẽ còn tiếp tục.   
Thành phố đang theo đà "mở cửa" của đất nước. Vào những dịp lễ lớn, sinh hoạt mua bán trở nên nhộn nhịp, tấp nập hơn. Lẽ ra thì những người đi xin cũng có nhiều cơ may hơn, anh em phế binh bán nhang được nhiều hơn, nhưng vì "mở cửa" nên trên đường phố có nhiều khách nước ngoài "du lịch" vào Việt Nam, chính quyền cộng sản muốn "triệt tiêu" nghề ăn xin. Những người ăn xin đang ngồi ủ rũ trong những công viên kia buồn lắm. Những anh em phế binh đi bán nhang cũng không vui sướng gì vì cũng đang bị chiến dịch "làm đẹp thành phố" truy lùng.   
Sống làm sao đây? Đó là một câu hỏi lớn. Mua bán cần có vốn liếng, đi xin thì bị bắt, họ chỉ còn một cách là kéo dài cuộc sống với chính bản thân kiệt quệ của mình. Những phụ nữ còn chút nhan sắc và trẻ trung thì bán thân thể, còn những người cùng khốn chỉ có thể đi bán... máu của mình mà thôi. Bán máu để nuôi bản thân và nuôi gia đình. Anh em phế binh chúng tôi cũng đi bán máu, bán cho những trung tâm tiếp huyết để có chút tiền làm vốn mua nhang.   
Bỗng nhiên bán máu trở thành một phong trào, bán máu là một nguồn lợi. Từ tờ mờ sáng, trước các trung tâm tiếp huyết hàng trăm, hàng ngàn người "tình nguyện" chen chút nhau đứng chờ được lấy máu. Có người đã ngủ đêm tại chỗ để chắc chắn sáng hôm có một chỗ đứng trong hàng để chờ được người ta lấy máu. Khoảng 3 giờ sáng, đoàn người đã đông. Ai đến trễ thì phải chờ ngày hôm sau và gia đình người "tình nguyện" sẽ... đói. Do đó phải có một chỗ đứng.   
Trở về trường hợp của tôi. Một lần nữa, đã lâu rồi, cha tôi nằm phòng cấp cứu bệnh viện lao Hồng Bàng, bây giờ mang tên Phạm Ngọc Thạch. Được đưa vào từ chiều tối hôm trước nhưng ông đã nằm chờ mãi trong một ghế bố kê ở hàng hiên, không thấy ai đến hỏi thăm, chẩn bệnh và cấp thuốc men gì. Đến sáng người vào khám bệnh đông thêm, cái ghế bố của cha tôi được đưa ra gần cổng "nhà vĩnh biệt" (nhà xác). Tôi thấy những người nghèo khốn khác bị thương nặng cũng được đưa ra nằm gần đấy, thân nhân của họ phải chườm nước đá trên những vết thương để cầm không cho máu rỉ ra. Nhưng tuyệt nhiên không thấy vị y sĩ nào đến chẩn bệnh.   
Ngược lại tôi thấy nhiều bệnh nhân thuộc hạng gia đình khá giả được đưa vào trễ hơn thì được cấp tốc đưa lên phòng dưỡng bệnh. Tại đây họ được chăm sóc kỹ lưỡng, được cấp thuốc men thăm hỏi và được ăn uống no đủ. Có người đã nằm ở đó suốt ba tháng trời, có người sau khi xuất viện đã đến tái khám nhiều lần và mỗi lần được cấp phát thuốc men cho đến khi hết hẳn bệnh. Tôi sốt ruột hỏi thăm "người ta", thân nhân của bệnh nhân, thì họ nói nhỏ:   
- Phải biết... sống !.   
- Với ai? - tôi hỏi.   
"Người ta" làm thinh. Gần trưa hôm sau, một nữ cán bộ tên Hồng đến gần hỏi cha tôi:   
- Thân nhân đâu?   
Tôi vội vàng trình bày bệnh tình và hoàn cảnh gia đình tôi, bà Hồng hỏi nhỏ:   
- Có hai chỉ vàng không? Nếu có thì được đưa lên phòng điều trị, trên đó có đủ thuốc và được chữa trong vòng sáu tháng. "Thủ tục" để tôi hỏi cho.   
Tôi ú ớ trong họng. Bà Hồng chợt hiểu, liền thay đổi nét mặt và nhìn tôi dằn mạnh từng chữ:   
- Còn nếu không thì về địa phương, mang hộ khẩu ra các trạm y tế xin khám bệnh, tại đó người ta cấp thuốc miễn phí cho.   
Tôi dạ dạ vâng vâng, rồi bỏ đi ra ngoài. Sáng sớm hôm sau tôi đi tới thẳng trung tâm tiếp huyết và... chen vào sắp hàng với những người "tình nguyện" hiến máu khác. Tại đây tôi mới biết có những người cũng nghèo khổ như chúng tôi làm nghề "xếp hàng mướn". Họ đã ngủ lại đêm để giữ chỗ cho những người "tình nguyện" đến bán máu "mướn" lại. Giá một chỗ đứng bằng 1/10 sồ tiền người bán máu lãnh được. Những người này thường "quảng cáo" là họ có quen biết lớn trong trung tâm. Những ai không đủ tiêu chuẩn để "hiến" máu thì họ sẽ "nói" với cán bộ "lấy máu giùm" cho, giá của sự "nói giùm" này bằng 2/3 số tiền mà người bán máu sẽ nhận được. Sau khi "hiến" máu mỗi người được "bồi dưỡng" một ổ bánh mì nhỏ, một ly sữa cacao, một miếng thịt bò bí tết bằng ba lóng tay và một cái hột gà ốp la. Những người bán máu "không đủ tiêu chuẩn" thì phải biết điều nhường phần này cho người làm "mai mối" và "nhà bếp". Không đủ tiêu chuẩn là những người quá ốm yếu, bị tình nghi ho lao hoặc bệnh lây lang, hoặc cho quá nhiều lần, máu không đủ hồng huyết cầu.   
Tôi lanh lẹ chen lấn nên cũng có một chỗ đứng trong hàng chờ vì những người "tình nguyện" ai cũng sợ, họ không biết tôi là ai, thuộc "phe" nào của trung tâm tiếp huyết. Đúng 8 giờ sáng, các "trật tự" của trung tâm đi nhìn mặt từng người xếp hàng và phân loại, tôi bị vào loại không đủ tiêu chuẩn vì thân thể quá ốm yếu, suy dinh dưỡng. Bực mình trước cảnh bóc lột người cùng khổ, tôi lớn tiếng chửi bới:   
- Tại sao những người khác cũng ốm yếu như tôi được cho xếp hàng còn tôi bị loại? Bộ ăn hối lộ hả? Coi chừng nghe, tôi vào trung tâm báo cáo các người ăn tiền hối lộ cho coi...   
Chưa kịp nói hết câu thì "uých" một cái, tôi bị cùi chỏ của một tên mặt rô giả bộ đứng trong hàng tống mạnh vào ngực. Đang bàng hoàng định la lên kêu cứu thì tôi bị nhiều tên khác xúm lại lôi cổ ra khỏi hàng. Nhiều người khác chỉ chỏ mắng thêm. Một người đứng xếp hàng chỉ mặt tôi chửi:   
- Định phá đám hả mậy? Đ... mẹ xác thân như mày có gì mà cho. Đã không biết thân biết phận còn dám hỗn láo. Đáng kiếp! Đồ phế binh ăn hại.   
Thế là tôi bị hất văng ra ngoài hàng, người đứng trước đứng sau làm ngơ như không có chuyện gì xảy ra, chen mất chỗ đứng của tôi. Bực mình và buồn bã, tôi về lại nhà thương thăm cha tôi, bệnh của ông càng lúc càng nặng mà tôi thì không có tiền chữa chạy. Lần này tôi quyết định phải "biết điều" hơn. Sáng hôm sau tôi ra sớm hơn để xếp hàng và hứa cho một tên mặt rô đứng giữ trật tự số tiền nó muốn để được bán... máu.   
Từ đó tôi có thêm nghề mới, nghề bán máu. Lân la với chốn này, tôi cũng làm quen được nhiều người khác, vui nhất là được gặp lại những anh em phế binh và các quả phụ đã từng một thời quen biết. Phế binh Cận (cụt một tay) ngồi ở công viên với phế binh Độ (mù một mắt và cụt một chân) và Thành (méo miệng và cụt một tay) chờ chị Loan và bà Nguyệt già tới giới thiệu với người "sắp chỗ" cho đứng xếp hàng.   
Bà Nguyệt hồi này tìm được "việc làm" mới ở chợ bán máu nên không phải ra bùng binh chờ... khúc bánh mì nữa. Thật ra thì chẳng có ai mời bà Nguyệt ăn bánh mì cả vì bả quá già, thấy mà ghê. Bả còn có thêm nghề mới là "dẫn mối", nếu "giới thiệu" được nhiều người đến bán máu thì được nhiều ổ bánh mì với hột gà ốp la, ăn không hết thì bán lại nhà bếp. Chị Loan nhờ bà Nguyệt "giới thiệu" nên đã bán được ba lần máu, mà không cần phải đợi từ 3 đến 6 tháng.   
Anh Cận dự tính nếu mà mọi chuyện êm xuôi thì anh và anh Độ, có con đang đau nặng nằm ở bệnh viện Nhi Đồng I, sẽ đi đến Thủ Dầu Một bán máu tiếp. Tại đây thủ tục bán máu dễ hơn nhưng không được bồi dưỡng bằng ở Sài Gòn, và họ sẽ tìm đến những nơi bán máu khác để tiếp tục "hiến" máu lấy tiền. Tại những nơi này không ai có thể biết họ vừa mới bán máu xong vì thiếu phương tiện đo lường hồng huyết cầu. Nhờ bán máu nhiều lần, anh Độ chạy đủ tiền lo thuốc cho con, anh còn dự định nó lành bệnh xong anh sẽ đưa hai đứa con nhỏ ra Nha Trang sống một thời gian, không cho chúng đi mót rau nữa.   
Anh Thành ngồi buồn buồn nhìn Cận và Độ xếp tiền vào túi áo ở ngực. Anh bị lao nhìn thấy rõ quá và thân thể ghẻ lở tùm lum nên bị từ chối "nhận" máu. Anh Cận rủ anh Độ qua bên kia đường làm một tô hủ tiếu "rửa ruột" cho đã. Nhưng chị Ngọc Trai, vợ anh Độ, từ đâu chạy đến hớt hãibáo tin là con họ đã chết, người ta đưa vào nhà xác rồi. Anh Độ nghe tin ngồi thẩn thờ, không nói được gì cả, chỉ biết văng tục một tiếng "Đ... mẹ nó, cuộc đời này thật là chó đẻ", rồi rủ rục xuống mặt bàn. Tô hủ tiếu anh Độ vừa kêu ra ăn không nổi, anh Thành chạy vô ăn thay nhưng không còn thấy ngon, chỉ thấy mùi vị đăng đắng. Chị Ngọc Trai nức nỡ nói tiếp:   
- Người ta nói phải đóng tiền cho bệnh viện mới được đem xác con về. Họ nói là tiền giữ xác trong nhà lạnh, để lâu càng trả thêm tiền. Tiền xương máu của anh vừa bán cho nhà nước xong, không tội gì phải nộp lại cho nhà nước. Đời bây giờ chết là hết. Vô thần mà, không còn tâm linh gì nữa. Thôi để con mình cho người ta đem đi hỏa thiêu, coi như vô thừa nhận.   
Anh Độ cầm số tiền vừa lãnh xong, sau khi đã chia cho người "xếp chỗ" và đưa cho vợ, chống gậy đứng lên, đi qua bên kia đường ngồi xuống ghế đá. Miệng anh đắng nghét, môi khô lại, mắt hoa lên rồi nấc lên: "Con ơi!".   
Chị Loan dạo này cũng hết đi sang bên kia đường kiếm ổ bánh mì thịt, chị gia nhập lực lượng "tình nguyện" hiến máu. Chị có ý định gom số tiền bán máu được khá nhiều rồi sẽ đi buôn lại như xưa vì nghe nói là bây giờ cộng sản không còn ngăn sông cầm chợ nữa. Hôm nọ, gặp lại chị Mai, hai người mừng quá. Chị Mai cho biết là nhờ cặp bồ với một tài xế xe tải, chị thoát được vài chuyến hàng nên có lại mái nhà. Chị Loan nghĩ nếu mình có vốn sẽ nhờ chị Mai chỉ đường, nhưng trong hoàn cảnh này muốn có vốn chỉ còn cách đi bán... máu. Chị Loan đã đi đến các trung tâm tiếp huyết tại Thủ Dầu Một, Bình Dương, lên tuốt tận Lộc Ninh rồi vòng qua Biên Hòa "bán máu". Nhờ "biết điều" và ăn nói giã lã, chị bán được nhiều lần. Nhưng vì muốn mau thoát kiếp sống hè phố, chị Loan đã quên chính mình. Thân xác của chị ngày càng kiệt quệ, mặt chị ngày càng xanh xao, chân đi không vững, chị cứ bị xây xẫm luôn. Một đêm chị nằm ngủ luôn trên ghế đá một công viên tại Chợ Lớn, xác cứng đơ. Sáng sớm hôm sau người ta đến chở xác chị đi, số tiền chị để dành cũng không cánh mà bay... vào túi những người công an đến khám xét.   
Những người sống vất vưỡng trên hè phố, có đó rồi mất đó. Họ sống như những bóng ma, vật vờ bên ngoài cuộc sống, không ai màng đến sự hiện diện của họ. Họ còn sống hay chết đi không thay đổi những sinh hoạt thường ngày. "Không có mợ, chợ vẫn đông".   
Thành phố trong những tháng ngày cận Tết, mọi người vật vã đi tìm miếng sống. Nhà nước công sản tiếp tục bận rộn với những kế hoạch 5 năm, 10 năm, những công trình thế kỷ năm 2000, năm 2020... Họ bận tâm xây dựng những tượng đài kỷ niệm nọ kia, làm những báo cáo vượt chỉ tiêu, soạn diễn văn chúc mừng... Các loa đài phát thanh ra rả những bài ca ngợi thành tích, hứa hẹn thiên đàng, hạnh phúc ấm no, những âm thanh chát chúa vang vọng vào đầu người dân. Nhưng người dân Việt Nam đã điếc, họ chỉ thấy trước mắt là địa ngục trần gian. Người dân sợ hãi mỗi khi nhìn thấy lá cờ có hình ngôi sao vàng chìm ngập trong màu máu đỏ.   
Không! Không thể kéo dài mãi kiếp sống trâu ngựa này mãi trong chế độ này. Những người nghèo khổ đang bơi trong biển tuyệt vọng. Chế độ cộng sản đang hủy hoại con người, kể cả những người bần cùng nhất trong xã hội. Họ đã xúc phạm đến các thần thánh, đã đày đọa quê hương trong đói khổ và duy trì bất công. Họ không ngần ngại sử dụng những thủ đoạn tàn ác để triệt tiêu những người làm vướng chân họ. Họ sẵn sàng đi ngược đạo lý, sống trái tình người miễn sao được tiếp tục đè đầu người khác. Họ không phải là những con người bình thường, họ là loài thú dữ, những con "chó sói", không biết đạo lý, không biết tình người. Họ quay mặt luôn với những người đã từng ủng hộ họ ngày hôm qua, những "bà mẹ chiến sĩ" bây giờ chỉ biết ngồi than thân trách phận vì đã dại khờ bị cộng sản lường gạt, không những lường gạt cảm tình mà còn lường gạt luôn cả mạng sống con mình và tài sản. Chế độ cộng sản chỉ biết lo củng cố chỗ đứng của họ và chỉ bảo vệ quyền lợi của họ. Không còn gì để nói chuyện "phải trái" với những loại người này nữa.   
\* \* \*   
Bờ sông Bạch Đằng là chỗ anh em phế binh và những người sống ở hè phố thường ra đó tắm rửa, giặc giũ và nghỉ ngơi. Ngâm mình dưới làn nước mát, chúng tôi tươi tỉnh trở lại, bụi bặm và nỗi nhọc nhằn tan biến hẵn đi. Chúng tôi ngước nhìn tượng Đức Trần Hưng Đạo, tay chỉ xuống dòng sông, mơ tưởng một trận Bạch Đằng Giang. Nhìn dòng nước chảy, chúng tôi mong xảy ra những cơn lốc xoáy cuốn phăng những bất công trong xã hội. Ngước nhìn trời cao, chúng tôi hy vọng có một Thánh Trần ra tay tế nhân độ thế, sớm mang lại cho quê hương tình người. Chúng tôi mong những bàn tay nối dài từ hải ngoại kéo anh em phế binh chúng tôi ra khỏi vùng bóng tối, giúp chúng tôi tạo lại cuộc sống bình thường, tìm lại nhân phẩm đã mất.   
Viết lại theo lời kể của Song Nguyên

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 12**

Cuộc đời tưởng đẹp như bài thơ

Theo tiếng còi thúc quân tổ quốc kêu gọi đàn con lên đường bảo vệ đại nghĩa, năm 1960 tôi vào quân ngũ và gia nhập binh chủng Biệt Động Quân. Với tính tình bặt thiệp, nét mặt dễ coi, dáng người cao ráo trong bộ quân phục hoa rừng và chiếc mũ nâu, tôi được tuyển vào đơn vị khánh tiết, chuyên môn đi chào đón các ông lớn và mỗi ngày chỉ đứng thẳng, nghiêm chào, bồng súng, lau súng, giữ thẩng li quần, đánh bóng giày. Nhiều lúc đứng rụng cả chân, mỏi cả người làm dàn chào để các ông lớn, bà lớn đi qua. Cuộc đời quả thật đáng chán!   
Đầu năm 1961, tôi cùng một số bạn bè rủ nhau xin chuyển sang đơn vị tác chiến "Thần Hổ", đơn vị "bách chiến bách thắng", luôn luôn noi gương truyền thống anh hùng áo vải Lam Sơn, góp phần cùng các binh chủng hải lục không quân Việt Nam Cộng Hòa viết lên những trang quân sử oai hùng trên bước đường trừ gian diệt bạo, mang lại no ấm và yên bình cho nhân dân. Cuộc đời lính chiến không gì hãnh diện cho bằng, ngày đêm ta ghì cò súng ngăn chặn cuộc xâm lăng của quân cộng sản từ phương Bắc tràn xuống.   
Chúng tôi có mặt trên hầu hết các chiến trường, tham dự không biết nhiêu trận đánh kinh hồn bạtvía, từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau, từ vùng núi đồi hiểm trở cao nguyên xuống tận đồng bằng sông Cửu Long sình lầy. Đơn vị "Thần Hổ" chúng tôi chưa thất bại trận nào. Những tháng năm trong quân ngũ, tôi đã ba lần bị thương nhẹ nên vẫn tiếp tục đi chiến đấu.   
Một trong những trận đáng ghi nhớ nhất, đẫm máu nhất và cũng có thể nói là lịch sử nhất, đó trận đánh Tết Mậu Thân, năm 1968. Vào đúng lúc nhân dân đang cúng giao thừa, quân cộng sản lợi dụng thời cơ tràn vào các thành phố, chiếm giữ những cao ốc và cứ điểm quan trọng để tạo lợi thế chiến đấu. Chúng bắn phá khắp nơi, tiếng súng và tiếng đại pháo vang rền khắp trời. Tại Sài Gòn, quân đội Việt Nam Cộng Hòa phải đục tường, khoét vách tiến lên đánh cận chiến, xáp lá cà với quân giặc. Nhiều tên địch bị trúng đạn rớt từ sân thượng xuống đất như những bị thịt, nhiều tên khác chết gục mặt trên những ngã tư đèn xanh đèn đỏ hay dọc các bờ tường. Trận chiến tiếp diễn từ ngày mồng 1 đến ngày mồng 5 âm lịch, thây giặc nằm la liệt từ thành thị cho đến các vùng ngoại ô. Thảm bại nảo nề, đám tàn quân còn lại chạy sang Cambốt qua ngả Tây Ninh, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đuổi theo, tiến vào các sào huyệt mật khu của chúng, phá hủy và đập tan những ổ kháng cự còn lại. Chống cự không lại, quân cộng sản rút về Hạ Lào.   
Vào đầu hè năm 1972, một lần nữa quân cộng sản bất ngờ vượt sông Bến Hải tiến chiếm Cổ Thành Quảng Trị, nhưng rồi cũng bị quân lực Việt Nam Cộng Hòa đánh bật, xác giặc nằm phơi suốt dọc Đại Lộ Kinh Hoàng trên quốc lộ 1. Đơn vị "Thần Hổ" chúng tôi không những là một trong những đơn vị đầu tiên tái chiếm Cổ Thành mà còn kết hợp với các binh chủng Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến đẩy lùi địch quân ra khỏi Quảng Trị. Xét về tương quan lực lượng và tinh thần chiến đấu, quân cộng sản dưới cơ thấy rõ, họ tuy có chiếm thế thượng phong lúc ban đầu nhờ lợi dụng yếu tố bất ngờ, nhưng về lâu về dài cán cân nghiêng hẳn về phía quân lực Việt Nam Cộng Hòa.   
Một hôm nọ, đơn vị chúng tôi được lệnh tiếp viện cho đơn vị bạn tại Chiến Khu Đ trong vùng rừng núi Tây Ninh. Tiểu đoàn tôi được trực thăng vận nhảy vào lòng địch và đổ bộ ngay trên đầu quân giặc, súng gắn lưỡi lê trong tư thế sẵn sàng đánh cận chiến. Chân vừa chạm đất, tôi lăn nhiều vòng nằm rạp mình xuống đám cỏ tranh nghe ngóng, định hướng bạn thù. Tiếng súng và tiếng lựu đạn nổ quanh vang rền, đạn bay cheo chéo trên đầu, khói lửa đen ngòm bốc lên mù mịt. Trong đầu tôi chỉ có một ý nghĩ: bình tĩnh. Những khoảnh khắc như lúc này, chỉ cần hớ hênh một chút là toi mạng ngay và nếu không bình tĩnh có thể lộn bạn ra thù, kinh nghiệm chiến trường dạy tôi như thế. Tôi im lặng bò tới các ổ kháng cự của địch, cẩn thận quan sát từng cọng cỏ, thấy gì khả nghi là bắn hoặc ném lựu đạn vào. Quân cộng sản chống trả mãnh liệt, nhưng sau một hồi bị hỏa lực như vũ bão của chúng tôi trút vào tiếng súng địch quân im bặt. Đơn vị chúng tôi tiến vào lục soát và thu dọn chiến trường, cỏ cây nghiêng ngả, xác quân địch nằm ngỗn ngang. Chung quanh mùi tanh của máu, mùi khét của thịt hòa lẫn mùi thuốc súng bốc lên nồng nặc. Cũng may là tôi đã quen mùi chiến trận nên không bị lợm giọng. Đang lúc đơn vị chúng tôi gọi điện về hậu cứ báo cáo tình hình và kêu trực thăng đến bốc thì bộ chỉ huy tiền phương quân địch từ xa ra lệnh tấn công. Chỉ trong tích tắc, đạn pháo quân địch ào ào chụp xuống. Đang rạp người nghe tiếng đề pa để tránh pháo, thì... "Ầm" một tiếng, tôi bị hất văng lên khỏi mặt đất rồi ngã quỵ xuống, đồ đạc và súng đạn văng tứ tung.   
Một cảm giác kỳ lạ, tôi thấy ran rát ở phần dưới háng. Tôi lật đật chống hai tay ngồi dậy, nhưng không được nữa. Tôi liền nhìn xuống hai chân. Chân phải của tôi đã bay đâu mất, chỉ còn lại mảnh vải quần rằn ri bê bết máu. Chân trái còn lại bị tê không còn cảm giác, tôi chỉ thấy máu chảy dầm dề, một vài mảnh thịt tím bầm cùng một khúc xương trắng lòi ra cùng mấy sợi gân đỏ lòm lòng thòng dính trong ống giày. Thật kỳ lạ, tôi nhìn vết thương một cách thản nhiên, không nghĩ đó là chân của mình và cũng không thấy đau đớn gì. Một vài giây sau, tôi mới hoàng hồn, bản năng sinh tồn nhắc nhở: "không nên để máu ra nhiều quá". Đạn pháo quân thù cứ nổ rền vang. Tôi vội vàng tháo lưỡi lê ra khỏi nòng súng, lạnh lùng cắt những sợi gân dính tòn ten ở chân trái, nhưng chúng dai quá cứa mãi không đứt. Có lẽ cánh tay của tôi trở nên quá yếu, bàn tay của tôi cứ run lên bần bật. Tôi lột nón sắt xuống làm thớt kê mới chặt đứt được mấy sợi gân dính bàn chân còn lại. Lúc đó toàn thân tôi như bị điện giựt, tôi choáng váng mặt mày. Một cái đau xé ruột xuyên ngang lồng ngực, toàn thân run rẩy. Phần dưới háng đau buốt khó chịu. Tôi sắp xỉu thì thấy anh y tá Cảnh bò lại chích cho tôi mũi thuốc cầm máu. Pháo quân thù tiếp tục nổ quanh, đầu óc tôi hoang mang.   
Tôi nhắm mắt để cho anh Cảnh chính thuốc. Thấy kim đâm vào người một hồi mà sao không thấy bơm thuốc, tôi mệt mỏi quay đầu lại nhìn. Thật kinh hồn, anh Cảnh ụp mặt xuống đất chết từ hồi nào. Một mảnh pháo xuyên qua đầu anh, chiếc nón sắt văng qua một bên để lộ một lỗ hỗng đen ngòm cạnh màn tang to bằng ngón tay. Máu và óc cùng vài chùm tóc của anh Cảnh dính đầy bụng tôi. Tôi chỉ kịp tự bơm thuốc vào mình rồi ngất luôn. Cái chết trong lúc này nhẹ như áng mây.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 13**

Mười ngày sau tôi hồi tỉnh lại. Như một đứa bé mới sanh tôi không nhớ gì cả. Nhìn thấy ánh sáng lờ mờ trong khoảng tối, tôi cựa mình ngồi dậy nhưng sao ê ẩm, đau nhức cả người. Nghe tiếng động, một cô y tá mặc bộ đồ trắng bước tới.   
- Anh tỉnh rồi à?   
Tôi lắc đầu không trả lời, môi miệng khô quá. Một lát lâu sau đó tôi mới định thần và hỏi:   
- Đây là đâu vậy?   
- Phòng Hồi Sinh của Tổng Y Viện Cộng Hòa.   
- Tại sao tôi ở đây?   
- Anh bị thương nhẹ, vài hôm nữa vết thương sẽ lành, anh được đi về.   
- Làm ơn cho tôi xin ly nước. Khát quá - tôi thều thào trong cổ họng, cơn khát thật khó chịu.   
Cô y tá lấy miếng bông gòn thấm nước để vào miệng tôi. Tôi bực quá la lên:   
- Tôi xin một ly kia mà - tôi cự nự.   
- Anh không nên uống nước nhiều - cô y tá hiền từ nhìn tôi. Vết thương của anh chưa lành hẳn. Uống nước nhiều máu sẽ chảy ra thêm. Để tôi chích cho anh mũi thuốc khỏe rồi cho anh uống nước sau.   
Thực ra thì cô y tá đã chích cho tôi một mũi morphine, mắt tôi lờ đờ rồi ngủ luôn một giấc cho đến sáng hôm sau. Khi thức dậy tôi nhìn thấy hai tay tôi bị cột vào thành giường và cô y tá đẩy xe tới rửa vết thương. Lúc bấy giờ tôi mới biết mình bị cụt hai chân. Trời đất như quay cuồng, tôi bị hụt hẩng. Mắt tôi hoa lên, những vòng tròn trắng xóa quay nhanh đến chóng mặt. Tôi muốn khóc nhưng không còn nước mắt. Tôi muốn la nhưng tắt tiếng nói. Tôi im lặng nhìn người ta băng bó vết thương, thân thể đau đớn nhưng lòng dửng dưng. Đầu óc tôi trở nên trống rỗng. Thật ra tôi không biết phải nghĩ cái gì. Tất cả đều trở nên xa lạ. Đến 9 giờ sáng, bác sĩ đến khám bệnh nói:   
- Cho anh ra trại. Anh khỏe lại rồi. Thoải mái nghe.   
Khi ra trại, bệnh viện cho tôi một chiếc xe lăn. Tôi được đưa vào trại điều dưỡng của tổng y viện. Buồn quá, đêm đêm tôi lăn xe ra sân cỏ ngồi đếm sao trời, hồi tưởng lại chuyện đã qua. Càng về khuya, tiếng ve sầu càng thảm não. Tôi nhớ lại một bài hát của Phạm Đình Chương có hai câu thơ: "Anh đi chiến dịch xa vời, nòng súng nhân đạo cứu người lầm than". Ôi, mỉa mai thay, vì nòng súng nhân đạo đó tôi lâm vào hoàn cảnh này. Gió cứ thổi, lá cứ rụng. Trời đang vào thu. Đời tôi như thân cây u ám kia. Từng niềm vui, từng mạch sống rơi rụng xuống đời, để rồi không còn gì nữa. Cuộc sống của tôi bị chặt đứt,còn làm được gì với thân hình què cụt này. Tiếng gà đâu đó gáy báo hiệu trời sáng, tôi lăn xe về phòng uống thuốc an thần để tìm giấc ngủ.   
\* \* \*   
Ngày qua ngày, tôi quen dần với nếp sống trong viện. Chung quanh tôi không thiếu gì những bạn đồng cảnh ngộ. Mỗi tuần đều có phái đoàn đến viếng thăm và tặng quà cho thương bệnh binh. Một hôm nọ, có phái đoàn của các bà Cao Văn Viên, Nguyễn Ngọc Lễ và ca sĩ Thẩm Thúy Hằng hướng dẫn các nữ sinh trường trung học Gia Long đến thăm và tặng quà cho anh em. Quà thường là bánh kẹo, sách báo và quí nhất là thuốc lá, đôi khi mỗi anh em còn nhận một lá thư an ủi và ngưỡng mộ của một nữ sinh vô danh gởi.   
Đang nằm thoải mái trên giường bóc gỡ tờ giấy bao bọc gói quà mới nhận, trên miệng phì phèo điếu thuốc thơm Président, một cô nữ sinh cùng đi với phái đoàn buổi sáng trở lại phòng tôi. Lúc đó khoảng 11 giờ trưa. Nhìn thấy ba chữ "Nguyễn Thị Hiền" thêu trên áo dài trắng, tôi bạo dạn hỏi:   
- Ủa, trưa rồi mà phái đoàn của cô Hiền chưa về sao?   
Cô nữ sinh giật mình, trố mắt nhìn tôi ngạc nhiên. Nhưng liền sau đó cô cúi xuống nhìn bản tên thêu trên áo dài trắng, e thẹn nói:   
- Cái anh này tò mò quá. Phái đoàn đã về rồi, còn Hiền thì trở lại thăm anh lần nữa. Anh tên gì?   
- Tên tôi dán trên đầu giường đó. Còn bí danh của tôi thì cô y tá chưa ghi.   
- Bí danh của anh là gì?   
- Hàn Mạc Tử! - tôi khôi hài nói.   
- Vậy ai là Mộng Cầm của anh vậy? - Hiền nhanh nhẩu đối lại.   
- Trời ơi, thời buổi này cụt què như tôi ai mà thèm làm Mộng Cầm.   
- Biết đâu đó, nhiều khi anh đã có rồi mà anh không biết hay không muốn hiểu. Ở đời này có cái gì là tuyệt đối đâu. Khi có những người liều mình xả thân cho tổ quốc, cho dân chúng được bình yên thì những người đó phải được kính trọng. Chính vì muốn được sống trong cảnh tự do no ấm đó mà gia đình của Hiền đã di cư vào Nam. Còn chuyện Mộng Cầm thì Hiền chỉ nói đùa cho vui thôi, ai cũng có thể là Mộng Cầm hết nếu muốn.   
Tôi chưng hửng, cô bé này coi vậy mà sâu sắc quá. Hiền nhìn tôi nói tiếp:   
- Hiền nói chung chung tâm trạng của người phụ nữ vậy thôi, khi đặt đúng chỗ tình yêu đó không có giới hạn.   
Im lặng. Tự nhiên lưỡi tôi cứng lại, đôi môi khép kín, nụ cười tắt hẳn. Mắt tôi hoa lên, hơi thở dồn dập. Tôi cúi đầu, mặc cảm. Tôi còn gì để đời kính trọng, một thân hình tàn phế. Đời chiến binh tàn tạ trong quân y viện còn gì để cho đời chú ý, trong mười hai con giáp tôi chẳng giống con nào. Tôi muốn tìm một câu trả lời thật cay cú để cho đỡ tức nhưng hàm răng trở nên nặng cứng, đôi môi se lại.   
Để đánh tan không khí nặng nề đó, Hiền nói:   
- Sao anh lặng thinh vậy? Hay là anh kể chuyện chiến trường cho Hiền nghe với.   
Được gãi đúng chỗ ngứa, tôi lấy lại bình tĩnh kể lại những kỷ niệm chiến trường. Đến 4 giờ chiều, Hiền từ giã ra về, tôi vui vẻ lăn xe ra tiễn chân đến tận cổng quân y viện. Bóng Hiền vừa khuất, tôi trở về với nỗi cô đơn thường nhật. Tôi gạt mọi giả thuyết ra khỏi trí óc, tôi không được phép nuôi dưỡng ảo vọng. Hiền đến thăm tôi vì muốn an ủi một thương bệnh binh, chỉ thế thôi. Có lẽ Hiền cũng đã từng làm như vậy đối với nhiều bạn đồng cảnh ngộ khác. Thôi quên đi, tôi dặn lòng mình. Và tôi cố gắng sống bình thường như mọi ngày trước đó. Mặc dù vậy hình ảnh, tiếng nói của cô nữ sinh Gia Long kia thỉnh thoảng vẫn hiện ra trong tâm tưởng tôi mỗi khi được ngồi một mình. Tôi có ý trông mong nhưng không nuôi hy vọng.   
Chủ nhật tuần sau, Hiền đến thăm tôi và còn mang theo một gà men cơm cùng thức ăn. Thật là bất ngờ và cũng chưa bao giờ tôi được ăn một bữa ăn ngon như thế. Lòng tôi ấm lại lạ lùng, tôi có cảm tưởng như đang chạy nhảy như người bình thường. Ngoài sân tiếng chim nghe sao hay quá và tôi thấy mọi người đều tươi cười.   
- Anh cứ ăn tự nhiên. Kể từ nay, anh đừng ăn cơm nhà thương ngày chủ nhật nữa, Hiền sẽ mang cơm cho anh.   
- Cảm ơn Hiền có lòng tốt đối với tôi. Nhưng đường sá xa xôi quá mà Hiền đi như vậy rất tốn kém. Vả lại Hiền đâu có làm ra tiền và còn phải lo việc học hành nữa chứ.   
- Tiền bạc anh đừng có lo. Mỗi tuần bố mẹ đều cho tiền túi, Hiền không mua sắm gì nên để dành nhiều lắm. Vả lại nhà Hiền ở bên kia cầu Chữ Y không xa bệnh viện là bao, Hiền đi bằng xe đạp đến thăm anh cho đỡ buồn vậy mà.   
- Tôi còn phải nằm lại đây lâu lắm, chờ người ta giải phẫu gấp những mảnh đạn còn dính trong người. Thỉnh thoảng Hiền đến thăm là tôi vui rồi.   
- À, còn gia đình anh ở đâu mà Hiền không thấy đến thăm anh.   
- Cũng ở gần đây thôi, nhưng tôi không muốn báo tin cho gia đình hay chuyện không may này.   
Sáu tháng trôi qua, Hiền đến thăm tôi đều đặn mỗi chủ nhật. Trong thời gian đó, người ta đã làm cho tôi hai khúc chân giả và tập cho tôi đi bằng hai nạng chống. Hiền có giúp tôi đi lại ngoài sân sau khi ăn uống. Chúng tôi trở nên thân thiết. Một vài anh em trong viện nhìn tôi ao ước, chuyện của tôi và Hiền là đề tài để anh em trong viện bàn tán. Tôi rất hãnh diện và chỉ biết hãnh diện. Từ đó tôi không còn tự nhiên khi tham gia những cuộc vui với anh em như trước nữa, tâm hồn tôi đang bay bổng tận nơi đâu ấy.   
Nhưng niềm vui vừa chớm đã sớm vụt tan, cuộc đời trong lúc khốn cùng nhất cũng không được yên. Lần này bố mẹ Hiền xuất hiện, tôi không trách cứ ai cả mà chì buồn cho thân phận. Ai có con gái mà không muốn nó tìm được người bạn đường xứng đáng. Một sáng chủ nhật, hai ông bà theo dõi con gái khi dẫn xe đạp ra khỏi nhà. Cả hai gọi xích lô bám sát theo sau mà Hiền không hay biết. Đến quán cơm gần quân y viện, Hiền dừng xe lại, vào mua cơm cùng thức ăn bỏ vào gà men, rồi đạp thẳng vào Tổng Y Viện Cộng Hòa thăm tôi. Bố mẹ của Hiền liền theo vào nhưng chỉ đứng núp ngoài cửa lén nhìn vào. Khám phá ra sự tình hai ông bà lẵng lặng ra về. Sáng hôm sau, hai ông bà trở lại và đến thẳng phòng tôi. Lúc đó tôi đã vào xe lăn ngồi, định ra sân cỏ ngồi hít gió trời thì hai ông bà bước vào. Cả hai đứng nhìn tôi chăm chăm, tôi đang bỡ ngỡ chưa biết là ai thì bố của Hiền lên tiếng trước:   
- Chúng tôi là bố mẹ của Hiền, hôm nay đến đây để nói chuyện với cậu.   
Tôi ngồi lặng người, không biết hôm qua Hiền đi về có gặp chuyện gì không may không. Đang còn thắc mắc lý do hiện diện của hai ông bà thì bố của Hiền nói tiếp:   
- Ngày hôm qua chúng tôi kín đáo đi theo con gái chúng tôi và biết nó đã vào đây thăm cậu. Từ lâu rồi chúng tôi để ý cứ đến chủ nhật là nó vắng mặt cả ngày, hỏi mãi nó cứ nói quanh co. Cho đến hôm qua chúng tôi mới biết rõ ngọn ngành. Lẽ ra chúng tôi đã vào gặp cậu và con gái chúng tôi ngay lúc đó, nhưng vì phép lịch sự không làm kinh động nơi này nên chúng tôi đã tế nhị ra về. Hôm nay chúng tôi đến đây gặp cậu để yêu cầu cậu thông cảm và xa lánh con gái chúng tôi. Nó còn nhỏ lắm, hãy để yên cho nó học hành.   
- Thưa bác, Hiền đến đây thăm cháu chỉ vì lòng nhân đạo thôi chứ không vì lý do gì khác - tôi ngạc nhiên đáp lại. Giữa cháu và Hiền đâu có chuyện gì xảy ra.   
- Cậu thì nói như vậy chứ ngày hôm qua khi con gái chúng tôi về đến nhà, chúng tôi gạn hỏi thì nó thú nhận rằng nó đã thương cậu và xin chúng tôi rộng lòng thương cảm.   
Nghe câu này, tôi như bị sét đánh ngang tai. Tôi ngẩn ngơ, bàng hoàng, tâm thần bấn loạn. Sau một hồi im lặng, tôi run run nói:   
- Thưa hai bác, một ngày gần đây cháu sẽ xuất viện. Cháu xin hứa với hai bác là khi rời khỏi nơi đây suốt đời cháu sẽ không bao giờ gặp lại Hiền nữa. Vả lại cháu là người biết tự trọng, với tấm thân tàn phế này cháu cũng biết là không xứng đáng với Hiền đâu. Xin hai bác cứ an tâm.   
Nói xong câu đó tôi nhìn thấy gương mặt của hai ông bà lộ vẻ mừng rỡ. Sau đó hai ông bà hỏi thăm tôi về ngày giờ và lý do bị thương tật, gia đình tôi phản ứng như thế nào rồi vui vẻ từ giả ra về.   
Chủ nhật tuần sau, cũng là chủ nhật cuối cùng, Hiền đến phòng tôi như thường lệ, nét mặt đượm buồn, bước chân nặng nề, dáng đi chậm chạp. Hiền gượng gạo mở nắp gà men mời tôi ăn. Tôi ngốn nghiếng ăn hết cả cơm và thức ăn không nói lời nào. Thấy tôi ăn gần xong, Hiền vội nói:   
- Lần này anh ăn hết gà men cơm như vậy tức là anh sắp bình phục rồi đó, Hiền mừng lắm.   
- Tôi cố ăn cho hết để rồi...   
Tôi giả bộ như đang nuốt cơm để ngưng nói tiếp, dò xét. Sau cùng tôi quyết định hỏi thêm:   
- Hiền ơi, hai đứa mình đã quen biết nhau hơn nửa năm rồi. Ngoài tình bạn ra, Hiền có nghĩ gì khác hơn không?   
Hiền cúi đầu, nét mặt trở nên buồn bã, mắt nhìn xa xăm. Một lúc sau, thay vì trả lời Hiền vân vê tà áo, đọc hai câu thơ:   
- "Y dài lối rẽ chia ba, sóng nước trào dâng rất đậm đà".   
Tôi lúng túng không biết trả lời sao cho hợp ý câu thơ. Ý của Hiền muốn nói trong vế đầu là khi đến thăm tôi Hiền phải đi qua cầu Chữ Y, cầu Chữ Yrất dài và có ba ngã rẽ. Còn vế sau "sóng nước trào dâng rất đậm đà" thì tôi bí. Thật ra tôi cũng đoán là tình cảm của Hiền dành cho tôi rào rạc giống như sóng nước nhưng vì đã hứa với bố mẹ của Hiền, tôi phải giữ lời. Tôi làm bộ như không hiểu:   
- Tôi không biết làm thơ. Vậy tôi đối lại bằng hai câu thơ mà tôi đã học lóm được không?   
- Anh cứ đối lại đi, nhưng phải phù hợp với ý của Hiền.   
- "Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở, tình mất vui khi đã vẹn câu thề".   
Nghe xong Hiền vội vã từ giã ra về, những giọt nước mắt chảy dài trên má.   
Tôi gọi Hiền lại và xin mượn cái gà men, tôi giả vờ nói khi tối đến tôi hay đói bụng và sẽ nhờ anh em ra ngoài mua thức ăn giùm. Thật ra cái gà men này đối với tôi có một giá trị khác. Nó đã đến với tôi hơn nửa năm trời. Tôi giấu Hiền là ba hôm nữa là tôi sẽ xuất viện, tôi muốn đem cái gà men đó theo tôi suốt đời. Đối với tôi nó không những là một vật dụng thiết thân mà còn là một kỷ vật "thủy chung". Những khi buồn bã tôi sẽ mang nó ra nhìn, tôi muốn nó sẽ là người bạn đồng hành tri kỷ nhất suốt cuộc đời còn lại của tôi.   
Ba ngày sau, một ngày thứ tư, tôi ra Hội Đồng Miễn Dịch để được cấp giấy chứng thương rồi sau đó đến Bộ Cựu Chiến Binh làm thủ tục ra trại an dưỡng Vũng Tàu. Trở về trại thu xếp đồ đạc và từ giã anh em. Ra khỏi cửa, tôi quyến luyến quay đầu nhìn lại lần cuối căn phòng đầy kỷ niệm đẹp.   
Tôi được xe quân y viện đưa ra thẳng trại an dưỡng Vũng Tàu. Tại đây, mỗi buổi chiều tôi thường lăn xe ra bãi biển ngắm nhìn mây nước quên đi những tháng ngày buồn. Cảnh vật thật đẹp và bình yên. Xa xa là những cánh buồm thấp thoáng giữa biển trời bao la, tôi chỉ là một chấm nhỏ giữa thiên nhiên rộng lớn. Tôi thích nhìn những con dã tràng xe cát. Cuộc đời của chúng thật là phù du, tổ ấm vừa xây xong sóng biển liền phủ lấp. Cuộc đời của tôi không khác gì chúng, một hy vọng vừa lóe lên liền bị thực tại dập tắt. Nhiều du khách tò mò hỏi sao tôi cứ mãi nhìn những con vật đó, tôi làm bộ ú ớ ra dấu bảo họ để tôi yên. Người ta tưởng tôi điên. Thật ra tôi quá chán đời, không muốn trò chuyện với ai.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 14**

Một năm trời đã trôi qua. Cuộc đời của tôi không có gì thay đổi. Người ta gắn cho tôi chân gỗ để tập đi, nhưng tôi không tha thiết lắm. Thân hình dị hợm, đời tôi nát tan. Mỗi buổi chiều tôi vẫn thường ra bãi biển ngắm nhìn mây nước và những con dã tràng xe cát Biển Đông. Cảnh vật thật đẹp...   
Tôi nhớ Hiền, nói chuyện với Hiền và mơ thấy Hiền. Nhớ quay quắc. Chiếc gà men không giúp tôi vơi bớt nỗi sầu, nhưng tôi vẫn thích ôm nó vào lòng, để tìm về khung trời kỷ niệm rồi ngủ thiếp. Tôi chỉ thức giấc và vội vã lăn xe về phòng khi tiếng đại thần chung từ các chùa trên núi vọng về. Nỗi buồn bã nhớ thương cứ tăng theo năm tháng. Đôi lúc nghe chim kêu gọi bạn, lòng thật tủi hổ. Tôi cứ lặp đi lặp lại điệp khúc "nhớ Hiền, nói chuyện với Hiền và mơ thấy Hiền".... lòng đầy phiền muộn.   
Cứ đến mỗi ba tháng tôi đón xe về Sài Gòn lãnh tiền trợ cấp. Đây là lần thứ tư tôi về lại. Thường thì tôi dậy thật sớm để đón chuyến xe đầu tiên về Sài Gòn và đến ngân khố đường Trương Minh Giảng khoảng 8 giờ sáng. Lãnh tiền xong khoảng 10 giờ thì tôi đón xích lô ra chợ mua vài món đồ cần thiết cho tôi và cho bạn bè rồi ra bến xe về lại Vũng Tàu. Nhưng hôm nay đi gần tới Long Thành thì xe đò bị hư máy, phải đến gần trưa tôi mới đến được. Vừa bước xuống xích lô, tôi giật mình thấy Hiền đứng dựa lưng trước cửa cổng nhìn tôi chăm chăm. Tôi giả bộ như không quen biết, cúi đầu chống nạng vào. Tôi tin rằng Hiền sẽ không nhận ra tôi sau một năm trời xa cách. Da tôi xạm màu nắng cháy, thân hình tôi có mập hơn xưa, thêm vào đó tôi có để cặp ria mép.   
- Anh! - Hiền khẽ gọi.   
Biết không tránh được, tôi cố dằng xúc động, nhìn Hiền không chớp mắt.   
- Có phải là anh đó không? - Hiền tiếp tục hỏi khẽ, giọng xa xăm. Đây là sự thật hay trong mơ, anh là ảo ảnh hay là hiện thực?   
Tôi giả bộ cúi xuống sửa lại ống quần, dựng lại chiếc nạng cho ngay ngắn, rồi thốt lên một câu vô duyên:   
- Hiền mạnh khỏe chứ?   
Hiền lặng người nhìn tôi một lúc, nắm chặt lấy tay tôi, rồi dìu tôi vào cổng. Suốt đoạn đường ngắn ngủi, Hiền hỏi dồn về tôi, về cuộc sống của tôi. Tôi làm như vẻ lì đời, tỉnh bơ nói:   
- Tôi vẫn bình thường. Mình nên tìm chỗ để ngồi nói chuyện cho thoải mái hơn.   
Hai chúng tôi tìm được một chỗ khá yên tịnh giữa những tiếng ồn ào của những người vào lãnh tiền.   
- Hiền vẫn đi học bình thường chứ?   
- Hiền đã nghỉ học từ ngày anh ra đi.   
- Thôi dù sao thì chuyện cũ cũng qua rồi, quên nó thì hay hơn. Tôi cũng thành thật xin Hiền tha lỗi, tôi đã hứa với bố mẹ Hiền là khi rời khỏi bệnh viện tôi sẽ suốt đời không gặp lại Hiền nữa.   
- Hiền đã biết chuyện đó rồi và cũng chính vì vậy đã bỏ học đi tìm anh từ hơn một năm nay. Hiện giờ anh ở đâu?   
- Là cánh chim giang hồ, nay đây mai đó, nơi nào cũng ở được - tôi đánh trống lãng vì không muốn để lộ nơi đang an dưỡng.   
- Hỏi cho vui vậy thôi. Anh ở đâu Hiền cũng không cần biết. Chỉ biết anh còn sống, khỏe mạnh là Hiền vui rồi.   
Nói chuyện suốt hai giờ liền, chúng tôi quên cả thời gian. Sực nhớ mình đến đây để lãnh tiền, tôi vội vàng đến ghi sê nạp sổ nhưng quá trễ. Nhân viên giữ quầy cho biết:   
- Ở đây chỉ thu sổ buổi sáng mà thôi. Sáng mai mời anh đến lại.   
Tôi cự nự vài câu rồi ra nói lại với Hiền.   
- Hôm nay trễ rồi. Hiền về đi, sáng mai anh trở lại nộp sổ.   
- Anh cho Hiền xem quyển sổ coi, anh lãnh bao nhiêu tiền trong ba tháng.   
Tôi hơi ngạc nhiên nhưng cũng đưa cho Hiền coi. Xem xong Hiền xếp lại và nói:   
- Anh đã về đây ba lần rồi nhưng sao Hiền không gặp? Thôi, để quyển sổ này cho Hiền giữ. Tám giờ sáng mai Hiền sẽ đến sớm nộp cho anh.   
Không hiểu sao tôi lại đưa cho Hiền giữ quyển sổ cấp dưỡng rồi chia tay. Tôi đón xe lên Tổng Y Viện Cộng Hòa thăm một vài anh em và ngủ lại đó. Đúng tám giờ, Hiền đến và đưa tôi quyển sổ để nạp lãnh tiền. Sau đó hai chúng tôi ra ngoài cổng ăn sáng. Ăn xong tôi gọi xe xích lô và từ giã Hiền. Anh xích lô hỏi:   
- Anh đi đâu?   
- Cứ chạy đi, tôi sẻ chỉ đường sau.   
Hiền bụm miệng đứng cười. Hiền biết tôi muốn giấu nơi ở và tôi cũng ngây thơ không nghĩ rằng Hiền sẽ đạp xe chạy theo. Tôi nói anh đạp xích lô chạy về hướng bến xe Vũng Tàu. Xuống xe, tôi lật đật mua vé và lên xe đò đi ngay về Vũng Tàu. Trên suốt đường về, lòng vẫn còn xúc động. Tôi chẳng nhớ mình đã làm gì sau đó. Đang nghỉ ngơi suy tưởng lại chuyện vừa xảy ra, vào khoảng giữa chiều anh gác dan chạy vào nói tôi có người nhà đến thăm. "Ủa, tôi có cho gia đình hay biết chỗ này đâu mà đến thăm", tôi thầm hỏi. Chưa kịp thắc mắc xong, Hiền đã xuất hiện ngay trước phòng tôi. Nét mặt rạng rỡ, đôi mắt tò mò. Căn phòng của tôi tự nhiên quá hẹp để đón nhận hạnh phúc này.   
- Hiền xuất hiện như một bóng ma làm tôi sợ quá nên chưa kịp ra đón - tôi nhìn Hiền nụ cười toe toét trên môi.   
- Rất đúng. Hiền sống như một bóng ma từ khi vắng anh. Tìm anh mãi đến bây giờ mới bắt được.   
Tôi chỉ biết mỉm cười, nhìn Hiền chăm chăm lòng vui khó tả.   
- Cánh chim giang hồ làm tổ nơi đây à? - không chờ tôi trả lời, Hiền nghiêm nét mặt hỏi sang chuyện khác. Ơ? đây có câu lạc bộ không anh?   
Tưởng Hiền khát nước hay đói bụng, tôi xăng xít chỉ qua bên kia đường. Hiền liền bước sang mua về hai ly sữa tươi, đặt lên bàn nói:   
- Anh uống đi cho khỏe rồi Hiền nói chuyện này cho anh nghe - nét mặt Hiền khẩn trương.   
- Chuyện gì vậy?   
Hiền liền thọc tay vào túi quần lấy ra hai típ thuốc ngủ.   
- Đây Hiền một típ, anh một típ. Anh không uống thì Hiền sẽ uống một mình.   
Nói xong, Hiền đặt một típ lên bàn đẩy về phía tôi. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì Hiền mở nắp đổ nguyên típ thuốc ngủ kia lên bàn tay rồi tay kia cầm ly sửa đưa lên miệng. Tôi kinh hoảng phóng mình tới đánh mạnh vào tay Hiền, những viên thuốc ngủ màu trắng văng tứ tung xuống nền gạch. Hiền bực mình dằn mạnh ly sửa xuống, gục mặt trên bàn khóc rấm rức. Tôi vội vàng ngồi xuống lượm từng viên thuốc trắng bỏ vào típ, đây nắp cẩn thận rồi đem cả hai cất vào tủ khóa lại kỹ lưỡng. Tôi nói:   
- Trên đời này tôi không thích bị làm áp lực, tôi là con người biết giữ tự trọng. Lần thứ nhất, ngoài chiến trường tôi đã cắt bỏ khúc chân trái vì không muốn bị vướng bận và cũng không muốn kêu la khi đồng đội đang trực diện với kẻ thù. Trước khi xuất viện cũng vậy, tôi không muốn làm phiền gia đình của Hiền nên đã hứa với bố mẹ của Hiền không liên lạc nữa. Tôi chấp nhận chịu đau nhưng quyết không để thua cuộc, nhưng có lẽ hôm nay tôi không còn giữ nổi lời hứa đó. Hiền đã thắng, tôi đã thua.   
Nghe nói đến đây, Hiền nhìn tôi mỉm cười, quẹt nước mắt chạy đến ôm chầm lấy tôi. Tôi sung sướng ôm Hiền vào lòng và thay đổi luôn cách xưng hô:   
- Thôi em đừng nghĩ đến cái chết nữa. Cuộc đời này hãy còn quá đẹp để sống. Em nghe kìa, ngoài kia tiếng chim gọi bạn. Ngày trước anh cũng thầm gọi tên em như vậy nhưng không dám mơ ước gì hơn, chỉ biết buồn tủi cho thân phận. Hôm nay có em bên cạnh, anh mừng hết lớn.   
Hiền im lặng xiết chặt lấy thân tôi. Hai đứa ôm nhau một hồi lâu tôi mới giật mình lên tiếng:   
- À, Hiền nè, có một vấn đề hơi tế nhị là trại an dưỡng này không cho phép phụ nữ vào thăm ở lại qua đêm. Trước đây có nhiều anh em dẫn về trại những phụ nữ không được tiếng tốt, từ đó trại hạn chế hẳn việc này. Bây giờ thì em cứ ở lại chơi với anh, khi tối đến anh sẽ dẫn em ra ngoài thuê phòng ở tạm.   
Hiền ngoan ngoãn gật đầu, nét mặt vui sướng. Chúng tôi vui vẻ nói chuyện với nhau thật lâu, nói về chuyện đời, nỗi nhớ mong, nỗi khổ cực và cả chuyện tương lai. Hiền vui vẻ ngồi trong vòng tay của tôi, âu yếm sờ hàm râu lởm chởm của tôi chưa cạo và chỉ biết gật gù. Tôi sung sướng được vuốt và ngửi mái tóc đen huyền của Hiền. Thân hình của Hiền tựa sát vào người tôi khiến tôi có những cảm giác rạo rực. Thời gian trôi qua nhanh quá, chúng tôi dường như không thể rời nhau được nữa. Tôi chợt thắc mắc:   
- Hiền ơi, em đi như thế này ở nhà bố mẹ em biết đâu mà tìm?   
- Anh hãy yên tâm, trước khi đi Hiền có về nhà viết thư để lại cho bố mẹ nói rằng Hiền đã gặp lại anh và cho biết sẽ đi theo anh nhưng chưa biết đi đâu, khi nào ổn định được chỗ ở em sẽ về cho bố mẹ biết.   
- May quá, hiện nay chính phủ đang có chương trình cấp phát nhà ở cho thương phế binh. Anh tưởng mình sẽ ở vậy suốt cuộc đời nên không làm đơn, nay có em đây thì anh sẽ làm. Cũng báo cho em biết để mừng là chính phủ dành ưu tiên cho những người đang còn ở trong những trại an dưỡng như anh. Ngày mai anh sẽ làm đơn, khi được chấp thuận mình sẽ về đó ở thoải mái hơn.   
Cuộc tình đầy gian nan và thử thách đến đây kết thúc. Một tương lai tươi đẹp mở ra, cho tôi và cho Hiền. Chúng tôi liên lạc với bố mẹ Hiền, hai ông bà lúc này cũng đã thay đổi, không những không chống việc Hiền dọn về ở với tôi trong một làng phế binh ở Thủ Đức mà còn giúp chúng tôi mua sắm những vật dụng cần thiết trong nhà, thỉnh thoảng hai ông bà còn đến thăm chúng tôi. Sau đó Hiền hối tôi phải liên lạc lại với gia đình, thông báo về hoàn cảnh thương tật và chuyện lập gia đình của tôi. Lúc đầu cha mẹ tôi khóc lóc thương tiếc cho thân phận tôi, sau thấy tôi có người vợ tận tình chăm sóc hai ông bà cũng yên lòng. Tôi chỉ tiếc là chưa báo hiếu được cha mẹ thì đã bị tàn tật.   
Ăn ở với nhau được vài năm, chúng tôi sinh được hai mụn con, đứa đầu lòng là một bé gái, đẹp và hiền như mẹ của nó. Con cái chúng tôi ngày ngày cắp sách đến trường, học và chơi với những bạn đồng trang lứa, sống thật vô tư. Cuộc sống của chúng tôi không giàu nhưng cũng không nghèo, tôi phụ giúp vợ tôi mua bán ngoài chợ. Chúng tôi sống trong hạnh phúc, tin tưởng vào một ngày mai sáng lạn.   
Ngoài đời cuộc chiến vẫn tiếp diễn. Tin tức chiến trường ngày càng bất lợi. Ban Mê Thuột thất thủ, Đà Nẵng bị bỏ rơi. Rồi Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Pleiku, Kontum, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết, Đà Lạt... Tôi bực mình vì mất khả năng chiến đấu, nếu không đã ra lại chiến trường cùng các bạn chiến binh bảo vệ đất nước thân yêu.   
Thế là hết. Quân cộng sản đã tiến vào thủ đô. Ngày 30-4-1975, đại tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh yêu cầu anh em binh sĩ buông súng. Tủi nhục, ôi thật tủi nhục. Làm sao rửa được mối nhục này. Đồng đội của tôi biết bao nhiêu người đã xiết cò tự sát. Một số khác quyết chiến đến cùng, chết bờ chết bụi không có thân nhân.   
Những ngày đầu dưới ách cộng sản, trời sầu đất thảm, mưa gió tơi bời. Tại một số nơi, dân chúng thiếu ăn kéo đến các kho dự trữ lấy gạo, nhiều người bị bắn chết xác nằm la liệt. Bất cứ hành động nào tình nghi đe dọa chính quyền mới đều bị tuyên án tử hình, nhiều án được thi hành vội vã ngay giữa đường phố hay bùng binh chợ.   
Có một lần tại chợ Bình Tây, dưới chân tượng ông Quách Đàm, người cán bộ đầu đội nón cối, chân đi dép râu trắng, dáng người ốm đói dẫn tử tội ra giữa đám đông cho dân chúng nhìn. Tử tội tay chân bị trói ngoặc, đi đứng khó khăn, mắt thì bịt kín, miệng dán băng keo, trước ngực đeo bản án. Tay phải người cán bộ cầm khẩu K54 đã lên đạn sẵn, tay trái béo lỗ tai tử tội lên phía trên, rồi dí nóng súng vào phía sau lỗ tai bóp cò. Một tiếng "chát" vang lên, người tử tội ngã xuống. Thân hình co quắp, giật giật mấy cái rồi nằm im, óc và máu phun ra từ phía lỗ hỗng bên kia màng tai. Chưa hết, người cán bộ còn kê súng vào màn tang tử tội bắn phát "ân huệ", đầu tử tội bật sang một bên, da và vài mảnh sọ bung lên, óc và máu tuôn ra ri rỉ. Dân chúng sợ hãi bỏ đi không dám nhìn lại. Một toán bộ đội từ trên một chiếc xe Molotova đậu sẵn nơi đó, nhảy xuống kéo xác tử tội quăng lên xe chở đi đâu mất.   
Trong thời quân quản, không một chợ nào, bùng binh nào, ngã năm ngã sáu nào không xảy ra những cảnh máu chảy đầu rơi.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 15**

Riêng về tập thể thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa, sự trả thù của chế độ mới không kém phần ác độc. Tất cả các làng phế binh tại các tỉnh thành đều bị giải tán, gia đình phế binh bị đuổi khẩn cấp ra khỏi nhà, mỗi người chỉ có một bộ đồ che thân, không một vật dụng nào được mang theo dù là một cái chén. Tại Sài Gòn, ban quân quản ra khẩu lệnh cho chính quyền địa phương giải tỏa bốn làng phế binh. Riêng làng phế binh Thủ Đức, lớn nhất, có bốn ngàn gia đình đang sinh sống trong đó có gia đình tôi, tất cả phải dọn đi trong vòng một tháng. Những gia đình nào không chịu đăng ký đi về quê hay vùng kinh tế mới, đám du kích "30" đến làm áp lực buộc phải dọn đi, cuối cùng chỉ còn khoảng một phần mười gia đình ở lại. Đối với những người này, chính quyền địa phương dùng mọi thủ đoạn để xiết bao tử, không cho làm bất cứ điều gì để rồi đói quá cũng phải dọn đi. Chế độ cộng sản muốn tiêu diệt luôn cả những người đã từng đối địch với họ, dù cho thân thể có bị tàn phế.   
Lúc bấy giờ tôi chợt nhớ có một người bạn cùng đơn vị tên là Sum Ri, người Thượng, ở gần Tháp Chàm Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận. Tôi cùng đứa con gái lớn tên Diệu Hiền đón xe lên nhà anh Sum Ri nhờ giúp tìm một miếng đất để trồng khoai bắp sinh sống, tránh cảnh áp bức tại Sài Gòn. Tôi ở nhà anh một đêm, nghe ngóng tình hình. Sáng hôm sau, anh Sum Ri dẫn chúng tôi đến một địa điểm cỏ cây um tùm, anh nói:   
- Cách đây không xa có một cái đồn cũ của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đất ở đó tốt lắm.   
Tôi cùng con gái đi với anh Sum Ri tới đó. Chúng tôi thấy một cái đồn nhỏ nằm trên ngọn đồi cô quạnh, cỏ hoang mọc lấp cả lối đi. Sau một hồi vạch cỏ tìm đường, cuối cùng anh Sum Ri cũng dìu tôi lên tới đỉnh đồi. Đến nơi mới thấy mái đồn đã bị đổ sụp, tường vách đen ngòm rêu phong bám đầy. Các vách tường lỗ chỗ hghim đầy vết đạn, có lẽ đồn đã bị sụp trong những ngày cuối tháng 4-75. Anh Sum Ri chỉ vào nói:   
- Anh chỉ cần vào rừng đốn vài cây tre làm đòn dông thả ngang trên nóc rồi cắt cỏ tranh phơi khô lợp lại mái nhà là ở được rồi đó vì mấy vách tường còn nguyên vẹn.   
Tôi mừng quá tiến tới nhìn vào. Thật là khủng khiếp. Một cảnh tượng ghê rợn hiện ra. Tôi thấy trên nền đất rêu đen mấy cái đầu lâu trắng hếu, bên cạnh là những mẫu xương trắng lòi ra dưới lớp áo quần mục nát bị cỏ che khuất nhiều phần. Mùi ẩm mốc bốc lên nồng nặc. Tôi rùn mình lùi lại. Anh Sum Ri im lặng. Con gái tôi mặt trắng bệt, thân hình rung lẩy bẩy. Một hồi sau nó mới nói nên lời.   
- Về đi ba, con sợ quá!   
Bên ngoài bầu trời nắng ấm, người tôi cứ thấy lạnh. Chim rừng tiếp tục ca hát líu lo, tôi sao chỉ nghe toàn lời ai oán. Hai chúng tôi lịm người đứng im. Một lúc sau định thần trở lại, tôi chắp hai tay cầu nguyện: "Lạy Thượng đế, xin Ngài che chở cho những linh hồn này, những người chiến sĩ vô danh không ai hay biết này". Nhìn anh Sum Ri, tôi chán nản:   
- Đời là bễ khổ. Anh thấy không, những chiếc đầu lâu nằm ngổn ngang với lóng xương khô là hồn thiêng sông núi đó. Hận thù này bất diệt, bất khả tiêu. Thôi gặp Sum Ri lần này, tôi về lại Sài Gòn kể như mình vĩnh biệt. Cảm ơn Sum Ri đã tận tình giúp đỡ và hướng dẫn tôi. Sống trong hang cọp, may rủi là định mệnh của con người không ai tránh khỏi, anh hãy cẩn thận.   
- Anh về rồi họ đuổi nhà, gia đình anh ở đâu?   
- Kể từ nay, đời tôi kể như bèo dạt mây trôi, sống ở đâu cũng được, không có nơi nào nhứt định. Nhưng tôi quyết ở lại Sài Gòn.   
Sau hai ngày đi tìm đất sống mới vô vọng, tôi cùng con gái đón xe về lại Sài Gòn. Đường dài và bụi bặm, con gái tôi dựa đầu nằm ngủ trên vai tôi. Nhìn cảnh vật hai bên đường, lòng tôi đau xót. Đất nước thật đẹp mà sao lại đào tạo ra một giống người độc ác, chỉ biết hung hăn giết hại đồng bào. Chúng tôi ngồi kế bên một bà cụ và anh bộ đội, cuộc đối thoại của hai người làm tôi chú ý.   
- Ở ngoài Bắc gọi là kiểm kê, tịch thu, còn trong Nam gọi bằng gì hở cụ? - anh bộ đội lễ phép hỏi.   
- Ở trong Nam gọi là ăn cướp - bà cụ không ngần ngại trả lời và còn nói tiếp. Tao đã bỏ xứ chạy vào Nam mấy chục năm trời nhưng giờ đây lại gặp chúng mày nữa.   
- Không đâu cụ ạ - anh bộ đội thật thà giải thích. Chúng cháu cũng chỉ là nạn nhân của chế độ mà thôi. Chúng cháu mặc bộ đồ này cũng tủi nhục lắm cụ ạ. Trên đường số 1 tiến về Sài Gòn, bộ đội chúng cháu khi lỡ đường khát nước vào nhà dân xin nước uống, họ bảo chúng cháu đứng ngoài sân chờ họ đem nước ra chứ không cho vào nhà. Thưa cụ, chính vì thế chúng cháu mới biết chế độ này không được lòng nhân dân. Rồi khi vào Nam thì sự thực không đúng như người ta đã bảo với chúng cháu. Nơi đây không bị kềm kẹp và cũng không bị thiếu đói. Mọi người còn tỏ ra yêu thích "Mỹ Ngụy" và chê cười chúng cháu là quê mùa.   
Tôi đang buồn rã ruột nhưng khi nghe hai người đối thoại cũng phải phì cười. Về đến nhà, vợ con chạy ra mừng đón.   
- Thế nào, ở trên đó có thể sống được không? - vợ tôi hỏi.   
- Ghê lắm má ơi - con gái tôi vội cướp lời. Bác Sum Ri dẫn ba đến chỗ gì mà con thấy hàng chục cái sọ người nằm ngổn ngang dưới đất. Thà ở lại đây chết sướng hơn. Con không đi nữa đâu.   
- Thôi, mình cứ liều mạng ở lại đây - tôi an ủi vợ tôi. Bầu trời đã đen tối, đi đâu cũng chỉ là bóng tối mà thôi. Không làm gì có mặt trời ở giữa đêm. Nếu kẹt quá thì mình về lại nhà cha mẹ ăn nhờ ở đậu.   
Sau ba tháng cầm cự với những "hàng xóm" mới, toàn là bộ đội từ miền Bắc vào, gia đình chúng tôi cũng bị "mời" đi nơi khác. Cũng may lần này chúng tôi được mang theo tất cả đồ đạc. Cha mẹ của Hiền cũng tử tế, đã cho chúng tôi sang sẻ căn nhà chật hẹp trong một hẻm nhỏ ở đường Dương Bá Trạc, quận 6. Hiền sáng sớm ra chợ Rạch Ông buôn bán với mẹ già, còn tôi học thêm nghề vá bánh xe đạp và xe gắn máy, con cái chúng tôi cũng được cho ghi tên đi học lại.   
Tháng ngày lại lặng lẽ trôi qua. Trên vùng kinh tế mới cuộc sống thiếu thốn trăm bề, dân chúng thiếu ăn, trẻ con không có trường học, bệnh tật không có thuốc chữa, mạng người như cỏ rác. Những người sống sót, không chịu đựng nổi cảnh rừng sâu nước độc và thiếu đói, đã lần lượt mò về thành phố. Mất nhà mất cửa, họ làm những túp liều tranh vách giấy sống tạm trong các nghĩa địa chung quanh thành phố và vùng ngoại ô, đời sống thật là lầm than. Trẻ em chực chờ ở các quán cơm xin thức ăn thừa, chút canh cặn khi khách vừa đi. Nhiều em đã bị "quản lý" chợ đánh đập tàn nhẫn, các em van khóc: "Bác ơi, đừng đánh tụi con nữa. Tụi con đói quá". Cha của các em phần lớn là thương phế binh còn khốn khổ hơn nhiều, thân xác đã mỏi mòn, tinh thần còn bị tủi nhục. Sống kiếp ăn xin, nào ai có hãnh diện gì.   
Nhìn hoàn cảnh sinh sống của anh em phế binh tôi như người mất trí, đầu óc rối loạn. Cũng may nhờ có Hiền luôn ở bên cạnh giúp đỡ, an ủi.   
- Mỗi ngày ra chợ buôn bán, em thấy đời sống anh em phế binh khổ sở quá. Anh thử nghiên cứu, suy nghĩ tìm ra một giải pháp nào có thể giúp anh em phế binh thoát cảnh sống lầm than, không phải đi ăn xin và sống trong danh dự xem. Em nghĩ nếu mọi người cùng suy nghĩ và tìm ra được giải pháp thì đó cũng là một cách đền bù sự hy sinh không riêng gì cho cá nhân anh mà còn cho cả tập thể phế binh.   
- Trời ơi, đầu óc anh đang cơn điên loạn, còn tỉnh táo gì đâu mà nghiên với cứu.   
- Thôi, anh đừng quá bi quan, dầu sao thì cũng còn có em đây. Em có sáng kiến này không biết có làm anh vừa lòng và có mang lại kết quả nào không. Em nhận thấy từ ngày thay đổi chế độ, dân chúng trở nên sùng đạo, không nhà nào không dùng nhang đèn cho những nhu cầu thường ngày. Nhiều người quá chán cuộc sống đi chùa, đi miếu và đi tu rất nhiều. Thờ cúng thì phải đốt nhang. Số lượng nhang đèn tiêu thụ rất là lớn, do đó phải có nơi sản xuất. Hiện nay, theo chỗ em biết, chỉ có các chùa mới làm nhang đèn. Vậy anh thử đi dò hỏi xem chùa nào sản xuất nhang, đến thương lượng với các thầy mua lại nhang đèn với giá sỉ rồi đem về đưa anh em phế binh đi bán lại thử xem. Em và mẹ em sẵn sàng xuất vốn trước anh em chỉ cần trả lại vốn, còn tiền lời để họ chi tiêu cho gia đình. Được như vậy, cuộc sống của anh em phế binh chúng ta bớt phần nhục nhã.   
Trời ơi! Vợ tôi, cô Nguyễn Thị Hiền này, thật là có lý. Ngày hôm sau, tôi chống nạng lộc cộc tìm đến các chùa sản xuất nhang, mua thử một ít về giao lại cho những anh em phế binh gần nơi cư ngụ mang đi bán. Cũng may số lượng nhang mang đi bán không nặng lắm nên anh em có thể mang đi xa để bán. Kết quả không ngờ, thành công tuyệt đối. Tôi cùng một vài anh em khác đi đến các chùa thương lượng các nhà sư bán nhang thiếu đem về cho anh em phế binh đi bán dạo kiếm sống.   
Kể từ đó phong trào phế binh đi bán nhang tại thành phố Sài Gòn trở nên rầm rộ. Tôi rủ một vài anh em đi xuống các tỉnh bán, tại đây chúng tôi gặp một số anh em phế binh cũng đang sống kiếp ăn xin. Chúng tôi họp lại và phổ biến ý kiến đi mua nhang ở các chùa về bán lại, anh em phế binh tại những nơi này hoan nghênh nhiệt liệt. Cũng nhờ đi bán nhang anh em chúng tôi cảm thấy cuộc sống đỡ tủi nhục và tấm lòng của nhân dân. Tưởng đã bị đời từ lâu quên lãng, nhưng không. Bà con cô bác không những mua nhang đèn cho nhu cầu thường ngày mà còn khuyến khích, ủng hộ tinh thần chịu khó của anh em. Sự trao đổi giữa người và người trở nên bình đẳng.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 16**

Công việc tiến hành đều đặn, chỉ những anh em phế binh nào quá khó khăn mới tiếp tục ăn xin. Tôi muốn nhân dịp tìm hiểu thêm dân tình. Tôi thử trắc nghiệm hai nơi nổi tiếng là thành trì của "cách mạng", một là Bến Tre, "quê hương đồng khởi", và Củ Chi, "thành đồng đất thép".   
Năm 1990, tôi rủ năm anh em đi xuống tỉnh Bến Tre bán nhang. Riêng tôi thì giả mặc quần áo bộ đội, đầu độ nón cối, hai khúc chân gỗ cho mang dép râu, lưng đeo bị nhang, chống nạng đi trước. Bốn anh em kia thì mặc đồ biệt động quân, nhảy dù, thủy quân lục chiến lục tục đi sau. Tôi đi từ sáng đến trưa mà chẳng bán được một thẻ nào hết, nhà nào tôi vào mời cũng lắc đầu từ chối và còn nhìn tôi với ánh mắt khó chịu như muốn xua đuổi. Tôi có cảm tưởng dân chúng tại "quê hương đồng khởi" này trở nên vô thần, không ai nghĩ đến chuyện thờ cúng. Buổi chiều họp nhau lại kiểm điểm thành tích, tôi mới thấy mình sai: chỉ có tôi chẳng bán được thẻ nhang nào, còn bốn anh em kia được dân chúng rủ nhau mua hết.   
Lần thứ hai, tôi hướng dẫn năm anh em khác đi xuống bán nhang tại Củ Chi. Tôi cũng mặc lại bộ đồ bộ đội đi trước. Năm anh em kia mặc đồ các binh chủng cũ đi sau, mỗi người đi một nẻo. Tôi đi từ sáng đến trưa, nói khan cả cổ chỉ bán được bốn thẻ nhang. Đến một gốc cây trước căn nhà lợp ngói cổ, tôi ngồi xuống nghỉ mệt vì không còn đủ sức để đi tiếp. Một ông cũ khoảng 80 hoặc 90 tuổi từ bên trong chống gậy đi ra, nhìn tôi từ đầu đến chân rồi cất tiếng hỏi:   
- Câu là thương binh mà cũng đi bán nhang nữa à?   
- Dạ để phụ giúp thêm cho gia đình nên con phải đi bán.   
Thấy mặt tôi nhễ nhại mồ hôi, ông cụ mời:   
- Mời cậu vào nhà uống nước.   
Ông cụ đi trước, tôi ngồi dậy chống nạng theo sau. Vào nhà ông cụ chỉ cho tôi một ghế ngồi rồi hỏi:   
- Chắc cậu cũng đi kháng chiến lâu năm rồi phải không?   
- Dạ cũng hơi lâu lâu - tôi ngập ngừng.   
Ông cụ chỉ tay lên bàn thờ và nói:   
- Con tôi cũng đi như cậu, bây giờ nó đã lên bàn thờ kia ngồi từ Tết Mậu Thân.   
Thấy tôi không góp ý gì thêm, ông cụ nhìn tôi quan sát:   
- Cậu đi từ bao lâu mà túi nhang còn nguyên vậy, chưa bán được gì sao?   
- Thưa cụ, con đi bán từ sáng sớm nhưng mời không ai mua.   
- Nếu không ai mua thì tôi chỉ cho cậu một chỗ này đến đó thì bán hết liền.   
- Bán ở đâu vậy cụ, nhờ cụ chỉ giùm - tôi mừng rỡ hỏi.   
Ông cụ đột nhiên trở giọng, nhìn tôi trừng trừng quát lên:   
- Mày đem ra gò mả mà bán, cứ một cái mả mày đốt một bó nhang rồi cặm xuống đó. Nếu họ mua chịu, bao giờ mày chết xuống dưới âm phủ họ sẽ trả cho. Tổ mẹ tụi mày. Cái thứ quân ăn cướp như mày mà cũng đi bán nhang, tao đã nuôi tụi mày hết nửa đời người, con tao chết không thằng nào nhớ tới, thân tao già không thằng nào hỏi thăm. Quân cách mạng như tụi mày là đồ vô ơn bạc nghĩa. Đúng là dưỡng hổ di họa.   
Ông già đứng dậy, quăng cái ly xuống nền gạch bể tan, chỉ vào tôi thét lên:   
- Đi! Đi ra khỏi nhà tao ngay lập tức.   
Sợ quá, tôi quơ cặp nạng khập khiểng đứng dậy lùi ra phía cửa. Ra khỏi nhà, tôi đi một mạch tới một gốc cây khác thở mệt nhọc. Thật là buồn. Những người đã hy sinh trong chiến đấu, dù ở bên này hay bên kia chiến tuyến đều bị những cấp lãnh đạo của họ bỏ rơi.   
Tôi không trách cụ già đã chửi tôi, người cha nào mất con mà không đau đớn. Tội nghiệp cho những người đã hy sinh trong cuộc chiến vừa qua, trong đó có anh em chúng tôi và cả những người bên kia. Anh em chúng tôi thì không nói gì, miền Nam thua trận không ai chăm sóc chúng tôi thì còn giải thích được. Còn phe thắng trận thì không hiểu nổi. Chiếm xong miền Nam họ có dư quyền lực và tiền của để chăm sóc những gia đình "cách mạng" đã vì họ hy sinh, nhưng tất cả đều bị bỏ rơi. Điều này cho thấy sự giả dối của người cộng sản, chỉ những ai đã từng nghe theo sự tuyên truyền của phe cộng sản mới thấm thía sự lường gạt này. Tự nhiên tôi cảm thấy không có gì quan trọng trên đời này cả, tất cả chỉ là sự lường gạt. Lường gạt tình cảm và lường gạt cả mạng sống của người dân. Tôi và những bạn bè phế binh què cụt đang lang thang trên các đường phố bán nhang hay ăn xin trên các vỉa hè kia đều là nạn nhân của sự lường gạt đó.   
Chán quá, tôi lột bỏ bộ đồ "ác ôn" kia ra và bỏ luôn bị nhang lại gốc cây, thay bộ quần áo dân sự rồi đi ra bến xe chờ "đồng đội". Ra tới bến xe khí trời trở nên nóng gắt, tôi cởi phăng những nút áo cho dễ thở, mặt đỏ gay, mồ hôi thấm ướt cả áo quần. Các anh em khác từ đằng xa tiến tới, người thì chống nạn, kẻ đi cà nhắc, cười nói huyên thuyên, nhìn họ tôi mỉm cười. Trong khốn khó, người ta dễ có những niềm vui thật bình thường như sung sướng được hít một không khí trong lành, uống một ly nước đá lạnh hay bán được một thẻ nhang. Đời lính tráng nhiều lúc cũng thật vô tư. Tất cả nhìn tôi cười toe toét:   
- Bang chủ cái bang hôm nay bán hết sớm quá há. U?a, cái bị nhang của bang chủ đâu rồi, bộ bán luôn rồi hả?   
- Bán cái con mẹ gì. Đ... mẹ, đi mệt đờ người, vừa ngồi nghỉ tạm dưới gốc cây thì một già mời vô uống nước. Tao tưởng trúng số. Nào ngờ gặp trúng ông già ó đâm, ổng tưởng tao là Việt Cộng nên chửi cho tao một trận, đuổi ra khỏi cửa. Buồn quá nên tao bỏ hết đi mình không ra đây.   
- Ổng chửi Việt Cộng chứ có chửi anh đâu mà buồn.   
- Biết rồi, nhưng kẹt một cái là tao không giải thích được thì kể như ổng đã chửi tao. Ổng có thằng con theo Việt Cộng bị chết năm Tết Mậu Thân, ổng tức vì thằng đó chết cho Việt Cộng mà khi chiem quyền xon không thằng Việt Cộng nào mò tới thăm gia đình ổng. Thằng con bây giờ ngồi trên bàn thờ, hương tàn khói lạnh. Nói thì nói vậy thôi, cuộc thử nghiệm này như vậy là thành công, có thử lửa mới biết vàng thau. Chế độ này trước sau gì cũng tàn, mình ráng sống để mà xem chính nội bộ tụi nó sẽ tự làm thịt lẫn nhau cho mà coi. Thôi anh em mình về lại Sài Gòn.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 17**

Hơn tám ngàn ngày đã trôi qua, chúng tôi sống lê thê theo ngày tháng, lê bước chân trên khắp nẻo đường của đất nước, từ cố đô Huế cho đến tận mũi Cà Mau. Tôi thường đi bán ở những vùng duyên hải, với hy vọng có dịp nào đó "tìm đường" thoát thân. Có một lần đi ra mũi Né, khi xe đến eo biển thì dừng lại, nơi đây "lầu của nhà thơ Hàn Mạc Tử". Nhớ lại câu chuyện trao đổi với Hiền, người nữ sinh Gia Long cách đây hơn hai mươi năm, tôi quyết định ở tạm lại đây một buổi chiều.   
Khoảng ba giờ chiều, trời mưa lất phất. Tôi bước vào quán cơm, ăn vội vã một món gì đó rồi đi vào núi ông Hoàng. Tôi muốn lên đó xem cảnh vật nhưng cụt hai chân thì làm sao leo núi. Ngồi suy nghĩ một lát, tôi đã có cách, phải lột hai chân giả ra rồi từ từ bò lên. Phải mất hai giờ tôi bò đến nơi, mồ hôi ướt đẫm. Nằm trên một bệ đá bên đường nghỉ một lát, tôi từ từ hồi sức, gắn lại chân giả và chống nạng đi về phía lầu ông Hoàng. Cảnh vật nơi đây xinh đẹp, cỏ cây hoa lá đủ màu đủ sắc.   
Từ lầu ông Hoàng, tôi nhìn ra bãi biển, nhìn về phía xa xăm và không nghĩ được gì. Lạ thật, có những lúc cần phải mơ mông, tôi không thể mơ. Tôi cố hình dung cuộc sống tốt đẹp tại nơi xứ người nhưng đầu óc mù tối, chỉ thấy trời xanh mây nước chập chờn, chỉ nghe tiếng sóng vập vờ trên bãi cát. Tôi chỉ biết mỗi một điều là bên kia bờ đại dương, người ta được sống trong tự do, bình đẳng và tình người, còn bên này là địa ngục trần gian, ít ra là đối với tôi. Đời tôi không có lối thoát, gia đình và con cái tôi không có ngày mai.   
Tôi tự an ủi nhủ thầm có lẽ ngày xưa Hàn Mặc Tử cũng ra đây nhìn trời nhìn nước như tôi, ông có cái tài làm thơ, còn tôi chẳng có gì hết. Cả hai chúng tôi đều tật nguyền, nhưng tôi còn có vợ con, bạn bè bên cạnh, yêu thương và chia sẻ với tôi nỗi bất hạnh, còn ông thì sống cô đơn một mình, bị đời hắt hủi. Chính vì bị đời hắt hủi ông mới làm được những áng thơ hay, đóng góp cho văn học nước nhà. Đêm nay bầu trời lại có trăng, tôi nhớ lõm bõm vài câu thơ: "Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu, đợi gió đồng về để lã lơi..." hay "Không gian dầy dặc toàn trăng cả, tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng, mỗi ảnh mỗi hình thêm phiếu diểu, nàng xa xôi quá nói nghe chăng?".   
Trăng của Hàn Mạc Tử là trăng thơ mộng, trăng của tôi ngày nay u ám, trăng không còn sáng vì đám mây "hồng" che khuất, che phủ cả đời tôi, che kín tương lai con cái chúng tôi. Tôi vô vọng như ông đã tuyệt vọng. Ngày xưa Hàn Mạc Tử rao bán trăng, ngày nay tôi rao bán nhang. Trăng của ông chẳng ai mua, nhang của tôi cũng không bán được. Một phút yếu lòng, tôi định gieo mình xuống núi, muốn được chết để không còn phải khổ. Hình ảnh của Hiền và đàn con hiện ra, tất cả nhìn tôi âu yếm, không nói gì. Một hơi ấm chợt dâng trong tôi, tôi cúi đầu hổ thẹn. Hàn Mạc Tử chỉ có một mình mà vẫn sống, vẫn làm thơ, còn tôi có cả một gia đình yêu thương, đùm bọc, tại sao lại muốn chết? Không, tôi phải sống. Sống để nhìn sự biến chuyển của thời cuộc. Mệt quá, tôi ngủ thiếp đi và thức dậy trong nắng ấm và tiếng chim ca.   
Sáng hôm sau tôi lần về phía chợ mũi Né bán hết những thẻ nhang trên vai và đón xe về Sài Gòn. Nằm nhà dưỡng sức một tuần, tôi tiếp tục vác bị đi về miền Tây bán nhang. Bắc Mỹ Thuận lúc nào cũng tấp nập người đi, đò qua sông Tiền Giang ngày đêm không ngừng nghỉ. Nơi đây trước kia cũng là địa bàn hoạt động của phe cộng sản, biết bao gia đình đã theo họ chống lại chính quyền miền Nam, giờ đây cũng đang khổ cực kiếm cơm kiếm áo như chúng tôi.   
Ngày xưa người ta theo phe cộng sản chỉ vì ước mong xây dựng một chế độ đẹp hơn cái họ đang sống, nhưng tất cả đều lầm. Xã hội ngày nay là một xã hội không có tự do, nó là chế độ độc tài cộng sản. Hitler đã từng nói với Goebels, bộ trưởng thông tin, nói mãi một điều sai thì nó sẽ thành sự thật. Cộng sản nói mãi về cái xấu xã hội miền Nam, riết rồi nhân dân cũng tin và nghe theo họ. Khi biết rõ sự thật thì tất cả đều đã muộn.   
Càng xuống đến miền tận cùng đất nước, mũi Cà Mau, đời sống càng cùng cực hơn. Nơi đây trước kia là chiến khu cộng sản, giờ đây cũng không thoát đai nạn, thậm chí còn nghèo khổ hơn những nơi khác. Bán nhang ở đây thật khó, không phải người dân không muốn mua nhưng vì không có tiền để mua. Ưu tư của họ là được sống sót qua cơn khó này, họ không còn trông mong gì nơi chính quyền này cả. Bán không được gì và muỗi nhiều quá, tôi ra đón xe về lại Sài Gòn. Tôi dừng lại ở chợ Mỹ Tho bán cho hết các thẻ nhang mới đón xe trở về. Đến thành phố trời đã 10 giờ tối, không còn xe về nhà nên tôi ngủ lại tại bến xe Chợ Lớn.   
Đêm hôm đó là đêm kinh hoàng. Khoảng một giờ khuya, công an ùa vào bến xe bắt khoảng 350 người. Họ không cần hỏi giấy tờ gì cả, cứ thấy người ngủ bờ ngủ bụi là bắt. Thanh niên và phụ nữ sau đó bị đưa về trại giam Bố Lá lao động, người già cả và tàn tật thì đưa về "nhà nuôi Thị Nghè". Trong số đó có hai người vợ của phế binh mới chết nên phải vào bến xe làm nghề giác hơi cho khách để kiếm tiền nuôi con. Hai chị quả phụ này, người thứ nhất có ba đứa con nhỏ, có đứa mới sanh được hai tháng, hai đứa còn lại mới 7 và 8 tuổi; chị thứ hai cũng có hai đứa con, một đứa 9 tuổi đứa kia 10. Công an bảo hai chị phải giao mấy đứa con cho "nhà nước" nuôi còn hai chị phải đi lao động, hai chị này nhùất định không giao, cố ẵm con giữ chặt vào lòng. Toán công an nhào tới gỡ tay hai chị ra, giựt mấy đứa nhỏ đưa vội lên xe chở về "nhà nuôi" Gò Vấp. Hai chị bất lực chỉ biết khóc, chửi bới một hồi rồi cũng bị tống lên xe. Thấy cảnh bất công và đau lòng này, tôi liền ngồi dậy chống nạng bước ra chỉ choœ:   
- Tụi mày là quỷ hay sao mà ác quá vậy? Không biết thương người hả? Tụi mày không thấy người ta là đàn bà có con mọn sao mà tàn nhẫn quá vậy? Đúng là đồ súc vật!   
Đám công an sừng sộ nhìn tôi, một thằng nhào tới đá vào hông tôi một cái, nhiều tên nhảy tới đánh hôi, tôi bị té sấp xuống đất. Không biết một thằng nào đó chạy tới cầm cây quất vào đầu tôi mấy cái, tét cả da đầu, máu tuôn xối xả. Tất cả những người bị bắt bị đưa về "nhà nuôi" Thị Nghè. Những anh em phế binh bị nhốt trong phòng giam tập thể. Còn tôi thì bị biệt giam, căn phòng nhỏ hẹp, chật chội và hôi thối. Tôi bị cụt hai chân mà còn phải khòm lưng để ngồi và nằm cũng khó khăn. Nói là nhà nuôi nhưng thực tế là nhà giam, chung quanh là hàng rào kẽm gai, có công an gác cửa. Mỗi ngày họ cho ăn hai chén cơm nhỏ và một ly nước uống. Sau hai tuần lễ biệt giam tôi bị kiệt sức, không còn ăn uống được gì nữa nên quản giáo mới đưa tôi ra phòng tập thể, tại đây tôi được anh em chăm sóc tôi nên từ từ tỉnh lại.   
Khi vào phòng tập thể, tôi mới biết có khoảng hai trăm thương phế binh bị giam tại đây. Phòng giam quá nhỏ nếu nằm hết thì không có chỗ, do đó ngày cũng như đêm anh em thay phiên nhau đứng, nằm. Về thức ăn thì mỗi ngày quản giáo trại cho ăn cơm với khô mực sình thúi, đáng cho heo ăn, và ăn cũng chẳng no. Các anh em phải uống thêm nhiều nước để bớt đói, nhiều người đã chết vì bệnh kiết lị. Thêm vào đó, phòng giam quá hẹp và bít bùng, lỗ thông hơi quá nhỏ thiếu dưỡng khí, nên mỗi đêm có một vài người quá yếu sức bị chết ngộp. Xác những người bất hạnh được bó trong mảnh chiếu rồi chôn vội vàng ở phía sau trại.   
Trường hợp bị bắt của mỗi anh em phế binh cũng rất khác nhau. Một anh kể rằng một đêm nọ ba anh em phế binh đang ngủ trong nghĩa địa Phú Lâm, trời mưa gió suốt đêm, tấm bạt nylon mong manh che không nổi sức gió, một anh đã chết vì lạnh. Sáng hôm sau, hai anh em còn lại ra phường báo cáo sự kiện rồi phường bắt đưa vào đây luôn. Một trường hợp tương tự do một anh khác kể lại là một sáng đang đi bán nhang cùng với một người bạn, anh này bị chóng mặt nên phải ngồi dựa gốc cây nghỉ và nói sẽ đi sau, anh kia đi bán đến 2 giờ chiều trở lại gốc cây tìm bạn, thấy bạn mình vẫn còn nằm ngủ, anh nắm vai lắc mạnh thì anh kia đã tắt thở từ hồi nào, xác cứng đờ. Anh ta vội vàng ra phường báo cáo thì bị người ta bắt đưa luôn vào đây, anh đã ở trại giam này hơn mười tháng nay.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 18**

Tôi bị giam tại đây đã năm tháng, gia đình tôi không có tin tức gì của tôi, tưởng tôi mất tích nên đã đi tìm khắp nơi, hỏi thăm các bạn bè không ai biết tôi ở đâu. Một hôm tôi nghĩ ra cách liên lạc với gia đình bằng cách nhờ một anh bạn cũng là phế binh có gia đình thăm nuôi mua cho một tờ giấy carô gói vào thức ăn cho anh, tôi xin tờ giấy đó để viết thư báo tin cho gia đình. Anh này nói:   
- Ở đây họ cấm viết thư thì làm sao gia đình tôi đem viết vào được?   
- Khỏi cần có viết, anh cứ nói gia đình gói tờ giấy carô trắng vào thức ăn mang vào cho anh là được rồi. Chuyện viết cách nào thì anh khỏi lo.   
Tuần sau, vợ anh bạn này đến thăm nuôi, có mua một ổ bánh mì gói giấy carô đem cho anh ta ăn và cho tôi tờ giấy đó. Nhận được giấy, tôi giấu trong lưng quần rồi xin đi vệ sinh, trong nhà cầu tôi lấy một cây kim chích vào ngón tay cho chảy máu rồi kim chấm vào máu đó viết vội vài chữ. Sau đó tôi xếp nhỏ tờ giấy lại, nhờ anh bạn kia đưa cho vợ mang về cho gia đình tôi. Tuần sau, vợ tôi vào thăm và mua cho tôi năm nải chuối cùng mấy cục đường táng, tôi chia cho anh em mỗi người một cục đường và một trái chuối cho đã thèm, có người đói quá ăn luôn cả vỏ chuối. Tuần lễ tiếp theo, vợ tôi vào làm giấy bảo lãnh nói rằng tôi đi mua bán làm ăn chứ không phải là thành phần "tệ nạn xã hội". Giám thị nhà giam nói với vợ tôi rằng không thể cho tôi về được vì tôi đã đánh công an "trọng thương" khi thi hành nhiệm vụ. Thật là láo lếu, chính công an đánh tôi trọng thương chứ tôi làm gì có sức đánh công an, họ đánh tôi tét đầu, tôi chỉ vết thẹo còn đỏ hỏn vừa mới lành cho vợ tôi coi. Vợ tôi chỉ biết buồn bã đi về.   
Trở về trường hợp hai chị quả phụ phế binh. Hai chị bị ngất xỉu trên xe nhưng rồi cũng bị đưa về trại Ba Thôn, huyện Hóc Môn, đi lao động. Sau khi bị giam sáu tháng không biết vì tội gì, hai chị được thả về. Họ đến nhà nuôi Gò Vấp lãnh con thì người ta nói đứa nhỏ mới sanh bốn tháng đã chết cách đây hai tháng. Hai người chết lặng một hồi rồi lạnh lùng dẫn bốn đứa còn lại đi về, một đứa bị phong giựt bị liệt suốt đời. Họ không còn nước mắt để khóc.   
Riêng về phần tôi, tôi bị giám thị trại giam Thị Nghè đưa về trại giam Sông Bé. Đây là một trại giam tù hình sự nằm giữa chốn rừng sâu, tất cả tù nhân tại đây đều phải đi lao động, cuốc đất trồng khoai, bất kể là người tàn phế hay già yếu. Tôi đi một vòng tìm hiểu thời gian giam giữ của những anh em ở đây. Người thì nói đã bị giam từ 8, 9 năm nay, người khác thì 10 năm, nhưng chưa thấy trại thả ai về hết, có người nằm lại mãi mãi. Anh em chỉ cho tôi nơi ở cuối cùng của những người xấu số, đó là những mô đất cỏ mọc xanh rì, trên đó có mấy cây cọc cắm để làm dấu. Thật là vô nhân đạo.   
Tôi lo lắng lo cho thân mình. Không, tôi không muốn chấm dứt cuộc đời tôi tại nơi đây. Tôi đã không bỏ xác trên chiến trường thì không có lý do gì phải bỏ xác tại nơi đây. Nơi đây đúng là địa ngục, con người đối xử với con người thật là tàn độc. Nơi đây cũng có mây xanh, có tiếng chim hót nhưng không thể sánh với xã hội mà con người có được tự do. Mây nơi đây lạnh lùng, trời nơi đây lạnh lẻo, gió nơi đây độc địa. Đêm đêm lén nhìn ra lên trên trời, sao tôi chỉ thấy có một ngôi sao nhuộm màu máu đỏ. Ôi, ghê rợn. Không, tôi không thể bỏ xác tại nơi đây.   
Loay hoay suy nghĩ lung tung, tôi cũng đã ở nơi đây hơn bốn tháng, sống sót trong những điều kiện này thật là khó. Thời gian đó cũng đủ cho tôi tìm đường thoát hiểm. Tôi quan sát tìm hiểu một số người, thật ra là muốn tìm bạn "đường rừng". Trong chế độ giam cầm của cộng sản, người ta thường dùng mồi nhữ là cơm gạo để mua chuộc những người nhẹ dạ làm ăn ten báo cáo ban quản giáo trại về những "âm mưu" trốn trại. Rất tiếc là cũng có nhiều người trong hoàn cảnh khốn cùng như nhau lại cam tâm làm những điều hèn hạ đó, nhưng phần lớn những thành phần này là đám thanh niên trẻ can tội hình sự, cướp của giết người. Họ được ban quản giáo trại ưu đãi giao cho những chức vụ trật tự trong các phòng giam và thường xuyên báo cáo lên ban quản giáo những người họ không ưa.   
Sau một thời gian nghiên cứu, tôi tìm được Mạnh, một phế binh Biệt Kích Dù mù hai mắt, lớn con, khỏe mạnh. Tôi mở đầu câu chuyện.   
- Tôi đến gặp anh để tìm cách trốn khỏi nơi này.   
- Tôi thì mù hai mắt, anh thì cụt hai chân, làm sao trốn trại được. Nghe anh nói tôi cũng muốn lắm, nhưng sao giống chuyện thần thoại. Vả lại trại này ở sâu trong rừng, phải đi hơn 20 cây số mới ra đường lộ. Chưa phải hết, ra đến lộ còn phải qua ít nhứt ba trạm kiểm soát mới tới con lộ cái.   
- Việc đó thì tôi đã biết rồi. Vấn đề tôi muốn đề cập với anh là mình phải quyết tâm, phải hy sinh nếu cần. Nếu anh đồng ý thì mình xúc tiến ngay.   
- Tôi cũng có ý này từ lâu. Tôi cũng để ý tìm người để nói về chuyện này nhưng chưa dám thổ lộ cùng ai. Ỏ đây ăn ten nhiều lắm, tôi không tin ai cả. Tôi cũng đã chú ý tới anh nhưng chưa dám thố lộ. Bây giờ thì mình cùng chung ý hướng, tôi yên tâm. Nếu anh phản tôi mà báo cáo lên quản giáo trại thì tôi cũng đành cam chịu. Nhưng trong anh em mình ai mà làm vậy, mình tuy là phế binh nhưng cũng phải có tự hào chớ. Ai thèm cúi đầu trước kẻ thù. Tôi đồng ý. Anh biểu gì tôi cũng nghe.   
- Tốt. Bây giờ tôi chỉ cần anh giúp tôi kiếm một sợi dây mây dài khoảng 20 mét và một cái hộp quẹt là đủ rồi.   
- Hộp quẹt thì tôi có, nhưng sợi dây mây để làm gì?   
- Nơi này trước năm 1975 tôi thường đi hành quân qua đây, có sợi dây mới vượt qua suối được. Anh làm ở tổ đan mây, có thể giấu giếm mỗi ngày một ít rồi đan thành một sợi dây thừng. Anh ráng giấu một nơi nào đó, khi nào sợi dây đủ dài thì hai đứa mình chờ trời tối sẽ trốn trại ra đi. Anh còn khỏe mạnh có thể cỏng tôi, thân tôi nhẹ chắc anh không mệt lắm đâu. Còn tôi thì mắt sáng, làm bánh lái chỉ đường anh đi, tôi bẻ đầu anh đi hướng nào thì anh đi hướng đó. Nhớ là khi đi đường mình không được nói chuyện với nhau. Tai vách mạch rừng khó mà đề phòng. Anh có cần gì thì ra hiệu cho tôi cúi đầu xuống nói nhỏ vào lỗ tai.   
Thế là Mạnh đồng ý, chúng tôi lén lút chuẩn bị, không dám báo tin một người nào khác, sợ bị lộ. Một đêm nọ, sợi dây mây đã đủ dài để hai chúng tôi lén từ từ bò ra ngoài vòng rào, rồi anh Mạnh cỏng tôi đi. Hai chúng tôi đi trong im lặng. Đi được một ngày, đến chiều thì đói quá nên tôi nhổ trộm khoai mì rồi vào rừng sâu tìm củi nướng khoai. Tối hôm đó tôi bảo Mạnh leo lên cây ngủ vì đây là Chiến Khu Đ, cọp nhiều lắm. Chúng tôi tiếp tục đi, đi suốt hai tuần rồi mà vẫn chưa tìm được con lộ đất đỏ dẫn ra đường cái. Ngày đi đêm nghỉ, gặp gì ăn đó, củ rừng uống nước suối, bạ đâu ngủ đó. Một sáng nọ, chúng tôi gặp một ông già đang đánh xe bò chở cây trên một con đường đất trong rừng. Chúng tôi sửa lại áo quần ngay ngắn, giả bộ tới hỏi.   
- Thưa bác, chúng cháu muốn ra đường lộ đón xe về Sài Gòn.   
Ông già nhìn Mạnh cỏng tôi một cách thương hại rồi cũng chỉ đường.   
- Các chú ở trong trại kia trốn ra phải không. Các chú đi lạc đường rồi, phải quành ngược lại. Cứ đi theo hướng Nam, khoảng 12 cây số nữa mới ra đến lộ. Cẩn thận đó nghe không.   
Mừng quá, ông già còn móc trong bị cho hai chúng tôi mỗi người một khúc bánh chuối. Chúng tôi cảm ơn rối rít rồi quay trở lại, theo hướng mà ông già vừa chỉ. Chúng tôi đi cả ngày lẫn đêm, dưới ánh trăng và trong ánh nắng. Ngày hôm sau, khoảng 3 giờ chiều, nghe tiếng xe chạy chúng tôi tiến thẳng về hướng đó. Lúc này Mạnh đã yên tâm nên không còn dè dặt nói lớn tiếng:   
- Anh bẻ lái cẩn thận một chút. Hồi hôm anh gấp quá bẻ bậy bạ làm tôi húc vào cành cây, đầu sưng mấy cục rồi nè.   
Tôi ừ à cho qua chuyện, đầu óc chỉ nghĩ làm sao ra đến đường lộ đón xe về nhà mà không bị bắt trở lại. Chúng tôi ra được con lộ cái, nằm sát người xuống đám cỏ rậm bên bờ đường. Thỉnh thoảng nghe tiếng xe từ xa chạy tới, tôi ngóc đầu lên nhìn. Cuối cùng chúng tôi cũng đón được chiếc xe đò đang chạy tới. Gặp bà chủ xe tốt bụng, tôi kể lại chuyện "đường rừng" và hoàn cảnh chúng tôi, bà ta không những thông cảm mà còn dặn lơ xe ghé mua cho chúng tôi mỗi đứa một ổ bánh mì ở một chợ bên đường. Hành khách trên xe ai nghe cũng thương, mỗi người gom góp một ít tiền cho chúng tôi để khi về đến Sài Gòn có tiền đón xe về nhà. Chuyện kinh hoàng trong trại tù của tôi tới đây tạm chấm dứt.   
\* \* \*   
Chiến hữu cùng các ân nhân ơi,   
Con tàu định mệnh năm xưa đã lướt sóng vượt trùng dương, qua muôn trùng bất hạnh, đã đưa các chiến hữu cùng ân nhân đến bến bờ hạnh phúc. Cũng rất nhiều người không may đã để lại thân xác trong lòng biển cả. Thử thách nào trong đời ai cũng một lần đi qua, các chiến hữu cùng quí ân nhân đã may mắn vượt qua còn chúng tôi vẫn ì ạch ở lại. Tôi tin rằng các chiến hữu cùng quí ân nhân không quên quá khứ và nhất là không quên những đồng đội cũ chẳng may bị thương tật. Anh em thương phế binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi, sống sót sau cơn đại họa, ngày đêm sống trong hang cọp, đối phó từng phút từng giây trước nanh vuốt của kẻ thù, cuộc sống không phải dễ dàng. Mong rằng các chiến hữu cùng quí ân nhân tiếp tục nới rộng vòng tay kéo chúng tôi ra khỏi hố sâu vực thẳm, nhất là giúp chúng tôi tìm lại một chút nhân phẩm trong cuộc sống. Cầu chúc các chiến hữu cùng quí ân nhân muôn vàn hạnh phúc.   
Viết lại theo lời kể của Lưu Tử

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 19**

Chương 5: Nỗi đau vẫn còn đây   
Cuộc chiến đã kết thúc cách đây đã gần một phần tư thế kỷ rồi, tiếng súng đã thực sự chấm dứt nhưng thanh bình vẫn chưa trở về trên quê hương. Màu xanh của lá phủ lại núi rừng, hố bom biến thành ao cá, bông lúa trổ đầy ruộng nương nhưng cuộc sống người dân vẫn còn tăm tối. Hình ảnh cuộc chiến vẫn còn lai vãng nơi đây mặc dù tên những trận địa nổi tiếng không ai buồn nhắc tới. Đáng lẽ mọi người phải mừng rỡ khi không còn cảnh bồng bế dẫn nhau đi chạy giặc, không ai còn hồi hộp hay lo âu đạn pháo lạc vào nhà nhưng thực tế đã không phải vậy, lòng người vẫn chưa bình yên và mỗi ngày là một cuộc chiến mới... trên mặt trận cơm áo.   
Trong bối cảnh này, tập thể thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa chịu nhiều bất hạnh nhất, đau thương nhất. Cuộc đời của những anh em này mất mát nhiều quá. Mỗi người nếu không cụt cả hai chân, mất cả hai tay hay mù cả hai mắt thì cũng mất một khúc chân, một khúc tay hay một con mắt, đó là chưa kể những mảnh đạn bom ghim đầy trong người giấu dưới những vết sẹo. Phải làm gì với tấm thân tàn phế này trong cuộc sống mà ngay chính những người có đầy đủ cả tứ chi, còn có cả gia đình đứng sau lưng làm hậu thuẫn, vẫn không sống nổi. Thêm vào đó là nỗi khổ tinh thần. Bị gia đình bỏ rơi, xã hội ruồng rẫy, phải có một ý chí sắt đá lắm mới kéo dài cuộc sống cho tới ngày nay. Sắt đá thì lòng dạ có sắt đá nhưng tập thể anh em phế binh không chống chọi nổi với thời gian khi gia đình và con cái thiếu ăn, thiếu mặc và thiếu học. Thân xác các anh bệ rạc, tinh thần các anh hao mòn, mặc cảm thua thiệt và bị bỏ rơi chiếm ngự mọi suy nghĩ của các anh. Hình ảnh tiều tụy, đau thương và đói khổ của các anh em thương phế binh không được chế độ này thương xót. Không những không được cứu giúp, những người của chế độ này còn muốn xóa sổ luôn những người lính tàn phế đã một thời dám chống lại họ.   
Đời sống của các anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa do đó cần được nhiều người biết tới, biết để đánh giá mức độ nhân đạo mà chế độ này thường rêu rao và biết để đừng quên những người đã từng cống hiến xương máu để xã hội miền Nam được bình yên. Sở dĩ phải nhắc lại quá khứ đau buồn này chỉ vì muốn kêu gọi lòng từ tâm của những người Việt Nam, những người có thể đã trải qua những tháng ngày gian khổ trong nước nhưng đã vượt thoát ra được và hiện nay đang ở hải ngoại, thương cảm và đoái hoài đến hoàn cảnh và nỗi lòng của những anh em thương phế binh trong nước. Ở đây tôi chỉ mạn phép kể lại một vài cuộc sống mà tôi có cơ hội gần gũi và chứng kiến. Những hình ảnh tuy nhỏ nhoi nhưng đầy ý nghĩa, mà ý nghĩa lớn nhất là sức sống mãnh liệt của những con người đã mất tất cả và không còn gì để mất nữa.   
Sống để làm gì? Đó là câu hỏi mà các anh em thương phế binh thường tự đặt ra cho mình. Có người tìm được câu trả lời bằng cách tự sát, treo cổ, nhảy xuống sông hay uống thuốc ngủ. Người khác thì muốn tiếp tục sống để nhìn ánh sáng của thông điệp tình yêu một ngày nào đó soi sáng khắp mọi miền đất nước. Những người còn lại chỉ muốn sống để làm chứng nhân, chứng nhân cho chính mình và chứng nhân cho một cách đối xử. Hình ảnh của những người què cụt, đui mù dắt díu nhau đi khắp nẻo đường bán từng bó nhang, van xin từng chén cơm bị hành hạ chỉ vì mang tội tàn phế, không đủ sức lao động. Ghi lại những hình ảnh này để các thế hệ mai sau đừng quên rằng đất nước Việt Nam đã có một thời con người đã quá tàn ác đối với con người, đó là dưới chế độ cộng sản hiện nay.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 20**

Cũng nên nhắc lại là trước tháng 4-1975, nơi qui tụ đông đảo nhất gia đình các anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa là "Làng thương phế binh Thủ Đức". Gọi là làng vì lối tổ chức nơi này không khác gì một làng xã bình thường, chỉ khác một điều là dân làng chỉ toàn thương phế binh. Cũng có trường học, chợ búa, nhà thờ, chùa chiền như mọi nơi khác. Làng này chỉ khác với các ghetto thời Đức Quốc Xã là mọi người đều sống tự do, ai muốn đi đâu cũng được và muốn làm gì thì làm. Hai điều kiện này hiện nay không còn hiện thực nữa vì "Làng thương phế binh Thủ Đức" đã bị chính quyền cộng sản xóa bỏ ngay khi vừa tiến chiếm Sài Gòn. Những kỷ vật của một thời chinh chiến đã qua đều bị đập phá như bức tượng Thương Tiếc, kể cả mộ phần những người đã vì tổ quốc hy sinh.   
Mức sống người dân trong "Làng thương phế binh Thủ Đức" trước kia sung túc là nhờ tiền trợ cấp của chính phủ, mỗi anh em thương phế binh đều có sổ cấp dưỡng và cứ đến kỳ lãnh tiền thì lên Sài Gòn vào ngân khố lãnh tiền. Nhiều người gọi đây là tiền lương vì được trả đều mỗi tháng hay mỗi tam cá nguyệt. Tùy theo quyết định của hội đồng giám định y khoa, số tiền lãnh được thường cao hơn mức tiền đã lãnh khi còn ở trong quân ngũ, do đó đời sống vật chất của các anh em thương phế binh trong "Làng thương phế binh Thủ Đức" không có gì đáng để phàn nàn.   
Vào giữa tháng 5-1975, chính quyền cộng sản ra lệnh giải tán "Làng thương phế binh Thủ Đức" và đưa bộ đội vào chiếm đóng. Các gia đình thương phế binh một số di tản về quê, số còn lại đi vùng kinh tế mới. Gọi là vùng kinh tế mới nhưng chẳng có gì là kinh tế, nơi đây đúng là địa ngục trần gian, không có nhà cửa, điện nước, nhà thương hay trường học, chỉ toàn là rừng với cỏ. Những tấm thân què cụt không thể chặt cây phá rừng, vợ con của họ cũng không thành thạo công việc làm rẫy. Miếng ăn trở nên quí hiếm, con người trở thành ích kỷ. Nhiều người đã chết vì bệnh sốt rét rừng, vì dẫm phải mìn bom còn sót lại hay vì suy dinh dưỡng. Không sống được nơi chốn rừng sâu, từng đoàn người đã kéo nhau trở về thành phố.   
Vì bản năng sinh tồn, tất cả phải tìm một nghề gì đó sinh sống. Những người may mắn, thân thể còn nguyên vẹn thì làm những nghề khuân vác hay đạp xích lô còn những anh em thương phế binh? Người nào may mắn tìm được gia đình tại thành phố thì được nuôi ăn, những anh em còn lại phải lê lết xin ăn, thật là nhục nhã. Nếu có đầy đủ chân tay bình thường, cho dù có nghèo khổ đến đâu ai cũng muốn xoay sở để có miếng ăn qua ngày, nhưng với tấm thân què cụt không còn giải pháp nào khác ngoài đi xin. Nhiều anh em còn cố làm ra vẻ thảm thương để người ta thương hại cho tiền.   
Nhưng anh Thương, phế binh cụt hai chân, không muốn làm vậy. Anh có niềm tự hào của anh. Ngày trước anh là con một gia đình tương đối khá, khi còn ở "Làng phế binh Thủ Đức" gia đình anh không muốn xuống thăm anh, lâu rồi không còn ai trong gia đình anh biết anh đang ở đó. Chính gia đình anh đã quên anh. Những ngày đầu tháng 4-1975, anh về Sài Gòn thăm nhà trách móc không ai còn nhớ đến anh, cha mẹ anh giả lã nói đường sá bây giờ nguy hiểm thấy anh về là vui mừng rồi, cuộc sống bây giờ quá khó nên ít có thì giờ. Khi bị đuổi ra khỏi làng anh về lại Sài Gòn tìm gia đình thì mới biết nhà anh đã bị ủy ban quân quản chiếm đóng, nói là nhà vô chủ. Gia đình anh đã đi di tản từ hồi nào, bỏ lại anh ở đây. Lần này anh về lại Sài Gòn nhưng từ vùng kinh tế mới và sống kiếp ăn xin. Anh Thương rất ngượng ngùng khi lần đầu chìa tay xin tiền một phụ nữ ngoài chợ Vườn Chuối. Anh sửa lại áo quần rồi cúi đầu nói lí rí trong miệng, tay chìa nón ra xin, cũng may người phụ nữ tốt bụng đã cho anh một ít tiền. Lâu dần thành quen, anh ít ngại ngùng hơn nhưng vẫn không dám cónhững hành vi "khó coi" như những anh bạn đồng cảnh ngộ.   
Những lúc ngồi một mình ăn một gói xôi trong công viên buổi trưa, anh Thương xót xa nhớ về những ngày tháng cũ, lúc còn cắp sách đến trường... rồi khi vào trong quân ngũ. Anh tình nguyện ghi tên binh chủng Nhảy Dù, một binh chủng đã từng một thời oanh liệt. Cũng chính vì quá oanh liệt nên binh chủng Dù làm tăng mật độ trong các nghĩa trang và cung cấp nhiều thương binh nhất, anh Thương chẳng may có tên trong số người đó. Có lúc chán đời, anh tự an ủi bằng cách tựa lưng vào một góc tường, châm một điếu thuốc thơm lim dim nhớ nếp sống hùng của thời trai trẻ và đôi khi... mơ thấy một tương lai đầy sáng lạng. Giấc mộng nào cũng sớm tàn, khi tỉnh lại anh Thương thấy mắt mình cay cay. Thì ra anh đã khóc, khóc cho thân phận và khóc cho hoàn cảnh của những bạn phế binh. Hôm nay anh chỉ trơ trọi một mình, một khách độc hành trên con đường không có đích tới. Từ nay mỗi ngày anh phải lê lết tấm thân tàn tạ trên khắp nẻo đường mà có một thời anh đã hiên ngang, hùng dũng đi qua...   
Anh Qườn thì khá hơn. Vì chỉ cụt một chân, anh sắm một ít đồ nghề, ra vỉa hè sửa và vá ruột xe đạp. Tuy là một nghề bất đắc dĩ nhưng ít ra anh không phải sống kiếp ăn xin như phần lớn nh¨ững bạn bè khác. Anh Quờn có cái may là tìm được một người thân, anh còn ông chú ở Khánh Hội, nên khi vừa từ kinh tế mới trở về anh tìm đến nhà và được chú anh nhận lại. Vì cha anh mất lúc anh còn ở trong quân ngũ, chú anh Quờn thương anh nhiệt tình. Chính ông chú này chỉ cho anh nghề sửa và vá ruột xe đạp. Những đứa em con người chú đôi khi còn ra ngoài đường phụ giúp anh, đứa cháu gái thì ra ngồi bán thuốc lá lẻ bên cạnh chỗ anh sửa xe đạp cho vui.   
Những khi vắng khách, anh Quờn trải chiếu ra nằm nghỉ và nhớ lại chuyện ngày xưa lúc còn đi học. Anh muốn trở thành giáo sư hay kỹ sư nên đã cố gắng học tập nhưng lệnh tổng động viên năm 1972, mặc dù học khá nhưng vì đi học trễ anh đã quá tuổi để học tiếp lớp mười hai, anh vào quân đội học khóa hạ sĩ quan bộ binh Thủ Đức. Khi ra trường anh được đưa về Sư Đoàn 23 Bộ Binh đóng ở An Khê. Trong một trận đánh anh bị trúng đạn bễ đầu gối phải cưa chân phải và được giải ngũ sau đó. Giờ đây với khúc chân cụt này anh ngồi bơm bánh xe đạp. Anh loay hoay với công việc hoàn toàn xa lạ và khó khăn. Khi thì ngồi xuống, khi thì đứng lên, khi phải vặn hết sức mình một con ốc, nhiều lúc mệt lã anh ngồi lết luôn dưới đất. Công việc này một người bình thường chỉ mất từ năm đến mười phút là xong, nhưng với anh phải mất gấp đôi thì giờ. Vừa làm để kiếm cơm vừa học thêm nghề, đây cũng là một cố gắng phi thường.   
Rồi nghề dạy nghề, anh Quờn quen dần với công việc và có một cuộc sống tương đối khá. Nhiều người thương mến anh đề cập đến chuyện vợ con, anh chỉ ngao ngán lắc đầu. Nhớ lại chuyện tình năm xưa, anh có quen một người con gái tên là Hạnh Thảo. Hai đứa yêu nhau, thề non hẹn biển, gia đình hai bên đã gặp mặt nhau bàn bạc chuyện cưới xin, có thể gọi Hạnh Thảo là vợ chưa cưới cũng được. Nhưng ngày anh bị thương cũng là ngày hai đưa chia tay. Hạnh Thảo chỉ đến thăm anh một lần tại quân y viện rồi ra đi vĩnh biệt. Lần gặp đó, Hạnh Thảo đã khóc rất nhiều và anh Quờn cũng nước mắt không thua. Anh nằm ở quân y viện một mình, buồn cho thân phận. Từ đó lòng trở nên chai đá, anh càng thấm thía khi nghe bản nhạc "Kỷ vật cho em": Đây kỷ vật, viên đạn đồng đen, em sang sông mang làm kỷ niệm..., bên người yêu tật nguyền chai đá..., cố quên đi một lần dang dối...   
Nghe đâu Hạnh Thảo đã lấy chồng, một công chức nhỏ ở nha thuế vụ, bây giờ đã bốn mặt con. Sau 30-4-1975, chồng Hạnh Thảo không bị đi học tập và ra buôn bán chợ trời, nghe nói khá lắm trong khi anh Qườn vẫn ngồi đây hẫm hiu một mình. Nhiều lúc nghĩ về "hậu tự", anh ngậm ngùi chua xót cho đời trai. "Thân mình lo còn chưa xong, nghĩ gì đến gia đình". Năm này qua năm nọ, tuổi đời chồng chất, anh Qườn chỉ biết nhìn người đời vui vẻ đi qua nỗi đau của mình. Anh không dám nghĩ ngợi xa xôi mặc dù cũng có nhiều cô gái có ý trêu chọc anh. Có cô giả bộ xì bánh xe rồi tới nhờ anh bơm hộ, có cô đến nhờ anh giữ hộ xe đạp đễ đi chợ rồi mua bánh trái và thuốc lá mang đến tặng anh. Anh Quờn tuy có thích thú nhưng không dám tiến xa hơn, chẳng hạn như rủ đi coi hát hay ăn chè, v.v... Anh biết thân phận mình, cho dù các cô gái đó có chịu đi chơi với anh nhưng gia đình các cô chắn chắn sẽ không tán đồng. Cuộc đời đã dạy anh một bài học cay đắng, không nên mơ tưởng những chuyện quá tầm tay. Các cháu của anh lớn dần theo thời gian, đến tuổi cập kê rồi lập gia đình, không còn đứa nào ra ngồi với anh cho ngày tháng bớt dài. Thời gian càng tiến tới, thân xác anh cứ lụn dần, lụn đến mức không thể trở về lứa tuổi thanh xuân. Tuổi 20 của anh đã bị bức tử trong quân y viện, năm nay đã ngoài 40, bệnh lao đang hành hạ, bệnh sốt rét rừng ăn cơm tháng trong thân hình tiều tụy, anh Quờn buông xuôi tất cả chờ ngày đi vào lòng đất.   
Cảm động nhất là những anh bị mù lòa, suốt ngày ngo ngoe chiếc gậy đi trong tăm tối. Anh Thông không chịu đầu hàng số mệnh, suốt ngày anh dọ dẫm từ đầu đường này đến phố chợ khác để bán từng tờ vé số, tối về thì ngủ nhờ vỉa hè nhà người ta. Thật sự thì đời anh lúc nào cũng tối. Đời anh Thông là cả một thảm kịch, người vợ thân thương nhất cũng đã qua đời khi hai vợ chồng vừa rời vùng kinh tế mới trở về lại Sài Gòn. Không biết chị đã ăn và uống thứ gì ngoài chợ, anh chỉ nghe vợ mình rên siết, tiêu chảy suốt hai ngày đêm rồi chết. Người ta nói chị chết vì bệnh kiết lị, anh Thông buồn bã nghe tiếng xe của sở vệ sinh đến chở xác chị đi, thế là hết. Cũng may hai vợ chồng anh không có con, nhưng đó cũng là niềm bất hạnh. Kể từ nay anh Thông trở thành "tứ cố vô thân", không người thân thích và chẳng ai đỡ đần. Lắm lúc anh muốn đi ăn xin qua ngày nhưng vì lòng tự trọng và cái "chất lính" hào hùng vẫn còn mãnh liệt nên anh đã không làm thế. Anh Thông gom góp vốn liếng còn lại kinh doanh, anh mua vé số ở các ty tài chánh rồi đi bán dạo. Anh bán sự may mắn cho người ta trong khi chính anh rất cần may mắn. Từ đó anh không quản nắng ngại mưa, sớm tối tự mình chiến đấu với "mặt trận cơm áo". Sáng gói xôi, trưa cơm chợ, chiều về tìm quên trong chút mùi men.   
Tôi tình cờ gặp lại anh Thông đang bán vé số dạo trên đường Nguyễn Tri Phương. Hai anh em tay bắt mặt mừng, tôi mời anh vào một quán cóc. Hai chúng tôi mỗi người ăn vài trứng vịt lộn, húp một tô cháo lòng và "độp" một xị đế. Thật là vui sướng. Ăn uống xong xuôi, tôi hỏi anh:   
- Anh có nghĩ gì về tương lai anh không?   
- Có chứ anh. Chỉ có buồn thôi anh ạ, lắm lúc tôi đã khóc cho thân phận không may của mình. Năm nay cũng năm mươi mấy rồi, không vợ không con, không nhà không cửa. Tối ngày cứ đi lang thang kiếm sống, nếu chẳng may bị bệnh đau thì ráng mà chịu, tứ cố vô thân mà. Do đó còn sức "cày" được ngày nào thì hay ngày đó, cày không nổi thì chịu chết chứ biết sao bây giờ.   
Tương lai là nỗi ám ảnh kinh khiếp đối với các anh em thương phế binh trên vỉa hè. Ai cũng muốn được ăn no, mặc ấm nhưng không phải ai cũng có may mắn đó. Đối với những người sống thường trực trên các lề đường, hàng ngày đối diện với cái đói cái lạnh, cuộc sống là một cuộc chiến đấu không ngừng. Ai cũng muống sống trong danh dự, kể cả những người đang ăn xin ngoài đường, nhưng vì thân thể tật nguyền không cạnh tranh với những người khỏe mạnh hơn, họ đành bỏ rơi danh dự. Đói quá thì phải ăn xin. Ăn xin thì bữa no bữa đói, tất cả bị suy dinh dưỡng rồi sinh ra bệnh tật. Mang bệnh mắc tật lại không tiền mua thuốc, mạng sống của những người sống trên vỉa hè thành phố như chỉ mành treo chuông, chỉ một cơn gió nhỏ là tiêu tan cuộc đời. Không ai trông mong tìm được ánh sáng trong một đường hầm không có lối ra. Đối với họ, tương lai đồng nghĩa với bóng đêm và ngỏ cụt.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 21**

Ý thức được sự mong manh của cuộc đời, nhiều anh em tìm quên trong men rượu. Men rượu có giúp quên đi thực tại khó khăn nhưng cũng cướp đi nhiều cuộc đời. Đồng tiền khó nhọc kiếm được đều trút vào men rượu, mặc cho vợ khóc con than. Nhiều gia đình vốn đã tan nát lại càng nát tan thêm. Tất cả chỉ vì nghèo khổ, càng khổ các anh càng muốn tìm quên, cái vòng lẫn quẫn đó đã lôi kéo nhiều gia đình xuống hố sâu vực thẳm... nếu không có một phép lạ.   
Để biện minh cho sự hư thân của mình, anh Sơn thường ngâm các bài thơ say của Vũ Hoàng Chương hay của Trần Tế Xương cho tôi nghe:   
Say sưa nghĩ cũng hư đời,   
Hư thời hư vậy ta thời cứ say.   
Đất say đất cũng lăn quay.   
Trời say trời cũng đỏ gay ai cười.   
Hoặc thơ của Nguyễn Tất Nhiên lúc còn ở Biên Hòa:   
Tình cũng khó theo thời cơm áo khó,   
Ta dìu nhau đi dưới bóng nợ nần.   
Em bắt đầu ân hận chưa em?   
Vì đã trót yêu anh, cái thằng quanh năm túng thiếu,   
Ân hận đó em cũng đành cam chịu.   
Cứ xem như sự kiện đã lâu ngày,   
Như địa cầu không thể ngược vòng quay.   
Anh Sơn thích nhất là bài "Ta đội nón mời em uống rượu" của Cao Thoại Châu, người Quảng Nam:   
Ta đội nón mời em đi uống rượu,   
Cuộc tình sầu xin tạm gác qua bên,   
Vì lát nữa đây mặt trời sẽ chết.   
Mùa đông về không có chỗ dung thân,   
Ta đứng run trong giá lạnh.   
Dáng bơ vơ như một kẻ thất tình,   
Để ta trông thấy em như một bờ dốc đứng.   
Còn ta là chiếc xe đò nổ lốp đứng chơ vơ!   
Vậy thì xin em hãy uống,   
Uống cho tàn, cho mạt kiếp nhân sinh.   
Em không uống nên ta lẻ bạn,   
Ta tủi hờn bóp nát chiếc ly không!...   
Bài thơ của Cao Thoại Châu còn rất dài, nhưng anh Sơn chỉ chép lại cho tôi tới đây vì bài thơ đó đã lâu ngày và nhất là sau những cơn say đầu óc anh lú lẫn, không còn minh mẫn như ngày xưa. Vợ con anh Sơn tuy rất thông cảm hoàn cảnh và tinh thần của anh nhưng điều đó lại chính là nỗi lo của gia đình.   
Anh Sơn bị cụt hai chân, thân hình ốm yếu giờ thêm men rượu tàn phá nên đã trút nợ đời sau một đêm bí tỉ. Trước khi lâm chung, anh trăn trối: "Thế là thoát được nợ đời, thoát cảnh tật nguyền, thoát hết nợ nần và thoát sự nghèo đói". Anh dặn vợ hãy gắng sức nuôi hai đứa con. Chị vợ chỉ biết khóc lóc và ôm hai con vào lòng. Con không cha như nhà không nóc, trước kia mặc dù chồng bị tật nguyền nhưng luôn luôn ở bên cạnh nên chị Sơn cảm thấy yên tâm, nay không có anh chị phải xoay sở ra sao giữa dòng đời nghiệt ngã? Anh Sơn ra đi cũng không giải quyết việc gì, anh chỉ giải thoát cho riêng bản thân anh, còn vợ con anh thì vẫn đối diện cái nghèo muôn thuở. Tội nghiệp nhất là con cái của họ, đứa thì ở đợ, đứa thì làm thuê, có đứa ra chợ móc túi giựt dây chuyền rồi vào tù ra khám, nhiều đứa con gái thì đêm đêm rủ nhau đứng đường tìm khách mua hoa.   
Có chuyện trớ trêu như sau. Phế binh Long, cụt một chân, thường đứng bán nhang trước một tiệm vàng ở chợ Bàn Cờ. Ngày nào cũng thế, ông chủ tiệm vàng thường ra đuổi anh Long đi nơi khác vì sợ sự hiện diện của anh sẽ làm mất khách. Anh Long cố gắng kỳ kèo để ông này mua nhang mới chịu đi nơi khác, nhưng không những không được mua nhang mà còn bị chửi bới tục tằng. Một hôm cô con gái của phế binh Long, lúc đó 17 tuổi rất xinh đẹp, thay cha vào chợ bán nhang tình cờ gặp ông chủ tiệm vàng. Ông này liền nổi máu "dê", không những đã mua hết nhang mà còn mời cô ta đi ăn cơm tối. Đêm hôm đó, ông dẫn cô con gái "đi lạc" vào khách sạn rồi muốn giữ luôn làm vợ... bé. Cô này có hiếu, bắt ông chủ tiệm vàng phải làm lễ ra mắt cha mẹ mới chịu. Ông chủ tiệm vàng mới giật mình vỡ lẽ cô này là con của phế binh Long. Lúc đầu ông có hơi ngỡ ngàng và bối rối nhưng vì siêu lòng bởi cô con gái xinh đẹp đã gọi anh Long bằng "ba" ngọt sớt, mặc dù lớn hơn anh Long đến 10 tuổi rồi còn tặng thêm hai chỉ vàng 24 cara để được phép đưa cô con gái lên Đà Lạt hưởng tuần trăng mật.   
Đó là số phận của những anh em mà tôi cho là còn nhiều may mắn. Trong thực tế, còn nhiều hoàn cảnh nghiệt ngã hơn nhiều, phần lớn là những anh em bị thương tật nặng không thể tự mình làm những động tác bình thường nhất. Các anh luôn phải có người đứng bên phục vụ, từ việc ăn uống cho đến phần vệ sinh. Đời các anh em này gắn liền với chiếc xe lăn hay trên giường bố. Có anh không những bị mất hai chân lại còn mất luôn cả một cánh tay. Riêng hoàn cảnh của anh Trần Văn Xuyên là thê thảm nhất. Anh Xuyên bị mù hai mắt, cụt hai chân và cả hai tay nữa. Ôi không còn nỗi bất hạnh nào đau đớn hơn hoàn cảnh này. Nhưng trong nỗi đau ông trời vẫn còn có mắt. Anh Xuyên thật là có phước, anh may mắn có người vợ thương anh nhiệt tình, hai đứa con anh luôn hãnh diện có người cha bị thương tật. Bất cứ nơi đâu hai em nhỏ này cũng nhắc đến cha, nào là cha hai em đã anh dũng chiến đấu trước kẻ thù cho đến khi không còn chiến đấu được nữa, nào là cha hai em can đảm chịu đựng nỗi đau tàn phế mà không than van lời nào. Cũng hiếm hoi có được người đàn bà chịu thương, chịu khó và thủy chung đến như vậy. Mặc dầu họ ăn bữa đói bữa no nhờ sự bố thí của thiên hạ nhưng không bao giờ trong gia đình có sự xào xáo, hai vợ chồng ăn ở thuận hòa và hai đứa con một lòng hiếu thảo. Kể cũng tội nghiệp, họ sống để mà sống vì không thể chết được.   
Ôi, kể sao cho hết những những mảnh đời đau thương rách nát cùng cực này, những mảnh đời của những thương phế binh và cô nhi quả phụ trong cuộc sống hiện nay. Họ bị liệt vào hàng cặn bã xã hội, sự hiện diện của họ trong cuộc sống này không cần thiết. Những người của bộ máy cầm quyền cộng sản đã muốn những người này chết đi để thưởng thức trọn vẹn chiến thắng, họ không muốn nhìn thấy vết thương do chính họ gây ra trong thời chiến tranh. Những kẻ chiến bại không có quyền tồn tại trong chế độ này. Chính sách "tập trung cải tạo" dầu sao cũng thể hiện được tính chất trả thù, như đưa người lên vùng kinh tế mới để họ chết dần chết mòn trong chốn rừng sâu là một chính sách thâm độc loại trừ những người mà chế độ này không muốn nhìn thấy. Nhiều người lãnh đạo cộng sản còn rêu rao tha cho được sống là nhân đạo lắm rồi.   
Ai có quyền tha ai và nhân đạo chỗ nào? Làm người ai không muốn được sống bình yên, người cộng sản lấy quyền gì tước bỏ đời sống người khác. Hơn nữa đất nước đã thống nhất mọi người Việt đều là công dân Việt Nam, người cộng sản lấy quyền gì để cho người này được ở, người kia đuổi đi. Cho dù miền Nam có bị thua trận nhưng đất nước này vẫn là của chung, mọi người Việt Nam đều có quyền sinh sống và góp phần xây dựng đất nước. Người lành lặn góp phần theo kiểu người lành lặn, người tàn tật góp phần theo kiểu người tàn tật, ai có phận sự nấy. Dân tộc Việt Nam đau khổ quá nhiều rồi, ai cũng muốn được sống yên ấm tự do.   
Tại sao lại có công dân hạng một và công dân hạng hai? Tại sao chỉ những người cúc cung phụng sự chế độ thì được quyền đè đầu đè cổ nhân dân, còn những người khác chỉ có nhiệm vụ cúi đầu? Không, không thể chấp nhận được. Chế độ này nuôi dưỡng quá nhiều bất công, chỉ cần một tia lửa nhỏ đám rơm thịnh nộ sẽ bốc bùng lên, lúc đó thì đã quá muộn. Không ai muốn tình trạng này xảy ra trên đất nước. Nếu có tình trạng hỗn loạn xảy ra lỗi đó không phải là phía nhân dân, những người gieo ác sẽ gặt quả ác, luật bù trừ của đấng tạo hóa muôn đời bất diệt. Tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ trong nước hiểu rất rõ điều đó nên cố gắng chịu đựng, sống sót chờ ngày quê hương bừng sáng.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 22**

Sau đây tôi xin được bộc bạch về cuộc đời của tôi, cuộc đời trôi giạt lang thang, từ Sài Gòn ra miền Trung, rồi từ miền Trung phiêu bạt về Sài Gòn. Trên những đoạn đường đi qua, những cảnh mắt thấy tai nghe khiến tôi trở thành chứng nhân của thời đại. Những điều nghe thấy đó đã ghi đậm vào tâm trí tôi nên thường toát ra trong mọi diễn giải. Tôi thấy cái chết nhiều hơn sự sống, nỗi khổ nhiều hơn niềm vui, nước mắt nhiều hơn nụ cười và bất công nhiều hơn hạnh phúc. Tôi khổ vì những điều đã nghe và thấy đó.   
Khắp nơi trên toàn cõi miền Nam sau ngày 30-4-1975 đều trở thành hỏa ngục. Hỏa ngục cho những người như chúng tôi, những người bại trận. Thật vậy, không có chỗ đứng cho những người thua trậnn. Mọi tội lỗi xấu xa đều trút đổ lên đầu chúng tôi. Những người còn lành lặn thì bị đưa đi "học tập cải tạo", những người tàn phế hay có dính líu đến chế độ cũ thì bị đưa lên "vùng kinh tế mới". Tuy là hai danh xưng nhưng chỉ một mục đích, loại trừ những thành phần "nguy hiểm" và "cặn bã" ra khỏi cuộc sống. Nguy hiểm được gán cho những thành phần quân nhân công chức của chế độ cũ, cặn bã là những thương phế binh, cô nhi quả phụ nghèo khó, vô gia cư và vô nghề nghiệp.   
Tôi chẳng may bị xếp vào thành phần cặn bã của xã hội vì là một thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc sống của chúng tôi không có giá trị, chỉ cần một cái lắc đầu nhẹ của bất cứ người nào trong chính quyền, từ công an khu vực đến anh quản lý chợ, là cuộc đời chúng tôi thay đổi ngay. Không bị đuổi ra khỏi khu vực buôn bán thì cũng bị đẩy lên xe đưa vào "nhà nuôi". Gọi là "nhà nuôi" nhưng chính là "nhà tù" vì trại viên tại đây bị giam giữ và hành hạ như những tội phạm.   
May mắn duy nhất trong đời tôi là giữ được mạng sống cho đến ngày nay. Trong suốt thời gian qua, từ lúc thiếu thời cho đến tuổi trung niên, tôi đã chứng kiến biết bao nhiêu cảnh chết. Cha tôi mất sớm lúc tôi vừa tròn 8 tuổi, tôi đã đứng khóc bên quan tài tài cha tôi hai ngày đêm liền. Mẹ tôi một mình thức khuya dậy sớm nuôi tôi ăn học nên người. Sống tại miền quê Quảng Ngãi, vào tuổi thiếu thời tôi đã thấy gia đình cậu mợ tôi, cô chú tôi khóc cậu, khóc cậu chú tôi bị sát hại dã man. Trong đêm tối, quân du kích cộng sản vào làng bắt cóc cậu chú tôi dẫn vào rừng, sáng hôm sau dân làng thấy xác hai người nằm ở bìa rừng, ngực bị đâm lũng nát, lòi ruột ra ngoài với bản án ghim trên ngực: "thành phần ác ôn gây tội ác với nhân dân".   
Cậu chú tôi nào có gây nên tội tình gì, chẳng qua được dân chúng bầu làm ấp trưởng, xã trưởng chuyên lo việc giấy tờ cho dân mà cũng bị sát hại. Căm tức và muốn trả thù cho cậu chú tôi nên vừa tới tuổi trưởng thành, tôi xin phép mẹ tôi đi vào quân đội. Tôi quyết cầm súng bảo vệ quê hương, bảo vệ gia đình vì các em mợ cô tôi còn quá nhỏ để có thể trả thù cho cha.   
Trong một trận đánh ngày 20-2-1975 trên quốc lộ 14 gần Buôn Hô, tôi đạp phải mìn bị thương nặng, phải cưa hai chân. Lúc đầu tôi được đưa về quân y viện Nha Trang, sau về Tổng Y Viện Cộng Hòa. Chiều ngày 30-4-1975, bộ đội cộng sản vào quân y viện đuổi hết nhân viên quân sự và dân sự ra khỏi viện. Anh em thương phế binh chúng tôi nhận được lệnh xuất viện ngày hôm sau, 1-5. Vết thương tuy chưa lành hẳn, hai khúc chân còn quấn trong băng, hai tay, đầu và một mắt cũng bị băng, tôi cố chống lết ra được ngoài cổng Tổng Y Viện đón xe cùng với anh lính nuôi tôi và anh Nhơn, người quê Bình Định, bị cụt hai giò như tôi. Chờ từ 7 giờ đến 9 giờ sáng mới đón được một chiếc xe xích lô máy chở chúng tôi về địa chỉ 112/12 Lê Văn Duyệt, Gia Định (nay là Đinh Tiên Hoàng, trên Lăng Ông Lê Văn Duyệt một đoạn), nơi mẹ tôi ở trọ. Trên đường đi là một rừng người tấp nập, hỗn độn, bát nháo.   
Về tới nhà nhà mẹ tôi mừng rỡ. Tôi được mẹ già ẵm vào nhà, còn người lính nuôi tôi, tôi để nó phụ giúp anh Nhơn vì anh bị đệ tử ôm tiền trốn biệt mấy ngày trước đó nên rất bơ vơ, đúng là nước có loạn mới biết tôi trung. Ở được mấy hôm, vết thương của tôi và của anh Nhơn làm mủ, mẹ tôi đi tìm y tá về chích thuốc và băng bó vết thương. Đến ngày 6-5 chúng tôi được lệnh gọi ra trình diện xã Bình Hòa, Ấp I. Nơi đây, ban quân quản đề nghị chúng tôi trở về nguyên quán. Quê tôi ở Quảng Ngãi thì phải trở về Quảng Ngãi, anh Nhơn quê ở Bình Định thì phải về Bình Định, thật là giản dị. Tối hôm đó, mẹ tôi đi quyên góp lối xóm được một ít tiền và quần áo chia cho anh Nhơn. Thật là tội nghiệp, anh lính mà tôi nhường để giúp anh Nhơn quê ở Vĩnh Long, không thể theo anh Nhơn về Bình Định được nên chỉ đưa anh ra bến xe mà thôi, vì anh này cũng muốn về lại quê nhà ở xã Tân Long. Cảnh chia tay thật là buồn bã, tôi bắt tay anh Nhơn và anh lính phục dịch nước mắt lưng tròng. Cụt hai chân, vết thương chưa lành đã phải tự túc về quê, tôi chỉ biết thương xót cho anh Nhơn mà không làm gì hơn được. Anh Nhơn đi ngày mùng 6-5, còn tôi và mẹ tôi ngày mùng 7.   
Sau một ngày chật vật đón xe trên xa lộ Biên Hòa, hai mẹ con tôi được một chiếc xe tải chở hàng ra miền Trung chịu chở về quê. Mẹ tôi phải nhờ những người hành khách phụ đỡ tôi lên xe, hai bên ván gỗ bít bùng và một tấm bạt che ở phía sau. Trên xe tôi thấy có sẵn một đám người đã ngồi trong đó từ hồi nào, khó khăn lắm hai mẹ con tôi mới tìm được chỗ ngồi trên những gói hàng trên sàn xe. Tôi có cảm tưởng đây là xe áp tải tù nhân vì chật chội, hôi thối và ngộp thở. Nhưng chính vì điều này cũng đỡ đi phần nào, du kích không dám leo vào trong xe xét hỏi giấy tờ. Đến chỗ cầu gãy, xe phải chạy băng qua những khúc sông cạn rồi đi tiếp. Thỉnh thoảng đi ngang qua những dãy nhà cháy, mùi khét bay vào xe nồng nặc. Có lúc ngộp quá, một vài hành khách tháo tấm bạt che phía sau xe để hít không khí, chúng tôi mới nhìn thấy cảnh tang thương đổ nát hai bên đường, nhà cửa loang lỗ đầy những vết đạn. Nhiều đoạn đường bị cấm, xe phải đi lòng vòng qua các ruộng hoang hay các thôn xóm. Tất cả đều hoang vắng đến rợn người, cả tiếng chim kêu cũng không có. Xe càng lúc lắc, vết thương tôi bị động, máu cứ ri rỉ chảy ra, tôi mệt lã người.   
Bình thường xe chỉ đi mất hai ngày một đêm, nhưng chuyến đi này mất một tuần lễ. Một tuần lễ mệt nhọc, mẹ tôi phải bồng ẵm, đút cho tôi từng muỗng cháo, muỗng nước, đỡ tôi đi cầu, đi tiểu. Xe tải thì cao mẹ già thì yếu nên có lúc tôi phải nhờ một số khách đồng hành phụ giúp đỡ tôi lên xuống xe. Nhớ mãi là thịnh tình của chị Bùi Thị Cẩm, người đã đắc lực giúp mẹ tôi chăm sóc tôi suốt đoạn đường dài. Lúc này toàn thân tôi hoàn toàn bị băng bó, trông giống như một xác chết đã lịm rồi. Sau chuyến đi này tôi không gặp lại chị Cẩm nữa, không biết bây giờ chị ở đâu. Tôi nguyện nếu ngày nào gặp lại chị Cẩm tôi sẽ làm hết sức để tạ ơn chị những ngày đã qua. Tôi chỉ biết chị quê ở Quảng Ngãi về tìm cha là một quân nhân như tôi.   
Vừa đặt chân đến làng quê là bà con lối xóm giúp tôi đi trình diện ủy ban quân quản địa phương ngay. Người ta cho tôi về nhà điều trị vết thương nhưng mỗi sáng thứ bảy phải đến trình diện một lần. Độ hai tuần sau, tôi được lệnh tập trung "học tập cải tạo" tại chỗ trong thời gian 17 ngày. Tội nghiệp cho thân già mẹ tôi, suốt đời tần tảo nuôi con ăn học những mong lớn khôn đặng nhờ tuổi già. Nào ngờ giờ đây bà phải tất bật sớm hôm gánh gồng đôi thúng ra chợ bán buôn nuôi con tật nguyền. Thấm thoát một tháng trôi qua, vết thương tôi cũng khô lành dần. Hai tay tôi lành trước, kế là đầu và mắt, tiếp theo là khúc chân trái và sau cùng khúc chân phải. Quả mìn thật quái ác, nó không sát hại mạng người mà chỉ gây thương tật. Ai may mắn lắm khi đạp phải nó chỉ bị cụt một chân, thường thì cụt cả hai chân. Sức ép của nó không mạnh lắm, chỉ những ai không may bị va vào vách đá hay thân cây thì mới bị chết. Nhiều lúc tôi ước ao có lại đôi chân để ra đồng ngắm nhìn ruộng nương, hoặc dạo mát trên những bờ đê như những ngày thơ ấu. Ước ao này không bao giờ đến.   
Bức xúc với hoàn cảnh mới, tôi mở lớp dạy kèm và dạy vẽ chân dung cho trẻ em trong xóm để phụ giúp mẹ tôi. Nhưng dạy kèm trong thời buổi này thật là khó khăn, không phải vì thiếu vắng học trò mà là phải có giấy phép của ty thông tin văn hóa. Tôi bị mời lên, mời xuống nhiều lần về việc này. Cuối cùng tôi phải nghỉ dạy chữ mà chỉ dạy vẽ chân dung và nhận hình họa, cuộc sống cũng tạm ổn định.   
Thấy tôi bị thương tật mà vẫn còn minh mẫn, một gia đình hàng xóm có người con gái muốn gả cho tôi. Thế là tôi lập gia đình năm 1977, đó không những là niềm mơ ước của riêng tôi mà còn là ước muốn của mẹ tôi nữa, vì tôi là con trai độc nhất. Quan niệm phong kiến mà. Tôi là con một, nhưng bà lại thích con đàn cháu đống. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ tôi vui sướng như lúc này, điều này càng làm hai vợ chồng tôi thêm hạnh phúc nên sinh cho bà bốn trai, một gái. Nhưng chính con đàn cháu đống này đã làm hại tôi, thân tàn ma dại mà con đông quá chỉ có nghèo nàn và dốt nát. Biết suy nghĩ thì việc đã rồi. Đến năm 1987, vợ tôi phải triệt sản gấp. Cuộc sống trở nên khó khăn, chỗ vợ tôi bán chè bị cấm, mẹ tôi lại đau ốm thường xuyên. Đã thiếu ăn còn lo chạy thuốc, nợ nần mỗi ngày mỗi chồng chất. Thế là cuộc đời đi vào bế tắc.   
Năm 1989, vì kế mưu sinh cho gia đình, tôi phải liều mạng đưa cả nhà vào Nam sinh sống. Sài Gòn đúng là miền Đất Hứa. Thuê được nhà xong, vợ và các con tôi đi bán vé số, còn tôi ở nhà lo cơm nước, giặt giũ áo quần. Lạ đất lạ người, vợ và các con bị người ta lừa hết vé số, mất hết vốn. Không đủ tiền trả tiền thuê nhà, tiền điện tiền nước, gia đình tôi đành phải tạm ra sống bụi đời ở bến xe Gia Định (nay là Văn Thánh). Cả nhà che tấm ny lông ra ngủ ban đêm, ban ngày phải cất xuống nếu không thì sẽ bị phạt về tội làm mất mỹ quan thành phố. Tôi tìm được một chỗ che dù bán trà đá, còn vợ và các con vẫn tiếp tục đi bán "may rủi". Con cái đều thất học, chúng không những đói cơm mà còn đói cả chữ. Sống chung với bọn du thủ du thực, cướp bóc tại bến xe lòng tôi không yên chút nào. Nhiều đêm cả nhà phải ngồi bó gối chờ trời dứt cơn mưa, những trận mưa xối xả hất tung cả lều, ướt cả chỗ nằm... Lắm khi sáng ra, quần áo, đồ đạc, nồi niêu bị chúng nó "cuổm" đi mất. Nhiều lúc nghĩ lại giai đoạn ấy thấy kinh hồn khiếp vía.   
Thời gian sau tôi lại đi xin được một chỗ ở tạm dưới mái hiên một người mới quen. Người này giới thiệu cho tôi đi dạy kèm. Vợ tôi thì mở quán cốc bán thức ăn bên đường. Dần dà cuộc sống tạm ổn định lại, tôi cho hai đứa nhỏ đi học. Nhưng rồi thành phố phát triển theo nhu cầu đổi mới, chỗ tôi ở bị chủ nhà đòi lại để xây dựng thêm. Thật là gian nan, tôi đâu có tiền để thuê nhà khác. Cả nhà lại rời đi nơi khác, cuộc đời chúng tôi không khác gì dân Do Thái, cứ bị xua đuổi liên miên, không biết đâu là nhà.   
Năm 1994, gia đình tôi lại trôi giạt từ Sài Gòn về làng Phước Bình vì có người giới thiệu bán cho một căn nhà lá rẻ tiền trên nghĩa địa, giá 12 chỉ vàng cho trả góp. Vì quá sốt ruột tìm chỗ che mưa trú nắng cho vợ cho con, "một liều ba bảy cũng liều cầm bằng như trẻ chơi diều đứt dây" tôi tự nhủ với lòng mình như vậy, tôi nhắm mắt đưa chân về khu nghĩa địa này. Vợ con tôi không đi bán vé số dạo nữa vì dân cư nơi đây quá nghèo, lại thưa thớt nên bắt đầu làm quen với môi trường sống mới. Hàng ngày cả nhà đi làm mướn, kể cả ở đợ, bưng phở cho quán ăn, tối về nhà ngủ. Tôi cố gắng đi xin việc làm. Thật là đau đớn, nhiều chỗ nói thẳng vào mặt tôi: "Què cụt mà làm được gì?". Tôi cảm thấy tủi thân, mắt lại cay cay, vội quay mặt trốn đi.   
Mãi mấy tháng sau tôi được vào làm ở một sở sản xuất hàng gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, khâu chà nhám và pha màu. Trong thời gian làm việc tôi mắc bệnh trỉ, sa hậu môn nặng, ra máu nhiều nên phải nghỉ làm. Chẳng bao lâu sau, cơ sở này cũng đóng cửa vì không có hợp đồng. Sống ở khu nghĩa địa này, ngoài cái lo đói rét, bệnh tật, còn nỗi kinh hoàng khác là vợ và các con tôi luôn luôn sợ hãi, vì nhìn đâu cũng thấy mồ mả. Đúng là người sống ở chung với người chết. Những đêm mưa sấm lập lòe, những trưa nắng gắt, khu nghĩa địa này bốc lên một mùi hôi thối lợm người. Nếu ở mãi với cảnh này, tâm sinh lý các con tôi sẽ bị khủng hoảng nặng. Biết vậy nhưng biết làm sao hơn, "lực bất tùng tâm" là vậy. Có người hỏi tôi sao giỏi chịu đựng vậy? Phi thường quá, bản lãnh quá. Xin thưa là "quân tử cố cùng".   
Rồi tai họa gián xuống cho tôi. Mẹ tôi ngoài quê qua đời. Khi tôi đi, bà chị tôi xin nhận phụng dưỡng mẹ già. Nhận được điện tín mẹ mất mà không có tiền mua vé xe về quê chịu tang mẹ, thật là buồn tủi. Vợ tôi thương tình đã phải chạy vại tìm người quen vay. Năm lần, bảy lượt mới vay được một ít tiền làm lộ phí. Đau khổ làm sao, đường sá xa xôi ba ngày sau tôi mới về tới. Ngoài quê nghèo khó quá nên xác mẹ tôi không để lâu nên tôi không được nhìn mặt mẹ lần cuối cùng. Mẹ tôi đã mất một phần vì sức yếu, bệnh đau không có thuốc, một phần vì đói nghèo và thương con tật nguyền nên đã sớm tắt.   
Hình như bất hạnh chưa buông tha tôi. Khu nghĩa địa nơi chúng tôi cư trú được lệnh giải tỏa. Ruột gan tôi rối bời. Buồn quá, biết ở đâu bây giờ, tiền nhà ở đây cũng chưa trả hết. Công ăn việc làm của vợ con ngày càng bấp bênh, ban quản lý chợ và đội truy quét đường phố đuổi chạy suốt ngày, không bị tịch thu bàn ghế, nồi niêu chén bát là may rồi. May thì có may nhưng đói thì vẫn đói. Quán cơm bình dân đó đã nuôi sống gia đình tôi từ bấy lâu nay, bây giờ cứ lo chạy trốn thì cả nhà lấy gì mà ăn. Thêm vào đó, chúng tôi còn phải lo nuôi mẹ vợ hay bị đau ốm và em trai vợ bị bệnh tâm thần. Gánh gia đình đã nặng nay càng nặng thêm. Lúc này tôi khủng hoảng vô cùng. Rồi một phép lạ chợt đến.   
Tôi được bạn bè, cũng là thương phế binh cho biết hiện nay ở hải ngoại có nhiều mạnh thường quân đang phát động chương trình cứu trợ thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Tôi liền kính thư gởi đi khắp nơi. Thật là may mắn, đúng như lời thánh kinh: tìm thì gặp, xin thì cho, gõ thì mở. Một số mạnh thường quân đã nghe tiếng gõ, mở rộng cửa lòng ban cho chúng tôi quà tiền. Nhờ vậy, tinh thần tôi đỡ căng thẳng, nhất là có người thương tình bán cho một chỗ đất trả góp. Tôi cảm thấy lòng mình thật bình an và tràn đầy hạnh phước. Đến cuối năm 1996, tôi được một số anh em bạn bè cho vay không phải trả lãi nên đã hoàn tất được một căn nhà nhỏ đủ che mưa trú nắng cho cả gia đình gồm 9 người. Tôi đã dọn về đây từ đầu năm 1997.   
Mặc dầu nỗi đau vẫn còn đây, gia đình chúng tôi và tập thể anh em thương phế binh thành kính cảm tạ thịnh tình của những hội cứu trợ, hội thiện nguyện, hội nhân đạo, hội cựu quân nhân, những mạnh thường quân, những con người luôn sống theo mệnh lệnh của trái tim tại Pháp, Mỹ, Úc, Canada, Tân Tay Lan, Đức... Để tỏ lòng tri ân đối với những con người có tấm lòng vàng này, tôi xin đại diện tập thể anh em thương phế binh trân trọng cảm ơn những tập thể, những cá nhân, những chiến hữu vô danh (dấu tên) đã hy sinh tiền của, công sức, tâm huyết mình trong thời gian qua, ngay trong hiện tại và cả tương lai nữa cho tập thể thương phế binh ở quê nhà.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 23**

Sau đây là danh sách tham khảo của đa số anh em thương phế binh đã nhận tiền và phẩm vật trong suốt thời gian qua. Cá nhân tôi vì không thể gom nhặt đầy đủ những tư liệu nên có thể thiếu sót, kính mong quí vị mạnh thường quân, vốn đã giàu lòng từ ái, niệm tình tha thứ cho. Chúng tôi xin ghi ân quí vị ân nhân ở khắp năm châu bốn bể như sau:   
Ở Pháp:   
- Bác sĩ Phan Minh Hiển, người đã năng nổ đóng góp trong công tác thiện nguyện rất nhiều. Năm 1986, ông đã thành lập Hội Médecins du Vietnam cùng với một số bác sĩ Việt Nam thiện chí để giúp các thuyền nhân trên Biển Đông. Từ năm 1992, hội hoạt động thêm ở quốc nội: mở một số chẩn y viện, cấp học bổng cho các em học sinh nghèo, mở nhiều lớp học tình thương cho trẻ em mồ côi, bụi đời, giúp nạng và xe lăn cho người tàn tật, phong cùi. Năm 1994, ông thành lập lập Hội Giúp Đỡ Những Người Tàn Tật Vì Chiến Tranh để đánh động dư luận cộng đồng Việt Nam hải ngoại về thảm trạng của những phế binh không nuôi sống được bản thân và gia đình. Anh em thương phế binh ở đây hầu như ai cũng nhận được tiền cứu giúp của bác sĩ Hiển từ năm 1994 đến 1997. Có anh mỗi năm nhận được hai lần, mỗi lần ít nhất 300 ngàn đến một triệu đồng Việt Nam.   
Về sau, bác sĩ Hiển đã giúp chúng tôi bằng cách giới thiệu cho các nhà mạnh thường quân có lòng từ tâm trực tiếp gởi cho từng cá nhân thương phế binh và hiện nay ông cũng đang vận động gây quỹ để tiếp tục giúp đỡ những anh em thương phế binh chưa được trợ cấp bên nhà. Lúc trước cùng cộng tác với ông có bác sĩ Trần Quang Lộc và ông Nguyễn Quang Hạnh.   
- Giáo sư Lương Thị Nga, người đã đứng ra vận động bênh vực cho quyền lợi anh em thương phế binh ở Việt Nam rất lớn. Bà đã cưu mang, giúp đỡ tiền bạc cho nhiều thương phế binh.   
Nhưng người chúng tôi mang ơn nhiều nhất là nhà báo Nguyễn Văn Huy ở Paris, mặc dù chưa bao giờ được dịp liên lạc trực tiếp với anh. Những bài viết của anh đã gây xúc động lòng người và làm phong trào cứu trợ thương phế binh trong nước có được tầm vóc như ngày nay. Ơn này chúng tôi không bao giờ quên.   
Ở Mỹ:   
- Hội Huynh Đệ Chi Binh của ông Lê Đình Vọng ở San José. Ông cũng đã giúp đỡ cho một số anh em thương phế binh ở Sài Gòn mỗi người 50 USD. Hiện nay ông vẫn tiếp tục công tác từ thiện này. Anh em chúng tôi cũng đang trông chờ ở ông lắm đấy.   
- Ngoài ra, còn có một hội - tên gì anh em chúng tôi không rõ lắm, có lúc ghi là bác Tổng, có lúc là bác Cả tặng - nhưng cứ mỗi năm một lần gởi tặng một số anh em mỗi người 50 USD, mỗi lần giúp chừng 20-30 người. Xin có lời chân thành cảm tạ.   
(Ghi chú: đây là Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức và Nam Định ở San José do cựu đại tá Ngô Thế Linh và ông Cao Thiện Chánh điều hành)   
- Gia đình Mũ Đỏ ở San José, tổng thư ký Hải Âu và mạnh thường quân giúp đỡ.   
- Bà Hoàng Minh Thúy (tạp chí Xây Dựng, Texas). Bà đã giúp đỡ các anh em thương phế binh thuộc miền Nam, Sài Gòn. Mỗi anh em tệ nhất cũng nhận được của bà một hai đợt tiền, mỗi đợt là 50 USD từ năm 1994 đến nay. Bây giờ chương trình trợ giúp của bà vẫn còn tiếp tục.   
- Ông Ngô Văn Tuyên, thành viên ban chấp hành Hội thiện nguyện HO (New Orleans, Mỹ), đã giúp đỡ cho mỗi anh em 50 USD vào năm 1995.   
- Ông Nguyễn Văn Quởn ở Houston đã giúp cho một số anh em thương phế binh mỗi người 50 USD.   
- Ông Vũ Trọng Mục, hội trưởng Hội Cứu Trợ Thương Phế Binh và Cô Nhi Quả Phụ, bà Hạnh Nhân, hội phó (Santa Clara) đã và đang vận động cứu giúp cho anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ mỗi người 50 USD.   
- Hai bà Bích Huyền - Quỳnh Lưu (chồng là Phó Thịnh Việt) và quí ông Chu Tất Tiến, ông Toàn, những con người thường xuyên quan tâm đến đời sống anh em thương phế binh ở quê nhà bằng cách vận động trong chương trình phát thanh "Tâm tình bạn gái" ở California, những tấm lòng vàng có tâm tình nhường cơm xẻ áo cho anh em thương phế binh. Chính hai bà đã tiên phong trong cuộc vận động này. Hai bà đã giúp cho một số thương phế binh mỗi người 50 USD và có gởi tặng băng cassette "Tâm tình bạn gái".   
Trong chương trình này, phải nhắc đến bà Thủy ở Costa Mesa đã âm thầm giúp cho một số anh em thương phế binh và số anh em này cũng đã kính thư cảm tạ tấm lòng vàng của bà.   
- Cô Võ Thị Mỹ Lan (Santa Clara) có giúp cho một số anh em ở Sài Gòn - Thủ Đức mỗi người từ 50 đến 100 USD vào các dịp lễ lạc và ngày Tết.   
- Bà Trần Thị Mận ở Westminster có giúp cho một số anh em thương phế binh mỗi người 30 USD vào dịp Tết qua.   
Ở Úc:   
- Đại tá Vũ Ngọc Hướng, hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa Trung Ương. Ông đã thực hiện chuyến đi quanh Châu Âu và Hoa Kỳ đến ba tháng, mục đích vận động các nước thành lập hội cựu quân nhân ngõ hầu có điều kiện giúp đỡ các anh em thương phế binh ở quê nhà và tìm gặp các chiến hữu cũ và các hội đoàn thiện nguyện vào năm 1996.   
Hiện nay, ông Phạm Văn Quát thay ông vì năm nay sức khỏe của ông có phần sa sút. Tuy thế ông Hướng vẫn hết mình vận động bênh vực quyền lợi, giúp đỡ anh em thương phế binh trong nước. Ngoài ra trong ban chấp hành hội gồm có ông Nguyễn Dân Cường, phó chủ tịch nội vụ, chiến hữu Lê Văn Thắng phó chủ tịch, Tạ Quang Hải, phó chủ tịch nguyên vụ kiêm chủ tịch chi hội KSL.   
- Các anh Nguyễn Cảnh Tân, Đặng Văn Đạt cùng các anh trong Gia Đình Mũ Đỏ ở Úc. Anh Lê Minh Phó, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Văn Rạng, Phùng Hoàng Tuyết, Trương Đăng Sĩ, Trần Văn Đức, đã giúp cho một số anh em thương phế binh mỗi người 100 Úc kim.   
Ở Canada:   
- Ông Dương Ngọc Hướng (Ottawa) thành lập Quỹ Yểm Trợ Người Khuyết Tật có giúp cho anh em thương phế binh mỗi người từ 50 USD đến 100 USD. Ông cũng giúp đỡ xe lăn và tiền bạc ở khu vực miền Trung: Quảng Nam- Đà Nẵng.   
Xin có lời cảm tạ Gia Đình Mũ Đỏ Canada.   
- Hội Viet Can Philanthropy Foundation do ông Nguyễn Cao Cảo, Phạm Kim Hưng, Đỗ Quang Trọng (đại diện), cùng các bác sĩ, kỹ sư, nhà doanh nghiệp, thương gia, nhà hảo tâm, những vị mạnh thường quân giúp cho một số thương phế binh nặng mỗi người 300 CAD. Hiện nay hội vẫn tiếp tục làm việc để tiếp tục giải quyết số hồ sơ của thương phế binh chưa được giúp.   
- Ông Nguyễn Hữu Lương (Québec) có giúp cho một số anh em thương phế binh ở Sài Gòn mỗi người 50 USD.   
Ở Đức có bác sĩ Bùi Văn Nghiệm. Vào cuối năm 1995 ông có giúp cho một số thương phế binh mỗi người 50 DEM. Ông có nhã ý giúp cho anh em thương phế binh tự tạo cuộc sống lâu dài.   
Ở Tân Tây Lan (New Zealand), vào tháng 5-1997 anh Lê Quang Long đại diện có giúp cho một số thương phế binh ở Sài Gòn và Thủ Đức mỗi người 500 ngàn đồng Việt Nam (50 USD). Ngoài ra tôi có ba vị ân nhân tôi không thể nào quên đó là ông Bách, bà Hồ Bích Vân và ông Nguyễn Công Thành ở Mỹ. Xin chân thành ghi lòng tạc dạ quí vị ân nhân kính ái.   
Theo lời bác sĩ Phan Minh Hiển, cộng đồng người Việt hải ngoại đã quyên góp hơn 500 ngàn USD gởi về giúp thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa trong suốt 5 năm qua.   
Tôi còn biết, ngoài việc cứu trợ các anh em thương phế binh như chúng tôi, quí ân nhân và hội đoàn thiện người Việt hải ngoại còn ưu ái giúp đỡ một số đồng bào bất hạnh khác trong nước nhà qua các tu sĩ hai tôn giáo lớn tại Việt Nam, Công giáo và Phật giáo. Công đức này Trời cao sẽ đền đáp xứng đáng. Chúng tôi, những con người trần thế không toàn vẹn thân thể, chỉ ghi nhận nơi tấm lòng vàng của quí ân nhân và cầu nguyện cho chương trình cứu trợ được lâu bền.   
Chính việc làm bằng con tim và khối óc nhân ái của tất cả quí vị ở hải ngoại đó đã đem đến cho tất cả tập thể thương phế binh chúng tôi hơi thở của sự sống, hàn gắn được nhiều rạn nứt, đổ vỡ, cứu được nhiều gia đình có cơm ăn, áo mặc, con cái học hành và có cơ hội chữa lành được bệnh tật và nhất là đã an ủi, khích lệ chúng tôi về đời sống tinh thần rất lớn lao và đầy ý nghĩa, khiến anh em chúng tôi sống cuộc sống vui thỏa, bình an và quên đi phần nào nỗi đơn độc trong cuộc sống đầy đau thương và bất hạnh này.   
Mong ngày càng có nhiều hơn những con người, những tấm lòng nhân hậu, biết thương xót anh em, đồng loại, đang vô cùng cơ cực, chết dở sống dở, chờ mong sự giúp đỡ của tất cả quí vị từng ngày từng giờ hầu sống nốt những ngày của quảng đời còn lại. Chúng tôi nguyện ghi lòng tạc dạ.   
Dẫu mai đây có qua đời, chúng tôi cũng lấy làm mãn nguyện mà ngậm cười nơi chín suối. Xin mượn những trang giấy này làm bia lòng, bia miệng ghi tạc những quả tim nhân ái luôn tha thiết hướng về những nỗi đau thương của đồng loại, trên tinh thần "lá lành đùm lá rách", "thương người như thể thương thân".   
Hy vọng sợi dây thân ái giữa trong và ngoài nước ngày càng thắt chặt và đất nước này sẽ vươn lên. Hy vọng quê hương rộn lại tiếng chim, nụ cười nở rộ trên môi trẻ thơ và các cụ già vui sướng nhìn đàn con cháu khôn ngoan nên người. Hy vọng mọi người chia sẻ niềm hãnh diện là người Việt Nam.   
Viết lại theo lời thuật của Đặng Thanh Trang

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 24**

Chương 6: Không còn nước mắt để khóc   
Thật là vui mừng khi gặp lại Nam, người bạn phế binh đồng thời cũng là bạn học cũ năm xưa. Lúc này gương mặt của Nam sạm nắng đầy vẻ phong trần, tóc của Nam cũng đã bạc màu, ngã sang màu trắng. Cách ăn mặc của Nam cũng đã thay đổi, tươm tất hơn và không còn luộm thuộm như xưa. Đêm nay khí trời mát mẽ, biết Nam thích uống trà tôi đã pha trà đặc biệt mời Nam uống. Hai chúng tôi ngồi trước hàng hiên nhà miên man nói chuyện, nói đến quá nửa khuya vẫn chưa ai cảm thấy buồn ngủ. Nam kể lại những chuyện trong hiện tại, tôi nhắc đến những chuyện ngày xưa, chuyện mấy chục năm về trước mà hai chúng tôi đã trải qua.   
\* \* \*   
Vào giữa thập niên 60, chiến tranh lan rộng khắp lãnh thổ. Báo chí loan tin quân cộng sản miền Bắc đã xâm nhập vào Nam càng ngày càng nhiều, nhiều trận đánh lớn đã xảy ra ác liệt từ các vùng đồi núi trên cao nguyên xuống tận các tỉnh duyên hải và đồng bằng sông Cửu Long. Thành thị và nông thôn không còn nơi nào yên bình được nữa. Lúc đó Nam và tôi đang còn là học sinh trường trung học công lập, hai chúng tôi học chung lớp với nhau từ năm đệ thất. Bạn học của tôi nhiều đứa đã nhận được lệnh động viên lên đường nhập ngũ, riêng Nam cùng với Minh Tề và Vượng thì làm đơn tình nguyện.   
Chỉ còn vài ngày nữa là Nam lên đường và cho chúng tôi biết sẽ vào Trại Nhập Ngũ số 3. Tôi cùng vài bạn thân tiễn Nam bằng một chầu cà phê ở quán Năm Dưỡng. Mấy tháng sau tôi nhận được thơ của Nam cho hay đã được đổi về miền giới tuyến Quảng Trị. Năm sau, tôi cũng nối tiếp bước chân Nam vào Trại Nhập Ngũ số 3. Ra trường, tôi được thuyên chuyển về vùng Bạc Liêu. Ở đó hơn một tháng, tôi được lệnh hoán chuyển về bộ tư lệnh sư đoàn đóng quân tại Cà Mau. Từ ấy chúng tôi không còn liên lạc với nhau nữa vì mỗi đứa ở một nơi, xa cách ngàn trùng.   
Vào một ngày âm u của tháng bảy năm 1962 ở miền cực Nam, trời mưa lất phất khí trời se lạnh, đại đội chúng tôi được lệnh hành quân tảo trừ cộng quân trong rừng U Minh. Tin tức tình báo cho biết Tiểu Đoàn U Minh 1 của cộng quân đang hoạt động ráo riết tại đây. Đơn vị chúng tôi được chia ra làm hai cánh, mỗi cánh đi về một hướng và sẽ gặp nhau tại tiểu khu Năm Căn năm ngày sau đó. Tiểu đội của tôi vượt qua mấy cánh đồng mênh mông nước, lội qua mương rạch tiến vào một xóm nhỏ lác đác vài căn nhà lá. Nơi đây vắng bóng đàn ông, chỉ thấy toàn ông già bà cả, đàn bà và con nít ngồi đứng trước nhà, ngoài sân hay trên bờ ruộng. Chúng tôi hỏi đàn ông đi đâu hết rồi, họ chỉ về phía bàn thờ trong nhà rồi im lặng.   
Trời vẫn mưa lất phất, mọi người chúng tôi ai nấy đều ướt sũng. Tiểu đội của tôi dừng chân được một lúc đã nhận lệnh của đại đội trưởng tiếp tục hành quân, có người chỉ kịp ngồi uống một ngụm nước, người khác đốt một điếu thuốc đã vội vã đeo ba lô lên vai cầm súng đi tiếp. Chúng tôi rời thôn xóm nhỏ tiếp tục lên đường truy lùng địch vì cách đây vài hôm một chiếc xe đò bị giựt mìn trên con lộ dẫn về Năm Căn, làm nhiều thường dân bị thiệt mạng và bị thương. Chúng tôi đi hàng một, mon theo con đường mòn nhỏ dẫn vào khu rừng tràm gần đó, cò súng lúc nào cũng sẵn sàng. Tôi đi giữa đoàn người và bám sát gót người đi trước. Thật là an toàn, tôi thầm nghĩ. Kinh nghiệm này tôi học ở những đàn anh đi trước. Mắt tôi chỉ nhìn một phía bên đường và các lùm cây ở phía xa xa, phía bên kia thì có đồng đội khác nhìn.   
Chúng tôi đi như vậy gần hai tiếng đồng hồ liền, chỉ thấy hai bên bờ ruộng cỏ mọc vô tri và những đám mạ xanh chạy dài trước mắt. Thình lình, từ trong các bụi rậm phía trước có tiếng súng nổ, đạn bay cheo chéo ngang tai. Những người đi đầu tức tốc nhảy xuống núp hai bên bờ ruộng bắn trả lại. Tôi cũng vội vàng nhảy đại xuống ruộng thì... "Ình" một tiếng, tôi bị hất tung lên khỏi mặt đất rồi rớt xuống một cái "chạch" trong vũng nước. Tôi vừa đạp phải mìn. Trái mìn định mạng được ngụy trang kín đáo dưới bờ ruộng xé nát đôi chân của tôi. Hai tai bị ù, thân mình ê ẩm. Phản ứng đầu tiên của tôi là quơ tìm cây súng định bắn trả lại nhưng... ôi, sao đau buốt quá ở hai chân!   
Tinh thần tôi dao động, hoang mang. Thân thể tôi lem luốt bùn sình, cái ba lô nặng nề trên vai càng làm tôi khó chịu, tôi muốn cởi nó ra nhưng không còn sức. Một anh bạn bò tới chích cho tôi một mũi thuốc cầm máu, rửa ráy qua loa và băng bó hai khúc chân của tôi. Tôi còn nghe loáng thoáng tiếng tiểu đội trưởng gọi pháo binh và trực thăng đến tiếp viện. Vài phút sau đó, tiếng đạn pháo từ tiểu khu Cà Mau tới tấp rót xuống bìa rừng và tiếng súng của đồng đội tôi bắn về phía các bụi cây đằng trước làm tôi hồi tỉnh trở lại. Độ mười lăm phút sau, trực thăng bay tới và hạ xuống một bãi đáp nhỏ cạnh bờ ruộng. Hai thằng bạn phụ khiêng tôi lên băng ca do hai y tá từ trực thăng mang tới. Tôi còn tỉnh táo trăn trối cùng thằng em kết nghĩa khi nó dìu tôi đến bãi đáp an toàn. Trực thăng tải thương chuyển tôi về Quân Y Viện Cần Thơ. Từ đó tôi bị bất tỉnh nhân sự, không còn biết gì nữa.   
Tôi tỉnh dậy trong phòng hồi sức, tinh thần còn bàng hoàng ngơ ngác trước quang cảnh khác lạ. Mùi ê te nồng nặc quanh phòng làm tôi lo sợ. Nhớ lại chuyện vừa xảy ra, tôi liền nhìn xuống phía dưới thì... trời ơi, hai khúc chân của tôi đâu mất rồi. Người ta đã cưa mất hai chân của tôi lên tới gối. Tôi buồn tủi khóc thầm trong dạ, cha mẹ đã sinh ra, nuôi nấng cho con nên vóc nên người và ngày hôm nay thân hình không còn trọn vẹn. Phải nói gì đây với người thân về nỗi bất hạnh này. Trái mìn ác nghiệt kia đã hủy hoại thân thể tôi, biến tôi thành kẻ tật nguyền. Tôi căm thù nó, thù những người đã dùng nó để hãm hại tôi. Lúc đó tôi chỉ thấy hận thù và căm ghét tất cả mọi người, ghét luôn những ông bác sĩ, bà y tá đến chăm sóc cho tôi, và cũng sẵn sàng thù ghét những người nào tỏ ra ghê sợ hay tránh né tôi. Cuộc đời tôi từ nay sang một ngã rẽ mới, ngã rẽ của thua thiệt và mặc cảm. Buồn nhất là thua kém với chính những người mình từng quen biết, gia đình, bạn bè và nhất là với những bạn gái. Một thử thách đầy cay nghiệt mới trong đó tôi phải làm nhiều cố gắng để ít chịu phần thua thiệt nhất. Cơn khát nước dữ dội làm tôi khó chịu vô cùng. Tôi bị mất quá nhiều máu nên thiêm thiếp mê đi.   
Vài ngày sau, tình trạng hiểm nguy thực sự qua đi, người ta chuyển tôi lên Trại 1 điều trị. Thấy tôi thương tích quá nặng, thường vụ đại đội cử anh Nhàn binh nhất ở luôn trong trại để săn sóc tôi. Anh Nhàn mỗi ngày giúp tôi đi tiểu tiện và lo cơm nước, tôi cũng viết thư báo tin cho gia đình. Lần hồi nỗi sầu của tôi cũng nguôi ngoa vì chung quanh nhiều người còn khổ sở hơn tôi, có người chỉ còn khúc thân, tất cả đều bị mất. Tôi tự an ủi dầu sao mình vẫn còn hai tay và mắt mũi. Tôi bán sợi dây chuyền đeo ở cổ để tiêu xài vì tiền lương chưa chuyển tới và gia đình chưa ai hay biết.   
Những ngày đầu ở Trại 1 thật là khủng khiếp. Hai chân tôi bị nhiễm trùng nặng vì dính bùn sình và sắt rỉ sét của trái mìn nên da thịt hai đùi tôi có mủ và bốc mùi hôi thối. Mỗi lần y tá đến rửa vết thương là mỗi lần kinh khiếp, tim tôi co thắt lại. Tôi không đủ can đảm nhìn anh y tá thay từng miếng băng ở hai đùi, anh có hơi mạnh tay vì máu khô và mủ bám chặt vào các miếng băng côm prết mặc dù đã xịt rất nhiều nước ốc xi. Mỗi lần như thế tôi chỉ biết nắm chặt hai tay vào song giường, hơi thở khó khăn và cắn răng lại chịu đựng. Tôi cố đè nén cơn đau để tiếng rên không vuột ra khỏi miệng nhưng nước mắt và nước mũi cứ chảy ra dầm dề. Tôi ít biết chửi thề, văng tục nhưng nhiều lúc đau quá cũng thốt lên vài tiếng, sau đó lại mắc cở với chính mình. Cực hình đã xong, tôi xót xa nhìn xuống từng mảng da thịt của tôi dính đầy các băng trắng lạnh lùng nằm trong cái xô hôi hám phía dưới chân giường.   
Hơn một tuần sau, cô chú tôi, mẹ tôi, chị hai tôi từ Chợ Lớn xuống Cần Thơ vào trại thăm tôi. Lòng tôi buồn bã khi gặp lại người thân. Cả nhà chỉ biết ôm tôi vào lòng rồi khóc nức nỡ. Tôi chỉ im lặng khóc và không nói lời nào, dòng lệ tôi cứ tuôn trào khi cô chú, mẹ, chị hỏi thăm. Được gia đình vào thăm lòng được an ủi nhưng tâm trạng luôn cảm thấy có lỗi với người thân, tôi đã không giữ được thân hình được toàn vẹn như mọi người khác. Tôi không còn bình thường nữa!   
Bất hạnh lớn nhất của đời lính là bị cụt chân, cụt tay nên không ai muốn nghĩ đến. Chẳng thà chết trên chiến trường hay trong quân y viện, gia đình thân nhân có buồn nhưng rồi cũng qua đi, nhưng phải kéo dài tấm thân tàn phế suốt những ngày còn lại không gì khùổ sở cho bằng. Nếu được chết ngay lúc này có lẽ tôi rất lấy làm mãn nguyện vì dầu sao cũng đã gặp lại tất cả mọi người thân trong gia đình. Nhưng tôi đã không chết.   
Mặc dù không muốn nghĩ đến sự tật nguyền nhưng cái rủi không ai tránh được. Điều trớ trêu là cái rủi đó đã xảy đến với tôi, thật là buồn. Mấy ngày qua tôi cứ trông ngóng, lòng dạ xốn xang chờ đợi người thân, nay gặp được lòng dạ hả hê. Tôi cứ sợ gia đình tôi trách móc nhưng không, mọi người đều tỏ ra thương yêu tôi hơn bao giờ hết. Tôi không những được an ủi mà còn được cho tiền, quà cáp và sách báo để đọc.   
Gần một tháng sau tôi được chuyển về Tổng Y Viện Cộng Hòa bằng trực thăng và được phân phối về Trại Ngoại Thuơng 4. Gia đình, bà con, bạn bè khắp nơi nghe tin tôi được chuyển về Tổng Y Viện đến thăm tôi đều đặn, do đó cũng cảm thấy đôi phần an ủi, nỗi đau buồn dần dà vơi đi. Với thời gian nhịp độ đến thăm không đều như trước, có lẽ mọi người bị bận rộn công việc làm ăn. Thời buổi này rất khó khăn nên tôi cũng thông cảm. Mặc dầu vậy cứ mỗi buổi chiều, tại khu Ngoại Thương 4 bà con thân nhân thương bệnh binh đến thăm nuôi đông đảo, ăn nói ồn ào, tôi ngồi trên chiếc xe lăn nhìn thiên hạ mà không khỏi buồn lòng. Tôi thường tìm một góc hành lang đầu trại lặng nhìn người qua kẻ lại, không muốn làm quen với ai. Tôi là kẻ cô đơn, lòng đầy mặc cảm. Nếu giờ này tôi còn đủ hai chân có lẽ tôi còn đang hành quân đâu đó hay về phép dạo phố như mọi người.   
Trong Quân Y Viện Cộng Hòa, những thương binh được chia ra điều trị tại nhiều khu vực khác nhau, chúng tôi những người bị cụt hai chân ở khu ngoại thương 4, những khu khác dành cho người bị cụt hai tay, cụt một chân, cụt một tay, mù mắt... Những người bị mất cả tứ chi hay bị liệt thì ở chung một khu, nơi đây họ được chăm sóc tận tình và chu đáo hơn. Ơ? trại 4, tôi có thêm hai thằng bạn mới. Thấy tôi ngồi ủ rủ một mình, thằng Quí thường đến an ủi tôi, còn thằng Lô thì hay kéo tôi nhập vào những cuộc vui do anh em phế binh trong trại tổ chức để quên ưu phiền. Cả hai thằng Quí và Lô đó đều bị cụt hai chân như tôi. Những cuộc vui thường là những buổi họp mặt cùng nhau ca hát tân nhạc hay cải lương, nhiều thằng kể chuyện tếu lâm để cùng nhau cười. Những anh em nào được gia đình đến thăm nuôi thường kêu các bạn bè ngồi lại ăn uống, nhậu nhẹt cho hết ngày giờ. Vui nhất là được các phái đoàn đến thăm, chúng tôi thường được tặng quà và còn được những cô học sinh sinh viên xinh đẹp đến ho?i han an u?i.   
Tháng ngày cứ thầm lặng trôi qua, tâm hồn tôi cũng bớt phần cay đắng. Tôi không còn nghĩ nhiều đến sự tàn phế của mình và cũng không còn thu mình trong vỏ ốc cô đơn, mặc cảm. Tôi hòa nhập vào cuộc sống với anh em trong trại. Thời gian sau đó, tôi và Lô cùng ngồi trên chiếc xe lăn, vui vẻ dạo phố Sài Gòn. Chúng tôi làm ngơ không để ý đến những cái nhìn tò mò của nhiều người khác. Nhiều lúc bất mãn, anh em chúng tôi vào một vài quán nước bày tỏ sự bất bình về sự đối đãi không lịch sự của các nhân viên phục vụ, đó là vào thời điểm đầu thập niên 70. Sau này chính phủ có ra nhiều biện pháp nâng đỡ phế binh nên anh em chúng tôi vui vẻ trở về đời sống bình thường trong những khu vực định sẵn.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 25**

Riêng tôi thì trở về nhà sống với mẹ và với chị hai tại Chợ Lớn. Ở được hơn nửa năm trong tình gia đình đầm ấm, tôi vẫn thấy nỗi buồn xâm chiếm. Tôi xin phép gia đình cho vào an dưỡng tại Trung Tâm Hồi Lực vì chỉ ở nơi đây tôi mới thực sự tìm được chỗ đứng của mình. Tại đây, thật là bất ngờ. Tôi gặp lại Nam, người bạn học năm xưa, sau bao năm xa cách không đứa nào thư từ cho nhau, định mệnh đã dung rủi cho hai đứa tôi gặp lại nơi đây.   
Buổi sáng hôm ấy, trong Trại B Hồi Lực anh em trong trại truyền tai nhau sẽ tiếp nhận hai bệnh nhân mới từ miền Trung chuyển vào, đặc biệt có một anh mù mắt dẫn theo một đứa con nhỏ. Vừa từ phòng bác sĩ về nghe nói có bạn mới, tôi đẩy lần xe lăn vào dãy có giường ở giữa trại, nơi hai người bạn mới vừa được chuyển tới nằm để xem có quen hay không? Thật ra thì ở trại hồi lực này, ngoài chuyện chờ đợi thân nhân tới thăm và đàm tiếu với nhau, chúng tôi không có việc gì khác để tiêu khiển ngày giờ là chờ có thêm thương binh mới để đến hỏi thăm. Người thì chỉ vẻ cách sống trong trại, người thì hỏi thăm thương tật, nói chung chỉ vẻ đủ thứ chuyện để thấy ngày tháng đỡ nhàm chán.   
Một trong hai người mới tới ngồi trên giường, mặt quay vào phía trong. Tôi đẩy xe tới bên cạnh khẽ gọi: "Chào anh!". Người vừa mới tới quay về phía tôi, mặt ngước lên trời. Tôi giật mình kêu lên "Nam!".   
Trời ơi, đúng là thằng Nam, bạn học cũ của tôi ngày nào đây mà. Gương mặt của Nam sao dị hợm quá, một bên mặt bị nám đen, con mắt trủng sâu trong vết sẹo đen thâm xì, con mắt còn lại chớp chớp nhưng tinh thể đã bị đục thũng.   
Khuôn mặt tuy đã biến dạng nhưng tôi vẫn nhìn ra Nam, thằng bạn học cũ. Nam vẫn ngồi bất động. Tôi đẩy xe chồm người tới nắm lấy tay Nam, tiếng nấc mắc nghẹn ở trong họng. Nam cũng tò mò nắm lấy bàn tay tôi nhưng ngẩn ngơ không biết là ai. Tôi xưng tên thì Nam giật mình sờ soạn rờ vào đầu tôi, kéo tôi thật mạnh vào lòng. Hai đứa ôm nhau, thân hình Nam run run xúc động, còn tôi thì khóc nức nở như một trẻ thơ. Ôi, thằng bạn thân nhất thời xưa giờ đây còn tàn phế hơn tôi. Không những Nam bị mù hai mắt mà còn bị cụt mất một chân dưới gối. Sau giây phút xúc động, hai đứa tôi ngồi cạnh bên nhau nói chuyện thật lâu.   
Cuộc đời thật trớ trêu, cả hai đứa năm xưa chơi thân với nhau, giờ đây mỗi đứa mang một thương tật nặng nề, hình hài không còn nguyên vẹn. Anh em trong trại tôn trọng sự xúc động của chúng tôi nên đã tự động tản đi nơi khác. Thế là Nam cùng đứa con trai trở thành những người bạn thân tình trong gia đình mới của chúng tôi.   
Phía trước Trại B có một sân cỏ thật thoáng rộng. Những lúc trời chiều gió thoảng, anh em trong trại thường ra nơi đây tụm năm tụm ba ngồi hóng mát. Tôi cùng Nam thường ra ngồi trên đệm cỏ nói chuyện, thằng con nhỏ của Nam vần vô tư tung tăng chạy nhảy, hồn nhiên đi bắt cào cào rồi chạy đền khoe. Nam kể cho tôi nghe những năm tháng thăng trầm của đời lính chiến.   
Sau khi mãn khóa huấn luyện quân sự, Nam được chuyển ra đơn vị mới, Sư Đoàn 1 ở Huế. Đời lính có lúc lên lúc xuống nhưng rồi cũng qua đi. Sau nhiều chiến công rực rỡ, Nam được thăng chức trung đội trưởng. Những lần về bộ tư lệnh họp, Nam có dịp làm quen với một người con gái xứ Huế học trường Đồng Khánh. Hai người qua lại thân mật với nhau và sau hơn một năm đã cùng nhau lập gia đình. Hai vợ chồng sống những ngày tháng thật êm đềm, đứa con đầu lòng được sinh ra trong tình yêu thương nồng cháy. Nam và vợ thuê một căn nhà nhỏ gần chợ Đông Ba, vợ Nam bán vải, cuộc sống tràn trề hạnh phúc.   
Đầu năm 1970, chiến cuộc gia tăng cường độ, khu vực giới tuyến được giao cho các binh chủng tinh nhuệ trấn giữ, Sư Đoàn 1 rút về tăng cường các tỉnh phía Nam Quân Khu 1. Trong một cuộc hành quân tại khu vực đồi núi phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, trung đoàn của Nam đụng mạnh với Lữ Đoàn 52 chủ lực của quân cộng sản từ miền Bắc xâm nhập vào vùng Ba Tơ - Minh Long. Không may trong một trận đánh cánh quân của Nam bị lọt vào ổ phục kích, đại đội của Nam bị thiệt hại nặng, hơn phân nửa binh sĩ bị thương hay bị thiệt mạng, trong đó có Nam.   
Khi tiến vào khu vực Minh Long, nghe tiếng pháo lệnh của địch quân phía trước, đại đội của Nam phân tán ra hai bên nằm rạp xuống đám cỏ tranh trong rừng quan sát. Chỉ trong tích tắc sau đạn pháo và đạn cối của địch quân ào ạt rót xuống cánh quân của Nam đang nằm. Anhnào lanh chân thì nhảy vào các hố đạn pháo vừa nổ ẩn nấp, những anh em khác thì đành chịu trận. Khói bụi bay mù mịt, không ai thấy gì cả, mùi thuốc súng và mùi tanh của máu bốc lên khó chịu. Tiếng la ơi ới. Pháo kích xong vừa xong, cộng quân liền tổ chức xung phong, chúng la hét vang trời. Chốt kháng cự nơi Nam trú ẩn bị trúng một quả B40, hai đồng đội bị chết liền tại chỗ. Nam chỉ thấy một vệt lửa chóa lên trước mắt rồi nằm im bất động.   
Khi tỉnh lại tại Quân Y Viện Qui Nhơn, Nam mới biết mình bị mù hai mắt và cụt một chân dưới gối. Những ngày đầu buồn bã vô hạn, ý định tự tử len lỏi vào đầu của Nam nhưng nghĩ đến vợ con, Nam hy vọng các bác sĩ sẽ chữa lành con mắt còn lại. Mỗi tuần vợ Nam đón xe từ Huế vào Qui Nhơn thăm anh một lần. Khi thì đi một mình, khi thì dẫn đứa con trai theo, Nam cũng cảm thấy đôi phần an ủi. Không lúc nào như lúc này, tình thương yêu của vợ con đối với Nam thật là cần thiết. Mỗi lần được vợ con đến thăm, Nam cứ muốn giữ lại bên mình vĩnh viễn. Nam chỉ tiếc là không còn nhìn được diện mạo của mình để biết mình bị thương phế đến mức nào, Nam chỉ biết mình bị mù cả hai và mất một chân.   
Hơn một tháng nằm điều trị, vết thương trên người của Nam đã bình phục, người ta làm chân giả cho Nam tập đi và còn được hướng dẫn cách đi của người mù. Cuối cùng bác sĩ cho Nam xuất viện trở về Huế. Nam trở về đời sống thường dân với những bước chân chập chững của người tàn phế. Sau một thời gian, Nam không hòa nhập với cuộc sống mới, Nam bị mặc cảm và thường hay gắt gỏng với vợ với con vì những chuyện không đâu. Thêm vào đó, vì chuyện sinh kế vợ của Nam thỉnh thoảng phải đi vắng nhà mua hàng ở Đà Nẵng, giao con lại cho Nam chăm sóc. Vợ của Nam làm sẵn thức ăn sẵn, dặn Nam tắm rửa và cho con ăn cho đúng giờ đúng lúc. Cuộc sống càng lúc càng khó khăn, vợ của Nam vắng mặt luôn làm Nam ghen tức, hay nổi giận bất tử và có lúc đã vung vài cử chỉ thô bạo với vợ. Quan hệ vợ chồng từ đó trở nên lạnh nhạt, hai người không còn ngủ chung giường và không ai nói với ai lời nào. Giận vợ và bất mãn với chính mình, Nam không đi đâu hết, cứ ngồi lì ở nhà và cũng không muốn tiếp một ai, bạn bè họa hoằn lắm cũng chỉ một hai người đến thăm. Cảm thấy không thể hội nhập vào cuộc sống bình thường và không khí trong nhà khó thở, Nam xin vào trại hồi lực để tìm quên với những người bạn cùng cảnh ngộ.   
Một buổi chiều kia, vợ Nam dẫn con vào Trung Tâm Hồi Lực 2 thăm Nam như thường lệ. Hôm đó Nam linh tính như có một chuyện gì xảy ra mà chưa đoán ra được. Vợ Nam ít nói hơn, không ở lâu như mọi khi và bảo đứa con ở chơi với cha để ra ngoài mua thuốc hút. Dạo sau này vợ Nam bắt đầu hút thuốc lá. Thấy lâu rồi mà vợ chưa trở lại, Nam dẫn con ra ngoài cổng hỏi thăm thì người lính gác cho biết thấy vợ của Nam vừa ra khỏi cổng liền đón chuyến xe đò vừa chạy tới. "Như vậy là vợ tôi đã bỏ cha con tôi rồi", Nam bần thần than thở với người lính gác và thầm trách người bạn đời. Nam dẫn con trở về phòng, ngôi yên thật lâu không nói lời nào. Thằng con chạy nhảy chung quanh một hồi rồi kêu đói, Nam tìm cho nó mấy miếng bánh bích qui cho nó ăn đỡ. Nam vẫn ngồi lặng thinh bất động hàng giờ trên giường, suy nghĩ cách nào nuôi con. Đứa trẻ ăn xong, chạy tới chạy lui khóc lóc tìm mẹ, sau cùng mệt quá nó ngủ vùi trong vòng tay của cha.   
Từ đó hai cha con sống chung với nhau trong căn phòng nhỏ bé của trại hồi lực. Ban giám đốc trại hay biết chuyện này cũng làm ngơ để cho đứa bé ở lại với người cha tàn tật và còn cho tăng thêm phần ăn. Mỗi khi có phái đoàn nào đến thăm, đứa con của Nam được mọi người chiếu cố tặng cho nhiều bánh kẹo và áo quần mới. Hoàn cảnh của Nam được nhiều người thương cảm, anh em trong trại mỗi khi có thân nhân vào thăm đều dành một ít bánh quà tặng lại cho cha con.   
Nam không còn tinh thần để trò chuyện với anh em trong trại như trước nữa. Mỗi khi chiều về, đứa con chạy về phòng ngủ, Nam ngồi lặng hằng giờ vuốt lưng cho con ngủ mà nước mắt cứ chảy dài trên gương mặt xấu xí. Cảm thấy không khí tại đây buồn bã, thương cho thằng con sớm bơ vơ vì không có mẹ cận kề chăm sóc, Nam xin chuyển về Trung Tâm 3 Hồi Lực ở Sài Gòn và tình cờ gặp lại tôi.   
Năm 1972, chị Kiều Mỹ Duyên, phóng viên nhật báo Hòa Bình do một linh mục làm chủ nhiệm, đã viết nhiều bài phóng sự về cuộc đời của anh em thương bệnh binh ở Tổng Y Viện Cộng Hòa rất hay, trong đó có câu chuyện đầy thương tâm của Nam, để vận động sự giúp đỡ. Nam được chính phủ cấp cho một căn nhà trong Làng phế binh Thủ Đức, cạnh Nghĩa Trang Quân Đội. Hai cha con, nhờ tiền cấp dưỡng, tạm sống qua ngày. Tôi thì vẫn ở lại với anh em trong trung tâm vì vẫn còn độc thân.   
Năm 1975, trời tháng tư trở nên nóng bức, không có gió. Ngày thì rực lửa, đêm thì khó chịu. Tin tức chiến cuộc ngày càng lo âu. Phan Thiết bị thất thủ, ông tướng này bị bắt, ông tá kia bị quản thúc. Quân cộng sản đã vào đến Long Khánh và Lái Thiêu nhưng bị chặng lại vì sự chống trả mãnh liệt của các Sư Đoàn 5, 18 và 25 bộ binh quyết giữ ải địa đầu của Sài Gòn. Nhưng rồi họ cũng tiến quân vào đến Biên Hòa, thủ đô Sài Gòn chỉ còn trong gang tấc, một sớm một chiều sẽ lọt vào tay quân cộng sản mà thôi. Tôi được một số bạn bè cho biết tình hình không còn sáng sũa chút nào, nhưng tất cả đều phó mặc cho số phận. Ý tưởng chính phủ Mỹ không bỏ rơi miền Nam vẫn còn được nhiều người hy vọng. Một số người khác còn nhắc đến những điều khoản vừa mới ký kết trong Hiệp Định Paris hồi đầu năm 1973, v.v...   
Nhưng chế độ miền Nam đã bị lung lay nhưng không ai biết. Vài ba thằng bạn được gia đình tới rước về vội vã đến từ giã tôi. Mấy người hàng xóm gần quân y viện cũng lo thu xếp đồ đạc, giao nhà giao cửa cho người khác trông nom rồi dẫn cả gia đình ra phi trường chờ được di tản sang Mỹ. Nhiều người khác còn lưỡng lự giữa đi hay ở vì còn bận cha, vướng mẹ già, con dại không ai nuôi dưỡng. Hàng ngày, những chuyện này xảy ra trước mắt và nơi trang nhất báo chí đăng những tin tức và hình ảnh dòng người di tản trong hỗn loạn làm cho anh em trong trại càng thêm hoang mang.   
Còn ba ngày nữa là hết tháng 4. Vào hồi giữa khuya, tiếng còi báo động của nhà máy xi-măng Hà Tiên phát ra liên hồi. Trong làng phế binh nơi Nam ở, mọi nhà đều thức dậy, nhốn nháo. Có nhà mở hé cửa ra nhìn ra đêm tối, có nhà bật đèn sáng trưng để xem động tỉnh thế nào. Tiếng còi báo hiệu trận đánh Sài Gòn bắt đầu. Từ trong đêm tối quân cộng sản dùng xe tăng và xe tải tiến sát vào các vùng ven đô. Tiếng đại pháo và tiếng súng nhỏ nổ lách tách suốt dọc xa lộ Biên Hòa và sông Sài Gòn. Một số anh em chạy ra ngoài lắng nghe và bình luận tiếng súng của hai bên, anh em phân biệt tiếng súng AK và M16, tiếng đạn phóng hỏa tiễn M72 và B40 để biết địch quân đang tiến tới đâu và phe ta đã kháng cự như thế nào. Từ xa vang rền tiếng nổ máy rầm rầm của các loại xe tăng, xe vận tải, cộng thêm tiếng "đề ba" đại pháo của hai bên, tiếp theo sau là những tiếng nổ ầm ầm, nhiều đốm sáng đỏ rực chiếu lên ở một góc trời. Phi trường Tân Sơn Nhứt và Bộ Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam đang bị pháo kích. Trên trời những tia lửa do trực thăng bắn rốc kết xẹt lên lia lịa, thêm vào đó là tiếng đạn đại liên như bò rống từ trực thăng bắn xuống những vùng địch đóng. Bầu trời cứ chiếu sáng liên hồi những đốm lửa rực đỏ. Chiến tranh đang về đến Sài Gòn, có lẽ lần này là lần quyết định.   
Tại Trung Tâm Hồi Lực 3, chúng tôi cũng rất hoang mang. Các dãy nhà đều tắt đèn. Nằm trên giường, tôi lắng tai nghe tiếng "đề ba" của pháo từ các tiểu khu Gò Vấp, Thủ Đức bắn yểm trợ các đơn vị bạn. Tiếng đạn đại pháo bay rít trong đêm tối nổ ầm ầm dọc theo sông Rạch Cát, Rạch Chiếc và xa lộ Biên Hòa. Lòng tôi lo lắng, tôi thao thức luôn đến sáng. Sáng sớm hôm đó, một vài người trong làng phế binh Thủ Đức chạy vào trại cho biết mọi người trong làng đều xôn xao, nhiều người đã chuẩn bị hành trang sẵn sàng ra đi nếu xảy ra trận chiến cận kề. Dân trong làng có những kẻ hiếu kỳ lấy xe đạp, xe Honda chạy vòng qua ngã chợ Thủ Đức để coi và quan sát tình hình như thế nào. Những tin tức sốt dẻo từ những người này mang lại càng cho dân làng thêm lo lắng. Đường xa lộ từ ngã tư Bình Thới hướng Sài Gòn đã bị cô lập, cấm đi từ rạng sáng. Một vài cây cầu bị giựt sập, nhiều đường khác bị tắt nghẽn vì bị xe tăng M40 và thiết giáp M113 cản đường. Chỉ tiếc là những người chạy vào trại báo tin không ai biết hiện giờ cha con của Nam ở nơi đâu và đang làm gì.   
Nỗi bàng hoàng và thất vọng càng lớn khi sáng ngày 30-4-1975 nghe ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trên đài phát thanh. Thu mình trên chiếc xe lăn, tôi ngồi bên cửa sổ ở hàng hiên, suy nghĩ miên man từ chuyện này sang chuyện nọ. Tôi không còn nước mắt để khóc cho quê hương và cho chính tôi. Mọi chuyện rồi cũng có ngày kết thúc, nhưng lần này chúng kết thúc trong bi thương. Anh em phế binh chỉ buồn cho thân phận không may của mình. Thôi, đã mất tất cả rồi. Quốc gia này còn mất sá gì thân phận hèn mọn của mình, tôi gượng gạo mỉm cười khi bất chợt gặp một vài người thân quen. Anh em trong trại không ai buồn nói với ai lời nào, mỗi người đều có những ưu tư riêng. Phải sống như thế nào đây trong những ngày sắp tới? Đó là câu hỏi mà mọi anh em chúng tôi đều đặt ra cho chính mình.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 26**

Hòa bình" đã đến rồi. Thật là cay đắng. Ngoài đường, người ta qua lại bàn tán huyên thuyên không như những ngày bình thường khác. Tiếng xe cộ, tiếng cười, tiếng nói nổi lên ồn ào giữa những đoàn quân xa của bộ đội cộng sản. Tôi thấy cuộc chiến này sao thật vô nghĩa. Không biết bao nhiêu người đã ngã gục trên chiến trường, hy sinh xương máu cho chính nghĩa tự do bỗng chốc phải cúi đầu nhường chỗ cho quân địch bước qua. Sự thực đã rõ ràng, miền Nam đã mất và lịch sử đã sang trang. Thật là lạ khi gặp lại một số bạn bè thân quen đồng cảnh ngộ, họ vui mừng cười nói huyên thuyên vì cuộc chiến đã chấm dứt, họ tin rằng hòa bình sẽ trở lại vĩnh viễn và đất nước sẽ không còn những thảm cảnh đau buồn. Cho dù đó là sự thật đi, thân hình tàn phế của họ có gì khá hơn hay cũng chỉ là những kẻ thừa thải đứng hờ bên lề cuộc sống.   
Vui mừng chưa được bao lâu, một đoàn xe Molotova chạy thẳng vào trại. Viên sĩ quan chỉ huy bộ đội kêu gọi tất cả anh em trong trại ra trình diện. Anh em phế binh kẻ chống nạn, người đẩy xe lăn, người thì được thân nhân dìu ra bãi cỏ trước trại ngồi nghe "huấn lệnh". Viên sĩ quan này cho biết anh em chỉ có 24 giờ để rời khỏi nơi đây, ai ở quê nào thì trở về quê đó, ủy ban quân quản sẽ trưng dụng trung tâm này làm căn cứ quân sự. Nói xong, bộ đội miền Bắc chiếm đóng tất cả các ngõ ngách, kiểm soát mọi người. Thế là mạnh ai nấy tìm đường rời khỏi nơi đây. Tôi đón xe Honda ôm về làng phế binh cạnh cầu Rạch Chiếc ở tạm với gia đình thằng bạn thân. Tôi cứ thắc mắc là tại sao gia đình tôi không ai vào đây đón tôi về nhà và cũng rất buồn vì không có tin tức của Nam. Nhưng rồi những biến cố dồn dập vừa mới xảy ra làm tôi quên bẵng.   
Ngày đầu tháng 5-1975, giông tố nổi lên dữ dội. Lợi dụng khí trời mát mẽ, tôi rủ thằng bạn thân lấy chiếc xe đạp chở tôi về Sài Gòn, trước hết là để xem sự tình, sau là tôi về thăm mẹ tôi. Chắc là mẹ tôi đang mong chờ tôi trở về lắm. Trước đó hơn hai tuần, mẹ tôi cho người nhắn bảo tôi về nhà ở lại với mẹ vìà không an lòng chút nào khi thấy tôi sống ở đây một mình. Nhưng lúc đó tôi hy vọng sẽ được chính phủ đưa đi nơi khá an toàn hơn vì chúng tôi là những người tàn phế phải được ưu tiên giúp đỡ. Tất cả chỉ là viễn mơ, trong lúc loạn lạc mạnh ai nấy lo, cụt què như chúng tôi chỉ có thua thiệt.   
Thằng bạn bị cụt một tay, hai chân còn nguyên vẹn. Nó đạp, tôi lái. Xa lộ Biên Hòa giờ này không đông người qua lại. Tôi thấy rơi vãi đó đây những bộ quần áo lính đủ loại binh chủng. Những cái nón sắt, những cây súng, băng đạn cùng những quân trang, quân dụng, thuốc men và giấy tờ vung vãi trên đường. Những chiếc giày vải, giày bốt, ba lô, bao bị văng tứ tung trên mặt đất. Trong những giây phút hốt hoảng tinh thần khi nghe tin Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh kêu gọi anh em binh sĩ buông súng, chắc những người này sợ bị bắt làm tù binh và sẽ chịu những cuộc trả thù đẫm máu nên đã vứt bỏ những vật dụng liên quan tới cuộc đời chiến binh. Tôi thấy từng đoàn người đàn ông ăn mặc lếch thếch đi dọc hai bên xa lộ, có người chỉ mặc chiếc áo bên dưới là quần thun ngắn, có người đi chân đất và nhiều người chỉ mặc cái quần dân sự đi mình trần. Có lẽ họ đã vào nhà dân xin đại một bộ áo quần nào đó để mặc rồi đi bộ về Sài Gòn. Thật là buồn, một quân đội hùng mạnh được xếp vào hàng thứ năm trên thế giới nay ra nông nỗi này. Thất bại nào nhục nhã hơn.   
Đi lần về phía nhà máy xi-măng Hà Tiên, tôi thấy xác một chiến xa M48 bị bắn cháy đen thùi, hai khẩu pháo 105 ly nằm trước sân nhà máy, nòng súng hướng thẳng lên trời, vỏ đạn lăn lóc đầy mặt đất. Xác nhiều chiến sĩ Địa Phương Quân nằm rải rác đó đây, ruồi bu đen kịt. Bên kia xa lộ, dưới bờ mương và trong bụi dừa nước cạnh bờ sông Rạch Chiếc, xác một vài chiến binh nằm chết úp mặt. Tiếng súng cuối cùng vừa chấm dứt, trận chiến đã kết liễu, xác thân các chiến sĩ hai bên thù địch nằm phơi ra đó không ai buồn đến nhận diện, thật là đau xót. Chết trong giờ thứ 25 này không gì bất hạnh cho bằng. Giờ này đây chắc mẹ cha, vợ con, anh em các anh đang ở nhà trông ngóng, mong các anh đoàn tụ gia đình.   
Đứng trước thảm cảnh này, tôi không ngăn được xúc động, xót thương cho kiếp người phù du, ngắn ngủi. Tôi chỉ biết thầm cầu nguyện và thúc bạn tôi đạp xe nhanh hơn. Lòng mong muốn được gặp mẹ càng nung nấu trong tôi. Càng đi về gần Sài Gòn, xác các đoàn quân xa choáng cả đường đi, súng đạn, áo quần và đồ đạc nằm la liệt trên mặt đường.   
Cuối cùng chúng tôi cũng vào đến Sài Gòn. Trên đường xe cộ qua lại đông đúc hơn bình thường, không còn ai tôn trọng luật đi đường gì nữa. Từng toán bộ đội thân hình gầy gò, đầu đội nón cối, mặc áo quần màu xanh lá rộng thụng thịnh mang dép râu vác súng đi tuần ở khắp các nẻo đường. Xe tăng, xe Molotova đậu ngổn ngang hai bên lề đường. Một không khí ngột ngạt bao trùm Sài Gòn. Chúng tôi đi về phía Chợ Lớn. Vào con hẻm cũ, mẹ tôi đã đi vắng từ hồi nào. Hỏi thăm bà con lối xóm, họ cho biết vào những ngày cuối tháng tư chị hai tôi xuống dẫn mẹ tôi đi. Đi đâu thì không ai biết. Đứng trước căn nhà đóng kín cửa, tôi buồn bã rủ anh bạn ra ngoài quán cóc uống một ly cà phê, ăn qua loa một tô mì rồi đạp xe về lại làng phế binh. Tôi nhớ thương mẹ già nhưng cũng lo lắng cho cuộc sống của tôi trong những ngày sắp tới. Ai trả tiền cấp dưỡng cho tôi và ở nơi đâu, đó là hai câu hỏi luôn luôn ám ảnh tôi khi rời khỏi con hẻm. Cũng may, vì ở trong trung tâm tôi ít tiêu xài nên cũng dành dụm được chút đỉnh nên cũng đủ để tiêu xài ít ra trong một vài tháng.   
Giữa tháng 6-1975, dân chúng trong làng phế binh Rạch Chiếc lại một phen kinh hoàng. Tin đồn ủy ban quân quản sẽ đuổi tất cả dân cư ở tại đây ra đi và bộ đội cộng sản vào chiếm giữ khu cư xá này làm tinh thần mọi người dao động mạnh. Làm sao không tin được, những người từ các tỉnh đã mắc kẹt trong các ngày cuối cùng về đây cho biết làng phế binh tại các tỉnh đều đã bị bộ đội cộng sản chiếm đóng. Dân chúng bàn tán xôn xao. Cũng nên nhắc lại là dân cư trong làng là những người phế binh từ khắp nơi đã về đây sinh cơ lập nghiệp. Sau những tranh đấu chính đáng, chính quyền miền Nam đã cho xây dựng ngôi làng này và cấp phát miễn phí cho phế binh. Tùy theo hoàn cảnh, mỗi người làm chủ một căn nhà lớn nhỏ để an tâm vui hưởng số ngày còn lại của đời phế binh.   
Giờ đây trong tình cảnh này, ai nấy đều bồn chồn lo lắng, ít nhiều chán nản trước những loại tin đồn như thế. Người này hỏi người kia, chừng nào về quê hay dọn đi nơi khác. Phước Thợ Hàn nắm tay tôi thân mật giã từ, anh vừa mướn được xe chở đồ đạc về quê. "Tôi về chợ Thầy Phó Vĩnh Long, khi nào có dịp về Sài Gòn tôi sẽ ghé thăm anh". Anh Ba Hải Quân thì không muốn đi đâu cả nhưng bà vợ cứ cằn nhằn hoài anh phải nghe theo, gia đình anh đi về quê ở Bến Lức. Dù muốn dù không thằng Năm Què cũng phải về ở với cha mẹ. Năm là con trai một, cha mẹ tuổi già trên bảy mươi, gia đình có bảy mẫu ruộng nếu nó không về thì nhà nước sẽ tịch thu hết ruộng. Riêng anh Chín Lắc thì không còn quê để về, chính phủ cấp phát cho anh một căn nhà tại làng này thì chính nơi này là quê hương. Anh nói phải quyết giữ lấy, không đi đâu cả, dù có bị bắt buộc, chết thì thôi. Anh Sáu Lưu là cựu sĩ quan, đã di tản từ miền Trung về đây hồi tháng 3-1975 cùng với gia đình và vợ con, ở chưa được bao lâu thì đã chuẩn bị lên đường vào trại tập trung học tập cải tạo mười ngày. Sự thực thì anh bị tập trung cải tạo gần mười năm mới được thả về mặc dù là phế binh bị cụt một chân. Mọi người trong lúc này, tùy hoàn cảnh, tùy cuộc sống mà quyết định đi hay ở lại trong làng.   
Cuối cùng tin đồn bị đuổi ra khỏi làng phế binh trở thành sự thật. Khoảng cuối tháng sáu, ủy ban quân quản huyện Thủ Đức cử một toán bộ đội và du kích vào đây triệu tập bà con ra giữa sân rồi tuyên bố mọi người phải dọn ra khỏi nơi này trong vòng một tuần lễ. Trong thời gian đó, ủy ban quân quản dành ưu tiên cho những gia đình tình nguyện đi lập nghiệp trên vùng kinh tế mới ở Sông Bé.   
Đầu tháng 7-1975, khoảng 3 giờ khuya, dân chúng trong làng đã tụ tập trước sân cùng với đồ đạc để chờ đoàn xe vận tải chở đi lên vùng kinh tế. Quang cảnh thật ồn ào, nhộn nhịp. Chẳng ai ngủ được bao nhiêu kể cả con nít, mọi người đều lo lắng cho tương lai với cuộc sống mới. Kinh tế mới là gì, chẳng ai biết cả. Nhà nước biểu đi thì đi. Người ta đi thì mình cũng đi. Một số gia đình nghèo đã bán hết đồ gia dụng, bàn ghế, tủ giường... với giá rẻ để có tiền dằn túi khi đến nơi mà tiêu xài.   
Những cái bắt tay, những câu giã từ cùng những lời nói vội vàng của các bạn bè, hàng xóm để bước lên xe cùng với gia đình đi vùng kinh tế mới vang lên liên tục. Đoàn xe lăn bánh. Chiếc xe cuối cùng vừa khuất nẽo, tôi miên man liên tưởng khi đến nơi các bạn tôi sẽ làm việc gì để sinh sống với tấm thân què cụt. Trong khi đó, có anh bạn bị mù hai mắt, có anh bị cụt hai tay cũng xin đi vùng kinh tế mới, các anh có cày cuốc được gì đâu mà cũng xin đi về vùng đất chết. Họ tình nguyện đi vì không muốn sống chung với kẻ thù hay vì hy vọng có một cuộc sống khá hơn?   
Những người còn ở lại trong làng phế binh phải đương đầu với hoàn cảnh mới. Gia đình anh Bảy Ca, người cho tôi tạm trú đã giao hẳn căn nhà cho tôi cùng với giấy tờ, đã đăng ký đi vùng kinh tế mới hồi sáng nay. Anh Bảy dặn là tôi cứ ở lại giữ nhà, khi nào yên thì anh sẽ về lại đây, tôi ừ à cho qua chuyện. Thật ra tôi cũng chẳng thiết giữ căn nhà này làm gì vì không đủ sức trang trải những chi phí điện nước và ăn uống hằng ngày. Tôi có ý định rủ Nam cùng đứa con về đây ở chung, nhưng Nam cũng đã được cấp một căn nhà ở làng phế binh lớn nhất trên Thủ Đức rồi. Tôi chỉ biết thở dài lo âu.   
Tin đồn nhà nước cộng sản lấy hết nhà trong làng trở thành sự thực, ủy ban quân quản huyện Thủ Đức đã chính thức vào tiếp thu và chia khu vực, lấy những khu nhà vắng chủ cấp phát cho một số đơn vị bộ đội vào ở. Dân cư lại một lần nữa phải sắp xếp đồ đạc dọn nhà. Những gia đình ở trong khu vực bị lấy nhà được hoán đổi sang những căn nhà bỏ trống ở các con đường khác. Có người phải đổi nhà, dọn nhà tới hai lần. Trong làng, không khí im lìm vắng vẻ. Chỉ còn một vài gia đình quyết định ở lì trong làng phế binh, trong đó có tôi vì không có thân nhân. Mẹ và chị hai tôi giờ này không biết ở đâu.   
Cuộc sống trở nên khó khăn. Một hôm Nam cùng thằng con nhỏ từ Làng Phế Binh Thủ Đức tìm đến thăm tôi, cùng sống chung với tôi mấy ngày. Làng phế binh nơi Nam ở cũng đang bị giải tỏa, Nam cho biết sẽ về lại quê cũ ở nhờ nhà người chị thứ ba, người thương Nam nhất. Mặc dù không thấy đường, Nam kể lại cho tôi nghe những mẫu chuyện thương tâm mà Nam đã nghe và chứng kiến.   
Ngày sau khi tôi rời Trại B Trung Tâm 3 Hồi Lực, Nam vào lại trại thăm tôi cùng bạn bè và định ở lại chơi vài hôm. Nhưng bộ đội gác cửa không cho ai vô, Nam đành dẫn con ra ngoài quán nước bên cạnh ngồi nghỉ. Tại đây Nam được một anh bạn phế binh cũ đến chào hỏi thăm. Anh bạn này bị cụt một tay không có thân nhân nên được gia đình chủ quán tốt bụng cho ở tạm, hằng ngày anh ra đây phụ lau chùi bàn ghế và phụ bếp. Nam hỏi thăm thì biết tôi đã về làng phế binh Rạch Chiếc và hôm nay đến thăm tôi.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 27**

Theo lời Nam kể lại, vào xế chiều ngày 1-5-1975, sau khi những người cuối cùng trong trại thu xếp đồ đạc chuẩn bị về nhà, một tiếng nổ vang ầm từ ngoài sân vọng vào, ai nấy đều giật mình. Một phế binh mếu máo chạy vào báo tin hai anh bạn cụt hai chân ngồi chung trong chiếc xe lăn đã ôm một trái lựu đạn tự sát. Lúc đó Nam có nghe người bạn phế binh nhắc đến tên hai anh đó nhưng vì tâm thần bất an nên đã quên tên. Có người nghe lời trăn trối cuối cùng của hai anh trước khi tự sát kể lại rằng các anh quá thất vọng và chán chường vì đã mất tất cả, các anh không muốn sống chung với cộng sản nên đã quyết định bung chốt lựu đạn cùng nhau đi vào cõi chết. Nam nói họ đúng là những con người đầy nghĩa khí, bất khuất không muốn đầu hàng quân địch. Toán bộ đội gác cửa chạy vào, mắng chửi những anh em còn lại và xô đẩy tất cả mọi người ra ngoài để lục soát, truy tìm vũ khí. Từ đó phòng nào cũng có một bộ đội đứng gác và thúc dục những người còn lại thu dọn đồ ra đi.   
Nam cũng cho tôi biết ca sĩ Vân Sơn đã tự sát. Trước đó tôi đã có nghe nhiều tin đồn về anh, mỗi người thêu dệt một cách, có người nói lộn cả tên anh. Thực là ca sĩ Vân Sơn trong ban nhạc AVT đã nhảy xuống sông Thị Nghè tự vẫn. Ban nhạc AVT gồm có ba người là Vân Sơn, Tuấn Đăng, Lữ Liên, đó là ban tam ca nổi tiếng về những ca khúc châm biếm sâu sắc nhẹ nhàng.   
Sau vài ngày ở chơi với tôi, Nam và đứa con trai giã từ tôi về lại quê cũ sống nhờ người chị thứ ba chờ thời. Đời sống vùng quê Nam lúc ấy còn thấp kém lắm. Tất cả ruộng rẫy đều phải vào hợp tác xã, làm ăn tập thể chứ không được làm cá nhân. Gia đình chị Ba của Nam cũng như bao gia đình nghèo khó khác lâm vào hoàn cảnh khó khăn, phải ăn độn. Cả nhà làm quần quật suốt ngày mới có miếng ăn. Nam cảm thấy không khí ở đây ngột ngất khó chịu vô cùng. Mặc dù là người tàn tật, Nam vẫn không được chính quyền cho mua gạo giá chính thức, phải mua gạo giá chợ đen. Biết ở nơi này khó sống, không thích hợp với hoàn cảnh của mình, Nam xin phép chị dẫn con trở về thành phố sinh sống.   
Ban đầu Nam có ý định điđi lậu vé để đỡ tốn tiền, bớt đồng nào hay đồng nấy. Trong túi Nam chỉ còn chút ít tiền, không đủ chi dụng khi vào đến Sài Gòn. Hàng ngày, thằng con nhỏ dẫn Năm đi xin ăn từ làng này sang làng nọ dọc theo quốc lộ. Cứ như thế, ban ngày đi ăn xin, chiều về hai cha con kiếm các sạp chợ, hoặc các hàng hiên tạm ngủ qua đêm. Đi đường mệt nhọc, Nam dừng lại ở một vùng nào đó để nghỉ ngơi, có khi kéo dài khoảng một tuần lễ, vì vậy ròng rã hơn cả hai tháng Nam cùng con mới về đến Sài Gòn.   
Trở về căn nhà cũ ở làng phế binh, bộ đội gác cửa đuổi hai cha con đi. Nam sực nhớ tới một người bạn ở một xóm nhỏ trong khu ổ chuột gần cầu Chữ Y, quận 8. Gặp lại bạn cũ, gia đình anh vui vẻ chia sẻ với Nam căn nhà chật hẹp. Đời sống dân chúng ngày càng khó khăn, một số dân trong xóm đã đi vùng kinh tế mới, những người còn lại sống khắc khoải trong cảnh nghèo khó, ngày hai bữa ăn độn bobo. Mặc dù thiếu thốn, tinh thần đùm bọc chòm xóm vẫn mặn mà.   
Với thân phận mù lòa và con còn nhỏ dại, Nam phải làm nghề gì đây để mưu cầu cuộc sống, trong khi đó ngoài xã hội biết bao nhiêu người lành lặn kiếm việc không ra. Tiền cấp đưỡng phế binh đã bị cúp từ lâu, Nam đành chấp nhận số kiếp ăn xin. Mỗi lần đi xin là mỗi lần tủi hổ, sáng sáng hai cha con lê lết từ quận này sang quận nọ, từ ngày này sang tháng nọ, van xin người dưng bố thí. Ròng rã hơn mười năm đi ăn xin cùng với cha, vui buồn lẫn lộn có nhau, thằng con Nam nay đã lớn. Tội nghiệp cho nó, vừa mới ra đời chưa được bao lâu thì bị mẹ bỏ rơi, cha thì tàn phế. Đáng lẽ nó phải được hưởng sự hồn nhiên, vô tư của tuổi học trò, hăng hái chạy nhảy tung tăng vui đùa cùng chúng bạn bè đồng trang lứa, nhưng nó không có may mắn đó. Tuổi thơ của nó chỉ biết nghèo hèn và tủi nhục, cuộc đời trẻ thơ đã sớm trải qua gió bụi phong trần, chưa bao giờ biết đến mộng mơ. Cũng chính nhờ đó đứa con của Nam đã hiểu cuộc đời sớm hơn những đứa trẻ cùng trang lứa.   
Thấy con nhiều lần biết ngập ngừng trong lời ăn tiếng nói khi gặp người quen thấy nó dẫn cha đi ăn xin, Nam biết con mình đã lớn. Không thể dẫn con đi theo mình như vậy được nữa, chỉ làm cho nó thêm mặc cảm, Nam gởi con vào nhà người anh họ, nhờ giúp tìm cho nó học một nghề để tự lập tiến thân. Hàng ngày Nam dong ruỗi một mình, cầm gậy đi qua các đường phố rao bán vé số để dành tiền cho con học nghề. Nam chỉ mong sao cho tương lai của con được tốt đẹp vinh hiển để bù đắp những ngày thơ ấu, xa mẹ, thiếu thốn và khổ nhọc, và nhất là không phải sống tủi nhục như cha nó.   
Về phần tôi, hơn hai năm qua vì mãi bận rộn với miếng cơm manh áo, tôi chưa có dịp vào thăm anh Nhứt Mù, nhà ở Thủ Đức cách nơi tôi ở không xa. Một ngày nọ nắng trời dịu xuống, tôi rủ thằng bạn cùng vào thăm anh Nhứt Mù. Anh Nhứt là bạn thân của Nam cùng nằm chung phòng trong bệnh viện ở miền Trung và cũng là thân quen với tôi từ nhiều năm qua. Trong lần từ giã trước biến cố 30-4-1975, Nam chí tình dặn bảo tôi thỉnh thoảng phải tới thăm anh Nhứt cùng gia đình, nếu giúp được gì thì cứ giúp, đời sống gia đình anh rất khó khăn. Đón xe Lam tới nhà anh, chúng tôi mất hơn nửa tiếng. Tới đầu con xóm nhỏ hỏi thăm gia đình anh Nhứt Mù ai cũng biết. Nhà của anh cách nghĩa địa không xa bao nhiêu, đứng ngoài đường cái nhìn vào những chòm mả thấy được căn nhà của anh thấp thoáng sau mấy hàng cây khuynh diệp.   
Đường đi vào nhà anh Nhứt Mù quanh co, gập ghềnh mô đất và ổ gà. Vào những ngày trời mưa, đường đi càng trơn trợt, lầy lội và bùn sình. Chúng tôi đi lần vào tới trước nhà, cỏ mọc hoang dại, tràn lan ở phía ngoài sân vì không có ai phát cỏ. Căn nhà của anh Nhứt từ lâu lắm rồi không được tu sửa nên có phần xiêu vẹo. Vách nhà bằng lá đã mục nát, mấy miếng nẹp cây cột bị lệch lạc vì sút dây kẽm. Mái nhà lợp bằng tôn thiếc, nhiều tấm đã rỉ sét, có tấm lũng lỗ chỗ. Mỗi khi trời mưa, căn nhà bị ngập ướt nước. Nhà anh Nhứt bây giờ trống trước trống sau, không có tủ thờ, bàn ghế và bộ ván ngựa như năm xưa. Anh đã bán lần hồi những đồ đạc có giá để lấy tiền mua gạo nuôi đàn con thơ dại. Hai ba chiếc ghế sút gọng, gãy chân được chấp vá bằng mảnh cây tạp nhạp, đặt dựa vách nhà. Một cái giường cũ kỹ, giát giường kêu cọt kẹt lúc lắc mỗi khi ngồi lên, được để nằm sát cửa sổ, đây là nơi duy nhất để đón tiếp khách, bè bạn. Ngoài ra căn nhà không còn một vật dụng gì nữa. Đỡ một chút là nền nhà được tô láng bằng xi-măng, tối đến cả nhà trải chiếu trên nền nằm lăn ra ngủ.   
Anh Nhứt là lính Sư Đoàn 25 Bộ Binh, bị mù hai mắt vì mảnh đạn B40. Sau khi giải ngũ, anh được chính phủ cấp dưỡng chu đáo, về sau có người bà con cảm thương tình cảnh bảo anh về đây cất nhà mà ở thay vì vào làng phế binh. Từ đó gia đình anh về trong căn nhà vách lá, mái tôn trong mảnh đất đầy ao vũng. Dân cư trong xóm lúc đó còn thưa thớt, nhà ở cách khoảng, mọi người đều thương mến gia đình anh vì anh ăn ở hết lòng với họ. Anh Nhứt trước khi bị trọng thương có ba đứa con được sinh ra trong một trại gia binh, khi giải ngũ về xóm này ở thì sinh thêm ba đứa khác, như vậy anh có cả thảy sáu đứa con.   
Nghe tiếng tôi gọi oang oang ngoài cửa, anh Nhứt lăng xăng bước ra ngoài cửa mà không cần ai dẫn dắt, y như một người sáng mắt. Anh mừng rỡ, nói năng liền miệng, tay dẫn tôi vào nhà, sai con nấu nước rồi tự tay pha trà, rót ra chén một cách thành thạo, vừa đủ không tràn nước. Bạn tôi khẽ mỉm cười rồi ngó tôi gật đầu tỏ ý phục. Anh Nhứt nói từ lâu không có ai vô thăm nên có hơi buồn, nay có chúng tôi đến lòng anh vui lắm, quyết giữ chúng tôi ở lại chơi thật lâu không cho về sớm. Nét mặt anh rạng rỡ, cười nói nhiều hơn mọi ngày.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 28**

Quê hương này thật là bất hạnh

Nghĩ lại cuộc chiến đã qua, xương máu của những chiến sĩ và thường dân đã đổ ra trên đất nước này để rồi được gì? Những năm sau đó là tiếng khóc than do những thiên tai bão lụt, hạn hán gây nên, nạn đói đe dọa,đời sống người dân Việt Nam chỉ là đau khổ. Quê hương này thật là bất hạnh.   
Người Việt Nam cứ im lặng bước tới, dẫm đạp lên quá khứ, giành giật nhau từng miếng sống, mạnh được yếu thua, bất chấp những qui luật sơ đẳng của một xã hội văn minh. Người trong guồng máy chính quyền như những rô bô chỉ biết làm theo mệnh lệnh của cấp trên ban ra ra. Tại sao cũng là con người mà người ta đối xử với nhau tệ hơn loài thú? Những thế hệ thanh niên ngày hôm nay, còn gọi là "thế hệ \*\*\*\*", không còn biết kính nễ những bậc đàn anh, những người sa cơ thất thế, nhất là những người đã từng một thời cầm súng bảo vệ quê hương của họ. Tôi muốn nói đến tập thể những thương phế binh hiện nay, tất cả đều đã lớn tuổi và yếu kém mọi mặt, đang sống những ngày đen tối trong xã hội mới.   
Mỗi lần đi ngang qua những "nghĩa trang liệt sĩ", tôi không khỏi đau buồn cho những "nghĩa trang ngụy quân, ngụy quyền". Đều là người chết nhưng người chết phía bên này thì được tôn vinh, người chết phía bên kia thì bị chà đạp. Đất nước này từ bao năm qua vẫn chưa vượt khỏi tâm lý "được thì làm vua, thua thì làm giặc". Đọc lại sử ký nước nhà mà buồn cho dân tộc. Các triều vua mới luôn tìm cách dày mồ đạp mả các vị vua trước. Ngày nay không ai biết mộ phần các vị vua Đinh, Lý, Trần, Hồ, Mạc hay Lê chôn cất ở đâu. Khi Tây Sơn vừa lên ngôi, họ liền đào mồ tổ tiên các chúa Nguyễn, rồi khi nhà Nguyễn vừa lên thay họ lại đào mộ các vua Tây Sơn, cái vòng lẩn quẩn ấy cứ lặp đi lặp lại. Chế độ cộng sản cũng vậy, vừa cướp chính quyền xong họ liền cho đập phá các bia mộ những người thua cuộc. Các "nghĩa trang quân đội ngụy quân, ngụy quyền" bị cày phá lên để xây dựng những "cung văn hóa". Văn hóa gì khi không tôn trọng những người đã khuất? Chế độ cộng sản được gì khi đào mồ, phá mả những người đã chết. Ai bảo đảm mồ mả tổ tiên, gia đình con cái của họ, những "nghĩa trang liệt sĩ" của họ sẽ còn được giữ nguyên sau này? Nếu không tôn vinh sự hy sinh của những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa thì hãy để yên cho họ nằm nghỉ.   
Nhưng những người cộng sản cầm quyền không nghĩ như vậy, tâm địa của họ rất là thâm hiểm. Họ không những đào mồ, bới mả những người bại trận để trả thù mà còn đem bêu xác \*\*\*\* ở giữa quản trường. Hành động bêu xác người chết ngày xưa chỉ dành cho những tên tội đồ hung ác, có lẽ tội ác của \*\*\*\* quá lớn đối với đất nước nên chính những người đã từng theo ông phải cảnh bêu xác cho người đời nguyền rủa. Mặc dù rất căm hận tội ác của \*\*\*\* nhưng chúng tôi không có dã tâm nhìn người chết bị nhục mạ thêm nữa, đây là tinh thần cao thượng tối thiểu của những người biết suy nghĩ. Tại sao những người cầm quyền ngày hôm nay dám hỗn xược với cả lãnh tụ của họ? Chúng tôi là những người bại trận và đang trả giá cho sự thất bại đó, nhưng vì lòng nhân đạo yêu cầu chế độ cộng sản hãy đem chôn cất xác chết \*\*\*\*.   
Hãy để yên cho người chết chết hẳn trong lòng đất lạnh. Tội lỗi của ông \*\*\*\* hãy để lịch sử phán xét, hơn nữa chính ông là người đã khai sinh ra chế độ cộng sản trên đất nước Việt Nam, vây yêu cầu những người đã từng tôn thờ \*\*\*\* trao trả xác ông cho gia đình chôn cất. Chế độ hiện nay còn dành những vùng đất tốt bán cho ngoại nhân xây nhà cất xưởng, tiếc gì một mảnh đất nhỏ dành cho một người đã chết. Tục lệ Việt Nam ngày xưa thường dành những miếng đất tốt cho người quá cố, nhiều gia đình còn phải đi tìm những vùng địa linh để chôn cất thân nhân. Vậy chúng tôi yêu cầu nhà cầm quyền cộng sản không được xâm phạm đến mồ mả những người đã chết vì tổ quốc miền Nam.   
Tôi chỉ cầu mong sau này, bất cứ phe nào lên cầm quyền hãy để yên những người đã khuất. Nếu chúng ta không tu sửa những mộ phần bỏ hoang thì cũng đừng nên dẫm đạp lên nó. Tội này nặng lắm. Việc thiện ít ai nhớ tới, việc ác khó có người quên. Bài học về cuộc chiến vừa qua đã không vinh quang cho người thất trận và cũng không vinh danh người chiến thắng. Chỉ có dân tộc Việt Nam là nạn nhân của chính sự độc ác của người Việt Nam. Trả thù báo oán chỉ chuốc lại trả oán báo thù, phải vượt ra cái vòng luẩn quẩn của hận thù và tâm địa nhỏ nhen. Đất nước Việt Nam đã ngập tràn tiếng khóc than của trẻ thơ và các bà mẹ, không nên khơi lại vết thương chưa lành và để nước mắt chảy thêm trên những gương mặt thương đau.   
Những người có tham vọng lãnh đạo đất nước Việt Nam sau này phải nhớ bài học ngày hôm nay, hãyngước mắt lên nhìn vào thế giới, các dân tộc khác đang sống trong tự do, hòa bình và sung túc. Nhưng Việt Nam không có may mắn đó. Không ai kỳ vọng gì nơi những người cộng sản, họ đã làm tất cả để nước mắt và hận thù tràn ngập trong lòng mọi người. Không nơi đâu không có tiếng than van vì những chèn ép và áp bức của những người đại diện chế độ. Có lẽ những người lãnh đạo cộng sản nghĩ rằng chế độ của họ sẽ còn kéo dài mãi mãi nên không cần nghĩ tới hậu quả. Các chính sách của chế độ cộng sản hôm nay đang đào sâu hố cách biệt giữa họ với nhân dân. Phải nói gì khi có biến động, ai sẽ bênh vực cho họ và cho con cháu họ không đền nợ máu?   
Không! Quê hương Việt Nam bất hạnh như vậy đã đủ rồi. Chúng ta nên nhìn về phía trước, cùng nắm tay nhau đi trong tình anh em tìm lại. Chúng ta cầu mong những người cộng sản ngày hôm nay trở lại tính người, san sớt nỗi đau của người khác, chia sẻ cái khổ của người khác. Nếu Trời còn có mắt, hãy mở mắt cho những người này, giúp họ trở về đường ngay nẻo chính, dẫn dắt họ ra khỏi sai lầm và tội ác. Nợ máu xương này có thể chuộc lại, hãy giúp họ xây dựng lại tình người. Nhìn lại lịch sử các dân tộc trên thế giới, chỉ những dân tộc nào có lòng bao dung mới tiến xa về phía trước, những dân tộc nào chìm đắm trong hận thù cuối cùng chỉ là những nô lệ của ngoại bang. Ngoại bang cung cấp súng đạn cho các dân tộc kém may mắn tiếp tục cấu xé lẫn nhau, và như thế chỉ nghèo nàn và kiệt quệ đi, trong khi tất cả tài nguyên đất nước bị họ khai thác. Dân tộc Việt Nam xứng đáng có một chỗ đứng vinh quang hơn trước mặt nhân loại.   
Người Việt chúng ta kính trọng tổ tiên và người đã khuất, hãy tổ chức mỗi năm ngày tưởng nhớ tổ tiên. Con không cha như nhà không nóc, tục ngữ Việt Nam thường nói như vậy. Đừng để những người cộng sản đánh mất linh hồn của chúng ta. Dân tộc Việt Nam đâu có hèn mọn, chúng ta đã dám đương đầu với bất cứ bạo lực nào. Nếu hôm nay bạo lực vẫn còn mạnh ngày mai nó sẽ yếu đi. Không bạo lực nào tồn tại mãi với thời gian, chỉ có tình người mới là vĩnh cửu. Nhưng rất tiếc ngày nay trên đất nước này lòng thù hận chất chứa đầy trong tâm khảm mỗi người, chỉ cần một ngòi nổ. Bất cứ vì lý do gì và vào bất cứ thời điểm nào nồi thuốc súng này cũng sẽ bùng nổ, lúc đó quê hương chúng ta chỉ sản xuất quan tài.   
Nhiều lúc quá bực mình trước thế thái nhân tình, tôi trở nên quẩn trí. Lý luận nhiều quá làm tôi điên loạn. Tôi nghĩ đến những trẻ thơ vô tội, sớm mồ côi cả cha lẫn mẹ đang đi lượm từng bao rác hay đang đứng rình rập ở một gùóc chợ chờ một khách hàng khờ khạo đi qua chụp lấy bóp tiền mang về cho những tay đầu nậu để được miếng ăn. Tương lai gì ở những em này, nếu không vào nhà giam thì cũng sẽ gục chết trước bạo lực hè phố. Tôi nghĩ đến những người mẹ đã từng mang nặng đẻ đau, thương xót đứa con vừa mới lớn lên đã vội nằm xuống cho một lý tưởng ngoại lai. Nếu không có những lý tưởng này, con bà đã không chết non và mẹ con bà có lẽ được sống những ngày đầm ấm. Tôi nghĩ đến những đoàn người đã bồng bế nhau trên đường chạy loạn, chạy đi đâu cho thoát kiếp làm người, nhất là kiếp người Việt Nam. Là người Việt Nam sao mỗi chúng ta không có tình người, chúng ta dễ dàng qui kết những người không có cùng suy nghĩ với chúng ta là những kẻ thù. Lý luận này quá đơn giản, kẻ thù ở đâu mà nhiều đến thế, nó chỉ dẫn đến xung đột. Thật sự thì đã có xung đột, hơn bốn triệu người chết và sáu trăm ngàn người bị tàn phế suốt đời, trong đó có tôi. Những người tàn phế như chúng tôi đâu có muốn ăn bám vào xã hội, chúng tôi cũng muốn được sống bình thường như mọi người khác, nhưng làm người Việt Nam trong xã hội ngày hôm nay thật là tủi nhục.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 29**

Muốn được yên thân, chúng tôi phải cúi đầu lẫn tránh những người quyền chức. Thật sự chúng tôi cũng muốn lẫn tránh lắm chớ, nhưng rồi ai cho chúng tôi ăn, ai cho chúng tôi mặc. Chúng tôi cũng là người, không những người như mọi người khác mà chúng tôi đã cống hiến một phần thân thể này cho đất nước được trường tồn. Chẳng may chúng tôi đứng bên này chiến tuyến, bị thua trận nên phải chịu cảnh bất công. Còn những anh em phía bên kia chiến tuyến, gia đình các anh cũng đã chịu nhiều mất mát, thân thể các anh cũng bị thương tật như chúng tôi, chúng ta hơn nhau để rồi được gì. Người Mỹ đã ra đi, chỉ còn lại người Việt Nam với nhau, tại sao các anh lại hà hiếp chúng tôi đến thế? Có lẽ các anh muốn bảo vệ chế độ để hưởng chút quyền lợi nên cứ che mặt hiếp đáp chúng tôi. Làm người ai biết đau, biết đói như nhau và cũng có những ước muốn như nhau. Chúng tôi chỉ ước mong xã hội này tôn trọng nhân cách của mọi người và để chúng tôi được sống bình yên. Vinh dự gì kiếp sống ăn xin, vậy mà cũng chẳng được yên. Nhiều lúc nghĩ đến thân phận làm người, làm người Việt Nam ngày hôm nay thật là bất hạnh. Người ta có thể tàn ác đối với kẻ thù nhưng ở đây người ta tàn ác cả với những người tàn tật. Chỉ tiếc là chúng tôi đã không chết để làm vừa lòng nhiều người, chúng tôi vẫn sống và sự sống của chúng tôi không có lối thoát.   
Nhớ lại những năm tháng còn sống với mẹ cha, đời sống thật là bình yên. Chúng tôi gã là những đứa con bình thường như mọi đứa con trong mỗi gia đình. Chúng tôi đã biết thế nào là "tiên học lễ hậu học văn", hoặc là "công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra", thế nào là Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín... Chúng tôi cũng không quên những lần bị roi vọt hay đùa giỡn, giành giật giữa anh chị em trong nhà. Chúng tôi cũng không quên những tiếng mèo nhe: "Mẹ ơi, Ba ơi" hoặc những câu lễ giáo gia phong: "Thưa Ba con đi học, thưa Mẹ con đi học về". Ôi, còn đâu những kỷ niệm êm đềm trong mái ấm hạnh phúc khi thực trạng của ngày hôm nay chỉ là một đống tro tàn xác xơ. Ôi không biết còn bao nhiêu là thảm trạng, sự sống và cái chết không còn làn ranh, những người trong nước đối xử với nhau như những con dã thú. Nói về dã thú, ít ra chúng cũng còn tình đồng loại, không bao giờ cắn xé, giết chóc lẫn nhau khi một con thú chấp nhận thua thiệt. Đằng này những người thắng đang muốn dày xéo cuộc đời chúng tôi dù đang ở dưới lớp bùn. Thật là đau đớn.   
Nỗi đau này đã kéo dài gần ba mươi năm qua. Nhớ lại năm 1972, từ Quân Y Viện 3 Dã Chiến (Mỹ Tho), tôi khập khiểng bước đi trên cặp nạng chống, đầu cúi xuống đất. Tôi đau cho thân phận mình. Một tháng trước đây tôi vẫn còn là một người bình thường, giờ thì đã trở thành người tàn phế. Chân trái tôi đã không còn nữa. Nhưng tôi tự an ủi là mình vẫn còn may vì chung quanh những chiến hữu khác ngồi, nằm la liệt, trên cơ thể đầy những vết thương còn kinh khủng hơn tôi. Ôi, sao tôi ghét chiến tranh đến thế, nó không những làm tan nát biết bao gia đình mà còn lấy đi những gì tạo hóa đã cho. Con người thật là tàn ác. Chiến tranh có lẽ là trò chơi ác độc nhất do con người sáng tạo ra, nó là sản phẩm của những con người ích kỷ chỉ lo nghĩ đến chuyện buộc kẻ khác phải tùng phục. Trong thế giới loài vật không bao giờ có chiến tranh, qui luật mạnh được yếu thua chỉ xảy ra cho những loài vật yếu đuối nhưng những loài thú dữ chỉ săn mồi khi đói, ăn đủ rồi thì thôi. Con người không phải thế, cho dù có được ăn mặc đầy đủ cũng vẫn thích hành hạ kẻ khác.   
Đi ngang qua những căn phòng nhỏ hẹp, tiếng rên siết của những chiến hữu vọng ra vì sự đau nhức do những vết thương gây nên, lòng tôi càng xót xa. Tôi thương những người bạn chưa quen biết đó, họ còn đau khổ hơn tôi. Tự nhiên tôi căm thù luôn những viên đạn vô tri, những mảnh đạn pháo cùng mảnh vụn của mìn, tôi thương cho những thớ thịt bầy nhầy, lỡ loét trên cơ thể của những chiến binh như tôi đang bị đám ruồi muỗi bu quanh. Đám ruồi muỗi này dường như chỉ thích mùi hôi của máu, mùi tanh của thịt.   
Những ngày nằm điều trị trong quân y viện đã để lại nhiều kỷ niệm đẹp trong lòng chúng tôi. Đây là nơi không ai muốn hẹn đến, nhưng đến rồi thì không muốn rời đi. Những câu vui đùa, những mẫu chuyện lâm tiếu đã đem đến sự êm ái làm dịu bớt nỗi đau trong tâm hồn và trên thể xác. Vì thiếu vắng tình thương của mẹ hiền, chúng tôi thường vòi vĩnh những "bà mẹ" điều dưỡng lo cho chúng tôi từng chén cơm ly nước. Thật là cảm động khi thấy những "bà mẹ" đổ từng bịch nước tiểu và phân của những anh em bị thương nặng, săn sóc vết thương của những anh em vừa được trực thăng chuyển từ chiến trường về. Có khi chúng tôi reo hò vui vẻ khi có một trong người bạn được gia đình đến thăm nuôi. Thật là cảm động khi nghe những tiếng mời mọc vang lên các phòng sau đó.   
- Anh em qua đây ăn với tôi cho vui, một miếng thôi cũng được mà. Còn đây là vợ tôi, đây là em gái tôi.   
Những buổi tiệc không được dự trù trước làm ấm bầu không khí huynh đệ chi binh, khó mà quên được. Nhìn những thân thể còn băng bó chia sẻ với nhau những món quà mọn, nhìn những cử chỉ âu yếm của người vợ nhún khăn lau chùi từng giọt mồ hôi cho chồng và nhìn những cánh quạt giấy của những bà mẹ xua đuổi sự nóng bức và ruồi muỗi cho con, tôi thấy tình người thật vĩ đại. Trong sự khốn khổ người ta dễ chia sẻ cho nhau từng nỗi bất hạnh. Ngày mai khi ra khỏi trại, trở về cuộc sống bình thường liệu chúng tôi còn bắt gặp những cử chỉ này không? Không ai dám nghĩ tới, chúng tôi cứ tiếp tục hưởng thụ những giây phút êm đềm trong hoàn cảnh khó khăn này.   
Khi thời gian thăm nuôi đã hết, những người thân ra về, anh em chúng tôi chia ra từng tốp ngồi xoay những lá bài tây hay cùng nhau hợp xướng với tiếng khua của chén muỗng, ghế bàn cho qua ngày tháng. Ban giám đốc thường xuống khiển trách anh em chúng tôi làm ồn không cho những anh em bị thương nặng khác được nằm nghỉ, nhưng trong lúc tuyệt vọng chúng tôi vẫn cứ làm ồn. Nghĩ lại thật là xấu hổ. Cuộc sống vô vọng khiến chúng tôi trở nên lì lợm, nhiều buổi hợp ca kéo dài gần tới sáng.   
Lúc mới vào trại tôi rất ghét những tiếng ồn ào này, rồi với thời gian tôi không những là thành viên tích cực của các ban hợp xướng mà còn là hoạt náo viên của các chương trình. Tôi huyên thuyên giới thiệu các trò chơi và "ca sĩ" mới. Mỗi khi hát xong là tiếng vỗ tay, tiếng đập bàn vang lên cả trại. Vui nhất là thấy những cặp nạng gỗ đưa lên đưa xuống theo từng nhịp ca như những bức tranh hoạt họa. Những anh em nào còn đứng được thì dìu những bạn khác xoay qua xoay lại giữa phòng như trên sàn nhảy. Sống trong cảnh tuyệt vọng, những giây phút đó đã giúp chúng tôi vơi đi nỗi đau trên cơ thể và làm quên đi nỗi đau tinh thần. Chúng tôi rất sợ tiếp cận với tương lai. Ngày được xuất trại là ám ảnh lớn nhất trong đời phế binh. Chúng tôi rất sợ là vì phải đơn thương độc mã đi vào cuộc sống của những người bình thường với một cơ thể không còn bình thường, sự thua thiệt đã trông thấy rõ.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 30**

Thời gian cứ tiếp tục trôi. Người ta có thể cản bất cứ vật gì nhưng không ai cản được thời gian. Nó cứ lạnh lùng đi tới, bất chấp ý muốn của con người. Chúng tôi bất lực đi theo bước tiến của thời gian và tự thích nghi với hoàn cảnh mới. Nỗi đau thể xác vơi dần và tinh thần cũng lần hồi ổn định. Mỗi ngày đều có người ra đi và có thêm người vào.   
Những chiếc giường cũ được thay ra để đón người mới tới. Không bao giờ quân y viện vắng vẻ tiếng kêu than và tiếng cười của những người không còn gì để mất. Kẻ ra người vào cứ thế liên tục. "Vòng tròn vẫn là vòng tròn". Từ tâm điểm xuất phát, bánh xe vẵn lăn quay. Tiếng còi hụ của xe cấp cứu ra vào tấp nập.   
Tôi liếc nhìn qua khung cửa sổ của trại, đoàn người áo blouse trắng qua lại không ngừng. Đó là những cán sự trợ y, những y sĩ đeo trên cổ áo những cành hoa mai vàng đủ các cấp, trung úy, đại úy và thiếu tá. Những vị lương y này làm việc không có giờ giấc, bất cứ lúc nào họ cũng có mặt, bước chân luôn luôn vội vã, nét mặt lúc nào cũng khẩn trương.   
Những cánh tay của các vị này lúc nào cũng lem luốc máu tươi, hằng ngày họ đã mổ và giải phẫu không biết bao nhiêu bệnh nhân và đã chứng kiến bao nhiều cái chết trước mặt.   
Nhân dịp này chúng tôi muốn vinh danh những vị y sĩ vô danh đã cứu sống hay làm địu đi nỗi đau của hàng ngàn chiến sĩ, mặc dù không tham gia trực tiếp chiến trường nhưng họ đã can đảm giật lại trên tay thần chết biết bao mạng người. Phải chứng kiến cách làm việc của những vị lương y này mới hiểu thế nào là sự tận tụy. Thật vui mừng khi thấy trên những khuôn mặt đầy lo âu này một nụ cười kín đáo sau những ca phẫu thuật khó khăn, nhiều người đã đứng hằng giờ, ngày cũng như đêm bên bàn mổ để cứu một mạng người. Thay vì tỏ ra hách dịch với những binh sĩ cấp thấp hơn mình, những vị y sĩ này luôn luôn chăm chú nghe lời than van của kẻ bị thương và dặn dò ân cần từng người nằm bệnh. Sự kiên nhẫn và lòng tận tụy khó ai bì kịp. Tôi cũng đã từng thấy nét mặt lo âu của người thầy thuốc khi chạy theo từng chiếc băng ca chuyên chở thân thể của người lính trẻ, tay bấu mạnh vào cạnh băng ca để trấn áp cơn đau hay tiếng rên rỉ, tiếng hét la của những người bị thương nặng. Phải thật bình tĩnh mới không bị choáng váng trước cảnh đổ ruột, đổ gan ra ngoài.   
Tôi cũng nhân dịp này ghi ơn những cán sự trợ y đã không quản ngại dơ bẩn, tanh hôi, chăm sóc tận tình từng anh em chúng tôi khi được chuyển vào phòng cấp cứu hay trong những phòng hồi sinh. Nếu không yêu người và yêu nghề thì không ai có thể vào làm việc trong những điều kiện nghiệt ngã như ở đây. Những vị này đã săn sóc tận tình từng người lính chiến, đã để lại bao nỗi quyến luyến cho mỗi anh em khi phải chia tay. Các "bà mẹ" điều dưỡng đã thay thế thân nhân đút cơm đút cháo cho những người thương tật nặng, đã an ủi và vui vẻ trò chuyện với anh em trong những ngày buồn chán nhất. Sự lành lặn của chúng tôi đã một phần lớn nhờ tình thương của những người này.   
Biết bao kỷ niệm vui buồn trong quân y viện. Có một lần tôi nghe những tiếng chân chạy dồn dập trong hàng lang, nhìn lại thì thấy hai cán sự trợ y tay cầm bịch máu và chai nước biển, hối hả chạy lên lầu một. Vừa đến ngưỡng cửa phòng hồi sinh thì hay tin người thương binh đã chết. Nhìn những ánh mắt của các y sĩ và y tá cùng các cán sự trợ y bước ra từ phòng hồi sinh, tôi nhận thấy họ đã bất lực trước cái chết mặc dù đã cố gắng hết sức để giành lại sự sống trên tay thần chết. Anh chiến sĩ này được đưa về cấp cứu từ chiến trường An Lộc, anh là lính Biệt Cách Dù, bị trúng đạn pháo, thân thể bị mảnh đạn cắt đứt ngang người, ruột gan lòi hẳn ra ngoài. Anh chết vì mất quá nhiều máu, và nếu có sống thì cũng bị liệt vì cột xương sống đã gãy.   
Tôi được biết anh đó là một anh hùng đã ở lại với tướng Lê Văn Hưng tử thủ An Lộc. Một mình anh đã bắn cháy hai chiếc T54 bằng súng M72. Đang lúc nhắm bắn chiếc thứ ba thì anh bị pháo từ chiếc xe tăng khác của địch bắn trực xạ vào chỗ nấp. Y tá chỉ kịp bơm thuốc cầm máu và chờ trực thăng đến chở anh về hậu cứ. Mạng sống của anh như chỉ mành treo chuông, hơi thở của anh gần như đứt khoảng, sự tiếp trợ bằng phương pháp hô hấp nhân tạo trong thời gian này cũng rất khó vì tất cả xương ngực của anh đều bị dập nát, khi đến y viện thì lực đã tàn, tim anh ngưng đập. Quân Y Viện Cộng Hòa lúc này đã đầy nên anh được trực thăng chở về Quân Y Viện Dã Chiến 3.   
Các bạn tôi lần lượt rời trại, riêng tôi thì phải ở thêm quân y viện một thời gian nữa để chữa trị thêm. Thật nghiệt ngã khi đang còn điều trị nghe những tin tức chiến trường càng ngày càng tồi tệ, tôi không còn đủ kiên nhẫn để nghe nữa. Những tin này chỉ gây hoang mang trong lòng những người đang nằm điều trị và ban giám đốc trại. Thế rồi điều không ngờ đã xảy đến, ngày 30-4-1975 miền Nam đầu hàng. Cái tin không thể tưởng tượng được: toàn đất nước đã lọt vào tay quân cộng sản. Sự hy sinh của những người lính như chúng tôi như vậy còn ý nghĩa nào. Tất cả chỉ còn lại con số không. Số không có thể lớn đối với nhiều người nhưng đối với những thương phế binh như chúng tôi, số không đó bao trùm cả cuộc đời. Đối phó với kẻ thù người ta còn đủ tay chân nhưng chúng tôi không có may mắn đó.   
Thật ra chúng tôi đã đoán biết "sự việc" trước đó vài ngày. Chung quanh chúng tôi thật là vắng lặng, quân y việnim lìm, không còn tiếng xe cấp cứu ra vào tấp nập như trước. Những vị y sĩ cũng đã vắng mặt, chỉ còn lại những màu xanh và trắng của những bức tường và những người bán căn tin, ai nấy đều lo âu. Thế rồi cái ngày đó đã đến. Ngày đầu tháng 5-1975, một toán bộ đội tiến vào quân y viện buộc chúng tôi phải rời y viện ngay tức khắc. Bọn người này chửi bới chúng tôi là phản quốc, tay sai đế quốc, v.v... Phản quốc nào, quê hương chúng tôi bị họ xâm chiếm. Tay sai đế quốc nào khi dân tộc chúng tôi, thân thể chúng tôi bị đạn của Nga Tàu gây thương tích. Những chiếc "nón cối" này đại diện cho ai mà dám la hét:   
- Cút, cút ra khỏi đây. Bọn ngụy quân chúng mày không được nằm tại đây. Đồ lính đánh thuê, lũ quân bán nước...   
Chúng tôi khập khểnh ra đi, lòng ngổn ngang trăm mối. Vừa hận mất nước vừa thương cho bản thân mình, chúng tôi không biết phải đi về đâu. Về nhà cha mẹ vợ con với thân thể què cụt này còn gì nhục nhã cho bằng, nhưng không về lại nhà thì biết đi đâu. Nhiều lúc muốn tự sát cho rãnh nợ đời, nhưng chết trong giờ thứ 25 này có lợi cho ai. Chung quanh tôi có những chiến hữu trên cơ thể mang đầy vết thương còn đang rỉ máu, thế mà cũng bị lạnh lùng đuổi đi. Thật đáng thương cho những huynh đệ lúc đó.   
Riêng tôi thì vết thương nơi khúc chân bị cưa cũng đã lành, gan ruột và phổi đã trở lại bình thường. Nếu không có gì trở ngại thì tôi sẽ được xuất viện về nhà hay ra trại an dưỡng nửa tháng sau đó. Mặc dù đi đùứng còn khó khăn, tôi còn tự túc chống nạng đi được. Có một anh lính trẻ, nhỏ hơn tôi vài tuổi mới nhập viện vừa hơn mười ngày, anh bị cưa mất chân phải và trên người còn băng bó nhiều vết thương. Thấy anh đi đứng khó khăn, tôi đến gần an ủi rồi đề nghị cầm giùm đồ đạc. Anh bạn trẻ nhìn tôi cảm động rồi chống nạng theo tôi cùng đoàn người ra cổng. Trên đường ra cổng tôi chào từ giã từng người quen biết, chúng tôi chia tay nhưng không ai hẹn ngày gặp lại. Có lẽ đây là lời chào vĩnh biệt. Tôi vừa suy nghĩ lung tung, vừa bước rời khỏi quân y viện.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 31**

Hai chúng tôi bước từng bước một trên đoạn đường mà hằng ngày tôi thấy quen thuộc, tưởng là ngắn ngủi nhưng sao hôm nay nó thật là dài. Chúng tôi khập khểnh đi ra ngoài cổng không buồn quay lại nhìn lần cuối quân y viện, kể từ nay nó chỉ còn là một kỷ niệm đau buồn. Chúng tôi chống nạng âm thầm đi trong phố vắng. Công viên của thị xã Mỹ Tho đã hiện ra trước mắt, gần đó là bến xe. Trên một khoảng trống của khu nhà khách, tôi dìu chiến hữu trẻ ngồi xuống từ từ tựa lưng vào tường nghỉ mệt. Mặt anh ta tái mét, hai cánh tay run lên bần bật. Tôi lo âu nhìn anh bất lực. Làm sao đây? Làm sao san sẻ bớt những nỗi đau đang cấu xé thân thể người bạn kia? Tôi cũng lo âu cho chính thân tôi, nhưng với tư cách người lớn tuổi hơn tôi giữ im lặng và chỉ hỏi han tình trạng sức khỏe của chiến hữu kia.   
Tới được bến xe, tôi liền móc túi lấy số tiền lương vừa lãnh hồi cuối tháng 4-1975 chia cho chiến hữu kia một nửa làm lộ phí đi về quê cũ. Bạn tôi về Cai Lậy, còn tôi về Sài Gòn. Tôi nhờ hành khách đỡ anh bạn tôi lên xe và tìm chỗ ngồi, tôi giơ tay vẫy chào khi chuyến xe bạn tôi đã chạy. Tôi đón xe khác về lại Sài Gòn. Ngã đầu trên ghế, tôi cứ thắc mắc không biết bạn mình có về đến nơi đến chốn hay không, lỡ xảy ra chuyện gì thì ai chăm sóc, lòng tôi bất an cho số phận của người bạn trẻ. Khả năng của tôi có giới hạn, tôi chỉ có thể giúp tới đó thôi vì còn phải lo cho số phận của mình, tôi chỉ cầu xin ơn trên ban phước lành cho chiến hữu tré đó được bình yên về tới quê nhà. Cầu nguyện xong tôi mới yên tâm chợp mắt một chút, những giây phút này thể xác và tâm hồn tôi mới được thư giản.   
Những luồn gió thổi qua cửa kiếng, sự mát mẽ của cơn gió làm dịu đi một phần nào phiền muộn. Nhìn những cánh đồng xanh bát ngát, những nông dân đang cày ruộng, tôi thấy lòng thư thái, nhẹ nhàng. Trầm tư trong sự suy nghĩ, không biết rồi đây cuộc đời mình sẽ ra sao khi lịch sử đã sang trang, máu và nước mắt có còn chảy nữa trên quê hương này không... Về đến nhà tôi mới thật yên tâm. Phố xá Quận 4 vẫn như ngày nào, nhưng nó có vẻ phẳng lặng hơn, không như những ngày nào tôi còn ở nhà. Trước kia đường phố rất ồn ào do sự la hét của trẻ thơ nô đùa, sự phẳng lặng ngày hôm nay báo động một cơn giông sắp đến. Tôi sợ sự yên lặng bất bình thường này. Chung quanh tôi chỉ toàn cờ đỏ.   
Gia đình mừng rỡ khi thấy tôi về, nhưng trong bối cảnh mới này ai cũng lo âu cho tương lai của gia đình. Hàng ngày tôi thấy trước mắt tôi từng đoàn người, già có, trẻ có và những đám con nít thay phiên nhau giành giựt những thùng đồ hộp, gạo sấy, máy móc từ trong những nhà kho của chế độ cũ để lại. Trong số đó có cả người thân của tôi, đúng ra là những đứa em tôi, bởi vì những ngày này không có họp chợ, nếu không làm như thế lấy gì mà ăn. Gia đình tôi không giàu nên không bao giờ trữ sẵn gạo và thức ăn, mỗi ngày phải mua gạo và thức ăn ngoài chợ vì nhà tôi gần chợ.   
Dòng người đổ xô tràn vào những kho tồn trữ, nhưng dưới chân cầu Tân Thuận bất chợt có tiếng súng nổ. Những người đội nón cối mặc áo xanh và áo vàng, "bò điên" và "chó sói", sả súng bắn thẳng vào đám người đói khát trước những nhà kho. Nhiều người nằm dãy dụa dưới đất, trong vũng máu. Dân chúng chạy tản mát trốn, nhưng sau vài phút họ lại tràn vào các nhà kho, đông hơn và bất kể súng đạn. Ai bị bắn trúng thì té nằm xuống, những người khác thì cứ nhào lên cậy cửa các kho gạo. Cứ thế những chuyến xe ba gác cứ nhào đến chất đầy những bao gạo cùng những thùng đồ hộp; chuyến này ra chuyến khác vào, luân phiên tấp nập.   
Trong những ngày này, một dòng người khác ngược xuôi chạy giặc, tay bồng tay dắt con cái và bao bị chạy ra bến Bạch Đằng đón tàu ra biển. Gia đình tôi cũng có mặt trong đoàn người này vì nhà ở gần cầu Tân Thuận. Ôi thôi, người đông đếm không xiết, trên những chuyến tàu nhỏ chật ních người. Bến cảng lúc này chật đầy ghe thuyền, dòng người cứ đổ xô về bến cảng nhảy đại lên những chiếc tàu để ra cửa biển. Trên các bong tàu toàn người với người.   
Người trên tàu nhắn vọng với người còn kẹt trên bến cảng, tiếng la hét vang vọng một góc trời. Những chiếc tàu đi sông lừ lừ nổ máy chạy ra cửa Cần Giờ, bỏ lại sau lưng thành phố Sài Gòn. Những đám "chó sói" đứng nhìn căm hận đoàn tàu lướt đi mà chính họ cố tình đẩy những người này ra khỏi đất nước. Tôi vì thương tật, không chen lấn được với dòng người xô đẩy nên bị bỏ lại một mình trên bến cảng, gia đình tôi không biết đã đi trên chuyến tàu nào. Lúc đó quang cảnh rất là hỗn loạn, mạnh ai nấy chen lấn tìm một chỗ đứng trên bong tàu.   
Tôi không buồn và cũng không tiếc, vì biết số phận mình hẫm hiu. Về lại nhà, đồ đạc đã bị ai đó chở đi đâu mất, chỉ còn lại bốn vách tường không. Tôi buồn bã ngồi bệt xuống sàn nhà ngẫm nghĩ về thân phận mình. Tôi chợp mắt ngủ đi lúc nào không hiết. Tôi mơ thấy tôi có lại hai chân, đi ra bờ sông ngắm nhìn mây nước. Đến giữa khuya, tôi giật mình thức dậy, trong nhà có tiếng động lạ. Tôi lồm cồm chống tay nhìn ra ngoài cửa thì thấy hai bóng đen đang cạy cửa vào nhà. Tôi hỏi ai đó thì hai bóng đen liền vụt mất. Thời buổi loạn ly này nhiều người lợi dụng vào nhà ăn cắp. Trên đường tôi thấy nhiều xe ba gác chở tủ lạnh, tivi, bàn ghế chạy khắp nơi trên đường phố. Lúc đầu cứ ngỡ là người ta chạy giặc nhưng sau này mới biết đó là đồ đạc ăn cắp trong những nhà vắng chủ.   
Suốt đêm tôi không chợp mắt nổi, cứ nghĩ miên man không biết những chuyến tàu đó có những đứa em và cha mẹ tôi không. Tôi tin tưởng rằng sáng mai thế nào họ cũng về lại. Nhưng tôi cũng thầm khấn vái cầu cho mọi người được an toàn thoát đi. Đi đâu thì tôi không biết. Tôi cầu cho các đoàn tàu thoát khỏi Việt Nam an toàn, không bị quân cộng sản nã đạn pháo vào như họ vẫn thường làm hồi chiến tranh. Trước kia quân cộng sản thường pháo kích vào các trường học và khu dân cư rồi đổ thừa cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ để kích động lòng căm thù. Chiến thuật này một thời được nhiều người tin theo, mong rằng nó không xảy ra cho những người thân trong gia đình tôi. Cầu mong đoàn người vượt trùng dương bao la trên những chiếc tàu đi sông an toàn.   
Vài ngày sau tin đồn có những xác người trôi dọc lòng sông Nhà Bè càng làm tôi lo ngại. Rồi cũng có những tin đồn những chiếc tàu đầy ắp người đó được Hạm Đội 7 của Mỹ ngoài khơi Vũng Tàu cứu vớt, mọi người đều được đưa qua đảo Guam rồi cho qua Mỹ. Tôi cũng hy vọng gia đình tôi có mặt trong những người may mắn đó. Hơn hai mươi bốn qua tôi đã cố gắng chờ đợi mà không thấy tin tức gì cả. Sau này tôi được biết có những tàu bị công an chặn lại ngoài cửa biển, bắn chìm cả tàu, tất cả những người trên tàu đều bị chết. Những xác người trôi bồng bềnh, những dòng máu đỏ chan hòa cùng biển cả.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 32**

Những tháng đầu tiên trong một xã hội đã thay ngôi đổi chủ đầy rẫy biến động. Tôi bây giờ chỉ có một mình, phải tự túc mưu sinh. Ngày ngày tôi lầm lủi chống nạng ra đi, trên vai đeo lũng lẵng thùng đồ nghề đựng lon keo, bàn bào, bàn ép, cái thau nhỏ và cái bơm tay để vá xe, tối về tham gia những buổi họp tổ dân phố vô vị. Hôm đầu tiên khi đến ngã tư Đồng Khởi, gần nhà hàng Maxim s, đường Tự Do, tôi ngồi bệt dưới gốc cây me chờ khách bị "thũng" bánh xe. Tôi ngồi như một kẻ ăn xin, thời gian cứ trôi qua, căng mắt nhìn về ngã tư, tôi rất bàng hoàng xót xa khi thấy một ông già cùng hai đứa bé ì ạch đẩy bộ chiếc xe đạp nặng chịch, hai bánh xe xẹp lép. Trên xe chất lỉnh kỉnh hành trang của những người tha phương cầu thực, không nhà không cửa. Hai đứa bé thì tóc rối, thân hình dính đầy bụi đất, gương mặt nhễ nhãi mồ hôi. Khi thấy mấy cháu lấy tay quẹt những giọt mồ hôi chảy vào mắt, tôi động lòng từ tâm kêu gọi:   
- Bác ơi, bác đẩy xe lại đây cháu bơm cho.   
Ông già quay lại nhìn tôi một hồi rồi không nói lời nào, tiếp tục đẩy xe đi. Mặt trời đã gần đứng bóng mà tôi vẫn chưa có người khách nào, bụng thì đói cồn cào, tiền thì không có. Mùi thơm của xe bán mùi hủ tiếu mì gần bên bay thoang thoảng làm cho cơn đói càng mãnh liệt, bụng tôi cứ sôi lên ùn ục. Bất chợt tôi nghe tiếng kêu vá xe, nhìn lại thì thấy hai người lớn tuổi đang dựng chiếc Honda đam lên trước mặt. Tôi vội vàng lấy đồ nghề ra để vá. Thật là vụng về, công việc không dễ như tôi tưởng. Cạy tới, cạy lui, khoảng 10 phút sau tôi mới mở được vỏ xe để vá.   
Thật ngỡ ngàng. Bụng thì đói, tay thì run, mồ hôi cứ nhỏ giọt trên màng tang. Khi vừa hoàn tất, tôi nhận tiền cùng với ánh mắt không mấy thân thiện. Thế là có một bữa ăn. Tôi vội vàng gói ghém đồ nghề lại rồi băng qua đường Nguyễn Huệ mua cơm. Nhưng đâu phải có tiền là có bữa ăn ngay đâu, phải sắp hàng mua phiếu rồi đưa cho các nhân viên cửa hàng ăn uống và ngồi chờ để nhận phần cơm. Rồi những ngày kế tiếp cứ tuần tự như vậy. Gạo càng ngày càng hiếm hoi do bọn "chó sói" đã chở gạo tồn kho về Bắc, số ít còn lại trả nợ cho "đồng minh" để đền ơn về sự giúp đỡ vũ khí trong chiến tranh và nhận lại những bao bột mì mốc và bobo mà "đồng minh" dành cho súc vật.   
Bắt đầu từ đây trong cuộc sống hàng ngày tất cả mọi người đều ăn bột mì mốc cùng bobo sơ cứng, rất ít khi mua được gạo. Chỉ khi nào có lễ hội thì các hợp tác xã mới bán cho mỗi người một kí gạo kèm theo khoai lang hoặc khoai mì để trộn vào, gọi là "ăn độn". Mặc cho thế sự thay đổi, đổi thay như thế nào, cuộc sống vẫn đều đặn như vậy. Bột mì thường được chế biến thành bánh tầm bì, bánh canh hoặc có thể đổi lấy bánh mì để đắp đổi qua ngày. Có những lúc tôi phải nhịn đói vì không có khách, phải uốn nước lã thay cơm, chính vì vậy mà sức khỏe càng ngày càng suy yếu, đôi khi đứng không vững.   
Đói quá tôi quyết định đi xa, sáng sớm tôi ra ngã tư Hàng Xanh tìm chỗ để hành nghề vá xe. Nơi "làm việc" của tôi sát ngay chốt giao thông của đám công an. Những ngày đầu tôi chịu áp lực nặng nề của những người này. Có những lần vừa đặt đồ nghề xuống thì bị chúng đá văng và cấm tôi không được đến gần nơi bọn chúng đóng chốt. Tay lượm đồ nghề, tôi đưa ánh mắt căm hận nhìn. Bọn chúng biết tôi không thể làm gì được nên cứ tỉnh bơ. Tôi phải ngồi cách đó khoảng 300 mét. Từ khi tôi làm cách xa ngã tư, công việc rất bấp bênh. Cứ thế, có những lúc tôi được no nê để rồi những ngày kế tiếp phải nhịn đói, và khi đói quá thì ăn cháo bobo.   
Người đời thường nói "đói thì đầu gối phải bò", hoặc là "cùi không sợ lở". Từ những câu ngạn ngữ, thế là tôi đánh liều trở lại ngã tư để làm, cứ mặc cho bọn "chó sói" muốn đá, muốn quăng như thế nào đi chăng nữa. Một khi đã liều tôi không còn sợ gì nữa, ngang nhiên đối mặt cùng bọn "chó sói". Có lúc tôi và bọn chúng lớn tiếng chửi nhau, nhưng vì chung quanh có rất nhiều người tò mò đứng nghe bọn chúng im lặng. Đôi khi tôi bị bọn chúng phối hợp cùng một lũ "chó sói" khác bắt giam tôi vào nhà đá vài ngày, khi ra khỏi tù tôi vẫn về ngồi lại ngã tư vì đó là điểm tựa mà tôi phải bám, mất chỗ đó tôi sẽ bị đói. Tôi quyết chí bám chặt nơi này và ngày này qua ngày nọ tôi cứ ngồi lì ở đây. Cũng vì chỗ này tôi đã vào tù ra khám năm lần, cơm tù đối với tôi như cơm bữa. Nhưng cũng từ đó bọn chúng không thèm đả động đến việc tôi làm nữa.   
Ngày qua ngày, đêm qua đêm, tôi tận mắt chứng kiến thấy những con "chó sói" sách nhiễu đồng bào, chúng nói năng với những bác tài xế, bất kể tuổi tác như thế nào, lời lẽ hổn láo và xấc xược. Bọn chúng tìm đủ mọi cách để kết tội những bác tài xế để làm tiền, nào là đèn cháy bóng, thắng không ăn, chở quá tải và quá nhiều khách, chạy quá tốc độ qui định, xe tung ra nhiều khói bụi và nhiều thứ hạch hỏi khác. Nghĩ cho cùng, mục đích của chúng chỉ là làm tiền mà thôi. Kể từ đó bọn chúng tạo một thông lệ, khi các xe đò hay xe tải chạy gần đến chốt lập tức lơ xe nhảy xuống chạy tới trạm trình giấy, trong đó có kẹp sẵn số tiền đúng theo thủ tục "đầu tiên". Bọn chúng lanh tay đút tiền vào túi, liếc mắt lấy lệ qua cuốn sổ rồi vẫy tay cho xe đi. Nếu xe nào không làm đúng thủ tục "đầu tiên" sẽ bị lập biên bản phạt ngay. Tiền đóng lệ phí "đầu tiên" thì ít mà tiền đóng phạt thì gấp mười lần, đôi khi còn bị giam xe, do đó không bác tài nào để bị phạt. Chính vì lý do đó mà bọn chúng không muốn để tôi ngồi gần chốt để hành nghề. Đúng là một lũ chó sói, đứng núp sau bộ đồ để làm tiền thiên hạ. Tâm địa chúng rất là gian manh, chỉ chực chờ cơ hội cướp cơm thiên hạ.   
Những người dân lương thiện, chắt chiu từng đồng từng cắc bạc để có miếng ăn, vì công việc làm ăn phải dâng lên miệng chúng số tiền góp nhặt để được yên thân. Đó là tâm trạng của những bác tài xế lái xe đò, xe tải, vì sự sống và miếng ăn đành phải im lặng cúi đầu đưa tiền cho chúng ăn. Cảnh đời thật là trớ trêu. Bọn công an này biết rấr rõ hoàn cảnh của những chủ xe, chỉ khi nào xe lăn bánh gia đình mới có cơm, xe mà bị giam cuộc sống sẽ lâm vào bế tắc. Thôi thì đành phải chấp nhận nuốt hận mà thôi.   
Thời gian cứ lặng lẽ trôi qua, những tháng ngày cơ cực cứ đeo bám cuộc đời của tôi. Chính quyền cộng sản cứ biểu quyết điều này, ban hành điều nọ hạn chế việc sinh sống của nhân dân, tuyển chọn thêm những thành phần ác ôn vào bộ máy để kềm chế nhân dân. Những điều luật mới khắc khe hơn những điều luật trước, cứ thế chúng siết chặt bụng, bóp chặt cổ chúng tôi, kinh khủng nhất là sắc lệnh về "lòng và lề đường". Từ xưa đến nay, những người dân nghèo tay lấm chân bùn, vì nghèo khó và thất học phải ra ngồi lề đường buôn bán, họ có cướp giật, hà hiếp ai đâu mà bây giờ phải chịu muôn vàn đắng cay. Xã hội mới tưởng đâu đem lại cơm no áo ấm cho mọi nhà, nào ngờ chỉ đem nghèo đói, rách rưới đến khắp mọi nơi. Nay lại ban thêm sắc lệnh về "lòng và lề đường" vượt quá mức chịu đựng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sống và quyền sinh kế của con người.   
Tổ tiên của chúng ta, "con Rồng cháu Tiên", từ buổi sơ khai đã phải tự lực cánh sinh kiếm sống, mỗi người phải tự lo cho bản thân mình. Mỗi bộ tộc, mỗi làng đều phải lên rừng săn thú, xuống biển bắt tôm mới có miếng ăn, cho nên mới có câu: "tay làm hàm nhai". Nói về lịch sử đấu tranh, dân tộc ta không thiếu gì những thí dụ. Dân tộc Việt Nam đã thoát ra cảnh "ngàn năm nô lệ giặc Tàu, trăm năm đô hộ giặc Tây", tổ tiên chúng ta đã tranh đấu để có một nước tự do độc lập, không phải làm nô lệ cho ai và bị ai đô hộ. Tuy nghèo nhưng không ai ăn cắp của ai, mọi người đều biết tích trữ phòng cơ, lấy cây rừng xây dựng thành lũy, lợi dụng núi non ngăn cản quân thù, sử dụng sông biển làm nguồn tiếp tế và giao thông. Nói chung, tất cả mọi người chung lưng cật lực bảo vệ núi sông và xây dựng đất nước, có đâu như ngày nay những người cầm quyền chỉ sống trong lợi dụng. Trong thời chiến họ lợi dụng xương máu chiến sĩ để chiếm chính quyền, trong thời bình họ lợi dụng lao lực của đồng bào để được phì gia. Trả những người trong bộ máy cầm quyền cộng sản hiện nay về đời sống dân sự, chắc chắn không ai biết làm ăn lương thiện. Vì quen ăn bám, chắc chắn họ sẽ không làm được gì cả, họ chỉ muốn ăn mà không muốn làm. Ai chịu làm mọi cho họ cưỡi đầu, cưỡi cổ mãi mãi?   
Dân ăn không đủ no, bệnh không có thuốc, lấy gì để dâng cho các quan cách mạng ăn mãi. Bởi có câu: "có thực mới vực được đạo", không đủ ăn thì không còn đạo nghĩa gì nữa, người ta cướp cơm thì phải chống lại, đó là qui luật của thiên nhiên có từ ngàn đời trước và sẽ trường tồn mãi mãi đến ngàn đời sau. Lịch sử vẫn còn in đậm những tấm gương anh dũng chống trả sự hà hiếp bóc lột của tằng lớp cường hào ác bá, luôn thôi thúc những con người can đảm đứng lên tranh đấu cho lẽ phải, bảo vệ kẻ yếu. Không còn gì để bào chữa cho chế độ này, một chế độ nhẫn tâm tước đi sự sống của người dân. Thử hỏi nếu không có những người dân tay lấm chân bùn tiếp tế, lo lắng, che chỡ, bảo vệ từng nẻo đường, từng tất đất, nếu không có những người đào hầm, lo từng miếng ăn giấc ngủ và cung cấp thuốc men trong cuộc chiến vừa qua, làm sao những người cộng sản có ngày hôm nay. Những người đó là ai, nếu không phải là những con người nghèo hèn đang ngồi trên các lòng lề đường kia tự túc sinh nhai, không hề van xin sự bố thí của chính quyền? Người cộng sản ăn trái quên kẻ trồng cây, sự vô ơn bạc nghĩa này khó bị tẩy quên.   
Xã hội đang cơn biến động, nhà cao tầng mọc lên như nấm, đông kẻ quần thoa áo gấm qua lại trên đường, càng ngày càng có nhiều lễ hội. Thay vì giúp đỡ những người nghèo khó có cuộc sống xứng đáng hơn, chính quyền cộng sản bóp cổ, xiết bụng nhân dân. Những cuộc truy quét, thu gọn rầm rộ được phát động trong những xóm lao động nghèo, những vật dụng ăn cướp của đám bần dân được quăng đầy trên những xe cây: cây dù, tủ thuốc lá, xe đẩy trái cây, xe bán nón, đòn gánh, rỗ bánh tráng, thúng trùái cây. Chưa phải hết, bên cạnh những chiếc xe chở hàng tịch thu là những chiếc xe bít bùng chở đầy cụ già, người tàn tật; những bà mẹ cùng với đám con thơ đều được đẩy lên xe đưa về trại tập trung; tất cả bị kết tội lấn chiếm lề đường. Các đường lớn, cơ quan nhà nước chiếm hết, chỉ còn lề đường để dân chúng sinh nhai mà cũng không được. Còn đâu lẽ sống của người cô thế?   
Nhớ lại ngày nào còn sinh sống dưới chế độ cũ, tuy cũng có cảnh nghèo giàu, mạnh được yếu thua nhưng có đâu quá quắc và vô nhân đạo như ngày nay. Người ta lúc nào cũng linh động chừa một lối thoát cho người sa cơ. Đã không giúp được ai thì làm ngơ đi cho người khác sống, đằng này không những chính quyền cộng sản không cho người dân sinh sống mà còn bắt cả ông già, bà lão, đàn bà, con nít và người tàn tật vài các trại tù. Còn gì trớ trêu cho bằng. Những ai đã từng sống trong chế độ trước không khỏi bùi ngùi tiếc thương cho ngày tháng cũ, ngày nay chỉ có những cảnh xô đẩy, giành giựt, đá đổ, la hét, thu gom chở về chất đầy kho nhà nước. Họ muốn giết dân nghèo mà. Đồ vật tịch thu đem về chất đống, phơi nắng, phơi mưa, phơi gió, để cho rỉ sét, mục nát theo thời gian những của cải, tài sản của người nghèo.   
Ngụy ngôn "làm đẹp thành phố" là khẩu hiệu tiêu diệt dân nghèo thành thị. Dân lao động nghèo là ai nếu không phải là những người đã từng một thời hy sinh xương máu giúp họ lên cướp chính quyền? Đúng là một bọn ăn cướp, ăn cướp công lao xương máu của các chiến sĩ cũ của họ, nay muốn ăn cướp luôn mạng sống của con người bần cố. Nếu có cuộc đổi đời, hậu quả không biết sẽ như thế nào.   
Một hôm như thường lệ, trời vừa sáng tôi mang đồ nghề ra ngã tư Hàng Xanh làm việc. Chưa kịp đặt bao đồ xuống đất, tôi nghe tiếng la ơi ới: "Chạy, chạy, bà con ơi, "chó sói" đến kia rồi". Trước mắt tôi là những tiếng la hét, tiếng chân chạy thình thịch, tiếng ly chén vỡ và tiếng khóc than vang một góc trời. Người ta rầm rập đẩy những chiếc xe bán nước mía, bán bánh mì chạy trốn. Những người phụ nữ, kẻ gánh người gồng chạy trong hỗn loạn. Ôi thôi, nào là bánh mì, tủ thuốc lá, mâm trà đá văng đổ tứ tung. Bỗng đâu bốn chiếc xe công an chạy tới thắng cái kịt, nhiều toán công an và dân quân nhảy xuống, chạy tới chụp giật phương tiện buôn bán của bà con, tiếng kêu la ơi ới. Trước mắt tôi một con "chó sói" mặc áo xanh, tay chỉ chõ, miệng la hét một người bán thuốc lá lẻ trên lề đường cạnh đó. Tên này ngoác to mồm, rống hết gân cổ tuôn ra những từ khó nghe và rất mất dạy. "Đ.m, đã cấm buôn bán, lấn chiếm lề đường mà cứ ngoan cố. Mày có lỗ tai không? Mày là con trâu hay con người?". Thế là đồ đạc bị tịch thu, nạn nhân chỉ biết nhìn theo ánh mắt buồn bã. Đám công an cùng những dân quân khác, mặt mày hùng hổ, lăng xăng lít xít chạy tới chạy lui chụp giật đồ đạc của những người bán buôn trên lề đường quăng lên xe.   
Tôi không may cũng lọt vào ổ phục kích này. Chưa biết phải làm gì trước tình huống này thì một công an ở đâu từ phía sau chạy tới giật thùng đồ nghề của tôi quăng lên xe. Tôi chỉ biết nhìn theo, lòng nặng trĩu. Vừa cay đắng vừa đau xót, tôi ngậm bồ hòn nhìn "chén cơm" bị cướp. Thế là trắng tay. Hướng tầm mắt về những nơi khác của ngã tư, cảnh la hét, tiếng khóc la vang lên liên tục. Chợt đâu đó có tiếng hét thất thanh của một phụ nữ làm tôi giật mình. Chị ta đang giằng co với một tên dân quân cái thúng đựng trái cây. Cạnh một bên chị là hai cháu bé, đứa lớn khoảng 5 tuổi, đứa nhỏ chừng 3 tuổi. Ánh mắt chúng thật là ngây thơ, bé nhỏ hơn chợt khóc thét lên khi nó thấy mẹ nó bị người ta xô té, ổi và mận văng tứ tung. Chị ta vẫn cương quyết giữ chặt cái thúng về phía mình, cuối cùng đành phải buôn xuôi vì không chống nổi với hai tên khác nhào tới xô chị té xuống đất. Mắt chị rực lửa căm hờn nhưng chị đành bất lực nhìn cái thúng, "nồi cơm", bị lũ "chó sói" quăng lên xe. Cùng lúc đó, hai đứa bé chạy lại ôm chầm lấy mẹ. Chị lồm cồm ngồi dậy, ôm hai đứa bé vào lòng rồi vỗ về: "Nín đi con, mẹ con mình kiếm chỗ khác để bán". Lúc này lũ "chó sói" đã đi xa vì đã hoàn thành sứ mạng. Bà con đổ xô lại an ủi ba mẹ con, những tiếng nói chan chứa tình thương của người cùng khổ thật là xúc động. Chỉ trong nỗi khổ mới biết thế nào là tình người. Tôi móc trong túi ra một ít tiền chia cho ba mẹ con. Chị phụ nữ nhìn tôi ngại ngùng, nhưng tôi cứ dúi tiền vào tay con chị. Chị phụ nữ cất tiếng cám ơn rồi ôm hai con khóc, hai đứa nhỏ cũng khóc theo. Thật là tội nghiệp, thật là oan trái. "Trời xanh ơi, hãy ngó xuống những kẻ khốn khổ trong tình cảnh hoạn nạn này". Tôi hậm hực chửi thầm: "Lũ khốn nạn chúng bay rồi có ngày sẽ lãnh hậu quả". Sống trong những phút giây căng thẳng này, khó mà giữ được bình tĩnh.   
Trong những bố ráp khác, bọn công an bắt luôn cả người. Những cụ già, những chị phụ nữ bồng bế con nhỏ, những người tàn tật bị bắt đưa lên những chuyến xe đầy ắp chở vào những trại cải tạo. Tiếng khóc la, chửi bới của những người bị đưa lên xe mà bọn chúng cho là đối tượng lang thang kêu vang suốt cả đoạn đường về trại. Bà con hai bên đường chỉ biết vẫy gọi những số phận hẫm hiu và cầu mong cho họ được bình yên. Cuộc sống vẫn tiếp tục, người nghèo khổ vẫn ra lề đường buôn bán. Họ biết đi đâu bây giờ, ai nuôi gia đình họ nếu không được buôn bán, chính quyền này có làm gì để giúp họ đâu. Đã không giúp đỡ mà còn bắt bớ, chế độ này là một chế độ tàn bạo, họ muốn giết chết cuộc sống của những người nghèo khó.   
Trong công việc bơm vá bánh xe hàng ngày, tôi vừa làm vừa lo âu. Con người lúc nào cũng di động, hễ thấy động một chút là lò cò cất giấu đồ đạc trốn đi nơi khác. Vì lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, công việc trở nên khó khăn, lúc được lúc không, khách khứa vắng dần. Từ chỗ quá lo lắng tôi đâm sinh bệnh, cơ thể ngày gầy ốm hơn. Những cơn ho cứ kéo dài, có lúc vừa chống nạng đứng lên tôi choáng váng cả mặt mày té ngồi xuống đất. Tôi cảm thấy thân hình nặng nhọc, uể oải, đầu óc cứ quay cuồng không còn tập trung được nữa. Có lúc tôi phải từ chối nhận khách vì bị chóng mặt, lợi tức càng bị teo hẹp. Mặc dầu vậy tôi vẫn tự an ủi: "Mình có thần hộ mạng, khó khăn chỉ thoáng qua thôi, ông bà còn thương số phận mình". Thật đúng vậy, những cơn ho và chóng mặt chỉ thoáng qua thôi, độ nửa giờ tôi khỏe trở lại.   
Những đợt truy quét và thu gom cứ liên tục, công việc làm ăn trở nên khó khăn. Tôi phải nghỉ vài ngày chống nạng lang thang vào Sài Gòn, Chợ Lớn quan sát cảnh đời thay đổi. Khi nào đói quá thì sà đại vào những hàng quán "ăn xin" lây lất qua ngày và để dành tiền sắm lại đồ nghề đã bị tịch thu. Tôi sống những ngày không định hướng.   
Một hôm mỏi quá, tôi dừng chân nghỉ mệt tại một công viên. Bỗng nhiên một cơn mưa ào ào trút xuống, tôi nép mình vào thân cây đa. Cùng lúc đó một phụ nữ tay cầm giỏ xách chạy về hướng cây đa nơi tôi đang trú mưa, cùng đứng trú. Chúng tôi đối diện cùng nhau. Cơn mưa càng lúc càng nặng hạt, trời đầt tối sầm lại. Hơi lạnh bắt đầu thấm vào da thịt. Tôi thấy cô ta dùng giỏ xách ép sát vào người để cho bớt run. Để tránh đi sự im lặng và cái lạnh, tôi lên tiếng hỏi thăm. Đại khái về công ăn việc làm và gia đình. Thỉnh thoảng những tia chớp lóe lên, tiếng nổ ầm ầm làm chúng tôi xích lại gần hơn. Cô ta cho tôi biết từ kinh tế mới trở về, không gia đình không nhà cửa. Mỗi ngày cô vào các chợ xin làm những việc vặt vãnh để sống qua ngày, tối về ngủ đại ở đâu đó để sáng hôm sau ra chợ tìm việc khác. Có nơi làm được một tuần, có nơi một hai ngày như giặt quần áo, phụ khiêng hàng hóa. Lúc này kiếm việc rất khó khăn vì chiến dịch dọn dẹp lòng lề đường. Nói chung cuộc sống của cô ta không lấy gì sung sướng, làm lụng cực nhọc đôi bàn tay chai sạn mà vẫn không đủ ăn. Thật là không may cho kiếp "hồng nhan bạc phận", cô đi hết nơi này đến nơi khác tìm việc mà vẫn không ra, như hôm nay chẳng hạn.   
Thế là chúng tôi quen nhau. Cùng chung cảnh ngộ, chúng tôi thông cảm và chia sẻ niềm vui nỗi buồn của nhau. Chúng tôi tâm đầu ý hợp nên quyết định cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình. Kể ra đời tôi cũng còn chút may mắn, với tấm thân tàn phế mà vẫn lập được gia đình. Cô ta trở thành vợ của tôi và sinh ra một bé trai. Con trai của tôi không có giấy khai sinh vì sinh đẻ ở nhà, tôi phải nhờ một bà hàng xóm sang cắt rún giùm. Tôi đặt tên con là Nhơn vì muốn nó sau này biết yêu thương đồng loại. Nó vừa là đứa con trai đầu lòng vừa là sợi dây thắt chặt tình nghĩa vợ chồng chúng tôi. Nhờ vào người bạn đồng hành mới mà công việc vá xe của tôi bớt đi phần cực nhọc, vợ tôi thôi đi xin việc trong các chợ và ra ngả tư phụ giúp tôi trong việc vá vỏ ruột xe. Căn nhà nghèo hèn trở nên ấm cúng, tiếng khóc tiếng cười của trẻ con mang lại niềm vui trong lòng. Bệnh lao của tôi cũng giảm cường độ, những cơn ho dai dẳng cũng thưa dần. Tôi đang sống trong hạnh phúc.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 33**

Cuộc sống mới tuy thật hạnh phúc nhưng đầy âu lo. Chúng tôi gặp rất nhiều rắc rối vì sống trong một chế độ thối nát. Vì kế mưu sinh, tôi phải trực diện hằng ngày với lũ "chó sói". Chúng tiến tôi tiến, chúng lùi tôi lùi, tánh tôi lúc nào cũng cương trực, không chịu cúi đầu nên bị chúng bắt nhốt nhiều lần. Những lần như thế, vợ con tôi phải tha phương cầu thực để có tiền thăm nuôi tôi. Tội nghiệp con tôi, một đứa bé chưa ráo máu đầu vì tôi đã phải ăn xin ngoài đường. Mỗi lần vào thăm, thấy mặt nó lem luốc, mũi chảy lòng thòng, lòng tôi quặn lại. Tôi chỉ biết nghẹn ngào nhìn vợ nhìn con lòng đầy hối hận. Thế là từ đó tôi quyết định đóng vai "câm điếc" trước đám công an "chó sói" khi có chiến dịch.   
Ngày ra khỏi tù, mặc dù cơ thể tôi vì bệnh lao phổi, tôi phấn đấu tới cùng, hy sinh tất cả để cho vợ và con được bình yên. Tôi cố che giấu cơn đau để rồi đêm đêm khóc thầm cho số phận bi đát. Tôi muốn vượt thoát mặc cảm tàn phế để hòa mình vào cuộc sống, nhưng số phận cứ tiếp tục khắc khe với chính tôi. Thời gian này là thời gian tôi tranh đấu gian nan cho sự sống của bản thân vàcủa gia đình, nhưng làm sao có chỗ đứng khi chỉ biết trốn chạy. Mỗi ngày tôi cứ bày hàng ra và ôm hàng chạy trốn, cuộc sống như thế tiếp diễn đều đặn. Tôi chỉ mong được yên phận nhưng người ta không cho tôi cơ hội đó.   
Ngày tháng cứ trôi qua, anh em chúng tôi sống triền miên trong cảnh đói khổ. Chính quyền cộng sản bố ráp một thời gian rồi lại buông thỏng, những người đói khổ như chúng tôi may mắn không bị bắt đưa vào các trại tập trung cải tạo lao động được dịp bày hàng ra hè phố buôn bán. Mãi lo làm ăn, không ai nghĩ tới chuyện đề phòng công an bố ráp. Khoảng thời gian này, tôi ngỡ như là cây khô được tưới nước mưa và cảm thấy yên tâm. Tôi hăng say công việc bơm vá ruột xe. Nhưng nỗi hạnh phúc nhỏ này không kéo dài lâu, độ một hai tháng sau chiến dịch dẹp lòng lề đường lại tái diễn, cuộc sống bất ổn trở lại.   
Không thể hình dung được cuộc sống trong xã hội này, người dân là chuột, chính quyền là mèo, mèo muốn vờn chuột lúc nào cũng được. Khi no thì mèo nghỉ, khi đói mèo rình bắt chuột. Nhân phẩm con người không có trong xã hội này. Sự đau khổ là dấu ấn của "thời đại xã hội chủ nghĩa", nó in sâu vào tâm trạng người dân nghèo khó như giấy thông hành đi vào thiên đường cộng sản. Nhiều lúc tôi cố quên nỗi đau thương và tủi hận hôm nay để tìm về quá khứ, tiếc thương một thời vàng son trong xã hội cũ, nơi đó con người biết sống với luật "nhân quả", ăn lành ở hiền, tôn trọng nhân phẩm của nhau và cư xử như những con người.   
Bản nhạc "Tình khúc thứ nhất" có một đoạn như sau: "có biết đâu niềm vui đã nằm trong thiên tai". Đúng Đức Phật đã nói: "Cuộc đời này quả là biển khổ", nhận thức được nó là đã giác ngộ, phải tìm cách thoát ra và quên đi nỗi khổ. Taylor nhận định: "Chẳng có hạnh phúc tột đỉnh nào trên trái đất này mà không trĩu nặng những thương đau. Chẳng có hạnh phúc nào lên đến tột đỉnh mà không bị đổ nhào vì những tai ương". Byron cho rằng: "Con người là cái quả lắc giữa nụ cười và nước mắt. Ai chưa biết khóc thì chưa hẳn là người.   
Người ta chào đời bằng tiếng khóc và lìa đời cũng bằng nước mắt. Đời người tuy ngắn ngủi, nhưng cũng rất dài. Chúng ta không dừng ở một điểm nào vì không biết điểm nào là điểm cuối cùng. Đời sống là một cuộc chiến đấu liên tục, chiến đấu với ngoại cảnh và chiến đấu với bản thân, do đó cần phải vượt lên nỗi đau bằng cách chấp nhận nó để sống. Vấp ngã sẽ giúp chúng ta vững tiến trên đường đi tới, đừng vì nó mà thối chí và chùn chân trong vũng lầy tuyệt vọng vì không có gì tuyệt đối trong cuộc đời, con người phải đánh đổi mạng sống hằng ngày để tìm đường sống". La Rochefoucault nói: "Chưa bao giờ chúng ta hạnh phúc hay khổ đau như chúng ta tưởng", v.v...   
Những nhà tư tưởng lớn đã nói như vậy sá gì cuộc sống hèn mọn của tôi. Hiểu được điều này, tôi cảm thấy bớt bị dằn vặt và an phận với số mạng của mình. Những khi buồn khổ, tôi thường ngồi tịnh tâm suy ngẫm triết lý của đạo Phật hay những câu triết lý của những bậc vĩ nhân, đó là những tia nắng sưỡi ấm hồn tôi. Từ đó tâm thần tôi được yên ổn, những hành hạ thể xác và tinh thần của những người cộng sản không còn làm tôi bận tâm. Hôm nay có ăn, tôi vui vẻ hưởng thụ, ngày mai bị đói tôi chấp nhận một cách khoang dung. Tôi tin vào luật nhân quả, ăn lành ở hiền sẽ có ngày gặp quả tốt. Tôi tha thứ cho những ai đã hành hạ tôi ngày hôm nay.   
Nhưng đó không phải là tâm trạng của những người khác, họ vẫn còn căm hận lũ "chó săn". Đối với họ, những đám công an là một bầy "chó sói", trước kia chúng sống chui rút trong rừng chỉ biết cào bới những nấm mộ hoang để tìm mảnh xương vụn trong lòng đất lạnh, hôm nay chúng về thành phố, nắm giữ quyền uy và biết gậm nhấm những đĩa thịt cao sang, bản chất không hề thay đổi. Chúng được nằm ngủ trong những nhà cao tầng, những ngôi biệt thự, uống những thứ rượu ngon, đi chơi trên những chiếc xe lộng lẫy, ngủ với những thiếu nữ trẻ đẹp, nhưng vẫn không giã từ bản chất gian manh. Cho dù có mặc áo thụng, sửa đổi dáng đi, hình hài và bản chất của chúng vẫn là "chó sói". Nhưng tôi không muốn bận tâm những chuyện đó nữa, cuộc đời này đã đủ khổ đau để không còn nghĩ đến chuyện khác.   
Bầu trời trở nên đen tối, những cơn gió ào ạt rít vang từng hồi. Mưa bắt đầu trút xuống, những giọt nước tung toé trên khắp nẻo đường, gây lụt lội sình lầy khắp nơi. Đài truyền thanh loan báo cơn bão cấp 9, cấp 10, đã tràn vào Việt Nam. Dân chúng lo âu tìm cách tránh né, nơi đâu cũng bị cơn bão hành hạ. Tội nghiệp nhất là đám dân lành, nhà cửa đã nghèo lại còn bị sụp. Mọi người trông ngóng ánh mặt trời trở lại.   
Những ngày này cả nhà tôi phải nghỉ làm. Cái lạnh cứ ray rứt. Nhưng cái lạnh ngoài da có thấm gì cái lạnh trong tâm hồn. Chúng tôi đang chờ bàn tay nóng ấm tình người từ hải ngoại bay về kéo vực chúng tôi ra khỏi cảnh lầm than, giúp đỡ con cái chúng tôi đi về ánh nắng mặt trời.   
"Mưa ơi, hãy trút xuống những cuộn sóng khổng lồ và những ngọn cuồng phong mãnh liệt xóa tan nỗi đau trên những thể xác không toàn vẹn. Nắng ơi, nắng hỡi, hãy chiếu những tia dịu hiền mang lại niềm vui cho khắp mọi nhà, xóa tan màu đen tối vây quanh. Xin ánh sáng tình thương soi sáng những tâm hồn mê muội chỉ biết hành hạ người đồng hương. Xin ánh sáng tình thương thay đổi tâm linh loài lang sói. Cầu mong sự tha thứ chiếm ngự con tim để cho thù hận chìm vào quên lãng".   
\* \* \*   
May mắn đã đến với tôi khi được biết tại hải ngoại vẫn còn nhiều người nhớ đến chúng tôi. Tôi được bạn bè phế binh cho biết địa chỉ bác sĩ Phan Minh Hiển ở Pháp, người đang tích cực vận động giúp đỡ chúng tôi. Thế là tôi dẫn con đi chụp hình và làm giấy tờ xin bác sĩ Hiển trợ cấp nhân đạo. Con tôi may mắn được một ân nhân hải ngoại nhận làm con nuôi và giúp tôi tiền để điều trị bệnh lao.   
Viết lại theo lời kể của Bất Hạnh,   
một phế binh cụt chân trái hiện ở Khánh Hội, Sài Gòn.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 34**

Tâm tư và cuộc sống quả phụ

"Việt Nam, Việt Nam, tên gọi là người, Việt Nam hai tiếng nói trên vành môi Việt Nam nước tôi..."   
Việt Nam hai tiếng gọi linh thiêng, Việt Nam quê hương của người Việt. Mỗi lần hát lại bài hát này lòng tôi không khỏi gợn lên những hùng khí từ lâu im tiếng. Nhiều người yêu quê hương này vì còn mẹ còn cha, còn nhà còn cửa; người khác yêu quê hương chỉ vì thương nhớ những kỷ niệm đẹp: lũy tre xanh, bờ ruộng, trường xưa lớp cũ, một cuộc tình tình lãng mạn... Riêng tôi, tôi yêu đất nước này như yêu người tình, người mẹ, người cha. Tôi yêu đất nước này vì được sinh ra và lớn lên trong tinh thần bất khuất, tôi đã chia sẻ với nó nỗi đau, niềm vui của một thời son trẻ, và sẽ còn tiếp tục chia sẻ để nhìn thấy nó vươn lên. Nhưng quê hương ngày nay chỉ toàn bất hạnh, tôi vẫn yêu nồng nàn vì có nhiều người đã hy sinh bảo vệ, trong đó có chồng tôi.   
Là góa phụ ở lứa tuổi thanh xuân trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến, tôi còn quá trẻ, mới 24 tuổi, để phải chống chọi với những gian lao cuộc đời. Tôi đã phải giữ mình trước biết bao cám dỗ để trân trọng mối tình với người chồng mà tôi hằng yêu quí. Cưới nhau vừa được tám tháng anh đã đi vào lòng đất lạnh, để lại tôi một mình chơ vơ trên cõi đời với tấm hình treo trên vách.   
Phạm Văn Tân, tên anh, 25 tuổi, thiếu úy Sư Đoàn 18 bộ binh, người tình và là người chồng của tôi, tử trận ngày 28-4-1975 tại cửa ngõ Sài Gòn. Những ngày cuối cùng của cuộc chiến thật là kinh hoàng. Vào lúc sáng sớm, một đồng đội của anh Tân chạy đến nhà tôi trong khu gia binh thị xã Xuân Lộc báo tin anh vừa tử trận, rồi xin một bộ đồ dân sự để tìm đường về Sài Gòn. Trời đất bỗng nhiên quay cuồng chóng mặt. Tôi gượng đứng cạnh cửa bếp thở khó khăn, mẹ chồng tôi mặt mũi trắng bệch nhìn người đó ra đi tim như ngừng đập. Nói sao được nỗi bàng hoàng lúc đó. Anh Tân, chồng tôi đã chết. Theo lời người lính thuật lại, xác anh còn nằm ở đâu đó trong rừng cao su, gần ngã ba Dầu Giây. Phải đi tìm gấp nếu không người ta sẽ lấp xác anh vào một hố chôn tập thể, lúc đó thì quá muộn. Sau vài phút định thần, tôi lấy lại bình tĩnh. Không còn sợ gì nữa, đời người chỉ một lần chết, tôi cùng mẹ chồng bàn nhau ra đường đón xe đi tìm xác anh Tân mang về chôn.   
Hai mẹ con vừa khóc vừa đón được một chiếc xe Lam đi đến nơi vừa xảy ra chiến trận. Tiếng đạn bom vẫn còn nổ vang rền ở phía xa xa. Vào lúc giữa trưa, hai chúng tôi mới tìm đúng địa điểm mà người lính mô tả. Nơi đây mùi thuốc súng còn nặng, nhà cửa tan hoang, cây cỏ dập nát, quân trang, quân dụng, ba lô, đạn dược và lương khô rơi vãi đầy mặt đất. Vài khẩu pháo 105 ly mất bánh xe nằm ngã nghiêng; xác mấy chiến xa M113 và M40 thuộc Lữ Đoàn 5, một đơn vị thiết giáp đóng cạnh khu gia binh, bị thủng đạn cháy đen ngòm, mùi khét của thịt xương và ma duốt còn bốc ra nồng nặc; vài chiếc GMC đầy vết đạn lật chỏng gọng hai bên đường để trơ những bánh xe dính đầy bùn. Xác các binh sĩ chết trận đen đủi nằm rải rác dọc đường, hình thù biến dạng, có người chỉ còn một khúc mình, người khác thân hình bị gãy làm đôi trông thật khủng khiếp. Một vài khúc tay, khúc chân tím đen cùng những chiếc giầy nằm giữa đám cỏ vô tri. Ruồi nhặng từ đâu bay đến bu đen các xác chết. Khu vực này âm u đến rợn người. Hai mẹ con vừa bịt mũi vừa giở những mảnh vải dơ bẩn phủ trên mặt người chết. Không biết ai đó còn đủ thì giờ để làm việc nhân đạo này trước khi bỏ đi, dầu sao chúng tôi cũng thầm cảm ơn những người đó.   
Sau khi giở khoảng bốn năm mảnh vải trên mặt người chết, chúng tôi nhận diện được xác anh Tân. Trời đất bỗng như tối lại, tôi muốn ngất xỉu, mẹ chồng cũng thế. Anh nằm ngữa mặt chết trên một miệng hố cá nhân, ngực bị dập nát, áo trận dính đầy máu bầm. Có lẽ ai đó đã lôi xác anh lên khỏi hố cá nhân vì hai tay anh buôn xuôi theo thân hình, hai chân còn lòng thòng trên miệng hố. Khẩu súng ngắn mà anh thường mang bên người không còn, chỉ còn lại bao da đeo ở lưng quần. Cây M16 hằng ngày anh mang bên mình cũng bị ai lấy mất, có lẽ anh đã bắn trả dữ dội lắm trước khi chết nên vỏ đạn rải đầy dưới hố.   
Không khí chung quanh vắng lặng như không có chuyện gì xảy ra. Tiếng ve sầu ồn ào mọi khi cũng im bặt. Lúc này hai mẹ con chúng tôi không còn nước mắt để khóc, và cũng không phải là lúc để khóc. Phải bình tĩnh, tôi tự nhủ lòng. Tôi phụ mẹ chồng khiêng xác anh Tân ra khỏi miệng hố và lau khô các vết máu trên mặt và trên da thịt anh. Máu đã khô nên chùi rất khó, cũng may bi đông nước của anh còn nằm bên cạnh nên tôi nhúng khăn cho ước để mẹ chồng chùi cho dễ. Tay bà run run, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy dài xuống má. Tôi mò tìm trong túi áo anh những giấy tờ hay vật dụng cá nhân nhưng không còn gì hết. Các túi áo của anh đã bị ai đó xé rách. Tôi chỉ thấy tấm thẻ bài còn đeo ở cổ nên vội vàng tháo nó ra cất vào túi, rồi xé lớp áo trận rách nát trước ngực dính đầy máu khô. Lòng ngực của anh bốc lên mùi hôi khó chịu, để lộ cả tim phổi trổ màu tím bầm khiến tôi muốn nôn mửa, phải nín thở và không dám nhìn vào mới xé bỏ được mảnh áo bỏ qua một bên. Tôi vội cởi chiếc áo len mỏng mang trên người để bọc ngực anh. Lau chùi xong, mẹ chồng tôi ngồi chồm hổm xuống đất, thẩn thờ sửa lại đôi chân anh Tân cho ngay ngắn trên mặt đất.   
Hai mẹ con trao đổi với nhau vài lời vô nghĩa, tôi không còn nhớ rõ là gì. Sau cùng hai chúng tôi phân chia công việc: bà ra đường lộ đón xe, tôi ngồi lại giữ xác. Lúc này tôi mới khám phá chiếc đồng hồ Seiko tôi tặng anh sau ngày cưới đ^ã bị ai lột mất, để lộ một khoảng da trắng tái quanh cổ tay trái đã trổ màu xám. Tôi vừa đuổi ruồi vừa im lặng ngồi khóc bên cạnh xác anh. Độ nửa giờ sau, mẹ chồng đi đến trên chiếc xe Lam đậu ngoài bìa rừng. Anh tài xế phụ hai mẹ con tôi khiêng xác anh Tân bỏ trên xe. Anh tài xế này là phúc đức, anh lặng lẽ đến từng xác chết cắm vài cây nhang, vái mấy cái rồi mới chịu ra đi. Anh nói người ta lúc còn sống có làm điều gì ác đức thì chết cũng phải được tôn trọng, huống gì đây những chiến sĩ đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ xứ sở. Anh còn nói sẽ vận động một số anh em khác đến chở những xác này ra nghĩa địa chôn và liên lạc với gia đình người quá cố nếu tìm được một địa chỉ nào đó trên người.   
Thế là chồng tôi chết không ai hay biết. Chế độ miền Nam đang bị đe dọa nên không ai có đủ thì giờ để quan tâm đến người quá cố, ai cũng lo cho bản thân mình. Nhiều chiến sĩ khác chắc cũng chết vô thừa nhận ở đâu đó như chồng tôi trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến này, nhưng các anh đó không có cái may được thân nhân đến tìm xác mang về nhà chôn như chồng tôi. Các anh đã hy sinh cho cái gì? Thật tội nghiệp cho những người hy sinh vào giờ thứ 25. Cuộc chiến diễn ra nhanh quá nên những ai ngã xuống đều bị bỏ rơi. Quân địch cũng không có thì giờ chôn xác các anh, đồng đội các anh thì đang tìm đường trốn thoát nên xác các anh vẫn còn nằm đây.   
Trên đường về nhà, tôi thấy nhiều thanh niên mặt mũi sạm nắng, tóc hớt cao, mặc thường phục đón xe dọc đường, có lẽ đó là những người lính Việt Nam Cộng Hòa trong giờ thứ 25. Nét mặt của ai cũng lộ vẻ sợ hãi. Xe Lam chúng tôi chở xác chết nên không ai đeo lên, những xe khác người ta bám đầy. Quốc lộ 1 lúc này thật là chật hẹp và hỗn loạn. Người đi bộ và xe dân sự chen lấn nhau trên đường. Thêm vào đó là những đoàn xe tăng và những chiếc xe quân sự ngụy trang dưới đám lá rừng của quân cộng sản đậu dọc hai bên đường, bộ đội miền Bắc mặt mũi non choẹt đứng ngồi chật cả đường lộ, chỉa súng vào đám người đi bộ hai bên đường, gương mặt cũng lộ đầy nét lo âu. Tôi không còn tâm trí để quan sát đoàn quân xâm lăng này, chỉ mong sao sớm về nhà. Người ta cũng chẳng ai thèm quan tâm đến chiếc xe Lam chở xác chết nên chúng tôi được yên ổn chạy tiếp. Đến chiều xác anh Tân được đưa về nhà. Thật là buồn nhưng lòng cũng nhẹ nhỏm, anh Tân đã vĩnh viễn về với gia đình. Vài người hàng xóm tò mò đến xem, hỏi han sự tình và chia buồn.   
Lệ hoen mi, nước mắt tủi nhục   
Người nuối tiếc thưởng thức năm canh  
Chôn cất anh xong, tôi cùng mẹ chồng sống những ngày đen tối. Vài nhà hàng xóm vui mừng đón chồng, đón con là lính vừa rã ngũ trở về bình an. Thật là đau đớn. Phải làm gì đây những ngày sắp tới, hai người đàn bà chân yếu tay mềm? Là điều may và cũng là nỗi buồn, hai chúng tôi vừa mới cưới nhau nên chưa có con, nếu không chúng sẽ lâm vào cảnh mồ côi. Mẹ chồng tôi có hai người con, người con gái lớn lấy chồng, cũng là lính đóng ở Vĩnh Long, hai tháng nay không có tin tức gì. Bà ở với chúng tôi với hy vọng sớm có cháu nội để bồng bế, nay thì hy vọng của bà tiêu tan trong đau khổ. Đầu tháng 5, bộ đội cộng sản vào khu gia binh xua đuổi tất cả mọi người ra khỏi nơi cư ngụ. Tôi dẫn mẹ chồng về xóm đạo Phát Diệm, Hố Nai, quận Trảng Bom (nay là huyện Thống Nhất), tỉnh Đồng Nai, ở với cha mẹ tôi.   
Tôi là con gái thứ ba trong một gia đình công giáo di cư, hai anh trai của tôi đều là quân nhân đã có gia đình và đóng quân ở xa. Cha tôi là sĩ quan cảnh sát, cấp bậc thiếu tá ngành tuần lưu xa lộ Biên Hòa. Gặp lại gia đình thật là sung sướng, tôi cảm thấy được che chỡ và được an ủi.   
Mẹ chồng tôi trước kia cũng ở Hố Nai, xóm Bùi Chu phía trên, nên về lại đây không mấy lạc lỏng. Thỉnh thoảng bà lên xóm trên thăm hỏi bà con và lại trên đó vài ngày. Ở với tôi độ ba tháng, bà tỏ ý muốn về Vĩnh Long ở với người con gái lớn và là chị dâu của tôi tên Thanh Kỳ. Chị Thanh Kỳ có chồng là lính hải quân, thuộc Giang Đoàn 27 xung phong, có hai con còn nhỏ. Tôi bùi ngùi chia tay bà vì phải ở lại giúp đỡ gia đình.   
Cha tôi như mọi người khác phải đi học tập cải tạo, lúc đầu ở Bình Long, sau đó bị chuyển ra Bắc. Việc thăm nuôi càng lúc càng khó khăn vì đường sá xa xôi và khả năng tài chánh gia đình ngày cang eo hẹp. Tôi còn sáu đứa em còn nhỏ phải nuôi ăn học. Hai anh trai của tôi, một là huấn luyện viên trường Lam Sơn, một là sĩ quan võ bị Đà Lạt, cũng đi học tập cải tạo. Cũng may là hai anh đã có gia đình nên việc thăm nuôi có gia đình bên vợ lo nên gia đình tôi cũng bớt gánh nặng. Mẹ tội, một phụ nữ gương mẫu, chỉ biết đảm đang việc nhà, phục vụ chồng con và đi nhà thờ đọc kinh cầu nguyện, ngoài ra không biết gì khác, sinh kế gia đình vì vậy từ nay do tôi đảm nhiệm.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chưong 35**

Nơi làng công giáo này, cuộc sống rất là khó khăn. Nhờ nằm trên quốc lộ 1, trục lộ giao thông chính về Sài Gòn, bà con nơi đây kiếm sống bằng cách bán đồ ăn thức uống cho hành khách trên xe đò ở các trạm kiểm soát. Tôi cùng mẹ ra chợ ngồi bán quần áo và vật dụng cũ, các em tôi đứa nào đi học sáng thì bán mía lau và trà đá ở các trạm kiểm soát buổi trưa, đứa đi học chiều thì bán thuốc lá và xăng lẻ buổi tối ở dọc đường. Nhờ cả nhà buôn bán nên cũng tạm đủ ăn. Nhưng vì quá đông người bán, lợi tức ngày càng giảm, việc ăn uống phải hạn chế lại. Nhiều lúc cực quá, tôi gắt gỏng với các em vì chúng đòi sắm áo quần và sách vở mới. Kể cũng tội nghiệp, bạn bè chúng thuộc những gia đình khá giả ăn mặc tươm tất, còn chúng thì mặc những quần áo cũ, có nhiều dấu vá vì một năm chỉ được một bộ quần áo mới.   
Nỗi cực thể xác và vật chất còn chịu đựng được, nhưng sự dằn vặt tinh thần thì không chịu nổi. Mỗi ngày loa phóng thanh ở các chợ và đường phố cứ hô hào dân chúng thi đua lao động, chửi bới ngụy quân ngụy quyền, đề cao chủ nghĩa xã hội (chẳng ai thèm để ý). Thêm vào đó là những buổi họp ở các tổ dân phố, toàn là người quen không mà cứ phải lôi nhau ra phê bình kiểm thảo. Tự nhiên tôi đâm ra lo sợ mọi người, sợ những người quen hôm qua trở mặt đấu tố gia đình tôi hôm nay.   
Có lúc tôi so sánh cuộc sống trước kia và cuộc sống hiện tại, đúng là hai thái cực, một bên là Thiên Đàng, một bên là Địa Ngục. Tôi chợt nhớ lại tuổi ấu thơ ngày xưa khi còn là một cô gái nhỏ, chúng tôi thường hay chia phe chơi trò Thiên Đàng - Địa Ngục. "Thiên Đàng Địa Ngục hai bên, ai khôn thì dại, ai dại thì khôn, đêm nằm nhớ Chúa, nhớ Cha, đọc kinh cầu nguyện kẻo sa linh hồn, linh hồn phải giữ linh hồn đến khi gần chết được lên Thiên Đàng". Bài hát này không biết ai đặt ra, chắc chắn phải do một người có ưu tư nhiều về việc giữ đạo nên đã sáng tác để trẻ nhỏ vừa vui chơi vừa giữ đạo, trước mặt Chúa không có kẻ khôn và người dại.   
Phong trào đi vùng kinh tế mới được phát động trong các tổ dân phố, loa phóng thanh ngoài chợ hô hào mạnh mẽ. Những gia đình thuộc diện "ngụy quân ngụy quyền" như chúng tôi được "ưu tiên" giải quyết. Một vài nhà đã tình nguyện "đăng ký", chúng tôi cứ chần chừ ở lì, cuối cùng không ai thèm nhắc tới. Gần một năm sau, những gia đình đi vùng kinh tế mới ở Sông Bé trở về lại vì không chịu đựng nổi cảnh núi rừng hiu quạnh. Có gia đình về không đông đủ như lúc ra đi vì đã để lại vài thân xác trong rừng sâu, những gia đình khác thì đông người hơn vì sinh thêm con, tất cả đều ốm yếy, bệnh hoạn, nước da vàng vọt, người đầy ghẻ chóc. Họ không còn nhà cửa nên cất tạm những căn nhà lá trên những mảnh đất hoang cạnh bìa rừng để ở. Con cái thất học là điều dĩ nhiên nhưng được yên tâm vì dầu sao cũng còn được ánh sáng văn minh chiếu tới, mỗi khi bệnh đau còn có nơi mua thuốc chữa trị và việc sinh kế thì cứ ra chợ hay dọc quốc lộ 1 buôn bán. Ngoài ra họ còn canh tác thêm rau đậu ăn thêm, phần còn dư mang ra chợ bán. Cuộc sống nói chung rất khổ nhưng ai nấy đều chấp nhận để tồn tại.   
Năm 1979, chiến cuộc tại vùng biên giới Tây Nam đến hồi sôi động. Chính quyền địa phương hô hào thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự. Bốn em trai tôi đã lớn, đứa lớn nhất 19 tuổi, đứa thứ nhì 17. Chúng thuộc diện gia đình "ngụy quân ngụy quyền" nên không được "kết nạp" vào bộ đội, tôi rất mừng. Nhưng nỗi mừng không kéo dài lâu, công an khu vực đến nhà nói Bình và Khánh (hai em trai lớn của tôi) đã tới tuổi trưởng thành phải thi hành nghĩa vụ "lao động quốc tế", tức đi "lao động tại chiến trường Kampuchia". Tôi không muốn các em tôi hy sinh cho cuộc chiến mới này nên tình nguyện đăng ký đi vùng kinh tế mới. Thanh niên thuộc các gia đình "ngụy quân và ngụy quyền" và các gia đình nghèo phải gia nhập lực lượng thanh niên xung phong, "nghĩa vụ" của họ tại Kampuchia là phá rừng, dựng nhà, làm đường và gỡ mìn bẫy do bọn Khmer đỏ gài thay cho bộ đội.   
Trở lại việc đi "xây dựng vùng kinh tế mới", cả gia đình tôi đi hết chỉ để đứa em gái lớn, Xuân Tiên (18 tuổi), ở lại giữ nhà. Nhờ người hàng xóm giới thiệu, mẹ tôi mua lại một miếng đất nhỏ ở vùng kinh tế mới Tân Uyên đã khai hoang sẵn để lập nghiệp. Nơi đây không xa Hố Nai cho lắm nên có thể lui về thường xuyên. Tôi muốn chắc ăn nên giữ hai em lên chốn rừng sâu lánh nạn, mục đích là để chúng không chết thay cho những người đang hành hạ gia đình tôi. Năm 1981, nhiều thanh niên trong xóm bị đưa sang Kampuchia trở về, đứa thì thương tật, đứa thì què cụt. Nhiều đứa bị mất tích, có đứa trốn sang Thái Lan tị nạn. Những thanh niên khác bị giữ lại tiếp tục làm nghĩa vụ "lao động quốc tế". Lao động cái gì? Họ bị đưa sang chiến trường Kampuchia để làm bia đỡ đạn; rất nhiều người đã chết.   
Vùng kinh tế mới trong rừng Tân Uyên không phải là nơi dễ sống. Đất đai chưa khai hoang hoàn toàn nên cỏ cây còn mọc um tùm. Nơi đây có nhiều đồng bào Thượng cư ngụ, chỉ một vài gia đình người Thượng khá giả ở lại giữ đất và làm trung gian trao đổi hàng hóa giữa Kinh và Thượng, số còn lại rút về chốn rừng sâu hơn để canh tác, tránh tiếp xúc với người Việt. Quen sống với những tiện nghi ở chốn thành thị, chúng tôi phải cố gắng lắm mới chống chọi với sương gió, khí độc của rừng sâu. Mỗi lần các em trai tôi vào rừng kiếm củi trở về, mẹ tôi phải ngồi hằng giờ kẹp gắp những mũi gai nhọn đâm vào các ngón chân, chúng can đảm không khóc nhưng nước mắt chảy ra ràn rụa. Những ngày mưa gió thật là buồn thảm, nước mưa dột ướt cả nền nhà bằng đất nện, các thau chậu không đủ để hứng, sự đi lại trong nhà trở nên khó khăn và dơ bẩn. Bữa cơm gia đình thật là thiếu thốn, cả nhà phải ăn độn bo bo với khoai lang, lát sắn khô, bắp mọi, rau đắng và muối ớt để dằn bụng. Chất dinh dưỡng duy nhất là cá khô và mắm tôm, họa hoằn lắm các em tôi bẫy được con chim, con nhím hay câu vài con cá nhỏ tăng cường bữa ăn, lâu lâu mới được ăn miếng thịt heo và cá biển. Đường tán là xa xỉ phẩm, lâu lâu mới có dịp nếm một lần. Giếng nước gần nhà khô cạn vào mùa khô, các em trai phải đi gánh nước ở bờ suối cách nhà hơn trăm mét. Nước phải đun kỹ trước khi uống vì sợ mắc các chứng bệnh đường ruột và sốt rét. Đỡ một cái là củi rừng không thiếu nên mẹ tôi sản xuất măng khô hong khói để mỗi tuần tôi mang về Hố Nai bán lại. Măng tre vào mùa mưa mọc rất nhiều nên các em tôi tha hồ cắt về cho mẹ. Cuộc sống cũng tạm ổn định mặc dù còn rất thiếu thốn. Chúng tôi an phận với đời sống ẩn dật này chờ ngày cha tôi trở về.   
Với thời gian gia đình tôi thích nghi dần với cuộc sống mới và chia sẻ buồn vui với những người hàng xóm, phần lớn là những gia đình thương binh, tất cả đều dầm mưa dãi nắng phụ giúp gia đình làm việc. Có anh chỉ cụt một tay, có anh mất một khúc chân nhưng ngày ngày chống nạn gieo trồng, chăm sóc thực vật giúp đỡ gia đình. Có anh bị mất cùả hai chân, xe lăn không có, đi lại khó khăn, chỉ biết ngồi ôm tủi nhục nhìn người thân lao động. Con cái họ, những thanh niên thiếu nữ "thành phố" ngày đêm phải cầm xẻng cuốc đất, cầm dao phát cỏ, chặt cây đốn củi, vết chai đá để lại nhiều dấu ấn trên người.   
Càng bị bạc đãi bao nhiêu, tinh thần đồng cam cộng khổ phát triển bấy nhiêu. Mọi người vui vẻ chia sẻ với nhau những miếng ăn vật lạ. Nơi đây sự cùng khổ liên kết chúng tôi với nhau. Các em tôi có thêm bạn mới, ngày tháng cũng bớt phần cô liêu. Trường học không có, thầy dạy cũng không, tối đến các em nhỏ đến nhà một anh phế binh, hình như là sĩ quan công binh thì phải, học chữ dưới ánh đèn dầu. Nhà anh chập hẹp, bàn ghế thiếu thốn nên các em nhỏ ngồi dưới đất tập viết, tập làm toán. Tuy vậy không khí rất là đầm ấm, tiếng trẻ thơ tập đọc vang dội cả một góc rừng.   
Mẹ tôi cũng quen dần với nếp sống mới, bà có nhiều bà bạn cùng lứa tuổi theo con đi vùng kinh tế mới đến nhà chơi. Bà rất được các bà bạn kính nễ vì có chồng là sĩ quan trung cấp đang đi học tập. Nhiều bà hay tin mẹ tôi sắp đi thăm nuôi chồng đã mang đến muối vừng, khô nai, khô heo rừng thân tặng. Món quà tuy nhỏ nhưng tấm lòng thật lớn. Gia đình tôi cũng vậy, mỗi lần có bà mẹ nào đi thăm con học tập cải tạo cũng mang đến tặng măng khô hong khói và một vài thứ bánh mức khác. Mẹ tôi hay làm bánh khúc nhân chuối để biếu.   
Riêng về gia đình tôi, mỗi lần chuẩn bị đi thăm nuôi người cha ở tận miền Bắc, cả nhà đều lo âu. Thăm nuôi ít quá thì sợ ông buồn và uổng công lặn lội đường xa, thăm nuôi nhiều quá thì cả nhà thiếu thốn, thật là nan giải. Đó là chưa kể những thứ lặt vặt khác như bảo các em viết thư, lập danh sách mua đồ, mua vé tàu hỏa, cân và đóng gói.... Mỗi lần như thế tôi phải ở nhà chăm sóc các em, mẹ tôi về Hố Nai mua sắm hàng hóa, đóng gói gọn gàng rồi đón tàu ra miền Bắc.   
Em gái thứ tư, XuânTrang, bây giờ đã 16 tuổi được về Hố Nai ở với chị là Xuân Tiên nên nó rất mừng. Được thấy lại cảnh phố phường không gì vui hơn. Cả hai chị em bây giờ đều xinh đẹp, nhiều thanh niên trong xóm thường xuyên đến nhà ngấp nghé. Ghét nhất là những cán bộ xã và đám công an trẻ, cùng là người địa phương với nhau mà bây giờ lại trở mặt, người ta gọi chúng là "thành phần 30". Chúng hay lợi dụng cơ hội mời gọi hai em gái tôi lên đồn hạch sách, dò hỏi tin tức của hai em trai và cha tôi. Mục đích là để chọc ghẹo hơn là tra hỏi, chúng lợi dụng bộ áo công quyền để dọa dân. Chúng tôi rất ghét nhưng đành cam chịu. Những lần mẹ tôi ra Bắc, tôi phải về Hố Nai chờ đợi và cũng nhân dịp giúp hai em gái dọn dẹp nhà cửa, mua sắm thêm đồ đạc cho cả hai nhà.   
Từ lâu rồi không còn dịp chăm sóc dung nhan, nhìn lại mình trong gương tôi thấy xấu hổ. Còn đâu là một thiếu nữ từng là hoa khôi của trường Nữ Vương xóm Phát Diệm ngày nào, còn đâu là thiếu phụ duyên dáng trong khu gia binh Xuân Lộc. Gương mặt sạm nắng đen ngòm, hai gò má lồi lõm in đầy vết nhăn khiến tôi già đi, những ngón tay khô cứng đầy vết chai, thân hình gầy còm và giọng nói khô khan. Dạo này tôi la nhiều hơn nói, các em tôi đều phải ngạc nhiên nhưng không dám cãi lại.   
Tội nghiệp thân tôi, chồng mất sớm, cha đi học tập, một thân một mình phải cáng đáng cả gánh nặng gia đình. Chúng tôi sống trong cảnh túng quẩn, khổ cực như mọi gia đình khác nhưng ít ra họ còn có người chồng, người cha làm điểm tựa, đằng này chỉ có mình tôi. Mẹ tôi ngày càng già yếu, trí nhớ có phần kém đi, việc gì cũng phải đợi tôi quyết định. Bà luôn sống trong lo âu và sợ hãi, nhất là mỗi khi hàng xóm thuật lại những biện pháp mới đe dọa cuộc sống. Từ lâu rồi bà cũng không còn chăm sóc dung nhan, bà thường mặc những bộ quần áo cũ, chắp vá nhiều nơi đôi khi khiến tôi phải lên tiếng phản đối. Chiếc xe đạp cũ kỹ có lẽ là phương tiện duy nhất của gia đình, các em tôi thay phiên nhau đạp từ vùng kinh tế mới về nhà và ngược lại. Chiếc xe ọp ẹp phải chở nào là củi rừng, măng khô về lại nhà cũ và chở hàng hóa từ nhà cũ về vùng kinh tế mới. Mỗi lần xe bị đứt sên hay bị xì lốp là rất tốn tiền.   
Mỗi lần mẹ tôi trở về từ miền Bắc, tôi đưa cả gia đình về Hố Nai chờ đón. Thường phải mất một tuần cả đi và về, nhanh nhất là năm ngày. Ngày hội tụ thật là hạnh phúc, cả nhà được dịp ăn cơm trắng có thịt cá và rau muống xào. Mẹ tôi trông già hẳn đi, nét mặt mệt mỏi nhưng khi về lại nhà nhìn đàn con đông đủ mặt bà cũng tươi lại. Trong bữa cơm bà kể lại đoạn đường đã đi và trại cải tạo nơi cha tôi bị giam giữ. Lúc này ông đã được đưa về trại Ba Sao ở Hà Nam Ninh nên việc thăm nuôi có phần dễ dàng. Có lần ông được đưa vào nhà giam Hỏa Lò, Hà Nội, để "tra khảo", sau đó bị đưa lên Thái Nguyên rồi trở về Hà Nam Ninh. Tóc ông bạc phơ, thân hình gầy ốm, bệnh thấp khớp hành hạ thường xuyên, có điều tinh thần ông rất vững. Ngày trở về không xa vì đã có nhiều người cùng cấp bậc với ông trong quân đội được th%ả về. Ngành cảnh sát phải ở lâu hơn những người khác vì bị liệt vào hạng "nợ máu", dù là cảnh sát tuần lưu.   
Từ khi cha tôi được về trại Ba Sao, mẹ tôi thường về thăm quê cũ, huyện Phát Diệm nơi bà đã sinh ra. Bà con gần không còn bao nhiêu vì phần lớn đã lên tàu vào Nam năm 1954 nên chỉ còn lại bà con xa. Cảnh vật tại đây không khác gì trước năm 1954, có điều tan tác và nghèo khó hơn. Dân chúng vẫn lam lũ như ngày nào, các nhà thờ đều hoen ố, nhà cửa mục nát. Gia đình nào cũng than van đời sống khó khăn và bị nhà nước ngược đãi. Một vài cha cố, tuổi đã già, cũng phải đi làm ruộng như bao người khác. Lễ lạc chỉ được tổ chức một lần mỗi sáng chủ nhật, việc học giáo lý bị cấm, các hội đoàn công giáo không được hoạt động. Tuy vậy dân chúng vẫn sinh hoạt chui với nhau, cán bộ nhà nước có biết nhưng cũng làm ngơ miễn các sinh hoạt này không mang tính chính trị. Nhiều gia đình đã vào Nam tìm người quen rồi định cư luôn, mặc dù vậy dân cư vẫn đông đúc vì số người được sinh ra nhanh hơn số người đã chết hoặc đã ra đi.   
Tôi nghe một cách hững hờ về vùng quê mẹ, đầu óc lúc này chỉ nghĩ đến những khó khăn trong cuộc sống, ngược lại mẹ tôi thì ứa nước mắt mỗi khi nhắc lại quê cũ. Thật vậy, bà yêu quê hương vì yêu kỷ niệm thời ấu thơ. Cũng như tôi yêu xóm đạo Hố Nai này vì thương nhớ kỷ niệm ấu thơ, cho dù hiện nay tôi có bị khổ sở hay hành hạ, tình yêu tôi dành cho nó vẫn dạt dào như lần đầu tiên được rước mình thánh Chúa. Tình yêu quê hương giống như tình mẹ yêu con, dù con mình có hung hăn hay tàn tật tình thương của mẹ không hề thay đổi, mẹ chỉ buồn khi đứa con bạc tình bạc nghĩa và bất hiếu.   
Cho đến năm 1982, cuộc sống của gia đình tôi tiếp diễn như vừa kể. Nhưng lần này tôi quyết định bán miếng đất trên Tân Uyên dẫn cả gia đình về lại Hố Nai và sang một vuông bán vải ngoài chợ làm kế sinh nhai. Cuộc sống trong rừng núi chỉ là tạm thời để hai em trai tôi lánh nạn. Bây giờ mọi việc đã yên, cán bộ nhà nước và công an khu vực chịu ăn hối lộ nên việc gì cũng dễ dàng, cứ đút lót tiền là xong. Chúng tôi chạy tiền để có lại hộ khẩu. Lần này các em tôi đều đã khôn lớn nên tôi cũng nhẹ gánh gia đình. Xuân Tiên sắp sửa lập gia đình với một thanh niên cùng xóm, Xuân Trang đang có bồ. Bình bây giờ to con hẳn, đẹp trai, tướng tá phương phi như cha, bắt đầu vắng nhà nhiều hơn, có khi tối khuya mới về. Còn Khánh thì ghi tên đi học lại, nó vừa đi làm vừa học thêm ở Sài Gòn nên thỉnh thoảng mới về nhà thăm mẹ và gia đình. Các em sau này đều đã lớn, đứa em trai nhỏ nhất cũng đã 15 tuổi, biết phụ giúp chúng tôi làm việc nhà.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 36**

Lúc này tôi cũng già đi nhiều, mới 31 tuổi mà nhiều người tưởng đã 40. Kể cũng buồn nhưng không sao, gia đình tôi vẫn còn đầy đủ, không ai bị thương tật hay mắc bệnh hiểm nghèo là tôi mừng rồi. Mẹ tôi dạo này già yếu hẳn đi nên phải ở nhà, ba đứa con gái lớn trong nhà thay phiên nhau ra chợ buôn bán. Lúc này kinh tế có phần cởi mở nên việc mua bán ở chợ dễ thở hơn. Tôi sang được một căn sạp ở chợ Thống Nhất để các em thay phiên nhau ra chợ đứng bán ở quầy vải và áo quần may sẵn, tôi chỉ vào Bình Tây và chợ An Đông mua sỉ mang về cho các em bán lẻ. Thỉnh thoảng tôi dẫn Xuân Tiên hay Xuân Trang đi theo để làm quen với bạn hàng phòng hờ những lúc phải thay thế tôi. Những người bán sỉ ở hai chợ này đều là người gốc Hoa, họ dành mọi dễ dãi cho khách hàng quen, nhiều lúc không biết tôi ở nơi đâu họ cũng cho mua chịu với số lượng nhỏ, nhưng tôi luôn tìm cách thanh toán nhanh nhất để không mắc nợ. Việc nhà giải quyết tạm xong, tôi có ý định về Miền Tây buôn chuyến.   
Nghe nói ở miền Tây lúa gạo và cá mắm nhiều, việc ngăn sông cấm chợ cũng đã giảm, tôi muốn về quan sát tình hình và nhân dịp thăm lại mẹ chồng ở Vĩnh Long, vì gần bảy năm qua tôi chưa gặp lại bà, không biết bây giờ bà ra sao. Hơn nữa những anh em phế binh mà tôi có dịp quen biết ở vùng kinh tế mới Tân Uyên về chợ Thống Nhất gặp tôi nhờ giúp đỡ, họ nói lúc này đi buôn củi không còn lời nữa vì có quá nhiều trạm kiểm soát. Đi buôn cá khô về Sài Gòn cũng khó ăn nên họ có ý định buôn gạo từ Hố Nai về Phan Thiết. Gạo là hàng hóa ít bị hư nên có bị kẹt cũng không hư hỏng, vả lại nếu có kẹt thì bán ở đâu cũng được. Tôi rất muốn giúp những anh em này vì lúc còn ở kinh tế mới, mặc dù thân thể tàn tật họ luôn luôn tận tình giúp đỡ gia đình chúng tôi. Thêm vào đó Khánh, em trai thứ nhì của tôi, cũng muốn đi theo những anh em này đi buôn chuyến nên tôi cấp cho ít vốn làm ăn. Sắp xếp xong việc nhà, tôi chuẩn bị đi về miền Tây.   
Trên chuyến xe đi về Vĩnh Long, đi qua những cánh đồng ruộng lúa chín vàng chẳng khác gì một thảm lụa xanh biếc kéo dài suốt tận chân trời, tôi thấy miền Nam thật đẹp. Mặc dù là một người miền Bắc, tôi là dân di cư nên không nhớ gì quê hương miền Bắc. Đối với tôi quê hương là miền Nam, miền đất của tự do và hạnh phúc nay đã mất. Cảnh vật miền Nam thật dịu hiền, khác hẳn với khu Hố Nai tôi đang ở mặc dù cũng có những thửa ruộng bông lúa chín vàng nhưng không đẹp bằng nơi đây. Thôn xóm miền Nam được bao bọc bởi những lũy tre xanh cao ngập trời, lẫn lộn giữa những đọt dừa ngã nghiêng theo chiều gió. Lúc này cuộc sống ở thôn quê cũng bớt vất vả, máy móc thay thế dần sức người, ghe xuồng máy chạy tấp nập trên các nhánh sông. Nụ cười nở đầy trên mặt mọi người, lời ăn tiếng nói cũng hiền hòa, ấm áp hơn. Có lẽ do cư trú trên một vùng địa lý kinh tế dễ dàng nên tâm hồn con người trở nên bình dị, phản ánh ra bên ngoài sự thành thật. Tình trạng lúa gạo dồi dào như thế này mà tôi tự hỏi tại sao nhiều nơi dân chúng vẫn thiếu gạo ăn? Có một cái gì không ổn.   
Xe vừa đổ bắc Mỹ Thuận, mọi người ùa xuống đi lên phà và đứng tản mác hai bên hông. Sông Tiền Giang nước chảy siết, đẩy những đám lục bình dọc theo mạng phà. Tôi ra đứng ở lan can ở tầng trên nhìn xuống dòng nước, mơ màng nhớ tới lần đầu tiên anh Tân đưa tôi về quê chồng. Tôi chợt mỉm cười nhớ tới giọng nói miền Nam của Tân giải thích công cuộc khai khẩn miền Tây. Gia đình anh Tân là những công bộc thời chúa Nguyễn di cư vào Nam hồi cuối thế kỷ 17, lập nghiệp tại Tiền Giang. Ông tổ của anh theo hầu Nguyễn Hữu Kính năm 1698, có công dẹp loạn tại Gia Định và được cấp đất tại Định Tường canh tác. Theo thời gian gia đình Tân đông thêm, đất đai canh tác không đủ nên đã tản mác đi những nơi khác lập nghiệp. Đến đầu thế kỷ 20, gia đình anh có mặt tại khắp nơi tại đồng bằng sông Cửu Long, tất cả đều sốg bằng nghề nông, chỉ một vài bà con cô bác mở tiệm buôn bán tại các thành phố lớn như Cần Thơ, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Long Xuyên và Sài Gòn. Gia đình anh Tân ở trong những số đó. Mẹ anh Tân là người gốc Hoa năm đời nên bà không còn nói được tiếng Hoa, nhưng máu buôn bán của bà rất mạnh. Sở dĩ bà theo Tân lên Xuân Lộc vì anh Tân là con trai duy nhất, cha chồng tôi đã bị quân cộng sản bắn chìm xuồng chết đuối khi chúng đột nhập vào thành phố Vĩnh Long năm 1968, từ đó bà ở luôn với anh Tân với hy vọng sớm có cháu nội bồng bế.   
Đang thả hồn theo mây nước và những ngày tháng cũ, một tia sáng gãy khúc xẹt ngang bầu trời kèm theo tiếng nổ kinh hồn làm tôi giật mình. Trời đất bỗng nhiên tối lại, mây đen vần vũ, gió thổi mạnh, tôi thấy lành lạnh. Khác hẳn nơi vùng núi rừng Đồng Nai, mỗi lần trời chuyển cơn giông tôi có đủ thời giừ trốn tránh, nhưng tại đây thì không kịp làm gì cả. Cơn mưa trút xuống ào ào như thác nước, tôi vội lấy chiếc khăn quấng vào cổ đi xuống tầng dưới tiến vào một chỗ đông người đứng cho bớt lạnh. Chiếc phà vẫn bình thản băng sóng tiến về phía bên kia bờ. Thị xã Vĩnh Long loáng thoáng hiện ra trước mặt.   
Trong những chỗ đông người như thế này, sợ nhất là bị móc túi. Tôi cẩn thận giữ chặt chiếc túi xách và quan sát chung quanh tìm một chỗ đứng an toàn. Nơi đây ồn ào tiếng người và tiếng máy. Tôi nghe vang vẳng bên tai tiếng đàn ghi ta đệm theo một giọng ca vừa bi thương, vừa hùng tráng. Sao lời bài hát diễn tả đúng tâm trạng của tôi thế này, lâu rồi tôi chưa được dịp nghe lại. Lúc trước tôi rất ghét nghe những bài hát này vì mỗi lần nghe tôi chỉ biết khóc. Bây giờ nỗi đau đã nguôi nên nghe lại những lời này tôi không khỏi rùn mình hãnh diện vì đó là tâm trạng của tôi.   
Lời ca ấm áp, truyền cảm của người hát làm lòng tôi xúc động, lâu rồi không còn ai nhắc đến những người đã hy sinh trong cuộc chiến đã qua. Tôi nhớ anh Tân quay quắc và tiếc nhớ thời son trẻ chưa kịp hưởng hạnh phúc được bao nhiêu.   
"Đợi anh về chỉ còn trơ vầng trán đứa bé thơ tấm khăn sô, người quả phụ cầu được sống trong mơ. Tumơrông, Đắctô, Krek, Snoul, trưa Khe Sanh gió mù, đêm Hạ Lào thức sâu... Anh, cũng anh vừa ở lại một mình. Charlie tên vẫn chưa quen người dân thị thành".   
Tiếng hát vừa dứt những tràng pháo tay nổ ran một góc bến phà, tiếng người yêu cầu người ca sĩ hát thêm bản nữa vang lên liên tục. Tôi tò mò xen vào đám đông, ghé mắt nhìn vào. Quét mắt nhìn đám người đứng quanh vòng tròn, tôi chẳng thấy ai là ca sĩ cả. Cố gắng chen vào và cúi nhìn vào khoảng trống ở giữa thì thấy một người trung niên, tay cầm đàn ngồi dưới đất. À, thì ra một anh nhạc sĩ lang thang, một phế binh cụt sát hai chân. Anh ca sĩ có khuôn mặt sạm nắng, nét mặt phong sương chứng tỏ cuộc đời của anh đã từng dầm mưa giăng nắng, nhưng đầy phúc hậu. Tóc anh đã điểm bạc. Anh mặc chiếc áo kaki màu xanh lá rừng nhầu nát với nhiều mảnh vá vụng về và chiếc quần tây mà hai ống quần đã được cột thắt lại xếp gọn trong lòng. Anh cúi đầu vuốt ve cây đàn gỗ cũ kỹ bóng láng mồ hôi, rồi ngước mắt nhìn từng thính giả đứng chung quanh. Anh từ từ lết trên hai mảnh vỏ xe đã mòn láng đáy để lộ cả lớp bố, đi một vòng chìa chiếc lon đựng tiền. Những người đứng nghe đặt tiền vào lon với vẻ quí mến, đa số là thanh niên đứng tuổi, có một vài em bé được cha mẹ báo cầm tiền tới cho.   
Tinh thần đùm bọc thật là cảm động. Nhìn những người cho tiền, tôi có cảm tưởng họ là những người đã từng liên quan đến cuộc chiến đã qua. Có thể họ là những binh lính cũ đã trở về đời sống dân sự, đang làm ăn, cũng có thể họ là anh em, con cháu những người lính chiến cũ. Tất cả chia sẻ với nhau nỗi đau của người thất trận trên chiếc phà này. Tôi ở trong đám người đó, lặng lẽ nhìn anh phế binh rồi bỏ tiền vào lon. Tôi muốn nói với anh vài lời khen thưởng nhưng cổ họng nghẹn lại. Theo lời yêu cầu dồn dập của khách thập phương, anh phế binh chuẩn bị hát thêm một bài khác. Có lẽ anh là người nghệ sĩ được ngưỡng mộ nhất trên chiếc phà ngày hôm nay. Uống một ngụm nước, sửa lại dây đàn, anh cầm phiếm dạo nhạc và hát:   
"Anh không chết đâu em... Anh, người anh hùng mũ đỏ tên Đương. Tôi vẫn thấy đêm đêm một bông dù sáng trên đồi máu... Và tiếng súng, tiếng súng thay nhạc chiêu hồn đưa anh đi... anh đi. Anh không chết đâu em. Anh chỉ về với mẹ mong con. Anh vẫn sống thênh thang trong lòng muôn người biết thương ngươi lính. Anh chỉ vừa bỏ cuộc đêm qua... Trên khăn tang cô phụ còn...".   
Những lời ca não nuột khiến lòng tôi tê tái. Không ai bảo ai, mọi người cùng im lặng và bùi ngùi thương tiếc cho thân phận của anh phế binh, thương tiếc cho quê hương đã mất đi biết bao nhiêu người anh hùng mũ đỏ... tên Đương, những phi công oanh dũng, những chiến sĩ thuộc các binh chủng đã ngã gục hy sinh cho tổ quốc, để lại những góa phụ với vành khăn sô, những trẻ thơ mồ côi cha. Bài hát vừa chấm dứt, tiếng vổ tay, huýt sáo miệng vang rền. Hứng chí, anh phế binh run tay dạo sang bản khác.   
"Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời, xin trả lời mai mốt anh về. Anh trở về có thể bằng chiến thắng Pleime, hay Dắctô, Đồng Xoài, Bình Giả... Anh trở về có thể bằng một chiếc vòng hoa, chiếc khăn tang ngăn dòng lệ ướt, em ơi... Đây kỷ vật viên đạn đồng đen, em sang sông cho làm kỷ niệm. Anh trở về, người đã bị thương... Anh trở về trên đôi nạn gỗ, anh trở về bại tướng cụt chân... Em một chiều dạo phố mùa xuân bên người yêu tật nguyền chai đá...".   
Tiếng ca vừa dứt, tiếng pháo tay lại thi nhau nổ rang. Mặt anh phế binh lộ vẻ vui mừng vì chia sẻ được những ẩn khúc chất chừa từ lâu trong lòng anh và trong lòng mọi người. Lần này người ta tự động lấy tiền tặng anh. Chiếc lon guigoz méo mó tràn đầy bạc lẻ. Anh phế binh gật đầu lia lịa, nghẹn ngào cất tiếng cảm ơn. Đám người tự giải tán vì phà đã cập bến, tất cả lật đật tuôn chạy lên phà, bỏ lại sau lưng anh phế binh lúc này cũng đang mắc cây đàn và chiếc lon guigoz vào người chuẩn bị xuống phà. Giây phút tình cờ gặp nhau trên chiếc phà đến đây chấm dứt, cuộc sống chụp giật lại bắt đầu. Anh phế binh ngước mắt nhìn trời. Trời tiếp tục mưa, gió lạnh từ xa cùng mây đen ồ ạt kéo tới, mưa mỗi lúc thêm nặng hạt.   
Anh phế binh lướt mình trên hai lốp xe theo dòng người xuống bến. Tôi xót xa nhìn anh ướt sũng nước mưa trường người đi trong mưa gió. Đời người sống như gió thoảng mây trôi. Tội nghiệp những phế binh không cửa không nhà, sống kiếp lang thang không bờ không bến. Tôi giựt mình lo sợ cho chính mình, ai sẽ lo cho tôi trong những ngày tháng tới? Cuộc đời này thật là bạc bẽo, chưa hưởng bao nhiêu hạnh phúc đã vội khổ đau, không còn gì để mơ tưởng, tâm hồn tôi cằn cỗi, trái tim chai lạnh. Hình ảnh anh phế binh làm tôi trở về những kỷ niệm cũ, quá khứ êm đềm đó quá ngắn ngủi để giờ đây đối diện với nỗi lo thường trực là cơm áo. Tôi buồn cho thân phận, tôi mong có những tia sáng chiếu rọi vào con tim, tôi cũng khát khao có một cuộc sống bình thường trong một nước Việt Nam tự do dân chủ, trong đó mọi người có quyền chọn cuộc sống mà mình mong muốn.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 37**

Gặp lại mẹ chồng, tôi vô cùng vui sướng. Bà già yếu hẳn đi nhưng nét mặt thanh bình. Bà buồn vì mất con trai nhưng với đàn cháu ngoại năm đứa nên cũng nguôi ngoa phần nào. Nhưng bà rất ngạc nhiên khi thấy tôi vẫn ở vậy với gia đình, bà nói phần lớn phụ nữ hoàn cảnh như tôi đều đã tái giá. Tôi chỉ cười giã lã cho qua chuyện, tái giá gì nữa khi gánh gia đình còn nặng trên vai? Chồng chị dâu tôi nói nếu cần anh tìm người cho, tôi từ chối. Mặc dù vậy anh sốt sắn dẫn tôi đi dạo khắp thành phố Vĩnh Long.   
Cuộc sống ở đồng bằng sông Cửu Long thật bình dị. Đời sống tuy có khó khăn nhưng không ai để lộ ra ngoài, nơi đây chính quyền địa phương cũng dễ dãi nên thỉnh thoảng chồng chị dâu tôi. Mặc dầu là "ngụy quân ngụy quyền" đi học tập về, đêm đêm chồng chị dâu thường đi uống rượu với công an phường khóm. Nơi tôi ở, công an phường khóm luôn luôn rình mò làm khó dễ bà con. Người miền Nam có khác, lúc chiến tranh thì thù địch nhau, hết chiến tranh thì cùng nhau đi ăn nhậu. Ở đây lâu lâu mới có một vài tên "cường hào ác bá" hà hiếp dân lành nhưng chúng cũng sớm bị loại vì bà con lối xóm tố cáo ăn hối lộ và tham nhũng.   
Tôi thuật lại cho gia đình bên chồng ý định buôn gạo của tôi, mọi người đều vui vẻ chỉ dẫn. Gạo miền Tây có đủ loại. Chưa bao giờ tôi thấy những hạt gạo vừa thơm vừa trắng tinh đến như vậy. Mãi mê những hạt gạo tốt, tôi mua mỗi thứ một tạ đem về bán thử. Chuyến buôn gạo này không được như ý vì lần đầu tiên mua bán gạo tôi chưa có kinh nghiệm nên bị lỗ vốn. Gạo trắng thơm dễ bán ở Sài Gòn nhưng không bán được ở Hố Nai. Không phải dân chúng không biết ăn gạo ngon nhưng vì nghèo quá nên không dám mua. Giá mười lít (mỗi lít bằng 1/2 ký) gạo trắng thơm bằng giá mười sáu lít gạo thường. Ngâm hàng lâu quá tôi gần như phải bán huề vốn và lỗ tiền xe, các anh phế binh cũng không dám nhận mang gạo đi Phan Thiết vì ở đây dân chúng còn nghèo hơn. Dân thành thị dám ăn gạo ngon nhưng dân thôn quê chỉ ăn gạo thường, đôi khi ăn cả gạo mục.   
Nhờ có gia đình bên chồng ở Vĩnh Long, tôi vào Chợ Lớn mua hàng vải và đồ nhựa mang về bán và mua gạo trắng thường bán lại ở Hố Nai và Phan Thiết. Công việc mua bán cũng tiến bộ dần, tiền lời đủ ăn uống và còn dư để sắm sửa thêm trong nhà. Các em gái tôi cũng tự đảm đương việc mua bán ở chợ Thống Nhất và mỗi đứa đều để dành một chút vốn riêng. Những đứa con trai thì cũng chạy manh chạy mối kiếm đủ ăn qua ngày, chúng không nghiện ngập rượu chè và ma túy là tôi mừng rồi. Đứa em út học hành rất khá.   
Vào cuối năm 1986 cha tôi được thả về. Ông rất mừng vì thấy gia đình còn đông đủ nhưng một thời gian ngắn sau ông tỏ ra chán đời và chỉ đi lang thang nhìn cảnh vật suốt ngày. Ông ít nói nhưng quan sát rất kỹ mọi sinh hoạt chung quanh. Ông quá chán ngán lòng người thay trắng đổi đen, nhất là khi ở trong tù, có nhiều công chức và quân nhân cũ thiếu bản lãnh làm nhiều người rất buồn phiền. Để thay đổi không khí buồn tẻ trong nhà, tôi mang cha mẹ về Vĩnh Long ở chơi với gia đình bên chồng một tháng, nhờ vậy cha tôi mới tìm lại niềm sống bình thường. Cha tôi muốn ở luôn tại Vĩnh Long vì đời sống ở đây dễ chịu, tôi phải bán một số vật dụng trong nhà để mua một căn nhà nhỏ gần chợ Vĩnh Long cho gia đình buôn bán. Một thời gian sau mẹ tôi cũng về hẳn nơi đây cùng với hai đứa em út. Tôi thì đi đi về về hai nơi, tuy có cực nhọc nhưng tâm thần cũng được bình yên.   
Mọi người bàn với tôi về chuyện gia đạo, kể cả mẹ chồng, nhưng tôi chỉ biết lắc đầu. Qua lại thường xuyên bến phà Mỹ Thuận, tôi có dịp nói chuyện với anh Trần Văn Xích, tên người "phế binh ca sĩ" với giọng ca vừa bi thương vừa hùng tráng. Anh Xích cho biết anh là lính thủy quân lục chiến, bị cụt hai chân trong trận tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị năm 1972. Đạn pháo của địch quân rơi trúng chỗ tiểu đội anh đang nằm. Các đồng đội anh đều chết, riêng anh thì bị thương nặng và bị cưa hai chân. Trước kia anh ở làng phế binh Định Tường, sau bị đuổi ra khỏi làng anh phải lang thang hát dạo kiếm tiền. Anh cùng ba người bạn lập thành ban tam ca, có một anh qua đời vì bệnh nặng, người bạn kia bỏ về Nha Trang mất tích, chỉ còn mỗi mình anh trên bến phà Mỹ Thuận. Thương cảm hoàn cảnh anh Xích, mỗi lần qua đò, tôi mời anh ăn cơm ở một quán bên đường và cho anh ít tiền. Điều làm tôi ngạc nhiên là anh Xích không những không nhận tiền mà còn trách móc tôi khi dễ anh. Tôi phải giải thích dài dòng, kể lại cuộc đời của tôi, góa phụ năm 24 tuổi, một mình gánh vác cả gia đình sau 1975 nay đi buôn gạo anh mới thông cảm. Từ đó Xích và tôi trở thành đôi bạn thân tình, nhưng tình cảm của chúng tôi dừng lại ở đó.   
Hình ảnh hào hùng chàng "nhạc sĩ lang thang" làm tôi nhớ lại anh Tân. Vào lứa tuổi 25 anh Tân cũng hào hùng không kém, anh đã chinh phục trái tim của tôi khi đơn vị của anh về đóng quân tại quận Trảng Bom. Năm 1973 tôi đi trong phái đoàn nữ sinh Biên Hòa ủy lạo chiến sĩ Sư Đoàn 18 bộ binh. Thiếu úy Phạm Văn Tân trong bộ quân phục chỉnh tề hướng dẫn phái đoàn đi thăm các thương bệnh binh nằm trong bệnh viện dã chiến của sư đoàn. Vào lúc giữa trưa, sau khi trình diễn xong phần văn nghệ, anh Tân mang đến cho tôi một lon nước ngọt và mời tôi ăn cơm. Bữa ăn hôm ấy toàn là đồ hộp và cơm sấy nhưng thật là ngon. Từ đó tôi yêu anh Tân và chúng tôi đã cưới nhau theo nghi lễ công giáo mặc dù gia đình anh Tân theo đạo Phật. Chúng tôi sống trong hạnh phúc. Chưa được tám tháng anh đã lìa đời.   
Không hiểu sao sống trong một đất nước bạc bẽo như vậy mà lòng yêu nước của tôi vẫn còn nồng nàn đến thế. Tổ quốc này có bù đắp cho tôi cái gì đâu mà tôi phải yêu quí nó? Tôi chưa có dịp làm quen với những người giàu có nên không hiểu tâm tư của họ như thế nào đối với đất nước. Nhưng có một điều tôi chắc chắn là những thành phần giàu có mới, những kẻ chiến thắng đang cầm quyền ngày hôm nay không có lòng yêu nước này. Vì nếu yêu nước và có đầy đủ quyền lực trong tay người ta không thể nhắm mắt làm ngơ trước cảnh đời nghiệt ngã của những người thua thiệt. Riêng tôi, tôi yêu những mảnh đời đau khổ, yêu những xóm làng xác xơ, thương những con người nghèo khó. Tôi thương miền đất này vì chính tôi đã chôn cất người mà tôi thương yêu nhất và chia sẻ nỗi khổ nhọc của người cùng khốn.   
Tại Vĩnh Long, ngay những thương phế binh trẻ từ Kampuchia trở về cũng bị bạc đãi, họ hoặc bị đưa vào sống trong một trại cấm hoặc bị trả về gia đình tự túc tìm kế sinh nhai. Tiền cấp dưỡng của họ mỗi tháng không đáng kể, do đó một số gia nhập vào đời sống cái bang. Phản ứng của những phế binh trẻ từ Kampuchia trở về rất dữ dội, họ không kiêng nễ bất cứ một ai, kể cả công an và bộ đội. Mỗi lần họ gây rối là tập thể các anh em phế binh cũ bị chính quyền cộng sản trả đủa, họ không dám trừng phạt phề binh từ Kampuchia trở về mà hành hạ phế binh miền Nam cũ như cấm đi ăn xin, hát dạo, bán vé số hay bán nhang.   
Những cụ phế binh cộng sản thời Pháp thuộc và trong cuộc chiến với miền Nam được chế độ chú ý hơn nhưng so với những gì họ đã gánh chịu và phần thưởng nhận lãnh được thật là tủi nhục. Nhiều cụ già lớn tuổi đứng trước các ty thương binh xã hội lớn tiếng chửi bới "cách mạng" bạc đãi họ. Những người đại diện chế độ là ai, tất cả đều là con cháu họ nhưng không có quyền giải quyết hơn những gì được cấp trên cho phép. Đất nước này phải thay đổi, phải để những người có tài đức hơn ra lãnh đạo xã hội. Lúc đó mới có thể nói là xứng đáng hay không xứng đáng, còn bây giờ chỉ là láo khoét.   
Đời quả phụ của tôi đến đây xin tạm chấm dứt.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 38**

Tôi xin kể lại đoạn đời của một quả phụ khác mà tôi hằng kính mến. Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, vợ cố đại úy Trần Văn Công. Bà Tuyết Nhung sinh năm 1944 tại Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Phước Tuy. Năm 18 tuổi (1961), như mọi cô gái quê khác, bà lên xe hoa về nhà chồng. Anh Trần Văn Công là một giáo viên gương mẫu, anh đã kiêm nhiệm nhiều chức vụ như xử lý thường vụ thay thế trưởng Ty Tiểu Học, hiệu trưởng Trường Tiểu Học La Gì. Vợ chồng sống trong hạnh phúc và có sáu mặt con. Cả gia đình đi chùa lễ Phật đều đặn và thường giúp đỡ những người lầm đường lạc bước hay bị túng quẫn. Hai vợ chồng rất là tâm đắc, chồng bảo vợ nghe, con cái đề huề. Thực là một mối tình thơ mộng. Dòng đời cứ êm ả trôi qua những tưởng như được sống mãi trong hạnh phúc, nào ngờ chiến cuộc leo thang, tang thương bao trùm khắp mọi miền đất nước, hàng hàng lớp lớp thanh niên lên đường nhập ngũ.   
Năm 1968, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ban hành lệnh tổng động viên. Như mọi công dân khác, anh Trần Văn Công lên đường và thụ huấn tại trường huấn luyện sĩ quan Thủ Đức. Sau khi mãn khóa, được gắn cấp bậc chuẩn úy, anh Công được đưa về Sa Đéc phục vụ ở KBC 3013. Đến năm 1973, chiến cuộc lan rộng, ngày nào cũng có giao tranh ác liệt, làng mạc xóm làng điêu tàn, đường sá luôn bị cộng sản ngăn chặn. Mỗi lần đi thăm chồng là một khó khăn.   
Trong lần đi thăm chồng hồi đầu tháng 4-1973, xe đò chở bà bị Việt cộng chận lại, họ đuổi mọi hành khách xuống xe và xét hỏi từng người ở bìa Rừng Lá, đoàn xe đậu dài suốt mấy cây số với hàng ngàn hành khách. Có nhiều đàn ông mặc quân phục và thường phục bị bắt trói ngồi ở bên đường. Cũng may là bà Tuyết Nhung nói là đi thăm bà con ở Sài Gòn lúc bị xét hỏi nên không bị làm khó dễ. Sau một hồi thuyết giảng, nào là "tội ác của Mỹ Ngụy", ai có bà con, thân nhân hoặc chồng con đi lính "hãy động viên kêu gọi chồng con trở về với đồng bào dân tộc", nhóm người này lặng lẽ rút vào rừng cùng với những người bị trói. Không ai dám lên xe vì không biết có được phép hay không. Tài xế và lơ xe bảo phải chờ lệnh và không ai dám đi trước.   
Thình lình, tiếng đạn cối và đại pháo từ xa bắn tới nổ ầm ầm chung quanh, mọi người hốt hoảng rạp mình xuống hai bên bờ đường tránh đạn. Tiếng khấn vái râm ran hòa lẫn tiếng kêu rên thảm thiết của người bị thương làm bầu không khí trở nên ghê rợn. Con nít khóc ré, tiếng đàn bà gọi con vang khắp một chốn rừng. Đến khi thấy bóng quân đội Việt Nam Cộng Hòa tiến tới, mọi người mới hoàn hồn. Xe cứu thương từ Long Đất chạy tới chở những người bị thương vào bệnh viện. Hành khách lần lượt lên xe, lòng vẫn còn lo sợ. Thật là hãi hùng. Tội cho những người bị trọng thương, không biết thân nhân họ là ai. Cuối cùng mọi người vội vã vơ vét vài món đồ rơi vãi dưới đất bước lên xe đi tiếp.   
Đến Sa Đéc không gặp được chồng, bà Tuyết Nhung hỏi thăm mới biết chồng bà đã đổi về Định Tường được năm hôm rồi, hiện đồn trú ở Sầm Giang (gần Mỹ Tho), một đồn nhỏ hẻo lánh, muốn vào phải có quân xa chạy trước mở đường vì đoạn đường này thường bị gài mìn và phục kích. Người quen cho biết anh Công nhắn bà hãy lo cho anh ấy được về Sài Gòn.   
Sáng hôm sau, bà đón xe đò về Sài Gòn. Nhờ quen biết, bà gặp được các thượng cấp của anh ở Nha Động Viên và Bộ Giáo Dục. Thấy bà khóc lóc nài xin, thượng cấp hứa giúp đỡ. Bà yên tâm về lại Xuyên Mộc, đi ngang qua Rừng Lá lòng không khỏi lo âu. Về đến nhà đứa con gái út lâm bệnh nặng phải đưa vào bệnh viện cứu cấp, nó bị xuất huyết não. Hơn một tháng trời chữa trị, bác sĩ cho con bà xuất viện. Ngày hôm sau bà cùng đứa con gái lớn về Sài Gòn đến Bộ Giáo Dục, cơ quan chủ quản của anh Công, hỏi thăm tin tức. Tối về hai mẹ con về gia đình người em gái tạm trú. Nói chuyện đến giữa khuya, bà nhìn con ngủ say sưa và thuận tay vặn chiếc radio ở đầu bàn nghe tin tức. Tiếng xướng ngôn viên phát ra đều đặn. Chợt có tin đánh lớn ở Mỹ Tho, bà Tuyết Nhung chăm chú nghe.   
"Tối hôm 11-5-1973, lúc 2 giờ sáng, một tiểu đoàn Việt cộng tấn công đồn Sầm Giang, một tiền đồn quan trọng của tỉnh Định Tường. Quân trú phòng đã chống trả kịch liệt. Sau hai giờ giao tranh, quân trú phòng đã đẩy lui các đợt tấn công. Địch quân rút lui, bỏ lại bên vòng rào nhiều xác chết, ta tịch thu 2 súng cộng đồng và nhiều vũ khí cá nhân, phía ta hoàn toàn vô sự".   
Bà thở phào nhẹ nhỏm, như vậy là anh Công vô sự. Rồi đến phần tin tức khắp nơi, nơi nào quân ta cũng toàn thắng. Sau đó là mục nhắn tin chia buồn. Ủa, có ai nhắn tin gì mà kỳ cục vậy?   
"Cán bộ quân dân cán chính tỉnh Định Tường vô cùng thương tiếc cố đại úy Trần Văn Công đã anh dũng hy sinh tại Sầm Giang, Mỹ Tho, ngày 11-5-1973...".   
Làm sao có chuyện này được. Chắc họ đọc lầm, bà Tuyết Nhung mặt mày tái xanh. Phe ta vô sự mà. Không, không thể có chuyện này được, bà bàng hoàng ngơ ngác rồi khóc rống lên. Nghe tiếng khóc than vật vã trong phòng, cô em gái chạy vào, ngỡ đứa con gái lớn của bà mắc bệnh. Chừng hỏi ra mới biết, người em gái bùi ngùi lặng im, mọi người xúm lại an ủi bà. Ai đó lại lên tiếng chắc là "họ" đưa tin lầm, bà cũng mong như vậy. Tờ mờ sáng hôm sau, bà gởi đứa con nhờ dì chăm sóc rồi tức tốc đón xe xuống Mỹ Tho, tìm bộ chỉ huy hành quân tỉnh Định Tường hỏi cho ra lẽ.   
Trên đường, bà Tuyết Nhung cứ thầm cầu mong mình nghe lầm, nhưng khi đến nơi thì sự thực quá rõ ràng. Chồng bà đã ra đi vĩnh viễn thật rồi. Anh Trần Văn Công đã bị chết trong đợt pháo kích đầu tiên, đồn Sầm Giang đã bị thất thủ, quân địch đã tràn vào đốt phá đồn và mang theo nhiều quân trang và quân dụng. Mãi trưa hôm sau 12-5, quân tiếp viện mới tiến vào đồn đã bỏ trống, thu nhặt xác chết. Gia đình bên chồng cũng hay tin từ Sa Đéc chạy xuống, tất cả chỉ biết ôm nhau khóc lóc. Chồng bà chết đi để lại sáu đứa con, hai trai và bốn gái. Chồng bà được an táng tại nghĩa trang Hòa Long, thị xã Sa Đéc. Nhìn những nấm mộ nằm ngay hàng thẳng lối, nước vôi còn mới, lòng bà se lại. Tang thương này đâu chỉ riêng ai, cả đất nước này đều đau khổ. Nơi đây nằm xuống biết bao chiến sĩ, những người hy sinh cho tổ quốc.   
Bà Tuyết Nhung về Xuyên Mộc bán nhà, dẫn con vào Sài Gòn sinh sống. Bà thuê được một căn nhà nhỏ ở xóm Vườn Chuối bán buôn. Từ dó bà tảo tần nuôi con ăn học, sáu đứa con là một gánh nặng. Đứa con đầu mới lên 11 tuổi. Thân cò lặn lội chạy vại nuôi con, biết bao cay đắng. Tưởng đâu được yên phận "thờ chồng, nuôi con", nào ngờ biến cố 30-4-1975 ập đến. Chế độ miền Nam sụp đổ. Bà cùng các trở về quê cũ La Gì, Bình Tuy, che dấu tông tích có chồng có cha là sĩ quan "ngụy". Cứ cách vài đêm một lần, bà Tuyết Nhung cùng bà con lối xóm đi họp, nghe cán bộ cộng sản giảng thuyết về sự "bách chiến bách thắng của đảng cộng sản" ngộp cả lỗ tai. Tuy vậy mỗi tháng bà vẫn đánh hàng về Sài Gòn và Bình Tuy đều đặn.   
Thấy sống không nổi, bà tổ chức vượt biên trốn ra nước ngoài cùng với đàn con vì có quen biết một vài chủ ghe đánh bắt hải sản tại Bình Tuy. Chuyến vượt biên lần đầu, chủ ghe quá bộp chộp nên thất bại phải bỏ trốn. Cũng may tông tích của bà chưa bại lộ, nhà cửa vẫn còn nguyên. Chuyến thứ nhì, rút kinh nghiệm lần trước, chủ ghe tổ chức chu đáo hơn. Buổi chiều đám đứa trẻ giả bộ rong chơi trên bờ biển, chờ lúc vắng người mới vội vàng chui xuống thuyền. Trong thuyền thức ăn đã có sẵn, gia đình chủ ghe cho con nít ăn uống, khuyên chúng không được khóc hay gây tiếng động. Vào lúc chạng vạng, từng tốp thanh niên tiến dần tới bến cảng, quan sát không có ai rồi nhảy xuống khoang thuyền. Sắp đến lượt người lớn, nhưng không may tối hôm ấy công an khu vực mời bà con trong tổ dân phố họp đột xuất. Trong cuộc họp, cán bộ công an nói về chuyện vượt biên, khuyên bà con cô bác hãy cảnh giác. Những người có chân trong tổ chức, trong đó có bà Tuyết Nhung, đưa mắt lo âu nhìn nhau, không ai nói ra nhưng đều biết là có triệu chứng bất thường. Buổi họp kéo dài tới 23 giờ đêm mới giải tán. Ra về mọi người trong ban tổ chức quyết định tạm hoãn chuyến đi, ai nấy vội vàng tìm cách đưa con cháu về nhà. Bao nhiêu công sức dành dụm bấy lâu nay tiêu tan theo mây khói. Thế là chuyến vượt biên kỳ hai này không thành.   
Từ đó bà Tuyết Nhung lăn xả vào công việc, bà mua bán dành dụm tiền lo cho chuyến vượt biên kế tiếp. Con cái trong nhà cũng phải bỏ học ngồi nhà chờ đợi. Đến cuối năm 1978, bà cùng các con mới có dịp ra đi. Trên thuyền, gia đình bà gồm tám người, gia đình chú Thuận bốn người, gia đình chủ thuyền bảy người, với người anh thứ chín của bà làm tài công, tổng cộng là hai mươi người. Đàn bà, con nít bị nhốt dưới hầm, trên thuyền chỉ có sáu người đàn ông. Thuyền xuất bến trong đêm nên trên bờ không ai hay biết. Đi được hai ngày một đêm, ngỡ rằng đã thoát nạn mọi người thở phào nhẹ nhõm, đám con nít vui mừng lên bong thuyền cười đùa hét vang. Hải phận quốc tế đã kề gần, ai nấy đều cất cao đầu ngóng tìm tàu buôn quốc tế đi ngang với hy vọng được vớt.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 39**

Một lần nữa, số phận không may lại đến với gia đình bà. Thuyền đột nhiên chết máy, ba người đàn ông trên thuyền tích cực sửa máy nhưng vẫn không nổ. Sau một đêm hai ngày, con thuyền cứ nhấp nhô trên sóng nước trôi dần vào bờ. Mọi người lo âu khấn vái cho máy nổ trở lại, nhưng không. Máy tàu đã phản bội, nó im lìm không lên tiếng. Tuyệt vọng quá, bà Tuyết Nhung muốn xô các con xuống biển rồi nhảy theo luôn, nhưng không biết nghĩ sao bà đành phó mặc. Thuyền cứ trôi dạt vào đất liền, dãy núi xuất hiện mỗi lúc một rõ. Mọi người thấy từ trong bờ xuất hiện hai chấm trắng, càng lúc càng rõ dần. Đoàn người cầu mong đó là thuyền của ngư dân ra cứu, đàn bà con nít bị đuổi xuống hầm tàu. Ai cũng tháo vàng và lấy tiền ra sẵn sàng đưa cho người cứu để được dẫn vào bờ an toàn. Nhưng hỡi ơi, đó là hai thuyền của công an biên phòng chạy ra bắt, thế là tiêu tan hy vọng. Hai chiếc thuyền công an chạy đảo quanh thuyền vượt biên hai ba vòng, bắn mấy loạt súng thị uy. Thấy thuyền vượt biên không phản ứng, thuyền công an cặp vào hai bên hông. Hai toán công an nhảy lên tàu chỉa súng bắt mọi người trong buồng lái giơ cao hai tay, hỏi ai là chủ thuyền và tài công rồi bắt trói lại.   
Tội nghiệp anh chủ thuyền và chú tài công, hai người bị công an tống cho mấy báng súng vào bụng và đầu, máu chảy đầm đìa. Trói xong chúng kêu đàn bà con nít dưới khoang tàu lên bong xếp hàng, trói từng người một, con nít thì được miễn. Công an cột dây thừng vào đầu mũi thuyền vượt biên kéo vào bờ. Chủ thuyền và tài công bị đưa qua thuyền công an, chỉ để lại trên tàu vượt biên hai công an đứng canh chừng đám đàn bà con nít.   
Sự hành hạ những người tổ chức vượt biên thật khủng khiếp, tội "phản quốc" là tội nặng nhất trong lúc này. Đàn bà con nít còn đỡ, riêng chú Thuận, anh Chín và chủ thuyền bị công an chấp pháp và cán bộ trại giam đánh đến thừa chết thiếu sống. Ngồi ngoài nghe tiếng huỳnh huỵch, rồi tiếng rên xiết của người bị tra tấn trong phòng chấp pháp vọng ra ai cũng đau lòng. Họ hăm dọa bắn bỏ những người tổ chức, họ muốn biết thêm những ai dính líu đến đường dây để bắt. Tội nghiệp cho anh Chín, chú Thuận và chủ thuyền, vì muốn tìm tự do mà phải chịu bao nỗi trầm kha.   
Khi vào bờ, đồng bào hay tin có thuyền vượt biên bị bắt đã kéo ra xem đông đảo, có người tràn vào giữa đám người bị bắt cố ý cản trở sự kiểm soát của cộng sản để ai muốn trốn thì trốn, nhưng đoàn người chỉ toàn là đàn bà, trẻ con. Mấy người đàn ông bị bắt trói ngồi một góc nên không ai nghĩ đến chuyện trốn tránh, tất cả đều chán nản, lo sợ. Mãi suy nghĩ và bàn luận những điều ấy với người trong cuộc, bà Tuyết Nhung cảm thấy được an ủi vì ít ra dân chúng cũng còn tình người. Đối với bà, vượt biên đưa con cái trốn ra nước ngoài không phải là kẻ phản quốc như cán bộ cộng sản gán cho bà.   
Tàu bị tịch thu, nhà cửa những người trong cuộc đều bị niêm phong. Sau mấy ngày bị hành hạ tại đồn, họ đưa cả đoàn đi cải tạo ở trại Z30C Bình Tuy. Trong thời gian tập trung cải tạo, bà Tuyết Nhung ôn lại những gì đã trải qua và chuẩn bị những việc sẽ làm trong thời gian tới. Tại sao mình đi mấy chuyến không thành? Tại sao thuyền chết máy? Đó là những câu hỏi thường đặt ra giữa những người cùng chung số phận tại trại giam Bình Tuy này. Được biết ngư dân trên thuyền bị công an biên phòng trưng dụng để ra bắt tàu vượt biên cố ý trùng trình, họ cho thuyền chạy chầm chậm cố ý để thuyền vượt biên chạy thoát nhưng vì chết máy nên mới bị bắt. Sau gần một năm trời cải tạo, lao động nặng nhọc, mẹ con bà được tha về. Nhờ Trời Phật con cái bà vẫn được bình yên.   
Về lại nhà cũ thì than ôi, gia đình một cán bộ cộng sản đang ở. Người ta đã tịch thu nhà của bà. Mất nhà mất cửa, mối lái làm ăn cũng không còn, điều kiện sinh sống tại địa phương quá khó, mẹ con bà đi về Sài Gòn tá túc nhà người em gái, sống lây lất qua ngày nhờ sự tiếp trợ của gia đình gần xa. Sau một thời gian ăn nhờ ở đậu, bà đánh liều dẫn sáu đứa con nhỏ vào Long Hải sinh sống. Nhờ người chị thứ hai thương tình thuê giùm bà một căn nhà ở cạnh một ngôi chùa để ở và thường lui tới chăm sóc mấy cháu nhỏ, bà rảnh rang buôn bán. Chân ướt chân ráo, lạ nước lạ cái, cuộc sống rất là gian truân, chỉ được cái là ở địa phương không ai biết bà đã bị bắt vì tội "vượt biên", ngoại trừ những người thân thích. Công việc làm ăn, buôn bán của bà dần dần phục hồi, có phần phát đạt.   
Đến giữa năm 1981, anh Chín mãn hạn tù được tha về. Nhờ dò hỏi bà con lối xóm, anh về Sài Gìn rồi ra Long Hải thăm mẹ con bà Tuyết Nhung. Nói sao hết được sự mừng vui trong lúc ấy, bà nhìn anh nghẹn ngào không thốt được nên lời. Anh ở lại với mẹ con bà, phụ giúp mẹ con bà kiếm một căn nhà rộng hơn để ở và tham gia buôn bán. Anh Chín sau mấy chuyến đi không thành cũng rất chán nản, quyết định ở lại. Mộng ra đi nước ngoài của bà Tuyết Nhung cũng không còn, khả năng tiền bạc không cho phép.   
Con cái cứ lớn dần theo thời gian. Đứa con gái đầu lòng đã qui y cửa Phật, nếu gia đình có đi chắc nó cũng không đi. Ngày nó xuống tóc đi tu, lúc đó vừa 17 tuổi, bà không cầm được nước mắt. Tâm con đã quyết, bà đành chìu theo. Sau 18 năm trau dồi Phật pháp, con gái bà hiện đang trụ trì tịnh thất Linh Quang, bà con Phật tử đến chùa cầu nguyện rất đông. Dòng đời cứ trôi chảy, các con bà lần lượt cưới vợ, lấy chồng. Tuy không khá giả hơn ai, nhưng được cái chúng rất hiếu hạnh. Biết bà suốt đời hy sinh cho con cái nên chúng đối xử với bà hết mực lễ phép, ít khi làm bà phiền lòng. Những đứa có gia đình ở xa vẫn thường xuyên tới lui, thăm viếng bà, những đứa có gia đình ở gần thường giúp đỡ, săn sóc bà mỗi khi đau yếu.   
Giờ đây tâm hồn bà đã yên tịnh. Suốt gần 35 năm lăn lộn với đời, có chồng rồi mất chồng, vượt biên thất bại, ở tù, biết bao đau thương, bao cảnh xé lòng diễn ra trước mắt, bà đều xem là hư ảo, mọi tị hiềm trên đời đều quên. Giờ đây sớm khuya kinh kệ, vui trong tiếng mõ hồi chuông, mong cầu sao cho quốc thái dân an, cảnh bất công không còn nữa để nhân loại chúng sinh cùng nhau toại hưởng. Thỉnh thoảng bà cùng với mấy chị em Phật tử thuê xe đến những đình chùa linh hiển cầu nguyện. Ước vọng cuối cùng của đời bà là các hội đoàn thiện nguyện ở khắp nơi trên thế giới mở lòng từ bi, bác ái và nhân ái, mở rộng vòng tay cứu vớt những nạn nhân đã chịu nhiều thương đau, mất mát trong cuộc chiến tranh dai dẳng trên đất nước Việt Nam, và những trẻ em bất hạnh đang sống lang thang khắp đầu đường xó chợ được có nơi nương tựa và có được bàn tay chăm sóc.   
\* \* \*   
Bà Tuyết Nhung với tôi tuy không cùng tôn giáo nhưng đã chia sẻ với nhau niềm vui chung là lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ những anh em thương phế binh và trẻ mồ côi trong các chùa và nhà thờ. Hai chúng tôi quen nhau tại bắc Mỹ Thuận, qua trung gian anh Xích. Chúng tôi đã ngồi ăn với nhau những bữa ăn đầm ấm tình người. Anh Xích, bà Tuyết Nhung và tôi đã lập danh sách những anh em thương phế binh và trẻ mồ côi cần được cứu giúp gởi ra hải ngoại nhờ bác sĩ Phan Minh Hiển cùng các hội đoàn thiện nguyện giúp đỡ.   
Xin gởi đến quí vị ân nhân nơi đây lòng biết ơn sâu sắc nhất của chúng tôi, những người bất hạnh trong cuộc chiến vừa qua và cầu chúc Ơn Trên phù hộ cho gia đình cùng cá nhân quí vị.   
Viết lại theo lời thuật của chị Xuân Lan,   
một góa phụ hiện cư ngụ tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 40**

Bạo tàn Và Nhân Nghĩa

Kính dâng hương hồn   
người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa   
trong cơn đại họa đã chiến đấu đến cùng,   
và chết gục trên cầu Rạch Chiếc,   
để bảo vệ thành phố Sài Gòn thân yêu.   
Và, cũng xin dâng tặng   
tất cả những bạn bè đã quen,   
hay chưa bao giờ quen,   
đã nằm xuống vì đất nước.   
  
Trong đời người, không có gì quý bằng tự do và nhân quyền. Sống mà không có được những điều ấy thì con người cũng như một thể xác vô hồn mà thôi.   
Vì bảo vệ lý tưởng tự do và nhân quyền cho miền Nam, người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu đến giờ phút cuối cùng sáng ngày 30-4-1975. Nhiều anh chết gục ở lùm cây, bụi cỏ bên đường... Thân xác anh đã yên nghỉ dưới lòng đất lạnh, mồ các anh đà trở thành hoang dã trong suốt bao năm qua. Từ nỗi đau mất nước, lá cờ vàng ba sọc đỏ, hồn thiêng sông núi Việt Nam Cộng Hòa, đã biến thành giải khăn tang chung cho quê hương dân tộc Việt Nam. Hơn hai mươi bốn năm qua, cơn đại họa ấy tưởng như đã qua đi trong lòng mọi người nhưng dư âm của những tiếng khóc than và nỗi đau thương thống khổ của dân tộc vẫn còn vang vọng.   
Tôi còn nhớ buổi sáng đầu tháng 5 năm ấy, gia đình tôi còn người anh đi lính không quân ở sân bay Tân Sơn Nhứt. Chờ mãi mà không thấy anh về, cha tôi đã khóc và bảo tôi đi vào phi trường để may ra tìm được xác anh mang về chôn cất. Đi dọc theo xa lộ Biên Hòa, tôi để mắt tìm kiếm khắp nơi, mỗi khi nhìn thấy một xác người nằm chết là tôi vội vàng chạy đến coi. Mỗi lần lật xác lên coi là mỗi lần thất sắc. Có người lính trẻ chết nằm ngữa, có người chết úp mặt, có người chết giữa lòng cầu Rạch Chiếc xác nổi lềnh bềnh trên dòng nước cạn, tất cả là lính bộ binh hay địa phương quân. Xa hơn, phía ngã ba Cát Lái, là xác chết của mấy người lính mặc áo hoa dù đã sình trương, bốc mùi khó chịu, ruồi nhặng bu đầy. Vì mãi đi tìm anh, tôi để lại sau lưng hình ảnh những người lính vô danh chết gục hai bên đường. Tôi ứa nước mắt hình dung nỗi mong chờ của thân nhân những người lính đang nằm kia, không biết trong giờ phút lịch sử này có bao nhiêu gia đình đang mong đợi những người con không bao giờ trở lại.   
Tôi cứ đi tới. Trong đám cháy đã tàn ở sân bay Tân Sơn Nhứt, tôi vẫn còn ngửi thấy mùi mỡ cháy khét bốc ra từ thi thể đen xì của hai nữ quân nhân. Dân chúng nhớn nhác ngược xuôi đi lại, hoang mang, lo lắng khi nhìn thấy những lá cờ nửa xanh nửa đỏ và một ngôi sao vàng chóe (về sau mới hiểu đó là công cụ xâm lược của quân cộng sản Bắc Việt). Từng đoàn xe Motolova chở đầy bộ đội cộng sản đi vào thành phố Sài Gòn. Tôi thẫn thờ nhìn họ. Cùng là người Việt Nam mà sao cảm giác về họ xa lạ quá, cứ như là một dân tộc nước ngoài nào đó đến xâm lược quê hương tôi. Đau đớn và buồn tủi.   
Miền Nam đã bị nhuộm đỏ cả rồi. Chính thể vàng son của Việt Nam Cộng Hòa không còn nữa. Một chế độ độc tài đảng trị đè nặng lên đời sống người dân. Xã hội cũ nhào đổ khiến đời sống trở nên xô bồ. Ủy ban quân quản thành phố áp đặt lối sống mới, cách làm việc mới rập theo khuôn mẫu nước Trung Hoa cộng sản. Một chủ nghĩa mới làm đảo lộn nề nếp suy tư cũ.   
Trên đường phố người dân thường bắt gặp những biểu ngữ hô hào, những cụm từ ca tụng Đảng và Nhà nước. Hàng ngày, trong những sinh hoạt tiếp cận quần chúng, các cán bộ cộng sản nhồi nhét những khẩu hiệu đó vào đầu óc mọi người. Họ khẳng định đó là "chân lý" duy nhất đem lại hạnh phúc, no ấm cho con người và còn quyết xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tức nhuộm đỏ thêm Việt Nam. Họ đã tìm cách phân tán dân cư, lập nhiều tổ phố nhỏ, đặt công an khu vực đôn đốc, khuyến khích, phê bình và báo cáo lẫn nhau để định xem ai là "người tốt", "có tinh thần cách mạng". Người nào bị tình nghi bất mãn thì bị coi là "kẻ thù của nhân dân, kẻ thù của giai cấp".   
Trong cách sống không còn tình người đó, đất nước dường như mất đi linh hồn. Để tránh không bị "nhân dân" coi là "phản động chống phá cách mạng", là "ngụy", người ta hoặc phải khôn khéo gìn giữ lời ăn tiếng nói, phải tự thích nghi với các đại diện "giai cấp", hoặc phải lặng câm. Nhà cầm quyền còn cho người trá hình trà trộn vào đời sống dân gian, giả bộ lập nhiều "tổ chức chống phá cách mạng" để gài rồi bắt trọn ổ "những phần tử phản cách mạng", do đó không ai dám nói chuyện hay liên lạc gì với nhau nữa. Bởi vì không ai còn tin ai, không ai kể cho nhau những suy tư chân thật trong đời sống. Những người còn chút tiền bạc không thể tiếp tục sống trong bức màn sắt, đã tìm cách vượt biên, thoát ly kiếp sống đày đọa mà chính quyền mới áp đặt trên gia đình họ với hy vọng tìm thấy bên kia bến bờ đại dương tự do và hạnh phúc. Nhiều người không may đã để lại xác thân trong lòng biển cả.   
Đời sống trong nước nói chung không còn các thần linh. Trong cuộc tranh giành biểu tượng, đâu đâu các cán bộ cộng sản cũng cho dựng tượng, vẽ hình lãnh tụ \*\*\*\*, để dân không còn nhớ gì khác nữa ngoài những điều mà Đảng tuyên truyền. Bức Tượng Thương Tiếc, linh hồn chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, ở Nghĩa Trang Quân Đội Thủ Đức đã bị kéo ngã, mồ mả của chiến sĩ bị đào bới, san bằng để rồi ít lâu sau nhà cầm quyền cộng sản cho xây dựng một nghĩa trang liệt sĩ màu mè và khang trang hơn ở phía đối diện, bên kia bờ xa lộ. Những ngôi chùa tuyên úy của quân đội bị tịch thu và biến thành khu "văn hóa cách mạng". Tượng Đức Phật A Di Đà và Quan Thế Âm Bồ Tát bị xe ủi đổ ngả nghiêng, vỡ nát. Những chú tiểu thì bị buộc phải hoàn tục, ngơ ngác đi vào cuộc sống mới. Nhà nước cộng sản đã biến nơi thờ phượng Thiên Chúa của Nha Tuyên Úy Tin Lành trong khu gia binh gần Trường Bộ Binh Thủ Đức thành kho chứa lương thực mà vẫn chưa vừa lòng, họ còn cho người leo lên gác chuông đập gãy thánh giá.   
Người cộng sản có rất nhiều khả năng vì họ dám làm những điều mà người khác không dám làm. Để đề phòng và uốn nắn dân chúng dễ dàng hơn, nhà nước cộng sản ra lệnh tập trung những sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đưa đi "học tập cải tạo" ở những vùng xa xôi. Trong dân chúng, sự đi lại bị hạn chế, từ xã này qua xã kia phải xin giấy chứng nhận đi lại. Chính sách ngăn sông cấm chợ làm cho lương thực dần dần trở nên khan hiếm, thiếu gạo người ta phải ăn độn bo bo và khoai sắn. Để di dời những người dân cũ ra khỏi thành phố, nhà nước phát động phong trào đi "kinh tế mới", đưa dân vào những vùng sâu hoang dại. Những binh lính, hạ sĩ quan muốn yên thân, không bị dòm ngó, đã đem cả gia đình đi theo, đã lao tác đến kiệt lực vì đói, và chết dần vì dịch bệnh sốt rét và kiết lỵ.   
Bánh xe lịch sử quay nhanh quá làm người dân chóng mặt. Những thương phế binh sống sót sau cuộc chiến cảm thấy bơ vơ, không con biết xoay sở làm sao để bảo toàn mạng sống. Chúng tôi có cảm tưởng như những đứa trẻ bị tật nguyền vừa mới sinh ra đã mồ côi cha mẹ. Những phế binh Việt Nam Công Hòa, đã hy sinh một phần thân thể bảo vệ quê hương, chỉ biết im lặng chịu đựng trong cuộc sống mới, hoàn cảnh sinh nhai cực kỳ khốn khó. Là những chiến binh được huấn luyện để đối phó với quân thù, chiến thắng hoặc hy sinh, nay phải cúi đầu trước đám thanh niên xấc láo và hổn xược.   
Mỗi khi nhớ lại tiếng nói của "chuẩn tướng" tham mưu phó Nguyễn Hữu Hạnh kêu gọi các binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng quân địch, chúng tôi không khỏi kinh hoàng. Nhiều lúc bạch biện để tìm chiếc phao hy vọng, người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi cho đó là một kế dụng binh đánh lạc hướng quân địch để tập trung lực lượng tái phản công chứ không ngờ cấp "chỉ huy" của chúng tôi làm công tác địch vận cho quân cộng sản tiến chiếm thủ đô Sài Gòn. Giờ đây, các cấp chỉ huy của chúng tôi một số hợp tác với quân thù, một số bỏ đi nước ngoài, những người còn lại phải đi "học tập cải tạo" và tập thể anh em phế binh chúng tôi bị bị kết tội là phế binh "ngụy" làm bẩn thành phố.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 41**

Ở những vùng xa đô thành Sài Gòn, những người cộng sản không nễ nang gì nữa. Họ ra lệnh tịch thu những căn nhà cứu tế của phế binh do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cấp. Ơ? làng Mỹ Thới, anh em phế binh phải đi ra khỏi nhà trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Vì không còn nơi nương tựa, nhiều người đã bỏ miền Tây lên Sài Gòn sống lang thang trên các đường phố, đêm ngủ ở các sân ga, bến xe, sạp chợ và những nghĩa địa bỏ hoang...   
Anh em chúng tôi đã gặp nhau, hỏi thăm và thông cảm lẫn nhau. Chúng tôi họp nhau thành những nhóm nhỏ và hàng ngày đến các đình chùa để lãnh nhang đi bán dạo khắp các phố phường. Chúng tôi đã gõ cửa từng nhà, thậm chí từng tâm hồn, để bày tỏ nỗi niềm, hoàn cảnh... Cũng may là chúng tôi đã gặp được nhiều người vẫn còn nặng lòng với quê hương, đã ân cần giúp đỡ chúng tôi và khuyên chúng tôi nên vững lòng chờ một ngày mai tươi sáng. Ngày mai đó chưa đến, nhiều anh phế binh bị tàn phế nặng, gia cảnh lại nghèo không đi bán nhang nổi, đã phải đi ăn xin. Chúng tôi cố kéo dài đời sống để chờ đợi, vốn liếng và sức sống vơi cạn dần theo năm tháng, ý chí phản kháng, chút hào khí còn lại của một chiến binh, bị cạn kiệt dần.   
Trí óc chúng tôi trở nên chậm chạp vì hoàn cảnh khắc nghiệt của cơm áo dày vò. Cảm giác về cái đói lúc nào cũng canh cánh bên lòng. Chúng tôi thụ động trước hệ thống tuyên truyền trên các loa đài và báo chí cộng sản và không hy vọng gì ở các đài phát thanh Việt ngữ từ hải ngoại vọng về. Chúng tôi buôn "thỏng tay" đi vào cuộc sống như những xác không hồn, tự do và nhân quyền không có trong xã hội này. Sự lải nhải đến độ nhàm chán của các khẩu hiệu cộng sản cứ lặp đi lặp lại hoài, hết năm này qua tháng nọ, làm cho đầu óc chúng tôi mệt mỏi . Chúng tôi nhục nhã, bất lực chìm trong cuộc sống không có ngày mai. Con người trở nên đểu cán, sẵn sàng lừa dối nhau vì sợ đói, những bi kịch về sự phản bội xảy ra hàng ngày trong cuộc sống.   
Hoàng Thụy là một phế binh cụt một chân ở Long Khánh, vợ anh còn chút nhan sắc đi mua bán than lậu. Trong một chuyến đi buôn vợ anh Hoàng Thụy bị bắt, vì muốn cứu lấy số hàng ấy nên chị đã chiều là làm... "vừa lòng" người cán bộ kiểm lâm. Sau đó cuộc sống vợ chồng hai anh chị trở nên khó thở, cuối cùng rồi hai người bỏ nhau. Chị đã dẫn đứa con gái nhỏ đi theo người cán bộ, còn anh Thụy thì lên Sài Gòn đi bán nhang dạo, hy vọng gầy dựng được ít vốn liếng về quê làm lại cuộc đời. Nhưng sau một thời gian lăn lóc, Hoàng Thụy tiêu dần số vốn, việc mua bán cũng tàn lụi theo thời gian. Anh gặp anh Nguyễn Văn Sơn, một phế binh cụt hai chân, hai người hợp nhau lại thành cặp "ca sĩ" bất đắc dĩ trên các hè phố.   
Có lẽ đời sống hai anh sẽ khá hơn nếu như thành phố không có những "chiến dịch thu gom người già và tàn tật". Vào thời điểm Ba Nhiệm làm trưởng ban "truy quét tệ nạn xã hội" của thành phố, các anh em phế binh sống những ngày thật là kinh hoàng. Chỉ cần nghe hai tiếng Ba Nhiệm là tay chân anh em đã... rụng rời. Trong dịp mừng ngày "chiến thắng 30-4", nhà nào cũng treo cờ, đường phố giăng đầy những biểu ngữ hô hào những điều tốt đẹp, hai anh đã bị bắt khi đang hát: "Mặt trời mọc ở hướng Đông, nhưng ở đây, quê hương tôi, hướng Tây mặt trời vẫn mọc..." ("Mặt trời mọc ở hướng Tây", lời và nhạc của cố nhạc sĩ Nguyễn Trung Can sáng tác khi bị giam ở Khu Fatima, Bình Triệu. Anh bị phạt cách ly với các bạn tù một tháng).   
Hai anh bị toán dân quân và công an có nhiệm vụ truy quét trói và quăng lên xe chở về Nhà Nuôi số 3 ở Thị Nghè. Tại đây, anh Sơn và anh Thụy đã tỏ ra bướng bĩnh khi làm "tờ nhận tội" liền bị cho là "ngoan cố", cán bộ chấp pháp đi vòng ra sau lưng co chân đá vào lưng khiến hai anh bị văng xuống nền xi-măng và đạp vào đầu nên cả hai bất tỉnh. Ở Thị Nghè được vài ngày thì hai anh bị đưa đi "lao động cải tạo" ở Nhà Nuôi số 4 Phú Giăng, Sông Bé.   
Tuy gọi là "nhà nuôi" nhưng thật ra đó là những nhà giam theo đúng nghĩa, những người bị đưa vào đây đều bị coi là "tội phạm" hình sự, do đó bị tra tấn và hành hạ thường xuyên; hơn nữa điều kiện giam giữ cũng nghiệt ngã không thua gì những trại giam nổi tiếng khác. "Tội phạm" là những người bị bắt trong các đợt bố ráp lòng lề đường, sau một thời gian bị tạm giữ ở các "nhà nuôi" trong thành phốtất cả bị phân loại và đưa về các "nhà nuôi" khác rộng rãi hơn để lao động. Khác với các nhà giam, tại đây không ai có quyền khiếu nại là bị giam giữ trái phép hay không có án phạt rõ ràng; thời gian ở nơi đây được coi là để "nuôi dạy" nên có thể ở vô thời hạn, nhiều người đã ở lại vĩnh viễn. Thời gian bị giam giữ tùy thuộc ban quản giáo trại, những hung thần có quyền sinh sát trên số phận tù nhân; sự hiện diện của công an cũng có phần kín đáo hơn vì tất cả đều mặc thường phực nhưng cấp bậc vẫn theo nghạch công an.   
Ai đã ở Nhà Nuôi số 4, Phú Giăng Sông Bé thì sẽ nhớ mãi những nỗi kinh hoàng trải qua. Mỗi nhà nuôi có vài căn trại, mỗi căn rộng chừng 200 mét vuông với khoảng 100 người bị giam trong đó. Tối về mọi người phân chia chỗ nằm và thay phiên nhau ngồi quạt cho nhau. Sáng đến, khi nghe tiếng kẻn điểm danh và lao động, người này lay gọi người kia, ai nằm im không cục cựa nữa thì đem đi... hỏa thiêu tại lò thiêu Bà Quẹo, ai còn sống thì đi lao động.   
Tại đây mọi người đều phải làm việc, người mù thì ngồi lặt đậu phọng, người cụt hai chân thì đan rổ, người cụt hai tay ra giếng đạp trục bơm nước cho người cụt một chân hay cụt một tay thì xới đất, tưới cây. Ai cũng có việc làm để sinh lợi cho "nhà nuôi" và các cán bộ quản trại. Thân nhân những người bị giam giữ chỉ được vào thăm nuôi mỗi tháng một lần, quà cáp thăm nuôi bị kiểm soát rất kỹ. Anh em nào được thăm nuôi thường chia sẻ với những người mới bị bắt vào từng cục đường, trái chuối. Nhiều người quá đói ăn luôn cả vỏ chuối và xin luôn cả vỏ chuối của người khác để ăn, có khi còn nhấm nháp cả cùi bẹ chuối.   
Ở "nhà nuôi", anh em thường hay chết vì những nguyên nhân "không đáng kể". Ai bị bệnh nặng phải chờ qua hôm sau, có khi qua hôm sau nữa mới được khám và cấp thuốc, nhiều người đã không chờ được "ngày hôm sau" đó. Bệnh tiêu chảy và kiết lỵ đã giết chết nhiều anh em. Những cuộc trả thù báo oán giữa các phe phái trong việc tranh giành chức đàn anh để hưởng một vài quyền lợi cũng đã làm nhiều người thiệt mạng. Khu đất canh tác sau "nhà nuôi" ngày xưa lưa thưa mồ mả, nhưng từ khi có anh em phế binh về đây thì số lượng mồ mả đầy kín cả khu vực. Xác những người bất hạnh được bó sơ sài trong mảnh chiếu tre rồi được chôn cất vội vàng phía sau trại, làm phân bón cho cỏ cây. Nơi đây cây mì, củ lang mọc rất xanh tốt, nuôi sống những người còn lại.   
Sự đời cái gì cùng quá thường hay sinh biến, "cùng tắc biến, biến tắc thông". Trong số các anh em phế binh có anh Năm, một phế binh cụt cả hai chân, già nhưng có nhiều kinh nghiệm. Trong lần đi bán nhang xa bị ế không về nhà kịp nên anh phải ngủ "bụi". Xui cho anh là lúc đó đang có chiến dịch, người ta đã xúc anh lên xe và đưa vào "nhà nuôi". Anh nhớ lại một câu nói: "Khi người cộng sản đã nói là thương và giúp đỡ cái gì thì cái đó sẽ mất", và anh không khỏi rùng mình mỗi khi nghe hai tiếng "nhà nuôi" và "cải tạo".   
Cùng cực quá hóa liều, anh Năm nghĩ là ở lại đây chỉ có chết thôi nên đã rủ một bạn khác tìm cách trốn trại. Anh nhờ anh Xuyến mù hai mắt cõng trốn. Nhưng chẳng may hai anh đi lạc đường, lọt trúng ổ phục kích của công an trên tuyến đường từ Phú Giáo về Tân Uyên chận bắt dân buôn lậu than. Cả hai anh bị bắt lại và bị trói ngồi vào một góc rừng chờ giải giao về lại Phú Giăng. Trong đêm tối hai anh lén cởi được dây trói trốn được vào rừng, rồi từ đó đi dọc theo tuyến xe về Tân Uyên. Đêm đi ngày nghỉ, hai anh đi suốt đêm và bới trộm khoai ăn. Đi được ba hôm, hai anh quyết định ra lộ đón xe về lại Sài Gòn. Hành khách trên xe hiểu chuyện đã chung góp nhau một số tiền giúp đỡ hai anh mua nhang bán tiếp.   
Anh Thụy và những anh em phế binh khác thì không có cơ may như thế nên đã ở lại "nhà nuôi", chịu đói đến xanh da, mỗi bữa chỉ được ăn chưa đầy hai chén cơm và một khoanh củ mì. Mỗi tuần lễ các anh em được ăn mắm ruốc một lần, những ngày thường thì ăn cá khô hay cá ươn, loại dùng để nuôi heo và bón cây. Vì ăn quá mặn và uống nước nhiều có cảm giác no, lâu ngày nhiều anh em mắc các loại bệnh đường ruột.   
Tiêu chuẩn được đi vệ sinh của mỗi trại viên mỗi ngày hai lần, muốn đi phải "đăng ký" trước và cho cán bộ rảnh rỗi mới dẫn cả đoàn đi. Nếu anh em nào bị "chột" bụng, mắc bệnh kiết lị, lỡ "ị" ra quần hay xin đi quá "tiêu chuẩn" thì bị phạt roi. Người bị phạt phải nằm xuống chịu cho cán bộ quản giáo quất hai roi vào lưng hay vào đít cho mỗi lần "vi phạm nội qui" của trại. Cho nên anh em rất sợ mắc bệnh kiết lắm, cán bộ phụ trách "hình luật" không nương tay với bất cứ ai.   
Kể cũng nhục thật, mặt những thằng nhỏ cán bộ quản giáo đáng tuổi con cháu mà dám cầm roi quất vào thân hình tật nguyền của những người đáng tuổi cha chú nó. Không biết sau khi hành hạ người già yếu và tật nguyền như vậy chúng nó có sung sướng gì hơn không. Nhiều thằng còn văng tục chửi bới những anh em nào né đòn hay kêu đau. Mỗi lần mang ai ra quất, thường là buổi chiều tối, ban quản giáo triệu tập tất cả trại viên lại rồi "thi hành kỷ luật" ngay trước mặt mọi người. Nhiều anh em đau tức quá chửi lại thì bị quất nhiều hơn, có anh nằm luôn tại chỗ, những trại viên khác phải khiêng vào phòng xức dầu cù là và hái lá cây rừng xoa vào vết thương cho chóng lành. Trong lúc hoạn nạn mới biết tình người thật đúng.   
Anh Hoàng Thụy, sau một thời gian bị giam giữ đã kiệt sức, mắc bệnh lao nên được thả về. Về lại Sài Gòn, anh gặp lại anh Sơn ở ngoài đời. Anh Sơn vì sức yếu và cụt hai chân không làm gì nên chỉ ở một thời gian ngắn và được thả về trước. Lần này hai anh không còn dám đi ăn xin nữa, thường là nằm nghỉ trong các nghĩa địa chịu trận, "ăn xin" bà con trong "cộng đồng nghĩa địa" cho ăn.   
Anh Năm Huệ, một lão tướng trong nghĩa địa, bày cho các anh em cách che mắt những người có nhiệm vụ truy quét tệ nạn xã hội trên các lòng lề đường bằng cáchsắm sẵn vài bó nhang mang theo trong người, lỡ khi bị chận bắt thì chìa ra làm bằng chứng: "...Tụi tui đâu có đi xin, tui đi bán nhang cho nhân dân thờ kính ông bà mà", và anh còn dặn thêm:   
- Phải cãi cho đến cùng, đừng hy vọng họ sẽ cảm thông. Nếu cãi không được thì phải tìm cách chạy trốn.   
- Thôi, tôi không còn gì nữa - Sơn ngao ngán thở dài. Tôi để thành phố này lại cho cộng sản ở, để họ ăn cơm và thở hít không khí được nhiều hơn. Tôi tìm đường về các miền quê xa.   
Nhưng hai anh Thụy và Sơn thì đã thất chí nên không còn nghe gì nữa cả. Năm Huệ cố tìm lời khuyến khích:   
- Sao mà bỏ cuộc sớm quá vậy, chúng ta cần phải hiểu cách nghĩ nhìn của người cộng sản, phải "diệu dụng" trí xảo mà kéo dài đời sống chớ!   
- Sống để mà làm gì? - Sơn hỏi lơ đãng.   
- Để chờ đợi - Năm Huệ trả lời.   
- Chờ đợi cái gì! - Hoàng Thụy thở ra, mắt nhìn xa xăm. Chúng ta đã chờ đợi... hơn hai mươi năm rồi, đầu nay đã mọc hai thứ tóc. Cái mà anh em mình chờ đợi có bao giờ đến đâu?   
Năm Huệ nhìn họ:   
- Thật ra điều chờ đợi và hy vọng của chúng ta là... tình thương, khi tình thương trở lại thì mọi sự sẽ khác thôi.   
- Tình thương! Rời rạc quá anh Năm à. Tình thương làm gì có trên đời này? Nói để cho có nói mà thôi.   
- Vậy những năm tháng đã qua anh em sống bằng gì? Nếu như không có tình thương thì chúng ta đã chết cả rồi. Có điều là chúng ta cần phải áp dụng câu ngạn ngữ của người Tây hay nói đó: "Mày hãy tự giúp mày đi, trời sẽ giúp lại". Mấy chú còn nhớ không?   
- Là sao? - Sơn chẳng hiểu gì cả, mệt mỏi hỏi lại.   
- Là... là mình hãy tự cứu mình đi, rồi trời sẽ cứu mình lại.   
- Què cụt như chúng mình lo cho mình còn chưa xong thì còn hơi đâu làm được cái gì khác nữa - Thụy ngao ngán nhìn Sơn.   
Sau lần nói chuyện đó, Thụy và Sơn không còn tiếp xúc với anh em nữa. Họ thường im lặng, nên anh em chúng tôi cũng không hiểu họ cảm giác ra sao về cuộc sống.   
Một buổi chiều kia, hai anh Thụy và Sơn ra bến Bạch Đằng nhảy xuống sông Sài Gòn tự tử. Những người dạo mát ở gần đấy kể lại rằng: "Hai người ấy ngước mắt nhìn tượng Đức Trần Hưng Đạo chỉ tay xuống dòng sông một lúc lâu rồi mới nắm tay nhau nhảy ủm xuống dòng nước đang chảy xiếc...".   
Xác hai anh được vớt lên. Cha anh Sơn, một ông già còm cõi đang bán bánh ú và bánh tét quanh chợ Bến Thành, hay tin đến nhìn xác con. Nhưng ông im lặng đứng chung vào với những người hiếu kỳ, ông không dám đứng ra nhận là thân nhân của người xấu số. Ông không có tiền để mai táng con ông. Ông đứng thẩn thờ nhìn chiếc xe chở xác con ông đi khuất rồi mới dám khóc. Những giọt nước mắt từ lâu bị đè nén đã tuôn trào như mưa.   
Sau khi hay tin hai anh Sơn - Thụy cùng nhau tự tử, cảm giác bấp bênh về một cuộc sống vô vọng ở ngày mai đè nặng lên tâm trí các anh em phế binh còn đang lang thang khắp thành phố kiếm sống. Hai chữ "tự tử" lờn vờn trong tâm trí của anh em, mỗi người suy nghĩ cách từ bỏ cuộc sống của mình.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 42**

Anh Thơm nhìn đứa con nhỏ chết từ từ vì suy dinh dưỡng, anh không có điều kiện để cứu con nên cứ cho rằng đáng lẽ ra nó chưa phải chết nếu được mẹ nó quan tâm đúng mức. Anh buồn quá không đi bán nhang nổi nữa. Anh mệt nhoài nằm nghỉ dưới chân cầu sắt bắc ngang qua sông Sài Gòn gần Ngân Hàng Quốc Gia cũ, nghĩ lại lời bạn bè kể lại thấy vợ anh ra bùng binh chợ Bến Thành "đi khách" để dành tiền cho anh làm vốn đi bán nhang. Anh mở nút hai típ thuốc ngủ trút hết vào miệng. Bị say thuốc, anh ộc mửa đầy cả áo quần, thân hình anh dẫy dụa mấy cái rồi "ngủ" luôn dưới chân cầu.   
Lộc què mắc bệnh ho lao thắt cổ chết trong một toa xe lửa bỏ hoang ở Biên Hòa. Quý "đốc tưa Zivago" không nuôi nổi mẹ già 80 tuổi, bất lực nhìn mẹ già cầm lon ra chợ xin thức ăn nên cũng thắt cổ chết lè cả lưỡi ra. Thanh "Liệt" thì mài dao tự cắt cổ, cứa mãi không đứt vì sợ đau đâm ra bực mình liền chỉa mũi dao đâm một cái phọt thẳng vào tim. Anh chỉ kịp la lên một tiếng "ỐI" rồi buông dao ôm ngực ngã xuống đất, dãy đành đạch mấy cái rồi chết. Máu chảy ra lai láng, ruồi nhặng bu đầy làm nhiều người không dám đi ngang qua chỗ anh chết.   
Anh Xuyến mù thì "tự chết" bằng cách cứ tiếp tục đi xin. Nghe đâu anh đã bị bắt trở lại rồi bị đưa lên "nhà nuôi" ở Núi Bà Đen Tây Ninh. Nhiều người trong trại đó trở về cho biết xác anh Xuyên chết cứng từ hồi nào trong đêm, sáng ra người ta mới phát giác, không biết anh Xuyên chết vì lý do gì.   
Những anh em phế binh khác gặp may hơn vì nghe theo lời Năm Huệ cố phấn đấu từng ngày, thậm chí từng bữa, nên tiếp tục sống cho đến ngày hôm nay. Điều mà anh em phế binh chúng tôi chờ đợi từ lâu đã đến, đó là những cộng đồng người Việt tha hương ở khắp nơi trên thế giới đang nghe và hiểu được hoàn cảnh khắc nghiệt của chúng tôi nên đã quyên tiền góp bạc nhờ các hội đoàn thiện nguyện tìm cách gởi về giúp đỡ những người phế binh khốn khổ chúng tôi.   
Cho đến hôm nay những điều suy nghĩ và dự đoán của anh Năm, người phế binh già, đã gần thành tựu vì cộng đồng người Việt hải ngoại sau bao năm xa cách quê nhà còn tưởng nhớ, yêu thương và đùm bọc anh em phế binh trong nước. Cảm ơn lòng tốt của các vị hảo tâm, nhờ sự giúp đỡ của quí ân nhân mà cuộc sống các anh em phế binh trong nước đang được hồi sinh.   
Phế binh Trần Ngọc Tiến nhờ mua bán nhang giỏi và gặp hên nên đã cưu mang được anh mình là phế binh Trần Ngọc Tân, cụt một chân, mù một mắt, khỏi phải đi xin. Anh Tân sống được đến ngày nay là nhờ bác sĩ Phan Minh Hiển đã tặng cho chiếc xe lăn có lắc tay làm phương tiện đi lại và được cấp cho một số vốn để đi bán vé số dạo. Hành động của bác sĩ Hiển như là ngọn đuốc thắp sáng cuộc đời đen tối của anh em phế binh chúng tôi trong nước.   
Những hành động cụ thể này đã làm những anh em phế binh còn lại phấn khởi hẳn lên. Anh em chuyền tai nhau những tên và địa chỉ của các hội đoàn và ân nhân ở hải ngoại. Niềm tin đang trở lại với chúng tôi, nhiều anh em đã nhận được những sự giúp đỡ một cách tận tình, có người còn nhận được nhiều lần do những hội đoàn khác nhau gởi tới. Khát khao tìm lại cuộc sống có nhân cách trổi dậy. Các anh em giúp nhau viết thơ đến các ân nhân và hội đoàn xin được giúp đỡ và tiếng kêu của chúng tôi đã được nghe.   
Ôi không còn gì sung sướng cho bằng! Anh em chúng tôi được... cấp vốn làm ăn nên thôi hành nghề ăn xin. Nhiều người vợ trẻ và con gái của những phế binh già cũng thôi ra "đứng" ở các bùng binh buổi tối mang tiền về nuôi sống gia đình. Con cái anh em phế binh cũng thôi đi bới các đống rác moi tìm các bao ny lông cũ và giấy vụn, các em bây giờ phụ cha mẹ đi bán vé số và bán nhang. Nhân phẩm mỗi người đã được tìm lại.   
Trời Đất dường như đã hiểu và chiều lòng người nên đã có nhiều tấm lòng nhân đạo đáp lời giúp đỡ. Từ cái hộp quẹt hiệu Zippo của vị đại tá Vũ Ngọc Hướng bên Tây Úc (Tổng Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa) được đem ra "đấu giá" để lấy tiền giúp đỡ phế binh cho đến những nghĩa tình ấm áp và những nổ lực không mệt mỏi của anh Lê Quang Vinh (báo Phổ Thông), các ký giả Nguyễn Văn Huy, Trọng Kim (báo Ngày Nay), Yên Mô (Thời Báo), Gàn Bát Sách (Tiền Phong), anh em đã được "ăn" những bữa cơm ấm áp tình người. Chúng tôi chỉ biết rưng rưng nước mắt cảm tạ lòng tốt của quí ân nhân.   
Những chiếc xe lăn lắc tay của anh Phan Minh Hiển gửi về giúp những anh em phế binh có mức độ tàn phế nặng đi lại dễ dàng trong cuộc sống. Nhiều hội đoàn và ân nhân cảm mến những hành động nhân đạo của bác sĩ Hiển đã chung tiền góp bạc cho bác sĩ Hiển có điều kiện giúp đỡ anh em phế binh nhiều hơn. Những hành động này càng làm anh em chúng tôi vô cùng cảm kích. Bác sĩ Phan Minh Hiển đã không nề hà vị trí xã hội của mình, đã xăn tay áo bước xuống "vũng lầy" xã hội, chịu "lấm lem" như anh em chúng tôi, vực đỡ chúng tôi đứng dậy. Còn biết bao nhiêu hội đoàn khác nữa như các hội Huynh Đệ Chi Binh, Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Thủ Đức và Nam Định ở Mỹ đã cùng với các ân nhân cứu sống các anh em phế binh ở quê nhà.   
Đã lâu rồi, hơn hai mươi năm qua, cuộc đời sống tăm tối của anh em phế binh trong nước thiếu ánh nắng tình thương đã gần như khô cạn, tâm hồn của chúng tôi chai sạn theo gót giầy của những chủ nhân mới. Không ai trong chúng tôi còn tin rằng trên đời này vẫn còn có tình người, tình yêu tự nhiên giữa người với người. Làm sao tin được khi chung quanh chúng tôi chỉ thấy toàn ức hiếp và bất công đối với những người sa cơ thất thế, tàn tật và bần cùng. Mặc dù quê hương vẫn còn đó, hai tiếng gọi Việt Nam vẫn còn đó, nhưng lòng người đã khác xưa rồi. Không ai dám để lộ tình cảm riêng tư đối với hoàn cảnh chúng tôi, không nói đến những người đứng từ phía chính quyền hất hủi chúng tôi là lẽ tự nhiên mà ngay cả những người đã từng đứng chung với nhau trên một chiến tuyến cũ cũng đã ngoảnh mặt làm ngơ khi chúng tôi lỡ bước đi ngang.   
Sống trong những hoàn cảnh như vậy làm sao có thể tin tưởng gì được nữa, chung quanh chúng tôi là những người xa lạ. Tuy cùng nói chung một tiếng nói Việt Nam nhưng không ai "hiểu" được nhau. Từ khi chúng tôi được cộng đồng người Việt hải ngoại giúp đỡ, anh em chúng tôi đã tìm được ánh sáng soi bước đường mình đi, thấy được tình người đúng nghĩa, chúng tôi đã thấy được những người Việt Nam chăn chính, biết thương đồng bào đau khổ trên đất nước này. Nói theo cách nói của nhà báo Nguyễn Văn Huy, người Việt đang gặp lại nhau trong tình anh em tìm lại. Cách nói này thật hay và thật đúng với tâm trạng của anh em chúng tôi. Nó vừa tình cảm, vừa bao dung và tràn đầy lý tưởng. Tuy không biết nhau nhưng vẫn tìm lại nhau để xây dựng một tương lai chung, còn gì lý tưởng cho bằng! Xây dựng một đầt nước trong đó mọi người đều có một chỗ đứng như nhau, sẽ không còn người nào bị phân biệt đối xử vì quá khứ chính trị hay vì lý do tàn phế, chúng tôi chỉ biết chia sẻ và cảm ơn.   
Việt Nam! Chúng tôi đã gọi quí vị ân nhân và các hội đoàn là như thế. Chúng tôi đã khóc trong niềm vui hoan lạc. Hy vọng một ngày mai tươi sáng đang trở về trong lòng chúng tôi và cũng từ cõi lòng sầu lắng, chúng tôi thân tặng quí vị ân nhân và các hội đoàn khúc hát tình thương, qua đó chúng tôi như đang được thở hít không khí tự do, trong một nước Việt Nam luôn coi trọng sự sống của con người:   
Hoan khúc tình thương   
Tình thương khai sinh từ chia sớt   
Là tình thương khai nguyên từ con tim.   
Tình thương cho ta lòng tha thứ,   
Tình thương cho ta lòng hy sinh.   
Hãy hát lên với tôi các bạn ơi!   
Hoan khúc tình thương   
Cho nhân loại thôi xa cách,   
Cho xa vời cơn phân tranh.   
Xích lai gần cuộc sống anh và tôi.   
Hãy thiết tha trong khúc tình thương,   
Cho nhân loại chuyền nhau hơi ấm,   
Cho không còn những mục rữa cơn hoại sinh.   
Hãy hát lên hoan khúc tình thương   
Cho xa rời đêm tăm tối...

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 43**

Kiếp Sống Gian Truân

Thành phố đang mùa lễ hội (2-9-1996), đường phố giăng đầy cờ và biểu ngữ, nhà cửa được sơn phết lại đẹp đẽ. Những khu vực ngoại ô, không khí có phần khí thế hơn. Một buổi sáng trước ngày lễ hội, tôi vừa bước ra khỏi cửa liền gặp hai cán bộ có nhiệm vụ gìn giữ an ninh khu vực. Họ hỏi tôi:   
- Cờ đâu? Sao còn chưa treo lên?   
Họ đưa mắt nhìn chung quanh vẻ bực dọc:   
  
- Sân nhà để cỏ rác thế này à? Dọn đi!   
Tôi ấp úng:   
- Dạ... ạ, cha tôi vừa mới qua đời còn nhiều việc lu bu, mấy anh thông cảm. Lát nữa tôi sẽ mua cờ...   
Rồi tôi cúi xuống "chấp hành" nhặt cỏ rác. Hai cán bộ vừa đi vừa lải nhải:   
- Nhà này cái gì cũng chậm chạp hơn người khác.   
Chiều hôm ấy, sau một ngày vất vã mưu sinh, tôi dừng chân ngồi nghỉ trên cầu Rạch Chiếc. Tôi đưa mắt nhìn thửa ruộng dưới chân cầu. Nơi ấy, cách đây hơn hai mươi năm, có nấm mồ chôn xác bốn chiến sĩ chết trận. Dân chúng đã cắm một cây cọc và treo lên đó bốn cái nón sắt để làm dấu thay cho mộ bia. -U đất ngày nay đã mất dấu, cây cọc có lẽ cũng mục theo thời gian và các nón sắt cũng không còn dấu tích. Tôi nghĩ đến chính phủ Mỹ với chương trình MIA đi tìm hài cốt của những người chiến binh Hoa Kỳ chết trận ở Việt Nam mà thương cho những người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa bất hạnh, chết vô danh ngay trong ngày tàn của cuộc chiến. Không biết bao giờ các đồng đội của họ mới gom nhặt được những hài cốt ấy đem về an táng trong một nghĩa trang nào đó, để họ được yên nghỉ bình thường dưới bóng cờ của tổ quốc thân yêu.   
Trời đang tối dần, ánh đèn trên cầu không đủ để tôi nhìn rõ nơi đã vùi xác thân của bốn người chiến sĩ kia. Tôi quay người nghiêng ngả bước đi. Dưới chân tôi mặt đất dường như chao động. Trong ánh sáng mờ nhạt của một ngày sắp tắt, tôi như còn thấy nơi ấy bóng cờ vàng hiền hòa theo gió tung bay. Tôi ứa nước mắt ngước nhìn lên trời cao thầm hỏi: "Biết đến bao giờ Việt Nam mới có được dân chủ, tự do, nhân quyền?". Tôi mong chờ những người Việt Nam tha hương, những người có tấm lòng nhân nghĩa, tìm giúp thay tôi câu trả lời.   
Viết lại theo lời kể của phế binh Nhất Chi,   
hiện cư ngụ cạnh cầu Rạch Chiếc.   
  
\*\*\*\*\*\*\*  
Quảng Ngãi, miền Trung, quê hương tôi đất cày lên sỏi đá. Quanh năm người dân hứng chịu không biết bao thiên là tai bão lụt, hạn hán và mất mùa nhưng lúc nào cũng sẵn sàng chịu đựng. Nghèo đói tuy gắn liền với số phận của người dân quê, nhưng chúng tôi không bao giờ buông tay đầu hàng định mệnh, chính vì vậy mà người đời thường gọi chúng tôi là "dân cá rô cây". Cụm từ này vừa nói lên sự nghèo khó vừa diễn tả niềm tự hào của người dân đất Quảng.   
"Ngày xưa ở Quảng Ngãi có một anh học trò nghèo nhưng hiếu học. Một hôm anh phải khăn gói hành trang như những học trò ở các tỉnh khác ra kinh đô học và chờ kỳ thi hương, vì quê anh không có thầy. Đời sống ở thị thành không giống miền quê nên học trò đến từ khắp nơi thường kết bạn với nhau để giúp đỡ trong việc học hành cũng như trong cảnh hoạn nạn. Anh học trò Quảng Ngãi cũng kết bạn với những người khác nhưng cứ đến mỗi bữa ăn, anh thường ra một góc sân ăn một mình. Anh ăn uống ngon lành, bữa nào cũng có rau luộc, mắm nêm hoặc nước mắm và món cá chiên. Bạn bè cho rằng anh ta ích kỷ, không muốn chia sẻ miếng ăn nên cũng xa lánh dần. Một hôm, muốn biết "người bạn đất Quảng" của mình ăn những thứ gì mà cứ giấu, một số anh em chia nhau đứng rình. Đúng là một "tên ích kỷ", bữa ăn nào cũng có rau và cá chiên trong khi có nhiều người khác ăn uống thiếu thốn hơn nhiều. Tức quá, đợi lúc anh kia đi học, một số bạn bè định vào phòng phá cho bỏ ghét. Sau khi lục soát, một người bất ngờ khám phá một con cá rô cây được đẽo gọt rất khéo giống con cá rô thiệt treo trên thành giường, từ đó mọi người mới thương cảm và quí mến anh bạn kia hơn. Vì nghĩ rằng các bạn bè kia đều là con nhà khá giả, anh bạn Quảng Ngãi kia không muốn tỏ ra thua thiệt nên phải giả bộ ăn uống đầy đủ như họ, nhưng vì sợ bị bắt gặp nên anh phải tìm cách ăn riêng".   
Chưa phải hết, người ta còn mai mỉa "học trò xứ Quảng thấy cô gái Huế chân đi không đành". Đúng như vậy, học trò Quảng Ngãi tuy có siêng năng hơn học trò một số tỉnh khác nhưng vì mặc cảm nhà nghèo nên nhút nhát không dám tỏ tình với các cô gái đất Thần Kinh, cho nên mới có lời chọc đó. Thêm nữa cách phát âm của người Quảng Ngãi nếu không phải là người cùng địa phương thì rất khó hiểu. Ông tướng râu kẽm thời đệ nhị cộng hòa đã từng nhại tiếng miền quê tôi để làm trò cười cho thiên hạ: "Lèm en như con kẹt, hễ thấy mẹt là đòi tiền" ("làm ăn như con c..., hễ thấy mặt là đòi tiền", ý muốn nói dân Quảng Ngãi lười biếng không làm gì nên thân lại hay kỳ kèo từng xu từng cắc, con người nhỏ nhen chỉ nghĩ đến vật chất, v.v...).   
Nghèo và khổ do đó luôn bị thiệt thòi, những gì xấu nhất đều trút xuống đầu người dân quê tôi. Nhưng dân Quảng Ngãi không phải như vậy. Vì không được thiên nhiên ưu đãi, miền đất này đã tạo cho người dân đức tính cần cù, kiên nhẫn hiếm thấy, chính vì đổ nhiều mồ hôi nước mắt đế có miếng ăn người dân Quảng Ngãi có một lòng yêu nước nồng nàn và một tình quê hương mặn mà. Quê hương tôi tuy không giàu đẹp nhưng nơi ấy đã sinh ra , đùm bọc và dưỡng nuôi tôi nên vóc nên hình, tôi yêu miền đất này như một người mẹ. Mẹ hiền Quảng Ngãi đã sản sinh biết bao người con, đã vui mừng khi thấy đàn con khôn lớn và đã khóc rất nhiều khi những đứa con lần lượt nằm xuống. Đất Quảng Ngãi tuy nghèo nhưng không thiếu gương anh dũng, biết bao người đã đáp lời sông núi, hy sinh tính mạng để bảo vệ quê hương xứ sở, trong đó có tôi. Nhiều người tham gia vào các phong trào đấu tranh chính trị, một số khác gia nhập vào các đơn vị võ trang và nhiều người nắm giữ vai trò then chốt trong các cấp chính quyền và quân đội, nhưng phần lớn còn lại chỉ muốn được hưởng một cuộc sống bình thường như mọi người khác.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 44**

Gia đình tôi ngụ tại xã Bình Giang, gồm cha mẹ và ba người con, một anh trai và hai chị gái, tôi là con út. Cha tôi gia nhập kháng chiến, chống Pháp tại Liên Khu V, chẳng may bị chết trong một trận càng quét tại vùng Ba Tơ, lúc tôi mới vừa 9 tuổi. Mẹ tôi sức yếu không nuôi nổi ba đứa con thơ, nên anh và hai chị phải bỏ học đi làm để nuôi tôi ăn học. Cuộc đời tưởng vậy đã yên, nào ngờ năm 1956 tôi thấy những người kháng chiến như cha tôi mất tích một thời gian (hình như tập kết ra Bắc) xuất hiện bí mật tại nhiều nơi, họ kêu gọi dân chúng đến tụ tập rồi lên án chế độ miền Nam. Lúc đó tôi còn quá nhỏ để hiểu họ muốn nNhưng định mệnh không dừng lại ở đó. Kẻ xấu muốn lập công, đặt điều vu khống tôi là thành phần nguy hiểm trốn tập trung cải tạo, dời chỗ ở sau 30-4-1975, không trình diện. Kẻ đó không ai xa lạ chính là một người cùng quê, tìm cách tâng công lấy điểm với chế độ vì làm ăn gian dối, tổ chức vượt biên cuội gạt người thành phố lấy tiền. Hắn còn về tận quê tôi mang hồ sơ vào. Thế là tôi bị công an mời lên mời xuống liên tục. Hết công an phường đến công an tỉnh mời tới mời lui, hỏi cung ròng rã suốt hai tuần lễ. Không đi trình diện thì sợ bị kết tội nặng, nhưng nhà nghèo quá lấy tiền đâu đi xe ra thị xã trình diện, tôi phải bán những áo quần, đồ đạc nào còn tốt để làm lộ phí. Tiếc nhất là cái radio, tài sản duy nhất có giá trị trong nhà mà tôi thường dùng để nghe tin tức và nhạc của đài quân đội trước kia, cũng đội mũ ra đi. Bà con hàng xóm đều xa lánh vì sợ liên lụy, người lớn cũng không dám đến nhà tôi hớt tóc. Tôi phải đi hớt tóc dạo ở xa. "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay", khổ nhục lắm. Được cái may là cả gia đình thương yêu, đùm bọc và luôn luôn an ủi nên tôi tiếp tục đứng sửng giữa trời, mặc dù cho gió đời vùi dập tấm thân què cụt. ói gì, những buổi họp dưới ánh trăng là dịp để tôi cùng những bạn đồng lứa đi bắt dế để ngày hôm sau mang ra đá. Mỗi lần có buổi họp như thế, quân đội cộng hòa hôm sau vào thôn xóm lục soát, nhiều người bị bắt đưa về tỉnh lỵ. Năm 1958, nơi nơi chốn chốn rầm rộ nổi lên phong trào xây dựng ấp làng chiến lược, bầu bán chính quyền địa phương xã ấp. Phong trào tố cộng được phát động mạnh mẽ khắp nơi, trong đó có nơi tôi ở. Cùng năm ấy, anh cả tôi được bầu vào hội đồng xã Bình Giang.   
Chiến tranh bắt đầu lan rộng khắp nơi, cạnh làng tôi xảy ra nhiều cuộc đụng độ võ trang, nhiều người bị chết và bị thương. Thôn xóm mất an ninh, nhiều gia đình dọn ra thành phố lánh nạn. Mẹ tôi không muốn đi vì còn ruộng đất, hơn nữa anh tôi làm trong hội đồng xã nên cả nhà quyết định ở lại. Công việc mua bán của mẹ tôi trở nên khó khăn vì những gia đình khá giả tản cư ra thành phố, đời sống có phần túng thiếu hơn xưa. Trong khi đó thanh niên thi nhau đầu quân vào các binh chủng hải lục không quân cùng các đơn vị địa phương để bảo vệ xóm làng, tránh cho đất nước rơi vào hiểm họa cộng sản.   
Đậu xong bằng trung học đệ nhất cấp, tôi bỏ học vì lúc đó cũng vừa 18 tuổi. Tôi tình nguyện gia nhập vào binh chủng hải quân, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau 6 tháng huấn luyện ở trường hạ sĩ quan hải quân Nha Trang, tôi lần lượt được điều về phục vụ ở các hải cảng Đà Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn, rồi Vũng Tàu, Côn Đảo. Lực lượng hải quân tham dự nhiều trận đánh phối hợp với các đơn vị bộ binh hành quân, pháo từ các chiến hạm giáng xuống đầu địch những đòn chí tử, gây nhiều thương vong cho địch quân. Chúng tôi vui say với các chiến thắng Bình Giã, Vũng Rô...   
Năm 1963, khi đoàn tàu đang trên đường hành quân, tôi nhận được điện tín khẩn: anh cả tôi ở quê nhà bị cộng quân sát hại. Cầm bức điện tín trong tay, tôi ngỡ mình đang mơ. Tôi chỉ biết khóc thương cho người anh mà tôi yêu mến như một người cha. Tôi được đơn vị cho về phép bôn tang. Ngồi trên chiếc xe đò chở về nhà, tôi hồi tưởng lại khi cha tôi qua đời, anh cả là người cáng đáng, lo toan mọi việc trong gia đình. Bây giờ anh đã vĩnh viễn ra đi. Vừa vào đến cửa, nhìn di ảnh cùng bàn thờ của anh đặt giữa nhà, tôi đứng chết lặng người. Thế là anh đã mất thật rồi. Mỗi lần đứng trước linh vị anh tôi, Hoàng Anh Hùng, tôi không sao cầm được nước mắt. Anh mất đi để lại mẹ già, một vợ và ba con còn thơ dại. Thảm trạng này ai gây ra? Tôi nguyền rũa chiến tranh và quân cộng sản khát máu.   
Chị dâu tôi kể lại. Một ngày như mọi ngày, anh Hùng thức dậy sớm, mở các cửa sổ cho sáng cửa sáng nhà. Thay đồ xong, anh dẫn xe đạp tiến ra sân mở cổng đi đến trụ sở xã làm việc. Thình lình từ bên đường một bóng đen nhảy ra chận xe anh lại, hai bóng khác nằm phục kích hai bên đường bắn xối xả vào người anh. Anh Hùng bị trúng đạn té xuống, bóng đen đứng ra chặn xe chạy thẳng tới xác anh chỉa súng trường vào đầu anh Hùng bắn thêm một tràng nữa rồi cả bọn cùng bỏ chạy. Anh Hùng bị bắn bể sọ, khuôn mặt biến dạng, thân hình thủng đầy lỗ đạn. Cả nhà nghe tiếng súng vội vàng chạy ra thì hỡi ơi, xác anh Hùng nằm trên vũng máu. Mẹ và chị dâu tôi mắng chửi quân sát nhân thậm tệ rồi ôm xác anh khóc rống. Một toán dân vệ hay tin từ xã chạy xuống thì đã quá muộn, anh tôi đã chết. Một vài dân làng cho biết đã nhận diện được những tên sát nhân và còn cho biết tên và nơi chúng ở, chúng là những thanh niên ở xóm trên, gần vùng núi.   
Thật là buồn, người cùng quê với nhau không làm gì hại nhau mà nỡ tàn sát nhau dã man đến thế. Tôi biết những thằng này, lúc còn nhỏ có lần chúng cùng học chung trường với tôi ở trường tiểu học Bình Giang. Men cộng sản đã biến chúng thành khát máu, khát máu với đồng loại và người cùng quê với mình. Anh tôi có làm gì nên tội nên tình cho cam, anh chỉ làm nhiệm vụ an dân, suốt đời giúp đồng bào nghèo khổ, mở trường mở lớp cho con em trong vùng và đưa ánh sáng đèn điện về thắp miền quê, thế mà vẫn bị chúng ám sát.   
Nhưng quân cộng sản vẫn chưa buông tha gia đình tôi. Vài ngày sau, vào lúc giữa khuya, có người gọi cửa. Tiếng chó sủa vang ngoài ngõ. Mẹ tôi chưa kịp hỏi ai thì hai kẻ lạ mặt đã nạy cửa xông thẳng vào nhà. Họ mặc áo quần màu đen, mặt mũi xương xẩu tái nhợt. Người trẻ tuổi cầm khẩu súng trường bá đỏ và người trung niên đeo khẩu súng ngắn ngang lưng quần. Cả hai cùng mang dép râu, mấy ngón chân cái lòi ra đen xì trông thật ghê tởm. Thôi đích thị là cộng sản rồi. Hai người kêu hết cả nhà ra trình diện, họ nói giọng Quảng. Người lớn tuổi tới hỏi giấy tờ của tôi rồi yêu cầu tôi mặc áo quần đi theo họ. Cả nhà cùng khóc. Không khí thật nặng nề. Tôi sợ run cả người, tôi có cảm giác đây là lần cuối cùng nhìn mặt những người thân, lòng không khỏi hối tiếc. Khi hai người lạ mặt dẫn tôi đi lần ra cửa, mẹ tôi chạy tới níu cánh tay tôi năn nỉ hai người kia tha mạng và xin lỗi đã nặng lời trước đó. Người đeo súng ngắn nói nhỏ với người cầm súng trường bá đỏ vài câu, sau đó quay lại nói với mẹ tôi:   
- Bà hãy yên tâm, chúng tôi không làm hại ảnh đâu. Chúng tôi chỉ muốn hỏi ảnh vài điều mà thôi, xong rồi sẽ thả về nhà.   
Cuộc bắt cóc diễn ra trong im lặng, hàng xóm chung quanh không ai hay biết. Tiếng chó cũng im dần. Tôi suy nghĩ miên man và "hơi yên tâm" khi nghe họ nói "chỉ hỏi vài điều mà thôi". Chắc đây chỉ là một cuộc bắt cóc cảnh cáo. Vừa ra khỏi nhà độ hơn mười thước, người trẻ tuổi bảo tôi đưa hai tay ra phía sau cho họ trói lại, người đeo súng ngắn giữ đầu sợi dây đi sau lưng tôi. Vì không kịp mang giày, tôi xỏ đại đôi dép cao su có quai nên đi vào rừng trong lúc tối đen thật là khó khăn, trợt té liên miên. Dọc đường hai người thay phiên hỏi tôi tới tấp, nào là ai ra lệnh về đây, có nhiệm vụ gì... Vừa hỏi vừa hăm dọa, nhưng tôi vẫn một mực khai tôi chỉ là một người lính hải quân tầm thường thôi, về đây chịu tang anh ngoài ra không có làm chi khác.   
Suốt hai ngày đường, hai người tra khảo, khủng bố tinh thần tôi liên tục. Vừa đói, vừa mệt, hơn nữa hai tay bị trói, đôi dép cao su cũng đứt quai nên tôi phải đi chân đất; nhiều lúc đạp phải gai rừng đau điếng người mà vẫn phải cà nhắc bước tới. Những vết gai rừng chích vào lòng bàn chân dần dần làm độc, tôi đi hết nổi muốn xỉu nhiều lần. Cũng may đến một địa điểm giữa rừng, hai người dừng lại làm mật hiệu. Không đầy hai phút sau, một toán gồm ba người trung niên mặc quân phục màu xanh rừng đi ra, vẻ mặt hiền từ hơn, cho chúng tôi thức ăn và nước uống. Cả năm người chụm đầu lại nói rì rầm gì đó, một người đến cởi trói cho tôi ăn cơm nhưng cấm không được ra khỏi khu vực quá 5 thước.   
Nhóm người mới mặt mũi hiền từ nói rặt giọng Bắc, hai người bắt cóc tôi là người Quảng. Vừa ăn xong, cả năm người ngồi quanh tôi hỏi về công việc của anh tôi, của tôi và của gia đình. Tôi nói không biết anh tôi làm việc gì, mẹ tôi chỉ biết buôn bán nuôi con cháu và tôi là lính hải quân tối ngày chỉ ở trên tàu. Lời qua tiếng lại nhiều lần, cuối cùng tôi hiểu là họ kết tội anh tôi làm chỉ điểm cho "ngụy quyền" và "đế quốc Mỹ" để tổ chức càng quét "cách mạng" trong chiến dịch "tố cộng", làm nhiều "cán bộ cơ sở" bị bắt. Họ thuyết giảng nào là "ơn Bác và ơn Đảng", nhất là "muốn thống nhất" đất nước sau "cuộc tổng tuyển cử" 1956, nhưng "tên bán nước Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai" đã phản bội, cản trở ý muốn của toàn dân nên họ có nhiệm vụ về đây "giải phóng dân tộc". Giải phóng cái gì? Anh tôi bị chúng giết, biết bao gia đình khác cũng lâm vào cảnh như gia đình tôi, vợ góa con côi.   
Tôi còn nhớ rõ ngày đó là ngày 20 tháng 5 năm 1963 vì chúng vừa làm lễ sinh nhật \*\*\*\* ngày hôm trước. Sau ba ngày hỏi cung, họ cho tôi một đôi dép râu và một bộ đồ khác rồi đưa tôi vào Núi Rằng giam giữ. Đây là mật khu nổi tiếng có từ thời Pháp thuộc, có lần cha tôi nhắc tới địa danh này và lần đó cũng là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông. Tôi nghĩ cuộc đời mình đến đây là chấm dứt, tôi chỉ buồn là chưa mang lại niềm vui nào cho mẹ già mà đành bỏ mạng tại chốn rừng sâu này, xác vô thừa nhận. Tội nghiệp mẹ tôi, vừa mất đứa con trai đầu lòng, giờ sắp mất thêm đứa con trai út. Vừa đi vừa miên man suy nghĩ, tôi nhìn quanh nhìn quất để nhớ đường về "lỡ" khi có dịp liền tìm cách thoát thân. Nhưng không, đây chỉ là một trạm giao liên giữa rừng, ban ngày không thấy ai canh gác nhưng tôi vẫn chưa dám trốn.   
Tôi biết chung quanh có rất nhiều địa hào, họ ẩn núp đâu đó vì đây là mật khu nổi tiếng của Liên Khu V. Có hôm tôi cùng đoàn người vừa Bắc vừa Trung đi làm rẫy trên triền đồi, trồng lúa khô, bắp, đậu phọng và đậu xanh, những hôm khác tôi bị trói ngồi ở một gốc cây. Ban đêm tôi bị trói cả chân lẫn tay nhưng được cho một tấm mền để đắp, những hôm trời mưa thì mọi người cùng ngồi với nhau dưới một tấm bạt nhà binh. Có đêm một vài người ca hát những điệu hát miền Bắc. Những người miền Bắc có vẻ dễ chịu hơn người miền Trung, họ cười nói tự nhiên, cho phép tôi đi tiêu đi tiểu thoải mái, họ còn cho tôi áo quần và đôi dép râu để đi lại trong rừng trong khi những người cùng quê tỏ ra khe khắc. Kể cũng buồn, người cùng quê lại tàn ác hơn người dưng.   
Hơn 6 tháng bị giam giữ, nói sao cho được nỗi khổ của một tù binh. Không đêm nào tôi không cầu nguyện cho tôi và gia đình được bình yên. Một đêm nọ, ba người đến trói hai tay ra phía sau rồi dắt đi. Hai người miền Trung và một người miền Bắc. Đến một đoạn đường họ bịt mắt tôi lại. Thôi rồi, chúng khai thác không được, định thủ tiêu tôi đây. Tôi định trong bụng rằng, nếu tình hình xấu lắm tôi sẽ liều mạng thôi. Tôi quyết không chịu chết hèn, ai cũng một lần chết, phải chết hùng cho đáng thân trai. Lòng đã quyết, tôi cảm thấy hơi yên tâm. Hơn nữa tôi quan sát rất kỹ đường đi nước bước, nếu có thoát thân còn biết tìm hướng Đông mà tiến xuống đồng bằng. Nhóm người này dẫn tôi đi quanh co trong rừng suốt hai ngày đêm. Đến một điểm nào đó vào lúc ban đêm, người miền Trung bảo tôi ngồi xuống dưới một gốc cây rồi đe dọa: "Ngồi đây nghỉ giây lát rồi đi tiếp. Phải im lặng nghe chưa, nhúc nhích là tụi tao bắn bỏ". Cả ba cùng bỏ đi. Tôi nghĩ chắc họ đang tìm chỗ ăn hoặc đi tiêu tiện gì đó nên ngồi im, hai mắt vẫn bị bịt kín và hai tay bị trói ngoặc ra sau.   
Ngồi thật lâu nghe ngóng tình hình, tôi chỉ nghĩ kế thoát thân. Ngồi mỏi cả lưng, tê cả chân mà vẫn không nghe động tịnh gì của ba người kia. Chung quanh chỉ nghe tiếng côn trùng rả rích, sương đêm thấm hết vào người. Tôi cảm thấy lạnh, thỉnh thoảng hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Đói và lạnh, thân thể mỏi mệt, tôi ngủ thiếp đi một hồi và chỉ sực tỉnh khi nghe tiếng gà gáy sáng. A, thì ra tôi đang gần một xóm làng nào đó và trời đang sắp bình minh. Như vậy thì phải tìm cách thoát thân, tôi nghĩ như thế.   
Lắng nghe động tịnh một hồi và biết chắc ba người cộng sản kia đã đi đâu mất. Tôi đánh liều từ từ lòn hai tay dưới đít rồi co hai đầu gối vào sát người đưa hai tay bị trói ra phía trước, gỡ khăn bịt mặt ra. Vừa mở từ từ đôi mắt để làm quen với ánh sáng, vừa lấy răng mở lần dây trói. Tháo dây trói xong tôi liền đứng dậy, co chân co tay, vặn mình cho giãn gân cốt rồi nhìn chung quanh. Ủa, đây chính là làng tôi đây mà. Tôi ngỡ như nằm trong mơ, cố dụi mắt nhìn kỹ. Đúng là làng tôi rồi. Bà con hàng xóm đã thức dậy, có nhà nhen lửa nấu cơm. Sau giây phút ngỡ ngàng, tôi đánh bạo tiến bước vào làng. Tôi vứt bỏ đôi dép râu, đi chân đất về nhà. Dọc đường gặp một vài người quen, tôi cúi đầu đi như chạy trốn. Tôi thấy mọi người đều đáng sợ. Những người bắt cóc tôi là dân Quảng Ngãi, ở làng trên. Tôi như "con chim bị tên, thấy cây cung nào cũng sợ", nghi ngờ mọi người.   
Tờ mờ sáng hôm ấy, tôi về đến nhà. Nói sao được nỗi vui mừng của mẹ và ba chị tôi, hai chị ruột và một chị dâu. Sau phút trùng phùng cảm động và nghe tôi thuật lại nỗi cơ cực trong thời gian bị quân cộng sản bắt, cả nhà đều mừng rỡ, ai cũng đinh ninh tôi đã bị giết vì ngay đêm đó, mẹ và các chị tôi âm thầm chia nhau đi các nẻo, hỏi thăm và tìm thi thể tôi đem về chôn nhưng không thấy.   
Khoảng gần trưa tôi đến cơ quan an ninh chính quyền xã Bình Giang trình diện. Thông cảm và hiểu rõ gia đình tôi, anh em trong xã thăm hỏi qua loa rồi cho tôi về nhà nghỉ ngơi và làm bản tường trình sự việc. Đến chiều tôi đã làm xong bản tường trình và đem lên xã nộp. Điều làm tôi không vui lòng là bộ tư lệnh hải quân ở Vũng Tàu gởi giấy tầm nã về đây, anh xã trưởng đã trả lời bằng văn thư cho bộ tư lệnh là tôi bị cộng sản bắt cóc ngày 16 tháng 5 năm 1963. Anh xã trưởng hỏi tôi muốn trở lại đơn vị cũ không, tôi trả lời muốn được ở nhà một thời gian và anh chỉ dặn là không nên rời khỏi xã coi chừng bị quân cảnh chận xét bắt lại vì tội trốn lính. Từ đó tôi không bị làm khó dễ gì, mặc dù vậy đêm nào tôi cũng thay đổi chỗ ngủ, lúc thì ngủ ngoài hiên, lúc thì nằm trong vườn, có lúc ngủ nhờ nhà hàng xóm.   
Trong suốt thời gian nằm nhà, tôi cố để ý tìm cho ra nơi ở của ba người đã bắn anh tôi. Tôi được biết là chúng theo cộng sản từ năm 1960, hiện ở Sơn Tịnh, cách làng tôi khoảng 12 cây số về phía Tây, và lặng lẽ theo dõi hoạt động của chúng trong vùng. Nhưng tình hình chiến sự ngày một xấu đi, tại một số làng xa xôi ban đêm quân cộng sản về thu thuế và kêu gọi dân chúng nổi dậy rồi rút đi, sáng thì quân quốc gia vào tảo thanh. Tội nghiệp cho đám dân lành, cứ mỗi lần như thế một vài người bị hai bên bắt đi đâu không biết. Thôn xóm ngày một mất an ninh nhưng cả nhà tôi không muốn dời về thành phố. Tôi suốt ngày ra vườn cuốc đồng trồng rau khoai và phụ chuyện vặt vãnh trong nhà, mỗi tối vặn đài quân đội theo dõi tình hình và nghe nhạc. Thỉnh thoảng tôi dạy kèm các cháu nhỏ học hành, mẹ và các chị tôi vẫn ra chợ buôn bán. Không bao lâu sau tôi cưới vợ.   
Giữa năm 1967, quân đội Mỹ hành quân ngang qua làng tôi và đóng đồn cạnh làng Sơn Tịnh, địa bàn hoạt động của cộng quân. Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ ngày đêm hành quân lùng sục nhưng quân cộng sản vẫn giữ một phần lớn đất đai trong địa bàn xã. Tiếng súng nổ khắp nơi, ngày nào cũng thấy cảnh đau thương, chết chóc. Biết bao thanh niên, trai tráng trong làng lần lượt ngã xuống, tiếng khóc than vang cùng khắp ngõ. Biết bao tổ phụ, quả phụ, đầu chích khăn tang, kẻ khóc thương con, người thương khóc chồng, con khóc cha. Ôi, chiến tranh sao cay nghiệt quá, tàn nhẫn quá, thương tâm quá. Thù nhà nợ nước cứ canh cánh bên lòng.   
Ngày 1 tháng 6 năm 1968, tôi gia nhập nghĩa quân, trung đội 19 đóng tại đồn Bình Giang. Hành động này vừa có mục đích trả thù cho anh vừa giữ an ninh cho thôn xóm. Tôi nhiều lần vào sinh ra tử, đối mặt với kẻ thù nhưng vẫn không ngại gian lao nguy hiểm lăn vào cuộc bắn giết. Cuối năm 1968, trung đội tôi phối hợp với quân đội Hoa Kỳ hành quân đưa dân vào ấp, cô lập nguồn tiếp tế của cộng sản. Đây là một kế hoạch qui mô có tầm vóc chiến lược. Xã Bình Giang là một địa điểm trọng yếu vì đây là địa bàn hoạt động chính của quân cộng sản trong vùng nên sự phòng thủ rất chặt chẽ. Đơn vị tôi vừa hành quân tảo thanh quân địch, vừa vận động dân chúng tham gia chương trình di dân lập ấp.   
Một hôm đang trên đường hành quân, tôi dẫm phải một trái mìn. Tiếng nổ khô khan làm tôi bất tỉnh. Nghe các đồng đội kể lại, tôi được bộ chỉ huy hành quân gọi trực thăng tức tốc đưa vào Tổng Y Viện Duy Tân cấp cứu. Khi tỉnh dậy thì hỡi ơi, chân trái của tôi đã bị cưa tới đầu gối, thân hình bị băng bó, thương tích khắp người. Thật là tức tối, ý nguyện chưa thành thân hình đã bị tàn phế. Còn trả thù cái gì nữa đây với tấm thân què cụt này, cuộc sống của tôi trở nên vô vị. Ròng rã một năm trời điều trị, tôi được quân y viện cho về với gia đình. Thật là buồn tủi, làm gì với một hình hài không còn nguyên vẹn, tôi đành phải sống nhờ vào đồng lương trợ cấp.   
  
\* \* \*   
Nỗi đau tưởng đâu đến đây là hết, nhưng không. Tại họa lại giáng xuống nhà tôi một lần nữa.   
Năm 1970, chị dâu tôi ra chợ buôn bán như thường nhật thì bị một tên du kích cộng sản bắn một phát sau lưng. Chị chết liền tại chỗ, viên đạn xuyên qua tim, phá banh lồng ngực, máu đỏ thấm cả một khoảng đường. Xác chị sau đó được đem về nhà tẩm liệm. Mẹ tôi lại khóc hết cả nước mắt, từ ngày anh Hùng mất đến nay, bà xem chị như là con gái cả trong nhà. Chị một lòng hiếu thảo với mẹ chồng và thương yêu các em chồng như ruột thịt. Nhìn thi thể chị dâu cùng ba đứa nhỏ vô tội, cả cha lẫn mẹ đều bị cộng sản sát hại, tim tôi se lại. Sau khi tống táng xong chị dâu, tôi lãnh nhận nuôi dưỡng ba đứa cháu với đồng lương trợ cấp ít oi. Vợ tôi thay chị dâu tần tảo buôn bán phụ giúp gia đình, tôi hành nghề hớt tóc tại gia để có thêm lợi tức vì lúc này trách nhiệm chăm sóc mẹ già, hai con và ba cháu nhỏ đối với vợ chồng là một gánh nặng vật chất.   
Chiến cuộc ngày càng lan rộng, khói lửa lan tràn khắp mọi miền đất nước, cộng quân pháo kích vào thôn xóm tôi liên tục, gây chết chóc cho đàn bà trẻ em và ông già bà cả. Ơ? những vùng đồi núi phía xa, cộng quân lấn chiếm phần lớn đất đai và dân số, quân đội Việt Nam Cộng Hòa lâm vào thế thủ. Thế giới đâu thấy được dã tâm của quân cộng sản, chúng muốn nhuộm đỏ cả quê hương này. Các tướng lãnh quân đội của nền đệ nhị cộng hòa chỉ huênh hoang, khoác lác trên các phương tiên truyền thông và truyền hình là chiến thắng cộng sản, nhưng thật ra các cuộc hành quân phe ta đều bị đối phương biết trước và bẽ gãy. Các cuộc hành quân qui mô tiêu diệt địch quân tại Hạ Lào, Lam Sơn 719, Dakto đều thất bại, thi thể các chiến binh thi nhau nằm xuống, đâu đâu cũng thấy chết chóc và thất bại. Từng mảng đất nước lần lần rơi vào tay cộng sản, tôi thấy nao nao trong dạ.   
Việc gì phải đến đã đến. Ngày 20-4-1975, Quảng Ngãi thất thủ, gia đình tôi khăn gói theo đoàn người chạy vào Nam lánh nạn. Dọc quốc lộ 1, xác xe và xác người nằm phơi đầy đường, nhà cửa cháy nát tan hoang. Tâm trạng của người chạy loạn thật là hoang mang. Xa làng mạc thân yêu, nương náu xứ lạ quê người, cuộc sống rồi đây sẽ ra sao? Thật không hiểm họa nào bằng hiểm họa cộng sản, chỉ nghe hai tiếng "cộng sản" là mọi người đều bỏ chạy.   
Vào đến Sài Gòn cảnh hỗn loạn càng thấy rõ hơn. Dân các tỉnh và thành phố bị cộng sản chiếm đóng, đều đổ xô vào Sài Gòn, không cảnh hỗn loạn nào hơn. Kẻ khóc cha, người khóc chồng, đâu đâu cũng nhuộm màu tang tóc. Tinh thần người lính Việt Nam Cộng Hòa lúc bấy giờ xuống đến mức chỉ trông chờ rã hàng. Các cửa ngõ vào Sài Gòn đều có quân đội trú đóng nhưng không ai còn tinh thần chiến đấu nữa vì các tướng lãnh đang thu xếp hành trang chuồn ra nước ngoài. Trước tình hình này làm sao không đổ vỡ? Bình Tuy, Long Khánh lần lượt thất thủ, những nơi khác đỗ nhào như những con cờ domino. Rồi đến phiên Sài Gòn.   
Ngày 30-4-1975 quân cộng sản tiến vào Dinh Độc Lập, biểu tượng của uy quyền miền Nam. Biểu tượng mà có lần tôi cùng những chiến hữu khác đã đổ máu, hy sinh cả tính mạng để bảo vệ nó. Bây giờ là kẻ chiến bại, còn gì nhục nhã hơn. Nhìn cán binh cộng sản nghễu nghễnh đi trên đường phố, cờ đỏ cùng biểu ngữ trương ra khắp nơi, lòng tôi đau xót. Tôi bỏ qua hết những oán hờn đối với những vị lãnh đạo miền Nam cũ, họ có lý do để ra đi. Tôi thấm thía nỗi hân hoan của người lính trong đoàn quân chiến thắng và thông cảm nỗi đau một người tướng trong đội quân rã hàng.   
Trên đời này không có gì tuyệt đối cả. Nay còn mai mất, có cái gì vĩnh cửu đâu. Những gì thân yêu nhất còn mất huống chi những phù phiếm bề ngoài. Nghĩ thì nghĩ vậy nhưng tôi vẫn lo âu cho cuộc sống mới. Với tấm thân tàn tật, tôi còn làm được gì cho một gia đình đông con, đông cháu khi mất nguồn trợ cấp phế binh? Chúng tôi sống chật vật trong một căn nhà thuê ở Thủ Đức. Một thời gian sau chính quyền cộng sản ra lệnh cho những người không có sổ gia đình (hộ khẩu) ở Sài Gòn phải trở về quê quán cũ, tôi cùng gia đình khăn gói trở về Quảng Ngãi.   
Đoạn đường ra đi chống chọi với cảnh chết chóc và nạn cướp bóc, đoạn đường trở về chống đỡ với nỗi lo âu và một tương lai mù mịt. Đoạn đường nào cũng đầy khổ ải. Căn nhà thân yêu của cha mẹ tôi đã bị du kích địa phương dọn sạch và niêm phong với tờ giấy dán trước cửa: "nhà vắng chủ". Cả nhà phải về nương tựa bên gia đình vợ. Ở chưa nóng chỗ thì tôi bị kêu đi tập trung cải tạo ở trại Bình Khương, bất kể tật nguyền. Chính quyền cộng sản địa phương xếp gia đình tôi vào thành phần "phản cách mạng" nguy hiểm. Họ nói anh tôi làm việc cho CIA, chị dâu tôi làm gián điệp cho "ngụy quyền" trong chiến dịch Phượng Hoàng, còn tôi là "lính ngụy ác ôn có nhiều nợ máu". Thật là tức, chính họ đã giết anh chị tôi, đầy đọa gia đình tôi, bây giờ còn kết tội cả chính tôi. Những người "đồng hương" cộng sản này thật không có tình người, đều là quen biết cả mà chỉ vì một chủ nghĩa ngoại lai đã biến thành thú dữ. Không hiểu khi hành hạ người khác, họ được niềm vui nào, nhất là người đó bị tàn tật và mất hết tất cả.   
Sau ba tháng bị giam trong trại Bình Khương, họ cho tôi về nhà cải tạo tại chỗ vì thân thể tàn tật không có ích gì trong lao động. Về đến nơi thì hỡi ơi, người ta cho biết là cả gia đình tôi gồm mẹ, vợ và các con cháu, đã bị đưa lên vùng kinh tế mới Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tôi xin trở về nhà cũ nhưng không được đành phải về ở tạm nhà cha mẹ vợ. Tôi bị chính quyền xã Bình Giang quản chế một năm, không cho rời khỏi địa phương. Buồn cho thân phận, tôi đi hớt tóc dạo kiếm tiền độ nhật. Khi dò tìm ra tông tích và liên lạc được với gia đình, năm 1977 khi vừa hết hạn quản chế tôi liền đón xe lên Bảo Lộc đưa cả gia đình về Phan Thiết. Ròng rã hơn bảy năm trời lao động nhọc nhằn, và nhờ ơn trên phù hộ, gia đình tôi vẫn được an bình mặc cho cái đói, cái nghèo bám chặt trên lưng.   
Đến năm 1985, cả nhà dọn về Vũng Tàu, ở gần Long Hải. Nói sao cho hết nỗi cực lúc này, một gia đình gồm chín miệng ăn, vừa lo xong buổi sáng đã nghĩ tới buổi chiều, biết bao lận đận, thiếu trước hụt sau. Tuy vậy chúng tôi vẫn kiên trì làm lụng, có nhiều ăn nhiều, có ít ăn ít, không có thì nhịn, không ai kêu van lời nào. Tôi dựng được một mái hiên trước nhà để hành nghề hớt tóc, vợ tôi sáng sáng gánh khoai ra chợ bán. Mẹ già lúc này mắt kém, ở nhà giữ đàn cháu thất học, đứa nào cũng phải mua bán ngoài chợ hay đi lượm rác để phụ với vợ tôi. Căn nhà tranh vách đất trống trước trống sau, mái nhà mục nát nắng dọi mưa dột. Mỗi khi trời mưa cả nhà ướt sũng nước không có chỗ ngồi.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 45**

Số phận tưởng đã an bài, nào ngờ chế độ cộng sản vẫn chưa chịu để cho tôi yên. Ngày 5-4-1992, công an tỉnh Vũng Tàu phối hợp với phòng phản gián PC16 từ Sài Gòn về bắt tôi giam suốt ba năm liền vì đã vi phạm điều 157 bộ Luật Hình Sự về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân". Thật là vô lý, tôi có lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ai đâu. Nhờ có biết chút đỉnh tiếng Anh lúc còn giao thiệp với quân đội Mỹ ở Quảng Ngãi, tôi có viết thư giùm một số anh em thương phế binh trong vùng gởi đơn qua tòa đại sứ Mỹ tại Bangkok, Thái Lan, xin trợ cấp cho những người tàn tật, trong đó có bản thân tôi. Tôi có lấy của ai đồng xu cắc bạc nào đâu. Tôi viết thư trên một tờ giấy mẫu, mỗi đương sự tự chép lại rồi bổ túc tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ, ngày gia nhập quân đội, số quân, ngày giờ bị thương... Sau khi viết xong, tôi đọc lại các thư để dò lỗi chính tả rồi chính mỗi đương sự bỏ thư vào bao, dán lại cẩn thận, đón xe về Sài Gòn đến bưu điện chính gần Nhà Thờ Đức Bà gởi, tiền tem thư do bưu điện tính.   
Việc này lúc đầu chỉ có một vài người thân biết, về sau tiếng đồn vang xa anh em phế binh từ khắp nơi mò đến tìm tôi nhờ viết giùm văn thư. Chẳng may anh em đến bưu điện đông quá, gây ồn ào khi xếp hàng chờ cân gởi, công an bảo vệ thấy lạ liền đến xét hỏi và phát giác các phế binh gởi thư bằng tiếng Anh cho tòa đại sứ Mỹ tại Bangkok. Tất cả đều bị bắt giữ và sau khi bị tra khảo, vài người khai là do tôi chủ mưu. Công an phản gián PC16 phối hợp cùng với công an tỉnh Vũng Tàu về địa phương bắt tôi. Chưa thấy xã hội nào như xã hội này, viết đơn giùm những người bất hạnh cũng bị phạt tù ba năm. Đau đớn và oan ức quá!   
Suốt 3 năm bị giam giữ, sống trong cảnh nhục nhằn, trải qua nhiều nỗi đắng cay, tôi vẫn cắn răng chịu đựng. Mặc cho ai hãm hại, thêu dệt, làm tình làm tội đủ điều, trăm phương ngàn kế triệt hạ sinh kế gia đình, tôi luôn vững tâm tin tưởng vào Thượng Đế. Tôi tin vào luật nhân quả, ai làm việc tốt sẽ được đền bù, ai làm điều ác phải gánh chịu hậu quả. Thượng Đế luôn luôn công bằng, không ai qua mặt được Ngài và cũng không ai có quyền tước đoạt nguồn sống của một ai. Cuộc đời của mỗi người là một tác phẩm. Nó là một diễn trình biến chuyển không ngừng với nhiều nỗi thăng trầm, khi thì lên voi, khi thì xuống chó, thành bại, sống còn, thương đau cùng hạnh phúc xảy ra trong phút chốc. Ngày hôm qua còn được tự do, hôm nay ngồi tù, thật là oái ăm. Tôi phải phấn đấu liên tục với chính mình để tồn tại. Mặc dù vậy tôi vẫn nuôi hy vọng có một ngày được trở về với gia đình. Dù nghèo, dù khổ, nghe tiếng cười đùa của con cháu lòng cũng thấy niềm vui.   
Tôi bị giam ở Xuân Lộc. Nơi đây có đủ thành phần tù nhân, từ những người tranh đấu chính trị đến những tội phạm hình sự. Riêng tôi vì bị kết tội chính trị nên bị giam chung với những tù nhân chính trị. Kể cũng may, những người này dù phải sống trong cảnh khổ cực nhưng vẫn giữ phong cách, không chửi tục, không co tay giơ chân mỗi khi bất bình. Người nào người nấy đều đứng tuổi, tóc bạc phơ, nụ cười hiền từ lúc nào cũng nở trên môi. Tôi có dịp làm quen với mấy vị linh mục dòng Đồng Công Thủ Đức; nhiều vị đại đức các chùa trong vùng Sài Gòn, Chợ Lớn cũng bị giam ở đây. Nghe đâu có một ông bác sĩ nào đó rất nổi tiếng (bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ghi chú thêm) cũng bị giam ở đây, ông ta bị biệt giam ở khu cách ly nên tôi chưa được biết mặt. Mọi người nhắc tới ông với tất cả lòng kính mến, hình như ông đã bị giam hơn 20 năm nay.   
Không biết những con người hiền từ và đức độ như vậy có làm gì sai trái mà phải bị giam giữ nơi đây. Nhiều lúc ngồi nghe các vị cao niên nói chuyện chính trị, bình luận thời cuộc khiến tôi rất thích thú, kiến thức của tôi cũng nhờ đó mà mở mang thêm, nhưng thú thật tôi chẳng hiểu gì lắm. Nếu có chuyện gì, ai bảo tôi làm điều gì thì tôi thi hành ngay nhiệm vụ đó chứ tham gia bàn bạc kế hoạch, chiến lược chiến thuật thì chịu. Vốn là một hạ sĩ quan, tôi chỉ là kẻ thừa hành, nghiêm chỉnh chấp hành lệnh trên. Hơn nữa trong suốt thời gian ở ngoài đời tôi chỉ nghĩ tới miếng ăn, miếng sống hằng ngày còn thì giờ đâu mà suy nghĩ, cùng lắm là văng tục vài câu cho hả giận mỗi khi bị hiếp đáp. Thỉnh thoảng tôi được mấy vị cao niên mời ngồi đánh cờ tướng chung thật là vinh hạnh, nhiều lúc tôi chỉ muốn được đứng bên phục vụ trà nước là sung sướng rồi.   
Nhưng an ủi nhất là gặp lại nhiều anh em thương phế binh bị giam giữ nơi đây. Anh em chúng tôi thường tụ năm tụm bảy nghe nói chuyện sau một ngày lao động vất vả, tôi kể lại những điều nghe thấy ngoài đời và những lời bình luận của các vị cao niên cho các anh em khác nghe. Nơi đây kỷ luật tương đối dễ chịu, cán bộ trại giam đi tuần liên tục nhưng không cấm anh em nói chuyện. Trong số phế binh bị giam tại đây có trung úy nhảy dù Phạm Tấn Dũng, cụt bàn chân trái. Anh Dũng bị kết tội "âm mưu lật đổ chính quyền" vì đã tập họp anh em phế binh đi bán nhang. Đây là một gương sáng về sự anh dũng, như tên gọi của anh. Những chiến tích của anh Dũng làm tôi nhớ mãi.   
Trong một trận đánh ác liệt hồi tháng 10-1974, đại đội của trung úy Phạm Tấn Dũng được lệnh tái chiếm đồi 1062, một cao điểm thuộc quận Thượng Đức, tỉnh Quảng Nam. Cuộc chiến kéo dài suốt hai giờ liền, tiếng pháo, tiếng bom và tiếng lựu đạn nổ rền trời, cây cối ngã gục hết chung quanh. Xác người nằm la liệt dọc triền đồi, những xác đen xì bốc lên mùi máu nồng nặc. Ba trong bốn chốt địch đã bị "đại đội cảm tử" của trung úy Dũng hạ. Chốt còn lại chống trả dữ dội, đúng là chúng muốn tử thủ. Bực mình và tự ái của người chỉ huy, trung úy Dũng dẫn sáu "đệ tử ruột" tiến vào đồn địch dưới màn lửa đạn của đồng đội. Bảy người chỉ mang theo lựu đạn và lưỡi lê để đánh cận chiến. Từng thước địa hào lần lượt bị chiếm. Địch quân gài lựu đạn cản đường, chúng còn gài lựu đạn dưới xác chết. Vì ham thu lượm chiến lợi phẩm nơi các xác chết, hai trong sáu "đệ tử" bị lựu đạn gài nổ gây thương tích nặng. Trung úy Dũng mãi mê tiến vào địa hào, tránh né đạn thù chẳng may đạp trúng lựu đạn gài dưới đất, bàn chân phải bị đứt lìa. Từ đó anh thành phế binh nhưng kiếp sống hùng không bao giờ mất trong anh.   
Sau biến cố 30-4-1975, trung úy Dũng cũng như bao chiến sĩ khác phải đi "học tập cải tạo", mặc dù thân thể bị tàn phế. Thay vì ở tù ba năm như mọi người, anh Dũng bị giam gần chín năm vì tội đánh ăng ten trong trại. Cùng là lính với nhau, cũng tù tội như nhau nhưng vẫn có nhiều người yếu hèn làm ăng ten cho trưởng trại, báo cáo mọi câu chuyện và thái độ của từng người cho cán bộ quản giáo, khiến nhiều anh em bị đánh đập và biệt giam, đôi khi còn bị cấm thăm nuôi. Để được gì? Chẳng được gì cả, những tên làm ăng ten không những ở tù lâu như mọi tù nhân khác mà còn bị anh em mắng chửi thậm tệ, không ai muốn nhìn mặt.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 46**

Trở lại kiếp sống cải tạo trong trại Xuân Lộc. Mặc dầu có phần dễ dãi hơn các trại giam khác mà tôi đã trải qua, nơi đây mọi tù nhân phải chấp hành lệnh của trại đến từ bất cứ ai mặc sắc phục. Một nửa thời giờ trong ngày dùng để lao động ngoài đồng hay trong rừng, nửa thời giờ còn lại dọn dẹp trong trại như quét dọn phòng ốc, nhổ cỏ, tưới cây quanh trại. Tối thì được phép nấu nước trà, đánh cờ tướng hay ngồi trò chuyện với nhau, nhưng đến khuya thì phải tắt đèn đi ngủ. Hầu như tất cả mọi người nơi đây đều đã có án tù chính thức, nên mỗi tháng được gia đình đến thăm nuôi một lần. Ai có gia đình khá giả thì ăn uống no đủ, ai khốn khó như tôi thì đành chờ... anh em khác thương tình cho ăn ké. Cứ mỗi chủ nhật cả trại ồn ào, náo nhiệt hẳn lên vì có thăm nuôi. Tiếng cười nói, đi lại của mọi người làm thay đổi bộ mặt buồn thảm của một trại tù.   
Ở trong trại được hai năm, tôi quen dần với người và cảnh vật, những người khác chắc cũng vậy. Không bao giờ có chuyện trốn trại ở khu "chính trị" này. Thỉnh thoảng chúng tôi có nghe một vài tù hình sự trốn trại. Có người thành công, có kẻ thất bại. Những ai bị bắt trở lại thì chịu những hình phạt dã man nhất: bị đánh bằng báng súng vào đầu và mình mẩy, bị trói ngồi trong thùng phuy ngập nước phơi giữa trời. Vào giữa trưa, một hay hai cán bộ quản giáo cầm một khúc tre hoặc dùng chân đá vào hông thùng để những chấn động của nước ép vào cơ thể khiến tù nhân hộc máu mồm, máu mắt ra. Chưa hết, người trốn trại khi được lôi ra khỏi thùng phuy còn bị trói cả chân và tay rồi treo lơ lửng ở cành cây suốt đêm cho muỗi chích, sáng hôm sau mới đem nhốt trong côn néc không có lỗ thở trong suốt hai ngày liền, không được cho ăn cho uống, tiêu tiện gì cũng tại chỗ, mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Hình phạt này là đế cảnh cáo những ai có ý định trốn trại phải sợ. Tù nhân thường được thả ra lúc giữa trưa, đang còn loạng choạng vì bị ánh nắng làm chói mắt thì hai ba cán bộ nhảy tới đá thêm cho mấy cái ngã chúi xuống đất, rồi mới kêu hai ba tù nhân khác khiêng vào phòng tập thể. Các tù nhân thường bị xỉu khi ra khỏi côn néc, những người yếu sức thường chết vài ngày sau đó.   
Trong "khu chính trị" cũng xảy ra nhiều chuyện đau buồn. Anh Trần Văn Được, phế binh trung sĩ nhất thủy quân lục chiến, cụt một tay và mù một mắt trong trận tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị mùa hè 1972, bị bắt chung với trung úy Phạm Tấn Dũng, cụt một chân, về tội "hội họp bất hợp pháp, âm mưu lật đổ chính quyền", đã chết vì bị hành hạ quá đáng. Một hôm cán bộ quản giáo trẻ tuổi, quê ở Nghệ Tĩnh, vừa được chuyển tới ra lệnh cho anh Được quét sân, nhưng vì giọng nói của người này khó nghe nên anh Được vẫn tỉnh bơ ngồi uống nước trà. Cán bộ gốc Nghệ Tĩnh liền tới xỉ vả, anh Được chẳng hiểu gì cả nhìn cười, tức quá nó đá văng chén nước trà khỏi tay anh Được rồi nhào tới tát anh một bạt tai. Nổi sùng, anh Được cầm lon guigoz đựng nước nóng ở dưới đất tạt vào mặt nó rồi chỉ tay nói:   
- Mày là giống gì mà mất dạy quá vậy? Bộ tao là súc vật à? Ai dạy mày vô phép dữ vậy? Con thú nào bị đánh đập quá đáng cũng quay lại cắn, tao tuy bị tàn tật cũng không chịu để cho mày sỉ nhục đâu. Đồ quân mất dạy, nói cho mày biết con tao còn lớn hơn mày mà chưa bao giờ dám hổn láo như...   
Chưa nói hết câu, tên cán bộ Nghệ Tĩnh nhào tới nắm áo anh Được, thốt ra những lời tục tỉu khó nghe và đánh đá túi bụi vào đầu vào cổ anh. Đúng là quân mất dạy, đã không biết kính nễ người lớn tuổi mà còn dám đánh đập vào người tàn tật. Anh Được té xuống đất liền bị nó đá tới tấp vào đầu vào bụng, anh chỉ biết co chân ôm đầu chịu trận. Thấy vậy, anh Dũng cà thọt chạy tới can nhưng bị mất thăng bằng anh níu áo tên cán bộ này và cả hai ngã xuống đất. Tức thì bảy tám cán bộ quản giáo khác từ nhà trong chạy ra, lôi anh Dũng đứng lên và đánh hội đồng khiến anh ngã quị xuống đất.   
Tức quá, anh Dũng hốt cát ném vào mặt mấy tên cán bộ. Đang lúc chúng còn đang dụi mắt thì anh Dũng nắm chân một tên giật té sấp xuống đất, rồi nhào tới thúc một cùi chỏ vào mặt làm nó tức điên lên. Tên này vội vàng đứng dậy chạy đi tìm một khúc tre thật lớn dùng làm cột phơi đồ quất tới tấp vào mình, vào đầu anh Dũng. Tiếng "bình bịch" và "bồm bộp" vang lên khô khan, máu từ đầu và vết thương nơi chân cụt của anh Dũng rỉ ra đầy mặt đất. Các trại viên chạy ra can thiệp, năn nỉ xin tha, đám công an chỉa súng vào đám người, tên chỉ huy ra lệnh lùa tất cả trại viên vào phòng giam lại, không cho bất cứ ai ra dòm ngó hay ngồi hóng mát nói chuyện. Riêng hai anh Dũng và Được bị chúng nắm áo lôi lên văn phòng.   
Trời vừa bắt đầu tối, không ai còn lòng dạ ngồi xuống đất ăn cơm. Anh em chúng tôi lo âu cho số phận của hai người bạn tù. Phòng tra tấn và phòng giam tập thể không xa nhau lắm nhưng tiếng ồn ào trong phòng giam và tiếng gió rừng lấn át nên chúng tôi chỉ nghe được tiếng mất tiếng còn những gì xảy ra ở đó. Rõ nhất là những tiếng la hét của cán bộ công an, họ đánh đập hai anh suốt buổi chiều và chỉ ngừng khi tất cả bỏ đi ăn cơm chiều, sau đó lại vang lên suốt đêm khuya. Chúng tôi chỉ nghe và hiểu được tiếng la hét của những cán bộ miền Nam hay gốc Hà Nội, còn mấy cán bộ gốc Nghệ Tĩnh la hét cái gì thì chịu, chẳng ai hiểu gì cả. Là người Việt với nhau mà người Nghệ Tĩnh nói như người ngoại quốc, không ai hiểu gì.   
Nội dung những tiếng hét tra khảo và trả lời đại khái như sau:   
- Mày đeo cái gì tòn ten ở cổ hả thằng kia?   
- Thánh giá! - Dũng trả lời (anh Dũng theo đạo công giáo nên luôn cây thánh giá ở cổ bằng nhựa đen đúc bằng những bao ny lông).   
- Cỡi nó ra khỏi cổ ngay lập tức! - tên cán bộ miền Nam giận dữ ra lệnh.   
- Còn lâu. Không ai có quyền buộc tôi phải bỏ nó. Cây thánh giá này sẽ theo tôi xuống lòng đất khi tôi chết. Tín ngưỡng là một quyền thiêng liêng, các ông lấy quyền gì mà bắt tôi từ bỏ. Bộ muốn cấm đạo hả? Cây thánh giá này tượng trưng cho tín ngưỡng của tôi, không ai có quyền buộc tôi cỡi ra?   
Tức thì mấy tiếng "huỳnh huỵch" vang lên, có lẽ họ đá vào người anh Dũng. Tên cán bộ miền Nam nghiến răng hằn học:   
- Đạo gì hả? - "Bình bịch", tiếng cán bộ đánh đấm vào người anh Dũng vang lên một hồi. Đ... mẹ. Nè đạo...   
- Ự.. ự! - Anh Dũng rên lên. Tôi theo đạo gì kệ tôi, mắc mớ gì các người...   
- Muốn chết vì đạo hả? - "Bộp bộp" mấy cái. Tao cho mày chết...   
Có lẽ chúng đang đánh vào đầu vào mặt của anh Dũng. Chúng tôi chỉ nghe những tiếng "ự, ự" từ miệng anh Dũng nặng nề vang lên.   
- Bớ người ta, chúng đánh người. Họ giết chúng tôi... - tiếng anh Được gào lên nửa chừng rồi tắt nghẹn.   
Những tiếng "huỳnh huỵch", "bồm bộp" khác lấn át tiếng la của anh Được. Có lẽ chúng đang đánh hai anh bằng gậy hay vật gì cứng lắm vì những tiếng "thình thịch" vang lên rất khô khan. Tiếng "ự ự" từ cổ họng hai yếu dần. Anh Dũng và anh Được đang bị chúng đánh hội đồng. Chúng tôi chỉ nghe những tiếng rên rỉ đứt khoảng rồi im bặt. Bầu không khí im lặng nặng nề bao trùm khắp trại giam. Chúng tôi chỉ thấy một vài tên công an chạy ra chạy vào hớt hải từ phòng tra khảo với nhà trại trưởng.   
Đêm hôm đó, trong phòng giam tập thể không ai ngủ được, chúng tôi lo âu cho số phận hai anh. Sáng hôm sau, cán bộ quản trại cho hay hai anh Dũng và Được đã "hành hung cán bộ và cắn lưỡi tự tử chết" vào lúc giữa đêm. Hành hung cái gì? Tự tử cái gì? Hai người tàn tật bị công an quản trại đánh đập tới chết rồi nói là tự tử. Bốn người được lệnh quản trại kêu ra lên văn phòng khiêng xác hai anh chôn ở một góc trại. Những trại viên khác vẫn bị kêu ra điểm danh và đi lao động như thường lệ.   
Chiều tối về, anh em chúng tôi chạy xúm lại quanh bốn người hồi sáng được lệnh mang xác hai anh Dũng và Được đi chôn hỏi han. Họ thuật lại rằng xác hai anh mang đầy vết tím bầm, khóe miệng hai anh còn máu rỉ ra, con mắt còn sáng của anh Được bị xưng tím đen, mặt anh Dũng thì dính đầy máu. Máu từ các vết thương cũ ở chân và cánh tay hai anh đều khô đen, dính đầy quần áo. Ngực và lưng của anh Dũng chằng chéo những vết tím đen. Hai anh có lẽ bị chết vì những vết thương ở đầu, dưới tóc hai anh máu khô bám chặt, cạy không ra. Trước khi bó xác hai anh vào hai tấm chiếu, bốn người này phải ký vào biên bản xác nhận hai anh tự tử rồi mới được mang xác đi chôn. Các anh đào lỗ chôn dưới sự kiểm soát ngặt nghèo của hai cán bộ công an và chỉ được phép cấm một cây cọc ở đầu hai nấm mộ để ghi dấu. Không ai được quyền than khóc và cũng không được khắc tên hai anh trên cọc gỗ để ghi nhớ. Chôn cất xong, bốn anh được phép nghỉ ngơi nửa ngày, sau đó vào phụ nhà bếp.   
Từ đó trở đi cuộc sống trong trại trở nên ngột ngạt, quan hệ giữa tù và cán bộ quản trại trở nên gượng gạo. Những cuộc thăm nuôi càng lúc càng bị kiểm soát gắt gao, cán bộ quản trại sợ những trại viên viết thư ra ngoài kể lể sự việc nên gia đình người thăm bị lục soát rất kỹ. Có vài người bị bắt giữ lại suốt một ngày vì lén mang thơ của trại viên ra ngoài, họ phải làm bản tự kiểm thảo trước khi được cho về hôm sau. Trại viên viết thư lén bị cúp thăm nuôi nhiều tháng và còn bị giam vào côn néc ở khu cách ly cùng với ông bác sĩ.   
Những cán bộ lớn tuổi miền Bắc còn chút tử tế, chỉ ra lệnh xuông nhưng không chửi bới, những cán bộ trẻ tuổi thì ăn nói rất là vô lễ, chúng gọi tất cả mọi tù nhân bằng "thằng" và hống hách như thời phong kiến. Mỗi lời nói ra là có tiếng "đ... mẹ, đéo bà" đi theo. Tôi nghĩ nếu có vũ khí trong tay có lẽ chúng tôi đã giết chúng từ lâu. Thương gì bọn người này, chúng quên rằng đời người còn dài, trái đất này rất hẹp, có ngày chúng tôi sẽ sẽ gặp lại chúng đòi nợ, chúng không trả món nợ này ngày hôm nay thì con cháu chúng sẽ trả ngày mai. Ác nhân quả bảo, luật nhân quả luôn luôn đúng.   
\* \* \*   
Ngày ra khỏi tù, tôi về lại với gia đình, trong lòng khắc sâu nỗi hận. Tôi hòa nhập vào kiếp sống phế binh, kiếp sống của những người có miệng nhưng không có tiếng nói, có mắt phải như người mù, có trí khôn giả như lú lẩn. Chúng tôi là thành phần cặn bã không có quyền sống bình thường trong xã hội này.   
Hôm nay viết những dòng thô thiển này nói về kiếp sống gian truân của một phế binh Việt Nam Cộng Hòa gởi đến quí vị. Chúng tôi chỉ muốn được sống trong danh dự như mọi người khác nhưng không được. Kính mong quí vị đang sống khắp nơi trên thế giới cứu giúp chúng tôi và dang rộng vòng tay từ thiện cứu vớt những người tàn phế đang sống nhục nhằn trên đất nước đau khổ này.   
Viết lại theo lời kể của Khát Vọng,   
phế binh cụt chân trái, hiện cư ngụ tại Long Hải, Vũng Tàu.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 47**

Quê hương tôi, một miền đất khổ

Tôi sinh ra và lớn lên tại xã An Hảo, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, một tỉnh miền Trung nước Việt. Với cái tên hiền hòa Bình Định, quê hương tôi đúng ra là một miền đất khổ. Thời nào cũng vậy, người dân quê làm thì rất nhiều nhưng ăn chẳng được bao nhiêu, đất cày lên sỏi đá, quanh năm làm lụng ăn chẳng đủ no. Thêm vào đó là tai trời ách nước, mỗi năm không biết bao nhiêu cơn bão phủ xuống đầu dân quê, lũ lụt, hạn hán phá hoại mùa màng. Rồi chiến tranh và bệnh tật, trong suốt 500 năm qua vùng đất Bình Định không biết đã trải qua bao nhiêu lần chinh chiến, dân chúng gánh chịu không biết đau thương và tang tóc. Không một gia đình nào, một người Bình Định nào không có một gia phả đau buồn. Mỗi lần thiên tai và chiến tranh đi qua, bệnh tật và chết chóc lại xuất hiện. Sống mãi với bất hạnh, bất hạnh trở thành quen thuộc.   
Ngày xưa (1471) vua Lê Thánh Tông mang quân vào đánh Chiêm Thành, rồi chiếm thành Đồ Bàn (Vijaya). Có lẽ đây là vùng đất bất an và loạn lạc nên vua Lê mới đổi tên thành Bình Định, nhưng từ đó đến nay chưa bao giờ Bình Định có được bình yên và ổn định, chiến tranh và loạn lạc là bạn đồng hành của người địa phương. Nhiều người nói dân Bình Định đang trả cái giá về những hận thù mà cha ông ngày trước đã gây ra? Điều này tôi không dám lạm bàn, chỉ xin kể đôi lời về nỗi gian truân trong cuộc sống của tôi.   
Sống triền miên trên miền đất khổ, đời sống tuy có nghèo cực nhưng người dân Bình Định luôn luôn bất khuất. Không thời nào không có những người dám đứng lên đương đầu với bạo quyền, trừ gian diệt bạo. Mặc dù vậy, người dân Bình Định rất yêu chuộng công bằng và lẽ phải, luôn luôn đáp lời sông núi, sẵn sàng bảo vệ quê hương và những lý tưởng cao đẹp trong cuộc sống. Trực diện thường xuyên với nỗi hiểm nguy, người dân Bình Định luôn nêu cao tinh thần thượng võ: "Ai về Bình Định mà coi, đàn bà cũng biết cầm roi đi hườn". Tài nguyên duy nhất nơi đây là dừa, những rừng dừa xanh bát ngát trải dài từ Tam Quan đến tận Sa Huỳnh, mang bóng mát cho những làng chài lưới ven duyên. Cho nên đã có câu "Công đâu, công uỗng, công thừa, công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan".   
Cha tôi người làng Phú Trung, vì gia đình nghèo khó nên phải rời làng lên lập nghiệp ở xã An Nghĩa, nơi đây ông gặp mẹ tôi cùng lập gia đình. Nhưng rồi chiến cuộc lan tràn, đời sống khó khăn, ông mang cả gia đình về lại quê cũ, rồi theo phong trào Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Trong một trận đánh tại đèo Mang Yang năm 1954, ông chẳng may bị quân Pháp bắn chết, mẹ tôi đau thương buồn tủi dẫn tôi về quận Hoài Nhơn. Đời sống gia đình vốn đã khó khăn nay càng khốn khó, bà phải ngày đêm vất vã nuôi tôi nên vóc nên người nhưng vì sức già yếu đuối chẳng bao lâu sau lâm bệnh nặng rồi qua đời. Năm đó tôi vừa 10 tuổi.   
Tôi sống trong cảnh mồ côi, sống nhờ sự thương yêu và đùm bọc của ông bà nội. Tôi theo nghiệp nông gia, làm lụng vất vùùả, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc nhưng vẫn cố bám lấy quê cha đất tổ. Sống trong cảnh thái bình được một vài năm, chiến tranh lại bùng nổ. Năm 1960, quân cộng sản từ miền Bắc xâm nhập vào các thôn xóm phát động khởi loạn. Quê hương tôi một lần nữa đắm chìm trong khói lửa chiến tranh, lòng người chia rẽ. Thanh niên miền rừng núi thoát ly theo cộng sản, thanh niên vùng đồng bằng gia nhập quân đội quốc gia. Anh em, bạn bè ngày trước trở thành thù địch, quay mặt bắn giết lẫn nhau, gây bao đau thương tang tóc cho mỗi gia đình.   
Năm 20 tuổi, tôi gia nhập lực lượng Biệt Kích tại quận Hoài Nhơn. Vừa vào quân ngũ, tôi được người Mỹ huấn luyện qua loa cách sử dụng các loại vũ khí tối tân trong một căn cứ gần quận Phù Cát, rồi sau đó đưa đi tác chiến. Vì không phải là thành phần quân đội chính qui, chúng tôi không có số quân và cũng không có thẻ bài, người nào chẳng may tử trận hay bị thương tật không tác chiến được nữa thì lãnh 12 tháng lương rồi cho giải ngũ. Chấm hết. Không có sổ tướng mạo quân vụ hay có tên trong sổ quân bạ. Có anh vào lính ngày hôm trước, ngày hôm sau gia đình đã lãnh tiền tử. Binh chủng chúng tôi có tên gọi là Lực Lượng Đặc Biệt hay Biệt Kích Mỹ, một đội quân cảm tử chuyên nhảy bằng trực thăng xuống những mật khu cộng sản trong vùng rừng núi phía Tây Bình Định, đánh phá xong là được trực thăng đến bốc về ngay. Cấp chỉ huy của chúng tôi gồm cả người Mỹ lẫn người Việt.   
Thế là tôi lao vào cuộc chiến hành quân liên miên. Tuy biết là cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, nhưng vì muốn bảo vệ quê hương chúng tôi quyết ngăn chặn bước chân quân thù. Lực lượng đặc biệt có nhiệm vụ nhảy vào các mật khu, gài mìn đường mòn \*\*\*\*, đánh sập cầu cống và công sự chiến đấu, phá hủy các kho đạn và kho gạo, vì với những cơ sở hạ tầng và phương tiện này địch quân sẽ dùng để đánh phá, sát hại thêm đồng bào vô tội. Vì qui luật sinh tồn, chúng tôi phải lanh tay lẹ mắt, mưu mô giống quân du kích cộng sản nếu không sẽ bị tiêu diệt. Đối với những người cộng sản, chúng tôi là "biệt kích Mỹ ác ôn", kẻ thù không đội trời chung. Người nào chẳng may bị cộng quân bắt sống khi bị thương hay trực thăng không đến bốc kịp thì kể như đời tàn, cái chết ghê rợn đã được dành trước.   
Dân chúng miền quê cũng thường bị chết lây vì bom đạn của hai bên. Lăng tẫm, miếu đường, kỳ quan, di tích, cả hàng dừa rợp bóng quê hương xác xơ trong khói lửa chiến tranh. Làng tôi cũng không tránh khỏi cảnh đạn bom, không những thế mà còn bị cày xới nhiều lần. Nước mắt và tiếng than van người dân Bình Định vang dội cả bầu trời xanh. Quê hương tôi loang lỗ hố bom, nhà tan cửa nát, tang tóc bao trùm. Nghĩa địa nào cũng đầy nghẹt mộ bia. Vào rừng một vài bước đã gặp cái chết, chết vì dẫm phải mìn, bị bắn sẻ hay lọt vào các bẫy sập. Các làng mạc vắng bóng thanh niên, chỉ còn lại các cụ già, phụ nữ và trẻ em cày sâu cuốc bẫm dưới ánh nắng chói chang trên các rẫy bắp, nương khoai. Đời sống thật là cơ cực.   
Bạn bè, đồng đội tôi lần lượt nằm xuống. Rồi một ngày kia đến lượt tôi. Đó là ngày 8 tháng 10 năm 1966, tiểu đội tôi gồm bảy người được trực thăng vận thả xuống một vùng rừng núi quanh thôn Đại Định, xã An Hòa, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Mỗi trực thăng chở một tiểu đội, lần này chúng tôi đi trên mười trực thăng, tức một đại đội. Chúng tôi có nhiệm vụ gài mìn con đường mòn tiếp tế từ miền Bắc vào. Đây là một địa điểm giao liên chiến lược của cộng quân trước khi phân tán đạn dược xuống vùng đồng bằng. Bằng mọi giá chúng tôi phải phá tan chốt này. Tiểu đội tôi ai nấy đều trang bị đầy mìn và chất nổ, ba lô ai cũng nặng trĩu quân cụ.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 48**

Đổ bộ bằng trực thăng vận là chiến thuật mà các tướng lãnh Hoa Kỳ gọi là chiến thuật "mưa chớp đầy trời". Trước khi đổ bộ, máy bay oanh tạc, trọng pháo ầm ầm nả xuống, trực thăng "rắn hổ mang" Cobra bay lượn chung quanh địa điểm đổ quân bắn rốckét và đại liên như mưa vào những bụi rậm, ụ đất tình nghi có quân địch nấp rồi mới đổ bộ. Chiến thuật này không thể thất bại, khu vực đổ quân phải được dọn sạch trước khi nhảy xuống. Nếu không có những tên phản bội làm nội gián báo trước cho địch quân thời gian và địa điểm đổ quân để ẩn trốn trước thì chúng tôi không bị hao tổn nhân mạng như lần này.   
Tiểu đội vừa nhảy hết xuống, đội hình chưa kịp dàn ra thì súng đại liên và CKC của địch từ ba hướng thi nhau khạc đạn, những tràng lửa đỏ bắn xối xả vào đội hình phe ta. Thêm vào đó là đạn cối của đối phương từ xa dội tới ầm ầm trên đầu chúng tôi. Chúng tôi bị lọt vào ổ phục kích, địa điểm đổ quân bị lộ, địch quân đã biết trước. Một chiếc trực thăng bị trúng đạn cối nổ tan tành. Những chiếc Cobra tiếp tục bay lượn khạc đạn giải vây. Tiếng ầm ầm vang dội khắp nơi, khỏi lửa bốc lên mịt mù, đất bụi văng tứ tung. Đội hình chúng tôi rối loạn, từng người, từng người một lần lượt ngả xuống, máu thịt văng vãi tứ tung. Viên trung sĩ Mỹ, tiểu đội trưởng của tôi, ngả gục đầu tiên, kế là anh giữ máy truyền tin. Một viên cố vấn Mỹ, cấp bậc trung úy, từ phía sau bò lên chụp máy gọi về hậu cứ tiếp viện giữa tiếng súng đạn. Mùi thuốc súng trộn lẫn mùi thịt khét và máu tanh tạo mùi tử khí ghê rợn. Tôi nằm úp mặt sát đất, nghe ngóng tình hình và tìm chỗ núp nhưng... không kịp. Một tiếng "ầm" khô khan vang lên bên cạnh, tôi chỉ kịp thấy đất bụi văng lên. Thân tôi hình như bị hất lên khỏi mặt đất rồi... không còn biết gì nữa.   
Không biết thời gian trôi qua bao lâu, tôi mơ màng nghe có tiếng rên siết từ xa vọng lại. Tôi có cảm giác như đang hít thở một không khí mát mẽ pha lẫn mùi ê te. Thân thể tôi đau đớn nặng nề, tứ chi không cực cựa nổi. Tiếng rên siết, kêu la càng lúc càng rõ bên tai làm tôi dần dần hồi tỉnh và mở mắt ra. Khung cảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là bốn bức tường sơn trắng và những bóng đèn màu xanh phát ra một thứ ánh sáng mờ ảo, ảm đạm. Tôi thắc mắc không biết mình đang ở nơi đâu.   
Liếc nhìn xuống thì thấy hai tay tôi bị băng bó, những dây ống nhựa chằng chịt quanh người. Tôi thử nhúc nhích mấy ngón tay thì thấy chúng cực cựa khó khăn. Nhúc nhích mấy ngón chân, tôi không cảm thấy gì. Ngạc nhiên, tôi nhìn xuống dưới thân thì, hỡi ơi, chỉ còn hai khúc băng trắng xóa dính máu đỏ ở mỗi đầu. Tim tôi co thắt lại. Thôi rồi, tôi bị người ta cưa mất hai khúc chân. Tôi thử cử động lần nữa hai chân để xem có đúng sự thật hay không thì quả như vậy, tôi bị cưa mất hai chân rồi. Hai khúc chân cụt ngủn, nằm trong cuốn băng trước mắt.   
Suốt ba tháng trời trăn trở với cơn đau trong quân y viện dã chiến của Mỹ, tôi được trả về đơn vị chủ quản tại quận Hoài Nhơn. Nằm được năm hôm, viên đại úy chỉ huy đơn vị kêu tài vụ trả cho tôi 12 tháng lương rồi cho về nhà. Thật là giản dị, mất sức chiến đấu thì cho về vườn. Tôi không được cấp một mảnh giấy nào khác để xác nhận bị thương.   
Làm gì với tấm thân tàn này? Buồn và nhục thay cho kiếp phế binh. Phép mầu khiến tôi tồn tại cho đến ngày hôm nay là nhờ vào tấm lòng chung thủy sắt son của vợ tôi, một người đàn bà suốt đời chỉ biết tảo tần, chạy vại thương chồng, nuôi con, không hề than thở một lời. Vợ tôi chỉ biết khóc thương cho thân tôi, rồi ân cần chăm sóc tôi tới ngày vết thương lành hẳn.   
Chiến tranh ngày càng khốc liệt, chết chóc, tang thương bao trùm đất nước. Gia đình nào cũng có con đi lính, trai tráng trong làng không theo phe này cũng theo phe kia. Vùng quê tôi đã nghèo nay càng xác xơ. Nông dân mất đất trồng cây, vườn tược, ruộng nương đều là bãi chiến trường, không nơi nào còn được an toàn.   
Vợ tôi làm lụng ngày một cực khổ hơn, tôi chỉ biết đau xót thương yêu và buồn tủi cho số phận. Đến năm 1973, không kham nổi cảnh khổ tại quê nhà, tôi cùng vợ và hai con thơ ngậm ngùi rời miền quê cha đất tổ, bồng bế nhau cùng với số đông bà con hàng xóm vào Nam lập nghiệp.   
Chúng tôi đi theo chương trình khẩn hoang lập ấp, người cày có ruộng của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Đây là một chương trình mới ký sau Hiệp định Paris trong mục đích giành dân giữ đất. Chính phủ cung cấp cho mỗi gia đình một căn nhà gỗ xây tạm bợ trên một mảnh đất cùng một số tiền, rồi mỗi gia đình tự túc khai thác sinh nhai. Gia đình chúng tôi được đưa đến Ấp Tân Khai 1, tỉnh Bà Rịa, lập nghiệp. Các loại ấp tân khai trong giai đoạn này vừa là nơi sinh sống vừa là công sự phòng chống quân cộng.   
Đất khách quê người, chúng tôi lạ người, lạ cảnh, lạ cả phong tục và thủy thổ. Thêm vào đó là ngôn ngữ bất đồng, người ta cứ chọc ghẹo nhại cách phát âm của chúng tôi, nhưng chúng tôi chỉ biết im lặng và chịu đựng. Vợ tôi một lần nữa ra tay khai phá rừng chồi, cuốc đất trồng khoai cho chồng con có cái ăn, cái mặc. Tôi chỉ có thể phụ giúp những việc vặt vãnh như nhổ cỏ, lên liếp trồng mì, khoai lang, dựng dàn bầu mướp, nuôi gà , đan lát tre mây và canh chừng trẻ nhỏ.   
"Đất cũ đãi người mới", cuộc sống đi dần vào ổn định. Gia đình chúng tôi là những người may mắn vì sống được nơi vùng đất xa lạ này, nhiều gia đình khác kém may mắn hơn. Có người đã bỏ thây trong chốn núi rừng vì không chịu nổi sơm lam chướng khí và bệnh tật, nhiều người đỏ bỏ về quê hoặc đi nơi khác. Ấp tôi qui tụ rất đông bà con di dân từ quận Hoài Nhơn vào Nam lập nghiệp. Chúng tôi sống quay quần bên nhau, giúp đỡ và canh chừng lẫn nhau nên cuộc sống cũng bớt phần hiu quạnh. Những buổi chiều chúng tôi hẹn nhau ra bãi cỏ ngồi tán ngẫu, nhắc lại những kỷ niệm xưa hay chỉ vẻ cho nhau những kỹ thuật trồng trọt khoai sắn, bắp rẫy, v.v...   
Hai con tôi, một trai một gái, lần lượt lớn lên. Đứa con gái giống tính mẹ nó, cần cù, đảm đang và chịu đựng; thằng con trai thì hăng say lao động, thay mẹ làm việc nặng nhọc, nhờ đó vợ tôi bớt phần cực nhọc. Hai trẻ rất là ngoan hiền, đó là niềm an ủi lớn cho cả gia đình. "Tích cốc phòng cơ, dưỡng nhi đãi lão", trong thời buổi khó khăn này gia đình nào có con đông tuy phải mệt nhọc lúc chúng còn nhỏ dại nhưng là một bảo đảm khi chúng lớn lên. Năm 1975, chiến tranh kết thúc, con trai của tôi cũng vừa tới tuổi trưởng thành, chúng tôi mừng rỡ vì nó không phải đi lính, như vậy cũng bớt lo cho mạng sống của nó. Kể ra chúng tôi thật là may mắn, nhiều gia đình hàng xóm có con tới tuổi đi quân dịch nhiều đứa đã không trở về.   
Sau ngày 30-4-1975, đường lối chính sách của nhà cầm quyền mới hoàn toàn thay đổi, cuộc sống trở nên khó khăn. Gia đình tôi thường xuyên ăn độn ngô khoai cho đỡ đói và cứ sống như vậy cho tới ngày hôm nay. Tại nơi tôi ở, nhiều gia đình khác từ các thành phố lớn lên đây lập nghiệp, nhiều vùng kinh tế mới được thành lập chung quanh để đón nhận số người này. Thật là tội nghiệp, tôi đã chứng kiến những thanh niên thiếu nữ chưa bao giờ biết cầm rựa đốn cây, cầm mai cuốc đất, sống vất vã trong chốn rừng sâu. Nhiều người đã đến nhà tôi để học nghề làm rẫy, trong số này có nhiều gia đình phế binh. Dần dần các anh em phế binh tại đây kết hợp lại, thành lập một chi bộ đế sinh hoạt và đùm bọc lẫn nhau. Những tin tức liên quan đến hoàn cảnh các anh em phế binh từ các thành phố lớn lan về đây nhanh chóng.   
Nghe đồn các anh em phế binh ở thành phố Sài Gòn được các hội đoàn, ân nhân, mạnh thường quân ở nước ngoài gửi tiền quà về giúp đỡ, cuộc sống của họ đỡ phần cơ cực. Một vài anh phế binh tốt bụng từ thành phố về chơi, thấy hoàn cảnh thương tật của chúng tôi, chỉ cho anh em chúng tôi phương cách xin trợ giúp. Nghe nhiều anh em phế binh kể lại, anh Nguyễn Văn Tân một phế binh ở làng dưới có viết thư liên lạc với một số hội đoàn và ân nhân tại hải ngoại. Theo lời kể lại, muốn được giúp đỡ, chúng tôi phải gởi ra hải ngoại các giấy tờ chứng thương để làm bằng chứng.   
Vết thương thì tôi có nhưng giấy tờ thì không vì tôi là biệt kích Mỹ, không có số quân cũng không có sổ quân bạ. Khi bị cưa chân, người ta đã trả cho tôi 12 tháng lương rồi cho giải ngũ, sau đó là hết. Kể cũng buồn, nhưng đó là chuyện đã qua. Tôi không được cấp sổ trợ cấp phế binh và cũng không được hưởng những tiêu chuẩn ưu đãi dành cho thương phế binh miền Nam cũ. Bây giờ tìm đâu ra giấy tờ chứng thương để xin đồng bào hải ngoại trợ giúp, như vậy là tôi không hội đủ tiêu chuẩn để xin. Qua bao đêm trăn trở, hơn nữa lúc này kinh tế gia đình tôi quá khốn khó, tôi đánh bạo lặn lội hỏi thăm và tìm đến nhà anh Tân xin được hướng dẫn.   
Vào được nhà anh Tân tôi đâm thất vọng. Tôi cứ hình dung anh Tân là người có nhiều quan hệ với cộng đồng người Việt hải ngoại thì gia đình anh chắc sẽ khá lắm. Nào ngờ nhà anh không khác gì nhà tôi, gia đình anh Tân đông con cái chen chúc ở trong một căn nhà lá rách nát, từ nhà trong ra đến nhà ngoài không nơi nào không lỗ chỗ ánh nắng từ mái nhà dọi xuống. Trong nhà không có một món chi đáng giá, thậm chí không có cả bàn ghế để tiếp khách. Anh viết lách, tiếp khách ngay trên bộ ngựa. Tôi thầm nghĩ gia cảnh anh như vậy, lo còn không nổi thì còn giúp gì được ai. Nhưng khi tiếp xúc với tôi, nghe anh hỏi thăm cặn kẽ từng chi tiết, từ quê hương xứ sở đến cuộc đời binh nghiệp, đơn vị và những người đã từng chỉ huy tôi trước kia, bị thương tật trong hoàn cảnh nào, được điều trị ở đâu và giải ngũ ra sao. Có những việc tôi quên, anh nhắc nhở gợi lại cho tôi từng chi tiết nhỏ, đúng là tư cách của một cựu sĩ quan.   
Sau lần trao đổi đó, tôi rất hy vọng vì nhận ra anh Tân là người biết nhiều và cẩn thận. Người mà anh giới thiệu cho tôi là ông bác sĩ Phan Minh Hiển, Hội Médecins du Vietnam tại Pháp. Vì theo anh, ông bác sĩ Hiển là một con người nhơn hậu đã từng giúp đỡ rất nhiều anh em phế binh tại quê nhà và rất được anh và anh em phế binh tại quê nhà kính trọng. Chính anh Tân cũng được ông bác sĩ Hiển tặng cho một chiếc xe lắc tay. Anh vừa nói vừa chỉ cho tôi thấy chiếc xe dựng trong một góc nhà. Điều mà tôi tin tưởng và cảm động là anh nhiệt tình viết đơn cho tôi mà không nhận một đồng bạc nào, đến điếu thuốc của tôi mời anh cũng không hút. Tôi ra về với niềm hy vọng tràn trề.   
Đơn xin trợ cấp của tôi vừa được gởi đi thì hơn 20 ngày sau tôi nhận được thư báo ông bác sĩ Hiển sẽ cho tôi 270 F. Tôi mừng run lên và bối rối vì không biết làm cách nào để nhận số tiền đó. Nhận ở đâu, trị giá của 270 F được bao nhiêu tiền Việt Nam? Những câu hỏi đó làm tôi hồi hộp và lúng túng. Đến khi nhận được giấy bão lãnh tiền, 270 F trị giá hơn sáu trăm ngàn (600.000) đồng, cả nhà chúng tôi hân hoan vô tả. Nhất là vợ tôi, một người đàn bà quanh năm, suốt tháng chỉ biết làm lụng vất vã, chắt chiu từng đồng xu, cắc bạc, nay đột nhiên có một số tiền quá lớn trong tay giữa lúc gia đình đang lâm cảnh túng thiếu, đúng là một phép lạ, không có lời nào tả xiết. Chúng tôi chỉ biết tạ ơn Trời Phật đã tìm người nhơn đức giúp đỡ gia đình.   
Việc đầu tiên gia đình tôi nghĩ đến là gia đình anh Tân, chúng tôi tìm cách đền ơn đáp nghĩa một người cũng lâm vào cảnh khốn khó như mọi người khác nhưng đã tận tình giúp đỡ đồng đội vượt qua cơn khó. Anh Tân nghe tôi kể được ông bác sĩ Hiển trợ giúp, anh mừng lắm. Đến khi nghe tôi đề cập đến tiền trà nước, anh thẳng thắn trách tôi: "Chúng mình đều là nạn nhân của cuộc chiến, giúp đỡ nhau là bổn phận. Mình là chiến hữu đồng cam cộng khổ, đừng để chuyện trà nước xen vào tình anh em, nó làm mất đi nghĩa tình cao đẹp. Chỉ mong anh ráng sử dụng đồng tiền đó cho hợp lý để khỏi phụ lòng những vị ân nhân đã tận tình giúp đỡ mình". Tôi cúi đầu bẽn lẽn xin anh Tân tha lỗi.   
Sau đó tôi nhờ anh thảo thư cảm ơn ông bác sĩ Hiển cùng vị ân nhân là bà Trương Quế Vinh ở Mỹ. Từ đó tôi thường tới lui thăm viếng anh và được anh Tân giúp đỡ thêm bằng viết thư đến các hội đoàn và các ân nhân khác xin trợ giúp. Tôi lần lượt được các ông bà Như Ngọc, Lê Đình Vọng, Hải Lăng ở Mỹ, v.v... cho tiền cứu trợ. Thật là vui sướng. Tôi cảm thấy chân trời rực sáng, gia đình tôi đã được cứu rỗi. Thêm vào đó, ông bác sĩ Hiển còn vận động kêu gọi các vị ân nhân khác trợ giúp cho cháu nội tôi (8 tuổi) học đến hết đại học, ôi còn diễm phúc nào bằng. Trước mặt tôi bóng đêm mờ xóa, bình minh đang ló dạng đón chào ánh sáng tình người. Tôi đã sử dụng đồng tiền trợ giúp của ân nhân vào việc canh tác trồng trọt, chăn nuôi. Vợ cũng bớt vất vã, con cháu hăng say học tập, không khí gia đình vui tươi đầm ấm. Quí vị ân nhân đã kéo bức màn đen tối phủ kín cuộc đời chúng tôi, kể từ đây chúng tôi dám sống trong hy vọng, tin tưởng ngày mai sán lạng. Nhìn đàn con cháu lớn lên trong sự vô tư, lòng tôi vô cùng vui sướng, nỗi buồn số kiếp phế binh mờ dần trong tâm tưởng, nhân phẩm đã tìm lại được. Vạn tạ ơn Trời Phật.   
Tôi muốn hét lên thật to: "Chân thành cảm tạ ân sâu nghĩa nặng của ông bác sĩ Hiển, của quí vị ân nhân ở hải ngoại. Quí vị đã đem đến cho gia đình tôi luồng sinh khí mới, quí vị đã thương yêu và đùm bọc gia đình chúng tôi. Tôi chỉ biết nói hai chữ cảm ơn vì không tìm được chữ nào cao quí ngang tầm ân đức của quí vị. Cầu chúc gia quyến quí vị ân nhân gặp vạn sự lành, sức khỏe quí vị ân nhân luôn khang kiện, hoàn thành mỹ mãn công đức từ thiện giúp đời, cứu người".

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 49**

Như đã nói, đứa con đầu lòng của tôi trưởng thành theo thời gian. Nhờ số tiền các ân nhân gởi về, tôi không cho nó tiếp tục nghề nông và gởi nó đi theo bạn chài nghề đánh cá. Con trai tôi đã lập gia đình và có một đứa con. Hai vợ chồng chúng nó đã ra ở riêng, cách nhà tôi độ năm cây số. Từ hơn một năm qua, con trai của tôi được đội tàu đánh cá thu nhận vào làm công. Sau đây là mẫu chuyện mới nhất do nó kể lại, xin hiến cùng quí ân nhân:   
Ngày 31-10-1997, tôi lại ra khơi đánh bắt thủy hải sản như thường lệ. Sau khi lấy sở tổn đầy đủ: than, gạo, rau, me, hành, ớt, mắm, muối..., thuyền trưởng kiểm tra toàn bộ máy móc: máy chính, máy phụ, máy đèn, máy định vị, địa bàn, máy liên lạc với tổng đài, các thứ đều tốt. Thuyền bắt đầu ra khơi. Trên thuyền, hai mươi ngư dân ai vào phận sự ấy. Với tâm trạng hăng hái, hy vọng tàu đánh bắt khá, đến mùa trăng tròn mọi người được chia tiền mang về nuôi sống gia đình, vợ con. Cùng ra khơi với thuyền tôi là thuyền của Tám Công, một chủ ghe ở Bà Rịa.   
Mãi vui say với sống nước bao la, đúng 1 giờ sáng ngày 2-11-1997, tổng đài chính trong bờ thông báo: cơn bão số 5, tên quốc tế là Linda, đang tiến về phía bờ biển Việt Nam, sức gió rất mạnh, kèm theo mưa to gió lớn và có thể có cả sóng thần, tỉnh Bình Thuận đang bị cơn bão tàn phá nặng nề. Nghe tổng đài thông báo xong, ai cũng tưởng như mọi khi, có bão rồi cũng qua thôi, mặc dù vậy anh em trên tàu ai nấy cũng đều chuẩn bị sẵn sàng để đối phó với cơn bão.   
Tờ mờ sáng ngày 2-10, trời có sắc lạ, kèm theo những cơn mưa nặng hạt, gió giật từng cơn mỗi lúc càng thêm mạnh. Những cơn sóng lớn phủ dập trước mũi thuyền, hông thuyền càng lúc càng bị lay mạnh. Trời đất tối sầm lại đến nỗi hai thuyền cách nhau khoảng 20 thước mà không còn thấy nhau nữa. Sóng to gió lớn liên tục phủ xuống, những hạt mưa to nặng nề trút xuống. Mọi người trên thuyền ai nấy đều lo âu. Lần này không còn giỡn mặt được nữa, bão đến thật rồi. Ai vào phận sự nấy, khẩn trương đương đầu với bão. Điện đài lúc rõ lúc không. Đài chính trên bờ phát ra liên tục tín hiệu kêu thuyền cấp tốc vào đảo Côn Sơn tránh bão.   
Tiếng gió, tiếng mưa và tiếng sóng ào ào phủ dập vào thuyền. Tiếng người trên thuyền gào thét giữa tiếng vang dội của cơn bão, không ai còn nghe gì rõ nữa. Bỗng một ai đó trên thuyền kêu lên: "Thuyền Tám Công chìm rồi, mau đến cứu hộ!". Thuyền trưởng tôi vội pha đèn lên, thuyền tôi trồi lên trụt xuống giữa các đợt sóng lớn cao hơn một vài tầng nhà. Sau rồi chúng tôi cũng thấy lấp loáng được hơn hai mươi người đang ôm những thùng nhựa vùng vẫy giữa biển khơi mịt mù sóng gió. Thuyền trưởng vội lái thuyền đến vớt những người bất hạnh. Chúng tôi thi nhau tung dây xuống biển, ai đu được dây thì đu. Nhưng hỡi ơi, thuyền tôi mỗi lúc càng bị sóng đánh bạt sang hướng khác. Chúng tôi chỉ kéo lên được tám người, những người xấu số kia bị cuốn theo dòng nước. Càng cố lái về vị trí cũ thuyền cứ bị sóng đánh bạt sang hướng khác.   
Trong cảnh trời đất mịt mùng đó, chúng tôi nghe văng vẳng tiếng người kêu cứu, nhưng chúng tôi không biết họ đang ở hướng nào và thuyền cũng không còn điều khiển nổi để đến cứu họ vì cơn bão quá mạnh. Chúng tôi chỉ còn cách giữ máy thuyền nổ đều và để cho con nước cuốn đi. Sóng vẫn to, gió vẫn giật, tiếng rít vang dội hòa lẫn với tiếng gào thét kêu cứu từ xa nhưng chúng tôi đành bất lực. Bất thần một con sóng thần cao bằng ngôi nhà năm tầng phủ ập thẳng xuống tàu, thuyền tôi chìm hẳn xuống nước một vài phút mới trồi lên lại, tất cả máy móc và đèn đuốc trên thuyền đều tắt ngấm. Thuyền trưởng cho kiểm lại số người trên tàu thì phát hiện hai người bạn chài vừa được cứu và một người của thuyền bị sóng cuốn đi, anh em dáo dát nhìn chung quanh không thấy gì cả, chỉ thấy sóng nước đe dọa. Thuyền bị ngập nước, lé đé sắp chìm. Ai nấy lo tuôn đồ xuống biển và chuẩn bị nhảy xuống biển. Trong cơn hỗn loạn, tiếng anh thuyền trưởng hô lên dõng dạc:   
- "Anh em hãy bình tĩnh nghe tôi. Đừng rời khỏi thuyền. Rời thuyền lúc này là tự sát. Anh em không được di chuyển lộn xộn, thuyền sẽ chìm do sự mất bình tĩnh của anh em. Hãy cùng tôi vang vái ông bà, cầu nguyên ơn trên, Trời Phật sẽ độ cho chúng ta tai qua nạn khỏi. Anh em hãy bình tĩnh cùng nhau dùng vật gì có thể tát nước ra ngoài thì cứ dùng mà tát. Hãy tuôn những vật nặng trên thuyền xuống biển".   
Trước cơn cảnh sóng gió ba đào, sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong chớp mắt mà anh thuyền trưởng vẫn bình tĩnh làm anh em tin tưởng. Mọi người ai cũng niệm Phật, van vái phép lạ xuất hiện. Một vài phút sau, con tàu đột ngột bị nước cuốn sang hướng khác. Mừng quá. Có một điều lạ là giữa lúc biển trời sóng mạnh, chỗ thuyền tôi trôi không gợn lên một con sóng nhỏ. Bẹ thuyền lúc này chỉ cách mặt người một vài ly, chỉ cần một gợn sóng nhỏ cũng đưa thuyền tôi chìm xuống biển vì đã lé đé rồi, mặc dù chúng tôi đã bỏ nhiều đồ vật xuống biển, kể cả lồng lưới nặng hàng.   
Nhận thấy lời van vái linh nghiệm, không ai bảo ai mọi người đều dùng những gì có được trong tay cùng nhau tát nước, kể cả anh thuyền trưởng. Biển trời vẫn mù mịt, chúng tôi vừa lâm râm van vái vừa kiên trì tát nước. Hai anh thợ máy cũng khẩn trương xuống hầm máy sửa chữa, làm cho máy nổ lại. Độ hơn 5 giờ sau, nước trong thuyền vơi dần. Máy bơm bắt đầu nổ lại bơm nước ra ngoài, chúng tôi được dịp nghỉ tay, nước trong thuyền vơi thấy rõ, thuyền bồng bềnh nổi trên mặt nước và máy chính bắt đầu hoạt động trở lại. Chúng tôi thử liên lạc với tổng đài trên bờ và nghe tiếng trả lời. Thật là mừng. Thế là chúng tôi đã được Trời Phật cứu độ để cho sống sót, chỉ tội hai người bạn được vớt lên và một người bạn trên thuyền giờ đây chẳng biết ra sao, họ trôi dạc nơi nào, còn sống hay đã chết.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 50**

Theo lệnh của tổng đài, chúng tôi dò đường vào đảo Côn Sơn, sương mù giăng kín mặt biển. Dãy núi trên đảo lần lần hiện ra trong lớp sương mù, ai cũng mừng rỡ, thuyền tôi trực chỉ về đảo Côn Sơn. Cuối cùng chúng tôi vào được một bến cảng. Lúc ấy khoảng 6 giờ chiều ngày 2-11, sóng vẫn to, gió vẫn mạnh. Khi vào đến đảo, cảnh tượng hết sức hãi hùng. Tất cả thuyền đậu gần đảo đều đứt neo, trôi dạt khắp nơi, nhiều chiếc đã đụng vào nhau, chiếc chìm chiếc nổi. Đó đây rơi vãi những mảnh vụn của thuyền bè bị hư bễ và rác rưởi chập chờn theo bọt sóng. Trên bến, thuyền này chồng cưỡi lên thuyền kia, có chiếc bị sóng đưa lên trên triền đá, kẹt cùứng luôn trên đó. Những gốc dừa trên bờ bị trốc rễ nằm ngổn ngang trên mặt đất. Những dãy nhà xây dựng bằng vật liệu kiên cố cũng tróc nốc, những căn nhà che lợp bằng vật liệu nhẹ chỉ còn chơ vơ nền đất, đồ đạc rơi vãi lung tung. Đó đây lác đác một vài thây người, xác thân bầm dập vì bị thuyền đè hoặc bị va vào vách núi. Cách đó không xa, nhiều người đang khiêng những xác chết xếp hàng dài trong căn nhà đổ nát vừa được dọn dẹp. Chúng tôi không dám buông neo, cứ để máy chạy cầm cự với những đợt sùóng dữ và thay phiên nhau canh giữ thuyền. Có người mệt quá té xỉu.   
Trọn một đêm vất vã, sáng ngày 3-11, bầu trời quang đãng trở lại, gió giảm nhẹ, cơn bão đã qua đi. Chúng tôi được phép xuống bộ và chia nhau đi tìm trong số các tử thi xem có thấy xác người bạn trên thuyền cùng hai người bạn khác bị nước cuốn trôi ngoài khơi hay không. Đi qua những thi thể vô tri đó, tôi không khỏi mũi lòng. Ai là thân nhân của những người bạn xấu số này, gia đình có hay biết để đến nhận diện kịp thời hay không, hay họ sẽ được chôn vùi trên hòn đảo này. Tôi lang thang thơ thẫn giữa cảnh hoang tàn đổ nát, lòng rối như tơ vò. Mãi đến khi nghe có tiếng gọi tôi mới vội vàng quay lại thuyền. Anh em ở lại trên thuyền đang sửa soạn chuẩn bị đưa thuyền vào bờ sửa chữa, vá lại các lỗ hỗng. Tôi cũng bắt tay vào việc nhưng tâm hồn bất an. Không biết giờ đây cha tôi trên bờ có bị gì không. Cha tôi là một phế binh cụt cả hai chân, không di chuyển được dễ dàng, liệu có bề gì không. Còn vợ tôi với đứa con còn nhỏ dại, làm sao đủ sức chống bão... Tôi làm việc như người máy. Sau vài giờ phụ giúp anh em, những lỗ hỗng vừa vá xong. Đúng 2 giờ chiều cùng ngày, thuyền chúng tôi rời đảo Côn Sơn trực chỉ đất liền.   
Trời quang, gió nhẹ, sau một đêm di chuyển thuyền chúng tôi bình yên trở về bến cũ. Lúc ấy đã khoảng 7 giờ chiều ngày 4-11-1997. Thuyền chúng tôi từ từ tiến vào bờ cùng với ba thuyền hộ tống, phòng có sự cố xảy ra cho thuyền chúng tôi. Vừa cập bến xong, thuyền trưởng liền ra lệnh kéo thuyền lên ụ sửa chữa. Một số anh em được phân công ở lại trông giữ thuyền, tôi cùng vài người khác thuê xe ôm cấp tốc chạy về nhà.   
Vừa về đến nơi, sự kiện đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là cảnh hoang tàn, đổ nát. Căn nhà của chúng tôi vừa dựng lên cạnh mép bờ biển bị sụp đổ, nhà cửa tan hoang, vợ con tôi không biết đi nơi nào. Tôi rùng mình liên tưởng đến điều bất hạnh có thể xảy ra gia đình tôi. Tôi vội hỏi thăm mấy người hàng xóm còn đang thu nhặt những đồ đạc bị rơi vãi, họ cho biết hôm xảy ra cơn bão có người trông thấy bà nội các cháu xuống có lẽ rước vợ con tôi về làng trên. Tôi liền chạy bộ về nhà cha mẹ tôi cách đó độ vài cây số. Thật là sung sướng khi nhìn thấy cha mẹ, các em và vợ con tôi được bình yên. Căn nhà của cha mẹ tôi cũng không hơn gì căn nhà tôi ở bờ biển, cũng đổ nát nhưng đã được thu dọn lại gọn gàng, cha tôi lượm vài mảnh tôn che tạm để làm chỗ ngủ. Vạn tạ ơn Trời Đất đã phù hộ gia đình tôi được sống còn đầy đủ trước thiên tai khủng khiếp. Tôi vội chạy về Phước Tĩnh thông báo cho thuyền trưởng và được cho phép về sửa lại nhà vì ghe phải nằm ụ trên một tháng để tu sửa.   
Sáng hôm sau, ngày 5-11, cả thị trấn Long Hải náo động vì tàu cứu hộ sẽ vào bến mang theo những nạn nhân bị đắm thuyền trong cơn bão. Thân nhân của những người đi biển kéo nhau ra trạm xá chờ chực cùng với một lực lượng lớn xe Hồng Thập Tự. Xe nào cũng có bác sĩ và y tá túc trực. Gần 8 giờ sáng, chuyến tàu đầu tiên cặp bờ. Dân chúng tụ tập hai bên đường ngóng trông. Ai cũng hy vọng trong đó có thân nhân của mình. Những người sống sót lần lượt được khiêng lên bờ và được xe Hồng Thập Tự chở đến bệnh viện. Nhìn những thân xác gầy guộc, mặt mày hốc hác vừa thoát chết trở về nằm bất động trên băng ca cố giương mắt nhìn tìm thân nhân, lòng tôi không khỏi xót xa. Xe Hồng Thập Tự tới lui liên tục, tiếng còi cấp cứu kèm lẫn với những tiếng than khóc của những người không tìm được cha, chồng, anh em, con cháu vang dội một góc trời. Tàu cứu hộ tiếp tục đưa người vào bờ. Xe Hồng Thập Tự hoạt động trọn ngày đêm hôm ấy mãi đến trưa hôm sau mới chuyển hết số người mắc nạn đến bệnh viện. Ai tìm được thân nhân bị nạn thì mừng rỡ, tận tình nuôi dưỡng, ai không tìm được thì tản đi các nẻo tìm kiếm.   
Nghe một vài người sống sót kể lại, cơn bão đã tàn phá nặng nề hòn đảo Thổ Chu, tỉnh Kiên Giang. Thổ Chu là một hòn đảo nổi tiếng an bình nhất xưa nay nên nhiều thuyền chài ở Long Hải thường xuống đó đánh bắt tôm cá trong những tháng mùa gió bấc. Lần này tất cả đều bị cơn bão số 5 hãm hại. Có ghe bị đánh lật úp, kẹt luôn bốn xác người trong đó, thi thể bị dập nát nên được chôn cất luôn tại chỗ. Thật khủng khiếp sức tàn phá của cơn bão Linda.   
Trong lúc sửa soạn mang hành lý về nhà cha tôi, tôi nghe ông Bố Già, một bạn chài lớn tuổi nhất trên thuyền của tôi, kể lại điều đã nghe thấy hôm tàu gặp bão. Lúc đó trời đã khuya, sóng biển cứ nhồi thuyền lên xuống, thuyền bị ngập nước sắp chìm, còn các anh em thì đang lui cui tát nước. Bất thần ông nhìn thấy dưới lườn thuyền có một cặp cá ông thật lớn nâng thuyền lên cao. Trên thuyền lúc đó ai cũng nghĩ là nhờ tát nước thuyền nhẹ bớt đi nên mới nổi lên khỏi mặt nước. Ông Bố Già đang giữ bánh lái, thấy thuyền chồng chành nổi lên một cách bất thường liền ló đầu ra ngoài buồng lái nhìn xuống mạng thuyền, ông giật mình khi thấy rõ ràng ràng hai thân hình to lớn đen xì đang ép vào mạng thuyền lướt đi trên mặt nước. Ông Bố Già sợ quá, chỉ lâm râm khấn niệm van vái chớ không dám lên tiếng sợ anh em làm náo động thuyền bị chìm. Lúc đó mọi người đều mệt mỏi nên không ai nhìn hai bên sườn tàu, hai con cá ông cứ chuyển con tàu trên mặt nước đến một vùng nước ít giao động rồi bỏ đi. Anh em trên thuyền nghe thuật lại đều tái mặt nhớ lại lúc con sóng lớn phủ ụp xuống tàu, máy móc đều tắt ngắm, tàu bị ngập nước chìm xuống biển, rồi tự nhiên lại nổi lên. Mọi người cứ nghĩ là do van vái trời yên gió lặng và do anh em quăng tất cả vật dụng nặng xuống nước nên con thuyền mới nổi lên. Mầu nhiệm thay, vậy là thuyền chúng tôi được ông độ rồi. Giả thử hôm đó không có cặp cá ông chuyển thuyền của chúng tôi sang vùng biển yên tịnh có lẽ giờ này gia đình chúng tôi cũng đang khóc lóc đứng chờ đoàn tàu cứu hộ tìm thân nhân.   
Hiện tôi và vợ con tôi phải sống nhờ sự đùm bọc của cha mẹ tôi. Nhà cửa đành để vậy. Ngày ngày tôi vẫn phải vào Phước Tĩnh tu sửa thuyền bè, chờ sửa xong mới đi đánh bắt cá trở lại. Những ngày ở bờ gia đình không có lợi tức, viễn ảnh đầy đen tối, thất vọng. Số phận nghiệt ngã chẳng biết đến bao giờ mới dứt.   
Cha tôi là một phế binh hiện đang sinh sống tại Bà Rịa, nhờ sự giúp đỡ của các ân nhân ở nước ngoài, ông đã tìm lại nhân phẩm, gia đình tôi được sống những ngày đầm ấm. Nay trong cơn hoạn nạn mới, nạn nhân của cơn bão Linda, gia đình chúng tôi cùng những nạn nhân khác rất mong đón nhận sự giúp đỡ của quí ân nhân giàu lòng nhân ái. Chân thành cảm ơn và cầu chúc quí ân nhân muôn đời hạnh phúc.   
Viết lại theo lời kể của Đoạn Trường,   
phế binh Biệt Kích Mỹ cụt hai chân,   
và người con trai cả hiện cư ngụ tại Bà Rịa, Vũng Tàu.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 51**

Sống sao cho trọn kiếp người

Tôi sinh ra tại vùng quê đồng chua nước mặn Cần Đước, tỉnh Long An. Trong nhà có tất cả tám anh chị em. Anh Cả đi học, chị thứ ba, thứ tư mất sớm, chị Năm, anh Sáu, chị Bảy, tôi và đứa em út mới lên hai tuổi. Nhà có tám miệng ăn, cha tôi làm nghề đánh xe ngựa, mẹ tôi buôn bán tạp hóa trong nhà. Mẹ tôi là một người đàn bà đôn hậu, buôn bán thật thà, tiệm mỗi ngày một thêm đông khách hàng. Cha tôi không cờ bạc, rượu chè, chỉ lo chở khách và hàng hóa từ quê ra tỉnh. Các anh chị em tôi đều ngoan, hiền, lễ phép. Cửa hàng mẹ tôi luôn tấp nập khách, trong nhà luôn rộn tiếng cười của anh em tôi. Bà con hàng xóm ngợi khen là gia đình có phước.   
Cuộc đời tưởng vậy êm xuôi, nào ngờ tai họa giáng xuống gia đình. Sau một mùa mưa, mẹ tôi mắc bệnh dịch tả, chỉ qua một đêm dằn vặt trên giường bệnh bà đã trút hơi thở cuối cùng. Tuy bà con hàng xóm có đến tận tình cứu trị nhưng bà đã không thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Người mẹ thân yêu như vậy đã ra đi khi tôi vừa tròn 4 tuổi. Bà con hàng xóm ai cũng thương mến, biết bao người đã nhỏ lệ khóc tiễn mẹ tôi về lòng đất lạnh.   
Gia đình tôi trải qua một khúc quanh oan nghiệt. Anh em chúng tôi cũng ít cười đùa, trong nhà mất hẳn vẻ vui tươi thường nhật. Cha tôi lúc nào cũng buồn dã dượi, ít cười ít nói hơn mọi khi. Cửa hàng tạp hóa teo hẹp dần rồi đóng cửa luôn. Bà con hàng xóm đến mua hàng là muốn được đến nói chuyện với mẹ tôi, nhiều người được bà cho mua chịu mà không cần thế chấp một vật gì cả, nay bà đã mất khách cũng mất theo. Chúng tôi còn quá nhỏ và bận đi học nên cửa hàng đóng cửa, đời sống vật chất gia đình trở nên khó khăn.   
Anh Cả đành phải nghỉ học đi làm thuê, bạn ghe cho mượn xuồng đi buôn, suốt ngày sống dưới kinh rạch, nhiều khi cả tháng anh mới về thăm nhà một lần, nhưng chỉ ở lại một hôm rồi lại ra đi. Chị Năm hơn tôi 10 tuổi cũng bỏ học ở nhà thay mẹ lo việc bếp núc. Gia đình ngày càng sa sút, cha tôi buồn bã, lợi tức kiếm được do đánh xe ngựa không đủ để nuôi một gia đình đông con. Anh chị em tôi thấy cha buồn phiền cũng không dám nô đùa, những ngày này thật là ảm đạm.   
Vào dịp cúng tuần giáp năm cho mẹ, bà cô ruột dắt chị Bảy và đứa em út về mãi trong đồng nuôi dưỡng, căn nhà càng thêm vắng lặng. Từ ngày đó anh Cả đột nhiên biến dạng, không thấy trở về thăm nhà sau mỗi chuyến đi buôn. Bà con hàng xóm cũng xa vắng dần, thỉnh thoảng mới có một người bác họ ở xa đến nhà thăm hỏi. Mỗi lần bác đến, nét mặt cha tôi đầy lo âu. Ông tiếp chuyện với bác ở nhà sau, chị Năm lo trà nước trong bếp còn anh em tôi ngồi nhà trước canh chừng. Bác dặn hễ thấy ai tiến vào nhà thì chạy vào báo. Bí mật hoàn toàn bí mật, tuổi thơ nào biết chuyện gì. Lớn lên tôi mới biết anh Cả đã theo Việt Minh.   
Từ đó cha tôi càng lầm lì, thường ngồi trầm ngâm bên bàn nước suy tư suốt ngày. Có một đêm anh Cả về thăm nhà rồi sáng ra đi biệt dạng, tôi có nhiệm vụ canh chừng nhưng tuổi nhỏ hay mệt nên ngủ hồi nào không biết. Sự mất tích của anh Cả không giấu được hiến binh, những người theo Pháp làm lính địa phương, cha tôi bị kêu lên đồn giải thích nhiều lần. Thấy sống ở địa phương không được, ông gởi tôi và anh Sáu cho người cô họ, vốn là đại điền chủ trong huyện, còn ông âm thầm dẫn chị Năm lên Sài Gòn làm thuê cho một gia đình bán vải cũng bà con. Ngôi nhà thân thương đã âm thầm bán cho người khác. Kể từ đó gia đình trải qua một bước ngoặc mới, anh em chúng tôi mỗi người một phương, mỗi người một cách sống.   
Lúc đó tôi vừa được hơn 5 tuổi. Anh Sáu và tôi ở nhà người cô. Cuộc sống mới nơi nhà người cô họ hoàn toàn xa lạ. Mỗi buổi sáng hai anh em phải thức dậy sớm rửa ly tách, lau bàn ghế, tập làm các công việc vặt vảnh. Tối đến tụng kinh niệm Phật vì bà cô họ rất sùng đạo. Đến tuổi đi học, tôi được bà cho cắp sách đến trường. Nhờ cố công học tập, năm nào tôi và anh Sáu đều được phần thưởng. Thỉnh thoảng sau mùa gặt, bà cô họ dẫn anh em tôi lên Sài Gòn thăm cha. Nghe anh em tôi được cắp sách đến trường, ngoan ngoãn và học giỏi, cha tôi rất hài lòng, ông để lộ nét hân hoan ra trên mặt, cười nói huyên thuyên. Thật hiếm thấy nụ cười trên môi cha tôi. Mấy ngày ở bên cạnh cha, được ông cho ăn, tắm rửa, tôi sung sướng vô ngần vì chưa lần nào được ông chăm sóc.   
Chiến tranh Pháp - Việt đến hồi kết thúc. Giữa năm 1954, cha tôi về lại vùng quê vào đồng cất nhà, làm ruộng. Chị Năm vẫn ở Sài Gòn tiếp tục làm thuê cho người bà con chủ tiệm vải. Anh Sáu đậu vào Lycée Pétrus Ký ở Sài Gòn. Tôi được về sống cạnh cha tôi tiếp tục học hết bậc tiểu học. Giờ đây công việc nhà tôi đã khá rành, có thể tự lo cơm nước, dọn dẹp nhà cửa để cha lo việc đồng áng. Đến kỳ thi tiểu học, tôi được chấm đậu và trúng tuyển vào trường Pétrus Ký. Biết cha không đủ khả năng lo cho tôi lên Sài Gòn học, cũng như anh tôi, bà cô họ giới thiệu, gởi gấm ở nhà một người quen. Tại đây tôi làm đầy tớ không công để được ăn ở và đi học.   
Nhưng tôi không được may mắn như anh tôi. Ngoài công việc thường nhật như sáng dậy sớm, xếp chăn màn, quét dọn, lau nhà, giặt đồ, tôi còn phải giữ em, phụ nấu ăn, dọn cơm, rửa chén, mọi việc phải làm thật nhanh để kịp giờ đi học. Có hôm đến lớp trễ, tôi phải tránh né giám thị vì đang mang dép, ở trường này học sinh bắt buộc phải mang giày có vớ. Chiều học về, lau rửa xe đạp, dọn cơm, rửa chén, dọn quét, lau nhà, ra phông ten gánh nước, dọn chỗ ngủ cho mọi người gần 9 giờ tối mới xong, sửa soạn học bài chưa được 5-10 phút thì chủ nhà tắt đèn bảo ngủ. Thắp đèn dầu hoặc đèn cầy thì chủ nhà không cho, sợ hỏa hoạn, thế là bài vở không học được. Học hành càng ngày càng bết dần, thua sút bạn bè. Cố gắng được hai năm, tôi đành bỏ học về quê sống với cha. Tôi biết cha tôi buồn lắm, nhưng ông hiểu rõ cảnh cơ cực của tôi khi ở trong gia đình này nên không nỡ rầy trách.   
Từ đó tôi bắt đầu làm quen với nếp sống ruộng đồng. Nhổ cỏ mạ, câu cua, đặt vó bắt cá kèo, lươn, ếch, chuột đồng trở thành một nghề mới. Nhờ cố tâm học hỏi, cá cua bắt được dư ăn tôi đem ra chợ bán lấy tiền mua sách vở học thêm, trau dồi kiến thức. Tối đến tôi đọc truyện Tàu cho cha cùng một vài người hàng xóm nghe, mọi người đều vui vẻ. Trong thời gian này, cha tôi cố tìm ra tung tích người anh Cả qua những người kháng chiến cũ trở về nhưng bặt tăm vô tín.   
Năm 17 tuổi, tôi đi làm thuê xa ở các vùng cửa biển. Thời gian này tôi tiếp xúc, học hỏi nhiều ở những người bần hàn lao động, chứng kiến bao cảnh ức hiếp, bất công của chủ nhân và bè phái đối với những người khốn khó, tha phương cầu thực như tôi. Tôi mới biết ở đời lòng người nham hiểm không lường. Ngoài việc mua bán cá biển tôi phụ làm cơm cho các anh em, thức ăn có chủ lo. Những khi làm đêm tôi lãnh tiền phụ trội do đó có dư chút tiền. Tôi tiêu xài tằn tiện, tiền làm phụ trội để dành sắm sửa quần áo và mua quà gởi về cho cha tôi và hàng xóm. Toàn bộ lương hàng tháng tôi gởi về cho cha để cha tôi khỏi phải nhọc nhằn trong cuộc sống và cũng để chứng tỏ tôi đã khôn lớn đủ sức bước vào đời một mình. Những hành động này có lẽ đã làm cha tôi an tâm và ông đi thêm một bước nữa. Bà mẹ kế đem bà chị và đứa em út về chung sống. Anh Sáu tốt nghiệp ra trường làm giáo viên, nghe đâu được bổ nhiệm ở Sài Gòn. Gia đình, anh chị em tôi đến đây tạm ổn.   
Tôi bỏ nghề làm thuê mua bán cá biển và bắt đầu lênh đênh phiêu bạt. Đi đến đâu tìm việc đến đó, ở đâu tôi cũng thấy đầy rẫy bất công. Rồi chiến tranh bộc phát, tôi cũng như mọi thanh niên khác gia nhập quân đội. Tôi đầu quân vào lực lượng địa phương quân để được ở gần nhà. Rời trường huấn luyện sau vài tháng học tập, tôi được cầm súng bảo vệ quê hương. Địa phương tôi đóng quân trở nên bất ổn, quân cộng sản xâm nhập ngày càng đông, thế là bom đạn, đại pháo nả xuống các nơi tình nghi có quân địch. Hai bên đánh phá lẫn nhau liên tục, đồng bào, ông già bà cả, trẻ thơ vô tội đều bị họa lây. Trước những thảm kịch này, tôi chỉ là một người lính quèn, bất lực nhìn cảnh máu chảy thịt rơi.   
Trải qua bao đơn vị, dự bao trận đánh, những anh em, bạn bè lần lượt nằm xuống. Rồi một ngày kia lại đến lượt tôi. Ngày 12-10-1965, trong trận giao tranh tôi đạp phải mìn đành bỏ lại đôi chân tại vùng đất Đức Hòa, thuộc tỉnh Long An. Suốt mấy tháng nằm giữa bốn bức tường vôi của Tổng Y Viện Cộng Hòa, tôi buồn tủi cho thân phận. Mới 25 tuổi đầu đã mang thân tàn phế.   
Chứng kiến bao cảnh đời nghiệt ngã của người lính khi mang thương tật, tôi muốn chết đi cho rảnh nợ đời. Nhưng còn cha già, hơn nữa trước sự ân cần của các bác sĩ, y tá bệnh viện, thấy sự tận tụy của những y sĩ lương tâm tôi thức tỉnh trở lại. Tôi thấy cần phải sống để làm một cái gì đó giúp ích cho người, cho đời. Từ đó tôi yên tâm điều trị và sáng tác được mấy bài vọng cổ.   
Chiến tranh mỗi ngày một lan rộng, chết chóc đau thương lan tràn, xóm làng, vườn tược tan nát. Không vùng quê nào còn được yên tỉnh. Những người dân quê mộc mạc dắt díu nhau chạy lên chốn thị thành lánh nạn, tìm kế sinh nhai. Cha mẹ kế dời nhà lên Sài Gòn ở Quận 8. Anh Sáu được quân đội cho biệt phái về Bộ Giáo Dục làm giáo viên. Xuất viện tôi về nhà cha mẹ kế. Bạn bè lần lượt đến thăm, nhờ đó tôi biết được tin tức của bạn bè, anh em kẻ còn người mất, tôi rất lấy làm an ủi.   
Duyên đâu dung ruỗi. Cạnh nhà tôi có cô gái quê gốc Cần Giuộc cùng tỉnh Long An, theo gia đình tản cư lên Sài Gòn lập nghiệp, ngõ ý thương tôi. Cha mẹ cô cũng không chê tôi tàn phế, cho cô về làm vợ tôi để chăm sóc và an ủi tôi. Gia đình tôi ai cũng hài lòng. Cô ta chấp nhận lời giao kết của tôi: tuy chung sống nhưng phải được tự do, việc ai nấy làm, tiền bạc ai nấy sử dụng. Tôi cố tránh sự bẽ bàng có thể xảy ra mà tôi đã chứng kiến những anh em tàn tật như tôi. Hơn nữa thâm tâm tôi muốn sau này làm theo ước vọng của tôi. Đời tàn phế như vậy kể ra có nhiều may mắn, tôi thấy nhiều anh em cùng cảnh ngộ như tôi rất là long đong, đi đâu cũng bị người ta khinh dễ và coi thường.   
Tết Mậu Thân 1968, khói lửa, bom đạn tràn vào Sài Gòn. Nhà cửa tôi bị thiêu rụi, chỉ còn một đống tro tàn. Nhà cửa và đồ đạc của cha mẹ kế cũng bị cháy sạch. Anh Sáu được lệnh tái ngũ và đưa ra Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Cha tôi về quê tá túc với người anh chú bác. Mẹ kế xuống Long Hải ở với chị Bảy. Còn tôi thì vào Viện Quốc Gia Phục hồi học nghề đánh máy chữ và kế toán, ăn nhờ cơm của viện chờ ngày lãnh sổ cấp dưỡng phế binh.   
Vợ tôi đi làm thuê, hàng tuần đến viện thăm tôi, cho chút đỉnh tiền bạc và kho nấu thức ăn dự trữ, tôi chia sẻ những món ăn này với anh em chung phòng vì cơm tập thể lúc nào cũng khó ăn. Tôi gắng sức học nghề, số tiền vợ cho được dùng để giao tiếp với những anh em phụ trách làm sổ cấp dưỡng ở Bộ Cựu Chiến Binh. Nhờ thế, hơn 4 tháng sau ngày giải ngũ tôi được cấp sổ cấp dưỡng phế binh. Đây là một trường hợp khá đặc biệt, nhiều phế binh xuất ngũ khác có người phải chờ một vài năm mới nhận được sổ. Gia đình các tổ phụ, quả phụ càng thê thảm hơn, thậm chí có người phải chờ từ 4 đến 5 năm. Bất hạnh vẫn còn tiếp tục với người tàn phế.   
Ngày cầm sổ vào ngân khố lãnh lương, tôi thấy cảnh ăn chực nằm chờ của bà con, anh em phế binh, tiếng kể lể than vãn nghe sao thật nảo lòng. Lãnh xong, tôi chia số tiền lãnh được ra làm bốn phần: một phần gởi về cho cha và người anh chú bác đã bảo bọc cha già trong suốt thời gian qua, một phần gởi cho mẹ kế và chị Bảy ở Long Hải, một phần cho vợ và mua quà cáp cho cha mẹ vợ, và phần còn lại để dành mời anh em phụ trách làm sổ cấp dưỡng tại bộ. Sau những lần mời qua mời lại, anh em phụ trách cho tôi qua phòng lựa những hồ sơ lưu trữ phế binh, tổ phụ và quả phụ lâu năm rồi chưa được giải quyết. Anh em trong phòng tận tình hướng dẫn cách thức sắp xếp, tôi tận tụy làm việc suốt ngày. Hồ sơ nào còn thiếu sót giấy tờ chi, tôi làm văn thơ nhờ trưởng phòng ký rồi gửi đến từng gia đình đương sự để bổ sung. Thỉnh thoảng tôi còn mời anh em trong phòng dùng cơm trưa.   
Mới đầu anh em thấy tôi làm việc tận tụy không công mà còn chịu chi tiền, anh em nghi ngờ tôi làm như vậy để ăn tiền những hồ sơ chờ giải quyết, hoặc giúp những người thân.   
Họ có biết đâu nguyên tắc làm việc của tôi rất giản dị, khi hồ sơ nào hoàn tất, tôi nhờ ban văn thư của bộ gởi cuốn sổ thẳng về các ty cựu chiến binh nơi đương sự cư ngụ chứ không mời đương sự đến bộ lãnh sổ. Không phải chỉ riêng một tỉnh mà trái lại tôi gởi những cuốn sổ cấp dưỡng đi nhiều tỉnh khác nhau và cũng không riêng gì một binh chủng mà trái lại tôi giải quyết hồ sơ thương phế binh ở nhiều binh chủng khác nhau, cả chủ lực quân lẫn địa phương quân và nghĩa quân. Anh em thắc mắc hỏi, tôi trả lời:   
- "Thấy cảnh thương tâm của những người mang thương tật, tôi hiểu và chia sẻ với họ nỗi đau nên không muốn họ chờ đợi mãi một quyền lợi mà đáng lý ra họ phải được hưởng sớm nhất. Trong khi tôi ở đây ăn không ngồi rồi cần làm công việc gì đó cho ngày tháng. Sở dĩ tôi mời anh em ăn uống là vì quí mến anh em chứ không gì khác. Gia đình tôi tuy không dư giả gì nhiều nhưng cũng không đến nỗi thi°ếu ăn, số tiền tôi lãnh được sau khi đã chia cho người thân phần còn lại để tiêu xài. Ở đây tôi chẳng sắm sửa gì nên thỉnh thoảng mời anh em cùng nhau ăn uống, nói chuyện cho vui. Thế thôi!".   
Mặc dù vậy, việc làm của tôi vẫn có nhiều người gièm xỉa, nói xấu nhưng tôi vẫn kiên tâm, nhã nhặn với từng người. Tôi tự nhủ lòng: "Mặc kệ những lời khen chê, mình cố gắng làm phận sự của mình, giúp được người nào hay người đó, miễn sao lương tâm mình không hổ thẹn là được rồi". Nhìn các đống hồ sơ trong các tủ vơi dần, cảnh ăn chực nằm chờ ở bộ cũng giảm, lòng tôi vô cùng thanh thản. Anh em, cô bác những anh em thương phế binh, những người đã chịu nhiều mất mát, đau thương trong cuộc chiến sớm có được niềm vui hay niềm an ủi rằng mình không phải là một gánh nặng thêm cho gia đình. Từ đó tôi bình thản tiếp tục công việc sắp xếp hồ sơ, gởi thư về các địa phương kêu gọi những đương sự bổ túc các giấy tờ thiếu xót để họ mau chóng nhận sổ ấp dưỡng.   
Qua những chồng hồ sơ này, tôi mới biết trong thân tộc hai bên nội ngoại và bên vợ đều có nhiều thanh niên trong lứa tuổi của tôi bị tàn phế hay bị tử trận. Tôi cũng gởi thư về gia đình các đương sự yêu cầu bổ túc các giấy tờ thiếu xót nhờ đó mà các sổ cấp dưỡng đã được đến tay những người đó trong những điều kiện sớm nhất. Vòng đai thân tộc bên phía cha, phía mẹ ruột, phía mẹ kế và cả bên phía cha mẹ vợ, mọi người đều dành cho tôi nhiều cảm tình đặc biệt, hai bên nội ngoại đều rất hài lòng.   
Ở vùng quê cha tôi không được khỏe. Mặc dù vợ và em út thường về thăm viếng, cung cấp thuốc men và tiền bạc cho cha nhưng tôi vẫn không an tâm. Đường sá về nơi cha tôi ở càng ngày càng mất an ninh, tôi cũng không dám đi về một mình lỡ có chuyện gì thì ân hận suốt đời. Hơn nữa, vợ tôi có mang đứa con đầu lòng sắp tới ngày sinh, cần bớt đi lại trong thời kỳ sinh nở. Trong lúc này lòng tôi rối bời. Cũng may là nhờ cha vợ và đứa em gái phụ giúp tiền bạc, tôi cất lại căn nhà cũ trên nền nhà bị cháy ở quận 8 hồi Tết Mậu Thân. Ngôi nhà nhỏ được anh em, bạn bè ở Viện và Bộ Cựu Chiến Binh phụ giúp xây lên nên hoàn thành khá nhanh. Lòng tôi vô cùng cảm động và sung sướng. Cuộc đời phế binh như vậy là may mắn lắm rồi.   
Khi nhà vừa làm xong, việc đầu tiên là ra chợ mua liền một tủ kiếng để chưng hình mẹ tôi lên thờ. Ngày ăn tân gia, trên bàn thờ mẹ khói hương nghi ngút, tôi cố ý chọn đúng ngày giỗ lần thứ 22 của bà để tổ chức. Hôm ấy trong căn nhà đơn sơ nhỏ nhắn mọi người đều đến đông đủ,các anh chị em cùng những anh em, bạn bè đều cùng có mặt. Đứng trước bàn thờ của mẹ, cha tôi đốt nhang lâm râm khấn niệm, không khí trang nghiêm, lặng lẽ, anh chị em tôi đều sụt sùi nhỏ lệ làm mọi người xúc động theo. Cúng lễ xong, mọi người ngồi vào bàn tiệc, tuy đơn sơ, đạm bạc nhưng ai nấy đều thật lòng nên buổi tiệc thêm phần vui vẻ. Nhà không đủ chỗ ngồi, thanh niên trai trẻ ngồi xuống nền xi măng ăn uống, còn bàn ghế thì dành cho các bậc trưởng thượng.   
Anh em trong Viện và Bộ Cựu Chiến Binh tình nguyện phụ giúp tôi treo lên tường những bức tranh, kỷ vật thân tặng để tỏ chút tình quí mến.´Ăn uống đến khuya, anh em bạn bè lần lượt ra về, những người thân trong gia đình chia nhau tìm chỗ nằm nghỉ. Niềm vui thật là trọn vẹn. Ngày hôm sau, mọi người ai về nhà nấy, riêng cha tôi thì ở lại với chúng tôi. Vợ tôi tiếp tục đi làm, sáng đi chiều về, làm bổn phận vợ hiền, dâu thảo.   
Thỉnh thoảng tôi đến Viện, đến Bộ thăm anh em. Lúc này hồ sơ cũng ít tồn đọng nên anh em làm việc rất nhàn hạ, chỉ khi nào có bà con, bạn bè trực tiếp nhờ tôi mới vào can thiệp. Sau ngày ăn tân gia không lâu, vợ tôi về lại nhà cha mẹ ở kế bên để được chăm sóc. Đến ngày sinh nở, vợ tôi cho ra đời đứa con trai đầu lòng. Sau hơn ba tháng được bà ngoại tận tình nuôi dưỡng, hai mẹ con về lại nhà. Vợ tôi phải đi làm việc liền sau đó, cháu bé được ông nội chăm sóc, nuông chiều.   
Anh Sáu, một lần nữa, được biệt phái về Bộ Giáo Dục, làm giáo viên trường Âu Dương Lân, quận 8 gần nhà, sau mấy năm cầm súng chiến đấu tại vùng U Minh, miền tận cùng đất nước và đã tham dự biết bao trận chiến kinh hoàng, khốc liệt. Tạ ơn trời đất đã cho anh trở về bình an, lành lặn. Anh đưa vợ và con từ dưới quê vợ lên Sài Gòn, cất nhà phía sau để ở. Các anh chị em tôi, dần dà ai cũng lập gia đình, có công ăn việc làm ổn định. Cha tôi rất mừng khi thấy gia đình các anh chị em sống trong hòa thuận và đùm bọc. Tuy vậy, ông vẫn còn nỗi buồn da diết là không có tin tức của người anh Cả, nghe đâu thiên hạ đồn anh đã chết.   
Chương trình phát triển đô thị được thi hành. Căn nhà anh Sáu nằm trong khu vực bị giải tỏa vì người ta dự phóng xây dựng một con lộ. Tôi cùng vợ con xuống Vũng Tàu thuê nhà ở, nhường nhà lại cho anh chị Sáu phụng dưỡng cha già vì gia đình anh đông con, lương ít.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 52**

Vũng Tàu thuở ấy là nơi tập trung thương phế binh, quả phụ và cô nhi tử sĩ, có Bệnh Viện Tê Liệt, Quân Y Viện Nguyễn Văn Nhứt, An Dưỡng Đường và hai làng phế binh. Anh em phế binh ở đây đều khá giả nhờ vợ con đi làm sở Úc, sở Mỹ. Thấy tôi xuống, anh em mừng lắm, chỉ trong hai tuần là thuê được nhà. Chủ nhà cũng là phế binh nên sẵn sàng cho chúng tôi mượn bộ giường ván, bàn ghế. Anh em, bạn bè cũng tìm giùm một chỗ buôn bán ngoài chợ Bến Đình. Nhà cửa được ổn định, ngày ngày vợ tôi nấu cơm tấm mang ra chợ bán, đi từ rạng đông đến khi tan chợ, chiều về nghỉ ngơi và chuẩn bị thức ăn cho ngày hôm sau. Công việc tuy mệt nhọc nhưng có đồng ra đồng vào, đời sống không đến nỗi tệ. Thỉnh thoảng có dư chút đỉnh, chúng tôi gởi tiền và quà về Long Hải cho mẹ kế và chị Bảy vì gia đình chị rất nghèo. Mỗi tam cá nguyệt tôi lại về Sài Gòn lãnh tiền trợ cấp và cũng không quên ghé thăm và chu cấp cho cha và anh Sáu cùng cha mẹ vợ một ít tiền bạc.   
Với thời gian, chúng tôi có thêm hai cháu gái, gia đình bắt đầu sống trong chật vật. Vì lòng tự trọng, tôi không muốn anh em, bạn bè nhìn thấy cảnh khó khăn của gia đình, tôi giảm giao tiếp với mọi người. Cuộc sống nơi chốn thị thành có nhiều cám dỗ, tôi thấy nhiều người đã bị sa ngã. Thêm vào đó con cái chúng tôi bắt đầu khôn lớn, không muốn chúng bị ảnh hưởng bởi môi trường sống chung quanh, nhất là khi đời sống vật chất của gia đình thua kém mọi người, và có lẽ cũng sợ một ngày nào chúng sa ngã theo, chúng tôi có ý định dọn đi nơi khác. Nhân dịp gia đình một anh phế binh thân thiết vừa tạo được một ngôi nhà và miếng vườn nhở ở cầu Nước Trong, quận Long Thành, ngỏ ý nhờ tôi lên đó ở và trông nom giùm, tôi liền bằng lòng. Thật là "buồn ngủ gặp chiếu manh".   
Sau khi trả lại nhà cửa, đồ đạc cho chủ nhà, tôi từ giã bạn bè thân thiết rồi cùng vợ con dọn về Long Thành. Căn nhà thật là lý tưởng, nền lát gạch hoa, cạnh nhà có giếng nước và máy bơm tưới cây. Các nhà chung quanh cách xa nhau bởi hai mảnh vườn. Vợ tôi bắt đầu tập làm vườn, nhờ cố gắng học hỏi, cỏ rác trong vườn sạch sẽ, giữa hàng cây ăn trái còn có những liếp khoai lang sum suê, đàn gia súc chăn nuôi phát triển trông thấy, kể cả của tôi và của bạn. Vợ chồng bạn lên xem rất hài lòng, tình bạn càng thêm thấm thiết, hàng tháng hoặc hàng tuần anh ta gởi đồ ăn lên cho.   
Mặc dù cụt mất hai chân, tôi vẫn thường chống nạng đi đây đi đó thăm hỏi bà con lối xóm. Tại đây tôi giao tiếp mật thiết với tất cả mọi người, đa số là thành phần dân quê mộc mạc. Gia đình tôi tuy ăn uống kham khổ nhưng không tốn kém bao nhiêu nhờ có cây nhà lá vườn, mỗi tuần chỉ đi chợ một lần. Thằng con lớn khá thông minh, tôi kèm qua quít như vậy mà mới 5 tuổi đã biết đánh vần đọc được báo trong khi con em ở đó trọng tuổi hơn, học trường công một vài năm mà vẫn chưa đánh vần đọc được chữ. Thấy vậy một vài người hàng xóm đưa con đến nhờ tôi dạy kèm. Nhà không có bàn, tôi chỉ đóng được một tấm bảng đen máng trên vách và một băng ghế dài. Các em nhỏ đến học ngồi bẹp dưới đất và tập viết trên băng ghế. Các em thưa thầy xưng con rất mực cung kính, thật là cảm động. Nơi khỉ ho cò gáy này mà các em nhỏ vẫn còn giữ lễ phép là một niềm an ủi lớn. Từ đó tình thầy trò càng thêm thắm thiết. Thầy tận tâm, trò cố gắng, trình độ học tập tiến bộ nhanh.   
Tiếng tốt đồn xa, bà con trong ấp lần lượt đến gởi con nhờ tôi dạy kèm, trình độ từ lớp mẫu giáo đến các lớp Một, Hai, Ba, Bốn, Năm, kể cả các lớp luyện thi tiểu học. Tôi nhận tất cả vì nghĩ rằng nếu trình độ học sinh ở đây cao lên, đó là niềm hãnh diện chung cho cả ấp. Thì giờ có hạn, tôi chia ca ra dạy. Nhà không có lúc nào thiếu vắng học sinh đến học, thế là nghiễm nhiên tôi trở thành ông giáo làng. Vợ tôi rất lấy làm hãnh diện, tôi có cảm tưởng mình vẫn còn có ích cho đời. Nơi đây đời sống nghèo khó, những bậc phụ huynh ít khi trả học phí cho con học thêm bằng tiền bạc, họ thường mang cho những loại cây trái trong vườn như sầu riêng, chôm chôm, soài, ổi, mít tố nữ, mãng cầu gai... Tôi thực sự tìm thấy niềm vui ở nơi thôn dã này. Mỗi lần về Sài Gòn lãnh lương, tôi không quên mua sắm một ít quà cáp mang về biếu lại. "Bánh sáp có đi, bánh qui trở lại", đó là lẽ thường tình.   
Từ đó chúng tôi trở thành một gia đình có uy tín ở địa phương. Không buổi tiệc cưới, tang ma, giỗ chạp nào mà tôi không được mời dự. Mỗi lần như vậy tôi không đến tay không, không mang rượu thì cũng bia hay bánh mứt. Suốt năm đều có giỗ chạp, hôm nay tiên thường, ngày mai chánh giỗ..., mỗi đám giỗ thường kéo dài tư một đến hai ngày.   
Khoảng 4 giờ chiều khách khứa đến, chủ nhà cúng cơm xong mời khách chuyện trò ăn uống đến khuya. Có nhà vật heo, có nơi vật bò, lấy đồ lòng nùấu cháo đãi khách đến 5 giờ sáng. Ăn xong, ai bận công việc thì cứ ra về nhưng đến 11 giờ trưa hôm sau phải trở lại dự tiếp, nếu không sẽ bị chủ nhà phiền lòng. Riêng tôi thì chủ nhà thường giữ lại suốt đêm tiếp đãi tận tình, nhiều lúc uống nhiều quá tôi say túy lúy.   
Nhiều gia đình khá giã, mỗi khi có đám giỗ thường có làng lính đến quanh co hạch sách, chủ nhà nhờ tôi ra ngồi bàn tiếp lính vì trước kia tôi cũng là lính như họ, do đó khi làng lính ăn uống no say thì ra về vui vẻ, không làm khó dễ gì. Sau này tôi mới biết được trong đám lính ấy có cán bộ cộng sản trà trộn vào, giả bộ dò hỏi xem xét gia đình tổ chức đám giỗ thuộc thành phần nào để sau đó cho cán bộ kinh tài chận đường đóng thuế. Ngoài chuyện đó ra, đời sống ở thôn quê vô cùng thoải mái, tôi không còn mặc cảm nhiều về thương tật của mình.   
Trong khi đó, tại những nơi khác chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, tan tóc phủ trùm. Tin tức nghe được qua báo chí và đài phát thanh làm tôi lo sợ. Nhiều tỉnh thành lần lượt lọt vào tay quân cộng sản, rồi chiến tranh đột ngột kết thúc. Toàn miền Nam bị đặt dưới quyền thống trị của phe cộng sản sau ngày 30-4-1975. Theo thói thường tình sau mỗi cuộc chiến, kẻ thắng trận thì lên ngôi vua, kẻ thua trận xuống hàng chó ngựa. Tôi hiểu rõ hơn ai hết thân phận của mình, tôi đã từng cầm súng chống lại những người cộng sản trong chiến cuộc đã qua. Mặc dù chỉ là một con tốt vô danh trong cuộc chiến và nay bị tàn phế, trước sau gì tôi cũng sẽ bị trả thù, đày đọa như bao người khác.   
"Củi đậu nấu đậu, đậu trong nồi khóc kêu sao không biết xót thương", đó là một câu trong bài vọng cổ mà tôi thích nhất. Tôi thích câu này không phải vì nhịp điệu lên xuống của bài ca mà ở ý nghĩa của nó. Câu này nhắc nhở mọi người Việt hãy thương yêu, đùm bọc lẫn nhau. Hay gì cảnh người Việt hành hạ, giết chóc người Việt. Địa phương nơi tôi ở, 90% dân chúng là thành phần "cách mạng", thấy tôi bị tàn tật họ không nói gì nhưng những gia đình khá giã có con em đi lính hay làm công chức cho chế độ cũ, nhất là những gia đình có con em là sĩ quan hay công chức cao cấp trong guồng máy cầm quyền cũ thì đời sống rất là khốn nạn. Nhà cửa bị tịch thu, vườn tược bị chiếm đoạt và cả gia đình phải rời đi nơi khác nều may mắn người chủ gia đình không bị bắt đi học tập cải tạo.   
Đề tài trong lúc trà dư tửu hậu của những người này là chiến công của phe cộng sản và tội ác của bọn Mỹ Ngụy. Trước cảnh thay trắng đổi đen như vậy, với tâm trạng là phế binh ngụy thì lòng tôi càng ray rức. Tôi bàn với vợ tôi phải dọn đi nơi khác vì trước đây có nhiều lần tôi hăng máu đả kích những hành vi tàn ác của phe cộng sản trong những buổi tiệc. Hay tin này bà con cô bác thương mến gia đình chúng tôi cố đến khuyên giải không nên đi, ở đây họ sẽ hết lòng che chỡ và cò hứa hẹn chu toàn cho gia đình tôi.   
Trước tấm thịnh tình này, tôi chân thành cảm tạ nhưng lòng tôi đã quyết nên vẫn chuẩn bị rời khỏi nơi đây. Hơn nữa đây cũng không phải là nhà của tôi, nhân có người về Vũng Tàu tôi nhắn bạn tôi lên nhận lại nhà. Đàn gia súc gầy dựng trong suốt thời gian qua được đem ra chợ Long Thành bán, nhờ đó cũng có chút tiền để đi nơi khác. Khi bạn tôi lên nhận nhà, cảnh chia tay thật là cảm động. Hai gia đình đều khóc tiễn nhau.   
Tôi về Long Hải tá túc với gia đình chị Bảy. Gia đình chị Bảy vốn đã nghèo khó, nay có thêm gia đình tôi về đời sống càng khó hơn. Vợ tôi phải đi gánh nước thuê, tối về chăm sóc cho ba đứa trẻ. Nhìn vợ làm lụng cực khổ, chạy ăn từng bữa, tôi thấy xót xa trong dạ. Tôi đánh liều mở lớp dạy kèm cho các em nhỏ ở gần nhà. Nhà cửa chật hẹp, không có đủ chỗ ngủ lấy đâu lấy chỗ dạy kèm, tôi liền ra chợ mua cây gỗ và mấy tấm tranh về lợp mái hiên và đóng vài cái bàn nhỏ làm lớp học. Công việc không phải dễ dàng, chính quyền địa phương gọi tôi lên ủy ban nhân dân chất vấn nhiều lần, công an đến kiểm tra hộ khẩu nói tôi vi phạm luật pháp vì không có giấy phép hành nghề. Tôi nói gia đình tôi nghèo khó quá, thân tôi tật nguyền nên mở đại lớp học để dạy những em nhỏ kiếm tiền. Nghe vậy họ để tôi yên một thời gian để quan sát, thấy tôi chỉ đơn thuần dạy cho các em tập đọc, tập viết nên họ làm lơ.   
Ông hàng xóm tốt bụng thấy tôi chịu khó, cho tôi một vuông đất nhỏ sát hàng rào nhà ông để dựng một túp lều tranh, vừa làm chỗ ở vừa làm chỗ đạy học. Từ đó gia đình tôi được cấp hộ khẩu và định cư luôn tại vùng này. Tuy nghề dạy học thu nhập chẳng là bao nhiêu nhưng có được miếng ăn qua ngày, vợ tôi cũng kiếm được một chỗ ngồi mua bán ngoài chợ Long Hải nên có thể phụ giúp gia đình chị Bảy. Mẹ kế, cha ruột và cha mẹ vợ lần lượt qua đời vì tuổi già sức yếu. Điều mà tôi mãn nguyện là các đấng sinh thành về cõi vĩnh hằng có đầy đủ mặt con cháu và được đưa về quê cha, đất tổ, yên mồ, yên mả. Những lúc được nghỉ ngơi, tôi xót thương cho những anh em phế binh không được may mắn như tôi. Đời sống của tôi tuy có khó khăn nhưng cũng chưa đến nỗi bị chà đạp nhân phẩm. Tôi biết có nhiều trường hợp anh em bị vợ con khinh rẻ, phải lang thang cầu thực nơi đầu đường, xó chợ. Nào đã được yên, chính quyền còn lùng bắt họ đưa đi các trại tập trung lao động vì bị xếp vào thành phần tệ đoan xã hội. Bị tật nguyền và không có người giúp đỡ trong chế độ này là một tội lỗi phải bị trừng phạt.   
Vợ tôi cho ra đời thêm một đứa nữa, cuộc sống ngày thêm khó khăn. Gia đình đông con trong thời buổi này là một bất hạnh. Trước kia người ta thường chúc nhau con cháu đầy đàng, ngày nay không còn hợp thời nữa. Con cái tôi được cấp sách đến trường một vài năm rồi phải nghỉ học ở nhà làm mướn. Tôi cũng già theo tuổi thời gian, các lớp học tư ngày càng vắng vẻ vì cha mẹ các em cũng không có tiền cho con học tư, phần lớn đã bỏ như các con tôi đi tìm việc làm ở các nơi khác. Dòng đời lặng lẽ trôi đi, quanh tôi chỉ toàn màu đen ảm đạm, con cái tôi lớn lên trong khó khăn, tiếng cười đùa cũng thưa thớt dần. R)ồi có đứa tới tuổi trưởng thành, lập gia đình sinh con đẻ cái như mọi người khác.   
Có lẽ sống mãi trong kiếp bần hàn, may mắn cũng chán nản đội nón ra đi. Con cái chúng tôi không khá gì hơn cha mẹ chúng mặc dù đang là tuổi trẻ, nghĩa là bồng bềnh, bấp bênh. Chồng của đứa con gái thứ ba chết trong một tai nạn ở rừng. Đứa con rễ theo đoàn xe be vào rừng đốn cây, trong một ngày mưa gió đường sá trơn trợt, nó đang lúi húi dưới gầm xe chêm bánh xe cho khỏi bị trượt lùi chẳng may những sợi dây cật các thân trên xe bị đứt, nó bị hai thân cây lăn xuống đè bẹp nát đầu và nát chân. Nó chết đi để lại đứa con thơ mới lên 5 tuổi, vợ chồng tôi đành phải mang con và cháu về nhà nuôi dưỡng. Có sống trong cảnh này mới biết thế nào là đau thương, đen tối.   
Đối với con cái, cha mẹ nào cũng vậy chỉ mong cho chúng trở thành những người hữu ích cho xã hội. Tâm nguyện của tôi là hy vọng trong cuộc sống các con tôi có những đức tính tốt của loài người là lòng vị tha thương, bao dung và độ lượng. Chúng tôi thường dạy các con thương người như thể thương thân, sẵn sàng cứu giúp khi ai xảy bước chân và độ lượng tha thứ những kẻ đã hãm hại mình. Dù nghèo hay giàu phải luôn luôn tự vấn lương tâm mình, trong đời có thể làm bất cứ điều gì miễn sao không ngượng với chính lương tâm của mình là được, mặc cho tiếng đời khen chê. Giữ được như thế thì lương tâm sẽ luôn thanh thản.   
Mặc dù có những lúc bi quan, tôi vẫn tin tưởng vì sao chiếu mạng. Ông Trời luôn luôn có mắt, những gian truân mà tôi đã trải qua chỉ là những thử thách của cuộc đời. Trồng cây nào ăn trái đó, quả đúng như vậy. Cuối năm Giáp Tuất 1994, tôi được một vị đại ân nhân ở Pháp tặng cho tôi một chiếc xe lắc tay, người đó là bác sĩ Phan Minh Hiển. Với chiếc xe này, nhân phẩm tôi đã được tìm lại, tôi dùng phương tiện thân thương này với những hàng chữ: Hội Médecins du Vietnam (Pháp) bảo trợ, đi khắp nơi để nói với mọi người rằng những người khốn khổ ở Việt Nam không bị bỏ quên. Hai mươi năm trời xa cách không làm cộng đồng người Việt hải ngoại dứt tình với quê hương. Mà quê hương dân tộc là gì nếu không phải những người nghèo khó, bị thua thiệt như chúng tôi. Tập thể anh em thương phế binh chúng tôi đã được hồi sinh.   
Tiếp theo là các ông Nguyễn Trần Vũ và John gởi quà tặng thêm quà tiền cho gia đình chúng tôi. Từ đó tôi có phương tiện đi lại và tiền bạc để thăm viếng các anh em cùng cảnh ngộ trong vùng và hướng dẫn giúp đỡ. Nghe tôi ca ngợi công đức của ông bác sĩ cùng các ân nhân độ lượng Việt kiều ở hải ngoại, nhiều anh em phế binh viết thư xin giúp đỡ. Lời thỉnh cầu của tập thể anh em phế binh đã được nghe, mọi người trong vùng lần lượt nhận được quà tặng như xe lắc tay, xe lăn, nạng chống, tiền bạc, thuốc men do Hội Médecins du Vietnam, các hội đoàn thiện nguyện khác và các ân nhân hảo tâm Việt kiều từ khắp nơi gởi tặng.   
Những món quà thân thương đầy tình nghĩa của các ân nhân không những có giá trị cao về vật chất mà còn thể hiện tinh thần đùm bọc cao quí. Tập thể anh em phế binh chúng tôi có được niềm tin trong cuộc sống, thấy lại những nụ cười từ lâu héo hắt trên môi trẻ thơ và nhất là tìm lại một phần nhân phẩm từ lâu bị chà đạp của những người cùng khổ. Lòng tôi dâng lên niềm xúc cảm sung sướng vô ngần, mặc dù quanh tôi luôn đầy rẫy những khó khăn. Chúng tôi sẵn sàng chịu đựng những phong ba, bão táp và nanh vuốt của bất cứ ai không muốn chúng tôi có cuộc sống khá hơn. Chúng tôi bất chấp tất cả, hơn hai mươi năm rồi, sức chịu đựng đã tới mức giới hạn, ép quá sẽ bùng lên thôi, chúng tôi không còn gì để mất nữa. Chúng tôi chỉ muốn được mọi người nhìn nhận nhân phẩm mà thôi.   
Chúng tôi cầu mong, với những điều kiện sẵn có, quí vị ân nhân trong giới văn nghệ sĩ, quí vị lãnh đạo tôn giáo trong cộng đồng người Việt ở khắp nơi trên thế giới, hãy gióng lên những hồi chuông đánh thức lương tâm nhân loại, kêu gọi những người có trách nhiệm nơi đây trả lại chúng tôi cuộc sống bình thường. Công đức cao đẹp này sẽ muôn đời bất diệt.   
Viết lại theo lời thuật của Võ Ngọc Chính,   
phế binh địa phương quân, cụt hai chân,   
hiện cư ngụ tại Long Hải, Vũng Tàu.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 53**

Tan vỡ một giấc mơ

Thành phố dạo này hay lạnh về đêm. Những người già yếu mắc bệnh phổi thường hay khó ngủ vì cái lạnh xốn xang, phải quấn thêm chăn màn vào người để cho đủ ấm. Đó là hình ảnh của mẹ tôi.   
Hôm nay rằm tháng bảy, ngày báo hiếu. Mẹ tôi trăn qua trở lại. Bà ho lên sù sụ, cái chỏng tre cũng ọp ẹp theo từng tiếng ho. Nằm bên kia vách ván, tôi ray rức thở ra từng hồi. Tiếng ván kọt kẹt cũng buồn theo cái cảnh nghèo của mẹ con tôi. Sáng nay, tôi dậy thật sớm. Nhìn qua khung cửa sổ, tôi nghĩ về cuộc đời của tôi, nó cũng mập mờ như cảnh trời nửa tối nửa sáng của ngày hôm nay. Người ta thường dậy sớm vào buổi sáng để suy nghĩ chuyện đời bên tách cà phê hay tư duy về cuộc sống bên ly trà nghi ngút. Còn tôi ngồi đây suy ngẫm chuyện đời cùng với tiếng ếch kêu "uệch uệch" và tiếng thạch sùng tặc lưỡi. Tôi thắc mắc tự hỏi trên cõi dương trần này có Thượng Đế không nhỉ? Nếu Ngài là Đấng Toàn Năng, là Đấng Công Bình, tại sao có người quá ư giàu có, người khác lại quá ư nghèo khổ?   
Những lúc tuyệt vọng, tôi thường tìm quên trong kỷ niệm. Nhớ lại quãng đời ngày xưa, năm 1967, lúc còn học lớp đệ tứ A1 trường Hùng Vương thị xã Quảng Ngãi, cuộc đời thật tươi sáng. Cũng ngày này đây, rằm tháng bảy, bạn bè bắt chước phong tục người Nhật: ai còn mẹ cài lên ngực áo một bông hồng, ai mất mẹ cài bông trắng. Tôi cười thành tiếng, cười thật tươi, thật hạnh phúc.   
Phải rồi, ngày ấy tôi có người bạn gái tên Mai hát tặng tôi bài "Bông hồng cài áo" của nhà sư Nhất Hạnh: "Một bông hồng cho anh, một bông hồng cho những ai, cho những người còn mẹ, để lòng vui sướng thêm. Rồi một chiều nào đó, anh về nhìn mẹ thật lâu và nói với mẹ rằng: Mẹ ơi, mẹ có biết hay không? Biết gì? Biết là con yêu mẹ không?". Rồi từ đó tình yêu lớn dần theo năm tháng, tình yêu tuổi học trò đẹp vô cùng. Rất thánh thiện, tôi nhìn Mai như một đóa hoa. Nhẹ nhàng và trân trọng, tôi nhìn Mai từ phía xa xa để nghe thoang thoảng hương vị tình yêu bay đến. Ngày tháng qua, hai chúng tôi đều đậu tú tài toàn phần. Mai theo học sư phạm ở Huế, tôi trường chính trị kinh doanh Đà Lạt. Tuy hai thành phố cách xa, nhưng đôi tim và suy nghĩ chúng tôi không hề rời nhau. Ông phát thơ có lẽ là sứ giả mang thông điệp tình yêu thân mến nhất của chúng tôi.   
Thế rồi đất nước lâm nguy, cộng quân gia tăng áp lực quân sự tại khắp nơi trên lãnh thổ. Mùa hè đỏ lửa 72, chính phủ ban hành lệnh tổng động viên, đông đảo sinh viên lên đường nhập ngủ. Tôi trở thành anh lính chiến. Mãn khóa xong, tôi mặc áo hoa dù ra vùng địa đầu chiến tuyến. Tôi tham gia nhiều trận đánh quyết định, giải tỏa áp lực ngày càng nặng của cộng quân. Vài ngày sau khi ký hiệp định Paris, đầu tháng 2-1973, tôi bị thương nặng trong một trận đánh giành dân chiếm đất tại một làng phía Tây Bình Định. Chân phải tôi bị cưa. Trong suốt thời gian nằm điều dưỡng tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, tôi không liên lạc với gia đình, kể cả người yêu vì không muốn người thân biết sự thật không may của tôi. Mặc dầu vậy, hình ảnh của Mai luôn luôn hiện diện và lòng tôi không khỏi bồi hồi mỗi khi nghĩ tới.   
Mùa hè 1974, tôi được xuất viện và trở về quê cũ. Sau bao năm xa cách, quê hương không có gì thay đổi. Vẫn cảnh nghèo khó quen thuộc. Thật đau lòng khi về lại nhà cũ. Nhìn thấy tôi mẹ thật mừng rỡ, nhưng khi thấy tôi chống nạng vào nhà bà ôm chầm lấy tôi khóc nức nở. Tôi muốn xin lỗi mẹ tôi nhưng miệng khô đắng, tôi chỉ biết ôm lại mẹ tôi lòng chua sót. Bà vội vàng dìu tôi vào nhà, thay quần áo cho tôi, lăn xăng hỏi thăm đủ điều, nhưng tôi chỉ im lặng nhìn mẹ tôi trong nước mắt. Hay tin tôi trở về, Mai từ dãy nhà kế bên chạy vội đến. Thấy tôi, Mai chỉ gọi được một tiếng "Anh!", rồi gục đầu trên vai tôi khóc. Tôi đau đớn ôm Mai vào lòng và im lặng.   
Không gì buồn cho một đời trai, chưa làm gì báo hiếu cho mẹ, chưa làm gì đẹp lòng người yêu đã vội chất thêm gánh sầu trên vai mỗi người. Những ngày đầu tôi sống trong mặc cảm, cứ muốn xin về trại an dưỡng sinh sống với những anh em đồng cảnh ngộ. Ít ra tại đây, tôi không sống trong mặc cảm vì nhiều anh em còn bất hạnh hơn tôi, có người còn mất cả hai chân, hai tay và mù hai mắt.   
Nhưng tình yêu của mẹ tôi và Mai giúp tôi yêu dần cuộc sống. Ngày ngày, sau khi thu xếp xong chuyện học hành, Mai lui tới thường xuyên với tôi. Mai vẫn học ở Huế nhưng cố thu xếp để thường xuyên về nhà thăm tôi. Mai sung sướng vì tôi còn sống, đối với Mai như vậy đã là đủ, chuyện thương tật không đáng quan tâm. Bao nhiêu chuyện xa, chuyện gần được kể cho nhau nghe. Nhưng mặc cảm tàn tật cứ ám ảnh trong tôi. Trong những lần hàn huyên, tôi cố trấn áp mặc cảm nhưng rồi một hôm tôi buộc nói lên sự thật :   
- Mai ạ, anh với em nên xa nhau thì tốt hơn. Anh giờ đây chẳng còn gì cả, nhất là trong một xã hội này. Anh không còn làm gì được nữa, chỉ là gánh nặng và mặc cảm cho em đối với gia đình và bạn bè mà thôi.   
Mai lườm tôi, nói một cách quả quyết:   
- Anh bị thương cái chân, đâu bị thương cái đầu hay cánh tay mà nói như thế?   
Để an ủi tôi, Mai tập làm nữ y tá, những ngày nghỉ học Mai thường đến thay băng cho tôi. Đúng Mai là chiếc nạng gỗ vững chắc cho tôi trụ chân, cho tôi bước đi trên quãng đời còn lại. Cuộc đời của tôi như vậy êm đềm trôi qua, mẹ tôi vẫn buôn bán bình thường và Mai đến thăm tôi đều đặn. Tôi chỉ muốn ngày tháng đọng lại nơi đây để tôi thấy cuộc đời thật đáng sùống. Đối với tôi con người cần nhất là tình thương, những thứ khác chỉ là phù du.   
Nhưng chiến cuộc ngày càng khốc liệt. Tin tức chiến sự ngày càng bất lợi cho phía Việt Nam Cộng Hòa. Những ngày cuối tháng 3-1975, thành phố Huế bỏ ngõ, Quảng Ngãi bị cộng quân chiếm đóng, Mai bỏ học trở về nhà. Một bước ngoặc mới trong cuộc đời của Mai. Ba của Mai là thiếu tá pháo binh, sau biến cố 1975 trở nên bất lực, ông bị đưa "học tập cải tạo" ở miền núi xa xôi hẻo lánh, ba tháng mới được thăm nuôi một lần. Mẹ của Mai, một phụ n¨ữ Huế, suốt đời chỉ biết tề gia nội trợ, mẫu người không thể chật vật, chạy đôn chạy đáo để kiếm từng miếng ăn được. Mai là sinh viên sư phạm, con gái trưởng một gia đình có truyền thống tại địa phương, phải bỏ học nửa chừng cáng đáng trọng trách nuôi một gia đình gồm sáu miệng ăn, trong đó một người cha đang đi học tập cải tạo và ba đứa em nhỏ dại còn cấp sách đến trường. Mai đi buôn chuyến hàng vải từ Đà Nẵng về Quảng Ngãi.   
Cuộc sống tiếp tục trôi qua, trôi trong khó khăn và tủi nhục cho những người thất thế. Mặc dù được giải ngũ vì thương tật, tôi cũng phải đi "học tập cải tạo" như bao quân nhân khác nhưng được cái may "học tập cải tạo" tại địa phương nửa tháng. Một thời gian sau, vết thương nơi chân phải tôi làm độc, tôi phải vào bệnh viện mổ lại vì còn sót nhiều mảnh đạn. Làm thủ tục nhập viện thật là trần ai, nhưng rồi sau cùng chân tôi cũng được mổ gấp mảnh đạn ra. May là những y tá phục vụ bệnh viên thị xã là nhân viên thuộc chế độ cũ có cảm tình với tôi nên chân tôi được chữa trị bằng các loại thuốc tốt trong kho còn lại. Một thời gian ngắn sau các vết thương đều lành.   
Chuyện buôn bán của Mai chỉ dễ dàng trong mấy tháng đầu, sau đó thì đâu vào đó. Chính quyền cộng sản ngày càng siết chặt gọng kềm, Mai không còn chạy hàng như mong muốn và ngày càng mất vốn. Hôm nay bị bắt hàng hóa, ngày mai hàng hóa bị phạt, bị tịch thu, cuộc sống cứ chồng chất bao nỗi lo âu. Rồi đến ngày thăm nuôi, mẹ của Mai phải khăn gói đi thăm chồng. Chuẩn bị chu đáo lắm cũng mất cả tuần lễ, nào làm đơn đi chứng thị thực từ thôn xóm lên đến xã phường, rồi làm lương khô. Những chuyến đi này bà mang đi cả một "gia tài" của gia đình. Trong một chuyến đi thăm, bà xin phép chồng để tổ chức đám cưới cho tôi và Mai.   
Một hôm mẹ của Mai đi rồi, các em đều đi ngủ sớm, tôi và Mai kề đầu vào nhau nói chuyện tương lai. Nếu cuộc sống chỉ là những ước mơ đẹp dành cho lứa đôi thì vui thú biết bao. Tôi đề nghị sau khi làm đám cưới hai đứa sẽ về nhà mẹ tôi, nhưng Mai thở dài:   
- Em khó rứt khỏi căn nhà này mà đi được. Vì em đang gánh vác trọng trách của cả gia đình.   
Tôi an ủi:   
- Trên ấy anh chỉ còn mẹ già, cưới nhau rồi em cứ ở dưới này lo cho gia đình mạ và các em. Em chạy đi chạy về cũng được.   
- Bây giờ chưa vô tròng thì nói vậy, chứ hữu sự rồi khó lắm đấy anh.   
- Em cứ nghĩ quẩn hoài. Mình thương yêu nhau tùy hoàn cảnh mà sống.   
Bổng nhiên không hiểu bị bức xúc thế nào, Mai nói:   
- Thôi, trên anh nghĩ cưới em về để làm cột trụ cho gia đình anh?   
- Em đừng nghĩ thế. Nếu em nghĩ có sự lạm dụng hay lợi dụng nhau thì nên dứt khoát nhau là tốt hơn.   
- Tùy anh.   
Nghe hai tiếng "tùy anh", tôi choáng váng cả mặt mày. Như bị tạt một gáo nước lạnh vào mặt mình, tôi giận hờn trách móc:   
- Trong tình yêu mà em nói "tùy anh" thì anh sẽ tự giải quyết đấy. Em nghĩ sao?   
- Sao cũng được.   
Tự ái nổi dậy, tôi cầm hai chiếc nạng trên tay, đứng lên nói:   
- Kể từ nay coi như anh và em thực sự chia tay nhau. Anh không bao giờ về dưới này nữa.   
Mai im lặng. Chẳng nói và cũng chẳng có một hành động nào. Tôi càng tự ái, chống nạng ra về. Vừa đi nhưng tôi hy vọng Mai sẽ gọi giật lại, có lẽ mọi sự sẽ "lành lại" ngay. Nhưng cuộc tình đến đó đã thực sự sang trang. Tôi về lại nhà mẹ tôi, lòng đầy phiền muộn. Bao nhiêu mộng đẹp chỉ trong phút chốc tan biến theo mây khói. Từ đó tôi ở luôn trong nhà, không buồn lên tiếng với ai, kể cả mẹ tôi.   
Bấy giờ tôi sống trong bầu "trời" thù hận. Thù tất cả mọi người. Hận đủ thứ. Tôi muốn quên mình, quên tất cả. Nhiều khi ý nghĩ tự tử lại đến với tôi nhưng bị dập tắt ngay khi nghĩ về mẹ. "Tự tử là hèn mạt". Thế vào những thời gian trống rỗng vô vị đó là cuộc sống lang bạc. Tôi la cà hết nhà người thân này đến nhà người thân nọ để nhậu nhẹt, chén thù chén tạc. Không ai nỡ xua đuổi tôi vì thương hại. Từ đó tôi sống lang thang, không bờ bến, ít khi về nhà. Mẹ tôi trông thấy thân thể tôi ngày càng tiều tụy, vàng vọt, bà khóc thương cho số kiếp bất hạnh của con và năn nỉ tôi trở về với bà.   
Mẹ của Mai hay chuyện cũng phiền trách Mai ghê gớm, nhưng trong lúc tuyệt vọng Mai cũng không tìm lời giải thích. Hai chúng tôi mất liên lạc với nhau trong hơn một tháng. Mẹ tôi và mẹ Mai nhờ biết bao nhiêu người lớn đến khuyên răn thắt lại tơ duyên đôi lứa, nhưng không cách chi được. Có lẽ vì vết thương lòng tôi quá lớn để có thể làm lành vết thương tình. Khó kết vá lại được. Có lần mẹ tôi về tận dưới quê nội tôi ở Tịnh An, mời một số tôn trưởng cao niên, chức sắc trong dòng tộc, nói chuyện với tôi, may đâu thuyết phục được tôi để tôi tĩnh táo mà định hướng lại cuộc đời. Những lời vàng ngọc đó vẫn còn văng vẳng trong tôi: "Cháu hãy tự đứng bằng đôi chân của chính mình. Đứng không phải bằng chân thật hay chân giả mà bằng ý chí của mình. Không ai sống giùm cháu cả. Hãy suy nghĩ cho kỹ mà sống. Con người hơn nhau ở ý chí và nhân cách". Lời nói đó hâm lại bầu máu nóng trong tôi từ lâu tắt ngấm.   
Dòng máu của người lính dù, đã từng "đi mây về gió", đã từng sống hùng không hề sợ chết. Bất giác mấy câu thơ thời sinh viên tranh đấu về lại trí nhớ tôi. "Bao giờ còn sắn phơi khô, còn lang xắt lát thì còn đấu tranh. Làm người phải sống ngang tàng, quyết không chết nhục đầu hàng khó khăn". Từ đó tôi trở nên tỉnh táo, bỏ hẳn cả rượu chè và quyết định đi tìm cho mình một chỗ đứng bằng cách lìa xa quê hương, một khung trời đầy rẫy hình ảnh, kỷ niệm thân thương. Mẹ tôi bây giờ chỉ sống cho con, tôi là nguồn an ủi, là động lực của bà nên bà chìu theo ý tôi. Một buổi tiệc chia tay đơn sơ, âm thầm, lặng lẽ của vài người thân chí cốt. Lòng ai cũng chừng lại. Mẹ tôi không cầm được nước mắt khi phải rời xa quê hương, xa nơi chôn nhau cắt rốn trong tuổi về chiều. Tôi quyết định không cho gia đình Mai hay biết chuyến đi này, tự ái tôi quá lớn. Tôi nghĩ làm trai mà không lo được cho mình thì còn ai nễ phục, thế là hai mẹ còn tôi đi vào Sài Gòn. Tôi không mơ mộng cao xa, chấp nhận mọi khó khăn miễn sao tìm được cho mình một chỗ đứng bình thường.   
Ở đất Sài Gòn này vấn đề thuê nhà không khó lắm, vào trong các khu lao động hỏi vài nơi là tìm được một chỗ ở ưng ý ngay. Cuộc sống tại Sài Gòn cũng rất khó khăn nên nhà nào có dư một căn phòng nhỏ sẵn sàng cho thuê. Lúc đầu tôi xay bột cho mẹ gói bánh bán dạo, ban đêm tôi nhận dạy kèm cho vài em nhỏ trong xóm. Cuộc sống bình dị, êm đềm trôi qua, mặc cảm những ngày tháng cũ cũng được nguôi ngoay. Sau nhiều năm cực nhọc, sức khỏe mẹ tôi ngày một yếu dần. Tôi không để mẹ tôi đi bán bánh nữa, tôi đi bán báo dạo. Sống ở cái xứ hai mùa nắng mưa, cái nghề bán báo thật là nghiệt ngã. Có những hôm bán không được ôm cả chồng báo về nhà, lòng tôi mềm như cọng thung. Tôi nẩy ra một ý nghĩ: phải đổi nghề. Nghề gì tôi chưa biết nhưng phải đổi nghề. Tôi không thể đi bán báo suốt đời được. Tuổi đời ngày chồng chất, nạng gỗ cũng hao mòn dần theo từng vết chân. Một hôm sau khi đi dạy kèm về, thấy mặt tôi có vẻ buồn buồn mẹ tôi hỏi:   
- Con có điều gì bất an sao có vẻ "dàu dàu" vậy?   
- Dạ, con muốn kiếm việc khác làm, chứ bán báo phiêu lưu quá, vả lại không thích hợp với chân con chút nào.   
- Này con, hồi chiều có bà bên Hội Thánh (Tin Lành) nói với mẹ là con bị tật nguyền nhưng có chữ nghĩa. Vậy con đến Hội Thánh đọc kinh thánh cho một số con cái Chúa bị khiếm thị, đến tháng họ trả thù lao cho.   
Tôi nghe lấy làm mừng lắm vì đỡ phải vận động bằng chân. Thế là tôi có thêm một nghề mới: đọc kinh thánh cho những người mù nghe. Công việc mới này an ủi cuộc sống của tôi vô cùng vì dầu sao tôi cũng còn may mắn, tuy què cụt nhưng tôi còn đủ tai mắt để nghe nhìn. Tôi vẫn hạnh phúc hơn những người này nhiều. Nhất là khi đọc lời kinh câu thánh, tôi khám phá một triết lý sống mới. Chẳng hạn trong Mathiơ 7:13-14 "Hãy vào cửa hẹp, vì cửa rộng và đường khoảng khoái dẫn đến sự hư mất, kẻ vào đó cũng nhiều. Song cửa hẹp và đường chật dẫn đến sự sống, kẻ kiếm được thì ít".   
Bây giờ tôi yêu cuộc sống hơn. Tôi không đòi hỏi họ phải trả cho tôi là bao nhiêu tiền. Tôi muốn tự nguyện dâng hiến một chút công, một chút hiểu biết cho những người bất hạnh này, nhưng họ vẫn thiết tha yêu cuộc sống. Tôi lại thích làm một cái gì hơn nữa để có thật nhiều tiền, không những lo cho mẹ tôi mà còn lo cho những người bất hạnh khác, những con người cần được an ủi, cần được đem yêu thương nhiều hơn.   
Trong suốt thời gian bán báo dạo, tôi cũng thu nhận được một vài "đệ tử", đó là những em bé mồ côi, không nhà không cửa. Các em đó thiều tình thương và sự đùm bọc. Thỉnh thoảng tôi dẫn một vài em về nhà cho tắm rữa và ăn uống, rồi cho ngủ luôn trong nhà để sáng hôm sau cùng tôi đi bán báo tiếp. Từ ngày tôi ngưng đi bán báo, các em đó như thiếu một người cha. Nhiều hôm trời sập tối các em đến nhà thăm hai mẹ con tôi, tất cả đều được cho tắm rửa sạch sẻ và ăn uống no nê. Nhưng mẹ tôi ngày càng già yếu, bệnh ho ngày càng nặng, nhất là những khi trời trở lạnh về đêm như đêm qua, hơn nữa lợi tức của tôi ngày càng eo hẹp, tôi không thể lưu giữ các em mãi trong nhà. Mỗi khi để các em ra lại đường phố, lòng tôi se lại. Tội nghiệp "trẻ không cha như nhà không nóc", tôi phải tìm một việc gì khá hơn để nuôi những em nhỏ này.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 54**

Sáng nay sau khi hồi tưởng lại chặng đường đi qua, tôi quyết định đi tìm việc làm mới. Tôi rón rén "cà thọt" đến giường mẹ tôi, nhìn bà yên giấc tôi thật yên lòng. Có lẽ đêm qua khó ngủ nên sáng nay bà ngủ mê mệt. Cầm vội chiếc mũ bạc màu và chiếc nạng gỗ, tôi lặng lẻ mở cửa chống nạng "lộc cộc" ra đi. Mấy ngày nay tôi cứ đi đi về về, chưa đâu vào đâu cả. Nhưng sáng nay tôi có linh cảm sẽ gặp điều lành.   
Đúng vậy. Theo một địa chỉ mà người bạn phế binh vừa cho tôi hôm qua, tôi đến gặp ông chủ. Đây là một gara sửa xe hơi, vừa mở thêm một chỗ rửa xe đang tuyển người. Sau một hồi hỏi han, ông chủ nhận tôi làm việc, tôi phụ trách rửa xe. Công việc tuy có vất vả nhưng không làm tôi nản lòng vì có đồng lương cố định. Tôi làm việc từ sáng tinh mơ cho đến tối mờ mới về. Đời sống tôi thật bình yên. Mỗi tối thứ ba, thứ năm và thứ bảy dạy kèm. Mỗi tối thứ hai, thứ tư, thứ sáu và sáng chủ nhật đọc kinh thánh cho người mù. Tôi nghĩ là phải lo cho mẹ thật đầy đủ để bù lại những ngày tháng khổ cực đã qua và có thể nuôi vài em bé mồ côi, không nhà không cửa. Từ đây không những tôi cho chúng ăn no, mặc ấm mà còn cho chúng học chữ nữa. Hình ảnh cao thượng của tôi làm động lòng biết bao gia đình giàu có trong xóm, làm se lòng những chức sắc phường khóm nhưng họ để tôi yên vì tôi có dạy kèm con cái họ học thêm buổi tối. Các nhà truyền giáo cũng phải khâm phục con người "tàn mà không phế", có con tim thực sự sống này. Thật là hạnh phúc.   
Tôi làm cho gara anh Bảy, tên chủ nhân, gần bốn năm nay. Mọi chuyện đều êm xuôi, tình giữa tôi và anh Bảy ngày thêm đậm đà vì anh Bảy cũng có một người em tốt nghiệp trường sĩ quan Thủ Đức, cùng khóa với tôi, tử trận năm 1973 tại Chương Thiện. Một buổi chiều kia, mây đen vần vũ, cơn mưa ập xuống dữ dội. Ngay lúc ấy, một chiếc Mercedès Benz E230 cáu cạnh từ đường cái quẹo ào vào gara cạnh chỗ tôi ngồi, một người đàn bà vừa là tài xế vừa là chủ xe bước xuống một cách vội vã vì sợ mưa tạt ướt.   
Tôi sửng sốt cả người, phải cố trấn tỉnh nếu không miệng tôi đã thốt lên tên Mai. Mai chẳng nhìn ai, tiến thẳng đến quầy quản lý làm phiếu rửa xe và thay nhớt. Tôi âm thầm theo dõi mọi động tác của Mai. Đã 18 năm rồi, tôi không gặp lại Mai, thật ra thì tôi đã quên hẳn Mai cùng mối tình đầu. Cuộc sống quá khó khăn khiến tôi không còn nghĩ đền chuyện lập gia đình với ai. Nhìn lại Mai, vẫn trẻ đẹp lại còn giàu sang quí phái nữa, tôi cảm thấy thật buồn tủi. Cơn mưa cũng bắt đầu tạnh, Mai cầm biên lai bước vội ra cổng gọi chiếc taxi. Mai đi rồi, tôi ngồi trầm tư với trăm ngàn ray rức. Người mình yêu trước kia nay ngoài tầm với, Mai xa xôi quá. Tại sao ông trời không để tôi yên?   
Thấy tôi ngồi thừ lừ, trầm tư khác với thường nhật, anh Bảy thân mật gọi:   
- Này Thiện, sao chú như người mất hồn vậy? Sáng mai 6 giờ chú có nhiệm vụ làm chiếc xe Mercedès mới vào đó nghen.   
Tôi vội mỉm cười, gật đầu hỏi:   
- Dạ, mấy giờ mình phải giao lại cho khách hả anh Bảy?   
- 4 giờ chiều.   
Cuộc đời giống như một tấn tuồng trên sân khấu, nó diễn biến không ngừng. Ông bà ta xưa kia có câu: "sông có khúc, người có lúc", ai biết được cuộc đời mình sẽ như thế nào? Que sere sera, bài hát thân thuộc vẫn văng vẵng bên tai mỗi khi suy nghĩ về cuộc đời. Tôi không thể nào tưởng tượng gặp lại Mai ở đất Sài Gòn này, nhất là trong hoàn cảnh này. Cuộc tình đã đi vào quên lãng, nào ngờ giờ đây nó sùống dậy trong tôi. Bao kỷ niệm ngày nào tự nhiên trào dâng lên như ngọn sóng triều. Tôi tự an ủi: "Biết đâu người ta đã có chồng con, hơi đâu nghĩ hoài cho mệt". Hơn nữa Mai giàu đẹp như thế kia chắc phải có một người chồng rất xứng đáng. Thôi quên đi!   
Chiều xuống, người đàn bà ấy đến trên một chiếc taxi, thật lộng lẫy trong chiếc rốp tây phương. Mai đến nói gì với ông Bảy tôi không biết, tôi chỉ nghe ông Bảy gọi:   
- Thiện ơi, vào đây có chút việc.   
Tôi mon men lộc cộc đi vào, tim hồi hộp, cơ hồ muốn rớt ra ngoài. Mai nhìn tôi, môi mím lại, xúc động như muốn khóc:   
- Anh Thiện!   
- Mai! Em vào đây bao giờ? - Tôi bỡ ngỡ nhìn Mai, giả vờ như rất bình tĩnh nhưng lời nói nghẹn lại.   
- Lâu rồi. Em và mạ ở đường 3 tháng 2.   
Tôi vội vàng xin phép ông chủ mời Mai đến quầy giải khát. Đã hơn 18 năm rồi, biết bao chuyện đổi, sao dời. Mặc cảm của tôi từ chiều hôm qua đến hôm nay bỗng biến đâu mất, nỗi giận hờn ngày xưa cũng đi đâu vắng mặt. Tôi có cảm tưởng như sống lại thời còn sinh viên. Hai chúng tôi dồn dập hỏi chuyện nhau.   
- Ba bây giờ ra sao rồi em?   
- Ông được tha về năm 1988, ở nhà bồi dưỡng một thời gian rồi được đi theo diện HO sang định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1990 cùng với Hoài Nhân (em trai Mai).   
- Hoài Trâm, Hoài Hương (hai em gái Mai) thế nào?   
- Hoài Hương lấy chồng, có con không được đi. Hoài Trâm bị chết trong chuyến vượt biên năm 1982. Mạ không chịu đi nên em phải ở lại với mạ. Ba và Nhân viết thư về bảo em tìm anh và cho ổng biết tin tức, địa chỉ của anh.   
- Chồng em đâu, sao không thấy đến?   
Mai nhìn tôi bẻn lẻn như thời còn yêu nhau.   
- Chồng con nào? Em vẫn vậy thôi. Trái tim hóa thạch rồi kể từ dạo ấy.   
Tôi cảm thấy thật an ủi, rồi hỏi:   
- À, hồi nãy em nói gì với ông Bảy mà ổng gọi anh đó?   
- Em thấy ổng ghi tên anh trong phiếu, người trách nhiệm thay nhớt và rửa xe. Em liền hỏi ổng có biết ai tên họ như anh không, vì em cố tình đi tìm anh suốt bao năm nay. Em cũng sợ có người mang trùng tên họ với anh thì quê chết. Không ngờ trời cao có mắt. À, bác gái vẫn khỏe chứ anh?   
- Bà già yếu lắm rồi.   
- Anh cho em xin địa chỉ để em đến thăm bác gái.   
Hai chúng tôi chia tay nhau. Trong tiệm rửa xe mọi người ùa nhau xúm lại hỏi tôi đủ cả:   
- Bồ anh khi xưa hay bà con Việt kiều về thăm nước đó?   
- Người đồng hương đấy.   
Hôm nay tôi cảm thấy rộn ràng, một cái gì vui reo hát trong lòng, tôi như người vừa tìm được một vật quí giá đã đánh mất. Về đến nhà tôi liền thổ lộ việc mẹ con Mai đã vào sống ở Sài Gòn cho mẹ tôi biết. Bà mừng rỡ hỏi tôi đủ thứ tin tức về gia đình Mai. Rồi mẹ tôi cũng dò hỏi tôi về việc tình yêu của tôi và Mai, nhưng nghĩ sao tôi nói:   
- Con nghĩ là hai đứa con không thể lấy nhau được, vì ý hướng lập gia đình của con đã tắt từ lúc con bỏ vào Nam. Vả lại với Mai bây giờ lại quá giàu có, hố ngăn cách giữa hai gia đình quá sâu mẹ ạ.   
- Nhưng nếu Mai thật lòng yêu của con thì con nghĩ sao?   
- Con đã dứt khoát. Bây giờ cũng đã có mười hai đứa "con" (trẻ mồ côi) rồi. Bây giờ con chỉ ước mong xây một nhà lớn hơn cho chúng và những người già cả neo đơn có nơi an dưỡng.   
Mẹ tôi buồn cho cuộc tình của tôi nhưng cũng mừng với những ý hướng khác đời của con mình.   
Qua trưa hôm sau khi về nhà ăn trưa, tôi thấy một bầy trẻ con bu lại thật đông trước cửa. Bọn trẻ ngỡ Mai là một bà Việt kiều mới về thăm nhà nên tò mò đến xem. Thấy tôi vừa đến cửa, bọn trẻ la lên:   
- Thầy đi làm về, thôi đi chơi bọn bay ơi!   
Bước vào nhà tôi thấy nào trái cây, nào quà gói của Mai bày la liệt trên bàn. Tôi quên là mình đang sống trong cảnh nghèo khó, lên mặt với Mai như thời còn trẻ:   
- Em bày đặt quá, mua gì nhiều quá vậy.   
Mai cười:   
- Chút quà gọi là cho vui mà anh.   
-   
Chúng tôi quên hẳn thời gian, chuyện trò như thuở ngày xưa còn đi học. Mẹ tôi mỉm cười, kín đáo bỏ vào nhà trong để hai chúng tôi trò chuyện.   
- À, hôm nào anh lên thăm bác gái và xin địa chỉ bác trai để viết thư thăm Hoài Nhân nữa. Nó là học trò cưng của anh mà.   
- Nhân nó nhắc đến anh hoài, sang năm nó ra trường và sẽ về thăm Việt Nam đấy.   
Một thời gian sau, mẹ tôi bước ra giục tôi rửa ráy và mời Mai ăn cơm trưa luôn thể. Bà nói:   
- Chẳng mấy khi bác mời cháu ở lại ăn cơm trưa với mẹ con bác cho vui.   
- Dạ, cho con khi khác, con phải về kẻo mạ con trông cơm nữa.   
Khi Mai đã về rồi, mẹ tôi góp ý:   
- Mẹ trông con Mai nó không quên con được nên nó xinh đẹp như vậy, giàu có như vậy mà chẳng chịu lập gia đình với ai. Con thấy không?   
Tôi đang suy nghĩ mông lung, không nghe câu hỏi của mẹ tôi. Bà phải hỏi lại:   
- Con nghĩ thế nào?   
- Con nghĩ kỹ lắm rồi mẹ ạ. Lập gia đình với Mai chỉ làm khổ Mai thôi mẹ ạ. Để Mai lập gia đình với người khác, lành lặng hơn, Mai mới có hạnh phúc. Còn con, con còn gì để cho Mai. Thân thể con không còn nguyên vẹn, hình thù biến dạng, mặc cảm này khó tẩy rửa hết được. Người ta sẽ nhìn Mai như thế nào khi đi bên cạnh con, một người què quặt.   
Biết là không thể nào lay chuyển ý chí của tôi, mẹ tôi cười an ủi:   
- Tùy con định liệu vậy.   
Một buổi chiều chủ nhật, như đã hẹn, tôi thuê xe đến nhà của Mai trên đường 3 tháng2. Một căn nhà rộng lớn vừa là nhà ở vừa là một cửa hàng bán đồ điện tử, gian hàng thật lớn ngoài sức tưởng tượng của tôi. Tôi có đi ngang ngôi nhà này nhiều lần khi còn đi bán báo dạo, nhưng nó không to đẹp như ngày hôm nay. Trông thấy tôi, Mai đon đả chạy ra tiếp đón. Mẹ Mai đang xem tivi ở phòng trong, nghe tiếng con gái phát biểu ồn ào phía ngoài, cũng chạy ra xem. Ôi, mừng mừng tủi tủi. Bao xúc cảm hiện lên trên gương mặt của mỗi người. Bà cụ có vẻ gầy và già hơn trước, tóc đã bạc trắng có lẽ vì tuổi già và nhớ chồng con. Sau vài câu thăm hỏi qua loa, bà liền hỏi một câu để dò lòng tôi:   
- Sao con chưa chịu lập gia đình cho mẹ con có cháu nội?   
- Dạ, con đâu còn lành lặn như một thanh niên bình thường mà nghĩ đến chuyện gia đình.   
Con chỉ sợ không mang lại hạnh phúc mà còn làm khổ cho người vợ sau này thôi.   
Không chú ý tới lời giải thích của tôi, bà bâng quơ nói một câu như bắt cho tôi một cái thang để leo:   
- Chẳng hiểu sao, con Mai nó cũng chẳng chịu lập gia đình. Năm nay bốn mươi mấy rồi chứ còn trẻ trung gì đâu. Bao nhiêu là người, là chỗ đàng hoàng mà nó đều gạt ra ngoài cả.   
Trước tấm thịnh tình của bà, tôi chỉ biết im lặng. Một sự im lặng kính nễ sự chung tình, chung thủy của một người phụ nữ có một không hai này, vừa giàu có vừa xinh đẹp đã cố tình dành trọn cuôc đời cho tôi. Hai tuần lễ sau, tôi nhận được hai cánh thư từ Mỹ gởi về, một của ba Mai và một của Hoài Nhân, em Mai. Đại ý cả hai đều nhất trí tán thành việc hôn nhân của tôi và Mai, nhất là thư của Hoài Nhân có gởi kèm tặng tôi bức chân dung mẹ Mai, đằng sau ảnh có ghi:   
Mẹ đứng trông con trong nắng chiều vòi vọi.   
Vợ thương chồng, ngồi lật lịch giữa đêm khuya.   
Nhà trống giờ đây buồn khắc khoải.   
Còn gì đâu, ngoài nỗi nhớ thương nhau!   
Hoài Nhân viết: "Em gởi cho anh tấm hình của Mạ, trong cuộc đời anh cũng đã một lần gọi bà là Mạ rồi, phải không Anh? Năm nay thì bà đã già lắm rồi. Hết khóc vì nhớ ba, nay thì lại khóc nỗi nhớ con, thì làm sao trẻ được? Lần em về, những lúc hai Mạ con nói chuyện với nhau, khi nhắc đến tên Anh, bà chỉ chép miệng thở dài và nói: Không biết nó sống chết ra sao trong nớ (nhắc lại lúc bà còn ở ngoài Trung, tôi đã vào Sài Gòn)".   
Cuộc đời tưởng êm xuôi, hạnh phúc đang mơn trớn trở về. Ai ngờ bất hạnh lại phủ xuống đời tôi. Trời đất sụp đổ khi mẹ tôi qua đời. Trong một đêm kinh hoàng, bà lăn lộn với cơn ho, tôi vội vàng kêu xích lô chở bà vào Bệnh Viện Gia Định. Cũng may tôi mang theo sẵn tiền nên được người ta đưa ngay mẹ tôi vào phòng cấp cứu. Nhưng hỡi ơi, cơn bệnh quá trầm trọng, bà tắt thở vài giờ sau đó. Phổi bà quá nhiều nước. Bệnh này có thể chữa được nếu được điều trị sớm nhưng tôi nghèo quá chỉ có thể mua thuốc cho bà uống cầm chừng. Phải làm gì đây? Nổi đau xót chưa làm tôi tĩnh táo để định đoạt mọi việc. Tôi chắp hai bàn tay, nhìn lên trời cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin đừng bỏ con bơ vơ trên cõi đời này. Xin Chúa thương xót linh hồn mẹ con".   
Cầu nguyện xong, tôi cảm thấy tâm hồn thư thái và tự trấn an: "Chết! Con đường này ai cũng phải một lần đi qua. Một ngày nào đó tôi cũng phải chết, tôi phải cố sống sao hữu ích cho đời. Hãy nhìn thẳng vào tương lai trước mắt mà đi".   
Trong lúc lòng đầy phiền muộn, tôi đi gọi điện thoại cho Mai. Hay tin đột ngột, Mai khóc nức nở bên kia đầu dây. Lần này chính tôi lại an ủi Mai mới lạ. Mai yêu thương mẹ tôi không kém gì tôi thương yêu mẹ tôi. Những ngày sau, tất cả đều tập trung cho sự tiễn đưa linh cữu mẹ tôi về nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi mua được miếng đất nhỏ trong nghĩa trang gần cầu Bình Triệu.   
Điều làm tôi xúc động có lẽ là nhiều hội đoàn thiện nguyện xã hội, các vị đại diện tôn giáo, các trẻ em mồ côi, câm điếc, khiếm thị, đã đến đưa linh cữu mẹ tôi về nơi chín suối, nhất là mười hai đứa "con" của tôi đều có mặt đông đủ đưa tiễn bà "nội" của chúng trong niềm thương tiếc vô biên. Tôi trả hiếu cho mẹ tôi bằng cái diễm phúc ấy vì tôi chỉ sống bằng trái tim. Tôi xin anh Bảy cho tôi nghỉ vài ngày để lo phần mộ cho mẹ tôi. Tôi chỉ đủ tiền mua cho bà một tấm bia, còn phần mộ sẽ chờ dịp khác.   
Tối nay, khi đứng trước đám học trò "mồ côi" của mình, tôi đọc cho chúng nghe bài Mồ côi của nhà thơ Thanh Tịnh diễn tả chung tâm trạng của thầy lẫn trò:   
Năm xưa tôi còn bé,   
Mẹ tôi đã qua đời.   
Lần đầu tiên tôi hiểu   
Thân phận trẻ mồ côi.   
Quanh tôi ai cũng khóc,   
Yên lặng tôi sầu thôi.   
Để dòng nước mắt chảy,   
Là bớt khổ đi rồi.   
Từ nay thôi hết thấy,   
Trên trán mẹ hôn con.   
Những khi con phải đòn   
Đau lòng mẹ biết mấy?   
Kìa nhà ai sung sướng,   
Mẹ con vỗ về nhau.   
Tìm mẹ con không thấy,   
Khi buồn biết trốn đâu?   
Hoàng hôn phủ trên mộ,   
Chuông chùa nhẹ rơi rơi.   
Tôi thấy tôi mất mẹ,   
Là mất cả bầu trời.   
Ai nấy đều bùi ngùi thương cảm, cả đám đều khóc vì đó cũng là hoàn cảnh nghiệt ngã của từng đứa nơi đây.   
Buổi học chấm dứt không ai học thêm được một chữ nào. Tôi nhìn chúng lòng thật ngổn ngang. Trước kia chúng được mẹ tôi chăm sóc, nay đứa nào sẽ thay thế bà chăm sóc những đứa nhỏ hơn. Rồi cũng giải quyết được. Mấy đứa "con" của tôi, đứa lớn nhất gần 15 tuổi tên Dũng, đứa nhỏ nhất 3 tuổi rưỡi tên Mi. Tôi có tám đứa con trai và bốn con gái. Dũng rất dễ thương, từ ngày mẹ tôi mất nó thay tôi chăm sóc các "em" của nó.   
Mỗi ngày tôi đưa cho nó tiền chợ, tự nó quyết định mua đồ ăn thức uống trong ngày. Cũng đỡ là ban ngày chúng chia nhau đi lượm bao ny lông, bán báo, bán vé số ở các chợ, tiền thu được sau khi giữ lại phần vốn chúng đưa cho tôi cất, tôi dùng số tiền đó đưa cho Dũng chi tiêu trong "gia đình". Mi vì nhỏ nhất nên được giao nhiệm vụ giữ nhà. Tôi cũng bớt một gánh nặng. Ngày trước khi mẹ tôi còn sống, Dũng điều động các "em" giúp mẹ tôi lau dọn nhà cửa và nấu cơm. Tôi chỉ có nhiệm vụ phụ thêm tiền chợ và mua sách vở cho chúng học hành. Đời sống cũng tạm thời ổn định.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 55**

Về phần Mai, sự qua lại giữa chúng tôi ngày càng thường hơn. Những chiều cuối tuần, Mai thường đến ăn cơm chung với "gia đình" chúng tôi, thỉnh thoảng thuê xe chở các cháu đi ra Vũng Tàu hay lên Thủ Đức cắm trại chơi một ngày. Các cháu thì một mực lễ phép, vâng dạ "côMai". Tình cảm của Mai dành cho tôi vẫn mực nồng nàn nhưng không đi hơn, và tôi cũng vậy. Nhiều khi tôi thấy Mai muốn đặt thẳng vấn đề với tôi nhưng là thân gái, Mai ngại ngùng rồi nói những chuyện bâng quơ cốt ý để cho tôi hiểu chẳng hạn như "Mạ cứ bảo em không thể ở vậy sống một mình được", hay có lần vì sự cố buộc Mai phải đi khám bác sĩ (phụ khoa), bác sĩ phát hiện Mai bị vô sinh. "Ý hướng lập gia đình của em từ ấy cũng không còn tha thiết nữa", Mai nhìn tôi buồn bã.   
Hôm nhận được một số tiền của bác sĩ Phan Minh Hiển từ bên Pháp gởi cho, tôi nhờ Mai mua cho tôi một chiếc đồng hồ treo tường để kỷ niệm và cũng để nhắc nhở với tôi: thì giờ là vàng bạc. Số tiền còn lại, tôi nhờ Mai mua giùm tất cả sách vở cần thiết cho bầy con mồ côi. Việc này khiến Mai càng nễ phục tôi hơn. Tôi không như người khác trong cơn thiếu thốn chỉ mơ ước, ham mê những thứ phục vụ riêng cho cá nhân mình, như thuốc lá, cà phê hay rượu bia... Tôi có cái nhìn khác về cuộc đời. Đời tôi đã khổ nhiều rồi, tôi không muốn thấy người khác khổ hơn tôi. Tôi hướng tất cả cho tha nhân, kể ra cũng khó vì cũng là con người ai không muốn thụ hưởng một vài tiện nghi vật chất, trong khi chính tôi cũng thiếu thốn rất nhiều và hơn nữa còn bị mất mát thật lớn.   
Có đến gần nhau mới thấy nhau rõ hơn. Từ đó Mai nhìn tôi như một thần tượng, quí trọng tôi hơn cả tình yêu đôi lứa đời thường. Có lần Mai đề nghị bỏ tiền ra xây mộ cho mẹ tôi, nhưng tôi khéo léo từ chối, Mai cũng không đề cập tới nữa. Thỉnh thoảng Mai khéo léo đưa tiền cho Dũng mua sắm thức ăn cho các em bằng cách đề nghị sẽ đến nhà tôi ăn cơm. Những bữa ăn như vậy, gia đình thật đầm ấm. Rồi đến kỳ lãnh lương, tôi kêu thợ đến xây dựng cho mẹ tôi một mộ bia thật tươm tất, có lộng cả hình bà nữa. Nhân lúc thấy tôi vui vẻ sau bữa cơm chiều, mấy đứa con đều ra ngoài hẻm chơi đùa với các em cùng xóm, Mai hỏi:   
- Gặp lại anh khá lâu rồi nhưng em vẫn không biết anh có hoài vọng gì ở tương lai?   
Mắt nhìn xa xăm, tôi nói vào khoảng hư vô:   
- Anh ước ao, mơ mộng thì nhiều lắm, nhưng không phải cho bản thân anh mà cho những trẻ em mồ côi, những kẻ tật nguyền, những người kém may mắn. Nếu xoa dịu được phần nào nỗi đau thường ngày của họ, anh rất vui sướng và hạnh phúc.   
Câu trả lời không đi thẳng vào "vấn đề" này càng làm Mai nóng nảy.   
- Em muốn hỏi trong tương lai anh có nghĩ gì về chuyện lập gia đình không?   
- Lập gia đình à? - tôi nhìn Mai ngượng ngùng. Anh không còn nghĩ tới. Từ khi xa em, tình yêu anh dành cho em vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng anh không dám mơ tưởng đến nữa. Thân anh què quặt, phải nhìn vào thực tế.   
Thấy nét mặt của Mai không mấy hài lòng, tôi đánh trống lãng:   
- Thôi mình quên chuyện đó đi. Có một điều anh muốn nói với em là tình yêu anh dành cho em đã biến thành một tình yêu khác. Đó là các em mồ côi, anh rất vui sướng khi thấy chúng có nơi ăn chốn ở, được học hành. Anh xem chúng là con của mình, khi một đứa bị đau, anh tận tình chăm sóc nó và cùứ nghĩ đó là con của hai đứa mình, thế là hạnh phúc lắm rồi.   
Nghe xong, Mai cảm động nói:   
- Lòng nhân nơi con người quí hơn lòng từ thiện, nhưng ở anh có cả hai. Em càng quí anh hơn.   
- Thật ra anh cũng không xứng đáng gì. Vì không thể yêu em bằng tình yêu bình thường, anh hướng về tình yêu tha nhân. Trong thời gian xa vắng em, anh dành trọn tình yêu cho các em nhỏ này.   
Nghe tôi nói vậy, Mai nhìn tôi mạnh dạn:   
- Em rất vui sướng cùng anh, chúng ta chung lưng đấu sức hàn gắn, kết vá những nỗi đau của những trẻ em mồ côi bất hạnh đầy rẫy trên mảnh đất thân yêu này và những người cơ cực khốn cùng khác.   
Tôi nhìn Mai xúc động, Mai cũng có một trái tim lớn như tôi. Tôi sung sướng ôm Mai vào lòng, hôn lên má một nụ hôn thật nồng nàn. Tôi ngây ngất một hồi rồi mỉm cười nhìn Mai lập lại một câu danh ngôn bất hủ của một nhà văn Pháp - Yêu là cùng nhau đi trên con đường và cùng nhau nhìn về một hướng.   
Mai vui sướng nhìn tôi, đọc khe khẻ mấy câu thơ đã thuộc từ lúc còn đi học:   
- Trái tim ngừng trong một lúc vô biên. Thời gian hết, đất trời không có nữa... Em lúc ấy nhìn anh như lệ ứa. Êm ái như trong gió có mùi hương. Trong mắt anh, em tưởng thấy thiên đường. Ôi hạnh phúc! Em gục đầu nhắm mắt...   
Hai tháng sau, đám cưới của chúng tôi được tổ chức thật tưng bừng, trong không khí nửa Á, nửa Âu. Ba và em Mai bên kia nửa quả địa cầu cũng vội vàng tranh thủ bay về vui mừng cho cuộc hôn nhân "độc nhất vô nhị" này. Có thể nói là một "thiên tình sử" vì cuộc tình kéo dài từ thời học trò cho đến lúc tôi và Mai đã trên 40 tuổi, cái tuổi mà người ta gọi là "tứ thập như bất hoặt". Đúng là một phần tư thế kỷ còn gì? Số người tham dự gồm đủ thành phần trong xã hội. Đây là một cơ hội cho các em mồ côi, những người tàn tật bạn tôi được mặc quần áo đẹp nhất (tôi và Mai sắm cho) vì từ lâu rồi tất cả chưa bao giờ được ăn mặc đẹp như thế này, nằm mơ cũng không thể thấy được.   
Trước khi lên đường về lại Hoa Kỳ, ba Mai muốn gặp riêng tôi và Mai. Ông đi thẳng vào vấn đề:   
- Bây giờ ba muốn biết ý hướng làm ăn, kinh doanh của hai con. Nếu được ba sẽ giup đỡ.   
Tôi còn rụt rè chưa dám nói ý định của mình vì sợ ông không hợp ý hay phật lòng, Mai dành lời:   
- Thưa ba, ảnh sẽ phụ bán hàng điện tử với con là đủ rồi. Nhưng có một chuyện chúng con cũng muốn nhờ ba phụ giúp cho một tay mới mong thành tựu được nhưng sợ nói ra ba không tán thành.   
Ông cười dễ dãi và nói:   
- Tụi con cứ thật lòng. Nhưng mọi việc phải hợp đạo lý ở đời mới bền được các con ạ.   
Nghe tới đạo lý, tôi liền vui vẻ trình bày:   
- Thưa ba, chúng con có một ý nguyện muốn giúp những trẻ em mồ côi, không nhà, không cửa, những người tứ cố vô thân, bị hất ra ngoài lề xã hội bằng ý định xây một căn nhà tình thương.   
Ngẫm nghĩ một hồi, ông mới chợt hiểu ra:   
- Hèn chi trong đám cưới, ngoài những khách bình thường ba còn thấy đủ mọi thành phần: trẻ mồ côi, người già cả, kẻ tàn tật...   
Ông mỉm cười nói tiếp:   
- Thật tình trong lòng ba cũng có ý định giúp người nghèo khó từ lâu, nhưng ở Hoa Kỳ ba chỉ có thể cúng chùa tạ ơn Trời Phật đã độ cho gia đình mình. Bây giờ nghe hai con có ý định tốt như vậy, ba rất hoan nghênh và vui sướng cộng tác với hai con. Phải nói là "tư tưởng lớn thường gặp nhau" là vậy. Mọi chuyện ba đặt tin tưởng ở hai con, ba chỉ có khả năng vận động bên ngoài và ủng hộ về mặt tài chánh mà thôi.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 56**

Sau khi đưa tiễn chồng và con trai về lại Hoa Kỳ, trong bữa cơm chiều mẹ Mai thuật lại cho con gái và con rể nghe những lời tâm sự của chồng:   
- Anh thật hài lòng và mãn nguyện vì có được thằng rể ngoài sức mình mong muốn. Nó không những là một người có nhân cách mà còn đôn hậu, đạo đức và nhất là có lòng yêu thương người khác hơn bản thân mình. Điều đó khó có lắm. Cuộc đời này rồi cũng qua đi thôi em ạ, chẳng còn gì và cũng chẳng mang theo được gì. Hãy giúp các con mình ra sức giúp đời, giúp xã hội trong cơn khốn khó với khả năng mình. Ấy chính là lúc mình thật sự được hạnh phúc. Em ở nhà cũng nên gắng sức phụ họa với các con được phần nào hay phần ấy.   
Bà rất mừng vì tất cả đều trùng hợp, lòng thành tâm nguyện như nhau. Nét nhân hậu thể hiện ngay trên gương mặt của bà. Không phải vì lời khuyên của chồng mà trong cuộc sống thường nhật, bà cũng thường hay làm việc thiện, giúp đỡ người nghèo. Và, kể từ nay bà còn có thêm lý do để giúp những người tàn tật, đặc biệt là thương phế binh, những người như con rể mình đã hy sinh một phần thân thể cho hạnh phúc và sự bình an của chính gia đình bà và những người khác.   
Về phần tôi, tôi đi đi về về giữa hai nhà cũ và mới, nhưng trên thực tế tôi đã dọn về nhà của Mai và để lại căn nhà cũ cho các "con" tôi ở. Tôi cũng xin nghỉ làm ở gara anh Bảy và giới thiệu một anh phế binh khác thay tôi vào chỗ rửa xe. "Thằng con" lớn của tôi, Dũng, bây giờ trông lớn hẳn, có lẽ sớm lăn lóc với đời, nó có vẻ "già đời" hơn những bạn đồng lứa. Nhiều lúc tôi phải ngạc nhiên về những dự tính và chọn lựa của nó cho các em.   
Dũng kiếm được một việc làm ở lò bánh mì, nó đi làm từ sáng sớm trưa về nhà ngủ rồi buổi tối thay tôi dạy kèm các em nhỏ. Mấy đứa "con gái" lớn cũng ngoan, bây giờ nét đẹp tự nhiên đã trở lại trên gương mặt. Chúng không muốn đi lượm bao ny lông hay bán vé số dạo nữa, tôi đã giới thiệu chúng đi học may ở một vài cơ sở tư nhân để có một nghề. Cũng may là lúc này hàng gia công nhiều nên chúng cũng có một đồng lương nho nhỏ gọi là, tôi cũng đỡ lo. Lúc này thành phố đang phát triển một cách cuồng vọng, những thú vui vật chất và xác thịt cám dỗ trẻ vị thanh niên rất nhiều, tôi rất lo nhưng nhờ có "anh hai" Dũng, các em rất sợ và nghe lời anh vì không thể giấu giếm hay qua mặt được.   
Tôi dành gần như toàn bộ thì giờ cho những dự tính của mình, nào là nghiên cứu mặt bằng, địa điểm xây dựng, giá cả đất đai, vật liệu xây dựng, lương nhân công, v.v... Với công trình đơn giản nhưng đầy đủ tiện nghi do các kiến trúc sư là bạn bè thiết kế giúp đỡ: khu nhà sẽ lợp ngói đỏ, chung quanh có hàng rào và được trồng cây để gây bóng mát, bên trong có nhà ăn, nhà ngủ, nhà vệ sinh, phòng tắm, nhà bếp, khu giải trí có tivi, đầu máy chiếu phim ảnh, phòng đọc sách. Đặc biệt là một dãy phòng học, mỗi phòng được trang bị tủ bàn ghế sẽ do các anh em phế binh đóng cho các em học tập. Thêm vào đó là một khu vườn trồng trái cây, một ước mơ mà tôi ôm ấp lúc còn là một đứa trẻ ở Quảng Ngãi. Gia đình các anh em phế binh sẵn sàng tham gia vào lực lượng xây cất, các chị vợ hứa sẽ đến ủng hộ nấu cơm trưa. Còn Mai thì phụ trách liên lạc với các nhà thầu cung cấp vật liệu và đã được nhiều giá phải chăng.   
Theo dự trù, mặt bằng là một miếng đất rộng cạnh bờ sông ở cầu Bình Triệu. Trước đây là một hãng cưa xuất khẩu nhỏ nhưng hết nguyên vật liệu đã đóng cửa từ lâu. Chúng tôi cũng sợ người ngoại quốc, nhất là Hoa kiều, vào Việt Nam mua đất rất nhiều, nhưng nơi đây xa các vùng thị tứ và trục lộ giao thông và hơn nữa xưởng cưa này nằm trên một bãi lầy nên giá đất cũng tương đối rẻ vì ít ai để ý. Gọi là rẻ nhưng rất đắt đối với chúng tôi, người ta tính giá đất bằng vàng. Về điểm này, gia đình Mai tận tình giúp đỡ và lo các thủ tục giấy tờ.   
Nhìn các bản thảo, công trình xây cất bày la liệt trên bàn, lòng tôi tràn ngập niềm vui. Tôi âu yếm nhìn Mai:   
- Em học sư phạm nên anh xây trường cho em dạy học đó.   
Mai cũng lém lĩnh đối lại ngay:   
- Anh học chính trị kinh doanh nên lập dịch vụ tình thương chứ gì?   
- Ờ, anh kinh doanh tình thương đấy.   
- Cả hai cùng cười sung sướng.   
\* \* \*   
Cuộc đời tôi đến đó tưởng như đang trên thiên đường hạnh phúc ở trần gian, nhưng có ai học được chữ ngờ. Tai ương vẫn rình rập để vồ dập tôi. Không biết ai đã tố cáo tôi là thành phần cựu sĩ quan "ngụy" trốn học tập vào Sài Gòn, đang có "âm mưu liên lạc với các phần tử phản động nước ngoài lập cơ sở chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa".   
Một buổi chiều thật bình thường, hai chiếc xe chở đầy công an đậu trước cửa nhà của Mai trên đường 3 tháng 2, chận các cửa ra vào. Một tốp đứng chận ngoài cửa, một tốp khác vào xét hỏi khách đến mua hàng điện tử, mẹ của Mai và hai vợ chồng tôi, tốp còn lại đi thẳng vào nhà trong và đi lên lầu lục soát tất cả đồ đạc, tịch thu toàn bộ hồ sơ xây cất và thư từ của tôi, trong đó có các thư do ba của Mai, bác sĩ Phan Minh Hiển và các hội đoàn từ thiện hải ngoại gởi cho tôi.   
Sau bốn tháng bị biệt giam tại một địa điểm gần Tân Sơn Nhứt, tôi được thả ra và phải trình diện công an phường mỗi tuần một lần. Thỉnh thoảng đội công an chính trị PA18 đến chở tôi đến bộ tổng tham mưu cũ ở đường Huỳnh Hữu Bạt để thẩm vấn. Thật là mỏi mệt, những cuộc thẩm vấn chỉ xoay quanh vấn đề tại sao tôi được cộng đồng người Việt hải ngoại giúp đỡ và tại sao tôi có ý định xây dựng một ngôi nhà tình thương. Chế độ này không tin rằng trên đời này có lòng nhân đạo, họ nghi ngờ tất cả. Đối với họ giúp người nghèo khổ trong nước là có mục đích chính trị. Nếu không xuất phát từ chính quyền cộng sản, tất cả hoạt động từ thiện tư nhân trong nước đều là phản động. Lý luận thật đơn giản.   
Tôi thật buồn phiền. Buồn phiền vì đã làm phiền gia đình vợ tôi, mà còn làm phiền cả bạn bè, thân hữu cùng chia sẻ giấc mơ với tôi, trong đó có các ân nhân tại hải ngoại.   
Một hôm đang đạp xe thơ thẩn đi trên đường, tôi vô ý quên cột chặt chiếc chân giả nên lúc xe đổ dốc xuống cầu Tân Định, chiếc chân giả sút dây làm tôi lảo đảo. Tôi lật đật thò tay xuống chụp chiếc chân giả thì chiếc xe bị mất thăng bằng làm tôi bị té xuống đường, chiếc xích lô đằng sau lố trớn thắng không kịp cán bừa lên người tôi cùng hai hành khách ngồi trên đó, kéo tôi đi năm mười thước rồi mới dừng lại vào lề xi măng bên đường. Mọi người đều té xuống đất nhưng riêng tôi thì bị nặng hơn cả.   
Tiếng người hai bên đường và hai hành khách trên xe xích lô la lên ơi ới. Chiếc chân gỗ của tôi văng ra giữa đường. Vết thương nơi chân phải bị cưa ra máu trở lại, khúc xương từ lâu đã lành giờ làm tôi đau nhức trở lại. Hai bàn tay của tôi trầy trụa, đất cát trên đường ghim vào da rát quá. Cũng may là tôi còn tỉnh táo, dân chúng hai bên đường và hai hành khách trên xe đỡ tôi dậy và chửi mắng anh đạp xích lô, đòi kêu công an lại. Một em nhỏ lượm khúc chân gỗ mang lại cho tôi, thật là cảm động.   
Tội nghiệp anh đạp xích lô, đùi anh cũng bị chảy máu, mặt mày sợ sệt, chiếc xe của anh cũng méo mó quẹo càng, bánh xe bị cong như hình số 8. Thấy anh vội vàng chạy đến, tôi liền khoác tay nói không sao và cố gắng chống tay từ từ đứng dậy. Chính anh xích lô sau đó dìu tôi lên xe chở về nhà cùng chiếc xe đạp và Mai đã đưa tôi đi cấp cứu tại Bệnh Viện 115 gần nhà.   
Từ đó tôi ngừng mọi hoạt động và im lặng, số phận không mỉm cười với những người cùng khổ. Tôi cần một thời gian nghỉ ngơi để suy nghĩ về mình và về thân phận những từ dưới vực sâu muốn vươn lên vùng ánh sáng. Thiên đàng không có thật trong chế độ này.   
Một giấc mơ bị tan vỡ!   
Viết lại theo lời thuật của Huyền Trang,   
phế binh Dù, cụt chân phải.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 57**

Sáng tác văn nghệ của anh em thương phế binh

1. Thơ ...   
**Tưởng nhớ**Ngàn thu cách biệt sầu mong nhớ   
Tưởng đến ngôi sao sáng rực trời.   
Nào ai biết được tượng vong kiến?   
Khát vọng dân hiền ngẫn chờ mong.   
Sao Mai lấp lánh muôn ngàn vọng,   
Mờ nhạt hùng khí của ngàn xưa.   
Sao Hôm chiếu sáng tận non cao,   
Chiếu đến thuở nào người tiếp khí.   
Ngàn thu vĩnh biệt ngàn nhung nhớ,   
Nhớ thuở ban đầu vàng cánh mai.   
Rửa lon, súc rượu ồn tiếng reo   
Hùng chí nam nhi ra chiến trường.   
Sao rơi cánh rụng vùng núi thấp   
Khan tang vội chít ngày đưa tiễn   
Tưởng nhớ người xưa trên bàn thờ   
Đàn con tiếp nối trước bơ vơ.   
Diệp Tử   
Mùa xuân chết   
Bao năm khắp nẻo non sông,   
Tôi là sương gió long đong suốt đời.   
Mùa xuân khói lửa ngất trời,   
Hồn thiêng sông núi vọng về âm ba.   
Bao năm áo trận nhạt màu,   
Giờ chỉ còn lại thân tàn ngồi đây.   
Bao năm dài tám ngàn ngày,   
Mộng mơ phủ kín sông dài núi cao.   
Những mong chờ đón thanh bình,   
Gối đầu ác mộng, thức dậy giữa khuya.   
Ánh Quang   
Uẩn khúc   
Ai ra đi không mang nỗi nhớ?   
Uất nghẹn này ghi khắc lòng sâu.   
Ai hay hát bài ca cứu quốc,   
Ngựa sa trường không dễ gục đâu.   
Ai thường uẩn khúc ngày quê hương,   
Nỗi hận này quyết phải gột phai.   
Ôi cảnh đời giận tím tim gan,   
Kiếp tôi đòi gắn chặt nhân gian.   
Nơi chốn xa xăm người có biết,   
Ở đây nước mắt khó lau khô.   
Chờ mãi ngày mai không thấy tới,   
Đành cuốn theo những ngày tháng năm.   
Trường Hận   
Bạc cuộc đời   
Một mai tóc xỏa bờ vai mỏng,   
Em là gái tuổi còn ngây thơ.   
Gặp anh chiến sĩ ngàn biên ải,   
Xứng đôi hai kẻ sắc cầm duyên.   
Khả ái, lai nhi khí tương phùng,   
Hỉ xả, í ái ngộ loan phụng.   
Tương thân tương ái xây tổ ấm,   
Góp sức cơ đồ lại giang sơn.   
Nào ngờ chinh chiến lại bùng lên,   
Lòng lang dạ thú quân cướp nước.   
Sát khí ám lạnh vây quanh mình,   
Giết hại toàn dân lắm lắm thay.   
Tang thương chết chóc tràn ngập lối,   
Nàng son sắc trở thành góa phụ.   
Khăn sô tang trắng khóc thương chồng,   
Lệ sầu đổ xuống đầu con trẻ.   
Ê a khóc mẹ, mất cha rồi,   
Mộ anh xanh cỏ, con thơ ngây.   
Cô đơn thất thểu xác không hồn,   
Đà Nẵng chút tình thương tưởng tiếc.   
Anh hùng áo trận gục sa trường,   
Ngàn đời sau vẫn nhớ tên anh.   
Kiếp Bạc   
Nợ đời   
Cơm cha áo mẹ ơn thầy,   
Cả đời mắc nợ trả ngày nào xong?   
Nợ bà ủ ấm đêm đông,   
Trưa hè oi ả quạt nồng bà ru!   
Nợ ông hoa quả ngàn thu,   
Bao hương khoe sắc vi vu đất trời.   
Nợ anh bao chuyện trên đời,   
Nợ chị biết mấy những lời khuyên răn.   
Em còn nợ bạn bè quen,   
Vẩy tay hẹn gặp dù rằng gian truân.   
Em còn nợ cả thế nhân,   
Làm sao trả hết nghĩa ân trên đời?   
Thân Côi   
Vết chân tròn   
Anh lần bước vết chân tròn nghiêng bóng,   
Ánh hoàng hôn chệnh choạng dáng anh về.   
Vài tia nắng rớt rơi buồn thấp thỏm,   
Còn lại đây nạng gỗ vết chân tròn.   
Lãng Tử   
2. Nhạc …   
Ơn này xin nhớ   
Này các bạn ơi, hãy lắng nghe tôi kể câu chuyện này:   
Rằng có một người đang trên đường khai phá,   
đi tìm sự sống cho con người, bị vùi dập trong nỗi khổ đau.   
Đào Nguyên Hương   
Điệu 2/4.   
Hòa âm guitar: Am, F, Am, F, Dm, Am, F, C, F, E7, F, F, AM   
Am, DM, G, E7, F, G, Am, F, AM, F, DM, Am, F, C, E7, Am   
1. Trong những lúc gian nan,   
Anh đến gần bên kề vai chia sớt,   
Anh đến bên tôi địu dàng an ủi.   
Anh đến bên tôi trong tin yêu rực sáng,   
Anh khẽ bảo rằng:   
"Trên hành trình ta phải dũng mãnh bước đi".   
Vùng dậy bước đi hiên ngang   
Trong cuộc sống phế nhân đọa đày.   
Một lòng vững tin kiên trung   
Trên bước đường đùm bọc anh em.   
Trên bước sống xông pha, ta   
Kết chặt nhau cùng chung tâm huyết   
Khai phá cho ra, đi tìm cái sống   
Ta đến với nhau trong chí cao vùng vẫy   
Duy nhất ước nguyền ta phải được thành công.   
2. Trong những lúc thương đau,   
Anh đến gần bên tận tình ưu ái,   
Anh đến bên tôi nhiệt thành cứu giúp.   
Anh đến với tôi trong con tim rực cháy,   
Anh khẽ bảo rằng:   
Trong cuộc đời ta phải dâng hiến hy sinh.   
Vùng dậy trái tim thương yêu   
Tuôn nhựa sống thiết tha dâng tặng   
Tràn ngập đến cho anh em   
Trong cơn hoạn nạn dập vùi khổ đau.   
Trên bước sống xông pha, ta   
Kết chặt nhau cùng chung tâm huyết   
Khai phá cho ra, đi tìm cái sống   
Ta đến với nhau trong chí cao vùng vẫy   
Duy nhất ước nguyền ta phải được thành nhân.   
Đào Nguyên Hương   
**3. Vọng cổ** …   
Buồn trong kỷ niệm   
(sáng tác tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, KBC 4600, ngày 15-12-1965)   
**Tao đàn:**Ông xanh sao lại khéo cơ cầu   
Tạo chi cuộc thế lắm biển dâu   
Bạn bè ly tán vì tranh chiến   
Thảm cảnh tương tàn nhục non sông.   
**Nói lối:**  
Thây Lý đã vùi sâu lòng đất Quảng   
Máu ngỡ đỏ loang quận Đức Hòa   
Cầu Tràm thuở ấy vùi bao bạn Chợ Trạm chôn rồi xác Thắng, Nu.   
**Vọng cổ:**  
Thế nhân ơi! Tôi biết tìm đâu ra bóng ngày qua trong dĩ vãng. Khi mảnh tâm tư giờ đây đã chết nghẹn ý đau... buồn. Bão tố, cuồng phong đã lịm kín linh hồn. Bốn bức tường vôi lạnh lùng nơi y viện, nào khác cỗ quan tài tang lịm kẻ phế nhân. Rảo mắt nhìn gian phòng rồi nhìn lại xác thân. Ôi, còn đâu nữa mảnh hình hài, nửa thân mình trả nợ cho ai kia? Nửa mảnh còn đây như gói trọn cả tâm tình mai mỉa.   
Trong kỷ niệm, tôi đã khóc thương cho đám bằng hữu bạc phần vắn số. Thì nay tôi lại khóc cho một đời trai bị vùi chôn trong suối lệ muôn... đời. Hiện tại quá chua cay, dang dở cảnh khóc cười. Ngược bước không gian trở về nơi dĩ vãng, tôi thấy lòng mình càng tê tái xót xa. Kỷ niệm năm nào muôn thuở khó phôi pha dù năm tháng cố chất chồng màu quên lãng. Chiến cuộc sao bạo tàn cay đắng nỡ cướp nơi thân này phần thể xác thân yêu.   
**Nói lối:**  
Thế nhân hỡi, đừng mỉa mai đời trai thời chinh chiến   
Trắng công danh và trắng cả chuyện ân tình   
Trót gởi đời mình cho kiếp chiến chinh   
Trong khói lửa mảnh hình hài không trọn ven...   
**Vọng cổ:**  
Tôi sẽ lịm kín thương yêu vào buồng tim nứt rạn và chôn lấp quảng ngày qua vào tận đáy tâm hồn. Kiếp sống ngày nay là số kiếp đoạn... trường. Bao ước vọng héo tàn theo thể xác, lối hồi hương lạc mất kể từ đây. Oán hận ai chăng? Không, tôi chỉ tiếc sao tấm thân này không được nát giữa sa trường đạn lửa để tôi mãi yên thân nơi lòng đất lạnh và khỏi phải đau đớn trong những đêm đông giá buốt lạnh lùng.   
Còn đâu dư ảnh ngày qua với những chén men cay đậm đà tình tri kỷ. Những hình ảnh cuồng loạn vui tươi đã ghi lại lòng tôi niềm nuối tiếc khôn... cùng. Tôi ngỡ buổi trùng hoan sẽ cạn chén tương phùng. Nào hay đâu chưa tàn cơn binh lửa, thể xác này đã chuốc lấy tang thương. Còn ai để thủ vai loạn tướng Sầm Hưng, đoạn thủ cấp cho Phạm Công về dâng nạp . Cũng như vĩnh viển tôi không còn diễn xuất được những vở bản ca sâu sắc trữ tình.   
Thế nhân ơi! Trong giây phút lạnh lùng tẻ ngắt, đừng bao giờ nhắc đến tên Trương. Một thể xác đã tàn phế bi thương, một kiếp sống đầy ê chề tẻ... nhạt. Đám bằng hữu năm xưa, nay kẻ còn người mất. Cuộc sinh thừa đầy chua chát đắng cay. Biết bao giờ rủ sạch nợ trần ai, hay mãi mãi kéo lê kiếp đời vô vọng. Chịu đau đớn dày vò trong kiếp sống, để buồn thương xé vụn cả tâm hồn.   
**Nói lối:**  
Thân cát bụi mong trả về cho cát bụi   
Đời gió sương hãy trả lại cho kiếp gió sương   
Ra đi lạc lối hồi hương   
Ngày về vô vọng đau buồn chứa chang.   
  
Chép lại theo trí nhớ của thương phế binh   
Phan Ngọc Trương

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 58**

Thay lời kết

Thưa quí vị ân nhân,   
Thưa quí vị trong giới truyền thông,   
Chương trình cứu trợ thương phế binh Việt Ham Cộng Hòa, phát động từ cuối 1993 đến nay đã đạt nhiều thành quả tốt. Ngoài mục đích vật chất là giúp các anh em thương phế binh bị cụt chân tay có một phương tiện di chuyển dễ dàng hơn trong việc sinh sống, chương trình còn có mục đích tinh thần là mang lại nhân phẩm cho người bất hạnh.   
Ước muốn giúp đỡ các anh em phế binh tại Việt Nam trong hoàn cảnh khó khăn tại Việt Nam đã đến với tôi từ rất lâu, nhưng mãi đến gần đây tôi mới có điều kiện thực hiện ước nguyện đó. Đời sống và danh dự của các anh em phế binh trong nước không ngừng ray rứt tâm tư của tôi khi mỗi ngày tôi cảm thấy mình đã được cuộc sống dành cho quá nhiều may mắn. Tâm trạng này, theo tôi, cũng là tâm trạng của rất nhiều người Việt Nam khác hiện đang định cư tại hải ngoại. Không ai có thể yêu quê hương đất nước mà không yêu chính đồng bào ruột thịt của mình, nhất là những người đang bị thua thiệt trong cuộc sống. Cũng như trong một gia đình, đứa con bị tàn tật càng phải được dành cho nhiều thương yêu và đùm bọc hơn nữa. Những anh em này đã hy sinh một phần thân thể của mình để bảo vệ miền Nam thân yêu cho gia đình tôi, và nhất là bản thân tôi, cũng như cho nhiều người khác có cuộc sống yên ấm trong suốt cuộc chiến vừa qua. Đền ơn đáp nghĩa những ân nhân này là bổn phận và là trách nhiệm của bất cứ ai may mắn thoát ra nguyên vẹn sau một cuộc chiến đẫm máu như cuộc chiến tranh Việt Nam.   
Ý tưởng này đã hướng dẫn tôi thành lập hội "Aide aux mutilés de guerre du Vietnam" (Hội cứu trợ những nạn nhân chiến tranh Việt Nam) hồi tháng 2 năm 1994. Với khả năng hạn hẹp của mình, tôi tự hứa sẽ gửi bằng mọi cách 100 xe lăn trong vòng hai năm cho những phế binh bị cụt hai chân tại Việt Nam. Và, chỉ sau khi thực hiện được tham vọng này, lương tâm tôi mới bớt ray rứt mỗi khi nhắc đến quê hương tổ quốc.   
Sau khi trao đổi với bạn bè và thân hữu, nhiều người nói tôi là quá lý tưởng hoặc quá liều lĩnh. Lấy tiền đâu ra để làm chuyện này, biết ai là phế binh thiệt, ai là phế binh giả, ai là phế Việt Nam Cộng Hòa, ai là phế binh cộng sản, v.v... Đối với tôi, bất cứ người tàn phế nào cũng cần được giúp đỡ, nhưng trong khả năng và điều kiện hiện có tôi chỉ có thể lập kế hoạch giúp những anh em phế binh Việt Nam Cộng Hòa trước, kế mới đến những thường dân bị thương tật vì chiến tranh. Theo con số tôi biết được, hiện có hơn 40.000 phế binh Việt Nam Cộng Hòa đang còn sống trong nước, giúp được hết những anh em này đã là chuyện đội đá vá trời rồi, do đó không thể lo toan cho những hoàn cảnh khác.   
Những tháng đầu tiên (tháng 12-1993 và tháng 1-1994), sau khi gởi tặng bốn xe lăn cho anh em phế binh bị cụt hai chân trong nước, tôi nhận được nhiều thư cảm ơn và xin giúp đỡ khác. Lời lẽ thống thiết trong các lá thư càng dục tôi tiến hành chương trình trên một qui mô rộng lớn hơn nữa vì một mình không thể cáng đáng hết. Cơ hội đã đến khi Nguyễn Văn Huy, một người bạn thân, có ý định phỏng vấn và giới thiệu chương trình cứu trợ phế binh Việt Nam Cộng Hòa trên báo Thông Luận (Paris), số tháng 5-1994. Sau đó, chính Nguyễn Văn Huy đã giới thiệu chương trình cứu trợ này đến các cơ quan truyền thông đại chúng Việt ngữ khác tại hải ngoại, từ đó chương trình được sự hưởng ứng mạnh mẽ của rất nhiều ân nhân ở khắp nơi trên thế giới, trong đó có cả cộng đồng người Việt tại Colombie, Châu Mỹ la-tinh. Kết quả đầy khích lệ này đã có được là nhờ sự tiếp tay đắc lực của rất nhiều hội đoàn thiện nguyện của người Việt tị nạn trên khắp thế giới, đặc biệt là tại Pháp, Bỉ, Canada, Hoa Kỳ và Úc. Tại mỗi nơi các hội đoàn này tự động tổ chức các buổi sinh hoạt gây quỹ để tài trợ chương trình cứu trợ thương phế binh tại quê nhà với những kết quả đầy khích lệ. Tôi xin được chia sẻ nỗi vui này với tất cả những người thiện tâm.   
Vì là một chương trình nhân đạo nên chính quyền cộng sản, tuy có làm khó dễ một số thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa, cũng không thể cản trở sự giúp đỡ này. Chính phong trào này đã gây sôi nổi ngay trong nội bộ chính quyền cộng sản tại quốc nội. Từ tháng 7-1994, chính quyền cộng sản đã tung ra một chương trình qui mô nhằm giúp đỡ những người đã vì họ mà hy sinh: gia đình thương binh, liệt sĩ, các bà mẹ cách mạng có con hy sinh trong cuộc chiến. Có những người bị bỏ quên từ hơn 30 năm qua từ thời chống Pháp, hoặc gần 20 năm qua sau 1975, bổng nhiên được chính quyền lập danh sách tặng nhà cửa, tiền bạc hay quà cáp. Các ủy ban nhân dân thành phố, đoàn thanh niên cộng sản, hội phụ nữ... đã dùng báo chí trong nước làm ồn ào chương trình và tổ chức nhiều đoàn người đích thân mang xe lăn, nạng chống và tiền bạc đến tặng cho hơn 60.000 gia đình thương binh liệt sĩ của họ. Chương trình này không có gì đáng trách, nhưng sự giúp đỡ chỉ trong vòng đai thân nhân của đảng và chính quyền cộng sản. Những "căn nhà tình nghĩa", tiền bạc và quà cáp chỉ được tặng cho những người thuộc diện gia đình cách mạng hoặc có nhiều thành tích trong cuộc chiến tranh vừa qua. Những anh em bộ đội khác, bị cụt chân tay, vì là thành phần "nghĩa vụ" thấp cổ bé miệng không có vây cánh, không được nhắc tới; họ tiếp tục sống lây lất trong cảnh lầm than thiếu thốn như những anh em phế binh miền Nam cũ. Nhiều gia đình thương binh liệt sĩ còn bị chính những người trong chính quyền, những "đồng chí" cũ, tống tiền để hồ sơ mau được chiếu cố.   
Có nhiều trường hợp, qua những lá thư chúng tôi nhận được, chính những anh em phế binh Việt Nam Cộng Hòa đã cưu mang những anh em phế binh từ chiến trường Kampuchea trở về. Họ đã đồng cam cộng khổ, chia sẻ với nhau từng niềm vui, nỗi nhục của kiếp ăn xin. Đây là những tấm gương cao cả. Trong sự đau khổ họ đã vượt lên trên sự thù hận để chia sẻ chỗ đứng bạc bẽo trong một chế độ mạnh được yếu thua. Hòa giải và hòa hợp không còn là những mỹ từ đầu môi chóp lưỡi, chính những anh em phế binh cũ đã thực hiện tinh thần hòa giải ngay trong cuộc sống, cho dù là cuộc sống nghèo hèn, với những anh em phế binh mới. Cũng xin nói thêm, trong cuộc chạy đua marathon bằng xe lăn tổ chức tại Sài Gòn hồi cuối 1994, những anh em phế binh miền Nam không thắng vì tuổi già sức yếu (đa số đã trên 40 tuổi), không tranh sức nỗi với anh em phế binh về từ Kampuchea, trẻ và khỏe mạnh hơn. Nhưng đây là một thể hiện độc đáo về tình anh em tìm lại.   
Có người hỏi tôi có giúp bộ đội cộng sản tàn phế hay không? Trước khi trả lời, tôi xin thưa là dư luận trong nước rất thông cảm thảm trạng của những người tàn phế. Trong bối cảnh một xã hội tha hóa mà sự lường gạt, chụp giựt, mạnh được yếu thua là phong cách sinh hoạt, làm sao những người bị cụt chân cụt tay, có người bị cụt cả chân lẫn tay còn thêm mù cả hai mắt, có đủ điều kiện để tranh tìm miếng sống? Do đó chỗ đứng của đại đa số anh em phế binh là hành khất và, danh dự hơn, bán nhang, bán vé số dạo. Người trong nước không phân biệt ai là phế binh thời trước, ai là phế binh thời sau khi nhìn những thân xác què cụt đang bò lết trên khắp nẽo chợ xin ăn. Giúp thương phế binh là một vấn đề nhân đạo, đã là nhân đạo thì không còn màu sắc chính trị. Trên thực tế, cho đến nay, trong hơn 10.000 đơn xin trợ cấp mà chúng tôi nhận được, chưa hồ sơ nào có xuất xứ từ quá khứ từ thành phần bộ đội cộng sản. Theo chỗ tôi biết, một là họ không biết có sự cứu trợ từ hải ngoại, hai có lẽ là do mặc cảm. Dù có xuất thân từ phía nào, đời sống của những anh em này đều tăm tối và tủi nhục.   
Nhiều người chỉ trích tôi là ngây ngô, du học lâu năm không biết sự tráo trở của người cộng sản, họ là những người có tâm địa ma giáo, tráo trở... Tôi xin thưa, thà cho lầm một phế binh giả mạo còn hơn để một phế binh thật mòn mỏi đợi chờ hay chết tức tưởi vì không tiền chữa trị, chúng ta không có quyền bức tử các thương phế binh Việt Nam Cợng Hòa lần thứ hai. Thật ra cùũng có thể có một số hồ sơ giả mạo để xin tiền trợ cấp nhưng, theo chỗ tôi biết, cho đến giờ này chúng tôi chưa gặp. Hơn nữa, những đại diện của chúng tôi trong nước, đa số là những nạn nhân của cộng sản, khi xét duyệt và gởi sang đây hồ sơ những người cần được cứu trợ, chúng tôi tin rằng đó là những hồ sơ đáng tin cậy. Mỗi hồ sơ thường có đính kèm đầy đủ chứng từ, chứng thương và hình ảnh mới nhất của người thương binh.   
Tại hải ngoại, một ân nhân muốn giúp một phế binh thường xin chúng tôi gởi trước cho họ hồ sơ và lý lịch người đó (với tất cả hình ảnh, giấy chứng thương và chứng từ) sau đó mới quyết định giúp. Có người còn mang cả hồ sơ về trong nước quan sát tận mắt rồi mới giúp, và sự giúp đỡ này thường cao hơn số tiền mà chúng tôi dự trù. Về việc trao tặng xe lăn, chính đại diện của chúng tôi trong nước, sau khi đã nhận tiền trợ cấp từ hải ngoại, đặt mua xe lăn sản xuất trong nội địa rồi đích thân mang đến tận tay người nhận, do đó khó có thể có sự "thất thoát" hay nhầm lẫn, vì người này có quyền rút lại quyết định trao tặng nếu phút chót thấy không đúng đối tượng. Về hồ sơ xin cấp tiền, chúng tôi gửi bưu phiếu đích danh người phế binh cần sự giúp đỡ, những ai mạo nhận không thể lãnh thay. Nói chung, việc xét duyệt và cấp phát có những điều kiện bắt buộc của nó, khó có thể có sự gian lận. Đây là một vấn đề kỹ thuật.   
Đời sống của những anh em phế binh như thế nào? Tôi xin mạn phép đưa ra một vài hình ảnh.   
Về trường hợp những anh em phế binh cụt hai chân, trước đây có người phải di chuyển trên hai ghế đẩu, có người phải cột hai mảnh vỏ xe hơi cũ nơi vết thương, từ sáng đến tối lê lết từ đầu đường này đến xó chợ nọ để xin ăn, tối đến trải giấy báo ở một góc nào đó trước một căn nhà để ngủ qua đêm. Họ đã chịu đói, chịu lạnh từ ngày này qua tháng nọ. Có người tìm về các nghĩa trang để ngủ. Ranh giới giữa người chết và người sống đối với họ không có gì là cách biệt, họ đã sống như những người chết trong suốt thời gian qua. Cuộc đời đã hắt hủi họ. Hai mươi hai năm qua, đối với những con người bất hạnh này, không phải là một cơn gió thoảng. Nghèo khó, đau khổ và tủi nhục đã tích tụ thành những lớp chai trong tâm khảm và trên thân thể họ. Nay đến lúc chúng ta cạy phá để nụ cười nở lại trên những vành môi khô héo, dù có muộn màng.   
Bị thương tật vì chiến tranh không phải là một tội lỗi, vậy mà họ đã sống như những tội phạm trong suốt thời gian qua. Sau ngày 30-4-1975, những anh em phế binh đang còn nằm điều trị bị đuổi ra khỏi các quân y viện. Nhiều anh em đã phải dùng lại những cuộn băng rách nát để băng bó các vết thương chưa lành, có người đã chết sau đó vì thiếu thuốc trụ sinh hay vết thương bị nhiễm độc. Trước kia, nếu có ai mạo muội ân cần thăm hỏi họ, lập tức người đó sẽ bị công an hạch hỏi, tình nghi cấu kết với "tàn dư Mỹ Ngụy". Hiện nay những con người xấu số này, mỗi khi có mặt ở đâu thì bị người ta xua đuổi đến đó, có khi còn bị đánh đập hay thóa mạ tục tằng. Người ta quên rằng chính những người mà họ đang xua đuổi đó đã bỏ một phần thân thể để cho hôm nay họ được bình yên vui sống. Thử thay đổi chỗ đứng, họ là những phế binh, liệu có đủ kiên nhẫn chịu đựng những lời thóa mạ và khinh miệt đó không?   
Trước sự bạc đãi của đồng loại, các anh em phế binh chỉ còn một cách là tương thân tương trợ lẫn nhau. Họ thường mỉa mai nhắc lại một câu phong dao xưa "lá lành đùm lá rách" nhưng chỉ thay một chữ thành "lá rách đùm lá rách". Chúng ta thử tưởng tượng trong cảnh trời mưa tầm tã, những anh em phế binh cùng nhau chia đĩa cơm thừa. Họ dùng bữa cơm chan hòa nước mưa cùng nước mắt, đó cũng là những bữa ăn thường ngày. Mặc cảm đã đưa họ đi khá xa, nhiều anh em sẵn sàng phản ứng lại những ai khinh họ ra mặt. Chúng ta nên thông cảm. Đó là ngón đòn tự vệ cuối cùng của những người không còn gì để mất.   
Cái chết có lẽ là ám ảnh mạnh nhất đối với người phế binh. Nhiều người đã viết cho tôi nói rất muốn được chết cho nhẹ gánh đời nhưng không được, họ còn mẹ già phải nuôi, đàn con thơ cần được che chỡ. Có anh nói nếu chẳng may bị chết bất tử, gia đình cũng không có tiền để mai táng. Có người muốn tự tử bằng độc dược nhưng không đủ tiền để mua và mua cũng không ai bán... Ai rồi cũng có ngày phải chết nhưng trong xã hội Á Đông, vai trò của người đàn ông trong gia đình rất là cần thiết cho dù chỉ còn là biếu tượng. Hơn nữa các anh em phế binh này phải sống để làm chứng nhân về sự tàn ác của con người đối với đồng loại.   
Có nhiều người vợ phế binh đã cật lực ngày đêm thay chồng nuôi con, đã lao lực kiệt quệ đến chết, để lại cho người chồng tàn phế một đàn con bơ vơ trước một tương lai đen tối. Có những mẹ già, không quảng nắng mưa, ngày đêm gánh gồng ra chợ mua bán nuôi con trai bị tàn tật và đàn cháu nhỏ. Nếu muốn tìm những tấm gương yêu thương và chịu đựng, thật khó ai so bì với những người đàn bà cao cả này. Cuộc sống của họ chẳng có gì là vinh quang chỉ toan là tủi nhục. Nước mắt đà chảy cho cuộc chiến vừa qua không ai đổ nhiều bằng những người mẹ này. Thêm vào đó là sự chịu đựng, họ đã chia sẻ với người con, người chồng tàn tật tất cả nỗi đau của cuộc đời. Đó là những đốm sáng trong một bức tranh đen tối.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương 59**

Không! Lương tâm không cho phép chúng ta thờ ơ trước những cảnh đời đen tối đó. Không thể để những anh em phế binh này và gia đình họ tiếp tục bị đày đọa trong tủi nhục. Giúp đỡ họ, tìm cách đưa họ ra khỏi tối tăm là bổn phận của lương tâm. Nếu chúng ta đã từng biết câu "lá lành đùm lá rách" thì những "lá rách" này cần phải đùm bọc, an ủi trước hết và nâng đỡ họ sớm tìm lại danh dự trong cuộc sống. Chúng ta không thể tiếp tục để "lá rách đùm lá rách" như họ thường mỉa mai. Chúng ta không thể tiếp tục sống một cách dửng dưng như những ngày đã qua, nhất là những Việt kiều về thăm đất nước.   
Tôi xin trích dẫn một đoạn trong thư vừa nhận được từ một phế binh: "Cái khổ của anh em chúng tôi không phải là đói lạnh, vì bản năng sống còn của con người giống như của muôn thú rất là mãnh liệt. Cái chua cay, tủi nhục là vợ chúng tôi phải đi ở đợ cho "giai cấp mới" không ra gì, con chúng tôi thất học, phải đi bới rác phụ giúp gia đình. Thảm trạng của chúng tôi, chúng tôi đã kêu trời trên 20 năm nay, nào có ai thấu? Nước mắt chúng tôi càng trào khi nhìn những Việt kiều đốt pháo cả trăm đô-la, và tiêu xài cả ngàn đô-la cho một đêm tiệc. Dường như các thế hệ sau này và các Việt kiều không còn muốn thấy những thân hình què chân, cụt tay, đui mù trên phố phường, làm ô nhiễm tầm nhìn của họ...".   
Quí ân nhân kính mến,   
Quí vị đã chia sẻ với chúng tôi chương trình cứu trợ thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa trong nước, quí vị đã dành dụm những số tiền nhỏ để làm lớn niềm vui của người bất hạnh. Quí vị đã từng đích thân về nước thăm hỏi và cứu trợ trực tiếp từng gia đình phế binh, quí vị đã nhìn tận mắt niềm vui chân thật của những con người mộc mạc, quí vị đã giúp họ những món quà quí báu. Đó là niềm vui và là niềm hãnh diện chung của người Việt Nam. Quí vị đã không quảng ngại khoảng cách, quí vị đã không hề thắc mắc về số tiền quí vị đã gởi chúng tôi khi ủng hộ chương trình. Những tấm lòng quảng đại đó không có ngôn từ và cách viết nào có thể diễn đạt đầy đủ. Tôi chỉ mượn lời của một cựu sĩ quan phế binh Việt Nam Cộng Hòa bày tỏ sự biết ơn đó:   
"...Được thư quà của ân nhân, không sao cầm được nước mắt, cổ họng nghẹn ngào. Tôi quì xuống cầu xin Thượng Đế hãy trả công vô cùng cho những ai đã làm ơn cho chúng con. Những kẻ mà ở nửa vòng trái đất, không hề quen biết con. Họ đã yêu tha nhân bằng tình thương của đấng Thượng Đế ban cho họ, họ đã chia sẻ cho con mồ hơi, công sức của họ. Xin Thượng Đế hãy nhận những đau khổ của con hôm nay và mai sau, để biến thành những hạnh phúc và may mắn trả lại cho những an nhân đó".   
Anh sĩ quan này, trong suốt 10 năm bị "cải tạo", đã bị liệt hai chân vì bị cùm quá lâu. Khi được thả về, anh đã lê lết khắp các thành phố tìm vợ tìm con, đã bị bắt lại và bị kết án 5 năm tù về tội "tình nghi làm gián điệp". Đến nay anh đã được tự do và đang hành nghề bán vé số dạo. Chiếc xe lăn do quí ân nhận tặng đang là nguồn hạnh phúc anh đã tìm được sau những năm tháng khổ đau mất tin vợ con. Đây chỉ là một trường hợp trong muôn vàn trường hợp. Còn nhiều trường hợp khác bi thảm hơn nữa. Nếu nói về nỗi khổ của những anh em thương phế binh, có lẽ phải cần nhiều quyển sách mới có thể diễn tả đầy đủ. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nói đến một chuyện mà thôi, đó là tìm cách xoa dịu những nỗi đau của những con người khốn khổ nhưng oai hùng này.   
Hiện nay, dù ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, chúng ta đều mang ơn các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Đặc biệt là những anh em thương phế binh, họ là những chiến sĩ bảo vệ tự do và dân chủ cho miền Nam chẳng may bị mất một phần thân thể. Họ là những anh hùng cần được tuyên dương cho dù cuộc chiến đã tàn và bị các cấp chỉ huy hay đồng đội cũ bỏ rơi. Họ đã đối đầu với hiểm nguy trên chiến trường, đã anh dũng chiến đấu với kẻ thù, gương can đảm này cần phải vinh quang. Bất hạnh cho họ là đã dẫm phải một trái mìn hay lãnh một mảnh đạn pháo vào thân thể, tuy không chết nhưng tàn tật suốt đời: cụt chân, cụt tay, mù, điếc, điên hay bại liệt toàn thân... Giúp họ tìm lại niềm vui trong cuộc sống là trách nhiệm của những người còn may mắn như chúng ta. Nếu không đủ khả năng tài chánh quí vị cũng có thể giúp bằng cách viết thư an ủi họ, chúng tôi sẵn sàng cung cấp địa chỉ những người khát khao tình người, vì đối với họ mỗi lá thư thăm hỏi là một nguồn sinh lực mới giúp họ vượt lên mặc cảm bị bỏ rơi.   
Tuy chưa biết nhau, nhưng chúng ta đã mến nhau và đang gặp nhau tại một điểm hẹn: xoa dịu nỗi đau của người khốn khó và thắp sáng tương lai đất nước. Chúng ta đang góp phần xây dựng hạnh phúc chung của dân tộc bằng hơi nóng tình người. Chúng ta phải hãnh diện và ngẩn cao đầu cùng với loài người. Tôi xin thay mặt một số anh em phế binh gởi đến quí vị đã tham gia chương trình cứu trợ lời cảm ơn chân thành, và cũng xin quí vị miễn thứ cho những người bị cụt chân, cụt tay và đui mù không thể viết thư cảm ơn và thăm hỏi, vì một lá thư gởi ra ngoại quốc trị giá bằng 4 ký gạo hay nhiều ngày ăn xin. Khi nhận một chiếc xe lăn hay một cặp nạng, người phế binh chỉ biết cảm ơn Trời Phật đã chiếu cố tới họ, vì bản thân họ chẳng có gì có thể đền đáp ơn cao cả đó của quí vị, kể cả tiền để gởi một lá thư, nhất là gia đình những anh em phế binh sống trong vùng thôn quê bị cơn bão Linda vừa qua tàn phá những mái nhà lá vốn đã xiêu vẹo.   
Quí ân nhân kính mến,   
Quí vị cùng chúng tôi đã đem lại một phần an ủi đến với các phế binh tại quê nhà. Chúng ta đã mang hết thiện chí và nhiệt tâm thực hiện một nguyện ước là giúp đỡ thương phế binh cụt hai chân. Chương trình đã gặp sự hưởng ứng nhiệt tình của quí vị ân nhân, chúng tôi bước thêm một bước nữa là giúp đỡ những thương binh bị cụt một chân và đui mù hai mắt và mất cả tứ chi, và sau cùng là giúp những đồng bào thiểu số mắc bệnh cùi hủi và trẻ em mồ côi tàn tật. Nói về thành quả, chúng ta đã có những thành quả tốt: hơn hai triệu quan Pháp cho năm ngàn hồ sơ (đó là thành quả của sáu hội đoàn: Hội Huynh Đệ Chi Binh và Tổng Hội Cựu Sĩ Quan Thủ Đức - Nam Định ở San José (Mỹ) hai hội ở Canada, một hội ở ĨÚc và Hội Cứu Trợ Người Tàn Phế Vì Chiến Tranh do tôi thành lập). Nhưng không vì vậy mà chúng ta tự cho phép mình được an nhiên.   
Quí vị đã đến với chúng tôi từ lúc khởi đầu, chúng ta đã cùng đi một đoạn đường khá dài, nhân dịp này tôi khẩn khoảng xin quí ân nhân hãy tiếp tay đi với chúng tôi cho hết đoạn đường còn lại.   
Hiện nay còn rất nhiều hồ sơ chưa được giải quyết, và hồ sơ nào cũng cấp bách. Nhiều hồ sơ gia đình tổ phụ, quả phụ, cô nhi tử sĩ hay thương binh nhẹ đang chờ được ánh sáng tình thương rọi chiếu. Cho đến nay họ chưa được sự chiếu cố qui mô nào, mặc dù sự đau đớn và khổ cực không kém các thương phế binh. Quí vị hãy vận động vòng đai thân hữu, rộng lượng đỡ đầu nhận thêm vài hồ sơ nữa tùy theo khả năng: 30 USD cho một phế binh cụt một chân, 60 USD cho một phế binh cụt hai chân.   
Những số tiền vừa nói có thể là nhỏ đối với một số Việt kiều tại hải ngoại nhưng đó là những món quà lớn cho những người đang thiếu thốn trong nước. Chúng ta cố gắng dành dụm tiền tiêu xài giải trí, cúng bái nhà chùa và nhà thờ (các hình tượng thờ đâu có biết đói), vận động vòng đai thân hữu tham gia chương trình. Hồ sơ của từng phế binh sẽ được gởi thẳng đến quí vị bằng đường bưu điện nếu được yêu cầu. Khi nhận hồ sơ, quí vị có thể liên lạc hoặc gởi thẳng cho người phế binh cần được giúp đỡ. Cầu xin Đức Phật Thích Ca cùng Chúa Giê Su phù hộ gia đình quí vị.   
Trước khi ngừng bút, tôi xin đưa một đề nghị cùng với quí vị là chúng ta thử suy nghĩ và trao đổi chọn ngày 1 tháng 6 mỗi năm làm Ngày Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa vì người cộng sản có ngày thương binh của họ. Sở dĩ tôi đề chọn ngày này vì nó dễ nhớ và là dịp trước khi nghỉ hè, những ai về nước thăm gia đình có thể mang tiền về tặng và thăm hỏi các phế binh trong nước. Tại hải ngoại, vào dịp này, các hội đoàn hay cá nhân quí vị ân nhân có thể tổ chức các buổi sinh hoạt gây quỹ một cách dễ dàng vì không trùng hợp với các dịp lễ lạc khác. Rất mong được đón nhận những ý kiến khác.   
Thay lời cuối, tôi xin nhường lời cho đại diện phế binh Việt Nam Cộng Hòa cám ơn quí vị.

**Nguyễn Văn Huy - Phan Minh Hiển**

Những Mảnh Đời Rách Nát

**Chương Kết**

Đôi lời tâm sự của một phế binh

Nhân dịp Xuân Kỹ Mão, tôi viết tâm thư này gửi đến quí vị ân nhân cầu chúc muôn vạn ân báo đã chia sẻ nỗi bất hạnh của tập thể anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa nói riêng và những người tàn tật vì chiến tranh Việt Nam nói chung.   
Xuân đi xuân lại về. Muôn hoa đua nở đón chào mừng xuân. Hai mươi hai tiết xuân đã đi qua, đó là tuổi trưởng thành của một đời người. Đối với những người bất hạnh, tàn tật tại quê nhà, đó cũng là tuổi trưởng thành của chai đá và tủi hờn. Xuân đến hay xuân đi, đối với các anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa, đó chỉ là tiếp nối những chuỗi ngày lãnh lẻo, đói rách và bạc đãi. Chúng tôi vẫn tiếp tục lê lết tấm thân tàn phế đi khắp nẻo đường buôn nhang, bán vé số hay xin ăn qua ngày. Lạnh lẽo và đói khát là hai kẻ thù luôn dằn vặt thân xác. Nhưng sự đau khổ của xác thịt không thấm gì so với sự hành hạ tinh thần của "những người anh em phía bên kia", họ xem chúng tôi là thành phần cặn bã của xã hội cần phải xóa bỏ, và sự xa lánh của đồng bào trong nước, sợ bị liên lụy với những "tàn dư của Mỹ ngụy" hay bị chụp vào đầu chiếc mũ "phản động", công việc làm ăn sẽ khó khăn hơn.   
May mắn cho vài ngàn anh em thương phế binh hiện còn lây lất. Từ năm năm qua phong trào cứu trợ thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa trong nước đã mang đến cho anh em chúng tôi nhiều nguồn an ủi. Đặc biệt xuân năm nay, trong lòng chúng tôi chớm nở những nụ hoa hy vọng, niềm vui tưởng đâu vùi sâu trong quên lãng nay đang trở về rào rạt, bát ngát phấn hương. Những vành môi khô héo tưởng đâu câm nín nay đã phá vỡ lớp da bọc cứng để toát ra nụ cười hạnh phúc. Tinh thần đùm bọc của kiều bào hải ngoại đã ban cho chúng tôi nguồn sống mới. Sức mạnh thiêng liêng của tình người, ôi thật vô cùng.   
Xin thay mặt các chi hội phế binh ở khắp miền Nam, từ thành phố đến thôn quê, từ vùng đồng bằng đến miền rừng sâu nước độc, từ khu xóm lao động nghèo khổ đến vùng kinh tế mới xa xôi, tôi xin chân thành cám ơn quí ân nhân Việt kiều hải ngoại đã quan tâm đến thảm cảnh của anh em thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa nói chung và của tôi nói riêng. Dù được ít hay được nhiều, chúng tôi đều cảm thấy quá sung sướng. Không phải vì được nếm lại những vị ngon ngọt của trái dưa hấu, mít, soài hay mua tặng cho con cháu một bộ đồ mặc Tết để chúng nó không mặc cảm đối với bạn bè đồng lứa, mà là, thưa quí vị ân nhân, nhận được món quà tinh thần quí giá nhất cho khoảng đời còn lại: sự hy sinh của chúng tôi không còn vô nghĩa nữa.   
Quả vậy, chiếc áo trận đã bạc màu gió sương và đang ngụp lặng trong nước mắt và tủi nhục suốt 23 năm qua. Cứ tưởng chừng các thế hệ sau chiến tranh và Việt kiều về thăm nước không còn muốn thấy những người già nua tàn tật như chúng tôi làm ô nhiễm cảnh quan và cuộc sống của họ. Cô đơn trước sự lãnh đạm của mọi người, cảm tưởng bị lường gạt và bỏ rơi sau cuộc chiến có lẽ là nỗi cực hình hằng ngày chúng tôi chịu đựng. Không gì tủi nhục cho bằng phải lê lết tấm thân tàn tật van lạy mọi người để được bố thí miếng cơm manh áo, đó là chưa kể nỗi lo thường trực bị công an, dân quân hạch hỏi bắt đi lao động cải tạo vì tội vô gia cư, vô nghề nghiệp, ngủ bụi ngủ bờ.   
Nhiều lúc chúng tôi muốn chết đi để trút gánh nặng trong đời, khỏi thấy tình người đen bạc. Những tấm thân què cụt này không có chỗ đứng trong xã hội hiện nay vì không còn lợi ích cho ai, chỉ làm tình làm tội vợ con. Thật là đau lòng khi phải chứng kiến cảnh vợ con đi làm thuê làm mướn cho "giai cấp giàu có mới" nuôi chồng, nuôi cha bị tật nguyền. Nếu thân thể chúng tôi được lành lặn như mọi người có lẽ chúng tôi đã có một chỗ đứng khác, chỗ đứng của những người bình thường. Con cái không được đi học đi hành như bao trẻ khác vì cha của chúng tàn tật không đủ sức lo nên phải đi lượm từng bao ny lông, giấy vụng nơi các đống rác để đổi miếng ăn. Cuộc đời này chỉ toàn tủi nhục, chết có lẽ là một giải thoát. Thời gian đã làm cho chúng tôi mất đi hy vọng.   
Chúng tôi đã lầm. Xin thành thật nhận lỗi. Mặc cảm đã đóng vảy trên lớp da sần sùi tưởng đâu dạn dầy với sương gió, nào ngờ lần này những giọt tình thương đã thấm vào, không những xuyên qua cơ thể mà còn chảy vào con tim, thay đổi cả cuộc đời chúng tôi. Ánh nắng từ phương xa ngàn dặm đã rọi sáng cuộc đời tăm tối của những người bất hạnh trong nước. Phong trào cứu trợ thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa đã ngăn chặn kịp thời tuyệt vọng. Những người đang bơi trong bễ khổ trần gian, sắp bị lửa địa ngục thiêu rụi, đã nhận được những chiếc phao cấp cứu. Thật là đúng lúc. Chúng tôi đang bám vào đó với tất cả niềm tin để tìm lại cuộc sống danh dự cho những chuỗi ngày còn lại của kiếp sống bãc bẽo này.   
Quí vị giàu lòng hảo tâm ơi, ơn này không sao diễn tả hết. Ngay người phế binh mù lòa cũng thấy rực rỡ ánh sáng tình thương. Những chiếc xe lăn, ôi những chiếc xe lăn thân quí đang tải đi khắp nơi tình thương của quí vị. Trong những giấc mơ điên rồ nhất, chúng tôi không bao giờ dám mơ tưởng một ngày có được chiếc xe lăn.   
Quà tặng của quí vị đã thay đổi hẳn kiếp sống của anh em phế binh chúng tôi. Có thể một ngày nào đó thân thể chúng tôi cũng sẽ trở về với cát bụi, nhưng các thế hệ con cháu chúng tôi sẽ còn nhắc mãi tên tuổi quí vị ân nhân. Lớp sơn khắc ghi tên ân nhân trên xe có thể sẽ bị phai mờ theo bụi thời gian nhưng trong tâm khảm chúng tôi tên của quí ân nhân trường tồn mãi mãi. Chúng tôi nâng niu từng cặp nạng, trân trọng từng chiếc xe lăn, nhờ chúng mà những phế binh chúng tôi có thể đi lại dễ dàng, thân thể không còn lê lết trong những vũng sình trong chợ hay ngoài đường phố, nhân phẩm đã được tìm lại. Có anh phế binh mỗi đêm tâm sự với chiếc xe lăn trước đi ngủ để vơi đi nỗi cô đơn, nhọc nhằng trong ngày. Cảm ơn, chân thành cảm ơn.   
Mừng biết bao khi những món quà hiện kim đến thật đúng lúc. Con em chúng tôi đang lâm bệnh không tiền cứu chữa, nhờ quí ân nhân đã được hồi sinh. Quí vị như là cha mẹ của chúng vậy vì chúng được tái sinh trong tình người. Sức mạnh vô song của tình người không sao kể siết, không biết chừng nào ơn này mới đền đáp được. Phật Tiên đã hóa thân thành người.   
Đối với chúng tôi quí ân nhân là Phật là Tiên, đã ra tay cứu độ những người khốn khổ trên miền đất khó Việt Nam. Làm sao tin được trên đời này vẫn còn những người nhân từ đến thế? Không có liên hệ gia đình, không quen biết nhau mà tận tâm giúp đỡ nhau như tình ruột thịt. Chỉ Tiên và Phật mới có thể làm được việc này.   
Quí vị là ai? Chúng tôi không biết. Cho dù cố gắng lắm, nặn óc mài tâm, cũng không sao biết được. Chúng ta không có liên hệ máu mủ ruột thịt, chúng ta cũng chưa lần nào gặp nhau trong đời, vậy mà quí vị đã giúp chúng tôi hơn tình ruột thịt. Chúng tôi chỉ chia sẻ cùng quí vị dòng máu Việt Nam, dòng máu đã chảy ra cho quê hương này được sống. Có lẽ quí vị đã thương yêu chúng tôi vì đã yêu thương đất nước này.   
Hai chữ Việt Nam sao quá thiêng liêng. Nhà báo Nguyễn Văn Huy thường nói, yêu thương đất nước trước hết phải yêu đồng bào thương dân tộc. Lời nói tuy tầm thường nhưng đầy sức mạnh, chứa chan tình người, chúng tôi vô cùng cảm kích. Đồng bào là ai, dân tộc là ai nếu không phải những người đang bị thua thiệt trong cuộc sống, rất cần sự bao che đùm bọc của quí vị. Anh nói quí vị đang giành trên tay những người lãnh đạo đất nước hiện nay quyền chăm lo đồng bào, nghĩa cử này vừa đẹp vừa hào hùng. Thật vậy, những người trong chế độ cộng sản chỉ lo củng cố và bảo vệ chế độ cộng sản, đời sống những người khốn khó hoàn toàn bị bỏ rơi. Những người tàn tật xuất thân từ chế độ cũ như chúng tôi không những bị bỏ rơi mà còn bị hành hạ, cả về thể xác lẫn tinh thần.   
Chúng ta đã thua sức mạnh của bạo lực nhưng chúng ta sẽ thắng trên mặt trận tình thương, chúng tôi tin chắc như vậy bởi vì đất nước này đang thiếu tình thương, con người nơi đây đối xử với nhau tệ bạc vô cùng. Không riêng gì chúng tôi những người đã thua trận, mà ngay cả những người đứng dưới màu cờ "giải phóng" chẳng may bị thương tật hay già cả đều bị đối xử bạc bẽo. Nhiều lúc nhìn những "bà mẹ chiến sĩ" có mấy người con trai bị hy sinh trong cuộc chiến bị chính những người đã từng hô hào "giải phóng" hất hủi họ, chúng tôi cũng tiếc thương giùm.   
Nói sao cho vừa nỗi khổ của những người bị lường gạt xương máu của cả hai bên. Ác quả ác báo, món nợ này có ngày phải trả. Nỗi hận này đang dâng cao, chỉ chờ một sự đổi đời sẽ bộc phát như cơn bão bất trị, chính những người đã từng tham gia "cách mạng" chứ không phải chúng tôi sẽ có lời nói cuối cùng, chắc chắn nó sẽ không câm lặng và hiền hòa như chúng tôi, nỗi hờn bị gạt ra ngoài sự sống không bao giờ lịm tắt.   
Chiến dịch đền ơn đáp nghĩa do chế độ hiện nay phát động cũng chỉ quanh quẩn nơi những người cầm quyền. Thử đi về vùng quê mà xem, những bà mẹ, những vị cha già, đàn con cháu "cách mạng" đau đớn và căm hận đến chừng nào chế độ này. Một anh bạn miền Bắc đang "tị nạn" trong nghĩa địa Phú Lâm nói cuộc nổi dậy sau này nếu có sẽ tanh mùi máu, máu của những người phản bội. Không nỗi đau nào bằng nỗi đau bị lường gạt cuộc sống và xương máu.   
Riêng chúng tôi, những thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa, nỗi đau bị đày đọa cũng đã nguôi ngoa theo những tháng năm, chúng tôi chỉ muốn được sống bình thường. Chúng tôi không phải là ân nhân của quí vị để mong đền ơn đáp nghĩa như bác sĩ Phan Minh Hiển thường nói, mà ngược lại. Chính hơi ấm từ những tấm lòng vàng ở hải ngoại đã giúp chúng tôi tìm lại nhân phẩm. Con cái chúng tôi đã thấy được tương lai, chúng tôi đang sống trong hy vọng. Niềm hy vọng được hồi sinh từ những hoang tàn và đổ nát.   
Có thể quí vị là một người mẹ có con hy sinh trong cuộc chiến, người vợ có chồng, người con có cha, người em có anh hay người anh có em và bạn bè từng là chiến sĩ đã tham gia cuộc chiến vừa qua, bất kể quí vị là ai, đến với anh em chúng tôi bằng tình cảm nào, chúng tôi đều ghi lòng tạc dạ.   
Cầu xin Trời Phật biến nỗi đau thương của chúng con thành ân phúc đền đáp những người có lòng nhân ái cứu giúp chúng con. Họ đã kéo chúng con ra khỏi tối tăm nhục nhằn đến chốn ánh sáng bao dung và danh dự. Chúng con chỉ biết cầu nguyện, mặc dù từ lâu lắm rồi đã mất thói quen cầu nguyện, cho gia đình những người đã cứu độ đời chúng con luôn luôn an khang, thái hòa. Quí ân nhân của chúng con là những người kiên trinh, chung thủy với quê hương và dân tộc, đã không quên phế binh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, những người đã hy sinh một phần thân thể còn sống sót sau cuộc chiến.   
Cầu mong Trời Phật đền đáp xứng đáng ân đức của quí ân nhân chúng con, vì họ là ngọn đuốc soi sáng quê hương này đang chìm trong bóng tối. Toàn thể những người bất hạnh, trong đó có anh em phế binh chúng con ở quê nhà, đang chờ bầu trời sáng lại sau cơn mưa. Đó là định luật của thiên nhiên, của đấng tạo hóa. Không phải ai muốn mà được. Giờ đây ngọn gió tình thương đang thổi vào đất nước này, tin rằng bầu trời Việt Nam trong sáng trở lại.   
Ở hải ngoại quí ân nhân cố gắng tìm gặp những chí lớn trong hành trình tìm sức sống mới cho quê hương, cho dân tộc. Nơi quê nhà những người cùng khổ chúng tôi, giới người đông đảo nhất Việt Nam, sẽ làm hậu thuẫn. Quí ân nhân hãy can đảm đi thêm bước nữa, góp phần viết lên trang sử mới, trang sử của tự do và nhân quyền, trong đó Việt Nam sẽ là quốc gia của tình anh em tìm lại. Chúng tôi mong tìm lại danh dự, đòi lại những gì đã bị tướt đoạt: quyền được sống bình thường và bình đẳng như mọi công dân khác, quyền được sống hạnh phúc và quyền được tôn trọng.   
Cách đây không lâu tôi có hân hạnh tiếp chuyện với hai người Việt từ Pháp về thăm đất nước. Cả hai đều nói bác sĩ Phan Minh Hiển là một người tuy còn trẻ, 42 tuổi, nhưng có tinh thần phục vụ xã hội rất cao. Bác sĩ Hiển đã dành phần lớn thì giờ cho những công tác xã hội hơn là lo cho bản thân, gia đình. Gương sáng này khiến anh em chúng tôi rất kính phục và tâm nguyện chúc bác sĩ thành công trong bước đi đó. Xã hội và chính trị gắn liền với nhau như trái tim và hơi thở. Cổ nhân nói: "Hổ thác lưu bì, nhân thác lưu danh". Xin kính tặng bác sĩ bài thơ:   
Chờ mong   
Tượng đá đứng im khóc cho đời   
Dân Nam tâm trí nát tơi bời.   
Cơ trời vận nước đang thay đổi   
Quốc gia ngày ấy đã xa rồi.   
Người xa có hiểu hãy ra tay   
Cứu đời, cứu đạo bồi công sức.   
Giúp người cơ khổ chút cầm hơi,   
Ơn này ghi dạ mãi không thôi.   
  
Qua lá thư này, tôi muốn quí ân nhân cùng bác sĩ Hiển hiểu rằng quí vị cùng những người cùng khổ, trong đó có những anh em phế binh, ở quê nhà là bạn đồng hành tri kỷ, tâm đầu ý hợp. Chúng ta có thể kết nghĩa và trao đổi với nhau những điều hiểu biết. Tôi tin rằng chúng ta có thể cùng nhau kết hợp thành một cánh chim mang thông điệp tự do, hạnh phúc và niềm vui, bay khắp bầu trời Việt Nam phân phát cho những người thiếu thốn.   
Hơn hai mươi hai năm qua, quê hương này đang mòn mỏi chờ đợi cánh chim cứu khổ. Chỉ cần một tiếng hô vang lên muôn vạn bàn tay sẽ vung lên sang bằng bất công và áp bức.   
Soạn và viết lại theo lời của Lưu Tử   
(hết)

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn: A22  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 21 tháng 6 năm 2005